

BRAM STOKER



BÁ THỐC

Dracula

vh NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC

BRAM STOKER

BÁ THỐC Dracula

Nguyên tác Dracula (1897)

Nguyễn Tuyên dịch



NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC
NĂM 2005

GIỚI THIỆU

Dracula là tên một nhân vật có thật, một nhân vật gợi lại những kỷ niệm đau đớn và tàn bạo của lịch sử Rumani. Theo lời của Hary Ludlam, người viết tiểu sử của tác giả *Bram Stoker*, *Dracula* là một lãnh chúa khét tiếng hung bạo ở xứ Valachie hồi thế kỷ thứ XV. Sự dã man phi nhân tính của kẻ bạo chúa này đối với người Thổ được những người cùng thời ghi lại trong hai bản thảo viết tay, trong đó có một bản mô tả hấn như một bóng “ma cà rồng” với những lời lẽ như Stregoica - phù thủy, Ordog - quỷ Satan và Pokol - địa ngục?

Sử sách ghi rằng trong các cuộc chiến đẫm máu chống lại người Thổ ở Valachie và Transylvanie, những người thuộc dòng dõi quý tộc *Dracula* luôn tỏ ra hung bạo và khát máu.

Người đứng đầu các chiến binh này là *Dracula*, một nhân vật mang đầy đủ những tính cách hắc ám nhất khiến người đương thời nghi hấn có dính líu đến quỷ dữ. Trong những lời truyền tụng của người xưa có đoạn:

“Hắn cho chôn tù binh đến rồn rồi ra lệnh hạ sát cả loạt... hoặc cho lấy dùi xiên vào những kẻ bại trận và nếu giãy giụa quyết liệt quá, họ sẽ bị đóng cọc ghim bàn tay xuống đất. Có lần hấn còn cho quăng một tên trộm vào vạc nước sôi rồi cho xẻo thịt bắt người nhà của tên tội đồ phải ăn ngay trước mặt quần thần. Hấn còn tự tay mổ bụng một người vợ đang mang thai để xem đứa con trong bào thai... Đến Saint Barthelemy, hấn ra lệnh giết chết ba mươi ngàn người vô tội, đến Schylta, hai mươi năm ngàn... Hấn cho treo ngược tóc những người hấn không thích, cho chém tù binh để lấy thủ cấp mời những kẻ thù khác ăn và rồi lại ra lệnh cho chém các thực khách này vào lúc tàn bữa. Ba trăm khách du mục tới xứ sở của hấn đều bị hấn bắt xâu xé lẫn nhau. Hấn cho nấu chín con trẻ rồi bắt các bà mẹ của chúng phải ăn. Hấn sai cắt vú đàn bà và bắt đàn ông phải ăn...”

Hình ảnh và tính cách man rợ, khát máu của nhân vật có thật trong lịch sử này đã được *Bram Stoker* mượn để xây dựng thành một hình tượng mang màu sắc kỳ bí có tính cách ma quái theo những lời truyền tụng dân gian của người châu Âu, đặc biệt là người Rumani. Theo tiếng Rumani, “*Dracula*” được dùng để chỉ thói tham tàn của những kẻ xấu xa, nhưng đồng thời nó cũng là lời ám chỉ “*ma cà rồng*” một tưởng tượng rất phổ biến trong dân gian Rumani và các nước lân cận. Theo tín ngưỡng của người Rumani, linh hồn của người chết chỉ lìa khỏi thể xác khi được một linh mục chính thống giáo rút phép thông công trong nhà thờ, nếu không xác người chết sẽ không thể thối rữa và sẽ biến thành ma quỷ để rồi lại có ngày đi hút máu của những người đang sống.

Theo truyền thuyết của người Rumani, “*ma cà rồng*” có thể biến thành các giống vật như chó, mèo, cóc nhái, chấy rận, nhện... Đặc điểm chung của các con vật ma quái này là đều thích cắn cổ và hút máu người sống, đặc biệt là trẻ em và phụ nữ. Tuy nhiên, những người nông dân Valachie (Rumani) lại quan niệm rằng “*ma cà rồng*” không mang hình hài của loài dơi hay bất cứ một loài vật nào kể trên, và những bóng ma đội lốt thú vật này cũng không nhất thiết phải cắn vào cổ nạn nhân để hút máu.

Trong suy tưởng của họ, “*ma cà rồng*” thường mang hình hài của một con chó sói (như mô tả trong tiểu thuyết của *Bram Stoker*); thú vui của con sói này là lang thang đi khắp chốn đồng quê để giết chết và hút máu tất cả các gia súc, gia cầm mà nó gặp trong đêm, chính vì vậy mà con “*ma sói*” có thể mãi mãi giữ được cái làn da tươi trẻ và mọng máu của nó. Họ còn cho rằng “*ma sói*” không bao giờ chết hẳn và mỗi lần sống lại, nó lại như tiếp thêm sức mạnh sau những lần no máu. Vì vậy, mỗi khi phải chôn một người quá cố, họ thường đặt ngay bên cạnh anh ta một mẩu bánh và một đồng xu bạc. Sau đó, họ sẽ đặt vài cục đất lên bụng và một hòn đá thật nặng lên đầu, hoặc lên hai chân của người chết khiến cho thầy ma không thể ngóc đầu dậy để đi ám người khác...

Có thể thấy một điều rằng khác với văn học và các câu chuyện dân gian của phương Đông - nơi các bóng ma không phải lúc nào cũng bị coi là thế lực tà ác - văn học và truyền thống dân gian phương Tây thường xem bóng ma là hiện thân của cái ác và luôn mang đến sự chết chóc, tai họa cho thế gian. Trong khi ma của văn học phương Tây thường hóa thân vào những con vật ghê tởm hoặc mang nguyên một hình nhân quái dị và thường trú ngụ trong những tòa lâu đài cổ u tịch, những ngôi nhà lâu ngày không người ở, những khu vườn, cánh rừng hoang dại, hoặc lúc ẩn lúc hiện trên các đường phố tối tăm, vắng tanh của một thành phố chết, thì ma của người phương Đông lại có thể hóa thân vào bất cứ một sự vật hoặc muông thú nào - từ gốc cây gạo đến một bóng chim bay qua cửa, từ con bướm trắng đến cái chổi cùn nằm ở một xó nhà bỏ hoang... và thường hay xuất hiện ở đình, đền miếu mạo hoặc ở ngay tại nơi mà người đã khuất còn mắc ân tình, duyên nợ... chưa trả với người còn sống.

Giải thích sự khác biệt này không phải là điều khó, bởi đơn giản là vì triết lý về vạn vật của người phương Tây có nhiều khác biệt với người phương Đông. Người phương Tây ưa khoa học và sự rạch ròi, trong khi người phương Đông thích sống chan hòa với thiên nhiên, xuất phát từ tự nhiên và trở về với tự nhiên.

Các truyện kỳ ảo của phương Đông thường để lại cho người đọc một cảm giác hư hư thực thực, mờ mờ ảo ảo như ở trong một thế giới vừa xa lạ lại vừa gần gũi với con người. Ngược lại, trong văn học kinh dị của phương Tây, người ta dễ dàng phân biệt được hai mảng màu sáng và tối, thiện và ác, thực và hư, ân oán và hận thù, sự sống và cái chết... Chưa hết, các nhân vật ma quái trong văn học phương Đông không phải lúc nào cũng xấu xa, tội lỗi và nhiều khi còn mang những nỗi niềm nhân tình thế thái, những buồn vui u hoài hoặc cũng có thể tận số, mặt vận như một kẻ đang sống.

Có thể nhận ra đặc điểm nổi bật của văn học kỳ ảo phương Tây trong tác phẩm của các nhà văn như Arthur Machen, Sax Rohmer, Théophile Gautier,

Rachard Mathenson hoặc Guillaume, Maupassant, Balzac, Tsekhov...

Quay trở lại với *Bram Stoker*, có thể thấy rõ một điều rằng nhìn chung, tiểu thuyết của ông cũng không nằm ngoài tư tưởng chủ đạo của văn học kỳ ảo phương Tây. Đối với *Bá tước Dracula*, ta có thể chia ra làm hai vế rõ ràng: một vế giữ nguyên các câu chuyện được lưu truyền trong dân gian có thật, tức là các tín ngưỡng và các thực tiễn lịch sử, vế còn lại là phần sáng tạo vì mục đích văn học của tác giả. *Bram Stoker* biết sử dụng các chất liệu chuyện kể dân gian phương Tây, các tài liệu và sử ký cổ xưa để xây dựng một nhân vật lịch sử thành một nhân vật văn học hoang đường mà vẫn giữ nguyên được màu sắc, tính cách được truyền tụng qua bao đời về con người đó: thật vẫn thật, hoang đường vẫn hoang đường, bởi chính người Rumani ngày nay vẫn không thể khẳng định *Bá tước Dracula* ngày xưa có giao du với ma quỷ, hút máu người hay không? Đối với người Rumani, tất cả bây giờ chỉ là một dĩ vãng xa xôi từng nuôi sống một tín ngưỡng qua bao đời. Dĩ vãng ấy nói rằng *Dracula* là một xác chết rời khỏi mộ vào ban đêm để kiếm ăn: ngu ồn sống giúp nó tồn tại chính là sức sống của những người còn sống, chính ngu ồn sống ấy đã giúp nó giữ nguyên được thể xác qua nhiều thế kỷ! Do đã sống một cuộc sống đầy tội ác và đặc biệt là đã phó thác cuộc sống ấy cho tà đạo và ma thuật nên *Bá tước Dracula* đã phải biến thành quỷ. Sự hoán đổi giữa người chết và người sống trong các câu chuyện hoang đường phương Tây thường được hỗ trợ bởi các thông ước của ma quỷ với các thế lực của thần. Tội lỗi hoặc của một cái gì đó tương tự nơi địa ngục. Bởi vậy, chỉ cần hút máu người sống là “*ma cà rồng*” không thể chết, và tất cả những người bị “*ma cà rồng*” hút máu lại trở thành “*ma cà rồng*”.

Trong tiểu thuyết của *Bram Stoker*, giáo sư Van Helsing có nói rằng:

“Nosferatu (con ma) không thể chết như loài ong mà ngược lại, mỗi khi cắn vào con mồi, nó lại tìm được một sức sống mới”. “*Ma cà rồng*” không thể chết định mệnh, mà chỉ có thể chết phi mệnh. Mặc dù luôn được coi là thần hộ mệnh của các nước Thiên Chúa giáo, nhưng cây thánh giá vẫn

không phải là một vũ khí có hiệu quả chống lại ma quỷ trong các câu chuyện kinh dị phương Tây. Người ta chỉ có thể giết chết con ma bằng cách đâm một cây cọc hoặc một vật nhọn khác vào giữa trái tim nó. Những lớp bụi mờ tứ tán chính là cách thể hiện cái chết của “*ma cà rồng*”. Chúng ta có thể thấy chi tiết này qua hình ảnh của các nhân vật phản diện trong *Bá tước Dracula*.

Tuy nhiên, *Bram Stoker* không chỉ dừng lại ở những đặc điểm mang tính truyền thống đúc kết từ văn học dân gian Rumani, mà ông còn thêm một số chi tiết vào tác phẩm của mình cho sinh động hơn. Ví dụ, trong tác phẩm của ông, không ít lần chúng ta thấy có sự xuất hiện của loài dơi một con vật không có trong các câu chuyện của người Rumani. Việc nhân vật anh hùng Van Helsing dùng hoa tỏi để xua đuổi tà ma ở phòng bệnh nhân Lucky cũng là một nét mới, thậm chí còn trở thành một chủ đề cho điện ảnh rùng rợn khai thác trong suốt một thời gian dài. Cũng như vậy, chúng ta có thể bắt gặp những chi tiết như “*ma cà rồng*” không có bóng và cũng không hề được phản chiếu trong gương... Đây là những chi tiết không có trong dân gian và văn học kỳ ảo phương Tây trước đó; và chúng ta cũng nên biết rằng chỉ sau tiểu thuyết *Bá tước Dracula*, các tác phẩm văn học, sân khấu và sau này điện ảnh kỳ ảo của phương Tây mới có sự đổi mới đáng kể về nội dung và hình thức.

Nếu xét về truyền thống thì kịch bản của tiểu thuyết *Bá tước Dracula* cũng giống như phần lớn các chuyện kể dân gian phương Tây: nhân vật Jonathan rời quê hương đến một địa chỉ xa xôi để rồi phải đương đầu với vô vàn khó khăn, nguy hiểm trong suốt cuộc hành trình và khi sắp đến đích, anh khiếp đảm vì một bóng ma bất ngờ xuất hiện ngay trước mặt. Nhưng anh không biết sẽ phải làm gì, bởi không phải bản năng thích phiêu lưu mà là công việc kinh doanh bắt buộc anh phải tới Transylvanie. Anh không tìm thấy một kho báu hay bất cứ một khám phá nào khác để có thể làm rạng danh cho đời. Cuộc hành trình kết thúc trong sự sợ hãi, nỗi thất vọng và cả sự ám ảnh của những hình hài ma quái, mặc dù anh luôn được cảnh báo

trước những sự việc nguy hiểm đang chờ đợi mình. Con đường dẫn tới Transylvanie - với một đoạn văn tả cảnh đẹp nhất có thể có trong văn học kỳ ảo của mọi thời đại luôn không thiếu những điếm gở, chẳng hạn như bóng dáng một nghĩa địa lạnh lẽo hoặc những tiếng tru thê thảm của loài lang sói trong đêm đen. Tuy nhiên, đoạn văn tả cảnh bậc thầy này chỉ được đưa vào tác phẩm vào năm 1914 với tựa đề “*Khách mời của Dracula*”, các lần trước đó đều không thấy có. Đoạn văn thực ra là một lời cảnh báo nghiêm túc đối với Jonathan: nó muốn anh hãy từ bỏ cuộc viễn du, quên đi mục đích của cuộc hành trình, không được liêu lĩnh dẫn thân vào nguy hiểm trên đường tới Valachie. Trong một đoạn văn khác, chúng ta còn thấy Jonathan thoát khỏi cái chết trong gang tấc, bởi trong lúc bất cân, anh đã vô tình để mình trở thành một con mồi quyến rũ của ba ả đàn bà tuyệt đẹp nhưng dâm dăng cũng chính là ba bóng “*ma cà rồng*” đáng ngờ được sinh ra nhờ ánh trăng lọt qua cửa sổ một căn phòng địa phủ... Cảnh này khiến chúng ta có cảm tưởng rằng Jonathan cũng giống như các tín đồ tôn giáo chờ được thụ pháp trong các nền văn minh cổ xưa: anh phải chịu một thử thách được hiện thân trong thân thể một người đàn bà thật quyến rũ, và kết quả anh có biết chống lại cám dỗ hay không sẽ là điều kiện để anh được bất tử hay phải chết.

Trong khi đó, *Bá tước Dracula* lại chọn một hành trình ngược lại, nhưng đó không phải là một con đường cuối cùng để có thể quay trở lại điểm xuất phát.

Lão là kẻ bị trừng phạt bởi những tội ác đã gây ra. Lão hoàn toàn bị cô lập trước những người đang ra sức chống lại lão, của sự thèm khát được an toàn, của chủ nghĩa anh hùng cổ điển phương Tây. Chúng ta cũng có thể nhận thấy rằng một số nhân vật trong tiểu thuyết của *Bram Stoker* không có tính cách thực sự; họ phụ thuộc vào quyền sở hữu của bá tước mặc dù không hề được một lần trông thấy lão, chẳng hạn trường hợp của nhân vật Renueld. Tất cả chỉ tồn tại bởi hấn, qua hấn và người ta chỉ biết tới hấn qua những thư trao đổi hoặc những dòng nhật ký riêng tư của nhân vật

khác. Không có nhân vật nào trong tác phẩm thể hiện sự kính phục hoặc lòng tôn trọng đối với siêu nhiên: chỉ sự quái gở của sự việc mới làm nổi bật từng nhân vật trong kịch bản. Cái đáng sợ ở nhân vật *Dracula* không chỉ thể hiện ở chỗ lão có thể sai khiến cả đàn thú hoang dã hoặc làm thay đổi sự việc theo ý muốn, mà còn ở chỗ lão có thể mò tới thành Luân Đôn để biến các mạng sống khác thành những thầy ma như hắn sau nhiều thế kỷ chuẩn bị! Sức mạnh của hắn được nhân dần lên và mở rộng dần ra, từ một điểm rất nhỏ có thể trải rộng ra toàn thế gian.

Khi Jonathan và những người bạn của anh biết được ngọn nguồn của mối nguy hiểm để tìm ra một phương án đối phó thì đã quá muộn. Tuy nhiên, vòng vây của những kẻ không đội trời chung vẫn cứ siết nhỏ dần, nhỏ dần xung quanh *Dracula*. Chúng ta có thể cảm nhận được cao trào của câu chuyện trong một đoạn văn mô tả các nhân vật chính cưỡi ngựa phi nước đại về phía trung tâm của mọi mối nguy hiểm - nơi đặt quan tài của thầy ma *Dracula*, dưới sự bảo vệ của những người Bohemia trong khi mối nguy hiểm cứ lớn dần trong một thời gian ngắn ngủi.

Xét trên phương diện kỹ thuật, tác giả đã rất khéo léo trong bút pháp khi chủ ý để các nhân vật tỏ thái độ không khâm phục *Bá tước Dracula*, bởi nếu làm ngược lại, cái kỳ ảo trong câu chuyện sẽ bị lộ liễu thô thiển trước khi phai nhạt dần rồi chìm ngấm vào cái thần bí mờ mịt. *Bram Stoker* thích một khoảng không gian cách biệt để có thể hạn định cõi ngu ồn gây nên nỗi kinh ngạc và sự lo sợ, để rồi lại phá tan những cảm giác mơ hồ này theo cách tốt nhất. Ông cũng tỏ ra thật hoàn hảo trong việc sử dụng nhiều chất liệu tản mạn có trong kho tàng truyện kỳ ảo truyền thống của phương Tây để lồng vào lời kể của mình một cách tự nhiên nhất. Kỹ thuật ấy càng đắt hơn khi ông biết cách tạo nên một khoảng không khí, không gian có sức thôi thúc gợi cảm theo cấp độ tăng dần.

Cuộc hành trình đầy gian nguy của Jonathan từ Luân Đôn đến Transylvanie thực ra chỉ có chung một vai trò gợi mở như chính con người Renueld, cho dù hắn chưa một lần rời khỏi trại tâm thần. Sự xuất hiện của

người Bohemia đầy màu sắc dân gian địa phương ở một số cảnh đẹp như tranh vẽ âu cũng chung một tác dụng là mang lại một hiệu quả văn học như các cuộc tìm kiếm của giáo sư Van Helsing trong các thư viện ở châu Âu. *Bá tước Dracula* không lập tức đưa người đọc lạc ngay vào một thế giới kỳ ảo, mà cái bí ẩn chỉ thực sự hé mở khi có sự xuất hiện ngày một rõ của lực lượng siêu nhiên.

Chi tiết những bóng “*ma cà rồng*” bị đâm cọc và biến thành cát bụi chỉ là một sự hư không hóa những gì được gọi là siêu nhiên; tuy nhiên, độc giả không vì thế mà thất vọng, bởi việc hành quyết của một thế giới đối với một thế giới khác cũng chỉ xảy ra khi độc giả bắt đầu khám phá ra thiện ác. Và sau khám phá này, thế giới xung quanh chúng ta không còn được đảm bảo nữa; bóng ma đã bị ngăn chặn ở một nơi xứng đáng với nó, nhưng ai dám đảm bảo rằng ngày mai sẽ không còn một bóng ma nào chui ra từ một chiếc quan tài khác? Cuối tiểu thuyết là cảnh Jonathan cùng gia đình trở lại thăm mảnh đất mà ngày trước anh đã từng bị *Bá tước Dracula* ám. Tất cả dường như đã kết thúc một cách tốt đẹp nhất trên một thế giới tốt đẹp nhất... Song cũng dường như vẫn còn một cái gì đó không ổn định, một cái gì đó hiển hiện, như muốn chứng tỏ rằng “*ma cà rồng*” vẫn còn tồn tại trên cõi đời này!

Vâng, dường như đi đâu trái khoáy thường hay xuất hiện đúng vào lúc ta thanh thản nhất hoặc lúc ta ít ngờ tới nhất!

KHÁCH MỜI CỦA DRACULA

Lúc tôi chuẩn bị đi dã ngoại, ông mặt trời còn đang tỏa những tia nắng vàng rực rỡ trên bầu trời Munich, và không gian cũng chan chứa niềm vui khôn tả của riêng buổi đầu hè.

Chiếc xe ngựa vừa chuyển bánh thì Delbruck (ông chủ khách sạn tôi đang ở) vội vàng chạy theo chúc tôi một cuộc dạo chơi tốt đẹp, rồi tay vẫn bám vào cửa xe, dặn với theo tay xà ích:

— Này, anh phải quay về trước chiều tối đấy, biết chưa? Thời tiết tuy rất đẹp, nhưng nói gì thì nói, những trận gió từ phương Bắc tràn tới có thể mang theo giông tố vào bất cứ lúc nào. Tất nhiên, tôi cứ dặn thế cho chắc, vì anh thừa biết là đêm nay tôi không được phép lên đường chậm trễ!

Nói tới câu cuối cùng, ông ta cười cười.

— Ja, mein Herr!^[1] - Johann gật đầu đồng ý. Gã đưa tay sửa mũ rồi quát cho ngựa chạy thật nhanh.

Khi xe vừa chạy ra khỏi thành phố, tôi ra hiệu cho tay xà ích dừng lại và đột ngột hỏi:

— Johann này, tại sao ông chủ lại nói về đêm nay như vậy?

Tay xà ích vừa khua tay vừa trả lời cộc lốc:

— Walpurgis Nacht!^[2]

Dứt lời, gã rút trong túi ra một chiếc đồng hồ cổ của Đức bằng bạc và to như một củ cải; gã nhú mắt xem giờ, rồi nhún vai tỏ vẻ không bằng lòng.

Tôi hiểu đó là một cử chỉ phản đối khá lịch sự trước sự dừng xe mất thời gian vô ích này, và tôi chẳng thể làm gì khác ngoài việc ngả lưng ra sau xe.

Chiếc xe lại lập tức chuyển bánh như muốn lấy lại quãng thời gian ngắn ngủi đã để mất. Trên đường đi, thỉnh thoảng mấy chú ngựa lại đột ngột ngóc đầu, hít mũi phì phì - dường như có một thứ mùi gì đó đang làm

chúng sợ. Và cứ mỗi lần nhìn thấy chúng phản ứng như vậy, bản thân tôi cũng chợt cảm thấy lo lo.

Từng cơn gió bắt đầu ào ạt thổi tràn trên con đường vì xe chúng tôi đã bò lên sườn đồi được một lúc và đang chuẩn bị lên một cao nguyên. Lát sau, trước mắt tôi chợt hiện ra một con đường mà thoát nhìn, tôi cũng nhận ra là ít có bước chân người qua lại. Đường như con đường dẫn sâu vào một thung lũng hẹp.

Tôi rất muốn đi vào con đường đó, và mặc dù biết là làm phiền Johann, tôi vẫn kêu gã cho dừng xe một lần nữa. Tôi giải thích với gã rằng tôi thêm được xuống đường. Gã lập tức tìm mọi lý do để thoái thác, nói rằng đó là đi đâu không thể được. Trong lúc giải thích, gã không ngừng khoa tay múa chân ra hiệu cho tôi hiểu. Trí tò mò của tôi bắt đầu bị đánh thức, và tôi đã đặt ra cho gã vô số các câu hỏi. Gã luôn trả lời thoái thác và thỉnh thoảng lại liếc mắt nhìn đồng hồ, vẻ khó chịu. Cuối cùng thì tôi cũng không thể kiên chế được nữa.

— Johann, tôi muốn được xuống con đường đó. Tôi không bắt anh phải đi theo tôi, nhưng tôi muốn biết tại sao anh không chịu đi xuống dưới ấy?

Thay vì trả lời, tay xà ích nhảy tót ra khỏi ghế. Chân vừa chạm đất, gã vội vàng chấp tay cầu xin tôi đừng đâm đầu về phía ấy. Gã nói lẩn lộn cả tiếng Anh và tiếng Đức cho tôi hiểu. Đường như từ đầu đến giờ gã vẫn định nói với tôi một đi đâu gì đó - một đi đâu luôn làm gã lo sợ, nhưng lần nào gã cũng trấn tĩnh lại được và chỉ nhắc đi nhắc lại một câu, trong khi tay không ngừng làm dấu thánh:

— Walpurgis Nacht! Walpurgis Nacht!

Tôi muốn tranh luận một chút, nhưng rõ ràng là không thể được vì tôi đâu có hiểu ngôn ngữ của người đối thoại! Gã có lợi thế hơn tôi, bởi dẫu sao thì gã cũng có thể nhồi vài từ tiếng Anh vào những câu tiếng Đức của gã. Cuối cùng, gã lại nhìn vào chiếc đồng hồ để nhắc tôi hiểu cái mà tôi phải hiểu. Đàn ngựa kéo xe cũng bắt đầu hết kiên nhẫn, chúng lại khịt khịt mũi một lần nữa. Thấy vậy, bộ mặt tay xà ích bỗng tái mét lại. Gã lấm lét

nhìn quanh, vẻ khiếp sợ. Rồi gã hốt hoảng chộp lấy dây cương xua lũ ngựa bước lên vài bước. Tôi chạy theo hỏi gã tại sao lại phải rời khỏi chỗ chúng tôi vừa dừng xe lúc nãy. Gã cứ cầm đầu đánh xe về phía con đường đối diện, rồi chỉ tay về phía một cây thánh giá nằm cạnh chỗ dừng xe lúc đầu. Gã trả lời tôi bằng tiếng Đức, rồi nói tiếp bằng một thứ tiếng Anh lơ lớ:

— Đó chính là chỗ người ta đã chôn một kẻ tự tử.

Tôi chợt nhớ tới tập quán cổ hủ muốn chôn những kẻ tự tử ở gần các ngã ba, ngã tư đường của người dân xứ này.

— À? Đúng rồi, một kẻ tự sát... Hay thật...

Nhưng tôi vẫn không tài nào hiểu được tại sao lũ ngựa lại sợ hãi đến như vậy.

Trong lúc tiếp tục nói chuyện, chúng tôi chợt nghe thấy một tiếng kêu vừa như tiếng ăng ăng, lại vừa như một tiếng sủa từ đâu vọng tới. Chắc chắn là âm thanh đó vọng tới từ rất xa, song không hiểu sao lúc này lũ ngựa lại hoảng loạn đến thế, phải trầy trật lắm Johann mới kìm chúng lại được.

Gã quay sang nói với tôi, giọng run run:

— Tôi tin rằng đó là tiếng chó sói, mặc dù ở đây không còn cái giống ấy nữa.

— Thế à? Không còn ư? Có đúng là từ lâu không còn con sói nào bèn mảng tới gần thành phố không?

— Từ rất, rất lâu rồi, ít nhất là vào mùa xuân và mùa hè, nhưng thỉnh thoảng người ta vẫn gặp chúng xuất hiện trở lại khi có tuyết rơi.

Gã đưa tay vuốt ve đàn ngựa, cố làm chúng trấn tĩnh khi ánh mặt trời bỗng chốc bị những đám mây nặng nề và đen kịt che kín. Gần như cùng lúc đó, một trận gió lạnh gai người bất ngờ ập tới - nói đúng hơn, đó chỉ là một luồng gió lạnh duy nhất xuất hiện như một dấu hiệu báo trước đi đầu đen tối, bởi một lát sau, tôi lại thấy ánh mặt trời lộ rạng trở lại. Lấy bàn tay che mắt, Johann nheo nheo nhìn về phía chân trời rồi quay sang bảo tôi:

— Bão tuyết đấy, chẳng mấy chốc nó sẽ ập tới đây cho mà xem.

Gã liếc nhìn đống hồ một lần nữa rồi quả quyết nắm chặt chùm dây cương. Chắc chắn là sự căng thẳng của lũ súc vật đã làm gã hình dung ra một điều gì tồi tệ nhất. Gã leo lên ghế như thể đã đến lúc tiếp tục phải lên đường.

Về phần mình, tôi vẫn muốn gã giải thích thêm cho tôi một điều gì đó.

— Vậy thì con đường nhỏ mà anh nhất định không chịu dẫn tôi vào ấy chạy tới đâu? - Tôi gặng hỏi.

Gã lại làm dấu, miệng lầm bầm cầu nguyện mấy câu rồi mới chịu trả lời tôi:

— Cấm không được đi tới đó.

— Cấm tới đó là tới chỗ nào?

— Tới ngôi làng.

— Sao! Dưới đó có một ngôi làng à?

— Không, không. Đã nhiều thế kỷ nay, ở đó không còn ai sống nữa.

— Nhưng anh vừa nói tới một ngôi làng kia mà?

— Vâng, quả thật là ở đó từng có một ngôi làng.

— Thế bây giờ thì sao?

Tay xà ích kể cho tôi nghe một câu chuyện dài bằng cả tiếng Đức lẫn tiếng Anh lẫn lộn và rối rắm khiến đầu óc tôi mệt mỏi. Tuy nhiên, tôi vẫn tính là mình hiểu được rằng ngày xưa, cách đây hàng trăm, hàng trăm năm, có rất nhiều người đã chết ở ngôi làng này và họ đều được chôn ngay ở trong làng. Thế rồi người ta bỗng nghe thấy những tiếng động vọng lên từ lòng đất, và khi các ngôi mộ được mở ra, những người đàn ông, và cả đàn bà nữa, bỗng nhiên sống trở lại, nhưng trên môi người nào cũng nhuộm đỏ một màu máu tươi. Vậy là để cứu vớt cuộc đời của đám người này (và trước hết là để cứu rỗi linh hồn của họ - Johann vừa giải thích vừa làm dấu), người làng đã phải bỏ sang các ngôi làng khác, nơi có những người sống đang sống và những người chết thì đã thực sự chết, chứ không phải... không phải là một điều gì khác. Tôi thấy rõ ràng là tay xà ích định nói một

từ gì đó ở cuối câu nhưng lại không dám, có lẽ chính bản thân gã cũng cảm thấy khiếp sợ cái đi đầu mà gã định nói. Trong lúc tiếp tục câu chuyện, có vẻ như gã càng lúc càng bị kích động hơn. Đúng là trí tưởng tượng của gã đã cuốn gã đi. Gã kết thúc câu chuyện trong một bộ dạng hoảng hốt thật sự: mặt mày tái nhợt như một xác chết, trán đẫm mồ hôi, người run rẩy, mắt lo lắng nhìn quanh như đang chờ đợi một sự xuất hiện đáng ngờ nào đó trên đồng cỏ ngút ngàn, nơi mặt trời vẫn đổ tràn ánh nắng vàng rực rỡ. Cuối cùng, hắn lại buột miệng kêu lên một tiếng xé lòng và đầy vẻ thất vọng:

— Walpurgis Nacht!

Gã chỉ tay lên chiếc xe ngựa như muốn van nài tôi trở về chỗ.

Dòng máu Anh trong tôi bắt đầu bốc lên tận mặt. Tôi lùi lại một, hai bước rồi bảo gã người Đức:

— Johann, thì ra là anh sợ! Vậy thì anh cứ quay về Munich đi, tôi sẽ về đó một mình cũng được. Kẽ ra dạo bộ một chút cũng hay đấy chứ!

Cửa xe vẫn mở ngỏ, tôi vói tay cần cây ba toong mà tôi vẫn thường dùng trong những ngày nghỉ.

— Ủ, anh cứ quay về Munich trước đi, Johann ạ - Tôi nhắc lại. - Walpurgis Nacht, đi đầu đó chẳng có nghĩa lý gì với người Anh hết.

Lũ ngựa mỗi lúc một căng thẳng hơn, Johann lại phải đánh vật để giữ chúng lại. Gã khấn khoản nài nỉ tôi đừng làm cái đi đầu điên rồ như vậy. Tôi bỗng cảm thấy thương hại cho gã thanh niên lúc nào cũng canh cánh một nỗi khiếp sợ mơ hồ trong lòng. Tuy nhiên, tôi vẫn không nhịn được cười.

Nỗi sợ hãi đã làm gã quên mất một đi đầu rằng để bày tỏ nỗi lòng cho tôi hiểu, gã phải nói bằng tiếng Anh, vậy mà gã lại cứ lúng túng mãi bằng tiếng Đức. Tôi buộc phải chỉ tay về phía con đường gã phải đi mà kêu lên: “Về Munich trước đi!” Rồi quay phắt lại. Tôi quyết định xuống thung lũng một mình.

Tay xà ích người Đức miễn cưỡng đánh ngựa quay về hướng Munich trong một tâm trạng thất vọng. Tôi chống ba toong đưa mắt nhìn theo:

chiếc xe ngựa từ từ đi xa dần. Vừa lúc đó trên đỉnh đồi bỗng xuất hiện bóng dáng một người đàn ông một gã đàn ông cao lớn nhưng gầy ốm, dù khoảng cách còn rất xa, nhưng tôi vẫn nhìn rõ. Thấy gã đàn ông bước lại gần, lũ ngựa bỗng lồng lên hoảng loạn, tất cả đều nháy nhót điên cuồng. Johann không còn làm chủ được chúng nữa, chúng đột ngột chồm lên như hóa dại. Loáng một cái, chiếc xe ngựa đã biến mất; tôi đưa mắt tìm kẻ lạ mặt, nhưng cả gã cũng biến mất từ lúc nào.

Tôi dấn thân vào con đường đã làm cho Johann sợ phát khiếp, trong lòng cảm thấy thật nhẹ nhõm. Tại sao gã phải sợ đến thế? Đó là điều tôi không sao hiểu nổi. Tôi đã cuộc bộ được khoảng hai tiếng đồng hồ rồi mà vẫn chưa gặp một bóng người nào. Đây quả là một chốn hoang vắng đến lạnh người. Tuy nhiên, tôi chỉ chợt nhận ra điều này khi tôi khúc quanh của con đường: tôi đang đứng trước một bìa rừng thưa thớt cây cối. Quả thực là chỉ khi đó tôi mới hiểu cái cảm giác mơ hồ mà nỗi quạnh hiu ảm đạm của xứ sở này đang để lại trong tôi.

Tôi ngồi xuống rìa đường nghỉ xả hơi và tranh thủ đảo mắt quan sát mọi cảnh vật xung quanh. Dường như tiết trời đã trở nên lạnh hơn nhiều so với lúc đầu tôi đi dạo. Vừa lúc đó, tôi bỗng nghe thấy tiếng một âm thanh kỳ lạ giống như một hơi thở dài, thỉnh thoảng lại bị ngắt quãng bởi một tiếng gầm gào ngàn ngạt. Trên bầu trời, từng đám mây khổng lồ bỗng ùn ùn từ phương bắc ập đến. Chắc chắn là một cơn giông đang sắp đổ ập xuống đây. Tôi chợt rùng mình.

Nghĩ rằng ngồi nghỉ như vậy sau hai tiếng đồng hồ cuộc bộ là quá nhiều, tôi quyết định tiếp tục lên đường.

Cho dù cơn giông sắp đổ ập xuống, nhưng phong cảnh trước mắt tôi vẫn đẹp đến huyền diệu. Tôi có cảm giác nơi đây như một chốn thần tiên. Buổi chiều tà đang hắt xuống những tia nắng yếu ớt cuối cùng; lúc hoàng hôn đổ bóng xuống cánh rừng cũng là lúc tôi loay hoay định hướng về Munich. Ánh huy hoàng của buổi chiều lúc này đã trở thành một thứ ánh sáng hắt hiu, tiết trời mỗi lúc một lạnh hơn, những đám mây cũng trở nên đáng sợ

hơn, chúng vẫn ùn ùn kéo đến cùng với những tiếng gầm rít mờ hồ xa xa. Âm thanh ghê rợn đó thỉnh thoảng lại vọng tới, giống hệt những tiếng kêu bí ẩn mà lúc này gã đánh xe ngựa vẫn cho là tiếng tru của chó sói. Tôi bỗng dâm ra do dự. Tuy nhiên, như đã nói, tôi muốn được thấy ngôi làng bị bỏ hoang, nên vẫn quyết định tiếp tục lên đường và chẳng mấy chốc đã tới một bình nguyên trải rộng hút tầm mắt nằm giữa những ngọn đồi um tùm cây cối. Phóng tầm mắt ra xa, tôi nhận thấy một nẻo đường quẹo quanh co khúc khuỷu: con đường mất hút ở một khúc quanh, sau một bụi cây rậm rạp mọc ngay dưới chân một ngọn đồi.

Tôi đang mải ngắm bức tranh ấy thì một luồng gió lạnh bất thần thổi ào tới; tiếp sau đó là những bông tuyết bắt đầu rơi. Tôi bắt đầu nghĩ đến những dặm đường mà mình phải đi khắp chốn hoang vu này và vội vàng mò tới trú dưới bụi cây trước mặt. Bầu trời vẫn đang tối sầm từng phút, các bông tuyết rơi xuống mỗi lúc một nhanh và dày đặc hơn. Cứ đà này, chẳng mấy chốc cảnh vật trước mắt tôi sẽ biến thành một tấm thảm trắng xóa mờ mịt khiến tôi chẳng còn phân biệt được gì nữa. Mặc kệ, tôi vẫn tiếp tục lên đường. Nhưng con đường lúc này đã trở nên rất tối; các rìa đường chỗ thì bị xóa nhòa lẫn vào các cánh đồng, chỗ thì lẫn với bìa rừng, tuyết đã làm cho mọi thứ trở nên không còn đơn giản như nguyên bản của nó; chỉ mới đi được một đoạn ngắn mà tôi đã nhận ngay ra là mình đã đi chệch đường, bởi tôi đang giẫm lên một lớp cỏ mềm mềm dưới lớp tuyết trắng. Gió bắt đầu thổi dữ dội, tiết trời lạnh thấu xương, tôi phải chịu thử thách thật sự mặc dù vẫn làm hết sức mạnh để tiến về phía trước. Những cơn lốc tuyết gần như không cho tôi mở to mắt. Thỉnh thoảng lại có một tia chớp bất ngờ lóe lên xé toang những đám mây lao xuống, đó là những lúc tôi kịp nhận ra những bóng cây lớn trước mặt, nhất là những cây bách và cây thông đỏ.

Đứng trú dưới những tán lá cây, tôi chẳng còn nghe thấy gì khác ngoài tiếng gió rít trên đầu. Sự u tối do cơn giông tố mang tới đang bị cái bóng tối của đêm đen nuốt chửng... Nhưng rồi cơn bão tuyết dường như cũng

sắp sửa qua đi, những trận cuồng phong cũng bắt đầu thưa dần, và mỗi lần gió ngớt, tôi lại có cảm tưởng như cái tiếng kêu bí ẩn, gần như là siêu nhiên của loài sói ấy được nhai đi nhai lại thành những tiếng vọng lê thê không dứt.

Một lúc sau, giữa những đám mây xám xịt trôi lập lờ trên bầu trời, thỉnh thoảng cũng le lói một ánh trắng bàng bạc đủ để soi rõ mọi cảnh vật; do vậy mà tôi biết rằng mình đã đặt chân tới một chỗ thật sự giống một cánh rừng bách và thông đỏ khi tuyết ngừng rơi. Tôi rời khỏi nơi trú ẩn để quan sát cho rõ hơn, lòng tự nhủ rằng có thể mình sẽ tìm được ở đây một ngôi nhà, một ngôi nhà đổ nát cũng được, để làm chỗ trú chắc chắn hơn. Đi dọc theo bìa rừng, tôi nhận ra một bức tường thấp dựng chắn ngang trước mặt, nhưng xa hơn một chút lại có một lỗ hổng khá rộng. Từ chỗ này, cánh rừng thông mở ra một lối nhỏ dẫn tới một khối sẫm đen vuông vắn mà tôi cho đó là một tòa nhà. Nhưng đúng vào lúc tôi vừa thoáng nhận ra cái mảng tối đen ấy thì ánh trắng lại bị những đám mây che mất, vậy là tôi phải mò theo lối đi ấy dưới một bóng tối hoàn toàn. Tôi vừa mò mẫm bước vừa run lên vì lạnh, nhưng một chỗ trú ẩn thật sự đang đón chờ tôi; và chính niềm hy vọng đã dẫn bước cho tôi; thực ra, tôi đang đi như một kẻ không có mắt.

Tôi đứng sững lại vì ngạc nhiên nhận thấy sự im ắng đến bất ngờ của không gian. Giông tố đã qua đi, dường như trái tim tôi cũng đang ngừng đập. Cảm giác đó kéo dài trong giây lát, bởi ánh trắng lại một lần nữa lấp ló giữa những đám mây đen, và cũng chính là lúc tôi nhận ra mình đang lạc vào một nghĩa địa, ngôi nhà hình vuông nằm ở cuối lối nhỏ chính là một ngôi mộ đá lớn, trắng toát một màu tuyết phủ. Ánh trắng xuất hiện một lần nữa, rồi kéo theo tiếng ầm ầm của giông tố đang đe dọa quay trở lại; cùng lúc, tôi còn nghe thấy những tiếng tru nặng nề ghê rợn kéo dài mãi không dứt của bầy sói hay bầy chó hoang. Tôi lại chột rùng mình, cái lạnh vẫn tiếp tục chích vào da thịt tôi, và dường như cả vào trái tim đang đơn độc của tôi nữa. Trong khi ánh trắng tiếp tục soi tỏ ngôi mộ đá, thì cơn giông vẫn ầm ầm quay trở lại mỗi lúc một cuồng nộ hơn. Như bị thôi miên, tôi từ

từ bước lại gần lăng mộ kỳ quái mọc trơ trọi phía trước. Sau khi lượn một vòng, tôi đọc được mấy dòng chữ tiếng Đức ghi trên ô cửa có kiến trúc mang phong cách đoric:

Phu nhân bá tước Dolingen De Gratz Styrie, người đã tìm và đến với cái chết năm 1801.

Phía trên ngôi mộ là một cây cọc sắt dài gắn vào nền đá. Lăng mộ này được xây bằng nhiều tảng đá cẩm thạch. Trở lại phía đầu hồi, tôi thấy một dòng chữ khắc bằng tiếng Nga:

“Những cái chết nhanh chóng bị lãng quên”.

Tất cả toát lên một vẻ kỳ quái và bí ẩn đến mức làm tôi suýt ngất xỉu. Tôi bắt đầu thấy hối tiếc vì đã không nghe theo lời can ngăn của Johann. Một ý nghĩ ghê sợ chợt lóe lên trong đầu tôi. Đó là đêm *Walpurgis! Walpurgis Nacht!*

Vâng, đêm Walpurgis là cái đêm mà hàng nghìn, hàng nghìn người tin rằng quỷ dữ đã xuất hiện trong chúng tôi, rằng các thầy ma đã bật mồm mà đứng dậy, và rằng tất cả quỷ sứ gian manh của đất, nước và không khí đã mở hội náo loạn.

Chẳng cần tay xà ích người Đức, mà đến ngay cả tôi lúc này cũng muốn trốn khỏi ngôi làng bỏ hoang từ nhiều thế kỷ này bằng mọi giá. Nơi đây, người ta đã chôn vùi kẻ tự tử, ấy vậy mà tôi đang đứng trơ trọi một mình trước nấm mồ của kẻ xấu số đó. Bất lực, run rẩy vì lạnh dưới một lớp vải liệm bằng tuyết trắng toát, trước một cơn giông điên cuồng đang đe dọa quay trở lại? Tôi đã phải cầu khẩn tất cả lòng can đảm, lý trí của chính bản thân mình và cả đức tin vào Chúa Trời mà tôi vẫn nuôi dưỡng bấy lâu để khỏi bị ngã khuỵu xuống đất.

Quả thực, chỉ một lát sau, tôi đã bị nuốt chửng bởi một cơn vòi rồng thực sự bắt đầu tràn tới. Mặt đất bỗng rung chuyển như đang nằm dưới sự giày xéo của hàng ngàn vó ngựa, và lần này không phải là một trận bão tuyết, mà là một trận mưa đá điên cuồng với sức mạnh ghê gớm cuốn theo cả các tán lá, đánh gãy vô số các cành cây, đến nỗi chỉ trong chốc lát,

những cây thông đỏ không còn là chỗ trú ẩn cho tôi nữa. Tôi chạy thực mạng sang một gốc cây khác, song ở đó cũng không hơn. Chẳng mấy chốc xung quanh bỗng trở nên trơ trọi, không có chỗ nào có thể làm chỗ trú cho tôi. Tôi loay hoay tìm một chỗ có thể làm nơi ẩn náu thực sự: cửa nhà mồ. Vì được xây theo kiểu đoric, nên nhà mồ có một khuôn cửa rất sâu. Ở đó, đứng tựa vào một thanh đồng đồ sộ, tôi có thể ít nhiều tránh được những cục mưa đá nặng trĩu, bởi vì lúc này chúng chỉ có thể bắn vào người tôi sau khi đã rơi xuống lối đi hoặc đập vào các tấm đá lát.

Cánh cửa nơi tôi đứng bỗng nhiên bật ra và hé mở vào bên trong. Con giồng tàn khốc dường như đã dành cho tôi một cơ may bất ngờ khi mở ra cho tôi một nơi ẩn náu chắc chắn hơn. Tôi nhanh chân bước vào trong nhà mồ đúng vào lúc một tia chớp chói lòa chạy loảng ngoảng một góc bầu trời. Nhưng chính lúc đó, tức là lúc tôi đang quay mặt về phía bóng tối trong hầm mộ, tôi đã sững sờ khi trông thấy một người đàn bà rất đẹp, hai má tròn trĩnh, cặp môi đỏ chót, đang nằm dài trên một chiếc cang, vẻ như đang ngủ. Tôi bỗng giật thót người bởi một tiếng sét bất ngờ gần lên và ngay lúc ấy, người tôi như bị bàn tay thô bạo của một gã khổng lồ túm chặt, ném thẳng ra ngoài giồng bão. Sự việc diễn ra nhanh đến nỗi ngay trước khi nhận được một cú sốc về thể xác cũng như tinh thần tôi đã lập tức cảm thấy cái lạnh toát của những cục mưa đá to bụi đập vào người.

Nhưng đó cũng là lúc tôi có một cảm giác thật kỳ lạ: tôi không ở đây một mình. Tôi lại ngoảnh mặt nhìn về phía nhà mồ khi cánh cửa vẫn đang mở rộng ngoác.

Lại một tiếng sét chói lòa bất thành linh đánh trúng vào chiếc cọc sắt cắm trên nóc mộ, rồi xẹt một đường xuống tận hố đất, phá tan phần mộ uy nghi. Xác người đàn bà bị hất tung lên; lửa bùng cháy tứ phía; những tiếng kêu đau đớn của xác chết nhanh chóng bị tiếng gầm vang của sấm sét nuốt chửng. Đây quả là một bản hòa tấu khủng khiếp mà tôi đã được nghe đúng vào lúc chót, bởi bàn tay khổng lồ lại một lần nữa túm chặt lấy tôi và ném ra giữa cơn mưa đá, trong khi những ngọn đuốc xung quanh tôi liên tục dội

tới những tiếng hú dài man rợ của bầy sói. Cảnh tượng cuối cùng mà tôi nhớ được là một đám đông trắng toát một màu tang tóc đang lớn vờn chuyển động, như thể tất cả các ngôi mộ quanh quần đây đều bật mở để hồn ma của những kẻ đã chết chập chờn bước cả về phía tôi dưới những cơn lốc mưa đá.

Nhưng rồi tôi cũng dần dần tỉnh lại, người cảm thấy mệt mỏi đến phát sợ. Phải mất một hồi lâu tôi mới nhớ lại được những gì đã xảy ra. Toàn thân tôi, từ đôi tay, cột sống đến hai chân đều tê dại đau đớn. Tôi cố cử động một cách vô ích đôi bàn chân. Nhưng từ đáy lòng, tôi lại cảm thấy một cảm giác ấm nồng kỳ lạ bù đắp cho những cảm giác đau đớn. Quả là một cơn ác mộng - một ác mộng thể xác, nếu tôi có thể diễn tả như vậy, bởi tôi vẫn chưa xác định được một vật ghê gớm đang đè nặng lên ngực khiến tôi nghẹt thở muốn chết.

Tôi cứ nằm như vậy khá lâu, trong trạng thái nửa lịm nửa thức, nếu như đó không phải là trạng thái bất tỉnh. Lúc sau, tôi chợt cảm thấy buồn nôn, trong người quay cuồng như một kẻ bị say sóng. Trong tôi bắt đầu trào dâng một nỗi khát khao được giải phóng khỏi một cái gì đó... mà tôi không biết.

Xung quanh tôi là một bầu không khí căm lặng lạ lùng đang ngự trị, cả thế giới như đang chìm trong giấc ngủ vĩnh cửu hoặc như vừa mới chết - sự im lặng ấy chỉ bị gián đoạn bởi hơi thở hỗn hển của một con vật chắc hẳn đang đứng rất gần tôi. Tôi bỗng cảm thấy có một vật gì đó nóng hổi vừa quẹt xiết vào cổ mình, và tôi nhận ngay ra rằng mình đang đứng trước một sự thật khủng khiếp. Một con vật lực lưỡng đang nằm đè lên người tôi, mõm nó gí sát vào cổ tôi. Tôi không dám động đậy vì biết chỉ có sự nằm im bất động mới có thể giúp tôi thoát chết lúc này. Nhưng con vật chắc chắn đã hiểu rằng trong tôi đang có sự thay đổi, bởi nó vừa ngấn ngor cất đầu lên. Qua hàng mi, tôi nhận ra phía trên mình là hai con mắt to, sáng quắc của một con sói khổng lồ. Hai hàm răng trắng ớn, dài lồm chồm và nhọn

hoắt của con vật càng lộ rõ trong cái mồm đang há hốc đỏ lôm. Hơi thở nóng hổi và tanh tưởi của nó như xộc cả vào mũi tôi.

Một lần nữa tôi rơi vào trạng thái mê man bất tỉnh trong một thời gian khá dài. Cuối cùng, chỉ có tiếng gầm gừ trầm đục kéo theo những tiếng rít ăng ăng bất chợt vang lên mới làm tôi tỉnh lại. Tiếp đó, tôi mơ hồ nghe thấy một tràng âm thanh dường như là tiếng gọi của nhiều người cùng cất lên từ rất xa: “Nào! Nào!” Tôi thận trọng ngóc đầu dậy nhìn về phía có những tiếng kêu, nhưng nghĩa địa đã che mất tầm mắt của tôi. Con sói hoang vẫn gầm gừ rít lên kỳ dị, và hình như vừa có một vệt sáng màu đỏ chạy lòng vòng về các hướng trong rừng thông. Có vẻ như ánh sáng ấy đi cùng hướng với những tiếng gọi. Tiếng gọi càng lớn bao nhiêu thì tiếng gào thét của con sói càng dữ dội bấy nhiêu. Chưa bao giờ tôi thấy sợ một cử động, một tiếng than thở của mình đến thế.

Quầng trắng bao phủ xung quanh tôi như một lớp vải liệm trong đêm. Bất thành linh, đằng sau các thân cây bỗng xuất hiện một toán kỵ mã, tay cầm đuốc, phi nước kiệu ào tới. Con sói đứng bật dậy, nhảy phốc khỏi ngực tôi và cắm đầu chạy vào nghĩa địa. Tôi nhận ra một kỵ binh (cả toán đầu là những người lính, tôi biết vậy nhờ bộ quân phục trên người họ) đang tỉ mỉ cạy bìn vào vai chuẩn bị bóp cò. Một phát đạn nổ chát chúa ngay trên đầu tôi. Chắc là anh ta đã nhầm cái thân sống của tôi với con sói kia. Cũng may là có một người lính khác trông thấy con vật đang bỏ chạy; lại thêm một phát đạn nữa rít lên. Ngay sau đó, toán kỵ binh thúc ngựa phi nước đại một số chạy về phía tôi, số còn lại cấp tập đuổi theo con sói đang mất hút dưới những cây thông phủ đầy tuyết.

Biết là có người đến gần, tôi mới dám thử cử động chân tay, nhưng tôi không thể làm được: tôi đã hoàn toàn tê liệt vì kiệt sức, mặc dù vẫn còn khả năng nhận biết tất cả những gì đang xảy ra, hoặc những người đang nói chuyện huyên náo xung quanh. Có hai, ba người lính nhảy xuống ngựa, quỳ gối kiểm tra tôi. Một người trong số họ nâng gáy rồi đặt tay lên ngực tôi.

— Không vấn đề gì, các cậu ạ! - Anh ta reo lên - Tim ông ta vẫn còn đập!

Họ cho tôi nhấp một chút rượu mạnh, đi đầu này đã giúp tôi trở lại chính mình: cuối cùng thì tôi cũng đã mở to được hai mắt. Cảnh đầu tiên tôi có thể nhìn rõ lúc này là ánh sáng từ những ngọn đuốc đang nhảy nhót cùng bóng tối trên các ngọn cây. Tôi dỏng tai nghe những người đàn ông chăt vấn nhau. Những tiếng kêu suýt xoa của họ lộ rõ vẻ lo sợ. Một lát sau, đám kỵ binh vừa đuổi theo con sói đã trở về với một vẻ mặt hốt hoảng như bị ma đuổi. Mấy tên lính đang ng ỡ quanh tôi ngẩng mặt lên hỏi, vẻ khiếp sợ:

— Sao r ỡ? Các cậu có đuổi được nó không?

— Không! Không? - Mấy người ng ỡ trên ngựa vội vàng trả lời, tôi có cảm giác như họ vẫn còn sợ - Chúng ta phải đi thôi, nhanh lên, nhanh lên! Đừng có ngu xuẩn k ề cầ ở một nơi như thế này, nhất là lại vào đúng đêm nay!

— Nhưng làm sao mới được chứ?

Mấy tay ng ỡ bên tôi gặng hỏi, giọng nói của mỗi người đều có một cái gì đó như một cảm xúc riêng. Câu trả lời của họ cũng không mấy giống nhau và đi đầu đáng nói nhất là tất cả các câu trả lời đều mập mờ, ấp úng; dường như những người đàn ông này lúc đầu đều muốn nói cùng một đi ều gì đó, nhưng một nỗi sợ giống nhau nào đó đã ngăn không cho họ nói đến cùng ý nghĩ của mình.

— Đó là... đó là... đúng thế? - Một tên ấp úng nói.

— Một con sói... nhưng cũng không hẳn là một con sói! - Một tên lính khác vừa nói vừa run.

— Có bắn trúng con quái vật ấy cũng chẳng có tác dụng gì nếu không có một viên đạn thánh. - Tên thứ ba nói với một vẻ bình tĩnh hơn.

— Thật là phúc đức khi đi vào đêm nay! - Tên thứ tư mỉa mai - Không khéo chúng ta phải kiếm được cả ngàn mắc ấy chứ?

— Trên các mảnh đá vỡ có dính máu - Một tên khác nói - không phải là sấm sét đã làm cái chuyện ấy. Thế còn thằng cha này? Ông ta không gặp

nguy hiểm chứ? Nhìn cổ ông ta kìa! Các cậu thấy rồi chứ, con sói đã nằm đè lên người ông ta và giữ cho ông ta khỏi chết cứng.

Sau khi cúi xuống nhìn tôi, viên sĩ quan tuyên bố.

— Chẳng có gì nghiêm trọng cả, da thịt ông ta thậm chí cũng không bị xước.

— Không hiểu câu chuyện rồi sẽ đi tới đâu? Bởi chúng ta sẽ chẳng bao giờ tìm thấy ông ta nếu như không có những tiếng kêu của con sói.

— Thế con quái vật ấy chạy đi đằng nào rồi? - Người lính đang đỡ đầu tôi hỏi, có vẻ như anh ta là người còn giữ được dòng máu lạnh trong đám kỵ binh này.

— Nó quay về hang rồi. - Đổng đội của anh ta trả lời với bộ mặt tái mét, mắt khiếp sợ liếc nhìn xung quanh. - Ở đây làm gì có nhiều mồi mả để nó ăn nấu cơ chứ? Đi thôi, các bạn!

— Nhanh lên! Hãy mau mau chuồn khỏi cái xó đáng nguy hiểm rửa này!

Trong lúc viên sĩ quan ra lệnh, tên lính đã kịp nâng tôi ngẩng dậy. Mấy tên khác cũng xúm lại vực tôi lên lưng ngựa. Viên sĩ quan nhảy lên phía sau quàng tay ôm lấy tôi trước khi ra lệnh rút lui. Để lại đằng sau những hàng thông, chúng tôi phi nước đại thành một hàng như quân lệnh.

Khi còn chưa tìm lại được khả năng diễn đạt của mình, tôi không thể kể gì về cuộc phiêu lưu của mình. Có lẽ là tôi vẫn đang trong trạng thái ngủ, bởi đi đầu duy nhất mà tôi nhớ được kể từ lúc này là tôi đang ở tư thế đứng, hai bên có hai người lính xốc nách. Một ngày mới đang lên, ánh mặt trời hắt một vệt nắng dài xuống lớp tuyết trông như một con đường máu. Viên sĩ quan ra lệnh cho đám lính không được kể lại những gì họ đã trông thấy; đi đầu duy nhất mà họ được nói là đã tìm được một người Anh do một con chó rất lớn canh giữ.

— Một con chó! Nhưng cũng không hẳn là một con chó! - Tên lính lúc nào cũng có vẻ khiếp sợ thốt lên - Khi nhìn thấy một con sói, chắc chắn tôi biết cách nhận ra nó bằng một con chó!

Viên sĩ quan trẻ bình tĩnh nhắc lại:

— Tôi đã nói là một con chó.

— Một con chó! - Một tên lính khác nhại lại, về giễu cợt.

Rõ ràng là ánh mặt trời đang lên đã làm cho anh ta trở nên can đảm hơn. Đi được một đoạn, anh ta bỗng chỉ tay vào tôi nói:

— Nhìn cổ ông ta kìa. Các cậu sẽ nói với tớ rằng chính một con chó nhà đã làm như vậy chứ?

Tôi giật mình đưa tay xoa xoa vào cổ và không sao tìm được một tiếng kêu đau đớn.

Tất cả xúm vây quanh lấy tôi, một số vẫn ng ồi trên yên ngựa cúi xuống nhìn cho rõ hơn. Và một lần nữa, giọng nói bình tĩnh của viên sĩ quan trẻ lại cất lên:

— Đó là con chó nhà, tôi đã bảo mà! Nếu chúng ta kẻ khác đi, người ta sẽ cười vào mũi cho đấy?

Một tên lính giúp tôi trở lại lưng ngựa cùng viên sĩ quan, chúng tôi đi theo lối dẫn tới khu lao động ở ngoại ô Munich. Ở đó, họ tìm cho tôi một chiếc xe bò để trở về khách sạn Bốn Mùa. Để một tên lính trông ngựa, viên sĩ quan đi vào khách sạn cùng tôi, số còn lại trở về trại lính.

Delbruck hốt ha hốt hải chạy ra đón chúng tôi. Nhìn bộ dạng ông, tôi biết ngay là ông đã rất sốt ruột trong lúc chờ đợi. Ông túm chặt lấy tôi bằng cả hai tay và chỉ chịu buông ra khi tôi đã vào tới hành lang. Viên sĩ quan định chào từ biệt, nhưng tôi cố nài nỉ anh ta ở lại chơi với chúng tôi một lúc. Tôi kéo anh ta lên phòng và rót mời anh ta một ly rượu để bày tỏ lòng biết ơn người đã cứu mạng và ca ngợi lòng dũng cảm của những kỹ sĩ. Anh ta khiêm tốn đáp lại rằng bản thân anh ta cũng cảm thấy rất sung sướng, rằng chính ngài Delbruck mới chính là người đầu tiên đưa ra các biện pháp thiết thực, nhiệt thành và cuộc tìm kiếm này hoàn toàn không có gì là khó chịu cả. Nghe những lời bộc bạch của viên sĩ quan, ông chủ khách sạn chỉ mỉm cười. Viên sĩ quan một lần nữa xin phép được cáo từ, đã đến giờ anh ta phải về trại đóng quân.

— Thưa ngài Delbruck, - Tôi hỏi khi viên sĩ quan đã ra về- làm thế nào mà toán lính này lại đi tìm tôi như vậy? Tại sao lại thế?

Ông chủ khách sạn khẽ nhún vai trả lời, vẻ không có gì quan trọng:

— Ngài tư lệnh của trung đoàn mà tôi từng phục vụ trước đây đã cho phép tôi gọi người tình nguyện đi tìm ông.

— Nhưng làm sao ngài biết tôi lạc đường?

— Tên xà ích trở về với một chiếc xe tàn tạ: chiếc xe gần như tan nát, trong khi lũ ngựa cứ lờn lên như hóa dại.

— Nhưng đó chưa phải là nguyên nhân duy nhất khiến ngài phải nhờ đám kỵ binh đi tìm tôi?

—Ồ! Đúng thế... ông xem này... Thậm chí ngay trước khi tên xà ích về tới đây tôi đã nhận được bức điện này của một nhà quý tộc mà ông là đối tượng được quan tâm...

Delbruck rút trong túi ra một mẫu giấy. Tôi vội cầm và đọc ngẫu nhiên:

“Bistritz.

Xin ngài hãy làm ơn để mắt quan tâm tới người sẽ trở thành tân khách của tôi; sự an toàn của ông ta đối với tôi là cực kỳ quý giá. Nếu như có chuyện gì đáng tiếc xảy ra với ông ta, hoặc nếu chẳng may ông ta mất tích, thì xin ngài hãy làm tất cả những gì có thể để cứu mạng ông ấy. Đó là một người Anh, một người Anh thích phiêu lưu. Tuyết rơi, đêm tối, và chó sói có thể mang tới cho ông ta rất nhiều điều nguy hiểm. Xin hãy đừng để mất một giây phút nào nếu ngài cảm thấy có một chút gì đó lo lắng cho ông ta. Gia sản của tôi hoàn toàn đủ để tôi đền bù xứng đáng cho lòng nhiệt tình của ngài.

Dracula.”

Tôi cầm mẫu giấy trên tay mà cảm thấy căn phòng như đang quay tròn. Nếu như ông chủ khách sạn không kịp ra tay đỡ thì có lẽ tôi đã ngã nhào xuống đất.

Quả là một chuyện kỳ lạ, bí ẩn và không thể nào tin nổi. Tôi dần cảm thấy mình đang là một thứ trò chơi và một canh bạc được thua của quyên lực đối lập nhau - cái ý nghĩ không thể xoay chuyển và mơ hồ này dường như đang làm thân xác tôi tê liệt. Chắc chắn là tôi đang nằm trong một vòng tay bảo vệ bí ẩn. Gần như trong cùng một phút, bức thông điệp đến từ một xứ xa xôi đã giữ tôi khỏi một mối nguy hiểm bị ngủ vùi dưới lớp tuyết trắng và kéo tôi thoát khỏi nanh chó sói.

CHƯƠNG 1

Nhật ký của Jonathan Harker (Tốc ký)

• *Bistritz, ngày 3 tháng 5*

Rời Munich vào tám giờ tối ngày 1 tháng 5; đến Viên vào sáng sớm ngày hôm sau. Lẽ ra chúng tôi phải tới nơi vào lúc sáu giờ năm mươi, nhưng tàu lại đi chậm mất một tiếng đồng hồ. Và trong cuộc hành trình tiếp tục tới Budapest, như đã hình dung sau những gì được chứng kiến từ lúc ngồi trên tàu, và sau những gì được chiêm ngưỡng ở một vài đường phố trong lúc dạo bộ khi tàu tạm dừng, tôi thấy đây quả là một thành phố đẹp.

Nhưng vì tôi rất sợ bỏ đi quá xa nhà ga, bởi dẫu có muộn chúng tôi vẫn phải tiếp tục khởi hành như đã dự kiến... Tôi có cảm tưởng rất rõ ràng trong cuộc hành trình rời phương Tây để đến với thế giới của phương Đông. Sau khi tàu lướt qua các cây cầu mỹ miều mang kiến trúc mẫu mực phương Tây bắc qua đoạn sông Danube vừa rộng lại vừa sâu nơi đây, chúng tôi lạc ngay vào một vùng mang đậm tập quán của người Thổ Nhĩ Kỳ.

Rời Budapest không đến nổi quá muộn, chúng tôi đến Klausenburgh vào lúc chiều tối. Tới đây, tôi phải nghỉ qua đêm tại khách sạn Hoàng gia. Người ta dọn cho tôi bữa tối, hay nói đúng hơn là món xúp, một con gà tơ nấu với ớt đỏ, ngon đấy, nhưng nếu ăn vào sẽ tha hồ mà khát nước! (Tôi nghĩ lại món này theo ý của Mina). Người hầu bàn bảo đó là món *paprika hendi*, một món ăn dân tộc mà tôi có thể thấy ở khắp nơi trong vùng Carpates. Vốn tiếng Đức sơ sơ của tôi kể ra cũng rất có ích, bởi thực tình mà nói, nếu mù tịt, tôi thật không biết phải rút lui như thế nào.

Ở Luân Đôn, trong những lúc rảnh rỗi, tôi thường đến Bảo tàng Anh hoặc đến Thư viện Quốc gia để tra cứu bản đồ địa lý và các cuốn sách nói

về xứ Transylvanie. Tôi thấy thật thú vị khi biết ít nhiều điều về xứ này, bởi vì tôi sắp có một phi vụ làm ăn với một quý ông ở đó. Mảnh đất mà quý ông này nói với tôi trong thư nằm ở phía đông đất nước, trên đường biên giới của ba xứ sở: Transylvanie, Moldavie, Bukovine, trong rừng Carpates. Đây là một trong những vùng ít tiếng tăm nhất và cũng hoang sơ nhất châu Âu. Nhưng không có một cuốn sách hay một tấm bản đồ nào có thể chỉ cho tôi biết chính xác nơi tọa lạc của tòa lâu đài mang tên bá tước Dracula, bởi hiện vẫn chưa có một tấm bản đồ chi tiết nào về xứ này. Tuy nhiên, những lần tra cứu cũng cho tôi biết rằng Bistritz - nơi bá tước Dracula đã nói với tôi và để tới đó, tôi phải đi bằng xe ngựa - là một thành phố nhỏ, cổ kính, được rất nhiều người biết đến. Tôi sẽ kể lại những ấn tượng khó quên của mình. Điều đó sẽ làm tôi sống lại một kỷ ức khi nhắc lại những cuộc du ngoạn với Mina.

Có bốn chủng tộc sống ở Transylvanie: ở phía nam là những người Saxon sống lẫn với người Wallach vốn có xuất xứ từ sắc tộc Dacian; ở phía tây là người Magyard; còn ở phía đông và phía bắc là người Szekely. Tôi sẽ nghỉ lại cùng những người Szekely. Nghe nói họ xuất thân từ Attila và là hậu duệ của người Hung nô. Có lẽ điều này là có thật bởi vì vào thế kỷ thứ mười hai, khi người Magyard đi chinh phục xứ sở mà hiện nay họ đang sống, thì người Hung đã sinh cơ lập nghiệp ở đó rồi. Dường như mọi mê tín dị đoan trên thế giới đầu có ở vùng Carpates, và tất cả luôn làm khuấy động trí tưởng tượng của dân gian. Nếu thực tế đúng là như vậy, thì những ngày nghỉ lại xứ này của tôi chắc sẽ rất thú vị. (Chắc chắn tôi sẽ luôn quấy rầy ngài bá tước với những câu hỏi về cái tín ngưỡng dị đoan này).

Đêm đầu tiên tôi không thể ngủ say, nguyên nhân không phải là do lạ nhà lạ cửa, mà là do tôi đã mơ những giấc mơ quái lạ. Suốt cả đêm, tôi luôn cảm thấy như có một con sói đang tru lên ầm ĩ ngay bên dưới cửa sổ phòng mình: đó là do chứng mất ngủ của tôi hay là do món paprika? Bởi vì tôi đã nốc cạn bình nước trong phòng mà vẫn khát cháy họng. Nhưng cuối

cùng thì tôi cũng chìm sâu vào giấc ngủ khi trời đã về sáng, bởi tôi bị đánh thức khi nghe thấy tiếng gõ cửa, mà hình như người gõ cửa đã phải làm như vậy rất lâu. Tới bữa điểm tâm, người ta lại cho tôi ăn món paprika, một chút cháo yến mạch làm bằng bột ngô mà họ gọi là món *mamaliga*, và vài bát bánh nhĩ nhân - một món ăn ngon tuyệt có tên là *impletata*. (Tôi đã ghi lại cách chế biến món này cho Mina). Tôi ăn vội vàng, bởi đoàn tàu sẽ tiếp tục khởi hành trước tám giờ có vài phút; nói một cách chính xác hơn, lẽ ra là tàu phải khởi hành vào lúc tám giờ kém vài phút ấy vậy mà sau một cuộc viếng thăm hơi tai để tới ga vào lúc bảy giờ ba mươi, tôi vẫn phải ngời đợi tới hơn một tiếng đồng hồ trong toa trước khi đoàn tàu bắt đầu chuyển bánh. Tôi có cảm giác như càng đi về phía đông, các đoàn tàu càng đi muộn giờ thì phải. Không hiểu mọi việc rồi diễn ra như thế nào ở Trung Hoa?

Suốt cả ngày hôm đó, tàu chúng tôi chạy qua một xứ sở tuyệt đẹp, muôn hình muôn vẻ. Khi thì chúng tôi được chiêm ngưỡng những thành phố bé nhỏ với những tòa lâu đài nằm chênh vênh trên những ngọn đồi dốc đứng giống như khung cảnh được miêu tả trong sách kinh Thánh cổ xưa; khi thì đoàn tàu chạy dọc theo những dòng suối lớn nhỏ có bờ đá nhấp nhô uốn lượn như những hàng lan can của tạo hóa. Ở những nơi chúng tôi dừng chân, sân ga nào cũng nhộn nhịp các đám đông ăn mặc đủ màu sắc sặc sỡ với đủ loại y phục. Một số người rất giống với những người nông dân ở đất nước chúng tôi hoặc ở Pháp và Đức: họ chỉ mặc những tấm áo lưới đơn giản với những chiếc quần tây cắt ống khá rộng và đội mũ vành tròn; nhưng số khác lại ăn mặc có vẻ nhiều màu sắc hơn.

Phụ nữ ở đây trông có vẻ rất khỏe mạnh và cũng khá xinh đẹp nếu như bạn không nhìn họ quá gần. Tất cả đều mặc áo có ống tay trắng rộng quá khổ, eo mang thắt lưng bằng vải da màu lúc nào cũng bay phấp phới trên những tấm váy lộng lẫy. Tuy nhiên, tôi thấy người Slovakia là có vẻ lạ mắt hơn tất cả; họ đội mũ rộng vành kiểu cao bồi, mặc quần ống phồng màu cháo lòng, áo sơ mi vải lanh trắng và đeo thắt lưng da rộng bản có đóng nhiều đinh mũ bằng đồng. Đặc biệt là người đàn ông nào cũng thích xỏ

chân vào một đôi ủng dài bao lấy ống quần. Mái tóc đen, dài và bộ râu rậm khiến họ có vẻ đặc sắc hơn nhưng lại không đem lại cho họ một vẻ dễ thương chút nào. Thực tình mà nói, nếu như đi du lịch bằng xe ngựa thì có lẽ tôi đã tưởng nhầm họ là một toán cướp đường, mặc dù đã có người nói với tôi rằng họ chưa bao giờ làm đi đâu gì xấu với ai, mà ngược lại, lúc nào họ cũng chỉ là những kẻ nhát gan.

Chúng tôi tới Bistritz lúc nửa đêm. Như tôi đã nói, Bistritz là một thành phố cổ kính có quá khứ đặc biệt. Nằm gần đường biên giới - quả thực, khi rời Bistritz, chỉ cần vượt qua đèo Borgo là tới Bukovine - thành phố này đã trải qua biết bao thăng trầm mà nhiều dấu ấn của nó vẫn còn đọng lại đến ngày nay.

Cách đây năm mươi năm, những trận hỏa hoạn ghê người xảy ra liên tục đã san phẳng tất cả. Vào đầu thế kỷ mười bảy, thành phố này cũng đã phải chống đỡ một cuộc vây hãm trong suốt ba tuần, khiến mười ba ngàn người phải bỏ mạng, đó là còn chưa kể tới các nạn nhân của đói kém và dịch bệnh.

Bá tước Dracula bố trí cho tôi ở khách sạn Vương Miện Vàng. Tôi rất vui vì thấy đó là một ngôi nhà rất cổ kính, bởi dẫu sao thì tôi cũng rất muốn càng hiểu nhiều về phong tục tập quán của xứ này càng tốt. Có người đứng đợi tôi ở trước cửa: đó là một phụ nữ đứng tuổi có khuôn mặt rạng rỡ, ăn mặc đúng kiểu nông dân trong vùng. Bà cúi rạp người chào tôi và hỏi:

— Ngài có phải là một người Anh không ạ?

— Vâng, - Tôi trả lời - tôi là Jonathan Harker.

Người phụ nữ mỉm cười và nói đi đâu gì đó với một gã đàn ông mặc áo sơmi trắng đang đứng đằng sau. Gã lập tức biến mất nhưng rồi lại trở lại ngay với một lá thư đưa cho tôi. Lá thư ấy viết thế này:

“Ông bạn thân mến,

Hoan nghênh ông đã đến với rừng Carpates. Tôi rất sốt ruột chờ đợi ông.

Chúc ông ngủ ngon đêm nay. Chuyến du lịch xe ngựa tới Bukovine vào chiều mai sẽ được bắt đầu vào lúc ba giờ, chỗ của ông đã được giữ trước. Xe của tôi sẽ đợi đón ông trên đèo Borgo. Hy vọng rằng từ Luân Đôn, cuộc hành trình của ông sẽ diễn ra thuận lợi, và ông sẽ cảm thấy thực sự thoải mái trong những ngày sống ở đất nước tươi đẹp của chúng tôi.

Chào thân ái!

Dracula”.

• Ngày 4 tháng 5

Bản thân ông chủ khách sạn cũng nhận được một lá thư của ngài bá tước với đề nghị dành cho tôi một chỗ ngồi tốt nhất trên xe ngựa, nhưng khi tôi hỏi vài câu, ông chủ lại có vẻ ngập ngừng và lấy lý do là không hiểu được hết thứ tiếng Đức mà tôi nói; rõ ràng là một sự nói dối bởi lúc tôi mới đến khách sạn, ông ta đã hiểu hết những gì tôi nói. Hai vợ chồng ông chủ nhìn nhau vẻ lo lắng rồi quay sang ấp úng trả lời tôi rằng tiền đi xe ngựa đã được gửi trước cùng một lá thư, ngoài ra họ cũng không biết gì hơn. Khi tôi hỏi về bá tước Dracula và tòa lâu đài của ông ta, cả hai vợ chồng cùng làm dấu thánh và trả lời họ hoàn toàn không rõ gì hết, rồi ra hiệu cho tôi hiểu họ không muốn nói về chuyện đó nữa. Vì giờ lên đường đã tới nên tôi không còn thời gian để hỏi thăm qua những người khác. Tôi thấy sự việc thật bí ẩn và không có sức thuyết phục.

Đúng vào lúc tôi sắp sửa lên đường thì bà chủ bỗng hốt hải chạy vào phòng hỏi tôi bằng một giọng hoảng hốt:

— Ngài định đi tới đó thật sao? Ôi! Ông bạn trẻ, ngài định đi tới đó thật ư?

Người phụ nữ hoảng loạn đến nỗi lắp bắp mãi mới nói được một vài từ tiếng Đức mà bà ta biết lẫn với những tiếng gì đó hoàn toàn xa lạ đối với

tôi. Khi tôi trả lời rằng tôi phải đi ngay lập tức để giải quyết một công chuyện quan trọng, bà ta lại hỏi tôi:

— Ngài có biết hôm nay là ngày bao nhiêu không?

Tôi trả lời ngày 4 tháng 5.

— Vâng, tất nhiên là ngày 4 tháng 5. Nhưng là ngày gì chứ?

Khi tôi nói tôi không hiểu rõ câu hỏi, bà ta mới lý giải:

— Là hôm trước của Ngày Thánh George? Chẳng lẽ ngài lại quên rằng đêm nay, đúng vào lúc đồng hồ điểm mười hai tiếng, tất cả các bùa yểm sẽ thống trị trái đất như những chúa tể tuyệt đối hay sao? Chẳng lẽ ngài không biết là ngài đang đi về đâu và sắp sửa đứng trước một điếu gì ư?

Người phụ nữ khiếp sợ đến mức tôi phải tìm mọi cách an ủi mà vẫn không được. Cuối cùng, bà ta bỗng quỳ sụp xuống van lạy tôi đừng đi, hoặc nếu có đi thì cũng nên nán lại một hai hôm nữa. Sự kỳ lạ này khiến tôi hơi khó nghĩ. Nhưng dù sao thì người ta vẫn đang đợi tôi ở lâu đài, và không gì có thể ngăn cản tôi đi tới đó. Tôi đỡ bà chủ dậy, song kiểu gì thì tôi cũng vẫn phải lên đường. Người phụ nữ đứng dậy lau nước mắt, rồi tháo cây thánh giá đeo trên cổ đưa cho tôi, sẽ là vô lễ nếu tôi từ chối vật biểu của một người phụ nữ luống tuổi đang muốn những điếu tốt lành đến với tôi, đang thực sự lo lắng cho tôi. Bà chủ khế quàng cây thánh giá vào cổ tôi và nói một câu thật giản dị: “Vì tình yêu dành cho người mẹ của ngài”, rồi bước ra khỏi phòng.

Tôi viết những dòng nhật ký này trong lúc chờ đợi chiếc xe ngựa - tất nhiên là lại đến muộn - và cây thánh giá vẫn đang lủng lẳng trên cổ tôi. Phải chăng nỗi sợ hãi, các tín ngưỡng ghê gớm hay chính cây thánh giá nhỏ bé này đã giày vò người phụ nữ luống tuổi đó? Thực tình tôi không biết, nhưng chắc chắn là cảm giác của tôi về những gì vừa xảy ra sẽ kém êm dịu hơn bình thường.

• *Ngày 5 tháng 5. Tại lâu đài*

Màu xanh xám của buổi sớm mai đang dần dần tan biến, nhường lại ánh hồng tươi của mặt trời. Chân trời như đang bị cắt ra thành từng mảng bởi

các lùm cây hay các ngọn đồi gì đó mà tôi không rõ, vì mọi cảnh vật lớn, nhỏ, đều nằm ở rất xa và đều lẫn nhòa vào với nhau. Lúc này, tôi đã hết thêm ngủ, ngày mai tôi sẽ tha hồ rảnh rỗi, tôi có thể dậy lúc nào muốn, và tôi sẽ viết cho tới khi nào buồn ngủ mới thôi, bởi tôi có rất nhiều điều kỳ lạ để viết. Trước khi rời Bistritz, tôi đã được ăn một bữa thỏa thuê và rất ngon miệng. Khách sạn cho tôi ăn món mà họ gọi là “*thịt rán kẻ cướp*” - tức là một vài miếng mỡ lá kèm lẫn hành củ, thịt bò và *paprika* trộn đều, cuộn quanh các que nhỏ rồi cho vào lửa nướng. Tôi uống loại *Mediasch* mạ vàng, một thứ rượu vang có thể làm bạn rất lười, nhưng đối với tôi thì không có gì khó chịu. Tuy nhiên, tôi cũng chỉ uống được hai cốc.

Lúc leo lên xe ngựa, tôi thấy tay xà ích vẫn chưa ngẩng lên ghế, anh ta còn mãi đứng nói chuyện với ông chủ khách sạn. Không còn nghi ngờ gì nữa, cả hai người đang nói chuyện về tôi, bởi vì chốc chốc họ lại ngoảnh mặt nhìn tôi.

Những người ngồi trên hàng ghế gần cửa khách sạn cũng bắt đầu đứng cả dậy sát đến nghe hai người đàn ông nói chuyện, thỉnh thoảng họ cũng ngoái lại nhìn tôi với ánh mắt chứa đựng một điều gì đấy giống như một sự thương hại. Về phần mình, đôi khi tôi cũng nghe được một vài từ văng tới từ đám đông nhưng đó toàn là những từ mà tôi không hiểu. Hơn nữa, họ lại nói bằng nhiều thứ tiếng. Vì vậy, tôi phải mở cuốn từ điển đa ngôn ở trong túi du lịch ra tra cứu, tôi muốn tìm nghĩa của tất cả những từ lạ mà tôi đã nghe lỏm được. Song thú thực là không có bất cứ một nghĩa nào tra được trong cuốn từ điển khiến tôi có thể can đảm lên, bởi vì tôi tra được toàn những từ đại loại như: *Ordog* - quỷ Satan; *Pokol* - địa ngục; *stregocia* - phù thủy; *vrolak* và *vlkoslak* - một cái gì đó như “ma cà rồng” hoặc “ma sói” theo nghĩa của hai thổ ngữ.

Khi chiếc xe ngựa chuẩn bị chuyển bánh, đám người xúm đến trước cửa khách sạn mỗi lúc một đông, tất cả cùng đưa tay làm dấu thánh và giơ ngón trỏ, ngón giữa chỉ về phía tôi quả là không dễ dàng gì khi tôi gắng hỏi một người đồng hành về ý nghĩa của những cử chỉ kỳ quặc đó: *Họ muốn*

che chở cho tôi - anh ta giải thích - chống lại những cơn mất độc ác. Thực tình mà nói, tôi lại một lần nữa không cảm thấy dễ chịu trước khi tới một nơi xa lạ. Nhưng mặt khác tôi cũng phải thừa nhận một sự thật là tất cả những con người kia, cả đàn ông lẫn đàn bà, đều chứng tỏ một thiện cảm đối với tôi, đều muốn chia sẻ với tôi nỗi bất hạnh mà họ cho là sẽ xảy ra. Và dù thế nào đi chăng nữa thì tôi cũng không bao giờ quên được những hình ảnh xúc động này. Tay xà ích mặc chiếc quần ống rộng thùng thình che gần kín chiếc ghế anh ta đang ngồi, vung roi huơ huơ trên đầu bốn chú ngựa đã được đóng sẵn. Chúng tôi bắt đầu lên đường.

Vẻ đẹp của phong cảnh trên đường đi đã làm tôi nhanh chóng quên đi những nỗi thắc mắc lo âu, nhưng tôi không nghĩ mình lại có thể cởi bỏ mọi nỗi ám ảnh dễ dàng đến như vậy nếu như hiểu được toàn bộ câu chuyện của những người bạn đồng hành. Trước mắt chúng tôi là những cánh rừng bạt ngàn, hai bên đường thỉnh thoảng lại nhô lên những ngọn đồi dốc đứng, với một lùm cây mọc trơ trọi trên đỉnh hoặc một trang trại lưa thưa mấy nóc nhà đổ bóng xuống con đường. Khắp nơi, chỗ nào cũng thấy cây trái đang trở hoa - nào là hoa táo, hoa mận, hoa lê và hoa anh đào, tất cả làm nên một bức tranh thực sự lộng lẫy; và cả những thảm cỏ trong các vườn cây chúng tôi đi qua, dưới ánh mặt trời, cũng đang lấp la lấp lánh với những cánh hoa rơi. Dù uốn lượn quanh quanh hoặc vươn dài lên các ngọn đồi, lúc nào con đường cũng như một dải lụa mềm nằm phoir mình trên các thảm cỏ xanh rì mượt như nhung, hoặc lấp ló náu mình dưới một rừng thông chạy dài hun hút tầnn mất khiến tôi có cảm giác mình đang lạc vào một chốn bồng lai tiên cảnh. Tuy nhiên, càng đi xa, con đường càng trở nên xấu hơn, nhưng tay xà ích vẫn cứ thúc ngựa chạy hết tốc lực. Điệu này làm tôi rất ngạc nhiên. Có vẻ anh ta muốn càng nhanh tới Borgo Prund càng tốt thì phải.

Trước lúc xuất phát, người ta bảo tôi rằng đường đi rất tuyệt, nhưng rõ ràng là nó vẫn chưa trở lại trạng thái ấy sau những trận tuyết rơi mùa đông vừa rồi. Con đường này không giống với những con đường khác ở vùng

núi Carpates: quả thực là không ai dám sửa chữa, vì sợ làm thế sẽ khiến cho người Thổ Nhĩ Kỳ tưởng lầm rằng người ta lại đang chuẩn bị cho một cuộc xâm lược đất nước họ, và như vậy sẽ là cái cớ để họ tuyên chiến ngay lập tức, mà thực tế ở vùng núi này, chiến tranh lúc nào cũng nằm ở điểm chuẩn bị bùng nổ.

Bên kia các đỉnh đồi vẫn là những cánh rừng và những đỉnh núi cao vợi vợi của rừng Carpates. Trước mắt chúng tôi chỗ nào cũng là rừng và núi. Ánh trời chiếu lung linh rực rỡ làm cho những hang hốc nằm giữa các vách đá cao vút trở thành một màu xanh thẫm hoặc đỏ tía, và biến các đám cỏ mọc phủ lên bờ đá thành một màu xanh nâu, và bức tranh toàn cảnh vô tận của các mỏm đá lởm chởm, nhọn hoắt cũng như biến mất hút về phía chân trời, nơi có những đỉnh núi tuyết nhấp nhô. Khi mặt trời bắt đầu ngả bóng, chúng tôi chợt nhận ra ở đó đây, rải rác giữa các hốc đá lớn, nhỏ, những thác nước nghiêng nghiêng đổ xuống vô vàn ánh bạc.

Chiếc xe ngựa vẫn cần mẫn tiếp tục cuộc hành trình tưởng chừng chẳng bao giờ kết thúc. Phía sau chúng tôi, mặt trời dần dần lặn xuống dưới chân trời, bóng chiếu xuống mỗi lúc một nhanh. Cảm nhận về hoàng hôn càng trở nên rõ nét hơn khi ở trên cao. Các đỉnh núi phủ tuyết trắng vẫn lấp lánh những ánh hồng vương vãi của mặt trời. Thỉnh thoảng trên đường đi, chúng tôi lại bắt gặp một đám người Séc và Slovakia với những bộ trang phục dân tộc nổi tiếng. Tuy nhiên, có một điều khiến tôi cảm thấy không vui: phần lớn trong số họ đều bị bệnh broun giáp. Dọc hai bên đường thỉnh thoảng lại mọc chơ vơ một cây thánh giá, và cứ mỗi lần chiếc xe ngựa đi ngang qua đó là một lần đám hành khách trong xe lại vội vàng đưa tay làm dấu. Chúng tôi cũng trông thấy những người nông dân đang quỳ gối cầu nguyện trước các nhà thờ nhỏ. Họ mãi cầu nguyện đến mức chẳng thèm ngoảnh lại nhìn khi nghe thấy tiếng xe ngựa tới gần. Tất cả đều là những kẻ sùng đạo, và trong lúc cầu nguyện, không bao giờ họ để tai để mắt tới thế giới xung quanh. Gần như tất cả đều mới lạ đối với tôi: những đụn cỏ khô chất cao đến tận tán lá cây, những bóng liễu rủ để lộ qua từng kẽ lá

những cành cội mảnh mai lấp lánh ánh bạc... Thịnh thoảng tôi lại gặp một chiếc xe bò chở những người nông dân trở về nhà, những người đàn ông Séc vận tấm áo da cừu trắng ngà; còn người Slovakia lại mặc áo da cừu nhuộm, họ còn mang những chiếc rìu dài như những cây mác bên mình. Màn đêm xuống báo trước một cảnh lạnh lẽo băng giá, bóng tối như càng sâu thẳm hơn giữa những tán lá lãnh sam, lá sồi dày đặc. Chúng tôi đang trên đường tới đèo Borgo. Trong thung lũng dưới chân chúng tôi, những ngọn lãnh sam đen kịt như bị xé ra thành từng mảng giữa một nền tuyết trắng vừa rơi. Đôi lúc, khi con đường đi sâu vào một khu rừng lãnh sam - lúc này như đang nuốt chửng lấy chúng tôi - những đụn mây mù đặc quánh bỗng lập lòe hiện ra trắng toát che khuất hoàn toàn các lùm cây, trông chúng chẳng khác nào những bóng ma chờn vờn. Một lần nữa tôi cảm thấy rừng mình giống như cái cảm giác gai gai tôi vừa trải qua lúc cuối chèo. Trong rừng Carpates, mặt trời lặn đã để lại trên bầu trời những đám mây có hình thù quái dị lớn vờn giữa các hang đá. Các sườn đồi lúc này dốc đến nỗi dù rất vội tới đích, tay xà ích vẫn buộc phải cho ngựa đi chậm lại. Tôi nghĩ muốn xuống xe để cuộc bộ một đoạn, giống như tôi vẫn làm ở nước mình khi gặp trường hợp tương tự, nhưng tay xà ích đã lập tức phản đối:

— Không được, không được! - Anh ta đáp lại. - Không thể đi bộ được đâu... Chó ở đây dữ lắm?

Tay xà ích bẽn lẽn tiếp một câu mà tôi đoán là anh ta đang muốn chứng tỏ mình cũng là người hài hước, vì tôi thấy rõ anh ta đang đưa mắt nhìn từng hành khách để mong nhận được một nụ cười hưởng ứng:

— Ngài hãy cứ tin ở tôi, rồi ngài sẽ có đủ cả, kể cả chuyện cuộc bộ, khi ngài đã ung dung nằm trên giường tối nay.

Anh ta chỉ chịu im tiếng khi đã đến lúc phải tắt sáng các ngọn đèn trên xe. Ánh đèn vừa được tắt sáng, đám hành khách bỗng sôi động hẳn lên, họ nhao nhao thúc giục tay xà ích đánh ngựa đi nhanh hơn. Tay xà ích lập tức vùng roi, hô ngựa phi nước đại lên sườn núi. Xe chạy được một lúc, tôi tin là mình vừa trông thấy một tia sáng màu xanh nhợt trong bóng tối ở

phía trước - nhưng chắc đó chẳng phải là cái gì khác ngoài một kẽ nứt giữa các vách đá. Những người bạn đồng hành của tôi mỗi lúc một nao động hơn. Chiếc xe ngựa bắt đầu lảo đảo như điên loạn, khiến cho các thành lò xo nghiêng kêu ken két, chúng tôi có cảm giác như đang ngã trên một con thuyền giữa biển động. Tôi phải bám chặt vào thành xe cho khỏi ngã nhào. Một lúc sau, con đường có vẻ bằng phẳng hơn, và tôi lại có cảm tưởng như chiếc xe đang bay trong màn đêm. Đường đi cũng trở nên chật hẹp hơn, các ngọn núi ken sát sau hơn và thực tình mà nói, dường như chúng đang giăng ra để đe dọa chúng tôi: chúng tôi đang đi qua đèo Borgo. Không hiểu sao những người bạn đường lại lần lượt đưa cho tôi mấy vật làm quà, nào là nhánh tỏi, bông hồng dại phơi khô... và tôi thấy rõ là mình không thể từ chối. Quả thật là mỗi món quà đều có một vẻ buồn cười nào đó chẳng giống nhau, song những người tặng quà tôi đều bày tỏ một tấm lòng chân thành, giản dị cùng với những cử chỉ bí ẩn, giống như những người đứng trước cửa khách sạn Bistritz đã làm: làm dấu thánh và giơ hai ngón tay bảo vệ tôi chống lại những ánh mắt độc ác đang lẩn quất đâu đây. Tay xà ích dướn hẳn người về phía trước, ở hai hàng ghế băng trên xe, mấy hành khách cố ngهن cố lên nhìn ra ngoài. Rõ ràng là họ đang chờ đợi một đi ều gì xuất hiện trong đêm.

Tôi hỏi chuyện, nhưng tất cả đều không muốn trả lời, dù chỉ là một câu. Sự tò mò cứ âm ỉ mãi trong tôi. Cuối cùng thì chúng tôi cũng đã đến sườn phía đông đèo Borgo. Những đám mây đen kịt ùn ùn ch ồng chất lên nhau, không khí ngột ngạt như sắp sửa có giông. Phải nói rằng giữa hai sườn núi, bầu không khí khác nhau rõ rệt. Bây giờ chúng tôi đang đi vào một khu vực nguy hiểm. Tôi lặng lẽ quan sát chiếc xe có nhiệm vụ dẫn tôi đến nhà ngài bá tước, rồi sốt ruột chờ đợi cái giây phút được trông thấy ánh đèn tỏa ra thấp thoáng từ tòa lâu đài ấy, song xung quanh vẫn đen một màu mực. Ánh sáng duy nhất lúc này vẫn là những ánh đèn trong xe ngựa hắt ra chập ch ờn cùng với nhịp thở nặng hơi nước của lũ ngựa. Ánh sáng ấy cho phép chúng tôi nhận ra đoạn đường trắng trắng trước mặt, nhưng tuyệt nhiên

không thấy bất cứ dấu vết của một chiếc xe nào khác chiếc xe của chúng tôi. Mấy người bạn đường chợt buông một tiếng thở dài rồi xoay người tìm một tư thế ngồi dễ chịu hơn. Tôi cảm thấy cử chỉ của họ giống như một sự chế nhạo: họ giấu cợt sự thất vọng của tôi. Tôi đang nghĩ cách xoay xở trước tình huống khó xử này thì tay xà ích chợt xem đồng hồ và nói gì đó với đám hành khách mà tôi không hiểu; tuy nhiên, tôi cũng đoán được ý anh ta định nói: “Chậm mất một tiếng...” Sau đó, anh ta quay sang khuyên nhủ tôi bằng một thứ tiếng Đức còn tệ hại hơn cả tôi:

— Chẳng nhìn thấy chiếc xe nào cả, chắc là họ không đợi ngài rồi. Có lẽ ngài nên đi cùng chúng tôi tới Bukovine đi, ngài sẽ quay trở lại đây ngày mai hoặc ngày... kia, như vậy sẽ tốt hơn...

Tay xà ích chưa kịp nói dứt lời thì lũ ngựa bỗng hí ầm ỹ và nện móng loạn xạ xuống đất, mấy người ngồi gần tôi cũng giật mình, buột miệng kêu sợ hãi và vội vàng đưa tay làm dấu: thì ra là một chiếc xe ngựa mui trần, bốn ngựa kéo, vừa bất ngờ xuất hiện đằng sau chúng tôi, rồi vượt lên đỗ ngay bên cạnh xe chúng tôi. Dưới ánh đèn, tôi thấy lũ ngựa mới đến con nào con nấy đều thật óng ả, trong đó có một con đen như than. Người đi đầu khiển là một gã đàn ông cao lớn, có bộ râu dài hung hung như râu ngô, đầu đội mũ đen rộng vành che kín mặt. Dưới ánh đèn chập chờn, tôi vẫn nhận ra ánh mắt long lanh của ông ta. Ánh mắt ấy gần như có màu đỏ.

— Đến sớm quá đấy ông bạn ạ! - Gã nói với tay xà ích của chúng tôi.

Tay xà ích đáp lại bằng một giọng thiếu tự tin:

— Nhưng quý ngài người Anh đây lại rất...

— Chắc đó là lý do giải thích tại sao tôi nghĩ - Gã đàn ông mới đến nói tiếp - là anh định chở ông ta đến tận Bukovine... Dừng, anh bạn ạ, không thể lừa được tôi đâu. Tôi biết tổng cả rồi, mà lũ ngựa của tôi cũng chạy nhanh lắm...

Gã vừa cười vừa nói, nhưng nét mặt vẫn đanh lại - lúc này gã đang đứng rất gần chiếc xe của chúng tôi. Tôi trông thấy rất rõ cặp môi đỏ như máu, hai hàm răng nhọn hoắt và vàng ệch như ngà của gã. Một hành khách thì

thần đọc vào tai người ngồi bên cạnh bài thơ Lenore nổi tiếng của Burger: *Denn die todten reiten schnell...*^[3]

Chắc chắn là gã mới đến đã nghe được bài thơ, vì tôi thấy gã vừa quay sang nhìn vị hành khách với một nụ cười quái gở. Người hành khách vội vàng ngoảnh mặt đi nơi khác, đưa tay làm dấu thánh rồi giờ hai ngón tay ra trước.

— Cho tôi xin hành lý của quý ngài đây nhĩ. - Gã lạ mặt tiếp tục lên tiếng.

Chẳng cần đợi gã nói thế, đồng vali của tôi cũng được chuyển sang chiếc xe mui gấp. Tôi bước xuống xe và sang ngồi trong chiếc xe mới. Gã đàn ông đỡ tôi một tay - bàn tay gã quả là cứng như thép. Hẳn gã phải có một sức mạnh phi thường. Chẳng nói chẳng rằng, gã giật dây cương cho xe quay nửa vòng. Chiếc xe mới bắt đầu chuyển bánh và phi hết tốc độ trên đèo Borgo. Ngoái lại phía sau, tôi vẫn nhận ra những ngọn đèn chập chờn của chiếc xe chở khách soi lờ mờ hơi thở đầy hơi nước của lũ ngựa; bóng những hành khách, mà chỉ vừa mới đây thôi còn làm bạn đồng hành của tôi, hiện lên lần cuối cùng trước mắt tôi: họ đang cùng nhau làm dấu thánh.

Gã đánh xe bất chợt vung mạnh chiếc roi, lũ ngựa lập tức chuyển sang đường tới Bukovine. Khi lũ ngựa dấn sâu vào màn đêm, tôi bỗng rung mình vì một cảm giác cô đơn đáng sợ nhưng ngay lập tức một tấm áo choàng được khoác lên vai tôi, và tiếp đó là một mảnh chăn du lịch được đắp nhẹ nhàng lên hai gối. Gã đàn ông nói với tôi bằng một thứ tiếng Đức hoàn hảo:

— Thưa ngài, thời tiết hơi tệ, nên bá tước, tức ông chủ của tôi, đã ra lệnh cho tôi không được phép để ngài bị cảm lạnh. Bình slivovitz^[4] tôi để ở kia, ngay dưới ghế ngồi ấy, nếu thích thì ngài cứ việc.

Dù không uống một giọt, song chỉ cần biết trong xe có một bình như vậy là tôi cũng thấy được an ủi rồi. Tuy nhiên, nỗi lo lắng của tôi còn lâu mới yên trở lại, nếu không muốn nói tôi đang rơi vào một tâm trạng trái

ngược. Tôi tin rằng nếu có thể, chắc chắn tôi sẽ rời bỏ cuộc hành trình càng lúc càng bí ẩn này.

Đang lao mỗi lúc một nhanh theo con đường, chiếc xe bỗng đột nhiên ngoặt sang đường khác rồi tiếp tục đi thẳng. Tôi có cảm tưởng như chiếc xe đang vòng đi, vòng lại mãi một nơi. Tôi nảy ra ý định thử tìm một điểm mốc nào đó để khẳng định sự nghi ngờ của mình, và tôi nhận ra là mình đã không nhầm. Tôi định hỏi gã chủ xe xem như vậy là thế nào nhưng lại thôi, và tự nhủ rằng trong hoàn cảnh thân cô thế cô thế này thì im lặng vẫn cứ hơn, biết đâu tôi lại tình cờ chống đối lại một cái gì đó nếu như gã được lệnh kéo dài quãng đường! Dù sao thì tôi cũng muốn nhìn đồng hồ, và cách duy nhất để nhìn thấy giờ là phải đánh diêm. Đã gần nửa đêm rồi. Tôi bỗng rùng mình hoảng sợ: chắc chắn là cái mê tín dị đoan về tất cả những gì xảy ra lúc nửa đêm sẽ lại ám ảnh đầu óc tôi sau những sự kiện quái lạ mà tôi từng phải trải qua. Lại sắp xảy ra chuyện gì nữa đây?

Có tiếng chó sủa bất chợt vẳng lên từ đâu đó dưới chân đường, có lẽ là từ sân của một trang trại; một tiếng sủa sợ hãi, kéo dài... Tiếng kêu ấy được đáp lại bởi một con chó khác, rồi một con khác và một con khác nữa... Cho tới khi bị những trận gió đang ào ạt thổi qua đèo cuốn đi. Những tiếng kêu hoang dại và thê thảm ấy bỗng như cùng rộ lên từ mọi ngõ ngách. Cái âm hưởng man rợ cứ vẳng mãi, vẳng mãi, vẳng xa tới tận cùng của một thế giới oan hồn mà một trí tưởng tượng có thể tưởng tượng ra trong đêm... Lũ ngựa lập tức nhảy chồm lên, nhưng gã đàn ông đã làm chúng trấn tĩnh trở lại bằng một giọng nói dịu dàng, song con nào con nấy vẫn ướt đầm mồ hôi và run lên như cây sậy. Lúc này, những ngọn núi xa nhất đang dội ngược vào tai chúng tôi những tiếng rú ám ảnh hơn, dữ dội hơn và mạnh hơn gấp bội phần: chó sói. Tôi tưởng mình có thể nhảy khỏi xe mà chạy trốn đến nơi. Lũ ngựa một lần nữa nhảy chồm chồm và vùng cẳng đá hậu lia lịa, nhưng gã xà ích cũng chẳng cần phải hết sức để ngăn chúng lờng lên. Gã nhảy xuống xe và chạy ngay ra trước mũi lũ ngựa để vuốt ve, vỗ về và an ủi chúng bằng những câu tử tế nhất mà gã có. Kết quả

thật phi thường: dù vẫn chưa hết run, nhưng bốn con ngựa đã ngay lập tức tuân lời chủ nhân, ngoan ngoãn để gã lên xe cưỡi cương. Chúng lại hối hả lao trên con đường bất khả kháng. Lần này, sau khi chạy tới bên kia đồi, gã xà ích cho ngựa chạy theo một hướng khác, theo một con đường hẹp hơn, mất hút về phía tay phải.

Lát sau, xe chúng tôi lọt vào giữa hai hàng cây mọc giao nhau ở một số đoạn tạo thành một cái vòm thực sự, khiến tôi cảm thấy như đang lọt vào một đường hầm. Thỉnh thoảng chúng tôi lại gặp những mỏm đá đồ sộ như những cái bóng lưng lửng đứng hăm dọa kẻ qua đường. Và cứ mỗi lần có trận gió kéo về gần rít giữa các hốc đá là các ngọn cây lại rung chuyển dữ dội. Tiết trời mỗi lúc một lạnh hơn, những bông tuyết mảnh mai bắt đầu rơi rơi chẳng mấy chốc mọi thứ xung quanh sẽ biến thành một màu trắng xóa. Gió vẫn mang đến cho chúng tôi những tiếng kêu náo nê thê lương của bầy chó nhà, nhưng những tiếng kêu ấy đã bắt đầu nhỏ dần, nhỏ dần bởi chúng tôi đã tiến được một đoạn khá xa.

Song ngược lại, tiếng chó sói lúc trước chỉ vắng vắng, giờ bỗng trở nên dữ dội hơn, dồn dập hơn; những tiếng rú thê thảm ấy càng lúc càng gần hơn và dường như đang bủa vây xung quanh chúng tôi thực, tôi bắt đầu cảm thấy khiếp sợ.

Hình như lũ ngựa cũng có một vẻ gì đó không yên như tôi. Tuy nhiên, gã đàn ông vẫn bình thản ngó nghiêng như chẳng có chuyện gì xảy ra. Tôi giương mắt cố phân biệt một cái gì đó trong đêm, nhưng tất cả vẫn chỉ là một màu đen như mực.

Tôi bỗng giật thót người khi nhận ra một đốm sáng xanh lè đang lập lòe cách xe chúng tôi một đoạn khá xa về bên trái. Gã xà ích hẳn cũng đã nhận ra cái đốm sáng ấy cùng lúc với tôi, bởi gã vừa giật cương cho ngựa đứng khựng lại, rồi nhảy phắt xuống đất và biến mất hút trong màn đêm. Tôi chờ đợi tự hỏi không biết mình sẽ phải làm gì... Tiếng sói tru càng lúc càng gần xe chúng tôi hơn. Tôi còn đang do dự thì gã đàn ông bỗng đột ngột xuất hiện trước mặt, chẳng nói chẳng rằng và leo tót lên ghế thúc ngựa đi tiếp.

Cái đốm sáng ấy cứ ám ảnh mãi trong đầu tôi và dường như lúc nào tôi cũng thấy nó lập lòe trở lại.

Vâng, sau này khi nghĩ lại, tôi vẫn có cảm tưởng như mình đã rơi vào một cơn ác mộng kinh hoàng.

Một lúc sau, cái đốm xanh ấy xuất hiện gần chúng tôi đến nỗi giữa màn đêm thăm thẳm, tôi đã có thể nhìn rõ từng cử chỉ của gã xà ích. Gã nhanh chân bước về phía có đốm sáng chập chờn - tuy chỉ là một thứ ánh sáng rất yếu, chỉ đủ để phân biệt được mặt đất xung quanh - rồi nhặt mấy hòn đá chất lại thành một đống. Tôi thấy việc gã làm thật kỳ quái. Một lần khác, khi cái quầng sáng nhòe nhòe ấy xuất hiện: đứng giữa đốm sáng và tôi, gã chẳng buồn che cho tôi không nhìn thấy gì nữa. Tôi tiếp tục trông thấy rõ ràng cái đốm sáng chập chờn và bí ẩn ấy. Người tôi sững sờ mất một lúc, nhưng rồi cũng tự nhủ rằng do quá muốn chọc thủng màn đêm nên hai con mắt đã đánh lừa tôi... Sau đó, chúng tôi không còn trông thấy những đốm xanh lẻ ấy nữa, nhưng tiếng chó sói thì vẫn còn, dường như chúng đang tạo thành một vòng tròn và vòng tròn ấy đang mỗi lúc một tiến gần, xiết chặt lấy xe chúng tôi hơn.

Không hiểu sao gã xà ích lại nhảy xuống xe một lần nữa, và lần này gã bỏ đi xa hơn. Trong lúc gã vắng mặt, lũ ngựa lại bắt đầu hoảng sợ hơn bất cứ lúc nào hết, chúng thì nhau thở phì phì và hí ầm ỹ. Không hiểu lý do gì khiến chúng hoảng sợ đến thế, bởi đúng vào lúc đó, ánh trăng bỗng bất ngờ xuất hiện lập lòe giữa những đám mây đen, sau một đỉnh núi cao hùng vĩ và lởm chởm như răng cưa, và tiếng chó sói đột nhiên im bặt. Dưới ánh trăng nhợt nhạt, tôi bần rần nhận ra những con sói không hiểu từ đâu bất thành linh đứng lù lù xung quanh chiếc xe ngựa, nhe ra những hàm răng trắng ớn và chiếc lưỡi đỏ lòm; lông con nào con nấy dựng ngược như lông nhím. Trong màn đêm im lặng lạ lùng đáng sợ, trông chúng còn ghê rợn hơn so với những lúc chúng gào thét đến trăm lần.

Tôi bắt đầu nghĩ tới một mối nguy hiểm có thể đổ ập xuống bất cứ lúc nào. Nỗi sợ hãi đã làm toàn thân tôi tê liệt. Bầy sói lại đột nhiên gào rú như

thể ánh trăng vừa có một quy ền uy đặc biệt nào đó đối với chúng. Lũ ngựa cũng không còn giữ được bình tĩnh. Chúng lăm lét nhìn xung quanh như muốn tìm một sự thương hại nào đó, nhưng cái vòng tròn sống, vòng tròn khủng khiếp vẫn vây chặt xung quanh. Tôi gọi gã xà ích, tôi kêu gã quay về Tôi thấy dường như cơ hội duy nhất còn lại với mình lúc này là cố sức phá vỡ cái vòng vây ma quái kia để gã có thể quay về. Vì vậy, tôi càng gào to hơn và đập thùm thụp vào cửa xe với hy vọng sẽ làm cho bầy sói đang rình rập bên cạnh hoảng sợ bỏ đi.

Làm sao gã lại ở đó, tôi không biết, chỉ biết khi nghe thấy giọng nói độc đoán đầy uy lực của gã và nhìn về phía ấy, tôi đã thấy gã đứng ở giữa đường. Khi hai cánh tay dài ngoằng của gã điệu bộ vung lên đẩy lùi một chương ngại vô hình nào đó, bầy sói bỗng lùi d ần ra. Đúng lúc ấy, mặt trăng bị một đám mây đen khổng lồ kéo đến phủ kín hoàn toàn. Bầu trời lại đen kín như bưng. Khi hai mắt đã quen dần với bóng tối, tôi nhận ra gã đàn ông đang leo lên xe, còn bầy sói thì biến sạch đi đằng nào. Tất cả diễn ra quá đ ần và đáng ngại đến nỗi tôi không dám nói, cũng chẳng dám có bất cứ một cử động nào. Ánh trăng không xuất hiện trở lại, cuộc hành trình lúc này đối với tôi tưởng chừng sẽ kéo dài đến vô tận. Chúng tôi tiếp tục lên đường. Con đường dường như cứ dốc mãi lên, mặc dù thỉnh thoảng chiếc xe cũng đột ngột lao xuống những đoạn dốc ngắn, để rồi lại lao ngược lên một sườn dốc mới.

Trong một tâm trạng mòn mỏi và thất vọng, tôi chợt nhận ra gã xà ích vừa bất ngờ đánh xe vào sân một lâu đài đồ sộ, đồ nát. Những ô cửa sổ cao vút tăm tối không hề lọt ra một tia sáng nào, các lỗ châu mai đen ngòm càng như nổi bật lên trên bầu trời lúc này đang nhợt nhạt ánh trăng: mặt trăng lại một lần nữa xuất hiện lập lòe giữa những đám mây trĩu nặng.

CHƯƠNG 2

Nhật ký của Jonathan Harker (tiếp theo)

• Ngày 5 tháng 5

Có lẽ là tôi đang thiu thiu ngủ, nếu không thì làm sao tôi lại giật mình trước khung cảnh trong tòa lâu đài cổ. Trong đêm tối, sân lâu đài có vẻ như rộng hơn; vắng, với các lối đi rồi rậm và tối tăm dẫn đến các cổng vòm cao vút, dường như mảnh sân còn rộng hơn so với thực tế.

Chiếc xe ngựa dừng bánh kết thúc một cuộc hành trình đầy ấn tượng, gã xà ích xuống trước đỡ tôi xuống sau. Một lần nữa tôi cảm nhận được một sức mạnh ghê gớm từ con người gã. Bàn tay gã giống như một gọng kìm thép có thể bóp nát tay tôi nếu gã muốn. Sau đó, gã đỡ hành lý của tôi đặt xuống đất, gần chỗ tôi đứng, tức là gần ngay một cánh cửa lớn, cũ kỹ, ghim đầy đinh sắt, khuôn cửa được xây bằng các hòn đá tảng. Dù còn rất tối, song tôi vẫn nhận ra các bức chạm khắc trên tấm đá bị thời gian và mưa gió bào mòn đi rất nhiều. Gã đàn ông, sau khi hạ hết hành lý của tôi xuống, lại nhảy tót lên xe, giật cương thúc ngựa ấy mất hút vào một trong những lối nhỏ tối tăm.

Tôi đứng trơ như tượng, chẳng biết phải làm gì. Không có chuông để rung, chẳng có búa để gọi cửa, và cũng không thể có chuyện người ta sẽ nghe được tiếng gọi của tôi sau những bức tường kiên cố hoặc từ những ô cửa sổ đen ngòm kia. Tôi chỉ còn biết chờ đợi, sự chờ đợi đối với tôi lúc này như kéo dài vô tận. Sự khiếp sợ và nỗi âu lo lại ập đến ám ảnh đầu óc tôi. Vậy là tôi đã đi đến đâu, và sẽ phải gặp hạng người nào? Tôi đã dẫn thân vào một cuộc phiêu lưu quái gở? Phải chăng chuyện xảy ra với tôi - một thư ký công chứng viên đến đây để lý giải về cuộc mua bán một bất động sản ở gần Luân Đôn - chỉ là một rắc rối bình thường trong đời? Tôi giục mắt, khế bầu vào khắp người để đảm bảo rằng mình vẫn tỉnh táo, bởi

trước đó tôi cứ nghĩ mình đang bị ác mộng. Tôi tự nhủ rằng mình sẽ lại mở mắt ra và nhận thấy mình đang ở nhà mình, và rằng ánh rạng đông sẽ dần dần chiếu qua cửa sổ phòng mình: đó sẽ không phải là đêm đầu tiên tôi rơi vào một giấc ngủ nhọc nhằn sau một ngày làm việc quá sức. Tôi vẫn đang thức! Khi bầu vào người, tôi vẫn cảm thấy đau, đôi mắt tôi đã không hề lừa tôi một chút nào! Tôi vẫn hoàn toàn tỉnh táo và đang đứng trước một tòa lâu đài ở vùng Carpates! Chỉ còn việc duy nhất phải làm: kiên nhẫn chờ đợi một ngày mới.

Đang mãi nghĩ, tôi chợt giật mình vì nghe thấy tiếng bước chân nặng nề sau cánh cửa lớn, cùng lúc đó là một vệt sáng hắt qua khe cửa, rằng tiếng tháo xích loảng xoảng, tiếng rút chốt cửa ken két. Tôi còn nghe thấy tiếng chìa khóa xoay khó nhọc trong ổ khóa lâu (có lẽ lâu lắm rồi ổ khóa này không được sờ đến?) trước khi cánh cửa lớn hé mở.

Đứng trước mặt tôi là một lão già cao lớn, mày râu nhẵn nhụi (trừ hàng ria mép trắng như cước là vẫn để dài), ăn mặc từ đầu xuống chân chỉ một màu đen, đen hoàn toàn, không có một chấm màu nào khác, dù là rất nhỏ. Lão cầm trên tay một cây đèn bạc cổ không có bóng thủy tinh, ngọn lửa đảo điên trong không khí hắt ra những cái bóng run rẩy xung quanh. Lão mời tôi vào bằng một điệu bộ rất lịch sự, và nói với tôi bằng một thứ tiếng Anh hoàn hảo, chỉ có đôi chút giọng lão nghe cứ lạ lạ:

— Hoan nghênh ngài đã đến với tôi! Mời ngài cứ tự nhiên cho!

Lão đứng nguyên tại chỗ như một pho tượng, cứ như cử chỉ đầu tiên mà lão vừa dành để đón tiếp tôi đã biến lão thành một khối đá. Tuy nhiên, lúc tôi bước qua ngưỡng cửa, lão đã lập tức nắm chặt lấy tay tôi với một sức mạnh ghê gớm khiến người tôi run lên vì đau điếng. Bàn tay lão cũng lạnh như nước đá, nó giống với bàn tay của một xác chết hơn là của một người sống. Lão nhắc lại:

— Hoan nghênh ngài đã đến với tôi! Mời ngài cứ tự nhiên, đừng sợ gì cả và hãy để lại đây một chút gì may mắn mà ngài đã mang theo!

Sức mạnh của bàn tay lão làm tôi chợt nhớ tới bàn tay của gã xà ích mà tôi chưa một lần được nhìn rõ mặt; tôi tự hỏi kẻ đang nói chuyện với tôi có phải là gã hay là một ai khác. Tôi mạnh dạn hỏi:

— Bá tước Dracula?

Lão già nghiêng mình nhã nhặn đáp lời.

— Vâng, tôi chính là bá tước Dracula, chúc mừng ngài đã đến với tôi, thưa ngài Harker. Mời vào, mời vào. Đêm hơi lạnh. Chắc ngài cũng cần được nghỉ ngơi và lót dạ một chút gì đó...

Vừa nói, lão vừa đặt cây đèn lên một góc dầm chìa ra trên tường, rồi bước ra khỏi ngưỡng cửa lấy sổ hành lý của tôi trước khi tôi kịp ngăn lại. Lão xách cả vào trong hành lang. Tôi định mở miệng phản nản thì lão vội nói liền một mạch khiến tôi không có cơ hội để nói.

— Đừng nói gì cả, thưa ngài, ngài là khách mời của tôi kia mà. Bây giờ cũng muộn rồi, đám gia nhân của tôi đã đi ngủ cả. Cho phép tôi được đích thân dẫn ngài về phòng nhé.

Chủ nhà cố nhấn giọng như muốn xách vali hộ tôi bằng mọi giá. Lão đi qua hành lang, leo lên một cầu thang xoáy tròn ốc rồi đến một hành lang được lát toàn bằng đá khiến cho tiếng mỗi bước chân cứ ngân dài mãi không dứt. Đi hết dãy hành lang, lão đẩy một cánh cửa nặng nề mở ra một căn phòng thật dễ chịu đối với tôi lúc này: một căn phòng có ánh đèn, có bàn để ăn xúp và đang bập bùng ánh lửa cháy trong một gian lò sưởi đường bệ.

Bá tước Dracula đặt hành lý của tôi xuống, khép cửa, bước qua phòng và đi về một ô cửa khác mở sang một phòng bát giác nho nhỏ đang được chiếu sáng bởi duy nhất một ngọn đèn; tôi không trông thấy một ô cửa sổ nào trong đó. Lão chủ nhà bước qua phòng bát giác mở tiếp một cánh cửa khác và mời tôi vào bên trong. Chà! Quả là một khung cảnh dễ chịu! Đó là một phòng ngủ rộng rãi, đèn sáng choang và cũng được sưởi ấm nhờ những khúc củi trong lò sưởi. Rõ ràng chỉ vừa mới được đốt lên, nhưng lò

sưởi đã cháy rất đượm. Lão bá tước mang vali của tôi vào phòng này rồi rút lui. Trước khi khép cửa, lão còn dặn tôi:

— Sau một hành trình vất vả, chắc là ngài cũng muốn nghỉ ngơi một chút và thay quần áo cho dễ chịu. Hy vọng ngài sẽ tìm thấy ở đây tất cả những gì ngài muốn. Khi nào xong xuôi, ngài có thể sang phòng bên. Bữa đêm đang chờ đợi ngài.

Ánh lửa bập bùng, không khí nồng ấm, và cả cái vẻ nhã nhặn của bá tước dường như đã làm cho tôi quên hết mọi nỗi phiền muộn. Tôi chợt nhận ra mình đang đói muốn chết. Rửa ráy qua loa, tôi bước ngay sang phòng bên cạnh như bá tước vừa mời.

Bữa đêm đã được chuẩn bị đâu ra đấy. Chủ nhà đang đứng tựa vào lò sưởi. Thấy tôi, lão chỉ vào bàn và bảo, giọng thật tử tế.

— Mời ngài cứ ngồi vào chỗ và dùng bữa tùy thích. Hy vọng ngài sẽ thứ lỗi nếu như tôi không cùng chung bữa với ngài, sau khi ăn tối rồi, tôi không thể ăn thêm được gì nữa.

Tôi đưa lá thư được dán kín mà ông Hawkins đã nhờ tôi cần hộ cho lão. Lão lập tức mở thư ra đọc, vẻ rất trang nghiêm. Đọc xong, lão mỉm cười trả lại tôi lá thư. Trong lá thư có một đoạn làm tôi cảm thấy thật vui:

“Tôi thật sự lấy làm tiếc vì căn bệnh thống phong lại một lần nữa tấn công tôi, khiến tôi không thể lên đường vào lúc này, và tôi sợ rằng nó sẽ níu chân tôi trong một thời gian dài. Tuy nhiên, tôi cũng cảm thấy thật may mắn khi gửi đến ngài một đại diện mà tôi hoàn toàn tin cậy. Đó là một thanh niên trẻ đây nghị lực, hoàn toàn hiểu biết về công việc. Tôi xin được nhắc lại, chúng ta có thể tin tưởng ở anh ta. Hơn nữa, anh ta còn là người kín đáo, và tôi có thể nói rằng anh ta đã trưởng thành trong văn phòng của tôi. Trong thời gian ở nhà ngài, anh ta sẽ tuân theo sự sắp xếp của ngài mỗi khi ngài cần, và mọi việc đều do ngài chỉ giáo...”

Bá tước rời lò sưởi để đích thân tới mở vung một món ăn cho tôi. Lát sau, tôi được nếm một chú gà quay mà tôi cho là một mỹ vị thực sự. Thêm vào đó là một chút pho mát, một đĩa sa lát, và hai cốc rượu Tokay lâu đời.

Trong bữa ăn, bá tước hỏi rất nhiều về cuộc hành trình của tôi. Tôi lần lượt kể lại những chuyện mà tôi thấy là kỳ quái đã xảy ra suốt dọc đường. Bá tước có vẻ rất chăm chú lắng nghe.

Lúc kể hết chuyện cũng là lúc tôi ăn xong bữa. Chủ nhà bảo tôi ra ngồi vào một chiếc ghế tựa gần lò sưởi và mời tôi một điếu xì gà với một lời xin lỗi là lão không thể hút cùng. Quả thực đây là dịp đầu tiên tôi có thể quan sát kỹ con người lão những nét nổi bật trên bộ mặt lão đã đập vào mắt tôi.

Chiếc mũi khoằm khiến lão thật sự có một dáng vẻ của một con diều hâu; lão có một vầng trán cao, gồ, mái tóc thưa thớt trên đỉnh nhưng lại mọc rất dày xung quanh đầu; cặp lông mày rậm mọc gần như giao nhau ở phía trên sống mũi, các sợi lông mọc dài, rối rắm, tạo nên một cảm tưởng là nó quăn tít. Cái miệng lão, hoặc ít nhất là cái mà tôi nhìn thấy dưới hàng ria mép to tướng, không sao giấu được vẻ gì đó thật tàn ác; còn hai hàm răng, dù trắng tinh, nhưng cái nào cái nấy đều nhọn hoắt và mọc chìa ra cả ngoài cặp môi đỏ chót - diều chứng tỏ một sức sống phi thường ở một người trạc tuổi lão. Song hai tai lão lại xám ngoét một màu chì và nhọn như tai chuột; chiếc cằm rộng cũng cho thấy sức mạnh của lão; và đôi má, dù hõm sâu vào, trông vẫn còn rất rắn chắc. Một nước da xanh nhợt nhạt đến lạ thường, đó chính là cái cảm giác chung mà bộ mặt lão đã để lại trong tôi.

Tất nhiên tôi cũng để ý kỹ hai bàn tay đang đặt trên hai đầu gối lão. Dưới ánh lửa chập chờn, trông chúng có vẻ trắng và mảnh mai hơn, nhưng khi nhìn gần, tôi lại thấy một diều ngược lại: trông chúng thật thô thiển với các ngón tay ngắn như một nải chuối mẫn. Diều làm tôi kinh ngạc nhất là trên các mu bàn tay lão đều có một lớp lông bao phủ và mặc dù các ngón tay đều ngắn cùn, nhưng các móng tay lại rất dài và mảnh, tất cả đều được cắt tỉa nhọn hoắt. Khi lão nghiêng người xuống, tôi không thể tránh khỏi cảm giác rùng mình. Hơi thở của lão có mùi ghê quá, đến nỗi khiến tôi nôn nao hết cả người mà không thể giấu được. Chắc là bá tước đã nhận ra sự khó chịu của tôi, bởi tôi thấy lão vừa rụt người lại vừa nở một nụ cười quái

gở, để nhe hản ra những chiếc răng vỡ. Lão quay trở lại gần lò sưởi. Chúng tôi giữ im lặng một lúc khá lâu. Bất giác, tôi ngược mắt nhìn lên cửa sổ: những ánh ban mai đầu tiên đã xuất hiện. Bầu không khí im lặng dường như đang đè nặng lên mọi thứ. Tuy nhiên, khi chú ý lắng nghe, tôi vẫn có cảm tưởng như mình đang nghe thấy tiếng chó sói tru văng vẳng trong thung lũng. Đôi mắt chủ nhà sáng lên long lanh, lão nói với tôi:

— Ngài có nghe thấy gì không? Chúng là những đứa con của đêm tối... Chúng đang làm nên một bản nhạc!

Dường như đọc được sự ngạc nhiên trên nét mặt tôi, lão nói tiếp:

— Chà! Thưa ngài! Những người dân thành thị như ngài sẽ chẳng bao giờ bày tỏ được cảm xúc của một kẻ đi săn...

Nhưng như sự nhớ ra đi đâu rồi, lão đứng bật dậy.

— Có lẽ ngài cũng đã mệt rồi. - Lão nói. - Phòng ngủ của ngài đã được chuẩn bị xong, và ngày mai ngài có thể dậy vào bất cứ lúc nào tùy thích. Còn tôi, tôi có việc bận phải vắng mặt đến chiều. Ngài cứ ngủ cho thỏa thích, chúc ngài có những giấc mơ đẹp!

Lão mở cửa phòng bất giác, rồi cúi người lịch sự lúc nào cũng rất lịch sự - mời tôi bước qua. Tôi về phòng chuẩn bị ngủ bù...

Tôi chìm ngập vào một biển cả của những mối nghi ngờ, sợ hãi..., rồi nghĩ ra đủ thứ quái lạ, kỳ quặc mà thậm chí chính tôi cũng không dám tìm ra một câu trả lời sáng tỏ. Lạy Chúa, cầu mong cho đó chỉ là những ảo giác nhất thời!

• Ngày 7 tháng 5

Lại một buổi sáng nữa. Tôi bắt đầu cảm thấy khỏe khoắn trong người sau hai mươi bốn tiếng đồng hồ bình yên. Tôi có thể dậy muộn tùy thích. Ngày đầu tiên, sau khi đã ăn mặc chỉnh tề tôi hăm hở bước sang phòng mà hôm trước tôi đã ngủ ăn đêm; bữa điểm tâm của tôi được dọn sẵn cùng với ly cà phê đặt bên lò sưởi nghi ngút khói thơm. Trên bàn ăn, tôi thấy một mẫu giấy ghi mấy chữ: *“Tôi có việc phải vắng mặt. Xin ngài đừng chờ. D.”*

Vậy là tôi có thể tự nhiên dùng điếm tâm. Xong bữa, tôi đưa mắt tìm chuông gọi người hầu đến dọn bàn nhưng không thấy chuông đâu cả. Nhìn đồng của cái quý giá được bày rải rác khắp nhà, tôi khó có thể không ngạc nhiên khi thấy thiếu những đồ vật đơn giản nhưng hữu ích khác. Bộ đồ ăn bằng vàng được chạm trổ tinh vi chắc chắn là có một giá trị rất lớn. Các tấm rèm cửa đều được may bằng những loại vải lông lầy và xa hoa nhất, ngay cả lớp màn trướng ở giường ngủ của tôi cũng vậy. Tất cả các loại ghế tựa, ghế bành trong nhà cũng được bọc bằng các tấm vải thượng hạng. Dù đã trải qua nhiều thế kỷ, song các tấm ghế ở đây đều vẫn giữ được trạng thái ban đầu; tôi cũng đã từng được nhìn thấy những chiếc ghế tương tự trong Điện Hampton, nhưng phần lớn đều đã ọp ẹp hoặc bị chuột bọ cắn nát lung tung. Tuy nhiên, chẳng có phòng nào trong tòa nhà này có gương. Ngay cả trên bàn tôi cũng không có lấy một mảnh, vì vậy, mỗi khi cần cạo râu hay chải tóc, tôi lại phải dùng tới mảnh gương nhỏ xíu gắn ở túi du lịch. Đến đám gia nhân cũng thiếu nốt, ít nhất là cho tới lúc này tôi vẫn chưa trông thấy một bóng ai ngoài ngưỡng cửa. Còn một điếu nữa cũng thật kỳ lạ: kể từ khi tới đây, tôi chưa hề nghe thấy một tiếng động nào, dù là nhỏ nhất, ngoài những tiếng kêu thê thảm xa xôi của bầy chó sói. Sau bữa ăn, tôi rất muốn đọc một cái gì đó; tôi không muốn khám phá lâu đài khi chưa xin phép bá tước. Nhưng trong phòng tôi ở lại không có sách, không có báo, cũng chẳng có gì là chữ nghĩa cả. Tức mình, tôi đẩy bừa vào một cánh cửa, và thật bất ngờ khi đó chính là cánh cửa của một phòng thư viện. Tôi thử mở một cánh cửa khác nằm đối diện với cánh cửa tôi vừa bước vào nhưng không được, vì nó đã bị khóa chặt.

Thật đáng ngạc nhiên khi tìm thấy ở đây vô số sách tiếng Anh xếp kín cả các tầng giá cũng như nhiều bộ sưu tập tạp chí và họa báo. Trên chiếc bàn đặt giữa phòng cũng bày kín các loại báo và tạp chí viết bằng tiếng Anh, nhưng tất cả đều đã cũ Trong thư viện có đủ loại sách viết về các chủ đề khác nhau: lịch sử, địa lý, chính trị, kinh tế chính trị, thực vật học, địa

chất học, luật pháp; và đặc biệt là tất cả đều liên quan đến nước Anh, đến cuộc sống và phong tục của người Anh!

Tôi đang mãi kiểm tra các đầu sách thì cánh cửa bật mở, bá tước bất ngờ xuất hiện, lão chào tôi một cách rất chân tình và hỏi thăm giấc ngủ của tôi đêm qua có ngon không.

— Tôi rất lấy làm hân hạnh khi được thấy ngài vào thư viện. - Lão nói.
- Tôi tin chắc rằng tất cả những gì trong này đều sẽ làm cho ngài cảm thấy thú vị. Đối với tôi, những cuốn sách trên giá - vừa nói lão vừa vuốt ngang gáy các cuốn sách - đều là những người bạn quý; từ mấy năm nay, tức là từ khi tôi nảy ra ý định tới Luân Đôn, các cuốn sách này đã cho tôi những giờ phút thực sự thú vị! Chúng cho tôi biết về đất nước tươi đẹp của ngài và hiểu biết về nước Anh chính là yêu đất nước Anh. Sao mà tôi thêm được dạo chơi giữa những đám đông đi trên đường phố Luân Đôn, một thành phố oai nghiêm vĩ đại, được lạc vào giữa tiếng ồn ào của các quý ông quý bà, được chia sẻ sự t ồn vong của dân tộc ấy và chia sẻ tất cả những gì đang xảy ra cùng họ đến thế! Nhưng than ôi! Cho đến tận bây giờ tôi vẫn chỉ được biết ngôn ngữ của các ngài qua những cuốn sách này mà thôi. Hy vọng rằng ngài sẽ dạy tôi cách nói tiếng Anh, ông bạn thân mến ạ?

— Nhưng thưa bá tước, - Tôi đáp lại - ngài khiêm tốn quá đấy thôi, thực ra ngài đang nói tiếng Anh rất chuẩn đấy chứ?

Lão nghiêng mình, vẻ mặt rất nghiêm trọng:

— Cảm ơn ông bạn; ngài cứ đánh giá quá cao, chứ thực ra còn lâu tôi mới đạt được mục tiêu của mình. Đúng là về từ vựng và ngữ pháp thì tôi nắm rất vững, nhưng còn khoản nói năng thì vẫn chưa đâu vào đâu cả!

— Tôi xin được nhắc lại là ngài nói rất hoàn hảo!

— Không đúng, không đúng... Tôi thừa biết nếu sống ở Luân Đôn, khi nghe tôi nói, sẽ chẳng có ai cho rằng tôi là một người Anh đâu. Chính vì vậy mà sự hiểu biết của tôi về Anh ngữ vẫn còn khiếm khuyết. Có thể ở đây tôi là một kẻ quý phái, một nhà quý tộc, các mọn dân đều biết tôi. Đối với bọn họ, tôi luôn là một lãnh chúa. Nhưng để trở thành người dân ở một

nước ngoài, thì tôi coi như không tồn tại: tất cả những gì tôi muốn, đó là được coi như một người giống như bao người khác, là sẽ không có ai dừng lại nhìn tôi hoặc ngắt quãng câu chuyện khi nghe tôi nói, để rồi buông ra một câu nhạo báng: “Ồ! Thì ra là một người ngoại quốc!”. Tôi từng làm thầy trong bấy nhiêu năm mà tôi muốn, ít nhất là như vậy, nhưng tôi lại không thích ai làm thầy của mình... Ngài đã đến đây không chỉ là một nhân viên làm việc cho ông bạn Peter Hawkins để lo công việc liên quan đến chuyện nhà cửa của tôi ở Luân Đôn, hy vọng ngài sẽ lưu lại đây dài dài, và như vậy qua các cuộc đàm thoại, tôi sẽ được làm quen với âm điệu tiếng Anh. Tôi sẽ đề nghị ngài phát hiện các lỗi, dù là nhỏ nhất, mà tôi sẽ mắc phải trong lúc nói chuyện. Tôi rất lấy làm áy náy khi đã đi vắng quá lâu như ngày hôm nay, chắc là ngài sẽ thứ lỗi, có đúng thế không ạ, nếu như tôi nói với ngài rằng hôm nay tôi phải lo rất nhiều việc quan trọng.

Dĩ nhiên tôi phải trả lời mình không hề bận tâm về chuyện đó, mà đi đâu tôi muốn lúc này là được phép vào thư viện mỗi khi thích vào. “Chắc chắn là được chứ” - Lão đáp lại khi tôi xin phép, rồi lão nói thêm - “Ngài có thể đi bất cứ chỗ nào ngài muốn trong lâu đài này, trừ các phòng ngài thấy cửa khóa và tất nhiên là cả những nơi mà ngài không muốn đặt chân đến. Ở đây mọi cái đều có lý do cho sự tồn tại nguyên trạng của chúng, và nếu ngài cũng biết cái đi đâu mà tôi biết thì tức là ngài đã hiểu thấu đáo mọi việc ở đây rồi đấy”.

Tôi nói rằng mình không nghi ngờ gì về đi đâu đó. Nghe vậy, lão tiếp tục thuyết giảng:

— Chúng ta đang ở Transylvanie, và Transylvanie không phải là nước Anh. Phong tục, tập quán của chúng tôi không phải là của các ngài, do vậy sẽ có rất nhiều đi đâu khác lạ đối với ngài. Tuy nhiên, nếu như căn cứ vào những gì ngài đã kể cho tôi nghe về các vương mắc trong suốt cuộc hành trình tới đây của ngài, thì tôi dám chắc đi đâu tôi vừa nói sẽ không hề làm cho ngài ngạc nhiên.

Lời bóng gió của bá tước đã tiếp thêm hứng thú cho cuộc nói chuyện; khi nhận thấy lão đang thích nói chuyện, tức là lão muốn nói chuyện chỉ vì ham thích đàm thoại, tôi đã đặt ra cho lão nhiều câu hỏi về những gì tôi có thể lưu ý ở đất nước lão, hoặc về những gì tôi đã phải trải qua. Thỉnh thoảng lão cũng né tránh vấn đề hoặc lái câu chuyện sang một hướng khác với lý do là lão không hiểu đi đâu tôi muốn nói. Nhưng nói chung, lão đều trả lời thẳng vào các câu hỏi của tôi. Sau một lúc khá lâu, khi đã cảm thấy yên tâm hơn, tôi mới bắt đầu nói về cái đêm rừng rợn mà tôi đến lâu đài và đề nghị lão giải thích: giữa một mớ sự việc, tại sao tên xà ích lại nhảy xuống xe mỗi khi hắn trông thấy một ánh sáng xanh lè, và tại sao hắn cứ đi thẳng về phía có ánh sáng ấy. Lão cho tôi hay rằng theo tín ngưỡng dân gian Transylvanie, vào một đêm nào đó trong năm - đêm mà các quỷ thần được cho là bá chủ thế giới, người ta sẽ thấy một ánh lửa màu xanh hiện lên đúng ở chỗ nào có chôn giấu một kho báu dưới lòng đất.

Lão tiếp tục câu chuyện:

— Có một kho báu được chôn ở nơi ngài đã đi qua tối hôm ấy, bởi đây chính là một mảnh đất mà người Wallach, người Saxon và người Thổ đã tranh chấp trong nhiều thế kỷ. Quả thực, nơi đây không có một thước đất nào không nhuộm máu của những người yêu nước và của cả những kẻ xâm lược. Đó là một thời kỳ dị thường. Các bộ lạc người Áo và người Hung luôn đe dọa chúng tôi. Tổ tiên chúng tôi, già cũng như trẻ, gái cũng như trai, tất cả đều dũng cảm chống lại quân thù. Họ bám vào các ngọn núi, vách đá chơ đọi, phục kích và từ những đỉnh cao này, họ đã làm nên những trận long núi, lở đất chôn vùi quân xâm lược. Nhưng cuối cùng thì quân thù vẫn ngoan cố vượt qua. Mặc dù vậy, chúng gần như chỉ thấy vườn không nhà trống ở đất nước này, bởi người dân đã chôn giấu dưới lòng đất mọi thứ mà họ có.

— Nhưng tại sao - Tôi hỏi - những của cải ấy được cất giấu lâu đến như vậy, trong khi những đốm sáng xanh lại chỉ rõ vị trí cất giấu cho

những người chẳng lẽ chỉ muốn duy nhất một điếu là chịu khó ngồi nhìn chúng thôi sao?

Lão bá tước bật cười, nhe cả hàm răng dài và nhọn hoắt:

— À! Người mà ngài nói đến chắc chắn là một kẻ ngu ngốc và nhút nhát! Như tôi đã nói, những đốm lửa ấy chỉ xuất hiện vào một đêm duy nhất trong năm - chỉ một đêm thôi nhé và vào đêm đó, sẽ không có một người nào ở xứ này muốn thò mũi ra khỏi cửa, trừ trường hợp bắt buộc phải làm thế. Và ông bạn thân mến ạ, xin hãy tin tôi đi, nếu như bước chân ra khỏi cửa, thì có lẽ người đó chỉ còn biết... Người mà ngài vừa nói ỉ ôi, tức là người đã không thể tìm lại được những điểm mốc mà anh ta đã định ra. Kể cả ngài cũng vậy, tôi thề đấy, ngài sẽ không thể tìm thấy những chỗ mà ngài đã trông thấy những đốm lửa ấy đâu!

— Đúng thế, tôi đáp lại, nếu như lao vào cuộc tìm kiếm, có khi tôi còn rước họa vào thân ấy chứ!

Sau đó chúng tôi quay sang nói chuyện khác.

— Nào, - Bá tước nói - bây giờ ngài hãy cho tôi biết tin về Luân Đôn và tất cả các chi tiết mà ngài có thể cung cấp về ngôi nhà các ngài định mua cho tôi đi.

Tôi xin lỗi về sự vô ý của mình và xin phép về phòng tìm giấy tờ hợp đồng. Trong lúc sắp xếp giấy tờ, tôi chợt nghe thấy có tiếng lách cách của đồ sứ và kim, loại ở phòng bên cạnh và khi đi qua đó, tôi thấy bàn ăn đã được dọn sạch, đèn đã được thắp sáng, bởi lúc này trời cũng sắp tối rồi. Các ngọn đèn trong thư viện cũng được thắp sáng, bá tước đang nằm đọc sách, trên ghế trường kỷ. Giữa một đồng bao nhiêu đầu sách, lão chọn cuốn “Sách chỉ dẫn về nước Anh” của Bradshaw. Thấy tôi vào, lão buông sách đứng dậy dọn sạch đồng sách báo vút ngổn ngang trên bàn. Chúng tôi bắt tay vào kiểm tra toàn bộ kế hoạch và các con số ghi trong sổ giấy tờ mà tôi vừa cầm sang. Mọi chi tiết đều làm lão thực sự quan tâm, lão luôn mồm hỏi tôi về ngôi nhà, về vị trí của nó cũng như cảnh quan xung quanh. Về điểm này, chắc chắn là lão đã nghiên cứu rất tỉ mỉ, bởi tôi nhận thấy có

những đi đầu lão còn biết rõ hơn cả tôi. Thỉnh thoảng tôi lại phải khéo léo khen về sự hiểu biết của lão.

— Nhưng ông bạn ạ, - Lão nói - chẳng lẽ làm như vậy lại không cần thiết cho tôi sao? Khi tới đó, tôi chỉ có một mình và ông bạn Harker Jonathan thân thiết... Ồ! Xin lỗi nhé, ở xứ này, chúng tôi thường có thói quen gọi tên trước họ... ông bạn Jonathan Harker thân thiết của tôi không phải lúc nào cũng ở gần để giúp tôi những lời khuyên và kiến thức bổ ích... Không... Trong thời gian đó, ở Exeter, nơi cách Luân Đôn nhiều dặm đường, ông ta đang bận túi bụi với các công việc công chứng cùng với một người bạn khác của tôi là Peter Hawkins. Thế đấy!

Khi đã rõ tất cả các chi tiết liên quan tới việc mua tậu miếng đất ở Purfleet, ký vào các giấy tờ cần thiết và viết xong lá thư gửi cho ngài Hawkins, lão chợt hỏi làm thế nào mà tôi lại tìm được một bất động sản để chịu đến thế. Tôi còn biết làm gì tốt hơn là đọc cho lão nghe những lời chú giải mà tôi đã ghi lại?

“Khi đi theo một con đường rẽ từ đường lớn ở Purfleet, tôi đến trước một tòa nhà mà tôi thấy có vẻ phù hợp với khách hàng của chúng tôi. Ở đó có dán một tờ yết thị cũ xin thông báo rằng ngôi nhà đang được rao bán. Đó là một ngôi nhà tường bao quanh được xây bằng đá tảng, không được tu bổ từ nhiều năm nay. Các cánh cửa đều được làm bằng gỗ sồi già và tất cả đồ sắt thép đều đã han rỉ.

Ngôi nhà này có tên là Carfax, một cái tên theo ngôn ngữ cổ có nghĩa là “tứ bề”, bởi ngôi nhà có bốn mặt tương ứng với bốn phương trời. Toàn bộ ngôi nhà có diện tích khoảng hai mươi mẫu và như tôi đã nói, tất cả đất đai đều được bao quanh bởi các bức tường đá kiên cố. Cây cối ở đây nhiều đến nỗi phủ bóng xuống mọi chỗ, ao trong vườn rất sâu và chắc hẳn phải được bổ sung từ nhiều nguồn, bởi nước ở đó rất trong, nước ao chảy xa hơn tạo thành một dòng suối khá rộng. Ngôi nhà trông rất đồ sộ và chắc chắn là được xây từ thời Trung cổ.

Một phần ngôi nhà quả thực là được xây bằng những phiến đá khá dày, những cửa sổ hiếm hoi mà người ta thấy trên tòa nhà đều được đặt ở vị trí cao và được bảo vệ bằng các thanh sắt nặng nề, có lẽ ngày xưa đây là một vọng lâu. Kề sát bên cạnh là một nhà thờ nhỏ. Không có chìa khóa nên tôi không thể vào nhà thờ riêng này được. Nhưng tôi đã chụp ảnh từ nhiều góc độ. Gian thờ chắc hẳn phải được xây muện hơn và tôi không thể ước lượng được các số đo. Đó là tất cả những gì tôi có thể nói. Ở các khu vực lân cận chỉ có vài ngôi nhà khác, trong đó có một ngôi nhà rất lớn hiện đang được sử dụng làm nhà thương cho các bệnh nhân tâm thần. Tuy nhiên, từ đền địa Carfax không thể nhìn rõ được đường này”.

Đợi tôi đọc xong, bá tước mới cho hay là lão thích tòa dinh thự mới ấy ở điểm nào.

— Sự rộng rãi và vẻ cổ kính của ngôi nhà làm tôi rất vừa ý - Lão lý giải - Bản thân tôi cũng thuộc về một dòng tộc cổ xưa và sớm muộn gì thì tôi cũng sẽ phải về nơi tuổi vàng khi đã về sống trong một ngôi nhà mới. Không phải trong một sớm một chiều là ngôi nhà có thể ở được. Tôi cũng rất hài lòng khi được biết ở đó có một nhà thờ nhỏ, bởi với tư cách là nhìn nhà quý tộc Transylvanie, chúng tôi thật chẳng dễ chịu chút nào khi nghĩ rằng hài cốt của mình lại bị chôn lẫn với hài cốt của những kẻ thấp hèn hơn. Về phần mình, tôi không còn hứng thú để đi tìm niềm vui và sự sung sướng nữa. Tôi cũng chẳng chờ đợi cái hạnh phúc mà đất trời vẫn dành cho đám thanh niên. Đơn giản là vì tôi không còn trẻ nữa! Trái tim tôi, một trái tim đã từng trải qua những năm dài khóc thương cho thân phận của những kẻ dưới m ờ, không còn bị rung động bởi dục vọng. Mặt khác, các bức tường trong lâu đài của tôi cũng đã bắt đầu đổ nát, gió mưa cứ thi nhau lùa vào từng ngõ ngách. Và tôi cũng xin thú thực là tôi yêu những cái bóng và tất cả những gì là u tối, chẳng có gì làm tôi thích hơn là được ở một mình với những suy ngẫm của riêng mình.

Lời nói của lão có vẻ như mâu thuẫn với sắc mặt của lão hoặc nói cách khác, các nét trên bộ mặt lão đã tạo ra cho một vẻ gì đó mà tôi không biết

nên gọi là độc ác hay tăm tối nữa!

Lát sau, lão xin cáo lui và đề nghị tôi gom tất cả các giấy tờ lại. Đoán chừng lão sẽ không sớm quay trở lại, tôi tranh thủ xem lướt qua các đầu sách. Mất tôi dừng lại ở một quyển tập bản đồ, tất nhiên là đang mở ở bản đồ nước Anh, và rõ ràng là tấm bản đồ này đã được tra cứu rất nhiều lần. Thậm chí tôi còn thấy trên bản đồ còn đánh dấu nhiều khoanh tròn nhỏ; quan sát kỹ hơn, tôi nhận ra có một đường tròn được khoanh ở phía tây Luân Đôn, đúng vào chỗ có dinh thự mới của lão bá tước; hai vòng tròn khác cho thấy vị trí của hai ngôi nhà ở Exeter và Whitby nằm trên bờ biển Yorkshire.

Lão bá tước quay trở lại thư viện sau gần một tiếng đồng hồ.

— Ở kia! - Lão thốt lên. - Vẫn mãi đọc kia à? Bây giờ vẫn còn sớm lắm. Nhưng ngài biết đấy, đâu phải lúc nào cũng cần làm việc. Nào, người ta vừa báo cho tôi biết cơn nước của ngài đã sẵn sàng.

Lão nắm tay tôi cùng bước sang phòng bên, nơi món xúp của tôi đã được dọn sẵn. Một lần nữa, lão lại ngỏ lời xin lỗi: lão đã ăn tối ở ngoài rồi. Nhưng cũng như tối hôm trước, lão tới gần tôi để nói chuyện trong lúc tôi đang ăn. Lão hỏi tôi hết câu này đến câu khác, mặc dù tôi đã ăn xong từ lâu. Hàng giờ đồng hồ trôi qua, tôi đoán chắc đêm cũng đã khuya lắm rồi, song tôi vẫn không nói gì cả, tôi thấy nhiệm vụ của mình lúc này là vừa lòng chủ nhà mọi điếu. Và lại tôi cũng không hề thích đi ngủ, giấc ngủ dài hôm qua đã làm tôi hoàn toàn khỏe khoắn trở lại sau một chặng đường mệt nhọc. Tuy nhiên, không hiểu sao tôi lại cảm thấy rùng mình, cái rùng mình mà người ta thường nghiệm thấy ngay trước buổi bình minh chút ít, và điếu này làm tôi nghĩ tới một cơn thủy triêu.

Người ta bảo rằng những kẻ hấp hối thường trút hơi thở cuối cùng vào lúc bắt đầu một ngày mới hoặc lúc thủy triêu thay đổi. Tất cả những người từng bỏ thời gian chiêm nghiệm cả khoảnh khắc đêm qua ngày tới sẽ dễ dàng hiểu được tôi lúc này. Tôi chợt nghe thấy một tiếng gà gáy lạnh lốt,

xa xăm gần như ở một cõi siêu nhiên vọng về Bá tước Dracula đứng bật dậy và thốt lên:

— Cái gì! Đã lại sáng rồi kia à? Xin lỗi vì đã làm ngài phải thức khuya quá! Từ nay trở đi, khi nói về nước Anh, về quê hương mới nhưng đã trở nên rất đời thân thiết với tôi, thì xin ngài hãy cố gắng đừng kể ra những chuyện thú vị để tôi không còn quên thời gian trôi qua nữa...

Lão cúi đầu chào tôi rồi bước nhanh ra khỏi phòng.

Trở về phòng song chưa đi ngủ ngay, tôi kéo rèm cửa sổ trông ra ngoài, nhưng chẳng thấy gì hay để mà kể ở đây. Cửa sổ phòng tôi nhìn ra một mảnh sân và tôi chỉ thấy bầu trời xám xịt đang sáng dần lên. Sau khi kéo kín rèm cửa sổ, tôi mới bắt đầu ngó vào bản viết những trang này.

• Ngày 8 tháng 5

Khi bắt đầu đoạn nhật ký này, tôi cứ sợ mình sẽ lan man dài dòng; nhưng cho tới bây giờ tôi mới cảm thấy mình lo quá xa: tôi có thể dừng lại ở từng chi tiết rõ ràng, bởi ngay từ đầu khi đến lâu đài, mọi cái tôi trông thấy và tất cả những gì xảy ra đều rất kỳ lạ, đến nỗi tôi không thể không cảm thấy khó chịu mỗi khi nghĩ tới chúng. Tôi muốn rời khỏi đây - rời khỏi đây một cách bình yên vô sự và không bao giờ quay trở lại nữa! Có lẽ việc đêm nào cũng thức khuya đã khiến cho hệ thần kinh của tôi phải chịu một thử thách ghê gớm. Tôi có thể chịu đựng được sự tẻ nhạt này nếu ít nhất còn được nói chuyện với một ai khác, nhưng đằng này tuyệt đối không có ai cả, trừ bá tước chủ nhà.

Nếu phải nói ra suy nghĩ tự đáy lòng, thì thú thật tôi đang sợ mình là một linh hồn sống duy nhất ở nơi đây... Vâng, nếu được phép phơi bày các sự việc đúng như bản chất của chúng, thì chắc tôi cũng có thể kiên nhẫn hơn ít nhiều để mà chịu đựng, để mà ngăn lại cái trí tưởng tượng lúc nào cũng phong phú của mình. Nếu không, tôi như rơi vào hỏa mù cùng với một nỗi tuyệt vọng. Mọi việc hẳn phải diễn ra đúng như những gì tôi cảm nhận được.

Ngả lưng xuống giường, tôi chỉ chớp mắt được có vài tiếng rồi tỉnh giấc. Cảm thấy không thể ngủ được nữa, tôi đứng bật dậy và cầm chiếc gương treo ở then móc cửa sổ chuẩn bị cạo râu. Bất thành linh, tôi cảm thấy có một bàn tay khế đặt lên vai mình và tiếp đó là giọng nói của lão bá tước: “Chào một ngày mới tốt lành!” Tôi giật thót người, thật kinh ngạc khi không nhìn thấy lão vào phòng, bởi nhìn qua gương, rõ ràng tôi đã trông thấy toàn bộ chi đầu dài của căn phòng phía sau lưng mình. Trong lúc giật mình, tôi đã để lưỡi dao khế cạo rách cả da mặt, đi đâu mà tôi không kịp nhận ra ngay lúc đó. Khi trả lời bá tước, tôi lại nhìn vào gương cố để tìm hiểu xem làm sao tôi lại có thể nhầm được. Lần này thì không thể có sự nhầm lẫn, tôi biết lão đang đứng rất gần tôi, tôi chỉ cần hơi quay mặt lại là thấy lão đứng sát vai mình, ấy vậy mà hình bóng của lão lại không bị phản chiếu ở trong gương mới lạ chứ! Tất cả những gì phía sau tôi đều hiện lên trong gương, nhưng ở đó chỉ có duy nhất một người đàn ông đó chính là tôi, kẻ đang viết những dòng nhật ký này. Lại một sự việc đáng kinh ngạc khác thêm vào một chuỗi bí ẩn mà tôi không thể hiểu nổi, nó càng làm trầm trọng thêm cái cảm giác khó ở mà tôi đang phải chịu đựng khi có bá tước ở bên cạnh. Rồi tôi cũng chợt nhận ra có vết máu dưới cằm mình. Tôi đặt dao cạo xuống và ngoảnh mặt đi tìm một miếng bông. Nhìn vào mặt tôi, đôi mắt bá tước chợt lóe lên một tia cuồn cuộn say độc ác. Bất thành linh, lão chớp lấy cổ tôi. Tôi lùi nhanh ra sau khiến cho tay lão vồ trượt phải chuỗi hạt có treo cây thánh giá nhỏ tôi đang đeo trên cổ. Giấy lát trôi qua, trông lão thay đổi rõ rệt, sự điên cuồng trong ánh mắt lão đã tan biến nhanh như lúc nó bất ngờ xuất hiện.

— Ngài hãy coi chừng, - Lão bảo tôi - hãy hết sức cẩn thận khi bị thương. Ở cái xứ sở này, đi đâu đó nguy hiểm hơn là ngài vẫn tưởng.

Cầm lấy cái gương tôi vừa treo trên nóc cửa sổ, lão nói tiếp:

— Nếu như ngài bị thương, thì chẳng qua cũng chỉ tại cái vật khốn nạn này! Nó chỉ làm tăng cái bản chất kiêu căng, hão huyền của con người. Tốt hơn hết là tống khứ nó đi.

Dứt lời, lão mở toang cánh cửa sổ nặng nề và liệng ngay chiếc gương của tôi xuống sân cho nó vỡ ra hàng trăm mảnh. Sau đó, chẳng nói chẳng rằng, lão bước nhanh ra khỏi phòng.

Tôi biết cạo râu thế nào bây giờ? Chỉ còn mỗi một cách: dùng chiếc hộp đựng hồ hoặc dùng đáy hộp chổi cạo râu cũng may đâu bằng kim loại thay cho chiếc gương.

Bước sang phòng ăn, tôi thấy bữa điểm tâm của mình đã được chuẩn bị, song không thấy mặt mũi bá tước đâu. Vậy là tôi lại phải ngửi điểm tâm một mình.

Từ khi đến lâu đài đến giờ, tôi vẫn chưa một lần được thấy bá tước ăn hay uống gì. Thật là một lão già cô độc? Sau bữa ăn, tự nhiên tôi lại muốn đi khám phá lâu đài. Tôi đi về phía cầu thang, gần đó có cánh cửa đang mở ngỏ dẫn vào một căn phòng, trong phòng chỉ có một ô cửa sổ nhìn về phía nam. Từ nơi này, tôi có thể phóng tầm mắt bao quát một phong cảnh thật rộng lớn. Lâu đài tôi đang đứng được xây ngay trên bờ một vực thẳm hùng vĩ. Một hòn đá được ném xuống từ một cửa sổ của lâu đài sẽ không vướng phải bất cứ một cái gì trong đường rơi của nó. Trong tầm mắt của tôi là một biển cây xanh ngút ngàn, thỉnh thoảng mới hở ra một chỗ mà tôi biết đó là các hốc núi. Tôi cũng nhìn thấy nhiều sợi dây bạc lấp lánh, đó chính là những dòng suối chảy vào các hẻm núi qua cánh rừng đại ngàn.

Nhưng tôi chẳng thấy có hứng thú gì để miêu tả các cảnh đẹp thiên nhiên thần tiên vào lúc này. Bởi vậy, sau một hồi ngắm cảnh, tôi lại tiếp tục cuộc khám phá của mình. Tôi chỉ thấy những cánh cửa, toàn cửa là cửa, chỗ nào cũng thấy cửa, tất cả đều bị khóa hoặc cài chốt? Không có cách nào ra khỏi đây được, trừ một cách là nhảy qua các cửa sổ nằm chênh vênh trên những bức tường cao vút?

Lâu đài này đúng là một nhà tù, và tôi chính là một tù nhân!

CHƯƠNG 3

Nhật ký của Jonathan Harker (tiếp theo)

Tù nhân! Khi hiểu ra thực tế đó, tôi tưởng mình phát điên lên được. Tôi hết chạy lên lại chạy xuống các cầu thang, mở thử bất cứ cánh cửa nào tôi gặp, ngó qua tất cả các ô cửa sổ tôi qua. Chỉ được một lát, cái cảm giác bất lực đã dập tắt mọi ý chí của tôi. Sau vài tiếng đồng hồ, thú thực cứ nghĩ đến chuyện mình giống như một con chuột đang giẫy giụa trong lồng, tôi lại muốn hóa dại. Tuy nhiên, khi đã hiểu có muốn vùng vẫy cũng chẳng được, tôi bắt đầu bình tĩnh lại để suy nghĩ và tìm cách vượt qua hoàn cảnh. Nhưng vào lúc này, đầu óc tôi chỉ còn biết suy nghĩ mông lung và không thể tìm ra một giải pháp nào. Tôi chỉ biết chắc chắn có một điếu, đó là hoàn toàn vô ích khi nói cho bá tước các tình cảm của mình. Hơn ai hết, lão biết tôi là tù nhân ở đây, lão muốn thế và chắc chắn có lý do để làm thế. Bởi vậy, nếu tôi tâm sự với lão, thì rõ ràng lão sẽ không bao giờ thừa nhận sự thực. Vì thế mà tôi nghĩ rằng trước khi làm sáng tỏ một cái gì đó, thì điếu cần làm đầu tiên là không được mở mồm nói về những gì mình vừa phát hiện ra, không được để lão nghi ngờ những lo sợ của mình... và lúc nào cũng phải giữ cho nét mặt được bình thản. Tôi hiểu rất rõ tình cảnh của mình lúc này: hoặc tôi làm một đứa con nít bị ám ảnh bởi nỗi sợ hãi, hoặc rơi vào một tình thế khó khăn hơn và nếu chấp nhận như vậy thì trong những ngày sắp tới, tôi cần, rất cần có một đầu óc sáng suốt.

Đang mải suy nghĩ, tôi chợt nghe thấy có tiếng khép cửa phía dưới: lão bá tước đã về. Lão không đi ngay vào thư viện. Tôi phải rón rén trở về phòng mình. Tôi rất ngạc nhiên khi thấy lão đã ở trong đó dọn giường cho tôi! Dù vô cùng kinh ngạc, nhưng điếu đó đã giúp tôi khẳng định chắc chắn một điếu mà từ khi đặt chân đến lâu đài này đến giờ tôi vẫn nghi ngờ: trong nhà không có người giúp việc. Và lát sau, khi nhìn qua khe cửa, thấy lão đang bày bàn ăn trong phòng ăn, thì tôi chẳng còn gì để mà nghi ngờ

nữa, bởi nếu lão có đảm nhận những việc này, thì chẳng qua là lão không có người hầu làm giúp. Tôi rùng mình hoảng sợ khi nghĩ rằng nếu trong lâu đài không còn bất cứ một ai khác, thì gã đánh xe ngựa đón tôi đến đây cũng chính là lão chứ không phải ai khác. Nếu đó đúng là sự thật, thì cái quyền lực mà lão đã làm bằng cách giơ bàn tay lên để buộc đàn sói phải tuân lệnh sẽ nói lên điều gì? Tại sao những người dân ở khách sạn Bistritz và tất cả những người bạn đồng hành trên chiếc xe ngựa đầu tiên lại luôn lo sợ cho tôi đến như vậy? Tại sao họ lại tặng tôi cây thánh giá nhỏ, rồi một nhánh tỏi và cả bông hồng dại nữa? Cầu Chúa hãy ban phước lành cho người đàn bà đôn hậu đã tặng tôi chuỗi hạt có cây thánh giá? Bởi cứ mỗi lần sờ vào cây thánh giá ấy là tôi lại thấy mình như được tiếp thêm sức mạnh và lòng can đảm. Tôi rất ngạc nhiên khi thấy cây thánh giá, một vật vô tri vô giác, một vật mà tôi vẫn cho là vô dụng bấy lâu nay, một vật chỉ được xem là biểu tượng của tín ngưỡng, lại ít nhiều cứu giúp tôi khỏi cái cảm giác đơn côi và cùng quẫn. Cây thánh giá nhỏ ấy có một quyền năng nội tại, hay chỉ là một vật làm sống lại những kỷ niệm xưa cũ? Tôi hy vọng là có một ngày, tôi sẽ kiểm nghiệm được vấn đề để đưa ra một lời giải đáp. Trong lúc chờ đợi, tôi buộc phải nắm bắt càng rõ về con người bá tước Dracula càng tốt có thể điều đó sẽ giúp tôi hiểu rõ nhất mọi chuyện đang xảy ra. Và có thể tối nay lão sẽ tự nói ra nhiều điều nếu như tôi có một lời nào đó là cuộc nói chuyện theo hướng này. Tuy nhiên, tôi cũng sẽ phải rất thận trọng để lão không thể nghi ngờ những suy nghĩ trong lòng mình.

• *Nửa đêm*

Tôi có một cuộc nói chuyện rất dài với lão bá tước. Tôi hỏi lão mấy câu về lịch sử Transylvanie và được lão giải đáp rất nhiệt tình. Chủ đề tôi hỏi dường như đã làm lão rất thích! Lúc lão kể về cuộc sống, con người, đặc biệt là khi nói về các cuộc chiến, tôi thấy lão hăm hở cứ như đang tham dự chính những sự kiện ấy vậy. Lão bảo vị thế của lão cho thấy một điều: đối

với một nhà quý tộc như lão thì vinh quang của dòng họ và của tên tuổi lão chính là niềm kiêu hãnh cá nhân của lão, danh dự của dòng tộc là danh dự của lão và số phận của dòng họ cũng là số phận của lão. Cứ mỗi lần nói về dòng tộc là lão lại xưng “*chúng tôi*” như các bậc vua chúa vẫn thường dùng. Tôi muốn tái hiện ở đây tất cả những gì lão đã kể, bởi ghi chép cũng là một thú vui riêng của tôi. Có lẽ tôi đã được nghe kể toàn bộ lịch sử của xứ sở Transylvanie. Lão càng kể càng tỏ ra phấn khích hơn, vừa kể, lão vừa đi đi lại lại trong phòng, trong khi tay không quên mân mê hàng ria mép bạc trắng hoặc nắm lấy bất cứ vật nào mà lão chạm tay vào như muốn bóp nát nó ra. Tôi thử ghi lại một phần những gì lão đã kể liên quan tới lịch sử của xứ sở lão.

“Chúng tôi, những người Szekelys, có quyền được tự hào, bởi chúng tôi mang dòng máu của những dân tộc gan dạ và dũng cảm - đã chiến đấu như những con mãnh sư thực sự để bảo vệ ưu thế của mình. Ở cái đất nước luôn láo nháo không biết bao nhiêu sắc tộc Âu châu này, các chiến binh đến từ Băng Đảo đã đem theo tinh thần hiếu chiến mà thần Thor và Wodin đã thổi vào họ, và họ đã mang sự điên cuồng tới mọi bờ biển Âu châu - tất nhiên là Âu châu, nhưng cũng tới cả các bờ biển Á châu và lục địa đen đến nỗi khiến người dân các xứ cứ tưởng mình bị các bầy sói tấn công. Thậm chí khi xâm lược tới đây, các chiến binh đáng ngờ ấy đã biến những người Hung nô nổi tiếng là thiện chiến thành những nạn nhân hấp hối và buộc họ phải thừa nhận rằng trong người các đao phủ ấy có một dòng máu của những phù thủy già, những kẻ đã bị đẩy khỏi Scythie và tới tập trung ở sa mạc với quỷ dữ. Đúng là những kẻ ngu ngốc? Đã bao giờ có phù thủy nào, quỷ dữ nào mạnh bằng Attila, nơi có dòng máu đang chảy trong huyết mạch của chúng tôi chưa” - Lão vừa nói vừa kéo hai ống tay áo lên cho tôi xem. - “Phải thừa nhận chúng tôi là một chủng tộc thiện chiến và biết tự hào, nên có gì đáng ngạc nhiên khi mà người Magyar, người Lombard, người Avar hoặc người Thổ định ào ạt vượt biên giới để thôn tính chúng tôi và đầu bị chúng tôi đánh bật trở lại? Có gì đáng ngạc nhiên khi Arpad

và đoàn quân của ông ta muốn xâm lược đất mẹ đã bị chúng tôi chặn đứng ở ngay đường biên giới? Thế rồi khi người Hungary định xâm lược ở phía đông, người Magyar chiến thắng đã liên minh với người Szekelys. Từ đó trở đi, trong nhiều thế kỷ, chúng tôi được giao phó nhiệm vụ canh giữ đường biên giới Thổ Nhĩ Kỳ. Hơn nữa, nhiệm vụ của chúng tôi dường như chẳng bao giờ kết thúc, bởi vì, theo châm ngôn của chính người Thổ, thì *“cây lặng, nhưng gió chẳng dừng”*. Vậy thì trong bốn dân tộc, dân tộc nào được sung sướng nhận *“lưỡi gươm đâm máu”* hơn là chúng tôi, dân tộc nào nhanh chóng quỳ gối dưới ngọn cờ của đức đại đế khi người kêu gọi chiến đấu hơn chúng tôi? Và khi những ngọn cờ cũng người Wallach và người Magyar bị hạ xuống trước lá cờ lưỡi hái, thì tới khi nào nỗi ô nhục to lớn của đất nước tôi mới được gột rửa? Chẳng phải một trong những người thân thích của tôi đã vượt sông Danube để chiến đấu chống lại người Thổ trên chính mảnh đất của mình đó ư? Vâng, đó chính là một Dracula! Thật đáng nguy hiểm rửa một người anh em của anh ta, hẳn đã bán cả dân tộc cho những người Thổ, khiến cho bao người phải chịu cảnh ô nhục của kiếp nô lệ! Và cũng chính là một người Dracula vượt sông năm nào đã truyền lại dòng máu yêu nước nồng nàn cho một hậu duệ của mình người sau đó đã vượt sông cùng đội quân của mình sang xâm lược lại Thổ Nhĩ Kỳ? Con người này, sau khi chiến đấu và rút về, đã rất nhiều lần quay trở lại càn quân, và đã để lại đằng sau một bãi chiến trường ngổn ngang xác binh sĩ, bởi vì ông biết rằng cuối cùng thì cũng chỉ có ông mới dành được chiến thắng! Người đời cho là ông có làm như vậy chẳng qua cũng là vì bản thân ông! Nhưng các đội quân sẽ có ý nghĩa gì nếu thiếu một vị chỉ huy? Cuộc chiến sẽ đi tới đâu nếu như không có một trái tim và một khối óc dẫn đường chỉ lối? Chưa hết, sau cuộc chiến Môhăc, chúng tôi đã đập tan ách thống trị của người Hungari. Chúng tôi, những người Dracula, lại một lần nữa góp mặt trong đội ngũ những vị chỉ huy làm nên chiến thắng này! Chà? Ông bạn trẻ ạ, người Szekelys và người Dracula từng là dòng máu, khối óc và lưỡi gươm của các đội quân - người Szekelys có thể hãnh

diện vì đã làm được cái đi đầu mà những kẻ hãnh tiến Hapsburgs và Romanoff không thể làm nổi... Nhưng chiến tranh đã qua rồi. Dòng máu đang được coi là một thứ rất quý trong cái thời bình ô danh của chúng tôi và bây giờ, cái vinh quang thuộc về tổ tiên vĩ đại của chúng tôi chỉ còn là một câu chuyện cổ tích mà thôi”.

Khi lão dừng câu chuyện cũng là khi một ngày mới sắp đến, chúng tôi phải chia tay về phòng ngủ. (Nhật ký của tôi giống câu chuyện “Nghìn lẻ một đêm” kinh khủng, bởi tất cả đều dừng lại khi có tiếng gà gáy đầu tiên và chắc chắn nó cũng sẽ gợi nhắc tới sự xuất hiện bóng ma của người cha trước mặt chàng Hamlet).

• *Ngày 12 tháng 5*

Tối hôm qua, bá tước Dracula lại đến tìm tôi, vừa mới gặp lão đã lập tức hỏi về một số vấn đề liên quan tới luật pháp và cách xử lý một số vụ việc. Tôi thấy dường như các câu hỏi của lão có một trật tự nào đó, tôi sẽ cố gắng tôn trọng trật tự này khi nhắc lại các câu hỏi ở đây, bởi biết đâu nó lại có ích cho tôi về sau.

Trước hết, lão hỏi tôi là có phải ở Anh, người ta có thể thuê hai hoặc nhiều công chứng viên cùng lúc không. Tôi trả lời rằng nếu muốn thì người ta có thể thuê cả một tá, nhưng người khôn ngoan hơn sẽ chỉ nhờ tới một công chứng viên cho một việc mà thôi, vì nếu nhờ nhiều người cùng một lúc, chắc chắn khách hàng đó sẽ vô tình hành động chống lại các lợi ích của chính mình. Chủ nhà của tôi có vẻ hiểu thấu vấn đề, song lão vẫn thắc mắc nếu thuê một công chứng viên để theo dõi các hoạt động tài chính và một công chứng viên khác lo chuyện tiếp nhận hàng gửi bằng tàu biển trong trường hợp người thứ nhất ở cách xa cảng, thì có gặp trở ngại gì không.

Tôi đề nghị lão nói rõ hơn vì sợ mình sẽ giải thích sai ý của lão. Lão nói:

— Thế này nhé! Chúng ta hãy giả định thế này: ông bạn của chúng ta, ngài Peter Hawkins, trú ở Exeter, một nơi nằm cách xa Luân Đôn, qua vai

trò trung gian môi giới của ngài, mua cho tôi một dinh thự ở thành phố này. Thế! Bây giờ tôi xin được trình bày thẳng vấn đề - bởi ngài có thể buồn cười về việc tôi nhờ một người ở xa Luân Đôn như vậy làm cái việc đó mà không nhờ ngay một người ở tại Luân Đôn - rằng tôi không muốn có bất cứ một vụ lợi cá nhân của ai đó cản trở lợi ích của tôi. Thế mà trong cuộc giao dịch như vậy, một công chứng viên Luân Đôn rất có thể bị cám dỗ bởi vụ lợi cá nhân hoặc sẽ tiếp tay cho một ai đó làm tì^{nh}; tôi xin nhắc lại, người đó sẽ giúp tôi đạt được các lợi ích của tôi một cách tốt nhất. Bây giờ chúng ta hãy đặt giả thiết rằng tôi, người bận rất nhiều việc, nhưng lại muốn gửi hàng, ví dụ tới Newcastle, hoặc tới Durham, Harwich hay Douvres, thì việc tôi nhờ một nhà kinh doanh trú quán ở một trong các cảng trên có dễ dàng không?

Tôi trả lời rằng chắc chắn công việc lúc đó sẽ không còn đơn giản nữa, song các công chứng viên đã tạo ra giữa họ một mạng lưới văn phòng cho phép thu xếp các công việc ở địa phương theo đề nghị của bất kỳ cá nhân công chứng viên nào, vì vậy khách hàng có thể gửi gắm mọi quyền lợi của mình cho duy nhất một người và chẳng cần bận tâm gì hết.

— Nhưng trong trường hợp của tôi, liệu tôi có thể đích thân quản lý công việc được không?

— Tất nhiên là được! - Tôi trả lời - đi đâu đó vẫn thường xảy ra khi đương sự không muốn người khác biết các giao dịch đang diễn ra.

— Tốt - Lão buông cốc lốc một tiếng.

Sau đó lão tiếp tục hỏi tôi cách thức tiến hành gửi hàng hóa, các thủ tục cần phải đăng ký, rồi các khó khăn thường gặp nếu như đương sự chưa nghĩ ra các biện pháp đề phòng.

Tôi đưa ra mọi lời giải thích có thể trong khả năng của mình, và nghĩ lão cũng có khả năng thực hiện hoàn hảo cái thiên hướng công chứng viên của lão, bởi chẳng có gì mà lão chưa nghĩ đến và cũng không có gì lão không đề phòng. Đối với một người chưa bao giờ đặt chân đến nước Anh, và

chưa từng trải qua các vấn đề về luật pháp như lão mà lại có một hiểu biết và một đầu óc suy đoán sáng suốt như vậy thì quả là rất đáng ngạc nhiên.

Khi đã có đủ các thông tin tư vấn như mong muốn, và khi thấy tôi kiểm tra lại một số điểm trong các cuốn sách đặt bên cạnh, lão chợt đứng bật dậy hỏi tôi:

— Sau lá thư đầu tiên, ngài đã viết thêm lá thư nào cho ông bạn Peter Hawkins hay một người nào khác chưa?

Tôi bỗng cảm thấy cay đắng ít nhiều khi trả lời lão rằng chưa, rằng tôi chưa có dịp để gửi bất cứ một lá thư nào cho các bạn của tôi.

— Vậy thì bây giờ viết đi, - Lão vừa nói vừa đặt bàn tay làm nặng trĩu vai tôi - hãy viết cho ngài Peter Hawkins hoặc ai đó mà ngài muốn; và làm ơn hãy thông báo với họ rằng ngài sẽ ở lại đây thêm một tháng nữa, kể từ ngày hôm nay.

— Ngài muốn tôi ở lại đây lâu vậy sao - Tôi hỏi mà rung mình vì tuyên bố của lão.

— Đúng, tôi muốn thế và tôi sẽ không chấp nhận bất cứ lời từ chối nào. Khi ông thấy, ông chủ của ngài gửi cho tôi một người nào đó nhân danh ông ta, ông đã đồng ý để tôi được sử dụng người đó tùy thích cho công việc của tôi... Đừng từ chối? Ngài đồng ý chứ?

Nếu không đồng ý thì tôi còn biết làm thế nào. Trong công việc này, người có quyền lợi là ngài Hawkins chứ không phải tôi, và tôi phải nghĩ tới ông, chứ không được phép nghĩ tới bản thân. Hơn nữa, trong lời nói, ánh mắt và đặc biệt là trong cách cư xử của bá tước Dracula có một cái gì đó khiến tôi sực nhớ rằng tôi đang là tù nhân ở nhà lão rằng dù có muốn đi chẳng nữa, thì tôi cũng không thể rút ngắn thời gian tôi ở lại đây. Lão đã chiến thắng theo cái cách mà tôi phải tự khuất phục; lão thấy qua sự bối rối hiện rõ trên nét mặt tôi, lão đã trở thành ông chủ. Ngay lập tức, lão khai thác cái sức mạnh nhân đôi này bằng cái giọng nhẹ nhàng quen thuộc của lão, cái giọng mà tôi không thể chống lại:

— Trước hết, tôi xem được đề nghị, ông bạn trẻ thân mến ạ, hãy chỉ nói về công việc trong thư. Chắc chắn là các bạn ngài rất muốn biết ngài vẫn khỏe và luôn nghĩ tới ngày trở về bên họ. Điều này, ngài có thể nói với họ một lời.

Vừa nói, lão vừa đưa cho tôi ba tờ giấy và ba chiếc phong bì. Đó là một loại giấy rất mỏng. Nhìn mấy tờ giấy, và nhìn bộ mặt cười thản nhiên với hàm răng dài, nhọn chìa cả ra ngoài đôi môi đỏ chót của lão, tôi hiểu cái điều lão vừa nói với tôi, tôi hiểu mình sẽ phải cẩn thận với những lá thư, bởi lão có thể đọc được tất cả. Bởi vậy, tôi quyết định chỉ viết những lá thư vắn tắt với những câu chữ khá vô nghĩa trước, rồi sẽ bí mật viết dài hơn cho ngài Hawkins và Mina sau. Đúng vậy, đối với Mina, tôi có thể viết theo dạng tốc ký, bởi ít ra nếu có nhìn thấy, thì lão bá tước cũng không thể hiểu được những nét chữ nguệch ngoạc ấy.

Viết xong hai lá, tôi lặng lẽ ngồi đọc lại, trong khi đó lão cũng đang ngồi viết, thỉnh thoảng lại dừng bút để tra cứu cái gì đó trong mấy cuốn sách đặt trên bàn.

Viết xong, lão cầm hai lá thư của tôi chèn vào lá thư của lão rồi đặt cả xấp xuống gần lọ mực và ống bút, sau đó, lão bỏ ra ngoài. Cánh cửa vừa khép sau lưng lão, tôi vội cúi xuống xem mấy lá thư lão vừa viết. Tôi thật chẳng ân hận một chút nào, bởi trong những tình huống như vậy, tôi buộc phải tìm đường thoát nạn bằng bất cứ cách nào.

Một lá thư tôi thấy đề nghị theo địa chỉ Samuel F. Billington, số 7, đường Crescent, Whitby; một lá gửi cho ngài Leutnes, ở Varna; lá thứ ba gửi cho Coutt ở Co. Luân Đôn, và lá cuối cùng gửi Klopstock Bill reuth, chủ nhà băng ở Budapest. Lá thứ hai và lá thứ tư không dán kín. Tôi định mở ra đọc thì chợt nghe có tiếng động ngoài cửa. Tôi giật mình xếp lại mấy lá thư vào chỗ cũ, rồi vội vội quyển sách giả vờ đọc trước khi lão bá tước quay trở lại với một lá thư nữa trên tay. Lão dán tem vào các lá thư đặt trên bàn, rồi quay lại bảo tôi:

— Hy vọng là ngài sẽ thứ lỗi cho tôi, tối nay tôi lại có việc bận. Ngài sẽ tìm thấy ở đây tất cả những gì ngài cần, tôi nói vậy có phải không ạ?

Ra đến cửa, lão dừng lại một lúc rồi ngoảnh lại:

— Ông bạn trẻ thân mến ạ, tôi xin có một lời khuyên, hay nói đúng hơn là một lời cảnh cáo cho ngài đây: nếu như ngài rời khỏi mấy căn phòng này, thì ngài sẽ không thể tìm thấy một giấc ngủ ngon lành ở bất cứ một chỗ nào trong lâu đài đâu! Bởi vì đây là một trang viên cổ kính, nên nó cũng chứa trong lòng nhiều kỷ niệm xưa cũ, và các cơn ác mộng sẽ đổ ập đến với những ai thích ngủ ở những phòng mà họ không được phép ngủ. Tôi xin nhắc để ngài đề phòng. Nếu như một lúc nào đó, ngài cảm thấy buồn ngủ, hoặc là ngài muốn đi ngủ, thì xin ngài hãy trở về phòng mình càng nhanh càng tốt, nếu không, ngài cũng có thể vào một trong những phòng ở khu vực này, ở đây, ngài có thể yên tâm mà ngủ. Còn nếu như ngài không cẩn thận, thì...

Câu nói bỏ lửng của lão hàm chứa một điều gì đó khiến tôi rùng mình ghê sợ. Tôi hiểu lời lão nói. Điều duy nhất tôi chưa cắt nghĩa được lúc này là liệu cái giấc mơ đó dù là giấc mơ nào có khủng khiếp hơn những mất lười đen tối và bí ẩn đang bủa vây xung quanh tôi không?

• Một lát sau

Tôi đọc lại những dòng vừa viết và cảm thấy có thể chấp nhận được, tất nhiên là tôi không phải do dự và sửa chữa gì nữa. Trong lâu đài này, chẳng có chỗ nào làm cho tôi sợ không ngủ được cả, miễn là đừng có mặt lão chủ nhà ở đó. Tôi cho rằng cứ đặt cây thánh giá nhỏ lên đầu giường là tôi có thể ngủ yên giấc mà chẳng sợ có một cơn ác mộng nào. Và cây thánh giá tôi vẫn để ở đó.

Bá tước vừa đi khỏi, tôi cũng về luôn phòng mình. Một lúc lâu sau, khi không còn nghe thấy bất cứ một tiếng động nào, tôi mới lặng lẽ ra hành lang tìm đến nơi có ô cửa sổ nhìn về phía nam. Trái ngược với cái khoảng chật hẹp, tối tăm và tù túng ở sân lâu đài, cái không gian mênh mông xa hút tầm mắt bên ngoài đã cho tôi một chút cảm giác của bầu trời tự do. Không

gì bằng được hít thở bầu không khí mát lạnh lúc này, cho dù bây giờ vẫn đang là buổi đêm. Đang mải ngắm cảnh, tôi bỗng giật thót người khi bất giác nhận ra cái bóng của chính mình, và thế là mọi ý nghĩ quái đản và khủng khiếp nhất lại ập đến trong đầu tôi. Đúng là chỉ có Chúa mới biết nỗi lo sợ của tôi không phải là vô căn cứ? Tôi cố bình tĩnh, ngắm phong cảnh đang trải rộng trước mắt, dưới ánh trăng tỏ như ban ngày. Dưới ánh trăng bàng bạc, những ngọn đồi trùng điệp xa xa như hòa lẫn với các thung lũng, khe núi, tạo thành một màu đen mượt như nhung. Vẻ đẹp giản dị ấy giúp tôi bình tĩnh lại và mỗi làn gió mát lạnh dường như cũng mang đến cho tôi sự bình yên và một chút vỗ về, an ủi. Nhoài người ra cửa sổ nhìn xuống chân lâu đài, tôi tình cờ phát hiện thấy có một cái gì đó đang động đậy ở tầng dưới, hơi chệch một chút về bên trái. Qua những gì tôi biết về vị trí sắp xếp các phòng, thì hình như phòng ở của bá tước nằm đúng ở chỗ đó. Cửa sổ nơi tôi đang cúi nhìn xuống nằm ở một vị trí rất cao, khuôn cửa sâu, và các bậc cửa đều được xây bằng đá, nên dù có bị hư hỏng theo năm tháng, cũng chẳng có gì đặc biệt đáng chú ý. Tôi đứng thẳng người dậy để khỏi bị phát hiện, nhưng vẫn không quên theo dõi những gì đang diễn ra ở phía dưới.

Cái đầu của lão bá tước vừa nhô ra khỏi cửa sổ tầng dưới; dù không trông thấy mặt lão, song tôi vẫn nhận ra lão ở cái cổ, tấm lưng và các cử động không thể lẫn với ai của hai cánh tay lão, nhất là đôi bàn tay - tôi không thể nhầm bởi đã có rất nhiều dịp tôi để ý đến đôi bàn tay kỳ dị của lão. Trước hết, tôi cảm thấy vừa hứng thú vừa vui vui khi được rình mò như vậy, bởi quả thực chẳng có gì vui và hứng thú đối với một kẻ làm tù nhân trong những lúc bình thường. Tuy nhiên, mọi cảm giác ban đầu của tôi đã nhanh chóng bị thế chỗ cho cái cảm giác ghê tởm và kinh hãi khi thấy lão bá tước từ từ trườn ra ngoài cửa sổ và bắt đầu bò sát tường lâu đài. Lão cứ bò như vậy trên cái vệt thảm hun hút đến chóng mặt, tấm áo choàng đen dang rộng sang hai bên như hai cánh dơi. Tôi thật không còn tin ở mắt mình. Lúc đầu tôi cứ ngỡ mình bị quáng bởi ánh trăng, hoặc bị

lấn bởi cái bóng nào đó, nhưng khi căng mắt ra nhìn kỹ hơn, tôi hiểu mình đã không lầm. Tôi hoàn toàn nhận ra những ngón tay và ngón chân đang bầu chặt vào gờ các phiến đá đã bị thời gian làm tróc mất các mạch vữa. Lão bò thoăn thoắt như vậy xuống dưới chân tường sâu thăm thẳm.

Lão là dạng người siêu phàm, hay là một quái vật đội lốt người? Cảnh tượng xảy ra ngay trước mắt làm tôi cảm thấy rùng rợn hơn bao giờ hết, tôi sợ... tôi sợ đến phát khiếp... và không thể không bỏ trốn...

• *Ngày 15 tháng 5*

Tôi bàng hoàng nhìn lão bá tước tiếp tục bò như một con thằn lằn. Lão bò dọc bức tường theo một đường hơi chéo về bên trái. Rồi lão bất ngờ chui vào một cái lỗ hay một ô cửa sổ nào đó. Khi không còn trông thấy đầu lão nữa, tôi mới dám nhào hẳn người ra nhìn cho rõ hơn đường đi của lão, nhưng chẳng phát hiện ra một đi đâu gì mới, bởi cái lỗ hay ô cửa sổ đó nằm quá xa chỗ tôi đứng. Tuy nhiên, tôi tin chắc một đi đâu là lão đã rời khỏi lâu đài, và lúc này tôi có thể làm một đi đâu mà trước đó tôi chưa dám làm: tranh thủ khám phá tòa lâu đài. Tôi vào giữa phòng cặm cây đèn và đi mở thử tất cả các cánh cửa. Đúng như tôi đoán, cánh cửa nào cũng bị khóa chặt, và theo như tôi thấy thì các ổ khóa đều còn tương đối mới. Tôi xuống cầu thang, đi dọc theo hành lang qua ô cửa mà tôi đã vào trong cái đêm đầu tiên đến lâu đài. Tôi nhận thấy tôi có thể dễ dàng mở các chốt cửa cũng như tháo sợi dây xích ra, nhưng cánh cửa đã bị khóa chặt và dĩ nhiên là chìa khóa không còn trong ổ. Chắc hẳn chiếc chìa khóa đã được cất trong phòng lão bá tước và như vậy tôi cần chớp thời cơ, khi cửa phòng lão không khóa, lên vào lấy trộm chìa khóa rồi bỏ trốn.

Tôi tiếp tục kiểm tra chi ly từng dãy hành lang, từng đường cầu thang và mở thử tất cả các cánh cửa mà tôi gặp trên đường đi. Những cánh cửa của một hoặc hai phòng nhỏ nhìn ra hành lang giữa không khóa, song bên trong chẳng có gì đáng kể ngoài mấy thứ đồ gỗ cổ phủ bụi mờ và vài chiếc ghế bành bọc vải bị một căn toi tả. Cuối cùng, khi leo lên đỉnh một cầu thang, tôi gặp một cánh cửa mà mới nhìn thì tưởng là khóa chặt, nhưng khi đẩy

nhẹ một cái, cánh cửa có phần nhúc nhích. Tiếp tục đẩy mạnh hơn, tôi nhận ra đúng là cánh cửa không bị khóa, nó chỉ hơi bật lại lực đẩy của tôi do các tấm bản lề đã phần nào bị long ra, cánh cửa bị sệ sát xuống mặt sàn. Có thể đây sẽ là cơ hội có một không hai mà tôi phải tận dụng. Sau một vài lần lên gân lên cốt, tôi đã mở được cánh cửa. Tôi đang đứng trước một chái nhà của tòa lâu đài, nó nằm chếch về bên phải và ở tầng dưới các phòng mà trước đó tôi đã được biết. Nhìn qua cửa sổ, tôi thấy các phòng nằm trải dài theo mạn phía nam của lâu đài, các cửa sổ của phòng cuối cùng vừa nhìn ra phía nam lại vừa nhìn ra phía tây. Cả hai phía đều trông hun hút xuống một vực thẳm. Tòa lâu đài được xây ngay ở góc một mỏm núi lớn, đến nỗi cả ba phía đều không có cách gì tiếp cận được; cũng như vậy, các ô cửa sổ đều được xây ở một vị trí rất cao trên các bức tường nên cũng là bất khả xâm phạm các loại vũ khí như cung tên, súng văng đá và súng đạn thông thường đều không đủ tầm bắn đến đây. Vị trí cao của các ô cửa sổ đã tạo cho một phần tòa lâu đài vẻ quang đàng và dễ chịu hơn. Ở phía đông là một thung lũng nằm sâu thẳm dưới chân các ngọn núi cao vút và dốc đứng.

Chắc chắn rằng ngày xưa, các phòng này chính là chỗ ở của các quý bà, quý chị, bởi vì tất cả các đồ đạc ở đây dường như đều có vẻ tiện nghi hơn so với những thứ tôi từng được thấy ở các phòng khác. Các ô cửa sổ đều không có rèm che nên ánh trăng thanh lọt vào qua lớp cửa kính đã giúp tôi dễ dàng phân biệt được màu sắc của các đồ vật trong phòng, cho dù tất cả đều mờ đi bởi lớp bụi thời gian. Ngọn đèn trên tay tôi lúc này bỗng trở thành vô dụng dưới ánh trăng, nhưng dù sao nó cũng phần nào làm tôi cảm thấy dễ chịu, bởi rõ ràng là tôi đang cô đơn, cái cô đơn khiến lòng tôi như se lại với một nỗi lo sợ mơ hồ. Tuy nhiên, thà cô đơn như vậy còn hơn là có thêm lão bá tước ở trong phòng. Một chút cố gắng của lý trí cùng với sự an ủi của ngọn đèn trên tay đã giúp tôi bình tĩnh trở lại. Tôi ngồi xuống bên một chiếc bàn nhỏ bằng gỗ sồi, nơi xưa kia hẳn phải có một người đàn bà tuyệt đẹp đã ngồi mộng mơ, ngượng ngùng viết những lá thư tình lai láng song vụng về. Tôi ngồi nghĩ lại những trang nhật ký ghi chép toàn bộ

những gì đã xảy ra với mình. Tốc ký quả là một tiến bộ của thế kỷ mười chín! Quả là mỗi thế kỷ đều có những quyên lực riêng biệt mà chủ nghĩa hiện đại không thể bóp chết được...

• *Ngày 16 tháng 5, buổi sáng*

Chúa muốn tôi lúc này phải giữ được sự cân bằng về tinh thần, bởi vì đó là tất cả những gì còn lại đối với tôi. Đối với tôi, sự an toàn, hoặc việc đảm bảo cho sự an toàn, là đi đầu thuộc về quá khứ. Trong những tuần còn sống ở đây, tôi chỉ có thể hy vọng vào một điều là mình không trở thành một thằng điên. Và nếu như còn giữ được một tinh thần lành lặn, thì chắc là tôi cũng sẽ phát hoảng khi nghĩ rằng trong tất cả những mối đe dọa đang vây xung quanh tôi ở đây, sự có mặt của lão bá tước chỉ là đi đầu tối thiểu! Lạy Chúa Trời! Lạy Chúa lòng lành! Hãy làm sao để tôi giữ được bình tĩnh, bởi nếu sự bình tĩnh lìa khỏi con người tôi, chắc chắn nó sẽ nhường chỗ cho sự điên dại! Lúc này, khi có cảm tưởng như đầu óc mình sắp sửa nổi khùng lên hoặc ít nhất là vừa phải trải qua một cú sốc nguy hại, tôi chỉ còn biết phó thác cho trang nhật ký: nhật ký sẽ là kẻ hướng đạo của tôi. Việc ghi chi tiết tất cả những gì mình phát hiện được đối với tôi sẽ là một cách để tự mình nguôi ngoai.

Lời cảnh cáo bí hiểm của lão bá tước làm tôi lo sợ ngay từ lúc lão nói và bây giờ, khi nghĩ lại, tôi lại càng cảm thấy hãi hùng hơn, vì tôi biết người đàn ông quái đản này sẽ gây ra một ảnh hưởng khủng khiếp đối với tôi. Điều tôi cần làm lúc này là đừng nên coi những lời nói của lão là quá nghiêm trọng!

Viết xong những dòng nhật ký vừa rồi và cất giấy bút vào túi quần, tôi bỗng thấy buồn ngủ trĩu cả mắt. Tất nhiên, tôi không quên lời cảnh báo của bá tước, nhưng không hiểu sao tôi vẫn cứ thích không tuân theo lời lão. Ánh trăng vàng vạc dường như thật dịu dàng và hiền hòa đối với tôi, và cả cái khung cảnh rộng lớn mênh mang ngoài kia như cũng muốn an ủi vỗ về tôi, tạo cho tôi một cảm giác của bầu trời tự do. Tôi quyết định không trở về phòng mình mà ngủ luôn tại đây, nơi người ta vẫn đang đoán già đoán

non sự có mặt của các quý bà ngày xưa và cũng là nơi họ thường tụ tập ca hát để làm vui đi nỗi buồn của một cuộc sống nhung lụa nhưng tẻ nhạt, bởi những người bạn đời của họ luôn phải biền biệt ở phương trời xa xôi vì những cuộc chiến tranh triền miên và chết chóc. Tôi chọn một chiếc ghế tựa dài đặt gần cửa sổ để khi nằm vẫn có thể ngắm cảnh.

Chẳng cần để ý tới lớp bụi mờ, tôi uể oải ngả lưng, mong sớm chìm vào giấc ngủ. Quả thực tôi đã đi vào giấc ngủ, hoặc ít nhất là tôi hy vọng như vậy, bởi thú thực tôi chỉ sợ không chưa ngủ được, vì tất cả những gì diễn ra tiếp theo dường như đều rất thật với tôi thật đến nỗi mà lúc này, giữa ban ngày ban mặt, trong căn phòng rạng rỡ ánh ban mai, tôi vẫn không sao tin được mình có thể nằm mơ.

Tôi không ở trong phòng một mình. Rõ ràng chẳng có gì thay đổi kể từ lúc tôi bước vào đây. Tôi nhận ra trên sàn nhà, ánh trăng soi tỏ những dấu chân mình hằn rõ trên lớp bụi. Nhưng đang đứng trước mặt tôi lúc này là ba người đàn bà, ba người đàn bà quý phái thể hiện ở cách trang điểm và điệu bộ của từng người. Thoạt nhìn thấy họ, tôi cứ ngỡ mình nằm mơ, bởi vì dù có ánh trăng chiếu qua cửa sổ, tôi vẫn không nhìn thấy một cái bóng nào của họ đổ xuống sàn nhà. Họ tiến về phía tôi, nhìn chòng chọc vào mặt tôi một lúc, rồi quay mặt vào nhau thì thầm đi đâu gì đó. Hai người trong số họ có mái tóc nâu, mũi khoằm khoằm giống mũi lão bá tước, đôi mắt sắc như dao, mở to và ánh lên như có lửa. Người thứ ba quả là một phụ nữ đẹp mê hồn với mái tóc vàng, dài, óng ả và đôi mắt xanh như những viên ngọc bích. Tôi thấy gương mặt nàng có vẻ quen quen; và hồi ức đã đưa tôi về với một gương mặt tôi từng gặp trong một cơn ác mộng, mặc dù lúc này tôi không thể nhớ nổi cái khoảnh khắc và những tình huống đã trải qua. Cả ba đều có những hàm răng trắng tinh, sáng lấp lánh như những hạt ngọc trai, lấp ló sau làn môi đỏ chót và đầy nhục dục. Ở họ toát lên một cái gì đó khiến tôi cảm thấy bứt rứt khó chịu, vừa thèm muốn lại vừa ghê sợ. Vâng, quả thực tôi rất khát khao được đặt vào những đôi môi đỏ ấy một nụ hôn cháy bỏng. Song có lẽ tốt nhất là tôi không nên viết những lời như vậy, bởi

điều đó sẽ làm cho Mina của tôi buồn nếu cô ấy đọc những dòng nhật ký này, nhưng tôi cũng buộc phải nói rằng đó là sự thật. Ba người đàn bà tiếp tục thì thầm nói chuyện, rồi cùng bật cười một tiếng cười du dương, trong trẻo, nhưng tôi khó có thể tả được hết, bởi tiếng cười ấy còn chứa đựng một cái gì đó dường như không thể thoát ra từ cuống họng của con người được. Nó vừa lạnh lạnh, song cũng lại dịu dàng, đến mức không thể chịu đựng được, chẳng khác nào khi ta phải nghe tiếng va chạm của cốc chén trong bàn tay của một nghệ sĩ vụng về. Người đàn bà tóc vàng lắc đầu, vẻ như kêu gọi, để mặc hai người còn lại đùn đẩy phía sau lưng.

— Làm tới đi! - Một ả trong bọn nói. - Nhưng cho chị đầu tiên đấy, chúng tôi sẽ làm sau.

— Trông anh ta còn trẻ và lực lưỡng lắm. - Ả thứ hai lên tiếng. - Cả ba chúng ta sẽ tặng anh ta một nụ hôn.

Tôi nằm im theo dõi màn kịch qua đôi mắt khép hờ, trong lòng cảm thấy như đang bị giày vò bởi sự rạo rực nôn nóng và thú vui nhục dục khó tả.

Ả tóc vàng sát đến bên tôi, cúi gằm xuống người tôi, gần đến nỗi tôi còn cảm nhận được cả hơi thở nồng nàn của ả: hơi thở của ả thật nhẹ nhàng và êm dịu như chính giọng nói của ả, nhưng lại có một cái gì đó tanh tanh, tanh như mùi máu.

Tôi không dám mở to mắt, song vẫn tiếp tục nhìn qua hàng mi, chỉ cần thế tôi cũng đủ nhìn thấy hoàn toàn người đàn bà lúc này đang quỳ gối, cúi sát xuống người tôi hơn, vẻ mặt hoan hỉ, thỏa mãn. Nét mặt ấy lộ rõ sự khoái lạc đầy cảm xúc nhưng cũng thật ghê tởm, ả liếm mép như một con vật đang đói mồi, đến nỗi dưới ánh trăng thanh, tôi còn nhìn rõ lớp nước miếng nhớp nhúa trên đôi môi màu hồng ngọc và trên đầu chiếc lưỡi đỏ đang quét đi quét lại trên hai hàm răng trắng và nhọn của ả. Ả cúi xuống mỗi lúc một thấp hơn. Tôi có cảm giác ả sắp sửa áp đôi môi đỏ mọng như trái ổi xuống ngậm vào cổ tôi. Nhưng không, ả đã dừng lại, và tôi chợt nghe thấy có một tiếng động, một tiếng động gần giống như tiếng khuấy nước. Thì ra đó là tiếng đầu lưỡi ả đánh vào hàm răng và đôi môi đầy nước

miếng. Tôi cảm thấy một luồng hơi thở nóng hổi đang phả vào cổ mình. Làn da trên cổ tôi bắt đầu nổi gai ốc như đang được một bàn tay mượt mà vuốt ve mỏng trớn và cái mà tôi đang cảm nhận được chính là sự mỏng trớn run rẩy của đôi bờ môi cùng những cái nghiêng cực nhẹ của hai hàm răng nhọn. Khoái cảm cứ êm đềm trôi qua, tôi nhắm nghiền mắt trong một cảm giác mê mẩn. Tôi cứ thế chờ đợi, chờ đợi, mặc cho con tim thổn thức, rạo rực.

Nhưng cũng đúng vào lúc đó, tôi lại phải trải qua một cảm giác khác, một cảm giác bất ngờ vụt lên như một tia chớp. Lão bá tước đang đứng đó như vừa từ trên trời rơi xuống. Quả thực, lúc miễn cưỡng mở mắt ra, tôi thấy bàn tay thép của lão đang túm chặt lấy cái cổ mảnh dẻ của người thiếu phụ rồi giật ngược ra phía sau với sức mạnh ghê gớm của một kẻ lực điền vũ phu. Đôi mắt xanh của người đàn bà lóe lên những tia giận dữ, hai hàm răng ả nghiêng ken kết như một con thú điên dại. Còn lão bá tước? Chưa bao giờ tôi hình dung ra một kẻ bị cơn thịnh nộ cuốn phăng đi như vậy. Đôi mắt lão bùng lên những ánh lửa thực sự, thậm chí tôi còn cảm thấy những ánh lửa ấy như vừa bùng lên từ dưới địa ngục? Bộ mặt lão trông xám ngoét như một thầy ma, hai má giật giật liên hồi, đôi hàng lông mày rậm rịt của lão càu càu giao nhau trên sống mũi giống như một thanh sắt gỉ méo mó bị nung đến sáng trắng. Lão khoát tay đẩy mạnh ả đàn bà bắn ra đầu phòng rồi lạnh lùng ra hiệu cho hai ả còn lại lập tức lui ra khỏi phòng. Đó chính là cái khoát tay mà tôi đã thấy lão làm trước bày sói hôm nào. Bằng một giọng trầm trầm, gần như nói thầm, song cũng đủ để xé tan bầu không khí trong phòng, lão nói với đám đàn bà:

— Sao chúng bay dám cả gan làm như vậy đối với ông ta? Ai cho phép chúng bay hau háu nhìn ông ta? Cút đi, tao bảo cút hết cả đi cơ mà! Người đàn ông này thuộc quyền lực của tao? Đừng có động vào, nếu không thì đừng có trách.

— Nhưng ngài đã bao giờ dám yêu! Ngài không dám yêu mà?

Hai ả còn lại nhanh khách cười với nhau, tiếng cười thật hoan hỉ, song cũng thật nghiệt ngã và tàn nhẫn, khiến tôi suýt chết ngất. Quả thực, tiếng cười của chúng chẳng khác nào tiếng cười của quỷ dữ.

Chăm chú quan sát tôi một lát, rồi lão bá tước quay ra đáp lại, giọng vẫn thì thầm lạnh lùng:

— Có chứ, tao cũng có thể yêu. Rồi chúng bay sẽ được thấy đi đâu đó. Hãy nhớ đấy? Tao xin hứa với chúng bay rằng sau khi kết thúc công việc với ông ta, tao sẽ để chúng bay làm gì ông ta tùy thích! Còn bây giờ, hãy để cho bọn tao được yên. Tao phải đánh thức ông ta dậy, còn bao việc đang đợi tao kia kìa.

— Thế đêm nay chúng tôi không có gì? - Một ả vừa cười vừa hỏi, trong khi tay chỉ vào chiếc túi lão bá tước vừa vớt chỏng chơ dưới sàn nhà: chiếc túi động đậy như có một thực thể sống ở bên trong.

Lão bá tước gật đầu thay cho câu trả lời. Một ả trong bọn lập tức nhảy bổ tới mở chiếc túi ra. Tôi tin là mình đã nghe thấy một tiếng rên yếu ớt như tiếng một đứa trẻ sắp bị chết ngạt. Lũ đàn bà xúm vây quanh cái túi, còn tôi thì cứng đờ lại vì hãi hùng. Nhưng đi đâu làm tôi khiếp đảm hơn cả là không hiểu bằng cách nào, mấy ả đã bất ngờ biến mất cùng cái túi, trong lúc mắt tôi vẫn không rời khỏi sàn nhà một tích tắc. Rõ ràng là không có ô cửa nào ở gần chúng, và nếu chúng có bỏ đi trước mặt tôi, thì tôi không thể không thấy. Hẳn là mấy ả đã tan biến cùng ánh trăng thanh qua đường cửa sổ, bởi một lát sau, tôi lại nhận ra những cái bóng quen quen vừa đủ nét ở bên ngoài. Sau đó giây lát, ba cái bóng biến mất hẳn.

Sự khiếp sợ đã làm tôi chết lịm trong cõi vô thức.

CHƯƠNG 4

Nhật ký của Jonathan Harker (tiếp theo)

Tôi tỉnh dậy trên giường. Nếu quả thực là đêm qua tôi không ngủ mê, thì chắc chắn là bá tước đã đưa tôi về đây. Tôi cố trấn tĩnh lại, nhưng không đi tới một đi đâu gì xác thực cả. Hiển nhiên là tôi trông thấy xung quanh mình những thứ có thể lấy làm bằng chứng: ví dụ, quần áo của tôi được gấp cẩn thận và được đặt trên một chiếc ghế tựa, đi đâu không giống với thói quen của tôi. Ngược lại, kim đồng hồ của tôi bị chết, trong khi tôi luôn có thói quen lên dây cót đồng hồ trước khi đi ngủ. Và còn nhiều chi tiết nữa... Nhưng không, tất cả sẽ chẳng nói lên đi đâu gì nếu như đêm qua tôi bị đãng trí, hoặc vì một nguyên nhân nào đó khiến đầu óc rối tinh rối mù. Tôi cần phải tìm những bằng chứng xác thực. Tuy vậy, vẫn còn một đi đâu làm tôi mừng rỡ: nếu như bá tước là người đã đưa tôi về đây, thì chắc hẳn lão phải rất vội, bởi vì mọi thứ trong túi quần tôi vẫn còn nguyên vẹn. Chắc chắn nếu có tìm thấy những dòng nhật ký này, lão cũng sẽ chẳng hiểu gì cả, vì tôi chỉ viết theo lối tốc ký. Đi đâu đó sẽ làm lão khó chịu và sẽ hủy ngay lập tức những gì tôi viết. Nhìn ngó xung quanh phòng, nơi dù đã trải qua bao lo âu và sợ hãi, tôi vẫn thấy dường như đây chính là nơi tôi còn được yên ổn, bởi chẳng có gì đáng sợ hơn là những người đàn bà ghê tởm đang chờ đợi, chờ đợi để hút máu mình.

• Ngày 18 tháng 5

Tôi muốn trở lại căn phòng ấy vào giữa ban ngày, vì tôi phải biết sự thật bằng mọi giá. Lên đến đỉnh cầu thang, tôi thấy cửa phòng vẫn khép. Ai đó đã cố đẩy cánh cửa về vị trí cũ sát với thanh nẹp đứng dù nẹp gỗ này đã bị hỏng. Tôi thấy then cửa chưa cài, mà hình như cánh cửa được khép lại từ

bên trong. Vì vậy, tôi e mình đã không ngủ mê, và từ nay trở đi, tôi buộc phải hành động, bắt đầu từ cái đi đầu gần như xác thực này.

• *Ngày 19 tháng 5*

Chắc chắn tôi đã sa vào lưới của lão bá tước, có hy vọng trốn thoát cũng chỉ là đi đầu viễn vông. Tối hôm qua, bằng cái giọng như có bùa ngải, lão lại bắt tôi phải viết tiếp ba lá thư khác, thông báo tôi sắp sửa kết thúc công việc ở đây và sẽ quay về trong khoảng dăm hôm nữa, lá thứ hai phải viết rằng tôi sẽ rời khỏi đây ngay ngày hôm sau. Lá cuối cùng cho biết tôi đã rời khỏi lâu đài và đang trên đường về Bistritz. Thực tình mà nói, tôi rất muốn làm loạn để chống lại sự ép buộc này, nhưng khi nghĩ lại, tôi thấy sẽ là điên rồ nếu bàn về thiện chí của bá tước, bởi lúc này tôi hoàn toàn nằm trong tay lão, nếu không chịu nghe theo lời lão, tôi sẽ khiến lão nghi ngờ và nổi cơn điên. Lão hiểu tôi rằng đã quá rõ về lão và có thể trở thành một mối nguy hiểm đối với lão. Cơ may duy nhất của tôi, nếu còn có thể gọi như vậy, là cố gắng kéo dài tình trạng hiện nay. Biết đâu sẽ có một cơ hội xuất hiện cho phép tôi trốn thoát... Tôi đã được biết trong đôi mắt lão chứa chất đầy sự hung bạo khi lão đẩy thô bạo ả đàn bà tuyệt đẹp kia. Lão giải thích với tôi dịch vụ bưu điện ở đây rất thất thường, các lá thư sẽ làm cho bạn bè tôi yên tâm. Lão còn bảo tôi rằng với lá thư cuối cùng tôi phải viết, lão sẽ nhờ giữ lại ở Bistritz cho đúng đến ngày tôi thực sự phải trở về vì sợ thời gian tôi ở lại đây sẽ còn kéo dài. Lão nói với một vẻ tin tưởng đến nỗi chỉ cần tôi khẽ mở mồm phản đối thôi cũng đủ để gây ra cho lão những mối nghi ngờ mới. Vậy là tôi phải cố kiên chế. Tôi hỏi lão xem tôi phải đi đến ngày tháng vào thư như thế nào, lão trả lời:

— Lá thứ nhất ghi ngày 12 tháng 6, lá thứ hai ghi ngày 19, và lá thứ ba ghi ngày 29.

Bây giờ thì tôi đã hiểu thời gian tôi còn phải ở lại đây là bao nhiêu lâu. Cầu Chúa che chở cho con!

• *Ngày 28 tháng 5*

Có thể tôi sẽ tìm được cách thoát thân, hoặc ít nhất là gửi được chút tin tức về nhà. Những người Digan đã trở về lâu đài và cắm trại ở dưới sân. Tôi sẽ viết vài lá thư rồi cố gắng nhờ họ gửi hộ ra bưu điện. Tôi đã bắt chuyện với họ từ cửa sổ phòng mình, chúng tôi đã làm quen với nhau. Họ biểu lộ tâm tư bằng cách cúi đầu thật thấp và làm mọi cách nói bằng dấu hiệu với tôi, mà thú thực là tôi chẳng hiểu gì cả.

Các lá thư đầu đã được viết xong. Thư gửi Mina tôi vẫn viết theo lối tốc ký, còn thư gửi ngài Hawkins, tôi chỉ yêu cầu ông ta cố gắng liên lạc với Mina. Tôi thông báo rõ tình hình của tôi cho cô bạn gái, nhưng không hề đề cập gì tới những nỗi khiếp đảm đã trải qua. Cô ấy sẽ sợ phát khiếp nếu như tôi hé nửa lời về hoàn cảnh của mình. Vì vậy, cho dù những lá thư này không đến được địa chỉ, thì lão bá tước cũng không thể nghi ngờ gì về mức độ tôi đã nắm bắt được các ý đồ của lão.

Tôi ném hai lá thư kèm theo một đồng tiền vàng qua cửa sổ cho những người Digan và ra hiệu cho họ hiểu tôi muốn nhờ họ mang thư ra bưu điện. Có một người chạy ra nhặt thư, ép vào ngực, rồi cúi đầu chào tôi đúng như phong tục của người Digan, sau đó anh ta bỏ mấy lá thư vào mũ. Bây giờ thì tôi còn có thể làm gì khác ngoài việc chờ đợi? Lát sau, tôi lại mò vào thư viện đọc sách. Tôi viết những dòng này khi lão bá tước chưa tới...

Tuy nhiên, tôi cũng không được ngẩng lâu một mình, lão bá tước đã bất ngờ đến ngồi bên tôi và nói với tôi bằng cái giọng nhẹ nhàng quen thuộc trong lúc mở hai lá thư ra cho tôi xem:

— Đám người Digan vừa trao lại cho tôi mấy tờ giấy này, dù không hiểu ngôn ngữ gốc của chúng, song tôi vẫn giữ chúng rất cẩn thận! Ngài nhìn xem... (vậy là lão đã xem mấy lá thư rồi). Cái này là của ngài, gửi cho ông bạn Peter Hawkins của tôi; còn cái này... (lúc mở lá thư thứ hai ra xem những dòng chữ tốc ký nguệch ngoạc, mặt lão tối sầm lại, đôi mắt ánh lên vẻ giận dữ và độc ác)... cái này trước mắt tôi là một sự bỉ ổi, nó phản bội một tình bạn hiểu khách! Và hơn nữa, nó lại không có chữ ký nữa chứ! Vì vậy, nó không thể đáng đến chúng ta được.

Rồi lão nhân đưa cả phong bì lẫn lá thư vào ngọn đèn bàn, đợi cho những tờ giấy cháy hết, lão mới quay sang bảo tôi:

— Còn lá thư gửi ngài Hawkins, tức là lá thư còn lại này, tự tôi sẽ mang đi gửi bởi đó là thư do chính ngài viết. Đối với tôi, các lá thư của ngài đều là những gì thật linh thiêng. Chắc ngài sẽ tha thứ cho tôi về việc tự ý mở thư của ngài, có phải vậy không ông bạn? Tôi thật không biết đó là thư của ai. Ngài sẽ bỏ lại thư vào phong bì hộ tôi chứ?

Lão cúi đầu, vẻ rất lịch sự, đưa cho tôi một chiếc phong bì mới. Tôi chỉ còn biết viết lại địa chỉ và miễn cưỡng đưa lại cho lão. Lão chào tôi rồi bỏ ra khỏi thư viện. Cánh cửa vừa khép lại, tôi chợt nghe có tiếng chìa khóa khẽ xoay trong ổ. Một lát sau tôi mới dám ra mở thử, quả thực cánh cửa đã bị khóa chặt.

Phải đến một hoặc hai tiếng sau, lão bá tước mới quay trở lại thư viện, nét mặt vẫn thản nhiên như không. Tôi giật mình tỉnh dậy, bởi lúc đó tôi đang nằm ngủ trên ghế trường kỷ. Lão nói với tôi bằng một giọng rất vui vẻ và tử tế.

— Một lần phải không ông bạn? Vậy thì về giường mà nằm đi. Đó chính là nơi ngài có thể ngon giấc nhất đấy. Và lại, tối nay tôi cũng không thích nghe chuyện trò với ngài, vì tôi còn rất nhiều việc phải làm. Hãy về ngủ đi, tôi đề nghị ngài đấy.

Tôi về phòng tiếp tục ngả lưng, và thật kỳ lạ, đúng là tôi đã ngủ thật yên giấc mà không hề mê man một chút nào. Sự thất vọng đã tự mang đến cho nó một liều thuốc dịu êm.

• Ngày 31 tháng 5

Ý nghĩ đầu tiên của tôi khi thức dậy sáng nay là lấy vài tờ giấy và mấy cái phong bì cất trong túi du lịch nhét vào túi áo, để có thể tranh thủ viết nếu có dịp trong ngày. Nhưng lại thêm một sự kinh ngạc, một cú sốc nữa đến với tôi! Tất cả giấy má của tôi đều đã biến mất, từ những thứ vô nghĩa cho tới những thứ cần thiết và không cần thiết cho tôi nếu như tôi có cơ hội rời khỏi lâu đài.

Ngồi thừ một lúc tôi mới sực nhớ đến việc kiểm tra nốt chiếc vali và tủ quần áo, nơi tôi cất quần áo của mình. Bộ quần áo tôi định cần theo để đi đường không còn ở trong tủ, rồi đến tắm áo choàng, chăn du lịch... cũng đầu biến mất sạch. Tôi lục tìm lung tung, nhưng chỉ mất công vô ích.

Không hiểu lão định âm mưu gì với cái trò mèo này?

• *Ngày 17 tháng 6*

Sáng nay, lúc đang ngồi nghĩ mông lung ở mép giường, tôi chợt nghe thấy có tiếng roi đánh đôm đốp ở bên ngoài, tiếp đó là tiếng vó ngựa kêu lộc cộc trên con đường rải sỏi dẫn vào sân lâu đài. Mừng khắp khởi trong lòng, tôi chạy vội đến bên cửa sổ nhìn xuống sân có hai chiếc xe khá lớn đang chạy vào, mỗi chiếc đóng tám con ngựa lực lưỡng, do một người Slovakia ăn mặc theo kiểu truyền thống dân tộc đi đầu khiển. Tôi quay ngoắt ra cửa với ý định chạy xuống lối cửa chính để ra sân, bởi tôi nghĩ thế nào người ta cũng sẽ mở cửa đằng này. Nhưng lại thêm một cú sốc: cánh cửa đã bị khóa chặt!

Tôi đành phải quay về cửa sổ gọi xuống sân. Tất cả ngừng đầu nhìn tôi, tay chỉ chỉ trỏ trỏ, vẻ rất kinh ngạc. Đúng lúc đó, thủ lĩnh nhóm Digan xuất hiện. Thấy đám bộ sậu đang chăm chú nhìn lên cửa sổ, ông ta buông ra một câu gì đó khiến đám người cười phá lên. Vậy là tất cả các nỗ lực của tôi đều trở nên công cốc, thậm chí lúc này chẳng còn ai thèm ngược nhìn lên cửa sổ nữa. Hai chiếc xe ngựa chở đến những chiếc hòm lớn vuông vức, có quai cần được làm bằng loại dây rất to. Nhìn cách khuôn vác của những người Slovakia và tiếng hòm đập bồm bộp xuống sân, tôi đoán đó là các hòm rỗng không. Khi tất cả được chất thành một đống ở góc sân, đám người Digan trả cho người Slovakia mấy đồng xu bạc. Lĩnh tiền xong, người Slovakia đánh ngựa quay trở ra. Tôi thần thờ đứng bên cửa sổ nghe tiếng vó ngựa xa dần rồi mất hẳn.

• *Ngày 24 tháng 6, trước buổi bình minh*

Tối hôm qua, lão bá tước rời tôi khá sớm để về phòng lão. Đợi lão đi khỏi, tôi rón rén leo vội lên chiếc cầu thang xoáy tròn ốc, với ý định rình

lão ở ô cửa sổ phía nam. Tôi tin chắc là sắp có chuyện xảy ra. Đám người Digan đã bỏ đi làm việc gì đó trong lâu đài tôi không biết, chỉ biết là họ đang làm việc, bởi thỉnh thoảng tôi lại nghe thấy những tiếng lịch kịch như tiếng cuộc xẽng từ xa vọng tới. Tôi linh cảm đây hẳn là một việc làm tội lỗi.

Tôi đứng khoảng gần nửa tiếng bên cửa sổ thì thấy một cái bóng thập thò ở cửa sổ phòng bá tước. Bóng đen ấy thò đầu ra trước rồi nhanh chóng nhào cả thân người ra ngoài. Đó chẳng phải ai khác ngoài lão bá tước. Nhưng lần này, lão làm tôi phải kinh ngạc hơn nhiều: lão đang mặc bộ đồ mà tôi đã mặc trong cuộc hành trình đến lâu đài, trên vai lão là chiếc túi đáng sợ mà tôi đã thấy nó biến mất cùng ba ả đàn bà. Không còn nghi ngờ gì nữa, mục đích của lão là muốn dùng bộ dạng bên ngoài của tôi cho một hành động mờ ám mới mà tôi chưa rõ. Quả là một trò cực kỳ tinh quái của lão: lão định làm người khác tưởng là tôi. Làm như vậy, lão có thể chứng minh cho mọi người thấy tôi cũng đã được phép ra bưu điện thành phố hoặc bưu điện ở các làng lân cận để bỏ thư của mình, và từ nay trở đi, mọi hành vi hèn hạ của lão đều có sự góp phần của tôi.

Tôi bắt đầu thấy điên tiết khi nghĩ mọi mảnh khốe của lão rồi vẫn cứ tiếp tục diễn ra trong khi tôi bị khóa chặt ở đây, bị nhốt như một tù nhân thực sự mà không hề có một sự che chở, bảo vệ nào. Tôi quyết định cứ đứng như vậy bên cửa sổ chờ lão quay trở về, bởi chẳng có gì khiến tôi muốn bỏ đi khỏi chỗ đang đứng. Được một lúc, tôi chợt giật mình khi trông thấy những chấm nhỏ kỳ lạ đang nhảy nhót cùng ánh trăng. Chúng giống như những hạt bụi li ti đang quay cuồng và thỉnh thoảng lại tụ lại như một đám mây nhỏ. Nhìn vào những hạt bụi ấy, tự nhiên tôi cảm thấy trong lòng như nhẹ nhõm hẳn đi. Tôi đứng tựa vào khung cửa sổ tìm một tư thế dễ chịu hơn để có thể ngắm cho rõ cảnh tượng lạ mắt này.

Chợt có một cái gì đó khiến tôi giật mình những tiếng kêu nặng nề và rên rỉ của bày chó vọng lên từ dưới thung lũng. Những tiếng kêu ấy mỗi lúc một rõ hơn, và tôi thấy dường như các hạt bụi đang chuyển sang thành

những hình hài mới tùy theo tiếng âm ỉ xa gần đó, có đi đâu là lúc này chúng đang nhảy nhót dưới một ánh trăng yếu ớt hơn. Dường như tôi đang ráng sức đánh thức các bản năng luôn ngủ vùi nơi tiềm thức sâu thẳm của chính mình, linh hồn sống của tôi đang giãy giụa đáp lại những tiếng gọi hoang dại ấy. Tôi đang bị thôi miên bởi cảnh tượng kỳ quái ngay trước mắt! Những hạt bụi nhảy nhót mỗi lúc một nhanh hơn, các tia sáng trắng dường như cũng bắt đầu nhảy nhót ngay gần tôi, rồi bỗng nhiên mất hút vào bóng tối. Lúc này thì cả những tia sáng cũng hội tụ lại tạo thành những hình thù ma quái. Tôi giật thót người một lần nữa, cái giật mình bất ngờ làm tôi bừng tỉnh và trả lại tôi sự tự chủ, tôi vừa kêu gào vừa bỏ chạy thục mạng. Các hình thù ma quái đang dần dần tách ra khỏi ánh trăng, và giờ tôi đã có thể nhận ra chúng: đó chính là những người đàn bà, mà từ nay trở đi, số phận sẽ ràng buộc tôi với họ. Chạy về đến phòng tôi mới cảm thấy yên lòng hơn một chút: ở đây, ánh trăng sẽ không thể lọt được vào, chỉ có ánh đèn soi tỏ mọi góc ngách nhỏ nhất.

Khoảng hai tiếng sau, tôi chợt nghe thấy một âm thanh gì đó giống như tiếng oe oe kêu khóc của trẻ con vọng tới từ phòng lão bá tước. Nhưng rồi tiếng kêu the thé và ngạt ngạt ấy đã nhanh chóng tắt lịm, trả lại bầu không khí tĩnh mịch sâu thẳm, rùng rợn, làm tôi gai người. Tôi chạy vội ra mở cửa, song cánh cửa một lần nữa bị khóa chặt trước sự bất lực hoàn toàn của tôi. Tôi chỉ còn biết ngồi phục xuống giường mà khóc cho số phận.

Đó chính là lúc tôi nghe thấy một tiếng kêu gào ở ngoài sân, tiếng kêu gào đau đớn của một phụ nữ. Tôi ra cửa sổ nhìn xuống, quả thật ở dưới sân có một người đàn bà đầu tóc xơ xụi, hai tay ôm ngực kêu khóc thảm thiết. Chợt nhìn thấy tôi bên cửa sổ, mẹ bỗng kêu rống lên, giọng đầy hăm dọa:

— Đồ quỷ dữ, hãy trả lại đứa con cho tao?

Rồi mẹ quỳ sụp xuống, hai tay giơ lên trời, miệng lầm nhảm, giọng the thé nhắc đi nhắc lại câu đòi con. Không thấy ai trả lời, mẹ bắt đầu bứt tóc, tay dấm thùm thụp vào ngực, và làm đủ những trò lố lăng khác mà chỉ có

những kẻ đau đớn đến tột cùng mới làm được. Cuối cùng, mụ lao bổ về phía trước lâu đài. Dù không còn trông thấy mụ, tôi vẫn nghe thấy những tiếng dấm thùm thụp điên dại vào cánh cửa ra vào.

Cùng lúc đó, tôi nghe thấy giọng lão bá tước, có lẽ từ trên tháp lâu đài vọng xuống. Giọng lão rì rầm, khàn đục và có cái gì đó như tiếng kim. Và bất chợt từ xa, tiếng kêu hú của bầy sói bỗng rộ lên như đáp lại tiếng gọi của lão. Quả thực, vài phút sau, một đàn sói bỗng từ đâu ào ào chạy tới đây sân lâu đài với một sức mạnh như con nước tràn đập.

Mụ đàn bà gần như không kịp kêu thêm một tiếng, và bầy sói cũng gần như im lặng ngay lập tức. Loáng một cái, tôi đã thấy chúng nối đuôi nhau rút lui với cái lưỡi thè lè liếm mép.

Thực lòng mà nói, tôi không có gì phàn nàn cho người đàn bà ấy, bởi số phận đen đủi đã đến với đứa con của mụ, nên tốt hơn, là cứ để mụ được về nơi chín suối cùng đứa con bất hạnh.

Tôi phải làm gì bây giờ? Tôi có thể làm được điều gì bây giờ? Làm sao thoát khỏi cái đêm dài hãi hùng này đây?

• *Ngày 25 tháng 6, buổi sáng*

Những người chưa từng trải qua những đêm tối hãi hùng sẽ không thể cảm nhận được cái dịu dàng và trong lành của buổi sớm mai. Sáng nay, khi những tia nắng sớm khế đậu trên hàng rào song sắt ngay chỗ trước ô cửa sổ phòng tôi trông xuống, tôi cứ tưởng có một chú bồ câu hòa bình vừa đậu ở đó! Vậy là bao nỗi lo sợ trong tôi đã biến mất như một làn hơi nước dưới ánh mặt trời. Ánh nắng đã trả lại cho tôi lòng dũng cảm, vì vậy tôi phải quyết ra tay hành động ngay! Tối hôm qua, một trong những lá thư tai quái, những lá thư có thể xóa sạch sự tồn tại của tôi trên đời này, những lá thư định mệnh mà lão bá tước bắt tôi phải viết đã được gửi đi. Tốt hơn hết là hãy đừng nghĩ quá nhiều đến chúng, mà phải tìm cách hành động?

Trong suốt thời gian ở lại lâu đài, đêm nào tôi cũng cảm thấy các mối đe dọa, theo cách này hay cách khác, đè nặng lên người, buộc tôi phải tin là mình luôn đứng trước một mối nguy hiểm. Có một điều rất lạ là từ khi đến

đây, tôi chưa một lần được thấy lão bá tước vào ban ngày. Phải chăng lão đã ngủ trong khi người khác thức, và chỉ thức vào lúc người khác đã ngủ? Kỳ lạ thật! Giá như chui được vào phòng lão thì hay biết mấy! Nhưng đó là đi đâu không thể được. Cửa phòng lão bao giờ cũng khóa, không có cách nào... Không, vẫn có một cách, nhưng vấn đề là ở chỗ tôi có dám làm hay không. Lối mà lão bá tước vẫn dùng để chui ra ngoài, tại sao tôi lại không làm như lão được? Tôi đã vài lần trông thấy lão bò qua cửa sổ. Tại sao tôi không thể mò vào phòng lão theo đường cửa sổ ấy? Đây quả là một việc làm rất khó khăn, nhưng tình cảnh của tôi lúc này còn tuyệt vọng hơn nhiều. Tôi sẽ liều một phen. Đi đâu tồi tệ nhất có thể xảy ra với tôi, đó là cái chết. Song cái chết của một con người đâu phải là cái chết của một con vật, và có khi tôi còn được Chúa ban cho một cuộc sống vĩnh hằng ấy chứ. Chúa sẽ phù hộ cho tôi! Mina, xin gửi em lời chào vĩnh biệt nếu như anh không trở về Vĩnh biệt người bạn chung thủy của tôi, người lúc nào cũng coi tôi như một vị cha thứ hai của mình. Cuối cùng, xin được vĩnh biệt tất cả. Mina ơi, một lần nữa xin được vĩnh biệt em!

• *Buổi sáng cùng ngày, một lúc sau*

Vậy là tôi đã xuống được dưới đó và ơn Chúa phù hộ, tôi đã trở về phòng mình mà không sút mẻ gì cả. Tôi sẽ giải thích mọi chi tiết ngay bây giờ.

Lúc đó, không hiểu sao tôi lại can đảm đến thế! Tôi đi về phía ô cửa sổ phía nam lâu đài rồi leo ngay lên rìa đá hẹp chạy dọc bức tường bên ngoài. Các viên đá xây ngoài rìa tường đều rất lớn và chỉ được đục đẽo rất sơ sài giữa các mạch vữa, như tôi đã nói, đều trơn lở vì năm tháng. Việc tôi đặt chân lên các gờ đá cheo leo này cũng đồng nghĩa với việc lao vào một cuộc phiêu lưu chết người. Leo được vài bước, tôi thử cúi nhòm xuống dưới chân lâu đài nằm sâu hun hút xem có chóng mặt không, nhưng rõ ràng là tôi không dám làm như vậy quá một giây. Tôi hoàn toàn xác định được vị trí ô cửa sổ phòng lão bá tước và cố gắng leo tới đó càng sớm càng tốt. Sự cheo leo của rìa tường không làm tôi chóng mặt, bởi lúc nào tôi cũng cố gắng

nhìn ngang. Và trong một khoảng thời gian mà tôi thấy là rất ngắn ngủi, tôi đã leo tới rìa cửa sổ cánh sập phòng lão bá tước.

Sau khi đẩy được cánh cửa lên, tôi co gập người, thò hai chân vào trước rồi chu ưỡ vào trong phòng. Tôi lăm lét nhìn quanh, thật may là lão bá tước không có trong phòng. Đồ đạc dưới này không có gì nhiều chỉ có vài thứ đồ gỗ cộc cạch có vẻ như chẳng bao giờ được sử dụng; thứ nào thứ nấy đều phủ đầy bụi, một số trông rất giống với những đồ tôi đã trông thấy trong các phòng ở chái phía nam lâu đài. Tôi nghĩ ngay đến chiếc chìa khóa, nhưng nó không được cắm trong ổ, và tôi cũng không tìm thấy ở đâu cả. Sự chú ý của tôi dừng lại ở một đồng tiền vàng đầy tú ụ nằm ở góc phòng - đó là đồng tiền xu đủ loại của các nước Rumania, Anh, Áo, Hungary, Hy Lạp. Những đồng tiền này có vẻ như đã nằm ở đó từ rất lâu bởi có một lớp bụi phủ dày. Tất cả đều là những đồng tiền cổ có niên đại cách đây ít nhất là ba trăm năm. Tôi cũng nhận ra vài sợi dây chuyền và mấy đồ mỹ nghệ có nam ít nhiều đá quý, nhưng những thứ này đều rất cũ kỹ và bị hư hỏng cả.

Tôi đi về phía một tấm cửa nặng nề vừa được phát hiện ở một góc phòng, bởi vì không tìm được chìa khóa phòng cũng như chìa khóa cửa lâu đài đây là điều tôi không được quên và là mục tiêu tìm kiếm chính của tôi nên tôi buộc phải lục tìm, khám phá lung tung, nếu không cuộc phiêu lưu mạo hiểm vừa rồi của tôi sẽ chẳng có tác dụng gì cả. Cánh cửa này mở ra một hành lang có các bức tường xây toàn bằng đá, dẫn đến một cầu thang xoáy tròn ốc. Tôi thận trọng bước xuống, vì chiếc cầu thang dựng đứng này chỉ được chiếu sáng nhờ hai lỗ châu mai trên một bức tường rất dày. Xuống hết cầu thang, tôi lại rơi vào một hành lang tối tăm khác, một đường hầm thực sự, sắc mùi chua, hăng hắc, gợi cho tôi liên tưởng tới mùi của các xác chết đó là một mùi bốc lên từ lớp đất vừa được đào bới. Càng bước sâu vào trong, thứ mùi đó càng có vẻ nặng hơn khiến tôi gần như không thể chịu nổi. Cuối cùng, tôi mở toang cánh cửa rất dày khác trong dãy hành lang. Tôi đang đứng trước một nhà thờ cổ điêu tàn, nơi hẳn đã có

những thi thể được chôn cất. Mái nhà thờ thủng lỗ chỗ, hai bên tường có rất nhiều bậc thềm dẫn tới các hầm mộ. Tôi nhận ra lớp đất vừa bị đào xới và những xẻng đất đổ đầy các thùng lớn đặt rải rác xung quanh: chắc chắn đó chính là những thùng gỗ mà đám người Slovakia vừa chở đến. Trong nhà thờ chẳng có ai cả. Tôi vẫn tiếp tục mò mẫm: biết đâu ở trong này lại có một lối ra? Không, không có một lối thoát nào cả. Tôi tiếp tục kiểm tra kỹ hơn nữa. Và mặc dù rất ghê tởm, tôi vẫn xông bừa vào các hầm mộ, nơi đang hắt ra những tia sáng yếu ớt. Trong hai hầm mộ đầu tiên, tôi chẳng tìm thấy gì ngoài những mảnh áo quan cổ và những đám bụi. Vào hầm mộ thứ ba, tôi bỗng giật thót người khi phát hiện ra một điếu.

Lão bá tước đang nằm lù lù trên một chiếc hòm đặt trên một đồng đất mới đào? Tôi không thể nói là lão đã chết hay đang ngủ, bởi đôi mắt lão vẫn đang mở thao láo, vô hồn như đôi mắt đá, nhưng không lờ đờ như mắt người chết. Hai gò má của lão, dù xám ngoét, có vẻ như vẫn giữ được hơi ấm của sự sống, còn đôi môi thì vẫn đỏ như thường có ở lão. Tuy nhiên, thân thể lão lại hoàn toàn bất động, không có dấu hiệu của hơi thở, và trái tim dường như đã ngừng đập trong lồng ngực của lão. Dù thế, tôi vẫn cúi xuống với hy vọng là lão chỉ vừa nằm ở đây thôi, bởi mùi đất vẫn còn rất mới. Cái nắp hòm thủng lỗ chỗ được dựng tựa vào đồng đất. Tôi nghĩ có thể các loại chìa khóa đang được cất trong các túi quần áo lão đang mặc, nhưng khi định tiến lại gần lão để lục soát, tôi lại đâm ra nhụt chí. Rõ ràng là trước sự có mặt của tôi, ánh mắt lão vẫn cứ tắt lịm và không có biểu hiện gì của sự nhận thức, song sự hận thù còn đọng lại trong đôi mắt tròn tròn ấy đã khiến tôi phải lập tức bỏ trốn, quay về phòng lão, trèo qua cửa sổ và bò ngược theo bức tường. Khi đã về tới phòng mình, tôi ngẩng lên giường mà thở. Tôi cố chấp lại tất cả các ý nghĩ của mình.

• *Ngày 29 tháng 6*

Hôm nay là ngày gửi lá thư cuối cùng của tôi. Lão bá tước hẳn đã không quên chuyện này, bởi một lần nữa tôi trông thấy lão rời khỏi lâu đài theo lối cửa sổ, trong khi vẫn không quên khoác bộ đồ của tôi trên người. Nhìn

lão bò xuống theo bức tường như một con thằn lằn, tôi chỉ có một mong muốn: vớ lấy một khẩu súng hoặc bất cứ một thứ vũ khí chết người nào để cho lão một phát! Mặc dù tôi không biết thứ vũ khí ấy có tác dụng gì đối với lão hay không. Tôi không dám rình lão quay trở về, vì lúc này tôi đã thực sự cảm thấy sợ khi phải một lần nữa trông thấy bộ ba chết chóc lần trước. Tôi quay về thư viện tìm một cuốn sách để đọc cho khuây khỏa; nhưng chỉ được một lát, tôi đã lẫn ra ngủ.

Sự xuất hiện của bá tước đã làm tôi thức dậy. Lão nói với tôi, giọng đầy vẻ hăm dọa:

— Ông bạn ạ, ngày mai chúng ta sẽ tạm biệt nhau. Ngài sẽ trở về nước Anh tươi đẹp của ngài. Sau này, có thể chúng ta sẽ không còn gặp nhau nữa. Lá thư ngài viết cho người thân đã được bỏ vào bưu điện. Ngày mai tôi sẽ không có mặt ở đây, nhưng tất cả những gì cần cho chuyến đi của ngài đều đã được chuẩn bị chu đáo. Người Digan sẽ tới đây vào buổi sáng, bởi họ có việc cần phải làm, cả đám người Slovakia cũng vậy. Khi họ đi rồi, xe của tôi sẽ đến tìm ngài và chở ngài tới đèo Borgo, nơi ngài sẽ đón xe khách về Bistritz. Nhưng dù thế nào đi nữa thì tôi cũng vẫn hy vọng sẽ có ngày lại được đón tiếp ngài ở lâu đài Dracula!

Nghe vậy, tôi quyết định thử xem lão thành thật đến mức nào, sự thành thật của vị bá tước như lão. Tôi có cảm giác như muốn làm uế tạp ý nghĩ này khi hình dung tới một con quỷ. Tôi đột ngột hỏi lão:

— Tại sao tôi không thể đi luôn vào tối nay?

— Ông bạn thân mến ạ, bởi vì tay xà ích và đàn ngựa của tôi đều đang có việc phải đi.

— Nhưng tôi sẽ rất vui lòng nếu được như vậy. Nói thật với ngài nhé, tôi muốn được rời khỏi đây ngay lập tức.

Lão cười, một nụ cười thật dịu dàng nhưng cũng rất quỷ quái, một nụ cười mà tôi có thể dễ dàng đoán được cái ý đồ đen tối hàm chứa trong cái vẻ dịu dàng đến lạnh người ấy.

— Thế còn hành lý của ngài thì sao? - Lão hỏi.

— Không quan trọng. - Tôi đáp lại. - Tôi sẽ cho lấy sau cũng được.

Lão đứng dậy và nghiêng mình cúi chào tôi, cử chỉ của lão lịch sự đến nỗi suýt nữa thì tôi phải dụi mắt vì không nghĩ lão lại có thể thành thực đến thế.

— Người Anh các ngài có một câu ngạn ngữ mà tôi rất thích, bởi nó thể hiện rất rõ cái tinh thần trong cách xử sự của những người thuộc dòng dõi quý tộc chúng tôi: “*Vui lòng khách đến, vừa lòng khách đi!*” Hãy đi theo tôi, ông bạn trẻ thân mến, ngài sẽ không phải miễn cưỡng ở lại đây thêm một giờ nào nữa, mặc dù tôi thật buồn khi phải chia tay với ngài và khi ngài sốt ruột muốn đi sớm như vậy. Lại đây?

Lão trịnh trọng cầm cây đèn và dẫn tôi xuống cầu thang rồi đi tiếp về phía cửa chính của lâu đài. Nhưng khi đi tới giữa hành lang, lão bỗng đột ngột dừng lại.

— Ngài hãy nghe đi! - Lão bảo tôi.

Có tiếng hú của bầy sói ở một nơi không xa lâu đài. Lão vung tay lên, và dường như những tiếng hú ấy cũng cất cao lên theo động tác của lão, giống như dàn nhạc phải tuân theo chiếc đũa của người chỉ huy. Lát sau, vẫn cái dáng vẻ oai nghiêm, lão bước tiếp. Ra tới cổng lâu đài, lão rút chốt cửa, kéo tuột những sợi dây xích nặng nề xuống rồi từ từ mở cửa. Tôi ngạc nhiên: như vậy là cửa không khóa. Chưa tin đây là sự thật, tôi ngơ ngác nhìn quanh, song vẫn không thấy chìa khóa đâu cả.

Cánh cửa càng mở rộng ra bao nhiêu thì tiếng kêu gào của bầy sói càng dữ dội bấy nhiêu. Lũ súc vật, con nào con nấy đều nhe răng thè lưỡi đỏ hồng, vẻ rất hăm dọa, có con còn nghiêng răng ken két. Không hiểu chúng xuất hiện ngoài cửa từ lúc nào. Tôi chợt hiểu mình không thể cưỡng lại ý muốn của bá tước. Tôi có thể làm gì để chống lại lão, khi lão có những đồng minh ghê sợ kia? Tuy nhiên, cánh cửa vẫn từ từ rộng mở, và lão bá tước thản nhiên ra đứng ngay ở ngưỡng cửa. Trong đầu tôi chợt lóe lên một ý nghĩ: có lẽ giờ định mệnh của tôi đã đến; tôi sẽ bị đẩy ra làm mồi cho lũ chó sói, bởi vì tôi muốn thế. Ngón đòn nham hiểm này hẳn phải làm

lão bá tước rất vui. Và như chẳng còn cách lựa chọn nào khác, tôi buộc phải kêu lên để tìm cho mình một vận may cuối cùng:

— Đóng cửa lại đi! Tôi sẽ đợi! Tôi sẽ đi vào sáng mai vậy?

Chỉ nói được có vậy, tôi lấy tay ôm mặt giấu đi những giọt nước mắt đắng cay tuyệt vọng.

Bàn tay thép của lão bá tước kéo mạnh cánh cửa nặng nề vào và cài các chốt lại, tiếng va chạm của kim khí vang lên khô khốc trong hành lang.

Không ai nói với ai một lời, chúng tôi quay trở về thư viện, nhưng thấy chẳng có lý do gì để ngồi lại đây, tôi đi luôn về phòng. Lần cuối cùng ngoái lại nhìn bá tước Dracula, tôi thấy lão vừa đưa tay làm một nụ hôn gió chào tôi, đôi mắt lão ánh lên vẻ đắc thắng cùng với một nụ cười ma quái mà đến quỷ Judas cũng phải lấy làm tự hào.

Tôi chuẩn bị lên giường nằm thì chợt nghe thấy hình như có tiếng ai đó đang thì thầm ngoài cửa. Tôi rón rén bước lại gần nghe ngóng xem sao. Tôi tin là mình đã nhận ra giọng lão bá tước:

— Không được, không được. - Giọng nói vẫn cất lên. - Quay về hết cả đi! Bây giờ không phải lúc cho chúng bay. Hãy cứ đợi đây! Phải biết kiên nhẫn chứ! Đêm nay sẽ thuộc về tao, đêm tới mới dành cho chúng bay!

Đáp lại lời bá tước là những tiếng cười khanh khách giễu cợt. Tức điên người, tôi mở bật cửa ra, trước mặt tôi là ba mặt đàn bà đang đứng liếm mép. Nhận ra tôi, chúng lại rộ lên những tiếng cười cợt nhả và độc ác trước khi bỏ đi.

Tôi lão đảo quay vào và đổ khụy xuống sàn nhà. Chẳng lẽ ngày tận số của tôi lại mau tới đến thế sao? Ngày mai! Ngày mai! Lạy Chúa! Hãy cứu con, cứu tất cả những người thân của con!

• *Ngày 30 tháng 6, buổi sáng*

Có thể đây sẽ là những dòng cuối cùng tôi còn viết được trong cuốn nhật ký này. Ngay sau khi thức dậy trước buổi bình minh, tôi đã vội quỳ gối xuống sàn, bởi nếu như giờ tận số của tôi đã điểm, thì tôi muốn rằng thần chết phải được thấy tôi đã sẵn sàng.

Quỳ gối được một lúc thì tôi bắt đầu cảm nhận được rằng bầu không khí buổi sớm đang có một sự thay đổi tinh tế đến khó tả... và buổi sáng vẫn đang đến... khi có tiếng gà gáy đầu tiên. Tôi cảm thấy mình dường như đang thoát chết. Tôi mở cửa, bước xuống cầu thang trong một tâm trạng nhẹ nhõm hơn. Cổng lâu đài rõ ràng là không khóa như vậy là tôi lại có cơ hội chạy trốn! Tôi nôn nóng tháo xích, mở then, hai tay run run.

Nhưng cánh cửa vẫn không hề nhúc nhích. Sự nản chí, nỗi tuyệt vọng trong tôi dần dần lên tới cực điểm. Tôi lao bừa cả người vào cánh cửa với hy vọng sẽ tìm được lối thoát, song tất cả chỉ là vô ích. Lúc này tôi mới hiểu cánh cửa đã bị khóa ngay sau khi tôi chia tay với lão bá tước. Tuy nhiên, tôi vẫn tự nhủ rằng bằng mọi giá, tôi phải tìm và lấy cho bằng được chiếc chìa khóa khốn nạn ấy, tôi sẽ lại leo theo bức tường và chui vào phòng lão bá tước. Chắc chắn tôi sẽ nhận được cái chết nếu lão bắt gặp tôi trong phòng lão, nhưng trong số những điều tồi tệ nhất có thể xảy ra đối với tôi, thì cái chết dường như chỉ là điều tối thiểu. Và không chậm trễ một phút, tôi trèo ngay qua cửa sổ, leo xuống phòng lão bá tước. Căn phòng trống rỗng. Tôi không tìm thấy chìa khóa ở đâu. Đồng tiên vàng vẫn còn nguyên đó. Tôi lần theo cầu thang và dãy hành lang tối tăm mà lần trước tôi đã đi để tới nhà thờ. Tôi biết rất rõ con quỷ mà tôi tìm kiếm đang nằm ở đâu.

Chiếc hòm lớn vẫn nằm nguyên chỗ cũ, sát chân tường, song có điều là lần này nó được đặt nắp cẩn thận nắp hòm được đóng móm sẵn những chiếc đinh như để chờ những nhát búa. Tôi biết rằng phải lục soát cái thây ma nằm bên trong thì may ra mới tìm được chìa khóa. Vì vậy, tôi buộc phải nhấc nắp hòm lên và để nó dựa vào tường, cái thây ma trong hòm đã làm tôi sợ khiếp vía?

Vâng, vẫn là lão bá tước đang nằm trong đó, nhưng lúc này trông lão lại có vẻ trẻ hơn một nửa, bởi mái tóc, bộ râu bạc trắng của lão đã chuyển sang một màu xám như tro bếp; hai má lão cũng có vẻ đầy đặn hơn và dường như còn có một màu hồng tươi dưới lớp da xanh nhợt. Đặc biệt là đôi môi,

đôi môi lão lúc này trông rõ ràng là đỏ mọng hơn bao giờ hết với những giọt máu tươi trào ra từ hai bên mép, chảy tràn xuống cằm rồi xuống tận cổ. Hai con mắt sâu hoắm và long sông sọc của lão bị mất hút trên một bộ mặt như phù nề. Tôi có cảm tưởng con quái vật khủng khiếp này chỉ sống bằng máu tươi. Cứ nghĩ đến việc cúi xuống sờ vào người lão là tôi thấy run, sự tiếp xúc đó làm trào lên trong tôi một cảm giác ghê tởm, nhưng dù thế nào thì tôi cũng buộc phải tìm cho bằng được cái mà tôi đang tìm, nếu không tôi sẽ thất bại! Và như vậy thân xác tôi có thể biến thành một thứ mua vui cho ba mụ đàn bà đáng sợ trong đêm tối. Tôi cẩn thận lục soát tất cả các túi áo trong người lão, song vẫn không thấy chiếc chìa khóa đâu. Bộ mặt trương phồng của lão bá tước như đang cười nhạo vào mũi tôi, khiến tôi muốn phát điên. Ấy vậy mà tôi đã tốn không biết bao nhiêu công sức để giúp lão về ở gần thành Luân Đôn, nơi lão có thể tiếp tục thỏa cơn khát máu khôn cùng của mình trong nhiều thế kỷ tới, để rồi lại biến những kẻ yếu thế thành những quái vật nửa người nửa ngợm. Chỉ thoáng nghĩ thế thôi tôi đã không thể nào chịu nổi. Nghĩ vậy, tôi điên tiết vớ ngay cái xẻng nằm dưới đất và định nhắm vào giữa bộ mặt ghê tởm của lão mà phang. Nhưng đúng lúc đó, đầu lão bá tước bỗng khẽ xoay sang một bên, đôi mắt long lanh độc ác của lão bắt gặp đôi mắt tôi. Người tôi sửng lại như bị tê liệt tay tôi buông thõng xuống, khiến chiếc xẻng chém một nhát khá sâu lên trán lão. Chiếc xẻng tuột khỏi tay tôi rơi xuống hòm và mắc vào nắp gỗ. Tôi định cúi xuống cầm cán xẻng thì nắp hòm bỗng đổ sập xuống che hộ tôi cái cảnh tượng ghê tởm bên dưới. Chi tiết cuối cùng mà tôi nhìn thấy là bộ mặt phù nề nhuộm máu hằn rõ một nụ cười nhản nhợt ác độc mà chỉ ở dưới địa ngục mới có.

Tôi chờ đợi nghĩ ngợi về những gì mình sẽ phải làm, nhưng rõ ràng là tôi không thể nghĩ nổi một đi đâu gì. Người tôi cứ ì ra, chán nản, bất lực... Tôi cứ đứng mãi, đứng mãi, cho đến khi chợt có tiếng hát của đám người Digan đột nhiên từ xa vọng tới. Tiếng hát vang lên mỗi lúc một gần cùng với điệp khúc đầu đầu của tiếng vó ngựa. Như lão bá tước đã nói với tôi

đêm qua, người Digan và cả người Slovaki đang kéo đến lâu đài. Sau khi đảo mắt nhìn xung quanh và nhìn chiếc hòm đựng cái thầy ma chết tiết một lần cuối, tôi chạy vội về phòng lão, định bụng sẽ tẩu thoát đúng vào lúc cổng mở. Tôi căng tai lắng nghe: có tiếng mở khóa loạch xoạch trong ổ khóa lớn, tiếp đó là tiếng kêu ken két nặng nề của cánh cửa dưới tầng trệt. Như vậy, hoặc là phải có những lối cửa khác vào lâu đài, hoặc là có người cầm chìa khóa mở một trong những cánh cửa tôi đã biết. Sau đó, tôi nghe thấy tiếng động lúc to, lúc nhỏ của nhiều bước chân đi trong một dãy hành lang nào đó. Tôi quay lại chạy ngược về phía nhà thờ, bởi biết đâu lại có một lối ra nào đó mà tôi chưa nhìn thấy? Nhưng vừa lúc đó, một luồng không khí cực mạnh bỗng bất ngờ ủa tới đóng sập cánh cửa dẫn tới cầu thang xoáy tròn ốc lại, khiến những lớp bụi bay lên mù mịt. Tôi vội vàng chạy ngược trở ra, song đã quá muộn, cánh cửa đã bị khóa. Vậy là tôi lại trở thành tù nhân. Tăm lười của định mệnh đang ngày một vây chặt lấy tôi.

Lúc viết những dòng này là lúc tôi nghe thấy trong hành lang phía dưới có những tiếng bước chân nặng nề và tiếng quẳng... văng... chắc chắn đó là những chiếc hòm đồ đầy đất. Sau đó là tiếng búa nện. Đám người khi nãy đang đóng chặt chiếc nắp hòm mà tôi vừa làm đổ sập xuống. Một lát sau, tôi lại nghe thấy tiếng những bước chân huỳnh huých trong dãy hành lang, kế đó là tiếng những bước chân khác có vẻ nhẹ nhàng hơn. Âm thanh cuối cùng vọng đến tai tôi là tiếng sập cửa, tiếng cài xích, tiếng vặn ổ khóa, tiếng rút chìa khóa ra khỏi ổ, rồi tiếng mở và đóng một cánh cửa khác. Tôi còn nghe thấy tiếng xoay chìa khóa và tiếng then cài một lần nữa.

Ngoài sân, phía đầu bên kia, trên lối đi rải sỏi, là tiếng xe ngựa chậm rãi đi xa dần cùng với những tiếng lộc cộc của vó ngựa. Bài hát buồn của người Digan một lần nữa lại vút lên vắng vắng để rồi tắt lịm bên tai tôi. Vậy là chỉ còn một mình tôi trong lâu đài, một mình tôi với ba mẹ đàn bà ấy! Những người đàn bà! Mina cũng là một phụ nữ, nhưng giữa cô và chúng chẳng có điểm gì chung cả. Chúng chỉ là những con quỷ cái?

Nhưng tôi sẽ không chịu ở lại một mình với chúng. Rồi tôi sẽ lại leo tường, leo xa hơn tất cả những lần tôi đã từng làm và tôi sẽ mang theo những đồng tiền vàng lấy trong phòng lão bá tước rất có thể sau này tôi sẽ cần tới số tiền đó. Tôi tuyệt đối phải rời khỏi cái lâu đài đáng nguy hiểm rửa này để trở về với những người thân! Chuyến tàu đầu tiên, và là chuyến tàu nhanh nhất, sẽ đưa tôi thoát khỏi nơi địa ngục, thoát khỏi cái mảnh đất chết tiệt này, nơi quỷ dữ và những tạo hóa quái đản đang sống như chúng đã từng sống trên thế giới đầy những điếu trớ trêu này!

CHƯƠNG 5

Thư của Mina Murray gửi Lucy Westenra

“Ngày 9 tháng 5

Lucy thân mến.

Xin lỗi vì sự im lặng dài dài của tớ, song thực ra tớ chẳng gặp chuyện gì phiền phức, mà đơn giản là do lúc nào tớ cũng ngập đầu vì công việc, thế thôi.

Cuộc sống của một nữ huấn luyện viên không phải lúc nào cũng thuận lợi. Sao mà tớ thèm được đi bên cậu dọc bãi biển để ba hoa đủ các chuyện trên trời dưới bể đến thế. Ừ, dạo này tớ hay chúm đầu vào công việc, bởi tớ muốn có đủ khả năng để cộng tác với Jonathan. Tớ rất chăm chỉ với môn tốc ký, bằng cách này, khi bọn tớ cưới nhau rồi, tớ sẽ giúp được anh ấy ghi lại tất cả những gì anh ấy cho là cần thiết và sau đó sẽ đánh máy lại. Bây giờ tớ cũng đang học đánh máy mà. Vả lại, cả hai chúng tớ cũng thường nhận được những lá thư viết theo lối tốc ký, và tớ biết là trong chuyến đi xa, anh ấy cũng thường ghi nhật ký theo cách ấy. Khi nào về với cậu, tớ cũng sẽ làm như vậy. Tớ sẽ làm một cuốn nhật ký và khi nào thích, tớ sẽ ghi lại tất cả những gì mình nghĩ trong đầu. Có thể tới một ngày nào đó, tớ sẽ đưa cuốn nhật ký ấy cho Jonathan xem nếu cần. Nhưng trước hết, tớ sẽ coi đây là một cuốn vở bài tập. Tớ muốn làm những gì mà các nữ nhà báo vẫn thường làm: thực hiện các cuộc phỏng vấn, miêu tả những gì mình thấy, thử nhớ lại những chuyện đã nghe, rồi thuật lại tất cả theo một cách trung thực nhất. Có người nói với tớ rằng chỉ cần tập một chút thôi là người ta có thể dễ dàng nhớ lại tất cả những gì đã xảy ra, hoặc tất cả những gì đã nghe được trong ngày. Cuối cùng, thế nào chúng mình cũng sẽ được thấy... Tớ rất vui khi kể cho cậu nghe về những dự định nho nhỏ của mình. Tớ vừa nhận được đôi lời của Jonathan gửi về từ Transylvanie.

Anh ấy vẫn khỏe và sẽ trở về đây trong khoảng một tuần nữa. Tớ đang rất háo hức được nghe Jonathan kể về chuyến đi của anh ấy. Chuyến đi hẳn sẽ rất tuyệt vời bởi vì nó trải dài qua không biết bao nhiêu xứ sở? Tớ đang tự hỏi cái ngày bọn tớ, ý tớ muốn nói tớ và Jonathan cùng nhau viễn du có diễn ra hay không đây. Thôi nhé, bây giờ đã mười giờ rồi. Tạm biệt nhé!

Gửi cậu lời chào thân ái,

Mina.

T.B. Khi nào viết cho tớ, nhớ phải kể mọi chuyện đấy nhé! Lâu lắm rồi không thấy cậu làm như vậy. Tớ tin là mình sẽ được nghe kể về một anh chàng tóc quăn, cao to và đẹp trai nào đó???”

Thư của Lucy Westenra gửi Mina Murray

“Thứ tư, ngày 17, phố Chatham.

Mina thân mến,

Nói thật là cậu đã hơi quá lời khi chê trách tớ: tớ đã viết cho cậu hai lần kể từ khi chúng mình chia tay nhau, và lá thư mới nhất của cậu cũng chỉ là lá thứ hai mà tớ nhận được? Vả lại, tớ cũng chẳng có gì mới để kể cho cậu nói thật là chẳng có gì đáng để cậu quan tâm. Đạo này bọn tớ đi cũng nhiều, lúc thì xem triển lãm tranh, lúc thì dạo bộ hoặc cưỡi ngựa trong công viên. Còn về cái anh chàng cao to, đẹp trai có mái tóc vàng như cậu nói, tớ cho là cậu định ám chỉ anh chàng đã đi theo tớ tới một buổi hòa nhạc gần đây. Rõ ràng cậu đã nghe đồn đại... Đó là Holmwood.

Anh ta thường xuyên tới thăm nhà tớ; mẹ tớ và anh ta có vẻ rất hợp nhau. Họ thường quan tâm tới những điều giống nhau. Đây là tớ nghĩ vậy. Mới đây bọn tớ cũng gặp được một người giống như cậu nói, tớ định làm mối cho cậu nếu như cậu không phải là vợ chưa cưới của Jonathan. Đó là một đám tuyệt vời? Một thanh niên đẹp trai, lịch lãm, giàu có và rất hiểu biết. Anh ta là một thầy thuốc rất thông minh. Cậu thử hình dung xem, mới

có hai mươi chín tuổi mà anh ta đã có thể đi đầu hành cả một dưỡng đường rất lớn.

Chính Holmwood là người đã giới thiệu anh ta cho tớ. Đạo này anh ta cũng hay đến nhà tớ lắm. Tớ tin đó là một chàng trai rắn rỏi nhất, quả quyết nhất, đồng thời cũng đi ền ậm nhất mà tớ đã từng gặp trong đời. Tớ cảm nhận ở anh ta một tính cách cương nghị không gì lay chuyển nổi.

Anh ta cũng luôn động lại trong ánh mắt người khác, cứ như thể muốn đọc bằng hết các ý nghĩ của họ. Anh ta thường hành động theo đúng sự quan tâm của tớ, nhưng tớ vẫn rất mừng khi nói với cậu rằng còn lâu anh chàng mới đạt được mục đích của mình! Đối với tớ lúc này, tớ chỉ cần được tự ngắm mình trong gương thôi là đủ. Cậu đã bao giờ tự đọc nét mặt mình trong gương chưa? Tay thầy thuốc tâm thần ấy nói rằng đối với anh ta, tớ là một ca tâm thần khá kỳ lạ, và dù có khó chịu, tớ vẫn nghĩ rằng anh ta có lý. Bệnh tâm thần! Hay thật?

Cậu biết đấy, tớ là người chẳng mấy quan tâm tới một đề có thể tả cho cậu nghe những gì đang thịnh hành. Một chẳng qua chỉ là một thứ thời trang phù phiếm theo như cách nói mà Arthur vẫn thường dùng... Tất cả những gì được gọi là mới đối với tớ chỉ có vậy thôi. Mina ơi, cậu có còn nhớ không, từ thuở còn trẻ dại, chúng mình vẫn thường tâm sự với nhau về mọi bí mật sâu kín nhất của mỗi đứa; chúng mình thường ngủ cùng nhau, rồi chia nhau từng mẩu bánh, từng nụ cười và cả những giọt nước mắt nữa chứ? Cậu biết không, sao bây giờ tớ lại muốn được nói chuyện, được ba hoa chích chòe với cậu đến thế! Mina à! Cậu có đoán được không? Tớ yêu anh ấy! Tớ đang đỏ mặt khi viết những lời này, bởi nếu như tớ có đủ lý do để tin rằng anh ấy cũng yêu tớ, thì anh ấy lại chưa hề nói với tớ đi ầu ấy. Mina ơi, tớ yêu anh ấy! Tớ yêu anh ấy? Tớ yêu anh ấy! Thế đấy! Chỉ có viết như vậy tớ mới thấy trong lòng dễ chịu. Giá như lúc này được ở bên cậu, được ng ồi gần cậu bên đống lửa với bộ đồ xu ềnh xoàng để tâm sự như những ngày xưa thì hay biết nhường nào; chúng mình sẽ lại rủ rủ nói chuyện, và tớ sẽ cố tâm sự bằng được với cậu tất cả những cảm xúc mà tớ

đã trải qua. Tớ không biết làm thế nào để có thể thổ lộ những tâm sự thầm kín của mình, kể cả với cậu... Tớ e là phải dừng bút ở đây, bởi nếu không tớ sẽ xé nát lá thư đi mất. Thực tình mà nói, tớ vẫn chưa muốn dừng bút đâu, vì tớ vẫn thèm được kể thêm một chuyện gì đó với cậu. Trả lời tớ ngay nhé, hãy nói thẳng cho tớ biết những suy nghĩ của cậu. Mina à, tớ dừng bút đây. Tạm biệt nhé. Hãy cầu Chúa phù hộ cho tớ và cho hạnh phúc của tớ, Mina nhé.

Luccy.

T.B. Thật vô ích khi nói với cậu đây là một điếu bí mật, đúng vậy không Mina? Một lần nữa xin tạm biệt! L...”

Thư của Lucy Westenra gửi Mina Murray

“Ngày 24 tháng 5

Mina thân mến.

Cảm ơn, cảm ơn và cảm ơn rất nhiều vì lá thư dễ thương của cậu. Tớ rất vui khi được tâm sự với cậu và được biết rằng cậu cũng rất hiểu tớ. Cô bạn thân mến, cho đến bây giờ tớ mới cảm nhận được câu nói: “*Phúc trùng lai*” của cổ ngữ là đúng? Đến tháng chín này tớ sẽ bước sang tuổi hai mươi, và từ trước tới nay, chưa bao giờ tớ nhận được một lời cầu hôn nghiêm túc nào của ai cả, ấy vậy mà cậu biết không, hôm nay tớ lại nhận được lời đề nghị của những ba đám cơ đấy? Ừ, ba lời đề nghị cầu hôn trong đúng có một ngày? Kể ra cũng kinh khủng đấy chứ? Nhưng tớ cũng chạnh buồn, thực sự buồn cho hai chàng trai tội nghiệp còn lại, bởi dù muốn hay không, tớ cũng chỉ được phép chọn một mà thôi. Nhưng cậu phải nhớ là đừng vội kể cho ai đấy nhé, tớ không muốn phải nghe những lời gièm pha, thêu dệt và đồn ky một tý nào! Bây giờ, có lẽ là tớ sẽ kể cho cậu nghe cả ba, cậu sẽ hứa giữ bí mật cho tớ chứ? Tất nhiên là nếu muốn, cậu có thể cho Jonathan biết, song chỉ một mình anh ấy thôi. Một phụ nữ thường phải nói tất cả cho người chồng được biết, đúng vậy không, cô bạn

yêu quý? Bây giờ tớ sẽ lần lượt kể cho cậu nhé: nhân vật số một đến vào khoảng mười hai giờ, khi cả nhà vừa ng ồi ăn trưa. Như tớ đã nói với cậu r ồi: đó là bác sĩ John Seward, giám đốc dưỡng đường tâm th ần, một người đàn ông có cái cằm cương nghị và v ầng trán rất cao. Nhìn b ề ngoài, anh ta có vẻ hoàn toàn tr ần tĩnh, nhưng tớ đoán đó là sự căng thẳng thì đúng hơn. Anh ta đã tỏ ra là người có cách cư xử đ ầy ấn tượng. Tuy nhiên, anh chàng vẫn vụng về đến nỗi suýt ng ồi bẹp cả chiếc mũ vừa đặt trên ghế, đi ều mà đàn ông nói chung không thể mắc phải nếu như họ có máu lạnh. Và để làm ra vẻ tự nhiên, anh ta lôi cả dao mổ ra chơi, không hiểu tại sao cứ mỗi lần nhìn thấy nó là tớ lại thấy sợ phát khiếp? Nhưng Mina à, được cái anh chàng nói chuyện rất thật thà. Anh ta nói rằng anh ta trông đợi ở tớ rất nhi ều mặc dù thời gian quen nhau chưa được lâu, rằng cuộc sống đối với anh ta sẽ trở nên thật tuyệt vời nếu như có tớ bên cạnh để giúp đỡ, động viên, an ủi. Anh ta muốn tớ hiểu rằng nỗi buồn phiền trong anh ta sẽ tiêu tan khi có tớ, song khi nhìn thấy những giọt nước mắt trên gương mặt tớ, anh ta hốt hoảng tự nhận mình là đồ vô tâm và bảo không hề muốn làm cho tớ phiền muộn thêm. Anh ta chỉ hỏi không hiểu thời gian trôi qua có làm cho tớ cảm thấy yêu anh ta hay không. Tớ lắc đầu, hai bàn tay run run và trong lòng không phải là không có chút do dự. Anh ta cũng dò hỏi xem có phải là tớ đã yêu người khác r ồi không và nói rằng khi trái tim của người con gái chưa thuộc về ai, thì người con trai như anh ta vẫn có thể hy vọng và chờ đợi. Vậy đấy, Mina à, lúc ấy tớ cảm thấy bốn phận của mình là phải thú thực rằng tớ đang yêu một người nào đó. Nghe tớ nói vậy, anh ta đứng ngay dậy, vẻ mặt rất nghiêm trọng dù vẫn cố tỏ ra thật bình thản, và c ầm lấy hai tay tớ với lời chúc hạnh phúc. Anh ta còn bảo nếu bao giờ cần tới một người bạn, một người bạn thật sự tận tâm, thì tớ có thể tin tưởng ở anh ta. Mina thương nhớ, cậu có biết không, viết cho cậu mà tớ không sao cần được lòng mình. Chắc là cậu sẽ tha lỗi cho tớ khi trông thấy những giọt nước mắt đọng khô trên trang giấy này, đúng không cô bạn? Được c ầu hôn thì còn gì bằng đối với một người con gái, nhưng tớ

đảm bảo với cậu rằng chẳng ai sung sướng khi thấy một chàng trai tội nghiệp yêu mình chân thành phải bỏ đi với trái tim tan nát, khi biết rất rõ rằng dù anh ta có nói gì đi chăng nữa, thì tớ cũng sẽ hoàn toàn biến khỏi cuộc đời của anh ta. Mina thân, có lẽ tớ phải dừng bút đây, tớ không thể viết gì hơn về đi đâu đó, tớ đang rất buồn, mặc dù trong lòng vẫn cảm thấy mình đang thật hạnh phúc!.

Buổi tối.

Arthur vừa đi, lúc này tớ đã cảm thấy nhẹ lòng hơn lúc tạm dừng bút rất nhiều. Vậy là tớ lại có thể tiếp tục kể cho cậu nghe về một ngày đời của mình rồi. Nhân vật thứ hai đến vào sau buổi trưa. Đó là một chàng trai rất thú vị, một người Mỹ bang Texas. Anh chàng trông trẻ đến mức mà tớ không sao tin nổi là anh ta đã đi qua rất nhiều nước và chứng kiến không biết bao nhiêu chuyện! Bây giờ tớ mới cảm thấy thông cảm cho cô nàng Desdemone khổn khổ và hiểu được những gì cô phải trải qua khi nghe kể về một đồng chuyện hấp dẫn, cho dù người kể là một anh chàng da đen? Bọn con gái chúng mình thường cái gì cũng sợ, nên luôn nghĩ tới một người đàn ông có thể che chở, đảm bảo và cưới được mình. Nếu là người đàn ông, tớ hoàn toàn biết cách làm thế nào để chinh phục được trái tim người con gái. Nhưng không, nói cho cùng, tớ chẳng biết gì cả, bởi tớ thấy nếu như anh chàng Morris - tức anh chàng người Mỹ tớ vừa nói - không ngần ngại kể bằng hết các cuộc viễn du của mình cho mọi người nghe, thì Arthur lại không kể gì cả, và tuy rằng... Nhưng thôi, tớ đi nhanh quá... Anh chàng Quincey P. Morris gặp tớ ở nhà có một mình. Khi một người con trai đến gặp một người con gái, cô ta luôn đứng có một mình, cứ như là một sự tình cờ. Không, đi đâu này không hoàn toàn đúng, bởi vì đã hai lần Arthur tìm cách bố trí để được gặp tớ một mình và tớ cũng tạo đi đâu kiện cho anh ấy: sự tình cờ chẳng có nghĩa lý gì cả, bây giờ thì tớ có thể khẳng định đi đâu này mà không hề xấu hổ. Tớ cũng xin nói với cậu rằng Morris không luôn miệng dùng tiếng lóng.

Quả thực, anh ta không bao giờ làm như vậy trước người nước ngoài, bởi anh ta là người rất có giáo dục và có cách xử sự thật rõ ràng. Nhưng khi nhận ra rằng tớ rất vui khi nghe nói tiếng lóng Mỹ, và khi thấy không có ai ở nhà để bị mang tiếng là chướng tai, anh ta cũng nói lảm chuyện thật buồn cười? Cô bạn yêu quý ạ, tớ phải tự hỏi rằng có phải anh ta đã sáng tác ra những tình huống đó hay không, vì chuyện nào anh ta kể cũng mang chính xác một hàm ý nào đó mà anh ta muốn nói. Có khi tớ cũng phải học thói quen nói lóng mất. Không hiểu sau này tớ có làm như vậy không, và tớ cũng không biết đi đâu này có làm cho Arthur thích hay không, bởi tớ chưa bao giờ thấy anh nói bất cứ một câu tiếng lóng nào. Và rồi cái anh chàng Morris ấy ngả xuống bên cạnh tớ, vẻ sung sướng và hạnh phúc, dù vẫn còn rất căng thẳng. Anh ta nắm chặt bàn tay tớ một hồi lâu rồi thả lỏng, giọng rất nhẹ nhàng:

— Lúc này, tôi biết là tôi không xứng đáng được buộc giày cho em, nhưng tôi nghĩ nếu cứ chờ đợi, thì còn lâu em mới tìm được một người đàn ông như vậy. Chẳng lẽ em lại không muốn hai chúng ta cùng nhau đóng một bộ yên cương, rồi cùng nhau ngả chung trên lưng ngựa hay sao?

Thực lòng mà nói, tớ thấy anh ta có vẻ hài hước đến nỗi nếu tớ từ chối lời đề nghị của anh ta, thì anh ta cũng chẳng đến mức buồn như chàng bác sĩ Seward tội nghiệp. Tớ cũng đáp lại anh ta bằng một giọng hài hước rằng tớ chẳng hề biết gì về cách đóng yên cương, và rằng cho tới lúc này tớ vẫn chưa thích bị đặt lên lưng ngựa.

Anh ta xin lỗi vì đã nói quá nhỏ và đề nghị tớ cho chuộc lỗi vào một dịp mà anh ta cho là quan trọng và nghiêm túc. Khi nói những đi đâu này, anh ta có vẻ ngao ngán và nghiêm trang tới mức làm tớ không thể không mỉm cười. Và khi tớ còn chưa kịp nói thêm đi đâu gì, anh ta đã vội tuôn ra một tràng những lời yêu đương âu yếm, rồi bày tỏ hết tâm hồn và nỗi lòng mình. Một lần nữa anh ta lại giải bày nỗi lòng mình bằng một vẻ thực sự nghiêm túc, khiến cho tớ quên hẳn cái bộ dạng hài hước lúc trước của anh ta. Chắc chắn là anh ta đã đọc được một đi đâu gì đó trên gương mặt tớ

khiến cho anh ta phải lo lắng, vì tự nhiên anh ta lại dừng lại rồi chuyển giọng nói với tớ, về nhiệt tình hơn và cũng thật can đảm hơn. Nếu trong lòng tớ chưa có hình bóng của người nào, thì có lẽ tớ sẽ đem lòng yêu anh ta chỉ vì lòng nhiệt tình đó mất:

— Lucy à, em quả là một cô gái chân thật và có đức hạnh. Tôi sẽ chẳng ở đây nói chuyện với em nếu như tôi không hiểu điếu ấy, nếu tôi không hiểu em là người thật thà và thẳng thắn. Vậy tôi xin hỏi thật một câu, khi chỉ có hai chúng ta như hai người bạn ngồi đối mặt nhau ở đây, rằng có phải em đang yêu một người nào đó không? Nếu đúng như vậy, thì tôi sẽ không bao giờ làm phiền em nữa, nhưng nếu em muốn, thì tôi sẽ sẵn sàng trở thành một người bạn rất trung thành của em.

Mina thân, tại sao những người đàn ông lúc nào cũng mang một tâm hồn cao thượng đến thế, trong khi bọn con gái chúng mình lại luôn chỉ nghĩ xấu về họ?

Lúc này tớ mới chợt hiểu rằng suốt nửa giờ đồng hồ qua, tớ chỉ biết đùa cợt, trong khi anh ta đang muốn ở mình một sự rõ ràng, dứt khoát. Tớ lại khóc, bởi tớ đang rất buồn, rất bất hạnh. Tại sao một cô gái lại không thể cưới ba người đàn ông, hơn nữa khi cô ta lại thực sự đang có cơ hội làm như vậy? Cậu có nghĩ rằng điếu đó sẽ làm ta tránh được bao nỗi phiền muộn không? Mặc dù nước mắt lưng tròng, tớ vẫn cố nhìn thẳng vào mắt Morris mà trả lời thẳng thắn như anh ta vừa mới nói:

— Vâng, em đã yêu một người, mặc dù anh ấy còn chưa nói với em rằng anh ấy yêu em.

Tớ hiểu ngay là tớ đã xử sự đúng khi nói thẳng vấn đề với anh ta, bởi lúc đó nét mặt anh ta rạng rỡ hẳn lên, anh ta nắm chặt hai bàn tay tớ (vậy mà tớ cứ ngỡ chính mình đã đặt tay vào tay anh ta) và nói bằng một giọng thân tình nhất:

— Em quả là một cô bé chân thành và chung thủy! Đừng khóc nữa, Lucy thân mến ạ; nếu phải lo cho tôi, thì xin em hãy đừng phiền lòng: tôi đã quen với những lúc khó khăn và lần này tôi cũng sẽ biết chịu đựng mà.

Nhưng nếu anh chàng ấy vẫn chưa chịu nhận ra cái hạnh phúc của mình, thì hẳn sẽ phải sớm hiểu rằng hẳn đang được đánh giá cao, nếu không hẳn sẽ biết tay tôi. Cô bé ạ, sự trung thực, lòng can đảm, tính thật thà của em cho thấy em có thể trở thành một người bạn thực sự đáng quý, đáng quý hơn cả tình yêu. Lucy thân mến, có thể nói cô đơn sẽ là kẻ đồng hành với tôi trong những tháng ngày còn lại của cuộc đời. Em sẽ tặng tôi một nụ hôn, chỉ một thôi, được không? Đó sẽ là một kỷ niệm êm đềm làm sáng người những đêm tối của tôi. Em hãy nói rằng em có thể làm như vậy một lần đối với tôi, bởi vì anh chàng kia hẳn phải là một anh chàng rất đẹp trai, rất hấp dẫn và cũng rất khôn khéo, nếu không thì em sẽ không yêu vẫn còn chưa ngỏ lời với em kia mà.

Mina à, quả thực những lời anh ta nói đã làm tổn thương sự vui lòng: nói về một tình địch như vậy, nhất là trong lúc đang buồn, chẳng phải là một cử chỉ đáng khâm phục lắm sao? Tổn thương người, kẻ đặt lên môi anh ta một nụ hôn. Anh ta đứng dậy, tay vẫn nắm chặt tay tôi, mắt nhìn vào khuôn mặt tôi một hồi lâu, khiến tôi ngượng đỏ cả mặt, rồi nói:

— Cô bé ạ, tôi đã nắm đôi bàn tay em, và em đã trao cho tôi một nụ hôn, nếu đi đâu đó không làm cho tình bạn của chúng ta gắn bó, thì chắc chắn nó cũng không thể làm nên một đi đâu gì khác. Cảm ơn lòng tốt và sự chân thật của em, tạm biệt!

Anh ta khẽ buông hai bàn tay tôi xuống, rồi vội vã đi nhanh ra cửa mà không hề ngoảnh lại, không khóc, không nấn ná và cũng chẳng dừng lại. Còn tôi, tôi cứ đứng khóc như một đứa trẻ. Ôi! Tại sao một người đàn ông như anh ta lại phải chịu bất hạnh đến thế, trong khi trên đời này còn có bao nhiêu cô gái đang sẵn sàng hôn theo dấu chân anh ta? Tôi cũng sẽ làm như vậy nếu như trong lòng tôi chưa có hình bóng ai? Cũng à, tất cả đã làm tôi rối bời cả lên đây này. Bây giờ tôi đang cảm thấy không sao diễn tả được niềm hạnh phúc của mình, hơn nữa tôi cũng ba hoa khá nhiều rồi? Và tôi chưa muốn nói gì với cậu về nhân vật số ba, khi mà hạnh phúc của tôi còn chưa trọn vẹn.

Mãi là người bạn của cậu,
Lucy.

T.B. Ôi! Nhân vật số ba... Nhưng tớ có cần phải nói với cậu về nhân vật này không nhỉ? Vả lại, tất cả vẫn còn đang rất mù mờ đối với tớ. Hình như lúc anh ấy bước vào phòng khách và siết chặt tớ trong vòng tay, đặt lên môi tớ những nụ hôn diễn ra chỉ cách nhau đúng có mấy phút. Tớ thật sung sướng, sung sướng đến phát điên lên được! Và tớ vẫn chưa biết mình phải làm gì cho xứng với niềm hạnh phúc này. Từ giờ trở đi, tớ chỉ còn biết chứng tỏ với Chúa rằng tớ rất biết ơn Người vì Người đã ban cho tớ một tình yêu, một người chồng và một người bạn.

Tạm biệt nghe cung!”

Nhật ký của bác sĩ Seward (ghi trong đĩa hát)

Ngày 25 tháng 5

Hôm nay quả là một ngày buồn. Ăn không ngon, ngủ cũng không được. Vậy là tôi lại nghĩ đến ghi nhật ký. Hôm qua, từ lúc bị từ chối lời cầu hôn, tôi cứ có cảm giác là mình đang sống trong sự trống rỗng, dường như chẳng còn gì đáng làm tôi bận tâm cả. Khi hiểu rằng phương thuốc duy nhất để chữa khỏi tâm trạng này là công việc, tôi đã tập trung mọi cố gắng cho việc chăm sóc các bệnh nhân. Tôi đã khám cho một ca bệnh mà tôi cho là đặc biệt nhất. Cách xử sự của bệnh nhân này kỳ cục đến mức khiến tôi phải quyết định dồn mọi nỗ lực cần thiết để nắm bắt tất cả những gì đang diễn ra trong con người hắn. Cuối cùng thì tôi cũng bắt đầu lảng máng cảm nhận được sự bí ẩn của con người hắn.

Để hiểu được ảo giác trong đầu bệnh nhân, tôi phải đặt ra cho hắn nhiều câu hỏi hơn mức bình thường. Bây giờ tôi mới hiểu mình làm như vậy là hơi ác. Nó gần giống như việc tôi cố tình đẩy hắn tới chỗ chỉ nói tới sự điên dại của hắn - đi đâu mà tôi vẫn luôn tránh làm với các bệnh nhân của mình, giống như việc tôi tránh rơi vào bờ địa ngục. (Ghi chú: vậy tôi có thể

không tránh khỏi rơi vào bờ địa ngục trong những hoàn cảnh nào?) *Omnia Romae venalia sunt!* Nếu như t ần tại một cái gì đó có thực đằng sau cách xử sự theo bản năng này, thì việc tìm hiểu chính xác bản chất của nó cũng là đi đầu đáng làm, và nên bắt đầu ngay từ bây giờ...

Bệnh nhân Renfield, số 59. Tính khí nóng nảy, thể chất khỏe mạnh, dễ bị kích động, mệt mỏi theo chu kỳ, dẫn tới những định kiến mà bây giờ tôi vẫn chưa lý giải được. Tôi có cảm tưởng một kẻ nóng nảy, nếu mất thăng bằng, có thể hoàn toàn không có lý trí; và những người kiêu như vậy có thể trở nên rất nguy hiểm tùy theo tính ích kỷ của họ. Ở những người ích kỷ, bản năng bảo thủ chính là một thứ lá chắn vừa bảo vệ đối phương của họ, lại vừa bảo vệ cả chính bản thân họ. Tôi tin rằng khi cái tôi có được một vị trí vững chắc, thì lực hướng tâm sẽ cân bằng với lực ly tâm, còn cái bốn phần sẽ làm thành điểm cố định, lực ly tâm sẽ đẩy nó đi, và chỉ có một hoặc một loạt sự tình cờ ngẫu nhiên mới có thể lập lại sự cân bằng.

Thư của Quincey P. Morris gửi ngài Arthur Holmwood đáng kính

“Ngày 25 tháng 5

Art thân mến,

Chúng tôi có dịp ng ồi bên nhau trên đ ồng cỏ, gần ánh lửa trại và kể cho nhau nghe những chuyện đã qua và chúng tôi đã băng bó vết thương cho nhau sau khi cố gắng cập bờ qu ần đảo Marquises. Chúng tôi còn uống cho sức khỏe của nhau bên bờ hồ Titicaca. Tôi vẫn còn những chuyện khác để kể, những vết thương khác để chữa, và một sức khỏe khác để cầu chúc. Anh có muốn góp mặt cùng chúng tôi bên ánh lửa trại vào tối ngày mai không? Tôi không hề thấy ngại ngùng khi đề nghị như vậy, bởi tôi biết có một quý bà nào đó đã được mời tới dự một bữa tối, trong khi anh vẫn là kẻ chưa vợ. Chúng ta sẽ chỉ có ba người, người thứ ba là ông già Jack Seward của chúng ta. Hai chúng tôi muốn cùng chia sẻ với nhau nỗi lòng mình, cùng uống vì sức khỏe của người đàn ông hạnh phúc nhất trên đời, người

đã biết cách chinh phục được một trái tim thanh cao nhất của tạo hóa và xứng đáng được chinh phục nhất. Chúng tôi hứa sẽ đón tiếp anh một cách nồng nhiệt, thân thiện và chân thành nhất! Cả hai chúng tôi xin thề sẽ đưa anh về tận nhà nếu như anh uống hết mình vì sức khỏe của một đôi mắt nào đó! Chúng tôi sẽ đợi anh!

Mãi là bạn của anh,
Quincey P. Morris.”

Điện của Arthur Holmwood gửi Quincey P. Morris

“Hãy tin tưởng ở tôi. Tôi sẽ mang tới những thông điệp có thể sẽ làm cho cả hai vị phải ù tai rất lâu.

Art.”

CHƯƠNG 6

Nhật ký của Mina Murray

- *Whitby, 24 tháng 7*

Lucy đi tìm tôi lúc tôi vừa xuống tàu, trông cô có vẻ xinh xắn và duyên dáng hơn bao giờ hết. Chúng tôi đi ngay về khách sạn Trăng Lưỡi Liềm, nơi cô và bà mẹ đã đặt mấy phòng thuê. Đó là một nơi đẹp mê hồn, có con sông Esk nhỏ bé chảy qua một thung lũng sâu thẳm trải rộng dần ra các vùng phụ cận của bến cảng. Nối liền hai bờ thung lũng là một cây cầu cạn nằm vắt vẻo nhờ những cột trụ thật cao; từ trên cầu phóng tầm mắt nhìn ra xa, phong cảnh nơi đây trải rộng mãi như trong một cõi không có thực. Thung lũng thật đẹp với những ngọn núi chênh vênh phủ trên mình một màu xanh mượt. Nếu đứng từ trên một đỉnh nào đó nhìn xuống, hẳn bạn sẽ phải ngỡ ngàng khi nhận ra ở dưới đáy thung lũng xanh thẳm có một dòng suối nhỏ lấp lánh ánh bạc chảy lững lờ tới một bờ vực thẳm. Các mái nhà trong thành phố cổ đều được lợp bằng những viên ngói đỏ, và dường như chúng được xếp gối lên nhau giống như cảnh chúng ta vẫn thấy trong các bức tranh mô tả vùng Nuremburg. Ra khỏi thành phố, bạn sẽ đến ngay khu phế tích của tu viện cổ Whitby, nơi ngày xưa đã bị người Đan Mạch cướp phá tan hoang và cũng là nơi từng cầm tù suốt đời các cô gái trẻ trong vùng. Các phế tích rộng mênh mông này sẽ tạo cho bạn một cảm giác vĩ đại và hùng vĩ về phong cảnh xung quanh. Có một truyền thuyết kể rằng thỉnh thoảng... lại có một quý bà mặc toàn bộ đồ trắng xuất hiện bên một ô cửa sổ vào buổi tối. Nằm giữa thành phố cổ và khu phế tích là một gác chuông của nhà thờ xứ bị vây quanh bởi một nghĩa địa. Theo cách nhìn của tôi thì đây chính là nơi đẹp nhất ở Whitby: ở đây bạn có thể phóng tầm mắt nhìn toàn cảnh bến cảng và một bờ vịnh nhỏ, nơi có một mũi đất chạy xa ra biển. Ở bến cảng, mũi đất này dốc đứng đến nỗi các bờ mép của nó đã lở

sụt xuống nước, khiến cho một số ngôi mộ - vì nghĩa địa chạy dài tới tận đây - cũng bị lở theo. Bạn cũng tha hồ được ngắm những lối nhỏ rợp bóng cây xanh chạy xuyên qua nghĩa trang, với những hàng ghế băng nằm rải rác như muốn mời gọi khách bộ hành nghỉ chân ngắm cảnh hàng giờ, mặc cho những làn gió biển nhẹ nhàng vuốt ve mơn trớn lâng lâng. Chính tôi cũng thường hay lui tới chốn đây ng ồi làm việc. Quả thực là lúc này, tôi đang ng ồi hý hoáy viết với một cuốn sổ đặt trên gối, mặc cho mấy ông già ng ồi nói chuyện trời đất ngay bên cạnh.

Dưới chân tôi là bến cảng, và phía bên kia là một bức tường đá chạy dài ra biển và cuối cùng là một bờ cong có một ngọn đèn biển mọc chơ vơ ở giữa. Phong cảnh sẽ trở nên thơ mộng hơn khi thủy triều lên, song khi nước biển rút đi, tất cả lại trở nên trơ trọi và chỉ còn con suối Esk cần mẫn chảy giữa những đ ồi cát uốn lượn quanh một dãy mỏm đá lẻ loi. Xa hơn bến cảng, về phía bên này, là một dãy đá cao chạy dài chừng nửa dặm bắt đầu từ phía sau ngọn đèn biển. Ở phía đầu dãy đá có một cây phao tiêu được trang bị thêm một quả chuông vốn chỉ cất những tiếng kêu s ầu thảm vào những lúc trọng đại. Có một truyền thuyết địa phương kể rằng khi có một con tàu bị lạc đường, từ ngoài khơi xa các thủy thủ cũng có thể nghe thấy chuông v ẳng tới... Tôi cần phải hỏi ông già đang đi về phía mình kia xem sự thực có đúng như vậy không.

Đó là một ông già không giống bất cứ một ông già nào khác ở trên đời này. Chắc ông phải già lắm bởi mặt ông rất nhiều nếp nhăn là nếp nhăn, đã thế lại còn s ần sùi như một thứ vỏ cây nữa chứ. Ông nói với tôi rằng ông sống đã gần trăm tuổi, rằng bây giờ ông vẫn ở trên một chiếc thuyền đánh cá Greenland từ khi xảy ra trận đánh Waterloo. Tự nhiên tôi đâm ra hoài nghi, bởi khi tôi hỏi về tiếng chuông mà ở tận ngoài khơi xa người ta cũng có thể nghe thấy ấy, và về người phụ nữ mặc bộ đồ trắng ở tu viện kia, ông chỉ trả lời chung chung thế này:

— Cô bé ạ, thực ra thì tôi cũng chẳng tin vào những câu chuyện như vậy lắm, chúng xưa quá rồi... Cô lưu ý nhé, tôi không bảo nó chưa bao giờ t ần

tại, mà tôi chỉ muốn nói rằng nó có trước cả lúc tôi chào đời... Tất cả những gì cô vừa hỏi thật hấp dẫn với những người ngoại quốc, những kẻ ham rong chơi và tất cả... nhưng không phải là đi đâu để một cô gái xuân sắc như cô phải nặng đầu suy nghĩ. Những kẻ bộ hành từ York và từ Leeds, những kẻ lúc nào cũng thích xem ở chợ có cái gì rẻ để mua thì có thể tin vào đi đâu đó. Song tôi không hiểu có ai lại nhọc công vô ích để kể cho họ nghe những lời dối trá như vậy - kể cả những tờ báo bị tiếng là ngu ngốc cũng đâu có làm thế.

Tôi thầm nghĩ: “Đây quả là một ông già mà người khác chắc chắn có thể học hỏi được nhiều đi đâu thú vị”, và đành phải hỏi lảng sang chuyện câu cá voi của người xưa. Nhưng lúc tôi chuẩn bị được nghe kể thì chuông đồng hồ chợt ngân lên một hồi sáu tiếng, ông già lập tức đứng dậy, giọng khó nhọc:

— Cô gái ạ, có lẽ tôi phải về đây, con bé nhà tôi nó không thích phải chờ đợi ai khi nó đã pha trà. Và lại, phải mất khối thời gian tôi mới xuống hết được các bậc.

Ông già kéo lê từng bước về nhà. Tôi đưa mắt trông theo mãi cái bóng già nua đang cố bước nhanh nhất xuống những bậc đá, với cái khả năng ít ỏi còn lại của một kẻ đang lúc xế bóng.

Các bậc đá là một trong những nét rất đặc trưng của vùng này. Nó chạy ngược từ thành phố lên nhà thờ; tất cả dễ có đến vài trăm bậc, hơi chạy theo hình xoắn ốc. Thực ra thì chúng không chênh vênh lắm, bởi một con ngựa có thể phi lên, phi xuống một cách dễ dàng. Chắc chắn ngày xưa, các bậc thang này cũng phải dẫn tới các khu vực xung quanh tu viện... Có lẽ tôi cũng phải về nhà. Hai mẹ con Lucy đã rủ nhau đi ngắm cảnh cả chiều nay. Tôi không muốn làm phiền họ. Giờ này chắc họ cũng sắp về.

• Ngày 1 tháng 8

Tôi ngồi đây với Lucy chắc cũng được khoảng một tiếng đồng hồ, chúng tôi đã có một cuộc nói chuyện rất thú vị với người bạn mới: Già Marin, và hai người bạn vẫn tới thăm ông hàng ngày. Trong số ba ông già,

rõ ràng tôi có thể đặt tên cho Già Marin là Ông Thánh, bởi lúc nào ông cũng muốn mình là người có lý, lúc nào ông cũng thích phản ngược ý của tất cả mọi người. Nếu không được, ông sẽ làm ầm lên, cứ như chửi rửa thẳng vào mặt những người đang đối thoại với mình, và khi họ chán chẳng buồn nói nữa, thì ông lại tưởng họ đã tâm phục khẩu phục. Lucy mặc một chiếc áo dài mà cô rất thích. Từ khi tới Whithy, trông da dẻ cô nàng có vẻ đẹp hẳn lên. Tôi để ý thấy hễ cứ mỗi lần chúng tôi có dịp ng ồi trò chuyện ở đây, là y như rằng ba ông già kia lại muốn tìm cách lân la tới ng ồi gần cô. Quả thực Lucy là cô gái rất dễ mến đối với những người già.

Chẳng ai có thể cưỡng lại vẻ duyên dáng của cô. Bản thân ông bạn già của tôi cũng bị khuất phục và cảm thấy ông nói ngược lại ý cô nàng bao giờ. Tôi chủ bụng lái cuộc nói chuyện về các truyền thuyết, và ông lão lại tuôn ra một bài thuyết giáo dài dằng dặc, khiến tôi nghe mà chóng cả mặt:

— Cô gái ạ, tôi đã bảo r ồi mà, tất cả chỉ là những chuyện ngu ngốc thôi: đó là những câu chuyện nhảm nhí, chứ không hơn không kém! Tất cả những câu chuyện hấp dẫn, quyến rũ, mê hoặc ấy chỉ thích hợp với những mục già mất trí. Tất cả đi ều đó là do mấy tay mục sư và những kẻ chèo kéo khách hàng trong các khách sạn sáng tác ra để lèo lái người khác phải làm những việc mà họ không muốn làm. Cứ mỗi lần nghĩ tới đi ều ấy, tôi lại thấy điên cả tiết. Thấy in lên đồng giấy lộn vẫn chưa đã, họ còn bảo nhau khắc đủ thứ lên những tấm bia mộ... Cô cứ nhìn xung quanh thì biết: tất cả những tấm đá đang ngạo nghễ đứng kia thực ra ều bị đè nặng bởi những lời dối trá mà người ta đã khắc chằng chịt ở bên trên! Và ở dưới những nấm mộ ấy, phần lớn là rỗng tuếch, làm gì có ai nằm đấy kia chứ. Thà tìm cách xoay xở như thế nào để có được một nhúm sợi thuốc lá còn hơn là phải bận tâm đến những câu chuyện nhảm nhí ấy! Thế đấy, đó chỉ là những chuyện dối trá, dối trá theo cách này hay cách khác, chẳng có gì khác ngoài những lời dối trá? Chúa ời? Sẽ thú vị biết bao khi được trông thấy những kẻ xấu số loạng choạng bầu vai nhau tới đây và khó nhọc kéo

theo những tấm bia mộ để chứng tỏ rằng họ đang sống thật êm đềm dưới đó?

Nhìn cái vẻ thỏa mãn của ông già và cái cách ông đưa mắt tìm sự tán thưởng của hai người bạn già khác, tôi hiểu ông đang muốn tỏ ra là một người nổi bật, nhưng như vậy cũng đủ để tôi hỏi ông một câu khác:

— Ôi! Già Swales, già lại không nói nghiêm túc rồi! Gần như chẳng có ngôi mộ nào trong nghĩa địa này là rỗng không cả, phải vậy không ạ?

Ông già có vẻ làm dáng hơn:

— Cô gái ạ, tôi đã nói đến thế rồi mà cô vẫn ngoan cố nhắc lại toàn những chuyện ngu ngốc! Ở đó có rất ít ngôi mộ không phải là rỗng tuếch... thế đấy... những người tốt lại rất hay tin ở những gì người khác khua môi múa mép. Đối trá, tất cả chỉ là đối trá! Hãy nghe cho rõ nhé cô gái: tôi không tin là cô đến đây mà không biết gì cả, dù cô có là một người xa lạ, và cô hãy nhìn vào...

Tôi không nắm được các từ ông già vừa nói. Nói thực tôi không hiểu tới một nửa những thổ ngữ mà ông đã nói và tôi cũng biết mình khó có thể tái hiện lại cái thứ thổ ngữ ý nhị ấy, nhưng tôi vẫn cứ gật đầu, dù trong lòng còn nghi hoặc rằng chắc ông già vừa ám chỉ tới tu viện.

Ông già nói tiếp:

— Thế cô có tin là tất cả những ngôi mộ đá ở xung quanh kia kìa, đều đang che chở cho những người đang yên nghỉ nào đó không?

Tôi trả lời bằng một cái gật đầu.

— Đó cũng chỉ là một sự đối trá! Có tới hai chục, hai chục và hai chục cái giường nằm ấy là rỗng tuếch, rỗng tuếch như chính đầu óc của những kẻ quen đối trá ấy!

Ông già quay sang tìm sự tán thưởng của hai người bạn đồng niên, và rồi cả ba cùng cười phá lên.

— Đấy, lạ Chúa! Sao có thể khác được kia chứ? Cô gái ạ, cô cứ thử nhìn vào ngôi mộ kia xem, đó... ngôi mộ tôi chỉ tay kia kìa... rồi thử đọc xem sao! Đó... cô cứ thử làm đi...

Tôi bước lại gần ngôi mộ ông lão đang chỉ và đọc: “*Edward Spenceland, thuyền trưởng, bị cướp biển sát hại ngoài khơi Cordillere ở tuổi 30. Tháng 4. 1854.*”

Khi tôi trở lại, ông già Swales tiếp tục:

— Vậy thì ai là người đã đem anh ta về xứ này để chôn cất anh ta ở đó? Anh ta bị sát hại ở tận Cordillere kia mà! Có thể nào xác anh ta lại ở đấy được? Tôi có thể kể cho các cô nghe hàng tá những người đã nằm lại dưới đáy biển, ở Groenland hoặc ở đằng kia vừa nói ông già vừa chỉ tay về phía bắc nếu như ít nhất là họ không bị các dòng nước cuốn đi xa hơn. Ấy vậy mà mộ của họ vẫn nằm ở đây, ở xung quanh cô đây mà. Từ chỗ cô ngồi, bằng đôi mắt đẹp của mình, cô có thể đọc được tất cả những dòng chữ đối trá khắc trên từng tấm bia đá. Này nhé, cái tay Braithwaite Lowrey kia kìa. Tôi có biết bố anh ta đấy, anh ta đã chết chìm trong vụ đắm tàu “Cuộc sống tươi đẹp” ở ngoài khơi Groenland khi mới hai mươi... hay cái tay Andrew Woodhouse kia cũng thế, hắn cũng chết đuối ở một nơi gần đó năm 1777..., còn tay John Paxton, hắn chết sau đó một năm ở ngoài mũi Farewell..., rồi thì ông già John Rawlings, người có ông nội cùng đi biển với tôi, lại chết ở vịnh Phần Lan khi đã sang tuổi năm mươi. Nhiều lắm, nhiều lắm... Cô có tin rằng khi nghe thấy những hồi kèn của lời *Phán quyết* cuối cùng rống lên, tất cả những người đàn ông này sẽ chạy ào đến Whitby không? Tôi thì tôi nghĩ như vậy đấy! Tôi đảm bảo với cô rằng thế nào họ cũng xô đẩy nhau đến nỗi người ta sẽ tưởng mình đang được chứng kiến một cuộc chiến trên băng tuyết kéo dài từ buổi sớm mai đến lúc đêm đen, khi các chiến binh phải ra sức băng bó các vết thương dưới cái ánh sáng lờ mờ của Bắc cực.

Chắc chắn đó là một kiểu nói đùa phổ biến ở xứ này, vì khi nói đến đây, ông già lại khoái trí cười ha hả cùng với hai ông bạn ngồi bên.

— Nhưng, - tôi hỏi - chắc là già đã nhầm khi cho rằng tất cả những con người tội nghiệp ấy, hay nói đúng hơn là linh hồn đáng thương của họ,

nhất thiết phải đến trình diện ở ngôi mộ của mình vào cái lúc *Phán quyết cuối cùng*. Có thật già vẫn nghĩ đó là điều nhất thiết phải có không?

— Đúng thế, nếu không thì những ngôi mộ đá dùng để làm gì, tôi hỏi cô đấy, cô gái?

— Để làm vui lòng những người trong gia đình họ, đúng không già?

— Để làm vui lòng những người trong gia đình họ, đúng không già? - Ông già giễu cợt nhại lại câu hỏi của tôi. - Cô thử nói cho tôi nghe xem nào, đâu là sự vui lòng đối với các gia đình khi họ biết rằng những dòng chữ được khắc trên các ngôi mộ kia chỉ là những lời dối trá, rằng tất cả mọi người, ai cũng biết rõ đi đâu đó?

Rồi ông chỉ vào một phiến đá nằm dưới chân chúng tôi như một tấm lát giữ cho chiếc ghế băng được thẳng bằng trên bờ vách đá:

— Cô hãy đọc những dòng dối trá dưới này đi.

Chỗ tôi ngồi chỉ có thể đọc được những chữ ở mặt sau, nhưng ngồi ở chỗ Lucy thì có thể đọc được hết. Thấy tôi bảo, Lucy cúi xuống đọc:

“Tôn kính tưởng nhớ George Canon, người đã chết vào ngày 29 tháng 7 năm 1873, khi ngã từ đỉnh núi xuống biển, trong một hy vọng phục sinh xương thịt vẻ vang. Ngôi mộ này được dựng nên bởi mẹ anh, người suốt đời đau đớn khôn nguôi vì mất một đứa con trai yêu dấu. Anh là đứa con trai duy nhất và bà mẹ là một người vợ góa.”

— Đúng là cháu chẳng thấy có gì lạ lùng ở đây cả, - Lucy nói - già Swales ạ.

Cô bạn tôi nhận xét bằng một giọng thực sự nghiêm túc.

— Cô không thấy có gì lạ ư... Ha! Ha! Cũng phải thôi, bởi vì cô đâu có biết bà mẹ khốn khổ đó, một con mụ ác quỷ ghét cay ghét đắng thằng con trai của mình chỉ vì nó yếu đuối, còn thằng con trai thì cũng rất căm thù người mẹ vì bà ta không thể đảm bảo được cuộc sống cho hần. Hần đã tự nã vào óc mình bằng một khẩu súng cũ kỹ mà hần vẫn dùng để dọa mấy con quạ con. Hôm đó, hần đã không dùng súng để dọa quạ nữa... Và cái mà người ta vẫn bảo là ngã từ trên các mỏm đá... Tất nhiên là hần bị rơi, còn

cái gọi là hy vọng phục sinh về vang các xác chết gì đó, tôi vẫn thường nghe kể hẳn muốn chui xuống địa ngục, vì mẹ hẳn, một kẻ rất sùng đạo, chắc chắn sẽ lên thiên đàng, mà hẳn đâu có muốn chết gì ở trên thiên đàng với mẹ hẳn... Bây giờ thì các cô cứ nói tấm đá này không phải đã ghi những lời dối trá đi!

Tôi định đáp lời thì Lucy đứng bật dậy và lái câu chuyện sang một hướng khác:

— Ôi! Tại sao già lại cứ kể cho bọn cháu toàn những chuyện không đâu vào đâu như vậy? Đây là chiếc ghế cháu vẫn thường tới ng ồi, và cháu sẽ không bao giờ từ bỏ cái thói quen ấy đâu, còn giờ cháu sẽ luôn tự nhủ rằng mình đang ng ồi trên nấm mồ của một kẻ tự tử!

— Đi đâu đó sẽ không làm cô khó chịu đâu, cô gái xinh đẹp ạ! Còn cái anh chàng George tội nghiệp kia hẳn sẽ rất vui khi thấy có một cô gái rất duyên tới ng ồi trên gối hẳn... Không, đi đâu đó sẽ chẳng làm cô khó chịu... Từ khi còn chưa đầy hai mươi tuổi, tôi đã ra đây ng ồi r ồi, và từ đó đến giờ, chưa bao giờ tôi thấy khó chịu cả? Đừng nên nghĩ quá nhiều về những người đang nằm dưới chân mình, hoặc những người chẳng hề nằm dưới đó. R ồi các cô sẽ có khối thời gian để mà sợ khi thấy tất cả các ngôi mộ lần lượt bị mang đi và nghĩa địa thì cứ trơ ra như một cánh đồng chỉ còn những gốc rạ... Nhưng thôi, lại đến giờ r ồi, tôi phải về đây. Chào các cô nhé?

Ông già lê bước đi xa dần.

Chúng tôi còn ng ồi thêm một lúc nữa. Phong cảnh đẹp quá! Lucy lại kể cho tôi nghe về Arthur và đám cưới sắp tới của họ. Tôi bỗng thấy chạnh lòng, đã hơn một tháng r ồi tôi không nhận được tin tức gì của Jonathan.

• Cùng ngày

Tôi trở về đây mà lòng buồn rười rượi. Vẫn không thấy người đưa thư xuất hiện chi đâu tối nay. Hy vọng đừng có chuyện phiền phức gì xảy ra với Jonathan. Đồng hồ đã điểm chín giờ. Thành phố lên đèn từ lâu, những ánh đèn lấp lánh như sao sa, lúc thì lẻ loi đơn chiếc, lúc lại cùng sáng bừng lên

thành một hàng nối tiếp nhau đầu đặn trên các đường phố. Ở bên trái tôi, cảnh vật bị che khuất hẳn bởi những mái nhà cổ mọc nhấp nhô gần tu viện. Những chú cừu non còn đang cất tiếng kêu be be ở những cánh đồng đằng sau. Và phía dưới kia, tôi nghe rõ những bước chân lộp cộp chậm chạp của một chú lừa. Ban nhạc bên cảng đang chơi một điệu valse buồn. Xa hơn một chút, dưới sân cảng, trên con đường nhỏ nằm hơi khuất, là một đội quân cứu thế đang đứng tập trung. Hai ban nhạc bỗng cùng cất lên những giai điệu inh tai nhức óc, chẳng bên nào nghe bên nào. Tuy nhiên, đứng ở đây, tôi có thể nghe rõ cả hai, nhưng trong lòng tôi lúc này vẫn là hình bóng của Jonathan. Anh đang ở đâu? Anh có còn nghĩ đến tôi hay không? Sao tôi muốn rời khỏi đây đến thế.

Nhật ký của bác sĩ Seward

• Ngày 5 tháng 6

Trường hợp của Renfield ngày càng trở nên thú vị hơn khiến tôi càng ngày càng hiểu rõ về con người. Trong con người hắn nổi bật nhất là những tính cách: ích kỷ, khéo vờ vĩnh và ngoan cố. Hy vọng tôi sẽ hiểu được tại sao hắn lại cứng đầu cứng cổ đến thế. Tôi thấy dường như hắn đang nung nấu một ý đồ rất cụ thể, nhưng là ý đồ gì? Tuy nhiên, hắn rất yêu các con vật, dù trong cái tình cảm được thể hiện theo đủ cách ngu ngốc ấy vẫn có một cái gì đó tàn bạo đến kỳ lạ. Đến bây giờ, sự gàn dở của hắn lại được thể hiện ở cái thú bắt ruồi. Tôi thấy chẳng cần thiết phải quan sát mãi về cái kiểu xử sự kỳ quặc này, bởi hành động dở hơi của hắn không phải là ít. Có một điều làm tôi rất ngạc nhiên là chẳng bao giờ thấy hắn nổi giận, như tôi vẫn lo ngại, mà sau khi suy nghĩ giây lát, hắn chỉ hỏi tôi cũng một giọng khá nghiêm túc: “Ông có đồng ý để cho tôi ba ngày không? Trong vòng có ba ngày, tôi sẽ làm cho chúng biến mất”. Tất nhiên là tôi trả lời: “Đồng ý”, rồi ngay người ra nhìn hắn như chưa bao giờ được nhìn vậy.

• Ngày 18 tháng 6

Bây giờ hấn chỉ còn nghĩ tới mấy con nhện, những con nhện rất to được hấn cho vào trong một cái hộp. Hấn nuôi nhện bằng những con ruồi bắt được. Số ruồi đã giảm đi rất nhiều sau những lần bị hấn chộp. Hấn ta bắt ruồi bằng cách lấy một nửa khẩu phần ăn làm mồi nhử trên gờ cửa sổ.

• Ngày 1 tháng 7

Đàn nhện ngày càng đông cùng với số ruồi bị bắt. Tôi tức mình bắt hấn phải quảng hết đi. Nhưng nhìn vẻ mặt sầu não của hấn, tôi lại đâm ra động lòng. Tôi bảo hấn ít nhất cũng phải vứt đi một phần. Hấn hứa sẽ làm như vậy. Trong lúc ngồi với hấn, tôi bỗng thấy ghê cả người khi thấy một con ruồi to tướng bay nhanh vào trong phòng; hấn chộp vội con vật, rồi cần giữa ngón tay cái và ngón tay trỏ ngấm ngấm với vẻ mặt rất hớn hờ. Và khi tôi còn chưa kịp đoán ra sự việc tiếp theo, thì hấn bỗng dứt tởm con ruồi vào miệng mà nhai ngấu nghiến. Tôi không ngần ngại nói về suy nghĩ kinh tởm của mình, song hấn chỉ thản nhiên đáp lại rằng ăn ruồi rất ngon, rằng con ruồi tràn đầy sức sống ấy sẽ tiếp thêm sức sống cho hấn. Trong đầu tôi chợt lóe lên một ý nghĩ, hay đúng hơn là một sự ngờ vực: cần phải biết hấn định xử lý mấy con nhện kia như thế nào. Chắc chắn là phải có một điếu gì đó khá nghiêm túc làm hấn phải bận tâm, vì hấn đang viết lia lịa vào một cuốn sổ bỏ túi. Các trang giấy đầu viết kín những con số, dường như hấn đang làm tính thì phải.

• Ngày 8 tháng 7

Trong lúc lên cơn điên, hấn đã làm theo một phương pháp thật sự, và nhận xét ấy cứ định hình rõ dần trong suy nghĩ của tôi. Phương pháp ấy hoàn toàn sáng tỏ. Ôi, hoạt động của trí tuệ vô thức? Rồi người cũng phải nhường bước trước một trí tuệ có ý thức. Tôi cố tình không gặp bệnh nhân của mình trong mấy ngày, tôi tin chắc trong hấn đang diễn ra một sự thay đổi trạng thái đáng chú ý. Hấn có thể bắt được một con chim sẻ và thuần hóa nó bằng một cách rất đơn giản mà tôi chợt đoán ra: đàn nhện trong hộp đã vor đi rất nhiều. Tuy nhiên, những con nhện còn lại đều rất béo tốt, vì

hắn vẫn chịu khó bắt ruồi hàng ngày với một phần thức ăn đặt trên gờ cửa sổ.

• *Ngày 19 tháng 7*

Chúng tôi đã đạt được tiến bộ trong việc nghiên cứu ca bệnh. Bây giờ Renfield đã có cả một đàn chim sẻ, trong khi đàn ruồi và đàn nhện gần như đã biến mất hoàn toàn. Thấy tôi bước vào phòng, hắn vội sấn đến và nói rằng hắn muốn xin tôi một ân huệ lớn, rất lớn; vừa nói hắn vừa vuốt ve lên người tôi như một con chó liếm lưỡi vào người chủ. Tôi hỏi thực ra hắn cần gì, hắn ngây ngất trả lời: “Tôi muốn có một con mèo, một con mèo con xinh xắn để làm bạn. Tôi sẽ dạy dỗ và cho nó ăn... Ôi! Vâng... tôi sẽ cho nó ăn.”

Quả thực là tôi hơi bất ngờ về điếu này, bởi tôi nhận thấy càng ngày hắn càng có vẻ thích những con vật to hơn.

Tôi thật không thể chấp nhận được chuyện cái gia đình chim sẻ xinh xắn đã thuần hóa lại biến mất theo cái kiểu biến mất của đàn ruồi và đàn nhện; vì vậy tôi trả lời rằng tôi còn phải suy nghĩ. Tuy nhiên, trước khi rời khỏi phòng, tôi có hỏi hắn bằng một giọng rất dừng dưng rằng tại sao hắn lại thích một con mèo con mà không phải là một con mèo to.

— Ôi! vâng, - Hắn hớn hờ trả lời - một con mèo to. Tôi rất thích có một con mèo to! Nếu như tôi xin ông một con mèo con, thì đó là do tôi sợ ông từ chối tôi một con mèo to? Chẳng ai lại đi từ chối tôi một con mèo nhỏ, đúng không ạ?

Tôi lắc đầu và trả lời rằng tôi nghĩ điếu đó là không thể được, ít nhất là trong lúc này, nhưng cuối cùng thì chúng tôi cũng sẽ... Mặt hắn tối sầm lại, và tôi đọc được ngay trên nét mặt ấy một lời cảnh cáo nguy hiểm, vì ánh mắt hắn chợt lóe lên những tia tàn ác như ánh mắt của một kẻ giết người.

Không còn nghi ngờ gì nữa, bệnh nhân này đúng là một kẻ giết người hung bạo. Rồi tôi sẽ được thấy sự ám ảnh của quỷ dữ sẽ dẫn hắn đi tới đâu.

• *10 giờ tối*

Khi quay trở lại, tôi thấy hắn đang ngủ rũ ở một góc phòng.

Vừa nhắc thấy tôi, hắn đã vội quỳ xuống nài nỉ tôi, mang mèo đến. Tôi trả lời ngay rằng đi đâu đó là không thể được. Nghe tôi bảo vậy, hắn hần hần trở về chỗ cũ, vừa đi vừa nắm chặt hai nắm đấm. Tôi sẽ gặp lại hắn vào sáng sớm hôm sau.

• *Ngày 20 tháng 7*

Tôi gặp Renfield từ rất sớm, sớm hơn cả khi người giám thị đi đánh thức các bệnh nhân ở các phòng. Hắn đang đứng hát lẩm nhẩm một giai điệu nào đó, trong khi hai tay vẫn rắc từng hạt đường xuống chậu rửa làm mồi bắt ruồi. Công việc làm hắn vui ra mặt. Tôi đảo mắt tìm lũ chim sẻ, nhưng chẳng thấy con nào cả. Thấy tôi hỏi, hắn không thèm quay mặt lại và trả lời là chúng đã bay đi hết. Tôi để ý thấy dưới đất có mấy nhúm lông, và trên gối hắn nằm còn có một vết máu. Khi ra về tôi cố làm ra vẻ như không có vấn đề gì xảy ra, song vẫn dặn người làm vườn phải đến báo cho tôi biết nếu như có chuyện gì không bình thường trong ngày.

• *11 giờ sáng*

Chẳng phải đợi lâu, người giám thị đã học tốc chạy đến báo cho tôi biết rằng Renfield đang rất mệt, rằng hắn đã nôn ra một đồng toàn lông chim là lông chim. “Thưa bác sĩ,” - tay giám thị bảo tôi - “tôi tin rằng hắn đã ăn tươi nuốt sống cả đàn chim của hắn?”

• *11 giờ tối*

Tối hôm nay, tôi đã cho Renfield uống thuốc ngủ, rồi lấy trộm cuốn sổ bỏ túi của hắn ra xem. Quả là tôi đã không nhầm với các giả thiết của mình: tay bệnh nhân giết người này đúng là một loại người rất đặc biệt. Tôi phải xếp hắn vào loại chưa từng có bao giờ, và gọi hắn là một kẻ điên thú vật, một thằng điên chỉ muốn sinh tồn bằng cách ăn các sinh vật sống. Đầu óc hắn luôn thường trực một nỗi ám ảnh là cần phải ăn thật nhiều cơ thể sinh vật sống mà hắn thèm. Hắn đã cho một con nhện ăn không biết bao nhiêu ruồi, đã nuôi một con chim bằng rất nhiều nhện, và rồi hắn còn muốn có một con mèo để giết chết cả đàn chim. Sau đó hắn còn định làm

gì nữa? Tôi rất muốn đi đến cùng cuộc thử nghiệm của mình. Nhưng để làm vậy thì phải có một lý do đầy đủ. Người ta sẽ nhổ vào mặt tôi nếu tôi nói về cách mổ xẻ vấn đề này, song dẫu sao tôi cũng không thể tránh khỏi thực trạng hiện nay. Tại sao không làm cho khoa học tiến bộ hơn trong một vấn đề khó khăn hơn nhưng cũng có tính chất sống còn hơn sự hiểu biết về bộ não, về cơ chế lý trí của con người kia chứ? Nếu như tôi thấy hiểu được sự bí ẩn của bộ não, nếu như tôi tìm được chìa khóa mở vào sự tương tượng của một bệnh nhân tâm thần độc nhất ấy, thì chắc chắn tôi sẽ đạt được một bước tiến dài trong chuyên môn của mình, và đi đâu này sẽ cho phép tôi có thể so sánh ngang hàng với nhà sinh lý học Burdon Sanderson, hoặc nhà giải phẫu học Ferrier.

Chỉ cần một lý do xác đáng thôi! Nhưng tôi cũng chẳng cần phải nghĩ quá nhiều về đi đâu đó, bởi sự cảm dỗ cũng rất đơn giản, một lý do đầy đủ có thể làm tôi nghĩ tới trạng thái cân bằng từ phía mình, bởi theo bản sinh, tôi chẳng phải là kẻ có bộ óc đặc biệt đó là gì?

Quả thực gã bệnh nhân đã có cách suy luận đúng của riêng hắn! Đúng thế, những kẻ điên luôn có những suy luận đúng khi họ theo đuổi ý kiến của họ. Tôi tự hỏi không hiểu hắn đã đánh giá một con người bằng bao nhiêu sinh vật sống, hoặc phải chăng hắn đã đánh giá một mạng người chỉ bằng duy nhất một sinh vật sống? Hắn đã kết thúc các phép tính một cách rất chính xác, và ngày hôm nay, hắn lại bắt tay vào các con tính mới. Ai trong số chúng ta không bắt đầu một ngày bằng những phép tính mới? Về phần mình, tôi thấy dường như chỉ hôm qua thôi, cuộc đời tôi đã thực sự chìm ngấm cùng với ước vọng trẻ trung của mình, và tôi cũng có cảm giác đời mình đã bắt đầu bằng một con số không. Dường như Chúa đang sắp gọi tôi lên đó và đóng sập cuốn sổ lớn ghi rõ sự cân bằng giữa những cái được mất của tôi vào. Ôi! Lucy, Lucy! Tôi không thể oán trách em về đi đâu đó, cũng như không thể oán trách người bạn đã may mắn được chia sẻ hạnh phúc với em. Nhưng tôi không nên trông chờ gì nhiều ở một sự tồn tại

không có hy vọng, một sự t ần t ại mà chỉ còn công việc là đi ều quan trọng duy nhất đối với mình. Vâng, công việc, chỉ còn công việc thôi!

Chỉ cần tìm ra được một lý do cấp thiết như lý lẽ của gã bệnh nhân kia và sau đó, lý do ấy có đủ sức thúc đẩy tôi lao vào công việc, thì chắc chắn tôi sẽ tìm ra một hình thái hạnh phúc nào đó.

Nhật ký của Mina Murray

• Ngày 26 tháng 7

Càng ngày tôi càng cảm thấy lo lắng, và viết nhật ký chính là một việc làm tôi nhẹ lòng đi phần nào, nó giống như việc mình tự bộc bạch cho chính mình nghe vậy. Hơn nữa, viết nhật ký bằng chữ tốc ký còn tạo cho tôi một cảm giác khác lạ hơn so với chữ viết thường. Tôi cảm thấy lo lắng cho Lucy cũng như cho Jonathan. Đã lâu rồi tôi không nhận được tin của anh ấy, nhưng hôm qua, ngài Hawkins, người lúc nào cũng rất tử tế, đã gửi cho tôi một lá thư mà ông đã nhận được của Jonathan. Lá thư chỉ vắn vắn có vài dòng ngắn ngủi thông báo chuyển trở về của anh từ lâu đài Dracula. Đi ều này không giống Jonathan một chút nào? Không hiểu có chuyện gì xảy ra... sao tôi lại muốn được yên lòng đến thế! Còn đối với Lucy, mặc dù cô nàng trông có vẻ đã khỏe lên rất nhiều, nhưng ít bữa nay, cô lại rơi vào tình trạng mộng du hay còn gọi là *miên hành* như các bác sĩ vẫn gọi. Mẹ cô đã kể cho tôi biết, và chúng tôi đã quyết định từ nay trở đi, cứ tối đến là tôi sẽ đóng chặt cửa lại. Bà Westenra luôn mừng rỡ trong đi ều rằng những kẻ bị *miên hành* thường trèo lên mái nhà, lững thững bước ra tới mép tường cheo leo nhất để rồi bùng tỉnh và giật mình rơi xuống đất cùng với một tiếng kêu thê thảm tuyệt vọng mà người ta có thể bắt gặp ở mọi nơi. Bà mẹ tội nghiệp đã nhiều lần run sợ khi nghĩ tới một thảm cảnh như vậy có thể xảy ra với Lucy của bà. Tôi được nghe bà kể ngày trước, chồng bà, bố của Lucy, cũng đã phải hứng chịu những chứng bệnh tương tự: ông thường xuyên thức dậy vào giữa đêm, mặc quần áo vào rồi lững thững ra

khỏi nhà nếu không có người chặn lại. Lucy phải làm đám cưới vào mùa thu này, cô đã chuẩn bị xong váy cưới, nhà cửa và một đồng quần áo mang theo. Ngài Holmwood - ngài Arthur Holmwood đáng kính là con trai của huân tước Godalming và chính là chàng chưa cưới của Lucy chắc chắn sẽ sớm tới đây, anh sẽ tới ngay sau khi có thể rời thành phố, bởi bố anh đang lâm bệnh. Lucy lặng lẽ bấm từng ngày, từng giờ... Cô nói rằng cô rất muốn ngồi bên anh trên chiếc ghế đá ngoài nghĩa địa và chỉ cho anh thấy phong cảnh tuyệt mỹ của Whitby. Theo tôi nghĩ, sự mòn mỏi chờ đợi của cô sẽ ảnh hưởng không tốt tới sức khỏe. Hy vọng cô sẽ mãn nguyện khi được gặp người chàng chưa cưới của mình ở đây.

• *Ngày 27 tháng 7*

Vẫn chưa có tin gì thêm về Jonathan. Tại sao anh ấy không viết thư cho tôi, dù chỉ là một lời? Đạo này, càng ngày Lucy càng hay trở dậy hơn vào buổi tối, và cứ mỗi lần chợt tỉnh giấc là tôi lại thấy cô đi đi lại lại trong phòng. Cũng may tiết trời còn nóng, nếu không cô sẽ bị cảm lạnh là cái chắc. Về phần mình, nỗi lo lắng của tôi cứ lớn dần lên, và những đêm buồn chán, trần trọc gần như thức trắng đã làm tôi rất căng thẳng. Ngược lại, ơn Chúa, Lucy vẫn khỏe mạnh. Holmwood vừa nhận được điện phải về Ring ngay lập tức, tình trạng sức khỏe của huân tước Godalming đang trở nên rất nghiêm trọng. Tất nhiên là Lucy rất lấy làm buồn vì không được gặp người chàng chưa cưới ngay như cô vẫn nghĩ, đôi lúc cô còn tỏ ra bực bội cáu gắt, nhưng sức khỏe của cô vẫn không hề có vấn đề gì, đôi má cô có lúc còn ửng hồng hơn mọi khi.

Cầu mong sao cho điếu này mãi kéo dài.

• *Ngày 3 tháng 8*

Lại thêm một tuần nữa trôi qua mà tôi vẫn không nhận được một tin tức nào của Jonathan! Lần này, thậm chí anh ấy còn không viết cho cả ngài Hawkins. Ôi! Hy vọng là anh đừng ốm đau gì. Nhưng nếu vậy thì chắc chắn anh ấy sẽ phải gửi thư chứ. Đọc lá thư cuối cùng của anh, tôi cứ thấy nghi nghi. Tôi không còn nhận ra anh trong những gì anh ấy nói trong thư.

Lần này, Lucy không còn bị mộng du nhiều như trước, song bây giờ trong con người cô ấy lại có một điều gì đó thật kỳ lạ khiến tôi ít nhiều lo ngại: ngay cả trong lúc cô đang ngủ, tôi vẫn có cảm giác là cô đang quan sát tôi. Cô thử mở cửa mấy lần, nhưng khi nhận ra rằng mình đã bị khóa, cô biết đi tìm chìa khóa khắp phòng.

• *Ngày 6 tháng 8*

Lại ba ngày nữa trôi qua, Jonathan vẫn biệt vô âm tín.

Sự chờ đợi đối với tôi bây giờ đã trở thành một sự lo âu thực sự khủng khiếp. Lúc này, tôi chỉ cần biết mình có thể viết gửi cho ai hoặc có thể tìm ai thì cũng đủ yên lòng lắm rồi. Nhưng trong số bạn bè của Jonathan, không có bất cứ một ai nhận được một lời nào của anh. Tôi chỉ còn biết cầu Chúa ban cho tôi sự kiên nhẫn để chờ đợi thêm. Lucy thực sự dễ cáu gắt hơn bao giờ hết, mặc dù cô vẫn khỏe mạnh. Đêm nay có giông, mấy ngư dân nói rằng sắp sửa có bão. Chỉ cần nhìn qua trời đất, tôi cũng có thể nhận ra các dấu hiệu báo bão. Bầu trời hôm nay xám xịt; trong lúc tôi ngồi viết những dòng này, ông mặt trời đã bị che kín bởi những đám mây chở nặng hơi nước từ phía mũi đất ùn ùn kéo đến. Tất cả đều một màu xám xịt, hoàn toàn xám xịt, trừ bãi cỏ là còn một chút màu xanh đen. Ánh mặt trời lúc này chỉ còn hắt hiu những tia sáng yếu ớt qua các đám mây xám xịt xuống mặt biển cũng xám xịt, nơi thỉnh thoảng có nhô ra các đống cát chạy dài như những ngón tay thâm đen. Những cơn sóng bạc đầu liên tục xô nhau vỗ ầm ầm vào bờ, nhưng sự ồn ào của biển dường như đã bị bóp nghẹt bởi những đám mây mù đang cùng một lúc bị dùn về phía đất liền. Tất cả tạo nên một cảm giác mênh mông. Các đám mây chồng chất lên nhau như những tảng đá khổng lồ trong một không gian ầm ầm vô tận của biển cả. Đây đó trên bãi biển, người ta có thể bắt gặp những bóng người lơ mơ bị cuộn tròn giữa lớp mây mù khiến ai trông thấy cũng tưởng là mình được nhìn thấy “những bóng cây biết đi”. Các con tàu đánh cá đang vội vàng trở về cảng để tránh tai họa của biển cả... Kia rồi, già Swales kia rồi, dường như ông lão đang muốn đến nói chuyện với tôi thì phải.

Ông lão khốn khổ đã thay đổi nhiều từ mấy ngày hôm nay, làm tôi không khỏi ngạc nhiên. Vừa ngồi xuống cạnh tôi, ông nói luôn, giọng rất khê:

— Tôi muốn hỏi cô một điều, cô gái ạ...

Thấy ông có vẻ lúng túng, tôi vội cầm lấy bàn tay già nua nhăn nheo của ông và bảo rằng xin ông cứ nói. Ông lão giải thích, tay vẫn để nguyên trong tay tôi:

— Con gái ạ, hy vọng ta sẽ không làm con bị sốc khi nói với con về tất cả những điều liên quan tới cái chết... Thực lòng mà nói, ta đã đi xa hơn cả những ý nghĩ của mình và ta muốn rằng con sẽ nhớ tất cả khi ta không còn ở đây nữa... Bọn ta, những kẻ già nua, thường hay lâm cảm. Bọn ta đâu đã cặp kè miệng lỗ, và chẳng ai muốn nghĩ quá nhiều đến cái chết cũng như muốn mình phải sợ cái định mệnh đó! Về phần mình, ta đã quyết định nói đôi chút về cái chết để phần nào tự trấn an được mình. Tuy nhiên, con gái ạ, có Chúa chứng giám cho, ta không hề sợ chết, không hề sợ chút nào. Chỉ có điều, giá như nó đừng vội nhằm vào ta, bởi ta còn muốn sống thêm một chút nữa. Nhưng số ta chắc chắn cũng sắp đến hạn rồi, bởi con người ta khi đã đến tuổi bách niên, thì hy vọng cũng chẳng còn được bao nhiêu. Như con thấy đấy, ta không thể nhịn được những lời báng bổ... ừ, Thần Chết chắc cũng sẽ sớm giống lên hễ kèn gọi ta về, song cũng đừng buồn bã mà làm gì con gái ạ? - Ông lão vừa nói vừa nhìn tôi lau nước mắt. - Thậm chí kể cả Ngài gọi ngay trong đêm nay đi, thì ta cũng sẵn lòng đáp lời. Bởi vì nói cho cùng, sống có nghĩa là chờ đợi một điều gì đó khác với cái mà chúng ta đang có, một cái gì đó khác với cái chúng ta đang làm. Cái chết là điều duy nhất mà chúng ta có thể tính đến trong hoàn cảnh đó. Ừ, con gái bé bỏng ạ, nó có thể đến và đến rất nhanh, thực ra, ta rất hài lòng! Có lẽ cơn gió của biển cả kia đã cuốn theo cùng nó tất cả những con tàu oan nghiệt cũng như những mảnh đời đơn côi khốn khổ... Thấy chưa? Thấy chưa con. - Ông lão chợt thốt lên. - Trong ngọn gió ấy, trong lớp mây mù ấy, dường như đang lẫn khuất một cái gì đó giống như cái chết vậy?

Nó đang lơ lửng trong cơn gió ngội lạnh! Nó tới đấy, nó tới đấy, ta biết mà... Chúa ơi! Hãy làm cho con đáp lại tiếng gọi ấy mà không phải nuối tiếc đi!

Ông lão sùng kính giơ hai tay lên trời rồi kính cẩn cời mũ ra. Đôi môi ông mấp máy liên tục như đang cầu nguyện. Sau một lát im lặng, ông lão từ từ đứng dậy nắm chặt lấy hai bàn tay tôi, cầu phúc lành cho tôi rồi lặng lẽ bỏ đi với cái dáng dấp cực nhọc quen thuộc. Tôi ngây người như tượng đá, đầu óc chẳng còn biết nghĩ gì cả. Sự xuất hiện của người tuần biển đã làm tôi sực tỉnh. Ông ta kẹp một cái ống nhòm dài ngoằng dưới nách. Theo thói quen, ông dừng lại nói nhăng cuội với tôi vài lời, trong khi ánh mắt vẫn nhìn ra biển, nơi có một con tàu hình như đang gặp khó khăn.

— Rõ là một con tàu ngoại quốc. - Người tuần biển nói. - Chắc là tàu của người Nga. Nhưng sao nó lại loay hoay kỳ quặc thế kia nhỉ? Cứ như là nó không biết mình muốn gì? như... như là cảm thấy có bão đến đấy rồi mà vẫn không thể quyết định hoặc là quay mũi về hướng bắc hoặc là chạy vào cảng này ấy. Cô cứ thử nhìn mà xem! Đúng là chẳng có ai cầm lái rồi? Nó đổi hướng liên tục mỗi khi có một trận gió lộng lên! Cứ tin tôi đi, vào cái giờ này ngày mai, thế nào chúng ta cũng sẽ được nghe nói về con tàu quý quái này cho mà xem!

CHƯƠNG 7

Những bài cắt từ báo “Dailygraph” dán trong nhật ký của Mina Murray

(Bài của một trong số các thông tin viên của chúng tôi)

• *Whitby, ngày 8 tháng 8*

Một cơn bão khủng khiếp nhất và bất ngờ nhất vừa đổ bộ vào đất liền, gây ra những hậu quả nặng nề chưa từng có. Trước đó, thời tiết khá ngột ngạt nhưng không phải là một điều đặc biệt đối với một tháng như tháng tám. Buổi chiều chủ nhật thời tiết còn rất đẹp, nhưng hôm qua rất nhiều dân làng đã rời đi chỗ khác hoặc vào rừng Mulgrave, khiến cho không khí ở Whitby và các vùng phụ cận bỗng náo nhiệt hẳn lên. Thời tiết vẫn bình thường, nếu không muốn nói là lộng lẫy, đến tận cuối buổi chiều, nhưng một vài ông cụ - ngày ngày có thói quen leo lên nghĩa địa ngắm hóng chuyện và ngắm biển, vì nghĩa địa này nằm ở một vách đá cao chót vót - đã giật mình khi nhận ra những đám mây hình “đuôi mèo” đang lơ lửng trôi ở phía Tây bắc. Khi đó, gió chỉ đạt cấp hai theo phong vũ biểu. Người tuần biển phải tức tốc làm ngay một báo cáo về hiện tượng không bình thường của thời tiết; và một người ngư dân già người đã từng có hơn năm mươi năm làm công việc theo dõi các dấu hiệu dự báo thời tiết biển - đã thông báo rằng một cơn bão khủng khiếp sắp sửa tấn công điên cuồng vào đất liền. Nhưng bóng chiều tà vẫn đủ sức tô hồng những đám mây đang bồng bênh trôi về phía chân trời tạo nên một bức tranh tráng lệ như một phần thưởng dành cho những người còn nhởn nhơ trên nghĩa địa cổ. Ông mặt trời lặn dần khiến cho mũi đất trở thành màu tối sẫm như một lưỡi kiếm chém ngang bầu trời. Hoàng hôn pha vào những đám mây đủ sắc màu hồng, tím, xanh và đặc biệt là sắc vàng óng ánh, làm nên đủ loại hình thù quái dị. Các nghệ sĩ lãng mạn nhất có thể lấy đó làm gợi cảnh cho các bức

họa thiên nhiên của mình: họ có thể đặt tên, chẳng hạn như *Khúc đạo đầu cho cơn bão tử thần*, cho một bức vẽ nào đó. Không còn một ông chủ nào dám táo tợn quyết định cho tàu của mình ra khỏi cảng trước khi bão tan. Lúc sấm tối, gió biển hoàn toàn tắt lịm, không gian bỗng im ắng đến lạ thường, bầu không khí oi nồng, ngột ngạt thường thấy trước các cơn giông tố bắt đầu tràn tới từng ngõ ngách khiến cho những người mẫn cảm không thể chịu nổi. Mặt biển tối đen như mực. Cái duy nhất mà người ta có thể còn nhận ra khá rõ là một chiếc thuyền buồm dọc của người ngoại quốc. Con thuyền đã giương tất cả các cánh buồm lên, hình như nó đang trôi về phía tây. Sự bất cần và vụng về quá rõ của đám sĩ quan trên tàu đã làm cho đám đông đứng trên cảng bàn tán xôn xao, người ta cố gắng làm cho họ nhận ra rằng có một mối nguy hiểm đang lơ lửng trên đầu họ, rằng họ nên hạ tất cả các cánh buồm xuống thì hơn.

Khoảng trước mười giờ một chút, bầu không khí oi nồng bắt đầu trở nên ngột ngạt đến nghẹt thở, và tất cả vẫn im lặng sâu thẳm đến mức người ta có thể nghe rõ những tiếng kêu be be của một con cừu hay tiếng ăng ăng của một con chó nhà vọng tới từ rất xa. Nhưng sự im lặng ấy cũng không thể kéo dài mãi. Ngay sau khi chuông đồng hồ vừa đổ mười hai tiếng, người ta chợt nghe thấy một tiếng réo ầm ầm và quái gở từ ngoài khơi vọng tới mỗi lúc một gần hơn, cùng lúc đó một tiếng sấm khê gầm lên như hăm dọa sau những đám mây chết chóc.

Tiếng sấm rền ấy chính là một dấu hiệu tức thì báo hiệu một tai họa bất thần ầm ầm kéo đến ngay sau đó. Thật không thể hiểu nổi: chỉ trong vòng có mấy phút, thiên nhiên hiên hòa bỗng lập tức trở mặt, bộc lộ rõ bản chất hung hãn của nó. Biển cả êm đềm đã tự biến mình thành một giống quỷ dữ với những con sóng khổng lồ ầm ầm xô nhau như muốn san bằng, hủy diệt tất cả. Mặt biển điên cuồng gầm thét đòi nuốt chửng bến bờ và các vách đá cheo leo. Những cơn gió lúc này cũng gầm lên như những tiếng sấm long trời lở đất với một sức mạnh ghê gớm khiến cho những người đàn ông vạm vỡ nhất cũng khó bề đứng vững nổi trên đường đi.

Đám người còn nấn ná trên sân cảng đã phải vội vàng tìm nơi ẩn náu, bởi mỗi nguy hiểm đang gia tăng từng phút. Như muốn chứng tỏ tính hung hãn không có giới hạn của mình, mặt biển càng ra sức diễu võ dương oai với những đám bọt khổng lồ ném tung vào sâu trong đất liền. Trên bờ, những kẻ yếu tim sẽ dễ dàng hình dung những đám mây mù trắng toát này là vô số những bóng ma kỳ quái, lớn vồn, nhảy nhót trên bãi biển. Ai có một chút trí tưởng tượng cũng có thể nghĩ ngay tới hình ảnh biển cả đang muốn lôi tuột xuống đáy vực đen ngòm của nó tất cả những sinh linh bé nhỏ yếu ớt trên bờ bằng những bàn tay chết chóc màu trắng. Vâng, những đám mây trắng ấy có thể bao bọc kín người bạn ngay lập tức nếu bạn vô phúc đứng ở đó. Thỉnh thoảng những bóng ma biển lại thoát ẩn thoát hiện khi có những tia chớp chói lòa bất thành linh lóe lên loảng ngoảng trên mặt biển, trước những loạt sấm nổ đùng đùng như muốn xé toạc bầu trời.

Những tia chớp lóe không dứt làm cho biển như hùng vĩ hơn bội phần. Mỗi khi sóng dậy, mặt biển bỗng cao hẳn lên với những ngọn núi nước nhấp nhô trập trùng. Nằm đây đó trên biển là một tàu đánh cá, một chiếc thuyền câu, trông chúng chẳng khác nào những miếng giẻ rách không còn biết làm thế nào hoặc đi về đâu để lánh nạn. Thỉnh thoảng trên đầu những ngọn sóng lại xuất hiện những cánh chim biển trắng lao đao vì gió bão. Đứng lừng lững ở đỉnh vách đá phía đông là một ngọn hải đăng đang đợi được sử dụng lần đầu tiên. Người của cảng đang cố gắng tìm mọi cách làm cho cây đèn phát sáng. Và cũng có một hoặc hai lần gì đó, cây đèn mới này đã phát huy được tác dụng - con tàu, hoặc con thuyền nào nhìn được ánh sáng quét đi từ ngọn đèn này thì có thể tìm được hướng đi vào cảng mà không sợ húc đầu vào đá. Cứ mỗi lần có một chiếc thuyền hoặc một con tàu đánh cá vào được cảng là đám đông lại reo hò ầm ĩ từ ngay nơi ẩn nấp của họ. Tất nhiên là tiếng reo vui của họ luôn bị tiếng gào thét của biển cả và gió bão nuốt chửng.

Dưới ánh đèn chiếu lấp loáng, người ta còn trông thấy chiếc thuyền buồm dọc đang giương hết các cánh buồm ở ngoài khơi, hình như đó

chính là chiếc thuyền người ta đã thấy lúc sẩm tối. Lúc này gió đã đổi sang hướng đông, đám người nấp trên bờ bắt đầu cảm thấy run khi nhận ra mối nguy hiểm khủng khiếp đang lơ lửng trên đầu con thuyền đơn côi. Giữa con thuyền và bến cảng có một dãy đá lởm chởm chạy dài ra ngoài và từng là nơi đập tan không biết bao nhiêu tàu thuyền trước khi tổng tiền chúng về với hà bá. Một khi gió đông đã nổi lên, con thuyền chỉ như một hạt cát giữa biển ấy sẽ không thể vào cảng được. Mặc dù đang là giờ thủy triều lên, nhưng các con sóng man rợ vẫn xô cao đến nỗi khi chúng cuốn đi, người ta chỉ còn thấy đáy biển nằm trơ trơ. Ấy vậy mà con thuyền vẫn căng buồm tiến băng băng về phía trước, nói như một ngư dân lão luyện, thì con thuyền *“rõ ràng là đang tiến về đâu đó dưới địa ngục”*. Bị đẩy vào bờ, những đám mây mù dày đặc hơn lại ùn ùn xuất hiện như những bức tường thành ngăn cách thế giới và chỉ cho phép các ngư dân cùng những người trên bờ cảm nhận mọi sự bằng hai lỗ tai. Tất cả lúc này chỉ còn là tiếng gào thét của bão tố, tiếng gập ghềnh tai nhức óc của sấm sét và những tiếng ầm ầm điên cuồng của các con sóng. Các ánh đèn chiếu lúc này đã chiếu tập trung vào một điểm cố định trên lối vào cảng, nói chính xác là chỉ còn chiếu về phía đông con đê chắn sóng, nơi người ta tin là sẽ xảy ra một sự va chạm. Những người còn lảng vảng trên bờ đều nín thở chờ đợi. Nhưng gió biển lại đột ngột chuyển sang hướng đông bắc khiến cho các đám mây mù lại bị đánh bật đi ngay lập tức. Và một điếu gần như không thể tin được đã xảy ra: chiếc thuyền buồm dọc đã vượt lên trên các ngọn sóng cả, băng băng lao vào giữa hai con đê chắn sóng và lao thẳng vào một nơi trú ẩn trong cảng.

Ánh đèn chiếu lập tức quét theo con thuyền. Đám người trên bờ như chết lặng khi bất ngờ nhận ra một xác chết đứng áp sát vào bánh lái ở đuôi thuyền, đầu xác chết gục thông xuống và lắc lư liên tục sang hai bên theo nhịp chao đảo của con thuyền. Ngoài ra không còn bất cứ một bóng người nào khác trên đó. Đám đông kinh hãi thốt lên vì ngờ rằng chiếc thuyền buồm đã lao vào cảng như có một phép thần thông: ấy là bàn tay của xác

chết đang nắm chặt vào bánh lái? Tuy nhiên, cảnh tượng trôi qua quá nhanh nên không thể mô tả được nhiều. Con thuyền vẫn tiếp tục lao phẳng phẳng vào bờ và đâm đầu vào một đồng cát sỏi do thủy triều và bão biển dồn lại ở góc đông nam của bến cảng, giáp với đuôi của vách đá, nơi có một con đê chắn sóng khác mà người dân xứ này vẫn gọi là Đồi Tate.

Con tàu bị một cú sốc đáng kể khi húc vào đồng sỏi cát. Các cột buồm, dây chèo bị đứt tung. Và còn một điếu bất ngờ nữa: đúng vào lúc mũi tàu húc vào bờ, từ dưới khoang, có một con chó to lưng lửng bất ngờ vọt lên trên boong rồi nhảy tót lên bờ như bị cú va chạm vừa rồi hồi thúc. Con chó cắn đầu chạy miết về phía đỉnh vách đá chênh vênh - chênh vênh đến nỗi có một số tấm bia mộ trượt lòi cả ra ngoài - rồi biến mất vào bóng đêm phía bên kia những ánh đèn chiếu.

Việc xảy ra như một sự tình cờ, trên Đồi Tate lúc đó chẳng có ai, người dân ở các ngôi nhà xung quanh đều đã ngủ say hoặc đã tạm chuyển tới các gò cao trên cảng. Người tuần biển học tốc chạy tới hiện trường và là người đầu tiên nhảy lên con thuyền. Những người đi đầu khiến hải đăng, sau một lúc không phát hiện ra thêm điếu gì bất trắc trên đường vào cảng, đã hướng tất cả các ngọn đèn về phía con thuyền mắc cạn và giữ nguyên vị trí ánh sáng ở đó. Trên thuyền, người tuần biển vội vàng lao về phía cuối để kiểm tra. Người ta trông rõ thấy ông cúi xuống ngó nghiêng nhìn vào nơi có thanh bánh lái rồi lùi ngược trở ra ngay lập tức như vừa phải trải qua một cảm xúc bất ngờ không thể chịu nổi. Điếu đó càng kích thích trí tò mò của những người đang theo dõi sự có mặt của ông trên con thuyền. Có rất nhiều người đã tức tốc chạy về phía con thuyền để được tận mắt chứng kiến chuyện gì đã xảy ra. Tôi cũng là một trong số những người đầu tiên chạy từ trên vách đá xuống con đê chắn sóng. Tuy nhiên, có một số người đã kịp có mặt trước tôi. Người tuần biển, và cả cảnh sát nữa, phải ra sức ngăn cản những kẻ tò mò trèo lên thuyền. Tuy nhiên, vì là một phóng viên của tờ Dailygraph, nên tôi được phép leo lên boong. Cùng với một vài

người nữa, tôi đã được tận mắt chứng kiến cái thây ma đang đứng tì sát vào bánh lái.

Sự kinh ngạc, rồi sợ hãi đã hiện rõ trên gương mặt vốn rất thật thà của người tuần biển. Hai bàn tay xác chết còn bám chặt vào một thanh nan hoa của chiếc bánh lái. Giữa lòng bàn tay ấy và thanh gỗ là một cây thánh giá nhỏ không hiểu đã được ai nhét vào từ bao giờ. Sợi dây cườm gắn cây thánh giá được quấn xung quanh hai bàn tay và quấn luôn cả vào thanh nan hoa bánh lái, ngoài ra còn có mấy sợi dây nữa buộc thêm lằng nhằng vào đó. Chắc hẳn gã đàn ông tội nghiệp này đã phải đứng như vậy từ khá lâu, bởi trong gió bão điên cuồng, chiếc bánh lái đã tự do xoay bên này, rồi xoay sang bên kia, khiến cho các sợi dây trói cọ xát đến trầy da, tróc thịt, vào tận xương hai cổ tay của gã. Người ta đã làm một báo cáo chi tiết về vụ việc này, và thầy thuốc, bác sĩ J.M. Caffyn (số nhà 33, Quảng trường Đông Elliot), người có mặt ngay sau tôi, sau khi khám nghiệm, đã tuyên bố rằng gã đàn ông xấu số này chết từ hai ngày trước. Người ta tìm thấy trong túi quần của gã có một cái chai được bịt nút rất cẩn thận, trong chai có đựng một cuộn giấy nhỏ mà sau đó người ta được biết là những tờ giấy ghi nhật ký hải trình của con thuyền. Theo người tuần biển, chắc chắn gã đàn ông đã tự trói tay mình rồi dùng răng thít chặt các nút dây lại trước khi chết.

Lúc này giông bão đã qua đi, mọi người ai lại về nhà nấy, ánh mặt trời bắt đầu cắt những tia nắng đầu tiên trên các thung Yorkshire. Tôi sẽ gặp lại các bạn trong số báo tới với các chi tiết rõ hơn về chiếc thuyền mắc nạn kiểu này.

- *Whitby, ngày 9 tháng 8*

Những phát hiện sau sự xuất hiện bất ngờ của con tàu lạ giữa trận bão đêm qua còn đáng ngạc nhiên hơn cả chính bản thân sự việc. Bây giờ người ta đã biết đó là một con tàu của người Nga đến từ vùng Varna, và tên con tàu là Demeter. Đi đầu kỳ lạ đầu tiên mà người ta phát hiện ra là con tàu đã chở một chuyến hàng không hề đáng giá chút nào - những thùng gỗ ních

toàn đất mùn được gửi theo địa chỉ của một công chứng viên ở Whitby, Ngài SF.Billington, số 7, phố Trăng Lưỡi Liềm. Sáng nay, người có tên là Billington này đã tới cảng nhận hàng gửi theo đúng quy định về thủ tục giấy tờ.

Về phía mình, lãnh sự quán của Nga đã chính thức lấy lại con tàu sau khi thực hiện đủ mọi thủ tục ngoại giao và ký vào biên bản nhận tàu. Ở Whitby hôm nay, người ta chỉ bàn tới sự kiện con tàu lạ. Cũng rất nhiều người nói tới con chó to lớn đã nhảy lên bờ ngay khi mũi tàu vừa húc vào đồng sỏi cát. Sau đó, người ta không tìm thấy con vật đâu. Có lẽ vì quá khiếp sợ trước cơn bão tố nên con vật đã trốn biệt vào đâu đó trong các khu đất hoang rậm rạp cây cỏ. Một số người tỏ ý nghi ngờ trước tình huống dự đoán này và họ cũng nhận thấy ở đó một mối nguy hiểm thực sự, bởi họ nói rằng con vật có vẻ rất hung ác. Sáng sớm hôm nay, có người đã phát hiện ra một con chó cũng rất to lớn nằm chết phoir bụng giữa đoạn đường ở gần ngay bến cảng. Chủ nhân của con chó là một tay buôn thuốc, ông thấy con chó tội nghiệp nằm chết ngay trước cửa nhà mình. Rõ ràng là con vật đã chết bởi một đối thủ rất mạnh và hung dữ, vì cổ nó có một vết giằng xé thực sự, còn dưới bụng thì bị phanh ra bởi những vết nanh vuốt của một con thú hoang dại.

• *Vài tiếng đồng hồ sau*

Viên thanh tra Bộ Thương mại cho phép tôi mở nhật ký đã được giữ kín trong suốt ba ngày theo đúng quy định của luật hàng hải, nhưng nội dung nhật ký thì chẳng có gì thú vị ngoài những chi tiết liên quan tới những mất mát về sinh mạng. Thú thực là tôi chưa bao giờ được biết một câu chuyện nào lạ lẫm hơn thế. Các nhà chức trách đã đồng ý để tôi được ghi lại ở đây theo đề nghị của các độc giả. Tôi thấy hình như khi thảo ra những dòng nhật ký này, tay thuyền trưởng của con tàu đã bị mắc một chứng bệnh điên nào đó ngay trước khi ra khơi và căn bệnh của ông ta càng có vẻ trầm trọng hơn trong suốt cuộc hành trình. Các bạn nên biết rằng tôi đã chép lại nội dung của nhật ký theo lời dịch của một viên bí thư lãnh sự quán Nga:

«Nhật ký hải trình từ Varna đến Whitby của con tàu Demeter.

Cho tới ngày hôm nay, ngày 18 tháng 7, đã có nhiều sự kiện lạ lùng bất thường xảy ra khiến tôi phải viết nhật ký cho tới khi con tàu đi tới Whitby.

Ngày 6 tháng 7, chúng tôi kết thúc việc chuyển hàng cát và những thùng chứa đầy đất mùn lên tàu. Buổi trưa, chúng tôi bắt đầu ra khơi. Gió đông thổi mát rượi. Trên tàu gồm có năm thủy thủ, hai hạ sĩ quan, một đầu bếp và tôi, thuyền trưởng.

Ngày 11 tháng 7, rạng đông, tàu chúng tôi đi vào cảng Bosphore. Các nhân viên hải quan Thổ Nhĩ Kỳ bước lên kiểm tra tàu. Tiễn diêm thuốc. Tất cả đều rất chính xác. Tiếp tục khởi hành vào bốn giờ chiều.

Ngày 12 tháng 7, đã qua Dardanelles. Lại các nhân viên hải quan và tiễn diêm thuốc nữa. Tất cả đều được làm rất nhanh. Họ muốn được thấy chúng tôi đi sớm hơn. Buổi tối, tàu chúng tôi qua quần đảo.

Ngày 13 tháng 7, chúng tôi tới mũi Natapan. Thủy thủ đoàn có vẻ không hài lòng, cứ như là mấy người đang sợ một điều gì đó nhưng không ai dám nói ra.

Ngày 14 tháng 7, tôi bắt đầu cảm thấy khá lo lắng về vấn đề của họ. Tôi biết mình có thể trông cậy vào những con người này, vì tôi thường đi biển với họ. Cũng như tôi, viên phó của tôi đã chẳng hiểu chuyện gì xảy ra. Những người đàn ông chỉ vừa nói vừa ra hiệu rằng trên tàu đang xảy ra một chuyện gì đó. Anh ta đã dùng dùng nổi giận và choảng tới tấp vào người một thủy thủ. Ngoại trừ chuyện này, không còn bất cứ một sự cố nào nữa.

Sáng ngày 16, viên phó đến báo với tôi rằng một người trong số họ, tên Petrofsky, đã biến mất tích. Chuyện không thể giải thích nổi. 8 giờ tối hôm qua, hắn vẫn còn trực ban, sau đó giao ca cho Abrámov, nhưng sau đó không ai thấy hắn đi ngủ. Những người còn lại bắt đầu tỏ ra bồn chồn lo lắng hơn bao giờ hết, có vẻ như họ đã nghi ngờ về sự mất tích kiểu như vậy từ mấy bữa trước rồi, song khi được hỏi, họ vẫn nhất mực trả lời mỗi một câu quen thuộc rằng đang xảy ra một chuyện gì đó trên tàu. Cuối cùng, viên phó của tôi lại nổi khùng lên: anh ta nghi rằng bọn họ định làm loạn.

Ngày 17 tháng 7, hôm qua, thủy thủ Olgaren đã đến tìm tôi và sợ hãi tâm sự với tôi rằng hắn đang nghĩ về một gã đàn ông lạ mặt ở trên tàu. Hắn kể rằng trong ca trực, hắn đã đứng nấp sau mũi tàu để tránh cơn giông đang nổi lên, và đã tình cờ trông thấy một gã đàn ông cao lớn, nhưng gầy guộc, không giống bất cứ ai trong số chúng tôi, xuất hiện trên boong tàu rồi đi nhanh về phía mũi tàu và đột nhiên biến mất. Hắn bám theo, nhưng khi đến mũi tàu, hắn không còn trông thấy ai ở đó, tất cả các cánh cửa boong tàu đều vẫn khóa. Đứng trước mặt tôi mà tay thủy thủ vẫn không bớt sợ hãi đi chút nào, tôi sợ rằng sự hoảng loạn của hắn sẽ lây sang cả thủy thủ đoàn. Để trấn an họ, hôm nay tôi đã phải đi lục soát hết mọi xó xỉnh trên con tàu.

Tôi cho tập hợp tất cả mọi người lại và bảo rằng vì họ tin trên tàu đang có một kẻ lạ mặt, nên chúng tôi sẽ đi tìm kiếm mọi chỗ, từ mũi đến đuôi tàu. Viên thuyền phó tỏ ra bất bình với ý kiến của tôi, anh ta nói rằng sự nhượng bộ trước các đề nghị ngu ngốc ấy quả là một điều đáng chê cười và điều đó chỉ có thể càng làm cho các thủy thủ muốn làm loạn mà thôi. Để mặc cho anh ta trong khoang lái, tôi cùng với những người khác cần đèn đi lục lọi khắp con tàu. Chúng tôi tìm rất kỹ ở những góc mà gã đàn ông có thể lẩn tránh. Công việc tìm kiếm của chúng tôi kết thúc, ai cũng thở phào nhẹ nhõm và có thể vui vẻ trở về với nhiệm vụ của mình. Viên thuyền phó ngheo đầu nhìn tôi song không nói gì.

Ngày 22 tháng 7

Giông bão lại nổi lên từ ba ngày hôm nay, và tất cả chúng tôi đều phải ra sức vật lộn với những cánh buồm. Không còn thời gian để mà sợ nữa; có khi họ cũng không nghĩ tới điều đó. Tuy nhiên viên thuyền phó vẫn chưa dứt khỏi tâm trạng bức bối. Đáng khen cho những con người tận tình với công việc giữa sóng cả. Tàu đã qua Gibraltar và đang đi vào Detroit. Tất cả đều ổn.

Ngày 24 tháng 7

Rõ ràng là lời nguyền vẫn đeo đuổi chúng tôi. Một người trên tàu đã biến mất tăm, và tối hôm qua, trong lúc giông bão còn đang hoành hành,

trên đường vào vịnh Biscay, chúng tôi lại thấy thêm một người nữa mất tích. Cũng như lần trước, anh ta vừa hết ca trực, nhưng không ai thấy anh ta về ngủ. Sự hoảng sợ lại một lần nữa bao trùm lên khắp con tàu; các thủy thủ phải thỏa thuận hai người trực một ca, đơn giản là họ sợ phải đứng một mình. Tất nhiên là viên phó của tôi lại nổi giận. Tôi sợ một sự bùng nổ, hoặc là từ anh ta, hoặc là từ thủy thủ đoàn.

Ngày 28 tháng 7

Từ bốn hôm nay, con tàu như đang đi vào một địa ngục thực sự, vẫn là gió bão, không ai ngủ được nữa, tất cả mọi người đều kiệt sức. Không còn bất cứ một người nào có thể đứng ca trực. Viên thuyền phó được đề nghị trực thay để những người còn lại có thể nghỉ ngơi và chợp mắt một chút.

Gió đã yếu đi ít nhiều, nhưng các đợt sóng vẫn rất dữ. Tuy nhiên, chúng tôi đã cảm thấy ít bị chao đảo hơn, con tàu dần dần thăng bằng trở lại.

Ngày 29 tháng 7

Lại một thảm kịch nữa. Đêm nay chỉ có một người đứng trực. Buổi sáng, một thủy thủ khác lên thay, khi lên trên boong hắc đã không trông thấy ai, ngoại trừ một người ở bên cần bánh lái. Nghe thấy tiếng kêu khiếp sợ của người thủy thủ, tất cả chúng tôi chạy hốt hải lên boong, nhưng mọi sự tìm kiếm của chúng tôi đều vô ích. Con tàu đã mất thêm một thủy thủ. Tất cả lại hoảng loạn. Tôi và viên thuyền phó quyết định cầm vũ khí và chờ đợi.

Ngày 30 tháng 7

Chắc chắn là đêm cuối cùng. Thật may mắn là chúng tôi đang gần đến Anh quốc. Thời tiết thật đẹp tất cả các cánh buồm trên tàu đều được giương lên. Tôi phải đi ngủ, giấc ngủ thật say, nhưng viên thuyền phó lại bất ngờ đánh thức tôi dậy và thông báo rằng hai thủy thủ trực ca đã biến mất, kể cả người cầm lái cũng vậy. Vậy là chúng tôi chỉ còn lại có bốn người trên tàu - tôi, viên thuyền phó và hai người khác.

Ngày 1 tháng 8

Hai ngày dày đặc sương mù và không có một cánh buồm nào nằm trong tầm nhìn. Tôi hy vọng khi tới biển Manche, chúng tôi có thể kêu cứu. Khi không còn cách nào đi đâu khiến được các cánh buồm (tôi không dám cho hạ buồm vì sợ đến lúc lại không kéo được lên), chúng tôi bắt đầu bị đe dọa bởi những cơn gió thổi từ phía sau. Đúng là chúng tôi đang bị dồn ép tới một định mệnh khủng khiếp.

Viên thuyền phó lúc này còn mất can đảm hơn cả hai thủy thủ còn lại. Hai con người này thậm chí không còn dám nghĩ đến mà sợ nữa, họ vẫn tiếp tục nhẫn nại làm việc và chờ đợi cái đi đâu tồi tệ nhất. Họ là người Nga, còn viên thuyền phó là người Rumani.

Ngày 2 tháng 8, nửa đêm

Vừa ngủ được vài phút, tôi bỗng giật mình choàng tỉnh bởi một tiếng kêu thảm thiết lọt qua ô cửa sổ. Tôi chạy nhào nhào lên boong và gặp viên thuyền phó ở đó. Anh ta nói cũng nghe thấy có tiếng kêu, nhưng trước khi chạy ngay tới đây, anh ta đã không trông thấy người thủy thủ trực ca đầu cả. Lại mất đi một sinh mạng nữa. Cầu Chúa hãy che chở cho chúng tôi! Theo viên thuyền phó thì chúng tôi đang ở biển Bắc, và chỉ có Chúa mới có thể dẫn dắt chúng tôi vượt qua lớp lớp sương mù, nhưng dường như Chúa đã bỏ mặc chúng tôi?

Ngày 3 tháng 8

Nửa đêm, tôi định mò tới chỗ người thủy thủ đang cặm lái, nhưng thật kinh ngạc, tôi không còn trông thấy ai ở đó cả! Tôi hét lên gọi viên thuyền phó, và anh ta đã có mặt ngay lập tức. Đôi mắt nhợt nhạt của anh ta lộ rõ vẻ hoảng loạn thực sự, tôi chỉ sợ anh ta mất trí. Anh ta tiến lại gần tôi và nói thào vào tai tôi như sợ gió nghe thấy: “Tôi đã biết chắc chuyện đang xảy ra ở đây. Tối hôm qua tôi đã trông thấy nó: một thằng cao lớn và gầy nhẳng, mặt mũi xanh nhợt. Nó đứng ở mũi tàu, mặt trông ra khơi xa. Tôi lèn tới sau lưng nó và lựa thế hạ một nhát dao ngang vào cổ nó, nhưng lưỡi dao đã không chạm vào đâu cả, tôi có cảm giác như mình vừa chém vào không khí”. - Vừa nói, anh ta vừa rút dao trong túi ra khua khoắng thô bạo

như thế muốn chém nát không khí. - “Nhưng nếu cứ ở đây thì thế nào tôi cũng tóm cổ được nó. Dưới hầm tàu, hoặc trong một cái thùng nào đó. Tôi sẽ mở lần lượt từng thùng một, nó có chạy đằng trời. Còn ngài, xin ngài hãy cầm lái nhé”. Nói xong, anh ta nháy mắt, giờ một ngón tay lên ngang miệng ra hiệu cho tôi rồi bước xuống phía dưới tàu. Gió biển càng lúc càng thổi mạnh hơn, và tất nhiên là tôi không thể rời khỏi bánh lái được. Lát sau, tôi thấy viên thuyền phó đi ngược trở lại boong tàu cùng với một hòm dụng cụ và một cây đèn rồi đi mất hút vào trong cửa boong phía trước. Anh ta điên mất rồi, có nói lý với anh ta bây giờ cũng chỉ vô ích. Vậy là tôi lại phải ngồi đây một mình để trông cái bánh lái, đồng thời cũng để tranh thủ viết những dòng này. Tất cả những gì tôi có thể làm lúc này là tin ở Chúa và chờ màn sương mù tan dần. Nếu có thể đi được vào một bến cảng nào đó, tôi sẽ hạ tất cả các cánh buồm xuống và sẽ làm hiệu cấp cứu.

Lạy Chúa! Tôi rất sợ mọi chuyện sẽ kết thúc ngay bây giờ. Đúng vào lúc tôi bắt đầu hy vọng viên thuyền phó sẽ bình tĩnh trở lại (bởi tôi đã nghe thấy những tiếng dao chém của anh ta dưới hầm tàu), thì chợt có một tiếng kêu thét hãi hùng bất ngờ dội lên qua cửa boong, tiếp theo là cảnh tượng tay thuyền phó bị ném từ dưới lên boong như một cây chuối.

Trông hấn lúc này chẳng khác nào một thằng mất trí thực sự: hai mắt ngơ ngác, nét mặt lộ rõ sự khiếp sợ. “Cứu tôi với! Cứu tôi với!” Hấn vừa gào thét vừa khiếp sợ nhìn quanh bức tường sương mù. Rồi sự sợ hãi của hấn đã được thế chỗ bởi một tình cảm tuyệt vọng, hấn nói với tôi bằng một giọng khá quả quyết: “Ngài cũng nên sớm tìm cách mà xoay sở trước khi quá muộn, thuyền trưởng ạ. Nó đang ở dưới đó. Bây giờ tôi đã biết rất chính xác mọi chuyện. Chỉ có biển mới có thể giúp tôi tránh khỏi nanh vuốt của con quái vật này!” Tôi chưa kịp nói một lời hoặc làm một cử động mang tính phản xạ nào thì đã thấy hấn nhảy tồm xuống biển. Tôi cho rằng bây giờ mình cũng đã hiểu rõ đi đâu bí mật. Chắc chắn là kẻ bất hạnh kia đã phát điên để rồi tổng khứ lần lượt từng người ra khỏi tàu, và bây giờ chính hấn cũng muốn đi theo họ xuống biển. Mong sao Chúa sẽ ra tay cứu giúp

tôi! Tôi biết giải thích như thế nào về những cơn ác mộng khủng khiếp vừa qua khi tàu cập bến? Khi tàu cập bến! Hay là chẳng bao giờ tôi còn có thể vào cảng được nữa?

Ngày 4 tháng 8

Ánh mặt trời không xua tan được màn sương mù dày đặc. Nếu không phải là một thủy thủ, có lẽ tôi cũng không thể biết là mặt trời đã lên. Tôi không dám xuống dưới hầm tàu, cũng chẳng dám bỏ buồng lái mà đi chỗ khác, mà đành phải ngồi thấp thỏm ở đó suốt cả đêm. Và giữa trời tối mịt mùng, tôi đã nhận ra sự việc - đúng hơn là tôi đã nhận ra nó! Chính là nó! Thì ra là vậy. Lạy Chúa hãy tha thứ cho con? Viên phó của tôi đã làm đúng khi nhảy xuống biển. Tôi muốn chết như một con người, không ai có thể chê trách cách chết như vậy của một thủy thủ. Nhưng còn tôi, tôi không thể bỏ mặc con tàu, bởi vì tôi là một thuyền trưởng. Song tôi sẽ có cách làm thất bại mọi âm mưu của con quỷ này: khi nào cảm thấy kiệt sức, tôi sẽ buộc chặt hai tay mình vào bánh lái và buộc cả vào đó cái mà... cái mà nó không dám động chạm tới và cho dù thời tiết có thuận lợi hay không, thì tôi vẫn cứ tìm mọi cách để thoát nạn và bảo toàn danh dự của một viên thuyền trưởng! Tôi cảm thấy mình đã đuối sức đi nhiều, chẳng mấy chốc màn đêm lại buông xuống. Nếu chậm trễ, có lẽ tôi sẽ chẳng còn thời gian để hành động... Nếu không thì ít nhất, người ta cũng sẽ biết rằng tôi không phải là một kẻ vô trách nhiệm. Lạy Chúa, lạy Đức mẹ Đồng trinh và tất cả các vị thánh nhân từ, xin hãy đến cứu giúp một linh hồn vô tội đáng thương và đầy thiện ý!...»

Đợi tôi nghe hết những dòng nhật ký này, viên thanh tra mới phán một câu rằng đây là một vụ trọng án không rõ thủ phạm. Đúng là trên tàu không có bất cứ một bằng chứng nào đáng tin cậy, và không ai có thể nói rằng thủ phạm gây ra những cái chết có phải là người hay không. Các ngư dân ở Whitby đều đồng ý tôn vinh viên thuyền trưởng là một anh hùng và đã tổ chức đám tang cho ông theo các nghi lễ trọng thể nhất trong vùng. Thi thể của ông sẽ được chôn cất ở một nơi trên vách đá trông xuống cảng.

Người ta vẫn không tìm ra một dấu vết nào của con chó to ấy; dư luận trong vùng cũng như cả thành phố nhỏ Whithy đã tỏ ý lấy làm tiếc về đi ầu này. Như vậy, ngày mai chúng ta sẽ tham dự đám tang viên thủy ần trưởng. Và đây sẽ là kết cục của câu chuyện “Đi ầu bí ần của biển” vốn đã được thêm dệt thêm thắt không biết bao nhiêu tình tiết.

Nhật ký của Mina Murray

• Ngày 6 tháng 8

Lucy lục sục suốt cả đêm, tôi cũng vậy, nằm trần trọc mãi mà vẫn không sao chợp mắt được. Cơn bão khủng khiếp quá, nghe tiếng gió lùa vào qua ống khói trên mái nhà mà tôi cứ ngỡ là tiếng đại bác. Kể cũng lạ, dù không tỉnh, nhưng Lucy vẫn hai lần đứng dậy mặc quần áo. Cũng may lần nào tôi cũng nghe thấy tiếng động và kịp chạy sang can thiệp, dìu cô nàng trở lại giường nằm. Tôi thật không thể nào hiểu được những người bị mộng du, bởi lúc chạy sang ngăn chặn các cử động của Lucy, tôi thấy cô lập tức từ bỏ ngay cái ý định hình thành một lúc trước đó của mình - nếu như có thể gọi là ý định trong trường hợp này - và trở lại nhịp sống bình thường vốn có.

Hai chúng tôi dậy từ rất sớm và tò mò rủ nhau xuống cảng xem đêm qua đã xảy ra chuyện gì. Gần như chẳng có một mống nào ở đó, mặc dù mặt trời đã ló rạng và thời tiết phần nào mát mẻ trở lại. Bầu trời chưa hết những đám mây đen trĩu nặng. Tôi sung sướng với ý nghĩ Jonathan đã không đi biển vào đêm hôm qua. Nhưng có đúng là anh không đi biển không? Anh ấy vẫn ở trên đất liền? Anh đang ở đâu, và tình hình ra sao rồi? Sao tôi thấy lo lắng về anh đến thế! Giá như tôi biết đi ầu mình sẽ phải làm, giá như tôi có thể làm được một cái gì đó thì đầu óc tôi sẽ thanh thản đi bao nhiêu?

• Ngày 10 tháng 8

Đám tang viên thuyền trưởng tội nghiệp hôm nay thật cảm động. Tôi tin rằng tất cả tàu thuyền ở cảng đầu tập trung hết ở đám tang ông. Các sĩ quan hải quân trực tiếp mang linh cữu của ông từ Đồi Tate lên nghĩa trang. Lucy cùng đi với tôi. Hai chúng tôi ngồi trên chiếc ghế đá quen thuộc nhìn đoàn tàu thuyền đưa tang đi ngược dòng sông nhỏ đến chỗ chiếc cầu cạn để sau đó quay trở lại Đồi Tate. Vì ngồi ở đỉnh vách đá nên chúng tôi có thể bao quát tất cả trong tầm mắt. Chúng tôi theo dõi được hết mọi chi tiết của buổi lễ mai táng. Lucy tỏ ra rất xúc động, xúc động đến ảo não, khi thấy di hài của viên thuyền trưởng được hạ xuống một huyệt đạo ngay trong tầm mắt của chúng tôi. Có lẽ những đêm lục đục không yên và những cơn mơ liên tục đã ảnh hưởng rất không tốt đến sức khỏe của cô. Nhưng cũng thật lạ, khi tôi đề cập tới chuyện này, Lucy nhất định không chịu thừa nhận nguyên nhân đã khiến cô bị căng thẳng thần kinh, thậm chí cô còn thoái thác rằng chính cô cũng đâu có cảm thấy thế. Có lẽ hôm nay, nỗi phiền muộn của cô đã tăng lên rất nhiều sau khi biết sáng nay, ông lão Swales đã bị chết ở ngay trên chiếc ghế chúng tôi đang ngồi với một vết chặt ở cổ. Theo ông bác sĩ cho biết, thì chắc chắn trước khi ngã xuống, ông lão đã phải trải qua một nỗi khiếp đảm ghê gớm không thể lý giải nổi, vì sự khiếp đảm đó vẫn còn hằn rõ trên nét mặt ông khi người ta tìm thấy xác ông. Quả là một ông lão bất hạnh? Không hiểu ông đã nhìn thấy Thần Chết hay chưa?... Lucy là một cô gái nhạy cảm đến nỗi mọi sự đâu có thể khiến cô xúc động sâu sắc hơn so với bất cứ một ai khác cùng trải qua một nỗi.

Trong lúc người ta đang chôn cất viên thuyền trưởng xấu số, cô đã bị ám ảnh bởi một điều không khiến tôi chú ý một chút nào, mặc dù tôi là một người lúc nào cũng rất yêu các con vật. Một trong số những người đàn ông thường xuyên lên đây ngắm thuyền ngắm biển vừa xuất hiện cùng với một con chó mà mọi lần ông ta vẫn dắt theo. Không hiểu sao con chó lại không muốn đến gần chủ của nó, người đang ngồi cùng chiếc ghế băng của chúng tôi. Con chó cứ đứng cách đó một đoạn mà sủa, mà gầm gừ lên ầm ĩ.

Lúc đầu người đàn ông chỉ nhấc nhẹ nhàng, nhưng con chó vẫn không chịu im. Ông ta liền gần giọng, rồi nổi giận quát nạt om sòm. Vô ích. Con vật thậm chí còn sủa dữ dội hơn trước. Nó cũng đang giận dữ, hai mắt long sòng sọc một vẻ hoang dại, lông xù lên như lông nhím. Người đàn ông bắt đầu nổi khùng thật sự, ông ta nhảy khỏi ghế và thượng đẳng đá cho con chó một phát vào bụng, rồi điên tiết túm cổ lôi xệch con vật tới chỗ ngồi mộ đá có đặt chiếc ghế băng. Thật kỳ lạ, khi vừa chạm vào tấm đá, con vật lập tức im bật, nhưng thay vào đó, người nó bỗng run lên bần bật. Không những không đủ sức bình tĩnh trở lại, con vật còn nằm quỵ chân xuống, có vẻ như đang khiếp sợ một cái gì đó. Tôi thử dỗ dành nó song cũng không được. Lucy cũng thương hại con vật, nhưng cô vẫn không làm gì để vượt vẻ, trấn an nó, mà chỉ nhìn với ánh mắt thật lo âu. Tôi sợ cô có một bản năng thực sự quá tinh tế, nhạy cảm, góp thêm phần vào tất cả những gì cuộc đời đã dành cho cô. Không hiểu rồi cô sẽ trải qua một đêm như thế nào nữa! Tất cả những sự kiện vừa xảy ra: một con tàu vào cảng cùng với một xác chết ngay trước bánh lái, một tang lễ kéo dài, rồi đến con chó lúc thì giận dữ, lúc lại khiếp sợ - vâng, tất cả đã diễn ra liền một lúc, để rồi bạn tôi phải rơi vào những cơn mộng mị mới.

Tất nhiên là tôi muốn tối nay, Lucy sẽ có một giấc ngủ thật sâu vì mệt: ý tôi muốn nói là sự mệt mỏi thể xác chứ không phải tinh thần. Vì vậy, tôi đã rủ cô đi dạo một quãng dài qua các vách đá đến vịnh Robin Hood, rồi từ đó đi bộ ngược trở về. Tôi nghĩ rằng đêm nay cô sẽ không rời khỏi giường để rồi lại lững thững đi ra ngoài trong khi vẫn đang ngủ.

CHƯƠNG 8

Nhật ký của Mina Murray

• 11 giờ tối cùng ngày

Thật là buồn cười, người mệt mỏi sau cuộc đi dạo lại chính là tôi! Nếu không có thói quen viết nhật ký, thì chắc là đêm nay tôi sẽ chẳng viết gì cả. Chúng tôi đã có một cuộc đi dạo khá thú vị. Lucy có vẻ thanh thản hơn, cô cười rất thích thú về sự tò mò của những chú bò khi chúng lững thững đi lại gần hàng rào ngăn ngô nhìn chúng tôi đi qua - đi đâu này dường như đã làm cho cả hai chúng tôi quên đi mọi suy nghĩ phiền muộn nhất. Xuống tới vịnh Robin Hood, trong một quán nước cỡ nhỏ nhỏ, nơi khách khứa có thể ngồi trông ra những mỏm đá phủ đầy tảo lục, chủ quán đã cho chúng tôi một bữa trà tuyệt hảo. Chắc hẳn các mẹ, các chị vẫn tự xưng là “phụ nữ thời thượng” sẽ cảm thấy bị sốc khi thấy chúng tôi thưởng thức một cách ngon lành đến thế. Còn giới mày râu, ờn Chúa, bao giờ họ cũng tỏ ra rộng lượng hơn! Sau đó chúng tôi tiếp tục trở về nhưng thỉnh thoảng cũng dừng lại nghỉ một chút cho đỡ mỏi. Về tới khách sạn, Lucy kêu rất mệt, vì vậy chúng tôi định lên phòng nằm ngay. Song có vị phó linh mục trẻ vừa đến thăm, và bà Westenra đã mời ông nán lại ăn tối cùng với chúng tôi: Tôi thấy không được vui, Lucy vẫn bình yên. Gương mặt cô trông thật dễ thương với đôi má ửng hồng. Nếu như Holmwood cảm thấy yêu cô lần đầu tiên sau cái nhìn đầu tiên trong phòng khách, thì tôi không hiểu anh ta sẽ có những cảm giác như thế nào khi được thấy cô trong giấc ngủ như đêm nay! Có lẽ một số “phụ nữ thời thượng” làm nghề viết lách sẽ nghĩ ngay ra một thứ mới mẻ: họ sẽ gợi ý cho các nam thanh nữ tú, trước khi cưới nhau, phải tới ngắm nhau trong giấc ngủ! Nhưng tôi thì tôi cho rằng từ nay về sau, người “phụ nữ thời thượng” sẽ không còn bằng lòng với cái vai trò chỉ được phép nhận lời dạm ngõ của một người đàn ông nào đó nữa,

mà có khi chính cô ta sẽ làm cái việc đó, làm hoàn hảo là đằng khác. Đó chỉ là một niềm an ủi. Tôi sẽ vui biết nhường nào nếu được thấy Lucy khỏe mạnh hơn. Tôi thực sự tin rằng cô đã vượt qua cái lúc nguy kịch nhất, và đêm nay cô sẽ có một giấc ngủ thật an lành. Còn tôi, tôi sẽ có một niềm vui trọn vẹn nếu biết rằng Jonathan... Cầu Chúa hãy ban phước lành và che chở anh!

• *Ngày 11 tháng 8, 3 giờ sáng*

Tôi lại tiếp tục những dòng nhật ký sau khi không thể ngủ được nữa. Làm sao tôi có thể ngủ được sau cuộc phiêu lưu đáng sợ ấy chứ? Thú thực là lúc trước tôi cũng có ngủ được một giấc ngay sau khi gấp cuốn sổ lại. Tuy nhiên, tôi đã giật mình tỉnh dậy, người ướt đẫm mồ hôi, mà không hiểu tại sao. Tôi có cảm giác như đang ở trong phòng có một mình; căn phòng tối quá, tối đến nỗi tôi không thể nhìn thấy chiếc giường của Lucy. Phải tới lúc rón rén bước lại gần, tôi mới nhận ra rằng chiếc giường trống không - Lucy không còn ở đó nữa! Tôi đánh diêm soi: cô ấy không có ở trong phòng! Cánh cửa vẫn khép kín nhưng không khóa, tôi nhìn rất rõ mình đã vặn ổ khóa một vòng trước khi đi ngủ. Vậy là Lucy đã bỏ ra ngoài. Không muốn làm phiền giấc ngủ nhọc nhằn của bà Westenra, tôi vội vàng khoác thêm áo và chạy vội đi tìm con gái bà. Lúc ra khỏi phòng, tôi nghĩ bộ quần áo Lucy khoác lên người lúc bỏ ra ngoài có thể gọi cho tôi thấy mục đích mà cô đã dự định trong lúc mê ngủ. Nếu như cô mặc bộ váy ngủ thì có thể cô vẫn loay quanh ở trong nhà, còn nếu như mặc áo dài, có nghĩa là cô đã đi ra ngoài. Nhưng bộ váy ngủ cũng như tất cả các loại áo váy của cô vẫn còn ở trong phòng. “Ồn Chúa!” - Tôi thầm nghĩ - “cô nàng không thể bỏ đi xa giữa đêm hôm như thế này nếu như chỉ khoác lên người chiếc áo ngủ!” Tôi lao xuống cầu thang vào phòng khách. Lucy không có ở đó. Tôi chạy xộc vào tất cả các phòng còn lại trong tâm trạng mỗi lúc một lo lắng hơn. Cuối cùng, tôi chạy tới cửa ra vào và chợt dạ nhận thấy hai cánh cửa mở toang. Khi nhớ bình thường tối nào cánh cửa này cũng được khóa cẩn thận, tôi bắt đầu cảm thấy sợ rằng Lucy đã bỏ ra ngoài với độc một chiếc

áo ngủ trên người. Nhưng tôi không thể mất thời gian vào cái việc nghĩ xem đi đâu gì có thể xảy ra: một cảm giác lo sợ mơ hồ đang trào dâng trong con người tôi, khiến tôi không còn khả năng chú ý tới các chi tiết. Tôi hốt hải chạy ra khỏi cửa. Khi tôi chạy tới phố Trăng Lưỡi Liềm cũng là khi chuông đồng hồ nhà ai đó dài một tiếng, đường phố vắng tanh không một bóng người, Tôi cảm đầu chạy miết mà không để ý thấy một cái bóng màu trắng. Chạy tới bờ vách đá phía tây nằm chìa ra trên cây cầu, tôi dừng lại ngó nghiêng nhìn sang bờ phía đông, trong lòng vừa hy vọng lại vừa lo sợ quả thực là tôi không biết nói thế nào để diễn tả tâm trạng của mình khi nhận ra bóng Lucy đang ngẩng trên chiếc ghế đá quen thuộc. Ánh trăng thanh trên bầu trời đang bị những mây đen ùn ùn kéo đến che khuất, để lại phía dưới một thế giới khi sáng, khi tối mờ mịt. Có lúc tôi chẳng còn phân biệt được gì nữa, bởi có một đám mây đen khổng lồ đã kéo tới ôm gọn cả cái bóng của nhà thờ St. Mary và cả các khu vực xung quanh. Tuy nhiên, các đám mây cũng sớm tản đi bởi những cơn gió lộng, khiến ánh trăng lại soi tỏ các phế tích của tu viện, rồi đến nhà thờ và nghĩa địa. Sự chờ đợi của tôi dù là hy vọng hay lo sợ hẳn cũng sẽ không bị uổng công, vì trên trên chiếc ghế băng kia, ánh trăng bàng bạc soi rõ một cái bóng trắng toát như tuyết trong tư thế nửa nằm nửa ngồi. Một đám mây khác kéo đến quá nhanh một lần nữa đưa tất cả trở về với bóng tối, nhưng tôi vẫn có cảm giác rằng dường như có một cái gì đó thật đen tối đang đứng đằng sau chiếc ghế băng và cúi sát xuống cái bóng trắng. Tôi không thể khẳng định được đó là bóng người hay bóng một con vật. Không mất thời gian đợi đám mây trôi qua, tôi lén nhanh xuống dưới cảng, đi dọc theo chợ cá rồi leo lên cầu, bởi đây là con đường duy nhất dẫn tôi đến vách đá phía đông.

Thành phố vắng tanh khiến tôi cảm thấy dễ chịu hơn, bởi dù sao thì tôi cũng không muốn thiên hạ biết rõ tình trạng của cô bạn Lucy đáng thương của tôi. Thời gian, và cả khoảng cách nữa, cứ như kéo dài vô tận đối với tôi; hai đầu gối tôi bắt đầu run run, càng lúc tôi càng cảm thấy ngột thở khi leo lên các bậc đá dẫn tới tu viện. Tôi lấy hết sức mạnh để leo lên tới

đỉnh cao đó càng nhanh càng tốt, ấy vậy mà đôi chân cứ nặng như đeo đá. Mò mẫm gần tới nơi, tôi nhận ra ngay chiếc ghế đá và cái bóng trắng toát ở đó, bây giờ tôi đã ở một vị trí khá gần để có thể phân biệt được mọi vật trong bóng tối. Chẳng còn nghi ngờ gì nữa, rõ ràng là có một cái bóng dài và đen sẫm đang cúi sát xuống người cô bạn tôi. Tôi buột miệng kêu lên: “Lucy, Lucy?” và lập tức trông thấy một cái đầu ngóc dậy cùng với bộ mặt nhợt nhạt, đôi mắt sáng quắc. Không thấy Lucy trả lời, tôi chạy bổ vào nghĩa địa. Cái bóng sừng sững của nhà thờ đã che khuất tầm mắt của tôi. Tôi chạy vòng qua nhà thờ. Cuối cùng, ánh trăng vắng bóng mây đã cho phép tôi trông thấy rõ Lucy đang ở tư thế nửa nằm nửa ngồi, đầu tựa vào lưng ghế đá. Chỉ có một mình cô ở đó, đằng sau chiếc ghế không còn dấu vết nào, dù là nhỏ nhất của một sinh vật sống.

Lucy đang ngủ rất say, đôi môi hé mở, nhịp thở không êm ái như mọi khi. Dường như cô đang gắng sức với những nhịp thở khó nhọc để có thể hít không khí vào trong lồng ngực. Cô khẽ cựa quậy rồi kéo cao chiếc áo ngủ lên kín cổ trong trạng thái vô thức. Tôi chợt nhận thấy cô đang lạnh run từ đầu xuống chân. Tôi lấy chiếc khăn len của mình nhẹ nhàng quấn vào cổ bạn. Tuy nhiên, hình như bàn tay vụng về vì sợ hãi của tôi đã chọc mạnh vào cổ cô thì phải, vì sau đó tôi thấy cô đưa tay lên xoa cổ và khẽ rên lên một tiếng. Chiếc móng tay để dài ngoằng của tôi đã làm cô đau, song không vì thế mà cô tỉnh dậy. Sau khi xỏ vào chân bạn đôi giày của mình, tôi mới dám nhẹ nhàng đánh thức cô dậy. Cô lại khẽ rên một tiếng và trút một hơi thở thật dài, nhưng vẫn không hề động dậy thêm một chút nào. Nhận thấy một ngày mới đang sắp đến như vậy sẽ không tiện cho việc dẫn Lucy về khách sạn tôi buộc phải lay cô bạn mạnh hơn một chút. Cuối cùng thì cô cũng mở mắt tỉnh dậy, nhưng không hề tỏ vẻ ngạc nhiên khi trông thấy tôi, rõ ràng là cô vẫn chưa biết mình đang ở đâu. Lúc mơ màng tỉnh dậy, trông Lucy vẫn xinh đẹp như thường. Kể cả khi cô vừa trải qua một đêm tối lạnh lẽo run người giữa một bãi tha ma hoang vắng, và trên người chỉ có độc nhất một chiếc áo ngủ, trông cô vẫn không mất đi cái vẻ duyên dáng yêu

kiều. Tỉnh dậy rồi mà người cô vẫn run run. Khi tôi bảo: “Về nhà ngay với tớ đi”, cô chỉ lẳng lặng đứng dậy và ngoan ngoãn vâng lời như một đứa trẻ. Trên đường về sỏi đá đã làm đôi chân tôi trầy máu. Thấy vậy cô đã dừng lại nài nỉ tôi xỏ chân vào đôi giày mà tôi đã nhường cho cô. Tất nhiên là tôi không đồng ý. Ra khỏi nghĩa địa, tôi phải nhún cả hai chân xuống bùn để khi có người bắt gặp họ sẽ không phát hiện ra tôi đang đi chân đất. Song cơ may đã mỉm cười với tôi và Lucy: chúng tôi về nhà mà không chạm trán bất cứ một người nào. Thực ra trên đường đi cũng có một người đang đi lấy cá thì phải, song chúng tôi đã kịp nấp vào một bên cổng nhà thờ đợi ông ta đi khuất. Thật uổng công khi phải nhắc lại rằng tôi không chỉ lo lắng cho sức khỏe của Lucy nếu cô ấy bị cảm lạnh, mà tôi còn rất sợ phải thấy cảnh thanh danh của cô bị bêu riếu nếu như chuyện này bị vỡ lở. Về nhà rồi, sau khi rửa chân xong, tôi đưa ngay cô bạn vào phòng. Trước khi ngủ, cô đề nghị, nài nỉ tôi đừng kể gì với ai, kể cả với mẹ cô. Lúc đầu tôi cũng hơi do dự về việc có nên hứa với cô hay không, nhưng sau nghĩ đi nghĩ lại, tôi quyết định nhận lời, bởi tôi cũng rất lo cho sức khỏe của mẹ cô, chắc chắn bà sẽ không tránh khỏi một cú sốc khi biết chuyện. Hy vọng là tôi đã làm đúng. Tôi khóa cửa và cứ thế giữ chìa khóa trong tay mà đi nằm. Có lẽ tôi sẽ không bị rơi vào tình thế khó khăn nữa. Lucy lại nhanh chóng chìm sâu vào giấc ngủ. Ngoài kia, ánh bình minh đã lấp lánh trên mặt biển...

• *Cùng ngày, buổi trưa*

Tất cả đều ổn thỏa. Lucy ngủ một mạch cho tới khi tôi tỉnh dậy, và dường như cô chỉ trở mình có một lần trên giường. Xem ra cuộc phiêu lưu đêm qua đã không làm cô mệt mỏi, trái lại, tôi có cảm giác cô còn có vẻ khỏe khoắn hơn vào sáng nay, khỏe khoắn hơn cả trước đó mấy tuần. Chỉ có điều trông cô vẫn buồn, rất buồn nữa là đằng khác. Chắc là cô đang hồi tưởng lại cái cảnh khủng khiếp mà cô đã phải trải qua trên vách đá đêm qua. Chúng tôi không muốn nhắc lại chuyện ấy nữa. Ăn tối xong, Lucy kêu đau đầu nên lại lên giường nằm. Đợi cô ngủ rồi tôi mới dám ra ngoài, tôi muốn đi dạo một mình trên các vách đá. Thú thực tôi cũng cảm thấy rất

buồn, bởi tôi luôn nhớ tới Jonathan. Khi tôi quay về, ánh trăng soi sáng vắng vặc đến nỗi mặc dù khách sạn gần như nằm trong bóng tối hoàn toàn, tôi vẫn có thể phân biệt được từng sự vật nhỏ nhất. Ngược mắt nhìn lên cửa sổ phòng mình, tôi nhắc thấy cái bóng nghiêng nghiêng của Lucy. Tôi lấy khăn tay ra vẩy vì nghĩ cô ấy đang tìm mình. Tuy nhiên, cô nàng vẫn không hề nhúc nhích, có vẻ như cô nàng không để ý thấy tôi. Lúc đó, ánh trăng thanh soi sáng cả góc nhà, do vậy mà ô cửa sổ phòng tôi cũng được chiếu sáng như ban ngày. Tôi thấy cô bạn hai mắt nhắm nghiền, đang ngả đầu lên gờ cửa sổ. Cô đang ngủ, và tôi có cảm giác như còn có một cánh chim lớn đang đậu bên cạnh cô. Sợ cô cảm lạnh, tôi chạy vội lên, nhưng khi bước vào phòng, tôi thấy cô đã trở về giường nằm, vẫn ngủ say với những hơi thở khó nhọc, một tay ôm cổ như muốn tránh cái lạnh giá. Tôi nhẹ nhàng kéo chăn đắp lên người cô. Bây giờ, cửa ra vào đã được khóa chặt, và cả cửa sổ cũng được tôi cài chốt cẩn thận.

Mặc dù trông vẫn rất xinh đẹp và dịu dàng, song nét mặt Lucy lúc này lại lộ rõ vẻ mệt mỏi với nước da tái nhợt. Dường như cô đang lo lắng một điều gì đó mà tôi không biết. Giá như biết thì lòng tôi sẽ nhẹ đi rất nhiều?

• *Ngày 15 tháng 8*

Chúng tôi dậy muộn hơn thường lệ. Lucy, có lẽ vì mệt mỏi, đã ngủ lại ngay sau khi có người đánh thức. Có một tin vui đến bất ngờ vào lúc chúng tôi dùng bữa điểm tâm: sức khỏe của ông bố Arthur đã khá hơn nhiều và ông muốn rằng đám cưới của con trai ông phải được tổ chức càng sớm càng tốt. Lucy vui hơn hở, còn mẹ cô thì buồn vui lẫn lộn. Bà đã tâm sự cùng tôi cảm xúc của mình. Bà rất buồn khi nghĩ tới cảnh phải chia tay với Lucy, nhưng bà cũng rất vui khi cô con gái mình có một tấm chồng chăm sóc tối ngày. Tội nghiệp bà quá! Lúc tâm sự với tôi, bà nói rằng bà sẽ chẳng còn sống được bao lâu nữa. Song bà không nói lên về điều này với con gái và bà bắt tôi phải giữ bí mật. Bà có thể chết như một định mệnh. Cũng may chúng tôi không nói gì cho bà biết về cuộc phiêu lưu của Lucy đêm hôm nọ!

• Ngày 17 tháng 8

Tôi đã không viết một dòng nào kể từ hai hôm nay; thực chẳng còn bụng dạ nào. Vâng, dường như tất cả đều đang muốn làm tôi chán nản vào lúc này. Tôi không nhận được bất cứ một tin tức gì của Jonathan, còn Lucy thì càng ngày càng có vẻ tiều tụy hơn. Tôi không hiểu tại sao, bởi rõ ràng là cô vẫn ăn uống tốt, ngủ cũng yên giấc và thường xuyên đi dạo dưới không khí trong lành. Ấy vậy mà da cô trông cứ xanh rớt, còn hơi thở thì vẫn nặng nề khó nhọc. Đã lâu rồi tôi không thể ngủ mà không buộc chiếc chìa khóa phòng vào cổ tay. Lucy vẫn thường đứng dậy đi lại trong phòng hoặc ngõ tựa vào cửa sổ. Đêm hôm trước, tôi còn thấy cô thò cả đầu ra ngoài cửa sổ mà gọi mãi cũng chẳng thấy cô trả lời: cô đã bị ngất. Cuối cùng, khi được lay tỉnh dậy, cô đã khóc không ra tiếng trong những hơi thở nhọc nhằn. Khi tôi hỏi tại sao lại mò ra cửa sổ, cô chỉ lắc đầu rồi quay mặt đi. Tôi hy vọng sự khó ở của cô không phải là do những vết móng tay ở cổ gây nên. Trong lúc cô ngủ say, tôi đã lên kiểm tra cổ cô. Hai vết thương nhỏ ở đó vẫn chưa lành, thậm chí còn há rộng hơn nữa là đằng khác, các mép vết thương đều có một màu hồng nhợt nhạt. Nếu trong một hai ngày nữa các vết xước trên cổ bạn tôi không khá hơn, có lẽ tôi sẽ phải cho gọi một thầy thuốc tới.

Thư của nhóm tư vấn Samuel F. Billington & Fils ở Whitby gửi Carter Paterson & Cie ở Luân Đôn

“Ngày 1 tháng 8

Thưa các ngài,

Chúng tôi rất hân hạnh được thông báo với các ngài về chuyến hàng gửi theo đường hỏa xa của nhóm Đại Bắc. Các kiện hàng sẽ được giao ở Carfax ngay sau khi chúng đến ga chợ Kings Cross. Nhà chưa có người ở, nhưng các ngài sẽ thấy tất cả các chìa khóa đều có mang một nhãn giấy ghi rõ số phòng.

Các ngài sẽ đặt toàn bộ năm mươi thùng hàng vào chỗ đồ nát và phần có đánh chữ “A” theo bản vẽ kèm theo đây của ngôi nhà. Nhân viên của các ngài sẽ dễ dàng nhận ra địa điểm khi biết chính xác đó là một nhà thờ cổ nằm trong trang viên. Chuyến tàu chở hàng sẽ rời Whitby vào chín giờ rưỡi tối nay và sẽ tới Kings Cross vào bốn giờ rưỡi chiều mai. Khách hàng của chúng tôi muốn các thùng hàng được gửi tới nơi càng sớm càng tốt, vì vậy chúng tôi đề nghị các ngài hãy nhận hàng ở Kings Cross thật đúng giờ và sau đó phải chuyển ngay tới Carfax. Mặt khác, để việc trả tiền không bị chậm trễ, các ngài cũng sẽ nhận được một tấm séc trị giá mười bảng như đã đề nghị kèm theo thư này. Nếu như các phí tổn chưa đến mức này thì xin các ngài hãy vui lòng gửi lại số tiền thừa cho chúng tôi. Ngược lại, nếu số tiền trên vẫn chưa thỏa đáng, chúng tôi sẽ gửi thêm một tấm séc nữa theo đề nghị từ phía các ngài. Chùm chìa khóa sẽ được để ở hành lang của ngôi nhà để chủ nhà có thể dễ dàng thấy ngay sau khi ông ta mở cổng bằng chìa khóa riêng.

Hy vọng rằng chúng tôi sẽ không bị mang tiếng là quá khó tính khi đề nghị các ngài thực hiện cẩn thận hợp đồng này. Chờ tin các ngài.

Chân thành cảm ơn Samuel F. Billington & Fils”.

Thư của Carter Paterson & Cie, Luân Đôn gửi Samuel F. Billington & Fils ở Whitby

“Ngày 21 tháng 8

Thưa các ngài, Chúng tôi đã nhận được tấm séc trị giá mười bảng. Các thùng hàng đã được trả theo đúng chỉ dẫn của các ngài và chùm chìa khóa được để đúng chỗ trong hành lang.

Xin gửi các ngài lời chào trân trọng nhất.

Carter, Paterson & Cie”

Nhật ký của Mina Murray

• Ngày 18 tháng 8

Tôi viết những dòng này khi đang ngồi trên ghế nhõa địa. Hôm nay trông Lucy có vẻ khá hơn. Đêm hôm qua, cô không thức dậy một lần nào. Dù vẫn còn xanh xao và yếu ớt, song đôi má cô đã có một chút ửng hồng. Cô cũng có vẻ vui hơn, rất vui nữa là đằng khác. Cô đã thoát khỏi cái vẻ lờ lờ khó hiểu bấy lâu của mình và còn nhắc tôi nhớ lại cái sự cố xảy ra trong đêm nọ nữa chứ! Vừa nói, cô vừa thích thú nện nện gót xuống ngõ mộ đá.

— Đêm hôm ấy, không hiểu sao đôi bàn chân tội nghiệp của tớ lại bước êm đến thế chứ! Tớ cứ tưởng tượng ra cảnh ông lão Swales bảo tớ rằng sở dĩ tớ làm như vậy là vì không muốn làm cho anh chàng Georgie ở dưới này thức giấc!

Thấy cô trong bộ dạng vui vẻ tôi mới dám hỏi đêm hôm đó cô có ngủ mê không. Trước khi trả lời tôi, cô đã làm duyên theo đúng cái kiểu mà Arthur vẫn rất thích. Một lúc sau, cô bắt đầu kể lại câu chuyện bằng một giọng như mơ màng:

— Không, tớ đã không ngủ mê... Tất cả đối với tớ dường như đều là thực. Tớ cứ muốn tới đây, tới chỗ này, mà không hiểu tại sao... tớ sợ một điều gì đó thật mơ hồ... tớ đang ngủ, tớ đã lơ mơ đi qua các ngõ phố, rồi qua cầu. Lúc đó, có một con cá nhảy vọt lên khỏi mặt nước khiến tớ phải cúi xuống nhìn, rồi khi tớ bắt đầu leo lên các bậc thang đá, lũ chó bỗng thi nhau sủa ầm lên - tớ có cảm giác là lũ chó của cả thành phố này cùng sủa lên một lúc. Tớ mơ hồ nhớ lại rằng sau đó, có một cái gì đấy vừa dài vừa đen, hai mắt sáng quắc, lấp lánh tới gần tớ. Cùng lúc ấy, trong tớ bỗng trào dâng một cảm giác vừa dịu êm lại vừa cay đắng. Rồi... tớ thấy mình đang lao xuống một vực nước xanh và sâu thẳm, hai tai ù đặc, người mê man như một kẻ sắp chết đuối. Tớ thấy mình dường như không còn tồn tại nữa... Hồn vía tớ bắt đầu lìa khỏi xác và bay lơ lửng, lang thang trong không khí... Tớ tin là tớ không quên cái ánh sáng loang loáng ở dưới do

ngọn đèn pha phía tây quét tới. Rồi tớ cảm thấy đau, một cảm giác đau đớn khó tả, giống như cảm giác tớ lại rơi vào giữa một trận động đất. Và cuối cùng, tớ đã trở về với chính mình khi cậu lay tớ dậy. Tớ đã trông thấy mọi cử chỉ của cậu trước khi cảm nhận được chúng.

Nói tới đây cô bạn tôi bỗng bật cười khanh khách, thú thực là tôi bắt đầu cảm thấy lo trước nụ cười khác lạ của cô. Tôi đã phải nín thở nghe cô cười. Điều cười của cô thực sự làm tôi khó chịu.

Tốt hơn là không nên để cô nghĩ tới cuộc phiêu lãng ấy nữa. Nghĩ vậy, tôi lập tức tìm cách lái câu chuyện sang một chủ đề khác để cô trở lại với chính mình.

Khi chúng tôi trở về khách sạn, những làn gió biển thoảng tới mát dịu khiến cho đôi má cô lại ửng hồng. Mẹ cô rất vui khi trông thấy cô hồng hào như vậy.

Cả ba chúng tôi đã có một buổi tối thật tốt lành.

• *Ngày 19 tháng 8*

Tôi cảm thấy vui quá đi mất! Song đó đã phải là một niềm hạnh phúc chưa? Không, chưa phải là như vậy. Nhưng cuối cùng thì tôi cũng đã nhận được tin của Jonathan. Thật tội nghiệp, anh đã bị ốm suốt thời gian qua, vì thế nên anh đã không muốn viết gì. Bây giờ tôi đã cảm thấy yên tâm phần nào. Ngài Hawkins vừa chuyển cho tôi lá thư mà bà xơ chăm sóc Jonathan đã gửi cho ông. Ngay ngày mai, tôi sẽ lên đường đi tìm anh, nếu cần, tôi sẽ phụ giúp cho việc chăm sóc anh, và rồi chúng tôi sẽ cùng trở về Anh. Ngài Hawkins khuyên tôi nên làm lễ cưới ở đó. Tôi đã không cần được nước mắt khi đọc thư của bà xơ tốt bụng nọ. Đọc xong lá thư, tôi cất ngay vào túi áo ngực, nơi gần con tim mình nhất! Lá thư này sẽ là nguồn an ủi tôi cho tới khi gặp được Jonathan. Mọi hành lý của tôi đã được chuẩn bị xong xuôi, tôi sẵn sàng lên đường đi tìm người chồng chưa cưới của mình.

**Xơ Agatha ở viện Saint Joseph và Saint Marie, Budapest, gửi
Wilhel Mina Murray**

“Ngày 12 tháng 8

Thưa bà,

Ơn Chúa, ơn thánh Joseph và thánh Marie, tình trạng sức khỏe của ông Jonathan đã hồi phục từng ngày. Tuy nhiên, ông vẫn còn rất yếu để có thể tự tay viết thư nên đã phải nhờ tôi viết những dòng này gửi bà. Ông đã nằm liệt ở chỗ chúng tôi gần sáu tuần lễ vì mắc một chứng bệnh não khá nặng. Ông đề nghị tôi viết cho bà rằng ông vẫn luôn nhớ tới bà, rằng cùng với lá thư này cho bà, tôi cũng viết một lá khác gửi cho ông Peter Hawkins, trong đó tôi phải bày tỏ những hối tiếc của ông nhà vì đã không thể thông báo tình hình của mình sớm hơn. Ông Jonathan cần phải nghỉ thêm vài tuần nữa ở dưỡng đường của chúng tôi trước khi có thể quay về Anh quốc. Ông cũng nhờ tôi nói với bà rằng ông đang cần một số tiền cần thiết để đáp lại thịnh tình của dưỡng đường đối với ông trong những ngày lưu lại đây, bởi dưỡng đường cũng đang rất cần sự giúp đỡ để có thể chăm sóc cho các bệnh nhân khác.

Rất thông cảm cho bà, mong hãy nhận ở tôi một sự chia sẻ sâu sắc nhất.

Xơ Agatha.

T.B. Bệnh nhân của tôi đã ngủ, tôi lại mở thư ra viết thêm cho bà vài dòng.

Ông đã kể với tôi rất nhiều về bà và cho tôi biết là hai người sẽ sớm làm lễ cưới. Xin thành thật chúc mừng bà và chúc mừng ông nhà! Theo bác sĩ, ông nhà đã trải qua một cú sốc khủng khiếp, và trong lúc mê sảng, ông chỉ toàn nói tới những điều thật đáng sợ. Chính tôi đã nghe thấy ông lảm nhảm nói về chó sói, thuốc độc, máu me; về những bóng ma và quỷ dữ; và còn nhiều điều khác mà tôi không dám nói ra.

Tôi xin được khuyên bà rằng trong một thời gian dài nữa, bà không nên gợi nhắc lại những câu chuyện đáng sợ này với ông nhà; những gì đang hằn sâu trong suy nghĩ tới ông hẳn không thể dễ dàng bị xóa nhòa. Lẽ ra

chúng tôi phải thông báo đi đâu này từ lâu, nhưng khổ một nỗi chúng tôi không biết phải viết cho ai, bởi chúng tôi không có bất cứ một dòng địa chỉ nào của bạn bè, bà con hay bố mẹ bệnh nhân, và trong người ông cũng không hề có một thứ giấy tờ nào để chúng tôi có thể tìm ra địa chỉ liên lạc. Ông đến chỗ chúng tôi sau chuyến tàu đi từ Klausenburg, và người trưởng ga có kể lại rằng trước khi lên tàu, ông nhà đã lao như điên vào cửa mà hét lên rằng ông cần một vé trở về nước Anh. Biết ông là người Anh, viên trưởng ga đã cho ông một vé đến ga gần nhất.

Xin bà cứ yên tâm, ông nhà đã được chăm sóc rất chu đáo. Lòng tốt và nỗi đau của ông đã khiến mọi người ở đây thực sự cảm kích. Như tôi đã nói ở đầu thư, sức khỏe của ông nhà đang tiến triển rất tốt, nhưng cũng xin được nhắc lại rằng sau này, bà phải nên rất cẩn thận trong việc chăm sóc ông nhà, đặc biệt là sự ổn định về tinh thần của ông. Tôi đã cầu Chúa, cầu thánh Josephe và thánh Marie ban phước lành cho hai người cho tới lúc đầu bạc răng long”.

Nhật ký của bác sĩ Seward

• Ngày 19 tháng 8

Tối hôm qua, trong con người Renfield đã có những thay đổi bất ngờ và kỳ lạ. Vào khoảng 8 giờ, hắn bỗng tỏ ra rất quá khích, hai tay bò xuống nền nhà, mũi hít đất khịt khịt như một con chó đánh hơi. Nhìn thấy cảnh lạ đời và biết là tôi rất quan tâm tới hắn, viên giám thị đã hỏi hắn nguyên do tại sao. Bình thường Renfield vẫn tỏ ra rất tôn trọng viên giám thị này, và đôi khi hắn còn phục tùng ông như một kẻ nô lệ. Nhưng theo những gì ông đã kể lại cho tôi nghe, thì lần này lại không có vẻ như vậy: hắn cứ khinh khỉnh và chẳng thèm đáp lại câu hỏi của ông. Hắn chỉ nói với ông đúng một câu:

— Tôi không muốn nói chuyện với ông. Đối với tôi, ông không còn tồn tại trên đời này nữa, ông chủ tôi đang ở gần đây.

Viên giám thị tin rằng hắn đã bắt đầu mắc một chứng bệnh điên bí ẩn. Nếu sự thật đúng là như vậy, thì chắc chắn sẽ có lúc chúng tôi phải chứng kiến những cảnh tượng không thể lường trước, bởi một gã đàn ông lực lưỡng như hắn, nếu mắc phải một chứng bệnh tâm thần vừa bí ẩn vừa sát sinh, có thể trở thành một kẻ nguy hiểm, rất nguy hiểm nữa là đằng khác. Tôi tới thăm hắn vào lúc 9 giờ. Hắn xử sự với tôi đúng như đã xử sự với viên giám thị lúc trước. Dường như trong trạng thái tâm thần hiện nay, hắn không còn phân biệt nổi sự khác biệt giữa tôi và viên giám thị nữa. Có lẽ tới một lúc nào đó, hắn sẽ tự coi mình là Chúa Trời mất? Nhưng khả năng phân biệt kém cỏi sự khác nhau giữa hai con người của hắn đâu có xứng để hắn trở thành một Đấng tối cao!

Trong suốt nửa tiếng đồng hồ hoặc hơn nữa, Renfield càng lúc càng tỏ ra bị kích động hơn. Mặc dù bên ngoài luôn tỏ ra không thêm quan tâm tới hắn, nhưng thực ra tôi vẫn lặng lẽ theo dõi từng cử chỉ của hắn. Tôi chợt nhận ra trong ánh mắt của hắn có một cái gì đó thật xảo trá, cái xảo trá mà những thằng điên luôn có khi chúng đang âm mưu nghĩ về một điều gì đó - các giám thị ở bệnh viện tâm thần thường hiểu rất rõ khía cạnh này. Sau đó, hắn bỗng trở nên trầm lặng hẳn đi rồi ngả phịch xuống mép giường, mặt lộ rõ vẻ cam chịu. Hắn bắt đầu nhìn về phía xa xăm với một ánh mắt mơ hồ khó hiểu. Tôi không biết cảm xúc của hắn là thật hay là giả, nên đã quyết định thử hắn bằng cách gọi cho hắn nói về những con vật bé nhỏ của hắn - một chủ đề mà bao giờ hắn cũng rất chú ý.

Lúc đầu, hắn không nói năng gì, nhưng cuối cùng thì hắn cũng bực mình lên tiếng:

— Quảng mẹ nó hết đi! Bây giờ chúng chẳng còn có nghĩa lý gì với tôi...

— Sao cơ? - Tôi ngắt lời hắn. - Anh sẽ không nói với tôi rằng anh không còn quan tâm tới lũ nhện nữa chứ? (Bởi vì sở thích của hắn mấy ngày hôm nay vẫn là đàn nhện, và cuốn sổ tay của hắn thì đã đầy ắp những con sô).

Nghe tôi hỏi vậy, hắn đã đáp lại bằng một giọng thật khó hiểu:

— Các quý cô danh giá lúc nào cũng làm vui mắt những kẻ đang ng ờ đợi sự xuất hiện của cô dâu, nhưng khi cô dâu xuất hiện rồi, thì các quý cô danh giá lại chẳng còn quan trọng đối với những khách mời ấy nữa.

Hắn không giải thích gì thêm và cứ ng ờ lì ở mép giường suốt thời gian tôi còn lưu lại trong phòng hắn. Tối nay tôi cảm thấy mệt mỏi quá, người cứ rũ ra như một tàu lá héo. Ý nghĩ về Lucy liên tục ám ảnh tôi, và cứ mỗi lần nghĩ tới cô là tôi lại không thể không tự nhủ rằng biết đâu tình thế rồi có thể sẽ đổi khác?

Đêm nay, nếu như không thể sớm chợp mắt ngay sau khi ngã lưng, có lẽ tôi sẽ phải tặc lưỡi mà nuốt một liều thuốc ngủ mới ra đời - loại $C_2HCl_3O.H_2O$. Tất nhiên tôi phải cố gắng không để cho điếu ấy biến thành một thói quen. Không, tối nay tôi sẽ dứt khoát không dùng thuốc an thần. Thú thực tôi đã nghĩ nhiều tới Lucy, và tôi cũng không định gạt bỏ cái kỷ niệm êm đềm về cô bằng mọi giá. Đêm nay, tôi sẽ lại không ngủ.

Tôi vừa nằm thao thức được một lúc thì chuông đồng hồ ngân dài hai tiếng - vậy là mới có 2 giờ sáng! Tôi vừa trở mình mệt mỏi thì chợt nghe thấy có tiếng gõ cửa, người trực đêm đến báo cho tôi biết rằng bệnh nhân Renfield đã trốn mất! Tôi vội vàng mặc quần áo và chạy tức tốc xuống cầu thang. Quả thực sẽ rất nguy hiểm nếu để bệnh nhân của tôi tự do lang thang ra các khu vực xung quanh. Các nếp nghĩ ngoan cố của hắn có thể sẽ là một hiểm họa thực sự đối với những người hắn gặp trên đường. Viên giám thị đang đứng đợi tôi. Khoảng gần mười phút trước, qua một lỗ nhỏ trên cửa phòng, ông vẫn còn trông thấy Renfield đang nằm dài trên giường, vẻ như đã ngủ. Nhưng sau đó, ông chợt giật mình khi nghe có tiếng động ngoài cửa sổ. Ông chạy tới cửa phòng Renfield thì không còn thấy hắn ở đó nữa: hắn đã nhảy cửa sổ trốn ra ngoài? Ông cho người đi gọi tôi ngay lập tức. Theo viên giám thị thì Renfield, với duy nhất một chiếc áo ngủ trên người, chưa thể bỏ đi xa được. Ông khẳng định rằng hắn đã chạy về phía tay trái rồi đi thẳng. Tôi cũng vội nhảy đại qua cửa sổ xuống sân, tất nhiên là có sự

trợ giúp của viên giám thị, và tức tốc chạy về phía đó. Chạy gần tới các lùm cây, tôi chợt phát hiện ra một cái bóng trắng lơ lờ đang treo lên bức tường chia cắt khu vườn của chúng tôi với khu vườn của một ngôi nhà hoang.

Tôi chạy về bảo người trực đêm gọi thêm ba bốn người nữa cùng tôi sang nhà Carfax, đề phòng trường hợp Renfield đổi tính hung hăng nếu chúng tôi phải dẫn hắn về. Tôi lấy thang leo qua tường nhảy sang bên kia. Chân vừa chạm đất, tôi nhận ngay ra bóng Renfield vừa biến mất sau ngôi nhà. Tôi vội vàng đuổi theo. Chạy tới đầu hẻm nhà, tôi thấy hắn đang hùng hục đẩy vào cánh cửa gỗ sồi của gian nhà thờ. Dường như hắn đang nói chuyện với ai đó, nhưng tôi không dám lại gần vì sợ hắn nhận ra tôi rồi bỏ trốn. Trêu ong cũng không khó bằng việc đi bắt một thằng điên đang âm mưu bỏ trốn! Tuy nhiên, sau vài phút quan sát, tôi nhận ra hắn chẳng hề để ý tới những gì đang xảy ra xung quanh, vì vậy tôi mạnh dạn tiến lại gần hơn khi trong lòng đã yên tâm rằng mấy người tôi vừa cho gọi thêm lúc này chắc cũng đã vượt tường sang đây và đang chuẩn bị bao vây hắn rồi. Lúc này tôi đã có thể nghe rõ những gì hắn nói:

— Tôi xin phục tùng ngài, thưa ông chủ. Tôi là nô lệ của ngài và tôi biết rồi ngài sẽ ban thưởng cho tôi, bởi tôi là người luôn trung thành với ngài. Tôi ngưỡng mộ ngài từ lâu, rất lâu rồi! Bây giờ ngài đã tới đây, tôi sẽ chờ đợi mệnh lệnh của ngài, và ngài sẽ không quên chia của cải cho tôi chứ, ông chủ?

Đúng là giọng của một kẻ ăn mày! Tính gàn dở của hắn quả là hết chỗ nói. Bị chúng tôi xốc nách, hắn vùng vẫy điên cuồng như một con cạp, bởi hắn giống một con thú hoang hơn là một con người. Chưa bao giờ tôi gặp một bệnh nhân tâm thần khỏe và hung hãn đến thế, hy vọng đây sẽ là lần cuối cùng! Cũng may là tôi lường trước được sự việc và kịp gọi thêm người. Tôi không dám nghĩ tới những gì hắn có thể phạm phải nếu như chúng tôi không rước được hắn về. Trên đường về, thỉnh thoảng hắn lại rống lên thật đáng sợ, nhưng sự im lặng khép lại sau mỗi tiếng kêu của hắn

cũng làm chúng tôi lo lắng không kém, bởi chúng tôi đã đoán được những mưu toan chết người của hắn.

Lần đầu tiên tôi nghe thấy hắn nói những câu đứt đoạn:

— Tôi sẽ kiên nhẫn, thưa chủ nhân! Tôi sẽ chờ... chờ... chờ...

Tôi cũng vậy, tôi sẽ chờ đợi!

CHƯƠNG 9

Thư Mina Harker gửi Lucy Westenra

“Budapest, 24 tháng 8

Lucy yêu quý, Tôi biết cậu rất sốt ruột muốn biết tất cả những gì đã xảy ra từ khi chúng mình chia tay nhau ở ga Whitby. Tôi sẽ kể nhé! Tôi đi Hull, tôi đi tàu thủy về Hambourg và từ đó, tôi đi tàu hỏa về đây. Kể cũng hơi mệt nếu tôi phải nhớ lại tất cả các chi tiết trong cuộc hành trình của mình. Khi hiểu rằng phải đi tìm Jonathan và chăm sóc anh ấy, tôi chỉ nghĩ tới một điều: ngủ càng nhiều càng tốt. Tôi đã gặp Jonathan, trông anh gầy xọp, xanh xao và đang trong một tình trạng sức khỏe hết sức tồi tệ. Trong ánh mắt anh ấy không còn cái vẻ cương nghị, điềm tĩnh như tôi vẫn thường kể với cậu, thay vào đó là một cái nhìn tăm tối, không gợi lại một điều gì đã từng xảy ra với anh trong thời gian qua, ít nhất đó cũng là cảm nhận của tôi lúc mới gặp anh ấy. Jonathan đã phải trải qua một cú sốc thật sự, và tôi sợ rằng kể cả khi trí nhớ được phục hồi, anh vẫn không thể chịu nổi cái hồi ức về những điều đã xảy ra với mình. Xơ Agatha, một tín đồ tuyệt vời và một y tá tốt bụng, đã kể lại là Jonathan chỉ toàn nói tới những điều khủng khiếp trong lúc mê sảng. Tôi rất muốn biết thêm nhiều chi tiết, nhưng xơ Agatha lại bảo rằng đó là điều không thể được, bởi tất cả những gì một bệnh nhân thốt ra trong cơn mê sảng đều được coi là bí mật của Chúa, và nếu có tình cờ nghe được, thì tất cả các thầy thuốc cũng buộc phải giữ kín bí mật này. Tuy nhiên, ngày hôm sau, khi biết tôi đang rất lo lắng, xơ đã gặp tôi và nói: “Tất cả những gì tôi có thể nói với bà là ông nhà thường luôn miệng nói tới một sai lầm mà ông đã mắc phải. Và bà, người sẽ sớm trở thành vợ của ông ấy, không hề có liên quan gì tới sai lầm này. Ông nhà đã không quên bà, và cũng không quên tất cả những gì bà đã dành cho ông. Các âu lo của ông đều bắt nguồn từ những điều khủng khiếp mà bất cứ ai, hễ đã làm người, đều không dễ gì ngoài được”. Có lẽ là bà xơ tốt bụng ấy sợ

tớ đã ghen khi nghĩ rằng người chồng chưa cưới của mình đem lòng yêu một người con gái khác! Tớ mà lại phải ghen với một người con gái mà người thân yêu của mình đã phải lòng ư! Ghen tuông? Tớ vẫn luôn tin tưởng ở tình yêu của Jonathan thế kia mà! Cô bạn thân mến ạ, bây giờ tớ có thể nói với cậu rằng không có bất cứ một người đàn bà nào là nguyên nhân gây nên tình trạng tinh thần tồi tệ của anh ấy. Vừa viết cho cậu, tớ vừa ngắm anh ấy trong giấc ngủ... Anh ấy tỉnh dậy rồi!

Vừa tỉnh dậy, anh đã hỏi tớ về cuốn sổ tay cất trong túi áo vét của mình. Tớ định nài anh ấy để cho tớ đọc những dòng ghi chép trong đó - bởi tớ biết mình sẽ tìm ra những dấu hiệu có thể đoán được nguyên nhân làm anh ấy bị suy sụp nhưng hình như anh đã đoán ra ý định đó trong ánh mắt của tớ, bởi anh đã đề nghị tớ lui ra gần cửa sổ, anh ấy muốn ở lại một mình. Lát sau, anh đã gọi tớ lại gần, tay vẫn ôm quyển sổ, và nói với tớ bằng một giọng rất nghiêm trọng:

— Wilhelmina này, - Ừ, đi đâu anh ấy định tâm sự với tớ hẳn sẽ rất nghiêm trọng, cô bạn thân mến ạ, bởi kể từ khi yêu nhau đến giờ, đây là lần đầu tiên anh nhắc tới tên cúng cơm của tớ - chắc là em cũng biết những gì anh đang nghĩ về lòng tin cần phải có giữa một người vợ và một người chồng. Họ không nên giấu giếm nhau đi đâu gì, và cũng chẳng có bất cứ một bí mật nào là của riêng ai. Bởi vậy, anh có thể thú thật với em rằng anh đã phải trải qua một cú sốc khiếp đảm; và bây giờ, khi anh đang cố nhớ lại những gì đã xảy ra với mình, thì anh không còn biết đi đâu đó là sự thực hay chỉ là một cơn ác mộng nữa. Người ta đã bảo với em rằng anh bị bệnh não, giống như một thứ bệnh tâm thần, sợ thật? Bí mật của câu chuyện đã xảy ra với anh đều nằm ở những trang này, nhưng anh không muốn nhắc tới nó nữa. Anh muốn rằng cuộc đời anh, và cả đám cưới của chúng mình nữa, sẽ lại khởi đầu từ con số không. (Bởi vì, cô bạn yêu quý ạ, bọn tớ sẽ làm đám cưới ở đây, ngay sau khi mọi thủ tục đã được hoàn tất) Wilhelmina, em có muốn chia sẻ sự ngây thơ cùng anh không? Cuốn sổ đây, em hãy cầm và giữ lấy, và nếu muốn, em có thể đọc tất cả những gì anh đã viết, nhưng

nhớ là đừng bao giờ nhắc lại bất cứ một điều gì với anh, anh không muốn nhớ lại cái chương khủng khiếp ấy... nếu như không có một bổn phận nào đó buộc anh phải làm như vậy.

Nói được có bấy nhiêu, Jonathan lại ngủ lịm đi vì mệt mỏi. Tớ vừa ôm anh vừa luồn cuốn sổ tay xuống gối anh nằm. Xơ Agatha đã thay mặt tớ tới nhà thờ Đức Mẹ tối cao để cầu nguyện cho đám cưới của bọn tớ sẽ diễn ra vào chiều nay. Tớ đang nóng lòng chờ đợi câu trả lời của bà.

Bà xơ trở về và nói với tớ rằng bà đã nhờ người đi tìm cha tuyên úy của Nhà thờ giáo hội Anh. Trong vòng một giờ nữa, hoặc là sớm hơn, có thể là ngay sau khi Jonathan thức dậy, bọn tớ sẽ làm đám cưới.

Lucy à, cậu có biết không, đã nhiều giờ trôi qua kể từ khi tớ đặt bút viết... Thời gian trôi qua đối với tớ sao mà lê thê đến thế! Nhưng dẫu sao thì bây giờ tớ cũng đã cảm thấy mình đang tràn trề hạnh phúc! Khi Jonathan tỉnh dậy, tất cả đã sẵn sàng. Anh gượng ngẩng tựa vào những chiếc gối trên giường mà trả lời bằng một giọng quả quyết rằng “có”. Về phần mình, tớ chỉ có thể nói rất nhỏ, hạnh phúc dạt dào đã khiến tớ thồn thức nghẹn ngào. Các tín đồ nơi đây tận tâm với chúng tớ quá! Chúa muốn tớ không bao giờ được phép quên họ, không bao giờ được quên những trách nhiệm nặng nề nhưng cũng thật dịu êm mà tớ phải gánh vác! Có lẽ bây giờ tớ phải kể cho cậu nghe về món quà cưới của mình. Khi cha tuyên úy và các xơ để tớ lại một mình với chồng tớ. Ôi! Lucy ơi, đây là lần đầu tiên tớ được viết những từ này: chồng tớ, tớ lấy quyển sổ dưới gối của anh bọc vào trong một tờ giấy bạc rồi thắt nơ như một gói quà thực sự. Tớ đặt lên đó một nụ hôn và nói với chồng mình rằng tớ sẽ giữ kỷ vật ấy đến trọn đời như một bằng chứng cho lòng tin của tớ đối với anh ấy và tớ sẽ không bao giờ mở cuốn sổ ấy ra trừ khi đó là trường hợp cần cho lợi ích của anh, hoặc trong một trường hợp thực sự cấp thiết nào đó. Anh ấy đã cầm tay tớ... Ôi! Lucy, đây là lần đầu tiên anh ấy cầm tay vợ mình... Anh trả lời tớ rằng anh sẽ khắc sâu trong lòng tấm lòng của tớ và để xứng đáng với tình cảm của tớ, anh sẽ làm sống lại quá khứ nếu cần. Rõ ràng anh chàng tội

nghiệp của tớ đã sẵn sàng tiết lộ một phần của quá khứ, nhưng anh chưa thể xác định được quãng thời gian đã trôi qua, và tớ sẽ không ngạc nhiên nếu một lúc nào đó, anh ấy không chỉ quên ngày tháng, mà còn quên cả năm nữa.

Tớ còn có thể chê trách anh được đi đâu gì nữa chứ? Chỉ cần được thủ thỉ bên anh ấy rằng tớ là người phụ nữ hạnh phúc nhất trên đời, rằng tớ chẳng có gì khác để hiến dâng cho anh ấy ngoài chính cuộc đời mình, tấm lòng, tình yêu và bốn phần của mình đối với anh ấy thôi là tớ cũng đã mãn nguyện lắm rồi. Và khi anh ấy ôm tớ vào lòng và nắm chặt bàn tay tớ bằng hai bàn tay gầy guộc yếu ớt của anh, tớ có cảm giác bọn tớ đang một lần nữa nghiêm túc hứa hẹn với nhau.

Lucy thân mến, cậu có biết tại sao tớ lại kể cho cậu nghe hết mọi chuyện không? Đó không chỉ là chuyện tình êm dịu như cậu vẫn đoán, mà còn bởi vì cậu luôn là một người bạn lớn của tớ, và mãi mãi là thế? Tớ vẫn coi mình là kẻ luôn được ưu ái khi làm bạn với cậu, và bây giờ tớ đang rất mong mỗi cậu cũng được hưởng một hạnh phúc như tớ vừa nắm trong tay. Lucy ơi, cầu Chúa hãy ban phước lành cho cậu, hãy ban cho sự khắc khoải trên cõi đời này của cậu những gì người đã hứa: một ngày dài chan chứa ánh nắng mặt trời, một ngày êm đềm không sóng gió, không quên lãng, không ngờ vực. Tớ sẽ không cầu mong cho cậu không bao giờ phải trải qua khó nhọc, bởi đó là đi đầu hoang đường, nhưng một lần nữa cầu mong cho cậu được hưởng một niềm hạnh phúc trọn vẹn và ngọt ngào như tớ lúc này: Tạm biệt cô bạn thân yêu. Tớ sẽ bỏ ngay lá thư này vào bưu điện, và sẽ sớm viết tiếp để cậu đỡ buồn. Tớ phải chia tay với cậu đây, bởi Jonathan lại vừa tỉnh giấc... Tớ phải hỏi xem chồng tớ có cần gì không.

Người bạn vĩnh cửu của cậu Mina Harker”

Thư Lucy Westenra gửi Mina Harker

“Whitby ngày 30 tháng 8

Mina thân mến,

Xin dành cho cậu cả một đại dương tình bạn, triệu triệu nụ hôn, và mong sao cậu sớm được trở về nhà cùng với người chồng mới cưới của cậu! Nếu sớm trở về Anh quốc, nhớ ghé qua Whitby với tớ vài ngày. Bầu không khí trong lành của xứ biển sẽ giúp Jonathan bình phục tốt nhất - chính không khí nơi đây đã giúp tớ hoàn toàn bình phục trở lại đây; bây giờ tớ đã có thể ngủ rất tốt, trong người tớ cảm thấy tràn đầy sức sống. Tớ tin là cậu sẽ rất vui khi biết rằng tớ không còn lang thang ngay trong giấc ngủ nữa. Phải đến một tuần nay tớ chưa rời khỏi giường - ý tớ muốn nói là vào buổi tối! Anh Arthur bảo tớ đã mập lên trông thấy. À quên, tớ đã không nói với cậu rằng Arthur đang ở đây. Hôm nào bọn tớ cũng đi dạo, chơi tennis hoặc câu cá, cưỡi ngựa cùng nhau. Tớ yêu anh ấy hơn bao giờ hết. Anh ấy cũng nói càng ngày anh càng cảm thấy yêu thương tớ hơn. Tớ thì tớ chưa tin, bởi lúc đầu anh ấy bảo tớ rằng anh ấy không thể yêu tớ hơn những gì anh ấy đang làm vì tớ... Đấy, anh ấy lại gọi tớ rồi đấy... Có lẽ phải tạm biệt cậu tại đây thôi.

Lucy thân thương của cậu.

T.B. Mẹ tớ gửi tới cậu những suy nghĩ tốt đẹp nhất của bà. Bây giờ sức khỏe của bà đã khá hơn một chút.

Còn đi đâu nữa: bọn tớ sẽ làm đám cưới vào ngày 28 tháng 9 tới.”

Nhật ký của bác sĩ Seward

• Ngày 22 tháng 8

Trường hợp của Renfield ngày càng có vẻ phức tạp và cũng thú vị hơn: tự nhiên hắn lại đâm ra rất trầm tĩnh. Nhưng sau lần bỏ trốn vừa rồi, hắn liên tục có những hành động hung bạo trong mấy ngày liền. Thế rồi vào một buổi tối, khi ánh trăng thức dậy, hắn bỗng đi và lăm bằm một mình không biết bao nhiêu lần: “Bây giờ mình có thể chờ đợi... mình có thể chờ đợi...” Nghe viên giám thị đến thuật lại, tôi lập tức chạy xuống và hiểu

ngay những gì đang xảy ra. Renfield, vẫn bị nhốt trong phòng và mặc một chiếc áo trói chuyên dành cho người điên, đã không còn cái vẻ hung tợn như mấy hôm vừa rồi, hai mắt hắn lúc này có một chút gì đó dịu hiền nản nỉ. Tôi ra lệnh thả lỏng cho hắn. Người phục vụ có vẻ chần chừ, nhưng rồi cũng phải làm theo lời tôi. Kể cũng lạ, không hiểu sao tên bệnh nhân lại nhận ra ngay sự ngờ vực của những người đang theo dõi hắn, bởi hắn đã rón rén đến nói nhỏ vào tai tôi, trong khi mắt vẫn lén nhìn họ:

— Chắc là họ đang nghĩ rằng tôi sắp sửa nện cho ngài một trận như tử? Tôi mà lại làm như vậy được ư! Đúng là một lũ ngu ngốc!

Tóm lại, dù nói gì thì nói, thật sự vẫn không có gì đáng ngại khi đưa ra một nhận xét rằng ngay cả trong đầu kẻ bất hạnh này, tôi cũng có nhiều điểm khác biệt so với những nhân viên cấp dưới của mình. Tuy nhiên, tôi vẫn không tài nào nắm bắt được suy nghĩ của hắn. Và lại, có cần phải hiểu rằng tôi đang có một cái chung nào đó với hắn để rồi khiến người khác phải nói tôi và hắn sẽ cùng đứng trên một bờ bến hay không? Hay hắn đang nhẫn nại chờ ở tôi một thiện tâm, để tới một lúc nào đó sẽ gọi tôi làm đồng minh của hắn? Tôi sẽ cố gắng tìm hiểu vấn đề. Tối hôm nay, hắn đã nhất quyết không chịu mở mồm nói bất cứ một điều gì. Thậm chí khi có người mang tới cho hắn một con mèo, một con mèo lớn hẳn hoi, hắn cũng chỉ nói có vài câu: “Tôi không còn quan tâm tới mấy con mèo bẩn thỉu ấy nữa. Bây giờ có rất nhiều thứ khác làm tôi quan tâm, và tôi có thể chờ đợi.... tôi có thể chờ đợi...”

Viên giám thị kể với tôi rằng khi tôi rời khỏi phòng hắn, hắn đã ngời ngời cam lạng đến tận sáng. Sau đó, hắn lại bắt đầu giờ chứng, và lần này, cơn điên khủng đã khiến hắn hung hăng đến nổi ngất xỉu đi và chìm vào một trận hôn mê.

Sự việc diễn ra như vậy đã được ba ngày rồi. Đầu tiên là những cơn điên khủng dữ dội, sau đó lại là những giờ ngất xỉu suốt đêm thâu. Tôi phải tìm ra nguyên nhân của những cơn điên mang tính chu kỳ này. Có thể bệnh nhân của tôi đã phải chịu một tác động nào đó. Nếu đúng là như vậy, thì

đêm nay chúng tôi sẽ lấy những linh hồn lạnh lẽo chống lại những tâm hồn bệnh hoạn! Hôm nay, Renfield đã bỏ trốn mặc dù đã có sự đề phòng của chúng tôi. Tối nay, chúng tôi sẽ giúp hắn trốn thoát. Chúng tôi sẽ cho hắn một cơ hội, và những người bảo vệ sẽ sẵn sàng bám theo hắn...

- *Ngày 23 tháng 8*

Chuyện xảy ra đã không nằm trong mong đợi của chúng tôi! Dù thấy cửa chuồng đã mở, nhưng chú chim của chúng tôi vẫn không chịu bay đi. Vậy là mọi sự sắp xếp, bố trí của chúng tôi đều uổng công vô ích!

Tuy nhiên, vẫn có một đi đầu được chứng thực: các giai đoạn lì lợm của bệnh nhân đã được rút ngắn. Từ nay trở đi, chúng tôi sẽ để cho hắn được tự do vài giờ mỗi ngày. Tôi nói với viên giám thị trực đêm là đừng nhốt hắn vào buồng điên khi hắn trong tình trạng bình thường, và chỉ xua hắn vào đó trước lúc mặt trời lên khoảng một tiếng đồng hồ. Hắn có vẻ rất hoan hỉ với chế độ tự do nửa vời này ngay cả khi đầu óc hắn còn chưa đủ khả năng đánh giá, nhận thức sự việc. Tuy nhiên, lại có người hốt hải chạy tới gọi tôi!... Đi đầu tôi không mong đợi một lần nữa xảy ra: tên bệnh nhân lại bỏ trốn.

- *Cùng ngày, ít lúc sau*

Lại một cuộc phiêu lưu khác đêm nay. Renfield đã chờ đợi viên giám thị bước vào phòng và lợi dụng lúc ông bận một việc gì đó để chạy vội ra hành lang. Tôi vội vàng ra lệnh cho mấy người gác đêm đuổi theo hắn. Cũng như lần trước, hắn đi về phía ngôi nhà bỏ hoang, và chúng tôi vẫn thấy hắn đẩy cả người vào cánh cửa gỗ sồi của nhà thờ cổ. Thấy tôi đến cùng một người bảo vệ, hắn đã nổi khùng tới cực điểm, và nếu người của tôi không kịp tóm tay hắn, có lẽ hắn đã xé xác tôi ra mất. Bị chúng tôi xúm lại khống chế, hắn đâm ra hung tợn hơn gấp bội phần, nhưng cũng ngay sau đó, hắn lại dịu hẳn xuống, khiến tôi hết sức ngạc nhiên. Tôi đưa mắt nhìn quanh: chẳng có gì khác lạ cả. Nhìn theo ánh mắt hắn, tôi cũng không nhận thấy một đi đầu gì khác lạ trên bầu trời vành vạnh ánh trăng, nếu đó không phải là một con dơi to bự đang loạng quạng bay về phía tây như một bóng ma.

Nghe nói lũ dơi thường bay qua bay lại mãi một chỗ, nhưng với con dơi kia thì không phải như vậy, hình như nó đang bay về một cái đích xác định nào đó.

Renfield nói với chúng tôi, giọng rất nhẹ nhàng:

— Chẳng cần phải giữ chặt tôi như vậy đâu, tôi có thể quay về một mình mà, cứ bình tĩnh lại đi!

Đúng là chúng tôi đã quay về mà không gặp bất cứ một rắc rối nào, nhưng sự trầm lặng đột ngột đến khó hiểu của tên bệnh nhân đã chẳng nói lên một điều gì làm tôi có thể yên tâm, và tôi không nên quên những gì vừa xảy ra.

Nhật ký của Lucy Westenra

• *Hillingham, 24 tháng 8*

Tôi cũng định ng ồi viết nhật ký như Mina, để khi gặp nhau một lần nữa, chúng tôi sẽ lại ng ồi nói chuyện dài dài về tất cả những gì tôi đã ghi lại ở đây. Nhưng đến bao giờ chúng tôi mới lại được gặp nhau. Mong sao lúc này lại có Mina ở đây, bởi tôi đang cảm thấy rất buồn! Đêm hôm qua, tôi có cảm giác như mình đang sắp sửa lặp lại những cơn mê như h ồi ở Whitby, có thể là do thời tiết thay đổi, hoặc cũng có thể do sự trở về nhà của tôi... Điều khủng khiếp nhất, đó là việc tôi không còn nhớ gì cả. Hơn nữa, tôi lại luôn cảm thấy lo sợ, một nỗi lo sợ thật mơ hồ mà không hiểu tại sao. Người tôi mỗi ngày một yếu ớt, gầy mòn. Khi tới ăn trưa cùng chúng tôi, Arthur có vẻ rất buồn khi nhìn tôi. Tôi mỗi một đến mức không thể cố vui lên được. Tôi đã tự hỏi rằng liệu tối nay tôi có phải vào ngủ chung phòng với mẹ hay không. Hy vọng là tôi sẽ có một tối ngon giấc ở đó. Tôi sẽ tìm lý do để xin phép mẹ tôi.

• *Ngày 25 tháng 8*

Lại thêm một đêm t ối tệ nữa. Đề nghị của tôi dường như đã không làm mẹ tôi vừa lòng. Bản thân bà cũng không được khỏe lắm. Hơn nữa, chắc bà

cũng sợ sẽ làm phiền giấc ngủ của tôi nếu chúng tôi ngủ chung phòng. Vậy là tôi vẫn phải ngủ ở phòng mình, và thực tế tôi cũng đã ngủ được ít nhiều, nhưng tiếng chuông ngân dài lúc nửa đêm đã làm tôi tỉnh giấc. Tôi chợt nghe thấy những âm thanh là lạ như tiếng ai đó cào cào vào cánh cửa, hay nói đúng hơn là những nhịp đập của một đôi cánh. Song tôi cũng chẳng thắc mắc gì lâu, và thực tình tôi cũng chẳng còn nhớ nổi một đi đâu gì khác. Tôi đã trở lại với giấc ngủ ngay sau đó. Lại những cơn ác mộng. Giá như tôi nhớ lại được tất cả...

Sáng dậy, tôi cảm thấy trong người yếu ớt kinh khủng. Mặt tôi nhợt nhạt như người sắp xuống mồ, và tôi còn thấy đau ở cổ nữa chứ... Lòng ngực hình như cũng đang có vấn đề, thỉnh thoảng tôi thấy rất khó thở. Nhưng dù thế nào thì tôi cũng vẫn cứ tỏ ra vui vẻ chút trước mặt Arthur, nếu không anh ấy sẽ lại rất buồn.

Thư Arthur Holmwood gửi bác sĩ Seward

“Khách sạn Albemarle, 31 tháng 8

Tôi muốn nhờ cậu một việc. Lucy đang đỡ bệnh, không phải là một bệnh cụ thể, mà là một loại bệnh nào đó thật khó xác định. Tình trạng sức khỏe của cô ấy đang xấu đi từng ngày, khiến tôi không thể không lo lắng. Bà Westenra đã tâm sự với tôi rằng bà chẳng còn sống được bao lâu nữa, nhưng Lucy vẫn chưa hay biết gì về đi đâu này. Không biết rồi Lucy sẽ phải chịu đựng như thế nào trong tình trạng sức khỏe như hiện nay. Tôi dám chắc rằng người vợ chưa cưới tội nghiệp của tôi, dù luôn nói với tôi những đi đâu ngược lại, vẫn đang âm thầm giấu một đi đâu gì đó mà tôi không thể biết được. Tôi xin nhắc lại là tôi đang rất lo lắng. Tất cả đều mơ hồ quá. Phải nhìn cô ấy lúc này quả là một nỗi đau đớn đối với tôi. Tôi đã ngỏ ý mời cậu tới thăm bệnh cho cô ấy, và cuối cùng thì cô ấy cũng đã bằng lòng. Kể cũng thật vất vả cho cậu nhưng sức khỏe của Lucy là một vấn đề rất quan trọng.

Chúng ta sẽ phải nhanh chóng ra tay, vì sức khỏe của cô ấy mà không được chần chừ thêm một ngày nào nữa, tôi nói vậy có phải không anh bạn? Cậu có thể tới không? Bằng cách này, chúng ta sẽ không gây bất cứ một mối nghi ngờ nào cho bà Westenra: sau bữa trưa, như đã sắp xếp từ trước, Lucy sẽ ngồi một lúc với riêng cậu. Lần cuối cùng tôi xin được nhắc lại rằng tôi đang lo lắng đến phát điên lên được, và tôi cũng đang rất sốt ruột muốn biết cậu sẽ kết luận như thế nào về tình trạng của cô ấy. Mong cậu đến ngay!”

Arthur.

Thư của bác sĩ Seward gửi Arthur Holmwood

“Ngày 2 tháng 9

Chào ông bạn thân mến.

Tôi xin được nói ngay với ông rằng theo tôi, Lucy Westenra không mắc phải bất cứ một căn bệnh hay một chứng rối loạn chức năng nào hết. Tuy nhiên, tôi cũng thực sự bàng hoàng khi gặp cô ấy. Lạy Chúa! Lucy bây giờ không còn là Lucy của cái ngày tôi được gặp cô ấy lần trước nữa. Tất nhiên, tôi không quên rằng tôi đã không thể khám bệnh cho cô ấy như đã mong muốn: tình bạn của chúng tôi đã làm cho việc khám bệnh trở nên khó khăn và tế nhị hơn. Tôi sẽ kể cho ông nghe cụ thể về chuyến viếng thăm này, và từ những lời cắt nghĩa của tôi, ông có thể tự rút ra kết luận cho mình. Vì vậy, tôi chỉ thuật lại cho ông hay những gì tôi đã làm và những gì tôi đang dự định phải làm trong lúc này.

Thấy tôi đến Hillingham, Lucy tỏ ra rất vui vẻ hân nhiên. Mẹ cô cũng ra đứng gần cô, và tôi đã chẳng phải mất nhiều thời gian để có thể hiểu ngay ra rằng bà không thể giấu mãi tình trạng của mình với mong muốn không làm cho đứa con gái phải lo âu phiền muộn. Sự thận trọng của bà Westenra quả là rất cần thiết, nhưng tôi vẫn tin tới một lúc nào đó, con gái bà sẽ đoán ra hiện trạng sức khỏe của bà, cho dù không có ai mách bảo cô

ấy. Tôi đã ngồi ăn trưa cùng gia đình, và chẳng ai bảo ai, cả ba chúng tôi đều âm thầm cố gắng tỏ ra vui vẻ, vô tư. Những nỗ lực này đã được đền bù xứng đáng: chúng tôi đã vui đùa thực sự trong ít nhất là một giờ đồng hồ. Sau đó bà Westenra kêu muốn đi nghỉ, để tôi ngồi lại một mình với Lucy. Cho tới khi chúng tôi sang phòng khách nói chuyện, Lucy vẫn cố giữ một bộ dạng vui vẻ, bởi mấy người hầu vẫn liên tục lượn qua lượn lại. Nhưng khi cửa phòng vừa đóng, cô đã đỡ người xuống ghế, hai tay ôm mặt với những tiếng thở dài. Cô không còn đóng kịch được nữa. Tôi buộc phải hỏi tại sao cô ấy thở dài.

— Giá như biết em là người không thích nói về mình thì ông đâu có hỏi thế - Cô ấy đã thốt lên như vậy.

Tôi phải nói với cô ấy rằng không việc gì phải lo ngại khi gửi gắm mọi niềm tâm sự cho một thầy thuốc, tuy nhiên tôi cũng thú nhận là ông đang rất lo lắng cho cô ấy.

Cô đã nắm bắt ngay được tình hình, và chỉ bằng vài lời, tôi đã có thể thoải mái chuyện:

— Em có thể nói với Arthur tất cả những gì em muốn nói. Nếu tôi có lo lắng, thì đó không phải là lo cho tôi, mà là lo cho anh ấy!

Chính vì vậy mà tôi phải nói cho ông biết cái cảm nghĩ của mình. Tôi nhận thấy ngay Lucy đang bạc nhược vì thiếu máu, mặc dù trông cô không có một dấu hiệu riêng nào của căn bệnh này. Hơn nữa, nhờ một sự tình cờ, tôi đã kiểm tra được hàm lượng máu của cô, bởi lúc mở cửa sổ, tay cô đã bị thương nhẹ. Tất nhiên là chẳng có gì nghiêm trọng, nhưng như thế cũng đủ để tôi lấy mấy giọt máu để phân tích. Cuộc xét nghiệm đã có một kết quả rất tốt đẹp. Mặt khác, tôi cũng không thấy có bất cứ một triệu chứng nào đáng lo ngại. Tuy nhiên, khi chứng thiếu máu này rõ ràng có nguồn gốc từ một nguyên nhân xác định nào đó, thì đó hẳn là nguyên nhân của một sự bất ổn về tinh thần. Lucy cũng phàn nàn về chứng khó thở, rồi giấc ngủ nặng nề khó nhọc, giống với một giấc ngủ lịm và thường kèm theo những cơn ác mộng khủng khiếp mà trí nhớ của cô đã không ghi lại bất cứ

một chi tiết cụ thể nào. Lucy có kể với tôi rằng hồi nhỏ, cô đã mắc phải chứng bệnh mộng du, rằng mùa hè này ở Whitby, chứng bệnh ấy lại bám riết lấy cô, và thậm chí có một đêm, vẫn trong trạng thái đang ngủ, cô còn bỏ ra khỏi khách sạn và leo lên vách đá cheo leo, nơi Murray Mina đã tìm thấy cô, nhưng cô cũng có nói để tôi yên tâm rằng trong thời gian gần đây, cô đã có những đêm thật yên lành. Vì không am hiểu lắm về thể loại bệnh lý này nên tôi đã phải làm đi đâu mà tôi cho là đúng đắn nhất: gửi thư cho ông bạn già và đồng thời cũng là người thầy của tôi, giáo sư Van Helsing, một chuyên gia bậc thầy về các căn bệnh tương tự ở Amsterdam. Tôi đề nghị Van Helsing đến thăm bệnh cho Lucy, và như ông đã nói trong lá thư vừa gửi cho tôi, ông sẽ chịu mọi chi phí cho chuyến đi này của giáo sư, bởi tôi cũng đã nói với giáo sư rằng ông là chồng chưa cưới của Lucy. Dầu sao thì tôi cũng muốn giúp Lucy tới mức tốt nhất trong khả năng của mình. Còn về phần Van Helsing, tôi tin chắc ông ấy cũng sẽ hết sức cố gắng vì tôi. Bởi vậy khi giáo sư tới đây, chúng ta hãy nên nghe theo các quyết định của ông. Trong một số tình huống, có thể giáo sư sẽ tỏ thái độ độc đoán, nhưng quả thực ông ấy rất biết những gì mình nói, mong ông đừng cố chấp. Van Helsing đồng thời cũng vừa là nhà triết học, vừa là một nhà siêu hình học - ông xứng đáng là một trong những nhà bác học lớn nhất trong thời đại của chúng ta. Vì vậy, tôi tin ông ấy sẽ có một đầu óc rộng mở trước mọi khả năng. Hơn nữa, giáo sư còn là người có dây thần kinh thép, có một tính cách cương nghị, một ý chí sắt đá luôn đi tới cùng sự việc, một đức chế đáng kính phục đối với chính bản thân, và cuối cùng là một lòng tốt vô hạn đó là những phẩm chất đáng quý trong con người giáo sư, một con người chỉ biết làm việc hết mình vì sứ mệnh nhân đạo.

Tôi nói vậy để ông có thể hiểu tại sao tôi lại tin tưởng ở vị giáo sư này đến thế. Tôi đã đề nghị ông ấy tạm dừng mọi công việc ở nhà. Ngày mai, tôi sẽ lại tới thăm Lucy Westenra, nhưng không phải tại nhà cô, bởi tôi không muốn những chuyến thăm quá thường xuyên của tôi làm mẹ cô lo lắng.

Chúc ông mọi đi ầu tốt lành.
John Seward”.

Thư giáo sư Abraham Van Helsing gửi bác sĩ Seward

“Ngày 2 tháng 9

Anh bạn thân mến,

Tôi đã nhận được thư của anh và dĩ nhiên là tôi sẽ đến!

Tôi có thể đến ngay mà không gặp một trở ngại nào, không có bất cứ ai trong số các bệnh nhân của tôi cần tôi trong một hoặc hai hôm nữa. Tôi rất thương họ nếu có chuyện gì không hay bất ngờ xảy ra, nhưng quả thật không có gì có thể cản trở tôi tới giúp đỡ những người được coi là thân thiết nhất. Được giúp đỡ một người bạn thân của anh quả là một niềm vinh hạnh lớn đối với tôi. Đừng quan trọng về chuyện tiền bạc. Làm ơn đặt cho tôi một phòng ở khách sạn Grand Phương Đông ở gần ngay chỗ ở của bệnh nhân, và hãy báo cho cô bạn trẻ ấy rằng chúng ta sẽ đến thăm cô ấy vào sáng mai, bởi có thể tôi sẽ lại phải trở về đây vào tối mai. Nhưng nếu phải làm vậy, tôi sẽ quay lại Luân Đôn trong ba ngày nữa và khi ấy, tôi có thể ở lại lâu hơn. Tạm biệt người bạn của tôi!

Van Helsing”.

Thư bác sĩ Seward gửi Arthur Holmwood

“Ngày 3 tháng 9

Arthur thân mến,

Van Helsing đã tới và lại đi rồi. Ông đã cùng tôi đến Hillingham. Bà Westenra đi ăn trưa ở ngoài, vậy là chỉ còn chúng tôi với Lucy. Van Helsing đã khám cho cô rất nghiêm túc và kỹ lưỡng. Ông đã thuật lại cho tôi biết về kết quả chẩn đoán của ông, bởi tôi không tham gia từ đầu đến cuối lần khám bệnh này. Ông tỏ ra rất lo lắng vì chưa chẩn đoán chính xác được căn

bệnh của Lucy, ông bảo với tôi rằng ông cần phải suy nghĩ và tìm hiểu thêm bệnh lý của cô. Khi tôi kể về tình bạn của chúng ta và về niềm tin mà ông đã gửi gắm ở tôi trong việc khám và chữa bệnh cho Lucy. Van Helsing đã trả lời tôi: “Tuyệt đối phải giữ kín những gì anh đang nghĩ, và tất cả những gì tôi đang nghĩ nếu như anh đoán được các suy nghĩ của tôi. Tôi không nói đùa đâu, đây là vấn đề sống còn, là tính mạng của một con người, và có thể là cả những vấn đề khác chứ chẳng chơi...”

Nghe giọng nói nghiêm trọng của Van Helsing trên đường về thành phố, tôi buộc phải gắng hỏi kỹ hơn, nhưng ông vẫn nhất định không giải thích gì thêm. Arthur ạ, xin ông đừng trách tôi nhé! Sự im lặng của giáo sư Van Helsing chứng tỏ ông đang nghĩ rất nhiều về bệnh nhân, và đang nghiên cứu rất tỉ mỉ về trường hợp này bằng tất cả vốn kiến thức khoa học của mình. Xin ông hãy tin rằng giáo sư sẽ nói rõ ràng hơn khi ông đã biết tất cả những gì cần biết. Bởi vậy mà tôi phải nói với giáo sư tôi sẽ hạn chế kể về chuyến khám bệnh này với ông, Arthur ạ. Có thể là ngày mai tôi sẽ nhận được kết luận của giáo sư. Dù sao thì tôi cũng sốt ruột chờ đợi một lá thư.

Còn bây giờ là chuyến thăm của thầy trò chúng tôi. Lucy có vẻ vui hơn so với hôm trước, trông nước da của cô cũng khá hơn. Cô không còn nhìn bằng ánh mắt vẫn làm cho ông lo sợ nữa, và nhịp thở của cô cũng đã trở lại bình thường. Đối với vị giáo sư (cũng như đối với tất cả những người khác), cô tỏ ra rất đáng yêu, cô đã cố xử sự cho thật tự nhiên. Tuy nhiên, theo ý tôi, để vui vẻ được như vậy, cô bé tội nghiệp đã phải đấu tranh ghê gớm với chính mình. Tôi cho rằng Van Helsing cũng nghĩ như tôi, bởi tôi thấy giáo sư đã nhíu mày rất nhanh khi nhìn cô. Giáo sư đã hàn huyên hết chuyện này đến chuyện khác, trừ chuyện về chính bản thân chúng tôi và về các bệnh nhân, vì ông rất muốn làm cho Lucy có một niềm vui thật sự. Và vẫn làm ra vẻ đang tiếp tục dòng chảy của cuộc nói chuyện, giáo sư đã từ từ gợi ra mục đích của cuộc viếng thăm của ông:

— Cô bạn thân mến ạ, - Giáo sư bắt đầu giải bày - quả thực là tôi rất hân hạnh khi được tới thăm cô, bởi ông bạn tôi đây đang muốn chúng tôi

hành động vì một tình yêu vĩ đại. Và đó là một tình cảm thật đáng quý, xin cô hãy tin ở tôi! Trước khi tới đây, anh bạn tôi có nói rằng trông cô rất xanh xao và bạc nhược. Tôi đã trả lời: “Ồi dào...” Tôi không tin những lời anh ta nói. Bây giờ tôi và cô sẽ chứng minh cho anh ta thấy là anh ta đã nhầm. Làm sao anh ta - Vừa nói giáo sư vừa nhìn và chỉ vào tôi giống hệt cái cử chỉ ông đã làm đối với tôi ngày nào, khi tôi gây ra một tai nạn h ồi còn học ông mà cho mãi đến bây giờ tôi vẫn chưa quên được - làm sao anh ta có thể nhận biết tường tận một đi ều gì đó ở các cô gái trẻ kia chứ? Anh ta phải bận bịu quan tâm đến các bệnh nhân của mình, phải chăm sóc họ, giúp họ tìm lại hạnh phúc và trả lại họ cho những người yêu thương họ. Phần thưởng cho các nỗ lực của một thầy thuốc như anh ta là được thấy niềm hạnh phúc của từng bệnh nhân. Còn đối với các cô gái trẻ ư! Anh ta không có vợ, và tất nhiên là cũng chẳng có con gái, còn các cô gái thì chẳng bao giờ tin tưởng ở bọn đàn ông còn trẻ tuổi, họ chỉ tin vào những ông già, những người đã từng trải qua bao đắng cay nhọc nhằn trong suốt cuộc đời mà bản thân các ông nhiều khi cũng chưa nghiệm thấy hết. Vì vậy, cô gái ạ, cứ để anh ta ra ngoài vườn hút thuốc đi, chúng ta sẽ ng ồi đây nói vài câu chuyện t âm phào cũng được.

Biết ý giáo sư, tôi lặng lẽ bỏ ra ngoài đi dạo quanh nhà. Nhưng sau đó không lâu, tôi nghe thấy tiếng giáo sư gọi qua cửa sổ. Gặp lại tôi, ông cho biết:

— Tôi đã khám rất kỹ song vẫn không thấy bất cứ một dấu hiệu nào của sự suy giảm chức năng. Cũng như anh, tôi cho rằng có lẽ cô ta đã mất rất nhiều máu, tôi nói là đã mất, anh nghe rõ r ồi chứ? Tôi nói vậy bởi bây giờ cô ta không còn bị mất máu nữa. Tuy nhiên, có một đi ều rất lạ là trong người cô ta không có bất cứ một triệu chứng nào của bệnh thiếu máu. Tôi đã đề nghị cô ta gọi cho tôi cô h ầu phòng đến để hỏi một vài vấn đề, sau đó sẽ tìm ra những thông tin chính xác nhất trong chừng mực có thể. Nhưng thực ra tôi cũng biết trước người h ầu này sẽ trả lời như thế nào r ồi. Dù sao thì cũng phải có một nguyên nhân dẫn đến trạng thái bệnh lý, và lúc

nào cũng chỉ tồn tại cùng một nguyên nhân mà thôi. Tôi sẽ trở về Amsterdam để suy nghĩ thêm. Ông hãy đánh điện cho tôi mỗi ngày, và nếu thấy cần thiết tôi sẽ quay lại đây. Căn bệnh này tôi gọi vậy bởi dù thế nào thì đó vẫn cứ là một căn bệnh khiến tôi không thể không quan tâm, và ngay cả tôi cũng không thể thờ ơ với cô gái duyên dáng. Đúng thế, cô ta quả thật rất duyên dáng, dễ thương, và tôi sẽ tự nguyện quay trở lại vì một mình cô ấy, kể cả khi anh không có ở đây và khi cô ta không bệnh tật gì.

Arthur ạ, xin được nhắc lại với ông rằng giáo sư đã không muốn nói nhiều hơn với tôi về chuyện đó, kể cả khi chỉ có hai chúng tôi với nhau. Cho đến bây giờ thì tôi cũng chỉ được biết bằng ông thôi, bởi biết được bao nhiêu, tôi đâu đã nói hết với ông. Xin ông cứ tin rằng tôi sẽ luôn đề mắt tới cô bệnh nhân yêu quý của chúng ta. Hy vọng bệnh tình của cha ông sẽ khá hơn. Ở vị trí của ông, có lẽ tôi sẽ khó bề đứng vững: thật là khủng khiếp khi biết hai người thân nhất của ông đều đang rơi vào tình trạng hiểm nghèo! Tôi rất hiểu tình cảm và bồn chồn của một người con trai có cha đang lâm bệnh, nhưng nếu bệnh tình của Lucy trầm trọng hơn, tôi vẫn cứ viết thư gọi ông tới ngay lập tức. Vì vậy, nếu không nhận được tin của tôi, ông cũng đừng nên quá lo lắng.”

Nhật ký của bác sĩ Seward

• Ngày 4 tháng 9

Càng ngày tôi càng cảm thấy thú vị hơn khi được quan sát bệnh nhân tâm thần của mình. Hôm qua, hấn chỉ lên cơn có một lần. Gần trưa, hấn bắt đầu nổi khùng. Nhận ra các triệu chứng quen thuộc của hấn, viên giám thị đã lập tức gọi người tới giúp một tay. Cũng may mọi người tới kịp, nếu không chúng tôi sẽ phải rất khốn khổ mới mong kìm giữ được một thằng lên cơn điên khùng khiếp như hấn. Nhưng cũng chỉ sau đó khoảng năm phút, hấn lại dịu xuống và tất nhiên là lại rơi vào tâm trạng sầu não kéo dài. Tay giám thị cho tôi biết trước lúc lên cơn, hấn đã thốt lên những tiếng

kêu đáng sợ. Điều này không làm tôi ngạc nhiên, bởi tôi đã quen với những tiếng gào thét dài thê thảm trong tình trạng man dại của một số bệnh nhân khác. Lúc tôi viết những dòng này cũng là lúc đến bữa ăn tối của các bệnh nhân nội trú, song Renfield vẫn cứ ng ã ôm gối ở một góc phòng, mặt s ầu thảm với những dòng suy tưởng riêng của hắn. Tôi không nghĩ gì về tâm trạng của hắn.

• *Một lát sau*

Trong con người tên bệnh nhân của tôi lại có sự thay đổi. Tôi quay lại thăm hắn vào lúc 5 giờ, có vẻ như hắn đang rất mãn nguyện về số phận của mình. Hắn chộp ru ồi bỏ vào miệng nhai ngấu nghiến, và mỗi lần chộp được một con, hắn lại lấy móng tay vạch một vết lên cánh cửa. Vừa trông thấy tôi, hắn vội rớt rít xin lỗi về cách xử sự không đẹp của mình, rồi đề nghị tôi, hay nói đúng hơn là nài nỉ tôi cho phép hắn trở về phòng, nơi hắn có thể tiếp tục công việc ghi chép vào cuốn sổ tay của hắn. Tôi nghĩ là mình phải làm cho hắn vứt bỏ cái tính khí thất thường này, nên đã đồng ý với đề nghị của hắn. Hắn trở về phòng và mở ngay ô cửa sổ ra, tiếp đó hắn lấy một nhúm đường rắc lên gờ ngoài cửa sổ để rình bắt ru ồi. Song lần này hắn bắt ru ồi không phải để cho vào miệng, mà để cho vào một cái hộp như hắn vẫn làm trước đây, rồi hắn đi kiểm tra tất cả các xó xỉnh trong phòng để tìm kiếm một con nhện. Tôi tìm cách dò hỏi hắn xem hắn đã nghĩ gì về những ngày đã qua, vì một mạch dẫn tới thiều trong suy nghĩ của hắn cũng giúp tôi khá nhiều trong công việc. Nhưng quả thực là chẳng có cách nào lôi hắn ra khỏi sự im lặng trong lúc này. Được một lúc, bộ mặt l ần l ỉ của hắn bỗng thoáng một nét buồn, chỉ tới lúc ấy hắn mới chịu th ầu thào nói bằng một giọng vừa đủ nghe, khiến tôi có cảm giác như hắn đang nói với chính mình chứ không phải nói với tôi:

— Thế là hết? Thế là hết thật rồi? Ông ta đã bỏ rơi tôi rồi! Bây giờ tôi chẳng còn gì để mà hy vọng nữa. Vậy là tôi lại phải tự mình hành động.

Rồi hắn quay phắt sang nhìn tôi, giọng kiên quyết hắn lên:

— Thưa bác sĩ, ngài có muốn chứng tỏ lòng hảo tâm đối với tôi không? Xin ngài hãy bảo người ta mang tới cho tôi thêm một ít đường nữa đi. Tôi tin rằng đi đâu đó sẽ làm cho tôi thấy dễ chịu hơn nhiều đấy.

— Thế còn mấy con ruồi thì sao?

— Tất nhiên là ruồi cũng rất thích đường, còn tôi thì lại rất yêu đàn ruồi: đó là lý do giải thích tại sao tôi thích cái ngọt ngào của đường.

Vậy mà có không ít người ngu xuẩn tin rằng những thằng điên không thể kết nối nhiều ý kiến lại với nhau cho thật thích kia đấy!

Quả thực là hắn đã vui hẳn lên khi tôi cho người mang thêm cho hắn ít đường.

• *Nửa đêm*

Thêm một sự thay đổi nữa trong con người Renfield. Tôi vừa từ nhà Lucy trở về (tình hình của cô đã khá hơn) và dừng lại trước ngưỡng cửa dưỡng đường, định bụng sẽ ngửi lại một lát để ngắm cảnh hoàng hôn, thì chợt giật mình vì một tiếng gào thét. Lại là hắn. Tôi cảm thấy hơi khó chịu và chạnh lòng khi không còn được thanh thoi đứng chiêm ngưỡng cảnh trời đất diệu huyền lúc hoàng hôn lộng lẫy đổ bóng xuống thành Luân Đôn như một màn sương bằng vàng, mà phải quay lại đối mặt với những bức tường đá buồn thê thảm trong cái vẻ nặng nề u ám của nhà thương điên, nơi đang đổ cái bóng vô vọng xuống một con người khốn khổ. Tôi bước vào phòng Renfield khi mặt trời đang dần dần tắt bóng ngoài cửa sổ. Con điên khùng của tên bệnh nhân đã dụ xuống được vài phút, nhưng đúng vào lúc ông mặt trời biến mất, hắn bỗng chuỗi khỏi tay người đang giữ hắn và đổ vật xuống sàn nhà như một cây chuối. Thật đáng ngạc nhiên khi được thấy các bệnh nhân bỗng dựng phục hồi được lý trí, cho dù chỉ là thoáng qua, vì sau khoảng vài phút, hắn lại đứng bật dậy đảo mắt nhìn quanh với một vẻ rất điên tĩnh. Tôi ra hiệu cho mấy tay giám thị cứ để cho hắn xử sự theo ý của hắn, bởi tôi đang rất muốn xem chuyện gì sẽ xảy ra.

Hắn đi nhanh về phía cửa sổ và gạt sạch những hạt đường trên gờ xuống đất, rồi hắn mở nắp chiếc hộp đựng ruồi ra cho chúng bay sạch

trước khi quăng nắp hộp đi. Cuối cùng, hắn đóng sập cửa sổ lại và ngã phịch xuống giường.

— Vậy là anh lại không cần mấy con ruồi ấy nữa? - Tôi hỏi.

— Không cần, - Hắn trả lời - tôi đã chán ngấy lũ sâu bọ vô dụng ấy rồi!

Thú thực là tôi không làm sao hiểu nổi nguyên nhân dẫn tới những thay đổi của hắn! Xin các bạn chú ý nhé! Có thể chúng ta sẽ tìm ra nguyên nhân đích thực nếu chúng ta biết tại sao hôm nay cơn điên khủng của hắn lại đạt tới cực điểm vào đúng buổi trưa, rồi đúng vào lúc mặt trời lặn. Có nên nghĩ rằng trong một số thời điểm, mặt trời có một ảnh hưởng ác tính tới một số sinh vật sống, cũng như mặt trăng đôi khi cũng có tác động xấu tới một số thực thể khác không?

Rồi chúng ta sẽ thấy...

Điện của bác sĩ Seward, Luân Đôn gửi giáo sư Van Helsing, Amsterdam

Ngày 4 tháng 9

“Hôm nay bệnh nhân đã khá hơn nhiều.”

Ngày 5 tháng 9

“Bệnh nhân mỗi ngày một khá hơn. Ăn ngon, ngủ yên, tính khí ổn định, nước da đang hồng hào trở lại”

Ngày 6 tháng 9

“Tình hình bỗng trở nên rất nghiêm trọng. Xin giáo sư hãy tới ngay, đừng để chậm một giờ nào”.

CHƯƠNG 10

Thư bác sĩ Seward gửi Arthur Holmwood

“Ngày 6 tháng 9

Ông bạn Arthur thân mến,

Tin tức tôi gửi ông hôm nay không còn là những điếu tốt, tình trạng sức khỏe của Lucy đã trở nên trầm trọng hơn. Sự xấu đi này là một kết cục khiến tôi không dám hy vọng. Bà Westenra đã hỏi tôi nghĩ gì về hiện trạng của Lucy, tôi đã nhân cơ hội nói luôn với bà rằng ông bạn già của tôi, giáo sư Van Helsing, vừa đến nhà tôi chơi vài ngày và tôi có thể nhờ giáo sư tới khám, điếu trị cho con gái bà. Vấn đề bây giờ là ở chỗ nếu cần thiết, chúng tôi phải thường xuyên tới nhà người phụ nữ tốt bụng này mà vẫn không làm cho bà quá lo lắng hoặc gây cho bà quá nhiều cảm xúc khiến bà có thể bị đổ quỵ. Cũng phải tránh làm cho bà cảm nhận được tình hình của Lucy bằng mọi giá, bởi đó sẽ là một cú sốc đau đớn không gì có thể bù đắp được đối với bà. Ông bạn thân mến ạ, chúng ta đang đứng trước những khó khăn dường như không thể vượt qua. Tuy nhiên, hy vọng với ơn đức của Chúa, chúng ta sẽ vẫn đứng vững. Lúc nào cần, tôi sẽ thông tin tiếp cho ông. Vì vậy, nếu chưa nhận được tin gì thêm từ tôi thì ông cũng đừng sốt ruột, đơn giản là vì tôi chỉ thông báo những biến chuyển mới. Tôi đang vội.

Chúc sức khỏe ông John Seward”

Nhật ký của bác sĩ Seward

• Ngày 7 tháng 9

Khi chúng tôi gặp nhau ở phố Liverpool, điếu đầu tiên Helsing hỏi tôi là:

— Anh đã thông báo gì cho anh bạn trẻ của chúng ta, cái anh chàng là chồng chưa cưới ấy chưa?

— Chưa, thưa giáo sư, - Tôi trả lời - như tôi đã nói trong bức điện, tôi phải gặp giáo sư trước cái đã. Tôi có gửi cho anh ta một lá thư, nhưng chỉ nói vắn vắn rằng giáo sư đang tính quay trở lại khám cho Lucy một lần nữa, và rằng tôi sẽ báo tin cho ông ta ngay sau khi có những tin mới.

— Tốt, anh bạn ạ, rất tốt! Tốt hơn hết là đừng cho anh ta biết, vì vào lúc này có thể anh ta sẽ chẳng bao giờ biết được sự thật, tôi hy vọng là như vậy! Nhưng nếu thực sự cần thiết, tôi sẽ nói cho anh ta biết tất cả. Anh bạn ạ, xin hãy hiểu cho tôi. Hơn ai hết, với tư cách là một chuyên gia về chăm sóc các bệnh nhân tâm thần, anh sẽ phải là một người rất hiểu tôi. Nói theo cách này hay cách khác, chúng ta cũng đều là những thằng điên và trong trường hợp anh tỏ ra thiếu thận trọng khi chăm sóc các bệnh nhân tâm thần của mình, thì anh xử sự cũng chẳng khác nào những con chiên điên rồ của Chúa. Hãy đừng nói với các bệnh nhân của mình rằng tại sao anh lại phải chăm sóc họ, cũng đừng nên nói cho họ biết những gì anh đang nghĩ. Trong những trường hợp làm chúng ta phải đắn đo, thì anh ta nên giữ kín những gì anh biết cho tới khi niềm tin của anh được củng cố vững chắc hơn. Đúng vậy, chúng ta hãy giữ kín những gì chúng ta đang biết, như thế và như thế... trong lúc này... (Nói tới đây, ông đưa tay đặt lên ngực, rồi lên trán tôi, rồi lại chuyển ngón tay đặt lên ngực, lên trán mình). Về phần mình, tôi đã hiểu ra một vài vấn đề và xin dần dần được tiết lộ với các bạn sau.

— Tại sao lại không nói ra trong lúc này? - Tôi hỏi. - Biết đâu đi đâu đó lại có ích cho chúng ta, có thể nó sẽ giúp chúng ta đưa ra được một quyết định.

Giáo sư khoát tay nhìn thẳng vào mắt tôi như muốn tôi phải im lặng:

— Anh bạn ạ, khi cây lúa mì vươn khỏi mặt đất nhưng chưa đạt tới độ chín, thì dòng sữa của đất mẹ vẫn còn chảy trong thân thể nó, nhưng khi ông mặt trời còn chưa tỏa ra những ánh nắng vàng rực rỡ, thì người thợ

cày đã vội ngắt một bông rỗ nghìn nát trên bàn tay thô ráp và thổi tung hạt mì còn xanh đi và nói với anh rằng: “Ông thử nhìn mà xem! Hạt lúa thật chắc mẩy. Nó đang hứa hẹn một vụ mùa bội thu đấy!”

Thú thật là tôi vẫn chưa nắm bắt được mối liên hệ giữa mẫu chuyện ẩn dụ của giáo sư những gì chúng tôi đang nói.

Van Helsing không trả lời mà lấy tay véo mạnh vào tai tôi rỗ kéo xệch về một bên giống như ông vẫn làm đối với tôi hữ tôi còn là học trò của ông. Cuối cùng, ông lý giải:

— Người thợ cày tốt bụng nói như vậy bởi lúc đó ông ta đã biết chắc là sẽ được mùa, nhưng trước khi được thấy bông lúa mì, ông ta đã không dám khoác lác. Sẽ không bao giờ có chuyện một ông thợ cày đi nhổ bật gốc lúa mì mà ông ta đã mất bao công sức gieo tr ồng, chăm sóc lên để xem nó đã mọc như thế nào. Chỉ có lũ trẻ vô lo mới xử sự như vậy, chứ những người gieo hạt để kiếm sống thì không bao giờ. Bây giờ thì anh đã hiểu ý tôi rỗ chứ, anh bạn? Tôi gieo hạt lúa mì, thiên nhiên sẽ phải làm nó nảy m ầm. Và nếu như hạt lúa nảy m ầm, thì đi ầu tôi chờ đợi sẽ là những hạt lúa chắc mẩy.

Nét mặt của Van Helsing bỗng trở nên đăm chiêu đến khó hiểu. Sau một lát yên lặng, ông mới tiếp tục câu chuyện, giọng nghiêm trọng, khác hẳn lúc trước:

— Anh từng là một trong những học trò xuất sắc nhất mà tôi yêu quý. Khi đó anh chỉ là một sinh viên, còn bây giờ, anh đã là một người th ầy, và tôi tin rằng anh vẫn còn giữ được những thói quen say mê nghiên cứu của ngày trước. Anh bạn ạ, hãy nhớ rằng tri thức bao giờ cũng quan trọng hơn hữ ức, rằng chúng ta đừng nên tự hào một cách mù quáng vào những khái niệm sơ đẳng đã đạt được. Nếu như anh đã từ bỏ những thói quen cố hữu đáng quý đó thì bây giờ hãy nên khôi phục lại đi. Tôi xin nói để anh biết trường hợp của cô bạn trẻ kia có thể - chú ý nhé, tôi nói là có thể - trở thành một lợi ích thực tiễn cho chúng ta và cho cả những người khác. Đừng nên làm gì chênh m ảng. Xin có một lời khuyên cho anh: ghi nhớ tất cả

những nghi ngờ của mình, những giả thiết về hiện tượng, dù chỉ là một chi tiết nhỏ nhất. Chắc chắn nó sẽ rất hữu ích cho việc kiểm chứng lại các nhận định sau này của anh đúng sai ở mức nào. Không phải là thành công, mà chính sự thất bại mới mang lại cho chúng ta các bài học!

Nghe tôi kể về những triệu chứng mà tôi đã quan sát được ở Lucy, mặc dù rất chú ý lắng nghe, nhưng giáo sư vẫn không đưa ra một nhận xét gì. Ông lặng lẽ cầm chiếc xà cọt đựng dụng cụ y tế và thuốc men. “Cả mớ đồ lè lúng cũng cần cho cái công việc chuyên môn đầy thi vị của chúng ta.” - ngày trước, ông đã nói với các học trò chúng tôi như vậy trong một bài giảng về toàn bộ các dụng cụ sơ đẳng nhất mà một thầy thuốc cần phải có để hành nghề.

Bà Westenra ra đón tiếp chúng tôi. Bà không có cái vẻ lo lắng như tôi vẫn sợ. Bản chất của thiên nhiên có cái hay là luôn mang lại một phương thuốc đi đầu trị những lời ám ảnh khủng khiếp nhất, dù cái chết có lần quất ở đâu đó. Bà Westenra đã khoác lên mình một lớp vỏ bọc vô cảm chống lại mọi tổn thương, kể cả khi bà cảm nhận được những thay đổi mà tôi cho là đáng sợ ở con gái bà.

Nếu như có thể gọi đây là một sự ích kỷ tự giải thoát, thì chúng ta cũng đừng nên vội lên án những kẻ mà chúng ta thấy là ích kỷ, bởi nguyên nhân dẫn tới sắc thái tính cách đó đôi khi còn bí ẩn hơn nhiều so với những gì mọi người vẫn tưởng.

Tuy nhiên, các hiểu biết của tôi về tâm điểm của bệnh lý tâm thần đã buộc tôi phải tuân theo một cách xử sự thật rõ ràng: tôi quyết định không bao giờ để bà Westenra có mặt khi chúng tôi khám bệnh cho Lucy, và bà cũng không nên bận tâm về sức khỏe của cô con gái, trừ phi là trường hợp tuyệt đối cần thiết. Bà mẹ Lucy đã cố tỏ ra vui vẻ khi chấp nhận đề nghị của tôi.

Một người giúp việc đã dẫn chúng tôi, tức Van Helsing và tôi, vào phòng Lucy. Nếu như hôm qua nhìn cô, tôi chỉ thấy một thoáng lo ngại, thì hôm nay tôi đã thực sự giật mình bàng hoàng trước sự thay đổi đã diễn ra ở

con người cô: trước mặt tôi là một Lucy vêu vao, võ vàng; mặt cô trắng bệch, đôi môi nhợt nhạt, và hai lợi răng hình như không còn một giọt máu lưu thông bên trong. Nghe hơi thở của cô lúc này quả là một cực hình: cô đang khó thở tới mức khó có thể chịu đựng lâu hơn được.

Sắc mặt của Van Helsing dường như vẫn không có gì thay đổi; ông đang trầm ngâm nghĩ ngợi một điếu gì đó. Lucy vẫn nằm im, thậm chí cô không còn sức để mà chào hỏi chúng tôi nữa. Cả ba chúng tôi lặng lẽ nhìn nhau một hồi lâu. Rồi Van Helsing khẽ hít hàm ra hiệu cho tôi, chúng tôi rón rén ra khỏi phòng.

Cửa chưa kịp khép hết, ông đã kéo tôi chạy xềnh xệch sang phòng bên cạnh và nói:

— Lạy Chúa! Thật là khủng khiếp? Không được chậm thêm một phút nào nữa. Lucy sẽ chết vì thiếu máu mất. Thậm chí trong người cô ta không còn đủ một lượng máu cần thiết cho tim hoạt động. Phải truyền máu ngay lập tức. Ai trong số hai chúng ta?

— Tôi trẻ và còn sức khỏe hơn, thưa giáo sư. Vậy cứ để tôi hiến máu.

— Vậy thì phải tiến hành ngay! Anh chuẩn bị đi! Tôi phải đi lấy túi dụng cụ đây.

Hai chúng tôi đang xuống dưới chân cầu thang thì nghe có tiếng gõ cửa. Người giúp việc chạy ra mở cửa, thì ra là Arthur. Anh ta đi vội về phía tôi, giọng thôn thức vì âu lo:

— Jack, tôi thấy lo quá. Tôi đã đọc đi đọc lại lá thư của cậu, cậu không thể biết là kể từ đó đến giờ tôi đã phải chịu đựng đến thế nào. Thấy tình hình sức khỏe của ông già tôi đã ổn, tôi quyết định phải tới đây ngay lập tức xem sự thể ra sao. Kia là bác sĩ Van Helsing, đúng không? Rất biết ơn sự có mặt của ngài!

Trông thấy người mới đến, giáo sư có vẻ không bằng lòng, ông khó chịu vì công việc của mình bị gián đoạn đúng vào lúc nguy kịch; nhưng lát sau, khi đã hiểu ra cách giải quyết can đảm trong hành động của Arthur, đôi mắt ông rạng rỡ hẳn lên, ông chìa tay ra rồi nói:

— Anh đến thật đúng lúc. Chắc anh là chồng chưa cưới của cô bạn gái kia? Cô ấy đang ốm, ốm rất nặng. Song cứ bình tĩnh, anh bạn trẻ ạ, đừng để mình bị gục ngã vào lúc này? (Bởi vì, Arthur bây giờ trông cũng rất hốc hác, mặt mày xanh xao, anh ta ngẫ phịch xuống ghế như sắp ngất đi) Ngược lại, anh phải can đảm hơn nữa. Anh sẽ phải giúp đỡ cô ấy. Anh có thể giúp cô ấy hơn bất cứ ai trên đời này, và nói một cách thật chính xác, anh có thể giúp cô ấy một cách tốt nhất chính bằng lòng dũng cảm của mình.

— Vậy thì tôi có thể làm được gì kia chứ? - Arthur hỏi lại bằng một giọng thật yếu ớt. - Xin giáo sư cứ nói, tôi sẽ không do dự đâu. Cuộc đời tôi thuộc về cô ấy, tôi phải cứu cô ấy cho đến giọt máu cuối cùng.

— Anh bạn trẻ ạ. - Van Helsing trả lời, giọng hài hước - Tôi không đòi hỏi ở anh nhiều đến như vậy đâu: không cần anh phải hy sinh đến giọt máu cuối cùng?

— Vậy thì tôi phải làm gì?

Trong ánh mắt của Arthur như có lửa, cả hai lỗ mũi của anh cứ phập phồng vì sốt ruột. Van Helsing vỗ nhẹ lên bờ vai anh:

— Lại đây. Chúng tôi rất cần một người đàn ông như anh. Anh sẽ phù hợp hơn tôi, hơn cả anh bạn John của chúng ta rất nhiều trong việc này.

Rõ ràng là Arthur vẫn chưa hiểu giáo sư muốn nói gì, vì vậy, ông phải nhẹ nhàng giải thích thêm:

— Đúng là cô gái trẻ đang ốm rất nặng. Có thể nói là trong người cô chẳng còn bao nhiêu máu nữa, nếu chúng ta không tiếp máu, chắc chắn là cô ấy sẽ không thể sống được. Tôi và anh bạn John đây đã thống nhất làm cái việc mà chúng tôi gọi là truyền máu, tức là phải lấy máu từ các huyết mạch tràn đầy rồi cho chảy vào các huyết mạch gần như rỗng không đang trong tình trạng cấp cứu! Và John sẽ là người hiến máu, bởi anh ta trẻ và khỏe hơn tôi. Nhưng bây giờ, khi mà anh đã có mặt ở đây, thì anh lại là người khỏe nhất trong ba chúng ta, trẻ hay già bây giờ không còn là vấn đề quan trọng nữa, bởi dù sao thì hai chúng tôi cũng đã làm việc quá căng

thẳng rã, vì vậy mà dòng máu của chúng tôi lúc này không còn đỏ thắm như dòng máu đang chảy trong huyết mạch của anh!

Arthur quay sang nói với Van Helsing:

— Giá mà ngài có thể biết tôi đang khát khao muốn hy sinh cuộc đời mình vì cuộc sống của cô ấy như thế nào thì có lẽ ngài đã hiểu...

Anh bỗng ghen ngào không còn nói nên lời.

— Hoan hô anh bạn! - Van Helsing reo lên. - Bây giờ, anh hãy đi cùng chúng tôi, nhưng nhớ là phải yên lặng đấy nhé. Anh có thể ôm hôn người yêu một lần trước khi truyền máu, còn khi công việc đã diễn ra, anh cứ để mặc chúng tôi. Lúc nào tôi ra hiệu, anh phải rời khỏi phòng ngay. Và cũng đừng nên nói gì với bà Westenra đấy! Cần phải giữ sức cho bà ấy. Lại đây!

Cả ba chúng tôi cùng bước lên cầu thang. Nhưng giáo sư Van Helsing không muốn Arthur bước vào phòng cùng một lúc với chúng tôi. Anh ta phải đứng đợi ở chiều nghỉ cầu thang. Trông thấy chúng tôi, Lucy quay mặt lại nhưng không nói năng gì. Cô không ngủ mà chỉ nằm im vì quá yếu. Cố gắng nói đối với cô lúc này là một điều không thể. Nói bằng ánh mắt là tất cả những gì cô có thể làm được trước chúng tôi.

Van Helsing mở túi đồ lấy ra một số thứ đặt lên bàn, nơi người bệnh không nhìn thấy. Ông chuẩn bị một liều thuốc gây mê rã quay trở lại giường Lucy:

— Nào, cô bé, cô dùng liều thuốc này nhé! Hãy cố gắng uống hết cốc này như một đứa con ngoan. Chú ý nhé, tôi sẽ cầm cốc cho cô uống, như vậy sẽ dễ hơn. Thế... Tốt rã!

Tôi rất ngạc nhiên khi thấy liều thuốc ngủ có tác dụng nhanh quá, điểu đó chứng tỏ cô gái yếu đến mức nào. Dường như trong mắt cô, khi cô bắt đầu khép đôi bờ mi lại, là cả một thế giới vĩnh hằng bất tận. Ngay sau khi liều thuốc ngủ phát huy tác dụng, Van Heising cho gọi Arthur vào phòng và bảo anh cởi áo vét ra.

— Bây giờ, - Ông nói - anh có thể ôm cô ấy như tôi đã nói. Trong thời gian đó, tôi sẽ kê một cái bàn ở gần giường bệnh nhân. Anh bạn John, giúp

tôi một tay nào!

Do bạn chuẩn bị dụng cụ nên chúng tôi không để ý tới Arthur đang lúi húi bên Lucy.

Van Helsing nói nhỏ vào tai tôi:

— Anh ta vẫn còn trẻ và khỏe lắm, tôi tin rằng chúng ta sẽ không cần phải loại tở huyết.

Và rồi bằng mấy động tác thật nhanh, chính xác và tất nhiên là có phương pháp, ông bắt đầu công việc truyền máu.

Cuộc sống dường như đang dần trở lại đôi má Lucy, trong khi đó khuôn mặt của Arthur chuyển nhanh sang một màu tái nhợt, nhưng ánh mắt anh vẫn ánh lên một niềm vui khôn tả. Nhìn người bạn, tôi không khỏi chạnh lòng. Tôi sợ một người như anh khó có thể bình phục sau khi bị mất quá nhiều máu.

Nét mặt của vị giáo sư đang rất nghiêm trọng và căng thẳng. Cần dùng hồ trên tay, ông hết nhìn bệnh nhân rồi lại nhìn Arthur. Tôi cũng hồi hộp đến mức nghe rõ cả từng nhịp đập trong lồng ngực mình. Van Helsing chợt bảo tôi:

— Như thế là đủ rồi đấy. Bây giờ anh phải để ý anh ta, còn tôi sẽ lo cho bệnh nhân.

Arthur yếu đi trông thấy. Tôi chỉ dám nhìn vào sự thực này sau khi công việc đã xong xuôi. Tôi đang chuẩn bị đưa Arthur ra ngoài khi đã băng bó xong vết thương cho anh thì nghe thấy tiếng Van Helsing, ông nói mà không quay mặt lại, tôi có cảm tưởng ông như có mắt ở sau gáy.

— Tôi cho rằng anh chồng chưa cưới dũng cảm này xứng đáng được nhận một nụ hôn. Anh có thể làm ngay bây giờ. Vừa nói ông vừa luồn gối xuống dưới đầu bệnh nhân.

Nhưng khi Lucy có cử động nhẹ đầu tiên sau khi được tiếp máu, dây băng nhung đen mà cô luôn quấn ở cổ chợt nhích cao lên, để lộ ra một vết đỏ. Có vẻ như Arthur không để ý, song Van Helsing thì không phải như vậy, bởi rõ ràng tôi vừa nghe thấy tiếng hít hơi vào rất mạnh và đột ngột

của ông. Mỗi khi xúc động và ngạc nhiên về một điều gì đó, tôi đều thấy ông phản ứng như vậy.

Ông vẫn tỏ vẻ không để ý thấy gì và quay sang bảo tôi:

— Ủ, anh hãy xuống cùng anh bạn dừng cảm này đi, cho anh ta uống một cốc rượu vang Porto và để anh ta ngả lưng một lúc. Sau đó anh ta sẽ trở về nhà để nghỉ ngơi, rồi ngủ cho thật đầy, ăn thật nhiều, càng nhiều càng tốt, để bù đắp lại những gì vừa làm cho cô vợ chưa cưới. Đừng nên ở lại đây lâu! Khoan đã, còn đi đâu này nữa! Anh bạn ạ, tôi cho rằng thế nào anh cũng muốn biết kết quả của cái việc mà chúng tôi vừa làm. Cứ yên tâm đi! Ca xử lý đã thành công mỹ mãn. Anh đã cứu sống cô bạn trẻ, và bây giờ anh có thể yên tâm trở về nhà mà không cần phải lo nghĩ gì cả. Anh đã làm tất cả những gì anh có thể làm được cho cô ấy. Tôi sẽ tâm sự với cô ấy khi cô ấy đã bình phục. Chắc chắn cô ấy sẽ yêu anh hơn. Tạm biệt nhé.

Khi Arthur đã ra khỏi nhà, tôi quay trở lại gặp Van Helsing. Lucy vẫn ngủ, nhưng hơi thở của cô có vẻ nhẹ nhàng hơn khá nhiều. Vị giáo sư đang chăm chú theo dõi cô. Dây nhung đen đã được sửa lại đúng vị trí che lấp vết đỏ trên cổ cô Tôi khẽ hỏi giáo sư:

— Giáo sư giải thích như thế nào về cái vết thương ấy?

— Thế còn anh, anh giải thích ra sao?

— Tôi vẫn chưa xem kỹ cái vết ấy, để tôi tháo dây băng ra xem nào.

Đúng là ở bên ngoài tĩnh mạch cảnh trên cổ cô gái còn hằn hai vết nhỏ như hai vết trích chưa lành. Chắc chắn đó không phải là cái triệu chứng của một bệnh lý nào đó, nhưng ở miệng các vết thương đều có một màu trắng nhợt với các mép sờn như đã bị từ lâu. Tôi nghĩ ngay rằng vết thương này nếu có thể gọi đó là vết thương có thể gợi nhắc tới một nguyên nhân gây mất máu hết sức nguy hiểm của cô gái, song tôi cũng phải vội xua đuổi ngay cái ý nghĩ mới manh nha ấy đi, bởi tôi thấy đó là đi đâu hết sức vô lý. Nếu nhìn thấy cái vẻ xanh xao như một kẻ sắp chết của Lucy trước lúc truyền máu, thì hẳn trên giường cô lúc này phải đầm những giọt máu mà cô đã mất.

— Thế nào? - Van Helsing hỏi tôi.

— Là thật? Tôi chẳng hiểu gì cả.

— Tối nay tôi phải trở về Amsterdam bằng mọi giá. - Giáo sư vừa nói vừa đứng dậy. - Tôi cần tra cứu thêm một số cuốn sách và tài liệu. Anh ở đây cả đêm với bệnh nhân vậy nhé!

— Tôi có cần phải gọi thêm một y tá không?

— Tôi và anh, chúng ta sẽ là những y tá tốt nhất. Anh sẽ phải để ý tới chuyện ăn uống của cô ta, và nhất là đừng để cô ta bị quấy rầy. Nhớ là đừng có ngủ đấy nhé? Cả anh và tôi sẽ ngủ bù sau. Tôi sẽ cố gắng quay trở lại đây trong thời gian sớm nhất, và khi đó chúng ta có thể bắt đầu.

— Có thể bắt đầu? Giáo sư định nói gì vậy?

— Rồi anh sẽ thấy? - Van Helsing vừa nói vừa vội vàng bỏ đi.

Nhưng được một lúc, tôi lại thấy ông mở cửa, thò đầu và giơ ngón trỏ lên bảo tôi:

— Đừng có quên đấy: tôi rất tin tưởng ở anh. Nếu cứ tùy tiện rời khỏi phòng này và để xảy ra chuyện gì đáng tiếc, thì chắc chắn là anh sẽ phải thức thêm nhiều đêm trắng nữa đấy!

• Ngày 18 tháng 9

Tôi đã thức suốt đêm và tất nhiên là không dám bỏ ra khỏi phòng bệnh nhân một phút. Đêm xuống, tác dụng của thuốc ngủ không còn nữa, Lucy đã thức tỉnh một cách hoàn toàn tự nhiên. Đó là một cô gái trẻ trung khác hẳn với cô gái mà chúng tôi đã gặp trước lúc truyền máu. Thậm chí trong mắt cô còn ánh lên sự vui vẻ và hoạt bát, mặc dù dấu hiệu của sự mệt mỏi đắm chìm vẫn còn đó. Khi tôi nói với bà Westenra rằng bác sĩ Van Helsing đã bảo tôi phải thức trông nom con bà suốt đêm, bà đã tỏ ý không muốn chấp nhận đề nghị này với lý do rằng con gái bà đã hoàn toàn hồi phục. Tuy nhiên, tôi vẫn không chịu nhượng bộ và tiếp tục chuẩn bị tinh thần thức suốt đêm bên giường Lucy. Khi người hầu phòng làm vệ sinh cá nhân cho cô xong và sau khi vội vàng ăn xong bữa tối, tôi quay trở lại ngồi bên giường cô. Chẳng có ai khác trong phòng. Cứ mỗi lần chúng tôi nhìn nhau,

tôi lại đọc được sự biết ơn trong ánh mắt cô. Tôi có cảm giác như cô đang chìm dần vào giấc ngủ, nhưng đồng thời cũng cảm nhận được rằng hình như cô đang cưỡng lại giấc ngủ đó. Cô liên tục cố gắng như vậy, và mỗi lần cố gắng là một lần khó nhọc hơn. Rõ ràng là cô không muốn ngủ, tôi buộc phải hỏi cô tại sao.

— Em cảm thấy sợ ngủ quá. - Cô thú nhận.

— Sợ ngủ! Vậy mà chúng tôi, ai cũng coi giấc ngủ như một thứ của cải quý giá nhất đấy!

— Ôi! Chắc là ông sẽ không nói như vậy nếu như ông ở vào địa vị của em... nếu như trong giấc ngủ ông chỉ gặp toàn những cơn ác mộng khủng khiếp.

— Những cơn ác mộng? Lay trời, em định nói gì vậy?

— Em không biết, em không biết... Và chính cái không biết ấy lại càng làm em thấy sợ hơn! Cứ nghĩ đến giấc ngủ là em lại thấy rùng mình?

— Nhưng cô bé ạ, đêm nay em có thể ngủ vô tư mà không phải sợ gì cả. Tôi hứa là tôi sẽ ở gần em, mọi chuyện rồi sẽ tốt đẹp thôi.

— Ôi! Em tin ở ông, em luôn tin ở ông!

— Ừ, tôi xin hứa rằng nếu nhận ra ở em một dấu hiệu nào đó cho thấy em đang gặp ác mộng, tôi sẽ đánh thức em dậy ngay lập tức.

— Đánh thức em? Ông nói thật đấy chứ? Ôi! Ông tốt với em quá! Nếu vậy thì em sẽ ngủ...

Nói tới đây, Lucy trút một hơi thở thật dài nhẹ nhõm rồi chìm ngay vào giấc ngủ.

Tôi thức trông cô suốt đêm. Cô cứ nằm như vậy với một giấc ngủ thật sâu, thật êm đềm mà không hề có một lần trở mình. Đôi môi cô hơi hé mở với một nụ cười hạnh phúc đọng lại trên gương mặt, ngực cô phập phồng cùng những nhịp thở đều đều như quả lắc đồng hồ. Rõ ràng là không có một giấc mộng khủng khiếp nào khuấy rối sự bình yên trong tinh thần cô.

Người hầu phòng tới gọi cửa từ rất sớm, tôi giao cho bà ta nhiệm vụ tiếp tục chăm sóc cô gái rồi vội vàng quay về đường để giải quyết

một số việc.

Tôi đánh điện gửi Van Helsing và Arthur để thông báo cho họ biết kết quả tuyệt vời của ca phẫu thuật máu. Lúc tôi giải quyết xong các việc riêng cũng là lúc một ngày mới sắp tàn. Tôi chợt nhớ tới Renfield và muốn biết tin tức về hắn. Toàn những tin tốt lành. Hắn vẫn bình yên suốt từ đêm hôm qua. Tôi nhận được điện của Van Helsing khi đang ngủ ăn tối; ông đề nghị tôi quay trở lại Hillingham ngay tối nay, bởi ông nghĩ có thể đây sẽ là một việc làm hữu ích. Ông thông báo sẽ trở lại Hillingham vào sáng mai.

• Ngày 9 tháng 9

Tôi cảm thấy rất mệt khi đã tới Hillingham.

Sau hai đêm không ngủ, sức tôi đã giảm sút rõ rệt. Ngược lại, Lucy đã có thể đứng dậy được, tính khí của cô cũng ổn định hơn.

Hai tay nắm chặt tay tôi, mắt nhìn thẳng vào mắt tôi, cô nói bằng một giọng xúc động:

— Tối nay ông không cần phải thức nữa đâu. Em xin đảm bảo với ông rằng em đã hoàn toàn bình phục! Nếu như có người cần phải thức, thì người đó phải là em, em sẽ phải thức cho ông ngủ mới phải?

Tôi không muốn làm trái lời cô. Chúng tôi ngủ ăn tối cùng nhau, được ngủ ăn cùng cô quả là một điều thật dễ chịu đối với tôi. Tôi uống liهن hai cốc vang Bồ Đào Nha hảo hạng trước khi cùng Lucy lên cầu thang. Cô chỉ cho tôi một căn phòng đang bập bùng ánh lửa hồng bên cạnh phòng cô.

— Đó, ông sẽ nghỉ ở đó. Em sẽ để mở cả hai cánh cửa của hai phòng. Ông sẽ nằm trên ghế trường kỷ. Em biết rằng theo đạo lý, chẳng có một thầy thuốc nào muốn nằm trên giường khi có một bệnh nhân. Ông hãy cứ yên tâm, nếu cần một cái gì đó, em sẽ gọi ông ngay lập tức.

Tôi chỉ còn biết nghe theo lời Lucy, bởi thú thực là tôi cảm thấy mình không còn đủ sức để thức nữa. Mà dù sao thì cô cũng đã hứa với tôi một lần nữa là nếu cần cô ta sẽ gọi tôi kia mà! Nghĩ vậy, tôi yên tâm nằm xuống ghế trường kỷ và chìm sâu vào giấc ngủ ngay sau đó vài phút.

Nhật ký của Lucy Westenra

• *Ngày 9 tháng 9*

Quả là một đêm thật dễ chịu! Những bước chân tự tin đi thò thẩn trong nhà đã mang lại cho tôi một cảm giác như đang được dạo chơi dưới ánh nắng chan hòa sau một mùa lộng gió đông dưới bầu trời xám xịt ảm đạm. Tôi bỗng thấy Arthur có vẻ như đang rất gần gũi với tôi, gần gũi hơn so với bình thường mà không hiểu tại sao.

Thậm chí tôi còn cảm thấy cả hơi ấm nồng nàn tỏa ra từ người anh. Không còn nghi ngờ gì nữa, chính bệnh tật và sự yếu đuối của tôi đã khiến anh xích lại gần tôi hơn. Giá như Arthur biết được tôi đang nghĩ gì về anh trong lúc này? Ông Chúa đã ban cho tôi một giấc ngủ êm đềm đêm hôm qua? Sự có mặt của bác sĩ Seward đã đảm bảo cho giấc ngủ ngon lành của tôi! Và đêm nay tôi cũng sẽ không sợ ngủ, bởi bác sĩ vẫn đang ở đây, nếu cần, tôi chỉ cần ới một tiếng là xong. Tất cả mọi người đều tốt với tôi quá! Ông Chúa! Arthur ới, chúc anh ngủ ngon!

Nhật ký của bác sĩ Seward

• *Ngày 10 tháng 9*

Tôi cảm thấy có ai đó vừa đặt tay lên đầu mình, tôi nghĩ ngay ra rằng đó chính là bàn tay của giáo sư và lập tức mở mắt ra. Ở bệnh viện, chúng tôi đã quen với kiểu giật mình tỉnh dậy này.

- Thế nào, bệnh nhân của chúng ta sao rồi?
- Rất tốt khi tôi rời chỗ cô ấy.
- Tốt. Đi thăm cô ấy đi!

Hai chúng tôi cùng quay sang phòng Lucy.

Bức màn cửa sổ phòng cô đã được hạ xuống từ lúc nào; và để kéo màn lên, tôi phải đi rón rén về phía cửa sổ tìm sợi dây kéo. Trong khi đó,

giáo sư cũng hết sức nhẹ nhàng bước về phía giường Lucy.

Khi bức màn được kéo lên, ánh ban mai lập tức ủa vào căn phòng nhỏ. Tôi bỗng giật mình khi nghe thấy tiếng rít kinh ngạc của giáo sư, tim tôi lập tức như thắt lại. Người tôi chết lặng đi khi nghe tiếng kêu nghèn nghẹt của giáo sư lúc ông quay trở ra. Tiếng kêu hoảng sợ của ông, “lạy Trời, lạy Đất!” đủ để làm cho tôi hiểu ngay ra tình hình thực tế, dù tôi còn chưa kịp nhìn thấy sự đau đớn khổ sở hiện rõ trên gương mặt ông. Ông run run chỉ vào giường. Tôi cảm thấy hai đầu gối mình sắp đổ quy đến nơi.

Trên giường, Lucy đang nằm như bất tỉnh, nước da tái xám như một xác chết, trông cô yếu hơn bao giờ hết. Đôi môi cô trở lại một màu trắng bệch, hai hàm răng nhe ra như không còn lợi - một cảnh tượng mà chúng ta vẫn thường thấy ở một người đã chết sau quãng thời gian mắc bệnh rất dài. Van Helsing có vẻ rất tức giận, ông định co chân giậm xuống sàn nhưng rồi lại từ từ hạ xuống.

Sau giây lát lo lắng bàng hoàng, ông khẽ bảo tôi, giọng quả quyết:

— Cũng chưa đến nỗi quá muộn. Tim cô ta vẫn còn đập, dù đã rất yếu. Nhưng chúng ta phải bắt tay vào việc ngay. Bây giờ Arthur không còn ở đây nữa, vì vậy tôi cần phải trông chờ vào sự hào hiệp của anh, anh bạn John ạ!

Giáo sư vừa nói vừa lôi trong túi đồ ra mấy dụng cụ cần cho ca truyền máu; tôi cũng vội vàng cởi áo vét và kéo tay áo sơmi lên thật cao. Chúng tôi khẩn trương bắt tay vào công việc. Sau vài phút tưởng như dài đến vô tận - quả thực là rất cơ cực khi cảm thấy dòng máu đang chảy ra khỏi các huyết mạch của mình, kể cả khi bạn là một người tình nguyện. Van Helsing giơ ngón tay lên cảnh báo tôi:

— Đừng có cử động nữa, phải kiên nhẫn chứ... Nhưng tôi sợ khi sức lực đã hồi phục, cô ta sẽ tỉnh, và như vậy sẽ rất nguy hiểm. Chúng ta cần phải đề phòng. Có khi tôi phải tiêm cho cô ta một liều morphine mới được.

Liều morphine đã nhanh chóng phát huy tác dụng, bởi chúng tôi thấy dường như bệnh nhân của chúng tôi đang chuyển dần dần từ trạng thái hôn

mê sang một giấc ngủ tự nhiên. Thú thực là trong lòng tôi đang trào dâng một cảm xúc rất tự hào khi thấy đôi má, rồi đôi môi của cô bắt đầu hồng sắc trở lại.

Giáo sư Van Helsing vẫn đang quan sát tôi.

— Có lẽ như thế là đủ rồi đấy. - Ông nói.

— Đủ rồi? - Tôi ngạc nhiên hỏi lại. - Hôm nọ, khi Arthur hiến máu, ngài để lâu thế kia mà?

Ông bỗng bật cười, một nụ cười có cái gì đó buồn buồn, rồi trả lời tôi:

— Arthur là chồng chưa cưới của cô gái. Còn anh, anh vẫn còn rất nhiều việc phải làm; anh không phải chỉ có mỗi nhiệm vụ là chăm sóc một mình cô ta, mà còn rất nhiều bệnh nhân khác nữa chứ. Thôi, như vậy là đủ rồi.

Nói xong, ông quay sang chăm sóc cho Lucy, còn tôi phải tự lo cho mình những chăm sóc cần thiết đầu tiên sau ca truyền máu. Tôi nán lại nằm thêm một chút, bởi thú thực là tôi cảm thấy mình hơi bị choáng và yếu hèn đi. Giáo sư băng vết chích cho tôi rồi khuyên tôi xuống dưới nhà uống một cốc rượu vang cho lại sức. Khi tôi mở cửa chuẩn bị bước ra khỏi phòng, ông bước theo và nói nhỏ vào tai tôi:

— Đừng nói gì với ai đấy nhé! Nếu anh bạn Arthur có tình cờ tới đây thì anh cũng cứ coi như không có chuyện gì xảy ra. Bởi đi đâu đó có thể vừa làm anh ta lo lắng, lại vừa làm cho anh ta ghen đấy, chúng ta nên tránh bằng mọi giá! Thôi, xuống đi?

Một lúc sau, khi gặp lại nhau, ông nhìn tôi rất chăm chú.

— Bây giờ, - ông bảo tôi - anh nên nằm nghỉ đi, khoảng một hai tiếng gì đó cũng được, nằm trên cái trường kỷ ở phòng bên kia kìa! Rồi sau khi ăn trưa căng rốn xong... Ừ, anh phải ăn cho thật nhiều vào anh sẽ quay lại đây tìm tôi!

Tôi vâng lời ông, bởi tôi biết rằng ông có lý, rằng lời khuyên của ông bao giờ cũng xác đáng. Tôi đã làm cái tôi cần phải làm, và bây giờ việc lấy lại sức cũng là một nhiệm vụ tôi không thể chối bỏ.

Sự suy kiệt đã không ngăn tôi ngạc nhiên về những gì đã xảy ra. Nằm trên trường kỷ mà tôi cứ thắc mắc không hiểu nguyên nhân gì đã khiến Lucy tàn tạ, kiệt cùng đến thế. Tại sao cô lại mất máu? Tại sao trong phòng cô, hay bất cứ một chỗ nào khác, lại không có một dấu vết gì? Chắc chắn là dù ngủ hay thức, thì những câu hỏi này vẫn cứ lảng vảng trong đầu tôi, bởi tôi biết các suy nghĩ của mình luôn bị ám ảnh bởi hai vết thương nhỏ trên cổ Lucy, hai vết thương rách mép và trong đó không có bất cứ một thực thể nào.

Bệnh nhân của chúng tôi dậy hơi muộn, trông cô có vẻ khá hơn nhiều, song không thể so sánh được với bộ dạng của chính cô tối hôm qua. Tuy nhiên, chỉ cần thấy thế thôi là chúng tôi cũng cảm thấy được an ủi rồi. Sau khi kiểm tra cho cô xong, Van Helsing lui ra tìm một chút không khí ngoài trời. Trước khi rời khỏi phòng, ông vẫn không quên dặn tôi là đừng để cô ấy một mình, cho dù chỉ là một phút. Tôi còn nghe thấy tiếng ông hỏi ai đó ở dưới cầu thang về bất điện tín gần nhất.

Lucy lại hồn nhiên nói chuyện dài dài với tôi, hình như cô vẫn không hề hay biết gì về chuyện vừa xảy ra. Tôi cố gắng làm cho cô vui, cuốn hút cô vào hết chuyện này đến chuyện khác. Và khi mẹ cô bước vào thăm, tôi tin là bà cũng không nhận ra bất cứ một sự thay đổi nào nơi cô.

— Chúng tôi thật chẳng biết làm gì để cảm ơn tất cả những gì mà hai thầy trò đã làm cho chúng tôi? - Bà nói với tôi bằng một giọng biết ơn sâu sắc. - Nhưng bây giờ, anh cũng nên quan tâm tới mình một chút, đừng để mình bị suy kiệt như thế. Trông anh hôm nay xanh quá! Có lẽ anh cũng phải lấy vợ đi, vợ anh sẽ chú ý săn sóc anh, sẽ hết lòng vì anh, theo tôi thì đó là việc anh nên làm trong lúc này đây!

Lucy bỗng bừng đỏ mặt, các huyết mạch nghèo nàn trong người cô không còn đủ máu để cung cấp cho bộ não. Được một lúc, mặt cô lại dần dần chuyển sang một màu xám ngắt, cô đưa mắt nhìn tôi như cầu khẩn. Tôi mỉm cười gật đầu và đưa ngón tay lên miệng ra hiệu cho cô. Cô thở dài, buông mình nằm xuống gối.

Hai tiếng sau, Van Helsing quay trở lại. Vừa nhìn thấy tôi, ông nói luôn:

— Anh về nhà đi, và nhớ phải ăn uống thật nhiều cho lại sức. Đêm nay tôi sẽ ở lại đây cùng cô bé. Tôi và anh sẽ phải cùng nghiên cứu trường hợp này, song đừng để ai biết việc chúng ta làm đấy nhé. Tôi đã nghĩ tới những nguyên do rất nghiêm trọng, nhưng thôi, tôi sẽ chưa cho anh biết vào lúc này đâu. Anh hãy cứ nghĩ những gì anh đang nghĩ, và đừng có sợ nghĩ tới những đi đầu mà anh cho là không thể nghĩ được. Chúc anh ngủ ngon?

Xuống tới hành lang, có hai người giúp việc chạy tới hỏi tôi rằng họ - hoặc ít nhất là một trong hai người - có thể qua đêm cùng Lucy được không. Họ nài nỉ tôi cho phép họ lên phòng cô. Và khi tôi trả lời rằng giáo sư Van Helsing chỉ muốn một trong hai chúng tôi thức đêm trông nom bệnh nhân thôi, họ đã bật khóc và nhờ tôi nói giùm với “*ngài ngoại quốc*” ấy. Cử chỉ của họ làm tôi thực sự xúc động, đến nỗi tôi không thể nói lên đi đầu này: họ làm vậy có thể là do nhận thấy tôi đã quá xuống sức, hoặc do muốn tỏ rõ lòng tốt và sự tận tụy của mình đối với Lucy.

Tôi trở về viện tâm thần đúng vào lúc còn kịp cho tôi ăn bữa tối trước khi đi thăm các bệnh nhân của mình tất cả đầu ổn. Và bây giờ, tôi đang viết những dòng nhật ký trong khi chờ đợi giấc ngủ. Một giấc ngủ chóng vánh và thật sâu là đi đầu tôi hy vọng sẽ xảy ra.

• Ngày 11 tháng 9

Chiều nay, tôi trở lại Hillingham. Lucy có vẻ khá hơn nhiều, khiến cho Van Helsing rất hài lòng. Sau khi tôi đến được một lát thì có người mang cho giáo sư một kiện hàng khá lớn từ nước ngoài gửi tới. Ông vội vàng nhưng cũng rất nhẹ nhàng mở gói hàng ra rồi quay sang đưa cho Lucy một bó hoa màu trắng thật to:

— Cho cô đấy, Lucy à!

— Cho tôi? Ôi! Bác sĩ Van Helsing?

— Đúng thế, cô bé thân mến ạ, nhưng không phải là để trang trí cho căn phòng đâu nhé. Là thuốc cả đấy. - Nghe thấy vậy, Lucy chun mũi lại. - Nhưng không phải là để hãm lấy nước hoặc sắc uống với cái vị ghê ghê

đâu mà cô phải sợ. Đừng làm bộ như thế kẻo anh chàng Arthur lại cười cho đấy, trông xấu lắm?... Ồ! Đó, cái mũi xinh xắn của cô đã trở lại bình thường rồi đó! Có thể chứ! Đây đúng là thuốc, nhưng cô không cần phải hấp thụ đâu. Tôi sẽ đặt một số bông trên cửa sổ, số còn lại sẽ được kết thành một tràng tràng vào cổ cô để cô có thể ngủ bình yên. Đúng thế, như những bông hoa sen này chẳng hạn, chúng sẽ giúp cô quên đi tất cả. Hương thơm của loài hoa này cũng giống với hương thơm của loại mỹ phẩm L'éthé hoặc loại Jouvence mà các nhà thám hiểm châu Mỹ đã tìm thấy ở Florida.

Trong lúc giáo sư thuyết giảng, Lucy cứ ngẩn ngơ nhìn bó hoa rồi đưa lên mũi ngửi. Cô bỗng bật cười và đẩy bó hoa ra xa, tiếng cười của cô có một cái gì đó như không vừa lòng.

— Ôi! Giáo sư, chắc là giáo sư đang giễu tôi đấy thôi! Đây mà cũng gọi là hoa ư? Tôi thấy nó có khác gì mùi tỏi đâu.

Tôi hơi ngạc nhiên khi thấy Van Helsing đứng bật dậy rồi cau mày đáp lại lời cô gái:

— Tôi chưa bao giờ giễu cợt ai, chưa bao giờ! Tất cả những gì tôi đã làm đều được làm với một thái độ nghiêm túc nhất. Và tôi muốn rằng cô không được làm trái với các ý định của tôi, cũng như các biện pháp mà tôi muốn sử dụng. Cô hãy nhớ lấy, nếu không phải vì lợi ích của riêng cô thì hãy vì lợi ích của những người đang hết lòng thương yêu cô!

Nhưng trước vẻ sợ hãi lộ rõ trên nét mặt cô gái, ông buộc phải hạ giọng xuống:

— Ôi! Cô gái bé bỏng của tôi ạ, không việc gì mà phải sợ cả! Tất cả những gì tôi muốn nói với cô đều là tốt cho cô. Tất cả những bông hoa trong bó hoa này đều mang một đặc tính có thể chữa bệnh cho cô? Cô hãy trông đây này! Chính tôi sẽ đặt bó hoa này vào trong phòng cô, chính tôi sẽ kết một tràng hoa đeo vào cổ cô. Nhưng, suýt! Cô đừng nói gì với ai, và cũng đừng trả lời câu hỏi của bất cứ ai nếu họ hỏi cô về điều này nhé. Điều mà cô cần phải làm là nghe lời và im lặng. Nếu biết nghe lời, cô sẽ

nhANH chóng bình phục và cũng sẽ nhanh được trở lại với vòng tay của người đang chờ đợi cô hơn! Bây giờ cô cứ yên tâm mà nghỉ đi! Nào, anh bạn John, giúp tôi cắm mấy bông hoa này vào trong phòng đi, toàn là hoa tôi đặt ở Harlem đấy. Ông bạn Vanderpool của tôi đã phải chăm chút từ đầu năm đến cuối năm mới có được những bông hoa trong nhà kính này. Hôm qua tôi đã đánh điện bảo ông ta gửi tới đây.

Và hai chúng tôi đã cùng nhau lúi húi cắm các đóa hoa vào trong phòng của Lucy. Tất cả những gì vị giáo sư đã làm rõ ràng là rất khác thường và hoàn toàn xa lạ với những hiểu biết hiện có. Trước hết, ông cẩn thận đóng tất cả các cánh cửa sô lại cho thật chắc để không ai có thể mở ra. Sau đó, ông lấy mấy cành hoa quét đi quét lại trên các khung cửa sô, dường như ông muốn bắt cứ một lu ồng không khí nào, dù là nhỏ nhất, khi len lỏi qua các khe cửa cũng bị nhiễm một mùi như mùi tỏi của các đóa hoa. Cuối cùng, ông cũng làm như vậy đối với khung cửa ra vào. Tất nhiên là ông không quên đặt bó hoa vào hòm lò sưởi trong phòng.

Tôi cứ thắc mắc hoài không hiểu ông làm như vậy là vì mục đích gì.

— Thừa giáo sư, - tôi nói khi không chịu được nữa dù vẫn biết rằng tất cả những gì giáo sư đã làm đều có một lý do xác đáng, nhưng quả thực lần này thì tôi không hiểu - Nhìn những gì giáo sư đang làm, tôi tin chắc giáo sư đang chuẩn bị một thứ bùa ngải ngăn chặn một linh hồn ma quái nào đó định xâm nhập vào căn phòng này.

— Nghe hay đấy! Ừ, cũng có thể là như vậy. - Ông thản nhiên trả lời tôi trong khi tay đang bận tết tràng hoa.

Chúng tôi nóng lòng chờ đợi Lucy đi vào giấc ngủ, và khi bà giúp việc đến nói cho chúng tôi biết cô đã lên giường, Van Helsing bèn đích thân sang quàng tràng hoa vào cổ cô.

— Chú ý nhé? Nhớ giữ tràng hoa cho thật cẩn thận và với bất cứ một lý do nào, kể cả khi cảm thấy khó chịu vì các cánh cửa đã bị đóng kín, cô cũng chớ có mở ra đấy, nghe chưa!

— Cháu xin hứa với giáo sư như vậy. - Lucy đáp lời - Xin ngàn lần cảm ơn lòng tốt của hai thầy trò giáo sư? Ôi! Tôi đâu đã làm được gì mà Chúa lại mang tới cho tôi những tình bạn cao cả và đáng quý đến vậy?

Khi chúng tôi rời khỏi ngôi nhà, Van Helsing bảo tôi:

— Cuối cùng thì đêm nay tôi cũng có thể ngủ yên được rồi, sao tôi thèm ngủ đến thế không biết! Hai đêm trên đường đi rồi một ngày đọc sách nghiên cứu, bao nỗi âu lo khi trở lại đây, và còn thêm một đêm thức trắng không hề được chớp mắt một giây nữa chứ, như thế là đủ rồi! Sớm mai anh gọi tôi dậy nhé, chúng ta sẽ cùng nhau quay lại thăm cô bạn nhỏ khỏe khoắn hơn nhờ thứ “*bùa*” kỳ diệu của tôi. Ha! Ha!

Trước niềm tin có vẻ như không thể lay chuyển của ông, tôi bỗng nhớ lại những gì đã xảy ra hai đêm trước để rồi tôi phải hứng chịu một nỗi thất vọng ghê gớm. Tôi bắt đầu nghi ngờ về một điều tồi tệ nhất có thể xảy ra nhưng không dám thú nhận với ông.

CHƯƠNG 11

Nhật ký của Lucy Westenra

• *Ngày 12 tháng 9*

Tất cả những người xung quanh tôi đều tốt với tôi quá!

Tôi rất quý ông bác sĩ già Van Helsing ấy, nhưng chỉ có đi đầu là không hiểu tại sao ông cứ nhất thiết phải đặt những bông hoa như vậy. Quả thực ông đã làm tôi sợ, ông có vẻ hơi độc đoán! Tuy nhiên, hẳn là ông phải có lý của ông, bởi bây giờ tôi đã cảm thấy trong người khỏe khoắn và nhẹ nhõm hơn. Buổi tối, tôi đã ngủ thật yên giấc và không còn sợ ở một mình nữa. Tiếng vỗ cánh của chim thú đập vào cửa kính cũng không còn là vấn đề đối với tôi. Ôi! Vậy là tôi không còn phải nghĩ đến chuyện ra sức cưỡng lại giấc ngủ như trước! Xin chào từ biệt nỗi cơ cực của những đêm chống lại cơn buồn ngủ, chào nỗi sợ chìm vào giấc ngủ cùng những cơn ác mộng đổ lên người tôi! Thật là hạnh phúc cho những người không sợ ai, không nghi ngờ đi đầu gì bao giờ, những người hễ đặt lưng là chìm vào giấc ngủ bình yên với những giấc mơ êm dịu! Thật là hạnh phúc! Tối nay tôi cũng sẽ như họ, tôi sẽ gọi giấc ngủ đến với mình, tôi hy vọng mình sẽ đi ngay vào giấc ngủ! Tôi không biết rằng mùi tỏi lại có thể đem tới sự dễ chịu - trái lại... Cái mùi đã dịu đi của nó... Tôi cảm thấy mình đang thiếp đi. Chúc mọi người ngủ ngon...

Nhật ký của bác sĩ Seward

• *Ngày 13 tháng 9*

Tối Berkeley, tôi thấy Van Helsing đã đứng đợi tôi từ lúc nào. Chiếc xe do khách sạn gọi hộ chúng tôi đang đậu ở trước cửa. Như thường lệ, hôm nay ông cũng mang theo chiếc túi đựng đồ lì.

Chúng tôi tới Hillingham vào khoảng 8 giờ. Một buổi sáng rạng rỡ ánh mặt trời mùa thu đang đón chào chúng tôi. Các tán lá đủ màu sắc vẫn e lệ lấp ló trên những hàng cây như chưa muốn buông rơi trước những cơn gió đầu thu mát lạnh.

Tới hành lang, chúng tôi gặp bà Westenra. Như thường lệ, bà luôn dậy từ rất sớm. Bà đón chúng tôi bằng một giọng rất hồ hởi:

— Hẳn các ngài sẽ rất vui khi biết tình hình của Lucy đã khá hơn nhiều! Tôi vừa hé cửa ra nhòm vào, nó vẫn đang ngủ, tôi không dám vào vì sợ làm nó tỉnh giấc.

Giáo sư mỉm cười, rõ ràng là ông đang rất sung sướng. Một lát sau ông mới xoa tay nói:

— Hay! Chẩn đoán của tôi thế mà đúng! Vậy là phương pháp điều trị đã mang lại kết quả.

Bà Westenra cũng góp thêm lời:

— Sức khỏe của con gái tôi khá lên không phải chỉ do cách điều trị của ông đâu nhé. Nếu như Lucy có được một thể trạng khỏe khoắn như sáng nay, thì một phần cũng là nhờ công của tôi đấy.

— Bà muốn nói gì vậy, thưa bà?

— Có gì đâu! Tối qua, tự nhiên cảm thấy lo, tôi đã mò sang phòng con bé. Nó ngủ say đến nỗi tôi bước vào phòng mà nó vẫn không hề biết. Căn phòng thiếu không khí quá. Ai lại đóng kín mít phòng lại như thế bao giờ. Mà không hiểu con bé đã tha ở đâu về toàn những bông hoa có cái mùi ghê thế không biết. Nó lại còn quấn hoa xung quanh cổ nữa chứ! Thật không thể nào chịu nổi! Nhìn cái thể trạng nhợt nhạt của nó, tôi thấy để mấy bông hoa ấy ở trong phòng là không ổn nên đã bỏ hết đi trước khi mở hé cửa sổ ra cho thoáng. Tôi tin chắc ông sẽ rất hài lòng về tình hình sức khỏe của con bé.

Nói chưa dứt lời, bà tùm tùm bỏ sang phòng khác, nơi bà vẫn quen ngồi ăn sáng một mình. Trong lúc người đàn bà tội nghiệp này luyện thuyên kê về công trạng của mình, tôi quay sang quan sát thái độ của giáo sư: nét mặt

ông càng lúc càng tái đại hẳn đi. Tuy nhiên, đứng trước bà chủ nhà vô tội, ông vẫn cố mỉm cười giữ cửa cho bà đi về phòng khách. Nhưng khi bà vừa khuất bóng, ông lập tức đẩy tôi vào phòng ăn rồi đóng sập cửa lại.

Quả thực đây là lần đầu tiên trong đời tôi thấy Van Helsing có những dấu hiệu mất can đảm như vậy. Ông giơ tay lên trời như muốn nói rằng mọi dự tính của ông từ lúc này trở đi sẽ chỉ là vô ích. Cuối cùng, ông buông người đổ vật xuống ghế, hai tay ôm mặt mà khóc. Vâng, ông đã khóc. Tiếng thổn thức của ông dường như được trào ra từ một cõi lòng tan nát, bất lực. Rồi ông lại giơ tay lên như muốn được thanh minh trước thế giới này.

— Chúa ơi! - Ông than thở trong tiếng thổn thức âm ỉ - Chúng con đã làm gì, cô bé tội nghiệp ấy đã làm gì để đến nông nỗi này? Chẳng lẽ số phận lại cay nghiệt đến vậy ư? Người mẹ tội nghiệp vô tội ấy, chỉ vì những ý định tốt đẹp cho con gái mình, đã tình cờ đẩy linh hồn và thể xác cô bé vào chỗ nguy hiểm mà không biết. Nhưng chúng con lại không thể nói sự thật cho người phụ nữ ấy, bởi bà ta đang sống dở chết dở, cái chết của bà ta cũng đồng nghĩa với cái chết của đứa con gái. Ôi! Tại sao chúng con lại rơi vào cảnh ngộ như thế này, Chúa ơi?

Nhưng rồi ông bỗng đứng bật dậy bảo tôi bằng một giọng khác hẳn:

— Lại đây, chúng ta phải làm một cái gì đó mới được! Cho dù đó là một con quỷ, hay cả một bầy quỷ hùa nhau lại đây chống lại chúng ta thì cũng vậy thôi. Chúng ta sẽ chiến đấu, sẽ đánh tan tát cả.

Ông chạy nhanh ra cửa lấy túi đồ rồi kéo tôi chạy lên phòng Lucy.

Cũng như lần trước, tôi bước ra kéo rèm cửa trong lúc Van Helsing hơi hộp bước lại giường cô gái. Song lần này ông không còn ngạc nhiên khi trông thấy một màu xám ngoét trên khuôn mặt của bệnh nhân. Trên mặt ông chỉ còn lại một nỗi buồn thâm trầm lẫn nỗi lòng thương hại khôn cùng đối với cô gái.

— Tôi sẽ chờ ở đây! - Ông lầm bầm, giọng như rít lên.

Không nói thêm một lời, ông hối hả chạy ra khóa trái cửa chuẩn bị cho ca truyền máu thứ ba. Nhìn sự khẩn trương của ông, tôi tự giác cởi áo vét ra. Tuy nhiên, Van Helsing đã khoát tay ra hiệu dừng lại.

— Không được! - Ông nói. - Hôm nay anh sẽ là người thao tác, còn tôi là người hiến máu. Trông anh tiều tụy lắm rồi.

Vừa nói, ông vừa cởi phăng chiếc áo vét ra trước khi kéo cao tay áo sơ mi lên.

Lại truyền máu, lại tiêm thuốc an thần, và lại một lần nữa đôi má Lucy dần dần ửng hồng, hơi thở của cô đầu đầu trở lại trong lồng ngực không còn sức sống. Giấc ngủ của cô lúc này đích thực là một giấc ngủ tự nhiên. Và lần này đến lượt tôi trông nom cho cô, trong khi Van Helsing tranh thủ nằm nghỉ cho lại sức.

Trong cuộc nói chuyện sau đó với bà Westenra, giáo sư đã buộc phải nói cho bà hiểu rằng bà đừng bao giờ vứt bỏ bất cứ một thứ gì bày trong phòng Lucy khi chưa nói với ông, rằng những bông hoa đặt trong phòng có tác dụng chữa bệnh, và rằng phương pháp điều trị mà ông đang thực hiện đối với Lucy có cả phần hấp thụ hương thơm của những bông hoa này. Sau đó, ông bảo ông muốn tận mắt chứng kiến sự tiến triển trong thể trạng của bệnh nhân, và ông sẽ ở lại hai đêm nữa bên giường của cô.

Khoảng hai tiếng sau, Lucy tỉnh giấc, trông cô tươi như một đóa hồng. Nói tóm lại, dường như cô không hề cảm thấy mình vừa thoát khỏi một cơn nguy kịch.

Không hiểu cô đang mắc bệnh gì? Do sống quá nhiều với các bệnh nhân tâm thần, tôi bỗng giật mình tự hỏi không biết mình có điên hay không.

Nhật ký của Lucy Westenra

• *Ngày 17 tháng 9*

Bốn ngày đêm bình yên - vâng, đã bốn ngày đêm trôi qua bình yên đến tuyệt đối! Tôi cảm thấy đã đủ sức để nhận ra chính mình. Tôi còn cảm

tưởng như mình vừa trải qua một cơn ác mộng dài, rất dài để rồi được thức dậy trong một căn phòng chan hòa ánh nắng dưới cái không khí mát rượi của buổi sáng. Tôi bỗng nhớ, nhớ rất mơ hồ những kỷ niệm tăm tối, tuyệt vọng trong cảnh khốn cùng, sau đó là những lúc dài quên lãng. Còn một cảm giác nữa: tôi thấy mình đang vươn lên bề mặt của cuộc sống, giống như một người thợ lặn ngoi lên khỏi một vực thẳm ngọt ngào. Thực lòng mà nói, từ khi bác sĩ Van Helsing tới đây, mọi cơn mê khủng khiếp đối với tôi đều trở thành những chuyện xưa cũ. Những âm thanh từng làm tôi hoảng hốt - tiếng chim thú đập cánh vào cửa kính chẳng hạn, hay những tiếng nói từ cõi xa xôi vọng về mỗi lúc một gần, rồi những tiếng gọi như ra lệnh cho tôi không biết từ đâu vọng tới - đã không còn xuất hiện trở lại. Bây giờ tôi cũng đã mất đi cảm giác sợ ngủ, vì thế tôi không cần phải ra sức giữ cho mình phải thức. Và đặc biệt là những bông hoa có mùi tỏi kia đã làm tôi thấy dễ chịu hơn nhiều. Ngày nào tôi cũng nhận được một thùng hoa từ Harlem gửi tới. Tối nay, bác sĩ Van Helsing tạm biệt tôi, ông phải về Amsterdam một ngày. Nhưng cảm giác khỏe khoắn, thoải mái trong người đã mang lại cho tôi một sự tự tin thực sự để có thể ở trong phòng một mình. Tôi mang ơn Chúa khi nghĩ tới mẹ tôi, tới Arthur thân yêu của tôi và những người bạn đã hết lòng vì chúng tôi! Cho dù có người trông nom tôi hay không thì tôi vẫn thấy không có gì khác biệt nữa, bởi vì tối hôm trước, trong hai lần thức giấc, tôi đều thấy giáo sư đang nằm ngủ trên trường kỷ. Và mặc dù vậy, tôi vẫn không cảm thấy sợ chìm vào một giấc ngủ mới. Trong khi đó, không hiểu là các cành cây hay lũ dơi bay ngoài cửa sổ thỉnh thoảng lại đập lộp bộp vào các ô kính cửa sổ như đang tức giận.

“Pall Mall Gazette”, 18 tháng 9

“Con sói trốn mất.

Cuộc phiêu lưu mạo hiểm của một nhà báo phỏng vấn người gác vườn bách thú.

Sau rất nhiều nỗ lực vô ích, và lần nào tôi cũng thích nhắc tới các từ *Pall Mall Gazette* như một thứ bùa may mắn, cuối cùng thì tôi cũng tìm được người trông coi khu vực dành cho chó sói trong vườn bách thú. Thomas Bilder trú ở một trong những lô nhà gần với khu chuồng voi. Tôi đến nhà ông đúng vào lúc ông đang ngồi uống trà. Ông và vợ ông tỏ ra rất mến khách. Hai vợ chồng đều đã luống tuổi, không có con và theo tôi nghĩ họ hẳn phải có một cuộc sống khá tiện nghi. Người gác vườn thú từ chối “nói chuyện công việc” khi chưa xong bữa như ông đã nói và tốt nhiên là tôi không định làm trái ý ông.

Dọn sạch bàn ăn, ông chậm rãi châm tẩu rồi mới bảo tôi:

— Bây giờ thì tôi có thể ngồi nghe được rồi, ông có thể hỏi tất cả những gì ông muốn! Xin lỗi vì đã không định nói với ông về chuyện nghề nghiệp khi chưa xong bữa ăn, nhưng cũng như lũ chó sói, chó rừng và linh cẩu thôi, tôi thường cho chúng ăn trước khi vặn vẹo chúng đủ đi đâu.

— Sao cơ, ông cũng hỏi được chúng kia à? - Tôi hỏi cốt để gọi chuyện ông chủ nhà.

— Hoặc là tôi gõ một gậy vào đầu chúng, hoặc là tôi gãi vào tai chúng để làm đẹp lòng những gã thanh niên mang người đẹp tới đây làm trò sau khi đã bỏ ra mấy đồng xu? Tính tôi không thích quấy rầy chúng trước khi cho chúng ăn, nhưng thực tình mà nói, tôi cũng thích cho chúng dùng tạm một tí chút cà phê hoặc chút rượu nhẹ trước khi cào vào tai chúng, ông hiểu những gì tôi nói chứ? Ông thử nghĩ mà xem - ông nói như một triết gia - giữa lũ thú vật và chúng ta cũng có nhiều điểm giống nhau đấy chứ. Ông tới đây là để hỏi về nghề của tôi chứ gì? Nói thật nhé, nếu như không phải là ông còn trẻ thì chắc là tôi đã tổng cổ ông ra khỏi cửa từ lâu rồi, chứ đừng hòng chờ đợi ở tôi một câu trả lời! Bây giờ, cũng như lũ cọp beo và chó sói ngoài kia, sau khi đã chén sạch khẩu phần ăn mà bà già tốt bụng đã dọn để được ngồi uống trà và ngâm tẩu như thế này, ông có thể gãi tai tôi tùy thích, tôi sẽ không còn khó chịu nữa đâu. Nào, bắt đầu đi. Hỏi đi! Tôi đang đợi đây? Tôi biết tổng là ông đang định hỏi về con sói vừa bỏ trốn rồi.

— Đúng thế. Quả thật là tôi đang định hỏi xem ông nghĩ gì về việc này. Ông làm ơn kể cho tôi biết chuyện xảy ra như thế nào đi. Một khi ông đã kể cho tôi mọi tình tiết, tôi sẽ hỏi ông tại sao, theo ông, con thú này lại có thể trốn thoát như vậy và rồi mọi chuyện sau này kết thúc ra sao?

— Được thôi, thưa ông chủ. Nếu ông hỏi thì tôi cũng sẽ cho ông biết thôi. Con sói mà chúng tôi đặt tên là Bersicker ấy được chúng tôi bỏ tiền mua cùng với hai con khác cách đây bốn năm. Đó là một con vật từng được dạy dỗ rất chu đáo nên nó chưa bao giờ gây phiền toái cho chúng tôi. Ấy vậy mà nó đã bỏ trốn! Đó là điều khiến tôi rất ngạc nhiên. Nhưng ông thấy đấy, rõ ràng là người ta không thể tin ở lũ chó sói như đã tin ở những người đàn bà được.

— Đừng có nghe lão ấy, thưa ông! - Bà Bilder vừa cười vừa nói với tôi. - Đã từ lâu lắm rồi, lúc nào tôi cũng thấy lão đâm đầu vào lũ thú vật ấy, đến nỗi có lúc tôi tưởng lão cũng đã biến thành một con sói già rồi cơ đấy! Nhưng ông biết đấy, lão không nguy hiểm chút nào đâu!

— Ủ, ông chủ ạ, khoảng hai giờ chiều hôm qua, khi cho lũ thú vật ấy ăn, tôi chợt nhận ra một điều gì đó không bình thường. Lúc đến chỗ khu chuồng khi để trải đệm rơm cho một con báo sư tử đang bị ốm, tôi bỗng nghe thấy một chuỗi những tiếng tru man rợ. Tôi lập tức tìm đến xem đã xảy ra chuyện gì. Thì ra đó chính là tiếng gào thét của Bersicker. Con vật đang lờng lộn như điên dại, nó liên tục lao vào các thanh chắn song như muốn thoát ra ngoài. Lúc ấy không có nhiều khách tới tham quan, và ở gần chuồng Bersicker chỉ có một người - một gã đàn ông cao lớn, người mảnh dẻ, mũi dài và khoằm, chòm râu dài và có một vài sợi bạc trắng. Cái nhìn của lão thật tàn nhẫn và lạnh lùng, đôi mắt lão sáng quắc lên như có ánh lửa. Trông thấy lão, tôi chỉ muốn đuổi đi ngay, bởi hình như con vật trong chuồng đang nổi cơn điên vì sự có mặt của lão. Lão đeo đôi găng tay da màu trắng. Trông thấy tôi đến gần, lão chỉ tay vào con sói và hỏi:

— Ông gác vườn này, ông có tin là có một cái gì đó đang làm mấy con vật này bị kích động không?

— Có lẽ là do ông đấy - Tôi trả lời, bởi cử chỉ của lão đã thực sự làm tôi thấy khó chịu.

Thay vì nổi khùng lên như tôi nghĩ, lão bật cười sảng sặc, một nụ cười vừa ngạo mạn lại vừa quái gở, để lộ ra hai hàm răng trắng ớn, nhọn hoắt.

—Ồ, không đâu - Lão nhăn nhó đáp lại - lũ thú vật này không thấy tôi hợp với khẩu vị của chúng đâu!

—Ồ. Có đấy, chúng đang khoái khẩu với mùi thịt của ông đấy. Vào cái giờ này, chúng rất muốn gặm một vài cái xương còm cho đỡ ngứa răng, và khi thấy ông...

Có một đi đầu thật lạ là khi trông thấy chúng tôi đứng nói chuyện, lũ chó sói bỗng im hẳn và khi tôi bước lại gần, con Bersicker vẫn để cho tôi vuốt ve nó như thường lệ. Nhưng ngay cả lão già kia cũng làm được như thế đối với con sói già mới chết chứ!

—Cẩn thận, - Tôi nhắc lão - con Bersicker này dữ lắm đấy!

—Sợ gì chứ, - Lão đáp lại - lũ chó sói và tôi biết nhau hết mà?

—Thế à! Ông cũng có nghề giữ chó sói à? - Tôi ngạc nhiên hỏi lại, bởi tôi luôn coi những ai làm nghề trông giữ chó sói, tức là những ông chủ, là bạn mình.

—Không, không phải như vậy, - Lão giải thích - Không phải, tôi không giữ chó sói bao giờ, nhưng nói cho cùng, đôi khi cũng có một vài con có quan hệ khá thân thiết với tôi.

Nói tới đây, lão bỏ mũ cúi chào với điệu bộ giống y như điệu bộ của một nhà quý tộc rồi bỏ đi.

Con sói già Bersicker đứng ngây ra trông theo lão cho tới khi lão già quái lạ ấy khuất bóng. Sau đó, nó lẩn lủi đi vào góc chuồng và nằm lì ở đó suốt cả buổi tối. Nhưng thật kỳ lạ, khi ánh trăng vừa xuất hiện cũng là khi bấy sói lại bắt đầu thi nhau gào thét ầm ĩ mà không rõ nguyên do gì, ở quanh đó chỉ có một bóng người đang lấp ló gọi một con chó nhà đằng sau mấy vườn hoa ở đại lộ Park.

Cũng có một hai lần tôi quay trở lại thăm lũ thú vật, nhưng khi ấy chẳng có chuyện bất thường nào xảy ra... Thế rồi bỗng nhiên, cả lũ đều im bất... Sau đấy, trước nửa đêm khoảng vài phút, tôi lại quyết định quay trở lại kiểm tra chúng một lần nữa trước khi đi ngủ, và khi đến chuồng con sói già Bersicker, tôi đã giật mình vì nhận thấy các chấn song xung quanh chuồng bị vặn xoắn hoặc bị gãy ở một vài chỗ, và dĩ nhiên là trong chuồng chẳng còn gì cả! Đó là tất cả những gì tôi được biết, ông bạn ạ!

— Thế ông có thấy ai đáng chú ý tối hôm ấy không?

— Cũng vào khoảng nửa đêm, trên đường trở về sau khi chia tay đội kèn, một người lính của chúng tôi chợt trông thấy một con chó sói lớn lông xám xịt bất ngờ lao ra khỏi một bờ rào. Nói gì thì nói, đó cũng chỉ là lời kể, còn tôi thì tôi không tin cho lắm, bởi khi về tới nhà, anh ta đã chẳng thém kể cho cô vợ nghe lấy một câu, chỉ khi biết con sói già biến mất khiến chúng tôi phải lục xục tìm kiếm cả đêm, anh ta mới mở mồm kể chuyện. Theo tôi, có lẽ anh ta đã bị rối loạn đầu óc vì dư âm inh ỏi của những tiếng kèn đờng.

— Ông Bilder ạ, bây giờ ông có thể nói cho tôi biết tại sao, theo ý ông, con sói ấy lại bỏ trốn được không?

— Được chứ, tôi tin là có thể lý giải được. - Người gác vườn trả lời bằng một vẻ khiêm tốn. - Nhưng chỉ có đi đâu tôi không biết lời giải thích của tôi có đủ để làm ông hài lòng không thôi.

— Không sao, ông bạn ạ, cứ yên tâm đi? Nếu như ông, người biết rất rõ về tập tính của các con vật, không thể khẳng định được chính xác những gì đã xảy ra, thì xin hãy cứ nói đúng sự thật, được chứ?

— Xin nghe ông vậy? Thế này nhé: theo tôi nghĩ, con sói đã bỏ trốn, đơn giản chỉ là vì nó muốn về với bầu trời tự do.

Sau lời nói đùa ấy, cả Thomas và bà vợ cùng bật cười sặc sụa. Tôi hiểu đây không phải là lần đầu tiên ông già tốt bụng này làm như vậy. Tôi dùng cách khác mà tôi cho là hiệu quả hơn để moi tin ở ông.

— Thôi được, ông Bilder, như thế này vậy nhé, chúng ta cứ coi như đồng nửa bảng mà tôi vừa đưa cho ông đã thanh toán hết những gì xứng đáng với giá trị của nó, còn đây là nửa bảng nữa đang chờ đợi ông một khi ông chịu nói ra những gì ông có thể nói. Nào, theo ông nghĩ thì câu chuyện kết thúc như thế nào?

— Tuyệt! Ông bạn ạ, hy vọng là ông sẽ không cố chấp, nhưng lúc này, bà già này đã nháy mắt ra hiệu cho tôi khiến tôi phải...

— Tôi? Ông đừng phát ngôn bừa bãi như vậy? - Bà vợ phản đối.

— Thú thực nhé, tôi tin là con sói ấy đang trốn ở đâu đó. Thằng lính ấy bảo con vật đã phi như hóa đại về phía bắc, nó phi còn nhanh hơn cả ngựa. Tôi thì tôi không tin, bởi ông thấy đấy, lũ sói có khi chạy còn chậm hơn cả giống chó nhà ấy chứ. Thằng nhóc đó chỉ ăn nói bậy bạ. Giống chó sói có thể là những tạo hóa gây nhiều chuyện ghê người trong các cuốn truyện hoang đường, khi chúng bu lại với nhau để đuổi bắt một con vật yếu ớt nào đó. Nhưng cũng may có Chúa rủ lòng thương? Trong cuộc sống, lũ sói thậm chí còn kém cỏi hơn cả một con chó nhà: chúng ngu ngốc hơn và cũng kém liều lĩnh hơn nhiều. Con Bersicker ấy, vốn không được huấn luyện về cách cắn xé nhau hoặc cách bắt mồi, chắc bây giờ cũng chỉ đang loanh quanh ở đâu đó trong vườn bách thú này để chờ chết đói thôi. Cũng có thể là nó đang chui vào một hầm than nào đó ở xa hơn. Hoặc thế này nữa, có thể là do chẳng tìm thấy gì ăn, nó đã tới rình mò ở một cửa hàng bán thịt... và vậy đấy! Nếu không thì nó cũng bị tống vào hòm xe của một ông lính nào rồi. Chuyện này nếu xảy ra cũng chẳng làm tôi ngạc nhiên, bởi ở đây đâu có vắng người. Đó, tôi thấy câu chuyện có thể có kết cục như vậy đó.

Tôi đang đưa cho ông già đồng nửa bảng như đã mặc cả thì có một cái gì đó bất ngờ xuất hiện ngoài cửa sổ và đập bộp vào ô kính. Bộ mặt của ông già Bilder vốn đã dài lại càng dài hơn vì kinh ngạc.

— Lạy Chúa! - Ông thốt lên - Kia không phải con sói già Bersicker trở về thì còn là giống gì nữa?

Ông già đứng bật dậy ra mở cửa - một việc làm theo tôi nghĩ là vô ích. Tôi luôn cho rằng một con thú hoang chẳng bao giờ chịu đứng một chỗ khi nó nhận ra một chướng ngại vật ngăn cách giữa nó và chúng tôi. Kinh nghiệm đã giúp tôi khẳng định sự đúng đắn của ý nghĩ này.

Quả là ông già Bilder và bà vợ đã không hề sợ chó sói như tôi vẫn sợ chó nhà. Trái với dự đoán của tôi, con vật vẫn đứng yên ngoài cửa với một vẻ dịu hiền đến ngạc nhiên. Nó ngoan ngoãn đến mức khiến tôi phải nhớ lại ông tổ của nó trong câu chuyện cổ tích *Cô bé quàng khăn đỏ* lúc chưa lộ rõ bộ mặt thật.

Cảnh trở về tổ ấm của nó có một cái gì đó vừa khôi hài lại vừa cảm động mà tôi không sao diễn tả được. Con sói độc ác từng làm cho cả thành Luân Đôn phải lo sợ suốt gần một ngày trời là thế bỗng dừng lại xuất hiện ngay trước mặt chúng tôi với một vẻ khác hẳn. Ông già Bilder sốt sắng kiểm tra từ đầu xuống chân con vật rồi gào lên:

— Biết ngay mà, tôi biết là thế nào con vật này cũng gặp phiền toái mà; từ hôm qua tới giờ tôi đã chẳng bảo thế là gì? Nhìn mõm nó này, rách hết cả rồi, lại còn vẫn dính đầy mảnh thủy tinh nữa chứ! Chắc chắn là nó định lao qua một bức tường nào đó rồi. Thật xấu hổ cho nhà nào cứ thích cắm mảnh chai lên tường? Ông thấy chưa, tệ hại thế đấy... Lại đây đi, Bersicker...

Ông già nhẹ nhàng lôi con vật vào trong một ngăn chuồng rồi khóa cửa lại.

Ông không quên quảng cho nó một tảng thịt trước khi tìm đến nhà ông tổ trưởng báo cáo về sự trở về của con vật.”

Nhật ký của bác sĩ Seward

• Ngày 17 tháng 9

Ăn tối xong, tôi quay về phòng, định bụng sẽ lên lịch cho những ngày làm việc tiếp theo. Bất thành linh, cánh cửa phòng tôi bỗng bật mở, tiếp đó

là sự xuất hiện đường đột của Renfield: hắn lao thẳng về phía tôi với bộ mặt thật hung tợn. Tôi sững sờ đứng nhìn, bởi một bệnh nhân bất ngờ đến tìm bác sĩ trưởng mà không xin phép ai là một việc làm rất ít khi xảy ra ở đây. Tay hắn lăm lăm một con dao sáng loáng. Tôi ý thức ngay được rằng trong cơn điên, hắn có thể trở nên rất nguy hiểm, bởi vậy tôi phải cảnh giác lùi lại, định bụng sẽ lấy cái bàn gỗ làm chướng ngại vật ngăn cách hắn với tôi. Nhưng hắn đã nhanh hơn tôi, trước khi tôi kịp lấy lại thăng bằng, hắn đã vung tay chém tôi một nhát khá sâu vào cổ tay trái. Tuy nhiên, không để hắn vung dao lên lần thứ hai, tôi lập tức lao vào đẩy hắn ngã ngửa xuống sàn nhà. Máu từ vết thương ở tay tôi chảy tóa ra thành một vũng nhỏ trên tấm thảm. Renfield vẫn nằm im, dường như không định tấn công lần nữa. Tới lúc đó tôi mới có thời gian băng bó vết thương trong khi mắt vẫn không rời khỏi gã bệnh nhân. Khi mấy tay giám thị tới, chúng tôi mới xúm lại xốc hắn dậy và đẩy hắn trở về phòng, song hắn đã giãy nảy lên và quay ngoắt lại để làm một việc khiến tôi một lần nữa phải kinh ngạc: hắn bò sát xuống sàn nhà giống như điệu bộ của một con chó, và lè lưỡi liếm sạch các vết máu vừa chảy xuống từ vết thương của tôi. Hắn vừa liếm láp vừa luôn mồm lải nhải mãi một câu: “Máu là cuộc sống? Máu là cuộc sống!”

Đúng ra là tôi không được phép sơ ý để mất những giọt máu này mới phải, cho dù chỉ là một giọt. Những ngày qua, tôi cho máu như thế là đủ lắm rồi, biết đâu Lucy lại bị mất máu một lần nữa thì sao? Tôi không thể làm hơn được nữa, dường như tôi đang sắp lâm vào cảnh kiệt quệ nếu như tôi không được nghỉ một đêm. Ôi! Ngủ? Sao tôi muốn ngủ thế không biết! Cũng may là Van Helsing đã không cho gọi tôi, vậy là tôi có thể ngủ dài dài được rồi.

Điện của Van Helsing, Anvers gửi Seward, Carfax

Ngày 17 tháng 9

Tôi nay, nhớ phải trở lại Hillingham. Nếu không thức suốt được, thì cũng nên thường xuyên vào phòng cô ấy xem mấy bông hoa còn được đặt đúng chỗ không. Rất hệ trọng. Khi tới Luân Đôn, tôi sẽ cố gắng tới gặp anh sớm nhất trong chừng mực có thể.”

Nhật ký của bác sĩ Seward

• Ngày 18 tháng 9

Tôi sẽ lại đi tàu hỏa tới Luân Đôn. Bức điện của Van Helsing khiến tôi muốn rụng rời chân tay. Lạy Chúa! Kinh nghiệm mấy lần vừa rồi đã cho tôi thấy những gì có thể xảy ra trong một đêm. Có thể là mọi chuyện sẽ suôn sẻ, nhưng cũng có thể sẽ xảy ra một chuyện tồi tệ nhất? Chắc hẳn là phải có một lời nguyền nào đó đang đeo đuổi chúng tôi, bởi nỗ lực nào của chúng tôi cũng được đáp lại bằng kết quả ngược với mong muốn.

Bản ghi nhớ do Lucy Westenra để lại

• Ngày 17 tháng 9

Tôi viết những dòng này trên những tờ giấy rời để còn có người tìm đọc được, bởi tôi muốn họ biết thật chính xác những gì xảy ra đêm nay. Tôi cảm thấy mình sẽ chết vì yếu sức. Cần bút viết đối với tôi bây giờ quả là một việc vô cùng khó khăn, nhưng dù sao thì tôi cũng phải viết, kể cả khi thần chết sắp nắm giữ chặt tay bút của tôi.

Như thường lệ, tôi lên giường nằm sau khi quàng một tràng hoa quanh cổ theo lệnh của giáo sư Van Helsing, và tôi chìm vào giấc ngủ gần như ngay lập tức. Nhưng tôi lại bị đánh thức bởi những tiếng cánh vỗ đập vào cửa sổ, đó cũng chính là những tiếng động tôi đã được nghe lần đầu tiên khi còn ở Whitby, chính xác là khi tôi bị mộng du rồi mò mẫm lên vách đá khiến cho Mina phải đi tìm và kể từ đó đến nay, tôi vẫn rất hay nghe thấy những tiếng cánh vỗ quái gở đó. Dù không sợ, nhưng tôi vẫn muốn có bác

sĩ Seward ở phòng bên cạnh để có thể gọi khi cần. Tôi cố ngủ lại mà không được. Và rồi nỗi lo sợ bị chìm vào giấc ngủ lại ập đến trong tôi, buộc tôi phải quyết định không ngủ nữa. Nhưng thật kỳ lạ, tôi càng cố gắng thức bao nhiêu thì cơn buồn ngủ lại càng đè nặng lên người tôi bấy nhiêu. Cảm giác cô đơn làm tôi sợ. Tôi vùng dậy mở cửa và kêu lên: “Có ai ở đây không?” Không có tiếng trả lời. Tôi không dám gọi nữa vì sợ sẽ làm mẹ tôi thức giấc. Khi tôi vừa khép cửa lại thì ở đâu đó như là dưới những lùm cây, chợt vang lên một tiếng kêu như tiếng chó tru, nhưng nghe còn thâm thẳm và đáng sợ hơn nhiều. Tôi đến bên cửa sổ và nhòai người ra xem có cái gì dưới bóng tối ấy, nhưng chẳng thể phân biệt được một vật gì ngoài một con dơi to bự - có lẽ đó chính là con vật vẫn thường đập cánh vào cửa kính phòng tôi. Tôi trở lại giường nằm nhưng không thấy buồn ngủ trở lại. Một lát sau, mẹ tôi hé mở cửa và thò đầu vào. Nhìn thấy tôi không ngủ, bà mới bước vào và ngồi gần giường tôi. Bà nhẹ nhàng cầm lấy tay tôi và nói với tôi bằng một giọng rất dịu dàng, dịu dàng hơn so với thường lệ rất nhiều:

— Mẹ cứ phân vân không hiểu con có cần gì hay không, con gái yêu ạ, vì vậy mẹ phải mò lên đây cho yên tâm.

Sợ bà bị cảm lạnh, tôi bảo bà lên giường nằm cạnh tôi, song bà bảo bà chỉ định nán lại một lúc rồi sẽ về phòng mình. Nằm gọn trong vòng tay bà mà tôi vẫn bị giật mình, bởi cái tiếng động quái gở ấy lại bất ngờ vang lên một lần nữa. Mẹ tôi cũng giật thót người kêu lên: “Cái gì thế”. Tôi phải lựa lời trấn an bà. Cuối cùng thì bà cũng yên tâm nằm xuống bên tôi, mặc dù trống ngực vẫn đập thình thịch. Nhưng rồi tôi lại giật thót người một lần nữa, bởi có một cái gì đó vừa bất thành linh đập vào ô cửa kính khiến nó vỡ tan. Mảnh kính vỡ tung tóe khắp sân nhà. Bức rèm bị gió thổi bay phất phơ như một bóng ma. Người tôi bắt đầu run lên như cây sậy khi nhận ra cái đầu của một con sói lớn, gầy đét, đang thò đầu qua ô cửa bị vỡ. Mẹ tôi buột miệng thốt lên một tiếng khiếp sợ. Bà ngồi dựng dậy trên giường, hai tay vùng vẫy lung tung như muốn túm lấy một vật gì đó để tự vệ. Trong

cơn hoảng loạn, bà đã giật đứt tràng hoa ở cổ tôi ném ra giữa phòng. Sau cái hành động tuyệt vọng ấy, bà ng ã đờ đẫn như mất h ãn, trong khi tay vẫn không quên chỉ về phía con sói như một bức tượng. Được một lát, bà bỗng đổ vật xuống như bị sét đánh, đầu bà đập cả vào trán tôi. Tôi chết lặng đi trong giây lát. Căn phòng, r ãi mọi đồ đạc xung quanh, như đang đảo điên trước mắt tôi, nhưng tôi vẫn cố dán mắt về phía cửa sổ, con sói đã biến mất từ lúc nào. Những chấm nhỏ li ti cuốn ào ào vào trong phòng qua ô cửa vỡ - cảnh tượng này gợi cho tôi nhớ tới những cột cát bị gió cuốn nơi sa mạc. Tôi cố gượng ng ãi dậy nhưng vô ích, không hiểu sức mạnh bí ẩn nào đã cản trở tôi làm như vậy. Cơ thể mẹ tôi lúc này có vẻ như hơi lạnh lạnh... Tôi bỗng không còn ý thức được một điều gì nữa. Tất cả những gì xảy ra sau đó đều không đọng lại trong t ãnh thức của tôi.

Mặc dù bị ngất không lâu, nhưng tôi vẫn rất mơ hồ về những phút giây khủng khiếp đã trôi qua. Khi tôi tỉnh táo trở lại, âm thanh đầu tiên vẳng đến tai tôi là tiếng chuông cầu hồn ngân xa, rồi tiếp đó là tiếng chó sủa xung quanh ngôi nhà, và trong các bụi cây giữa vườn, không xa cửa sổ phòng tôi, còn vọng tới những tiếng hót lạnh lót của một con sơn ca. Nỗi ưu phiền, sự sợ hãi, tình trạng sức khỏe suy sụp nghiêm trọng, tất cả như cùng hòa tới một lúc khiến người tôi mờ ra như một kẻ chết rồi. Tuy nhiên, nghe thấy tiếng hót của chim sơn ca, tôi có cảm giác như được nghe thấy giọng nói thân thương của mẹ tôi, giọng nói dịu dàng cất lên giữa đêm tối để an ủi tôi.

Chắc hẳn chuỗi tiếng động lạ tai đã làm những người hầu trong nhà thức giấc, bởi tới nghe rất rõ bước chân trần của họ nhẹ bước trên chiếu nghỉ cầu thang. Nghe tiếng tôi gọi phầu phào, họ bước nhanh vào phòng. Tất cả cùng kêu rú lên sợ hãi, khỏi phải nhắc lại họ đã khiếp đảm như thế nào khi hiểu ra nỗi bất hạnh đã xảy đến với chúng tôi và trông thấy mẹ tôi nằm đè lên người tôi. Cơn gió lùa vào qua ô cửa vỡ làm cho cửa phòng thỉnh thoảng lại nghiêng ken két. Những cô gái can đảm xúm lại đỡ mẹ tôi sang một bên để tôi có thể ngủ yên đây. Biết họ đang rất xúc động, tôi bảo họ nên

xuống phòng ăn làm một hộp rượu vang cho bình tĩnh trở lại. Họ mở cửa rồi lại đóng sập lại ngay sau khi bước chân ra khỏi phòng. Tôi còn nghe thấy tiếng họ thốt lên một lần nữa, rồi tiếp đó là tiếng những bước chân lao vội vã xuống cầu thang. Lúc này, tôi chẳng còn biết làm gì ngoài việc đau đớn nhặt những bông hoa đặt lên ngực mẹ tôi và hồi tưởng lại những lời dặn bảo của giáo sư Van Helsing, nhưng nhớ chỉ là để nhớ thôi, chứ tôi cũng chẳng cần tới những bông hoa này làm gì nữa. Tôi sốt ruột đợi đám người hầu quay trở lại: chúng tôi sẽ cùng thức bên nhau. Song họ đã không quay trở lại. Tôi cất tiếng gọi: không thấy ai trả lời? Thấy lạ, tôi quyết định mò xuống phòng ăn.

Tôi suýt ngã quỵ khi bất ngờ chứng kiến cảnh tượng trước mắt: bốn người hầu nữ đều đang nằm sóng soài dưới sàn nhà với những hơi thở khó nhọc. Bình rượu vang cạn một nửa vẫn nằm ngay ngắn trên bàn, nhưng trong phòng lại bốc lên một mùi hăng hắc kỳ lạ. Tôi cần bình rượu lên ngủ: toàn là mùi cần cần sa. Mở tủ buffet, tôi nhận ra bình thuốc mà người thầy thuốc vẫn dùng để chăm sóc cho mẹ tôi đã hết nhãn nhụy. Phải làm gì bây giờ? Phải làm gì đây?... Tôi loạng choạng trở về phòng, đến bên giường với mẹ. Tôi không thể rời xa bà. Bây giờ tôi đang ở trong phòng có một mình nếu như không kể đến những nàng hầu tội nghiệp đang lẫn ra bất tỉnh dưới nhà bởi thứ cần thuốc phiện ai đó đã đổ vào bình rượu vang. Một mình với cái chết? Mà tôi cũng không dám ra ngoài, bởi tiếng tru man rợ của con sói ở đâu đó vẫn đang vắng tới tai tôi qua ô cửa bị vỡ. Những chấm nhỏ li ti kia cũng không chịu dừng nhảy nhót, quay cuồng điên loạn trong phòng theo từng đợt gió lùa ở cửa sổ. Cả ngọn đèn này bây giờ cũng trở nên hiu hắt như đang báo hiệu một cảnh sớm lụi tàn... Tôi biết làm gì bây giờ? Đến nay, có lẽ cũng đã đến lúc tôi phải ra đi cùng người! Vĩnh biệt mọi người! Arthur ơi, nếu như phải chết trong đêm nay, thì em cũng xin được vĩnh biệt anh!

Nhật ký của bác sĩ Seward

• Ngày 18 tháng 9

Tôi tới Hillingham từ rất sớm. Để xe đỗ ngoài cổng, tôi đi bộ vào tận nhà. Tôi gọi cửa thật nhẹ để không làm Lucy và bà Westenra thức giấc nếu như họ vẫn đang ngủ. Tôi hy vọng chỉ có người giúp việc nghe thấy tiếng gọi cửa. Đợi một lát không thấy ai ra, tôi gõ cửa một lần nữa, rồi đập mạnh tay hơn. Vẫn không có tiếng trả lời. Tôi đâm ra bực mình với đám người hầu, bởi đã gần mười giờ sáng rồi mà họ vẫn còn say sưa ngủ. Nghĩ mà điên tiết và sốt ruột, tôi đập cửa liên hồi, nhưng tất cả vẫn vô ích. Đành rằng đám người hầu phải chịu trách nhiệm chính cho sự im lặng này, nhưng không hiểu sao trong tôi vẫn trào dâng một cảm giác sợ hãi khó tả. Phải chăng sự im lặng này lại chính là một dấu hiệu nữa của lời nguyền vẫn dai dẳng bám riết chúng tôi bấy lâu nay? Tôi có thực sự đủ can đảm bước chân vào một ngôi nhà mà thần chết đã ập đến trước tôi không? Tôi biết rằng mỗi phút, mỗi giây trôi qua đều có thể dẫn đến những kết cục cực kỳ hiểm nghèo đối với Lucy nếu như tình trạng sức khỏe của cô một lần nữa lâm vào cảnh bi đát, chính vì thế tôi phải quyết định lượn vòng quanh ngôi nhà với hy vọng sẽ tìm được một lối vào mà tôi chưa từng biết.

Tất cả các cánh cửa bị khóa chặt, các ô cửa sổ bị đóng kín đã làm tôi vô cùng thất vọng. Tôi chỉ biết quay trở về chỗ cũ. Đúng vào lúc về tới cửa chính, tôi bỗng ngờ ngợ khi nghe thấy tiếng vó ngựa dồn dập ngoài đường, rồi đột ngột dừng lại ngay trước cổng; vài giây sau, tôi nhận ra bóng Van Helsing bước xuống xe, ông đi như chạy vào nhà. Nhận ra tôi, ông hỏi luôn trong hơi thở hỗn hển:

— À! Thì ra là anh? Vậy là anh cũng chỉ vừa mới đến? Cô ta sao rồi? Có còn kịp không? Chẳng lẽ anh không nhận được điện của tôi?

Tôi cố gắng trả lời rành mạch và ngắn gọn rằng tôi chỉ vừa nhận được điện của ông vào đầu giờ sáng, rằng tôi đã thu xếp mọi công việc để đến đây ngay lập tức. Tôi đã gõ cửa, đập cửa hoài mà vẫn không thấy ai trả lời.

Van Helsing bỏ mũ, đứng lặng người đi một lúc. Cuối cùng, ông nói với tôi bằng một giọng rất nghiêm trọng:

— Tôi cho là chúng ta đã đến quá muộn. Ý Chúa vậy là đã thành sự thực!

Ông dừng lại như để lấy thêm can đảm, rồi quả quyết:

— Đi! Nếu các cánh cửa đều không mở, thế nào chúng ta cũng phải tìm một cách nào đó để vào nhà chứ.

Hai chúng tôi cùng vòng ra sau nhà. Van Helsing cầm con dao mổ chỉ về phía một ô cửa sổ bếp. Tôi cầm con dao mỏng manh luồn qua khe cửa hất tung chiếc móc cài và mở rộng hai cánh cửa sổ ra. Tôi giúp giáo sư trèo vào trong bếp trước, tôi leo vào sau. Trong bếp chẳng có ai, trong gian bếp phụ cũng vậy. Chúng tôi nhòm vào các phòng ở tầng trệt, nhưng tất cả cũng đều trống không. Chỉ khi vào tới phòng ăn, nhờ một chút ánh sáng hắt hieu chiếu qua các ô cửa tò vò, chúng tôi mới nhận ra bốn người đầy tớ đang nằm dài trên sàn nhà. Chúng tôi không nghĩ là họ chết, bởi hơi thở nồng nặc mùi cồn thuốc phiện của họ trong phòng đã cho thấy hiện trạng của họ. Van Helsing bình tĩnh bảo tôi: “Chúng ta sẽ trở lại với họ sau”, rồi kéo ngay tôi lên phòng Lucy. Tuy nhiên, lên tới nơi, chúng tôi không vào ngay mà chỉ dám dừng ở cửa để nghe ngóng: tất cả chỉ là một sự im lặng ghê người. Chúng tôi run run mở cửa trong một tâm trạng hãi hộp, lo lắng.

Tôi không biết tả lại cảnh tượng trước mắt như thế nào. Cả Lucy và mẹ cô đều đang nằm dài trên giường. Trên người bà mẹ được đắp một mảnh ga trắng, mép ga bị gió thổi từ ô cửa kính bị vỡ ngược trở ra để lộ một khuôn mặt xám ngoét, hằn rõ những nét nhăn nhúm vì khiếp sợ. Nét mặt Lucy trông còn thảm hại hơn. Tràng hoa quàng cổ lúc này được đặt trên ngực bà Westenra. Tôi dễ dàng nhận thấy hai vết thương nhỏ của cô bây giờ đã trở nên sâu và rộng hơn hẳn so với cách đây ít hôm mà không hiểu

tại sao. Chẳng nói chẳng rằng, giáo sư Van Helsing cúi thấp người xuống giường, đầu gần như chạm cả vào ngực Lucy; nghe ngóng được khoảng một giây, ông bỗng đứng bật dậy bảo tôi:

— Chưa đến nỗi quá muộn! Nhanh lên, nhanh lên? Rượu mạnh!

Tôi chạy bổ xuống phòng ăn cầm một chai rượu đưa lên mũi người rồi ném thử để đảm bảo rằng rượu trong chai không bị ai đó đổ cồn thuốc phiện vào.

Đám người hầu vẫn nằm thở, hơi thở của họ lúc này có vẻ nhẹ nhàng và đều đặn hơn; có lẽ tác dụng của cồn thuốc phiện đang dần dần tiêu tan. Tôi chạy vội trở lại phòng Lucy. Van Helsing vội lấy chai rượu, dốc ra tay rồi xoa mạnh lên môi, lên cổ tay, cườm tay Lucy. Làm xong cái công việc cấp cứu ấy, ông mới khẽ nói với tôi:

— Tạm thế đã. Bây giờ chẳng còn gì khác để làm cả. Anh xuống đánh thức mấy cô kia dậy đi. Cứ lấy khăn ướt mà vỗ vào mặt họ, đừng sợ như thế là tàn nhẫn! Tôi cần họ tỉnh để đốt lửa đun nước nóng. Cô bé này gần như đang chết cứng đây này, người cô ta chẳng khác gì một cục nước đá. Cô ta cần phải được sưởi ấm trước cái đã, sau đó có làm gì thì làm.

Tôi không gặp khó khăn gì khi đánh thức ba người gia nhân đầu tiên; nhưng người thứ tư thì vẫn nằm lì ra như một đứa trẻ, dường như cô ta là người bị ngấm thuốc phiện nhiều nhất. Tôi phải bế cô ta đặt lên trường kỷ để cô ta ngủ tiếp. Ba cô gái vừa tỉnh cứ ngơ ngơ như những kẻ ngây độn. Tuy nhiên, khi sức nhớ lại những chuyện đã xảy ra, họ bỗng khóc òa lên và nức nở kể lại sự tình với tôi. Nhưng tôi vẫn tỏ ra cương quyết và nghiêm nghị, không để họ kể lể nhiều. Tôi bảo họ rằng có một người chết trong nhà là đủ lắm rồi, và rằng nếu họ cứ kể lể mãi như vậy thì có lẽ đến lượt Lucy cũng chết mất. Nghe tôi nói vậy, họ buộc phải nức nở đi vào bếp. Cũng may là bếp lò chưa tắt nên nước trong nồi vẫn còn nóng. Chuẩn bị bồn tắm xong, chúng tôi đặt Lucy vào ngâm. Khi chúng tôi đang tập trung xoa bóp chân tay cho cô thì ở ngoài cổng bỗng có tiếng gõ cửa. Một người hầu tất tưởi chạy ra mở cửa. Giây lát sau, chị ta chạy vào báo cho chúng tôi biết có

một người đàn ông đang đứng đợi ngoài đó, ông ta nói là có thư của Holmwood. Biết không thể tiếp khách trong lúc này, tôi cho người ra bảo ông ta thông cảm đứng đợi. Thú thực là tôi đã quên ngay lập tức sự có mặt của ông ta, tất cả những gì tôi có thể làm bây giờ là tập trung cứu bệnh nhân.

Từ khi làm việc với Van Helsing, chưa bao giờ tôi thấy ông chiến đấu chống lại tử thần theo kiểu này. Bởi cả hai chúng tôi đều biết rằng đây là cách duy nhất, là cuộc chiến tận cùng chống lại một cái chết. Khi tôi nói nhỏ đi đầu đó, ông đã đứng ngậy người ra trong giây lát. Tôi không hiểu câu trả lời của ông, song cứ nhìn nét mặt nghiêm trọng của ông là tôi khắc biết.

— Nếu chỉ có thế, - ông nói - tôi sẽ cố gắng rời khỏi nơi đây, và tôi sẽ để cho cô bé được nghỉ ngơi yên bình, bởi tôi cũng không dám chắc là cuộc sống có còn đến với cô bé hay không nữa.

Tuy nhiên, ông vẫn tiếp tục các nỗ lực xoa bóp cho cô bệnh nhân trẻ tuổi của mình một cách không mệt mỏi.

Chẳng cần phải đợi lâu, chúng tôi bắt đầu nhận thấy bồn nước nóng đã phát huy tác dụng. Qua ống nghe, tôi cảm thấy nhịp tim và hơi thở của Lucy đang dần dần ổn định trở lại. Khi nhắc cô ra khỏi bồn nước và quần xung quanh người cô mấy lớp khăn ẩm, Van Helsing bảo tôi, nét mặt có vẻ đỡ nặng nề hơn:

— Bước đầu chúng ta đã giành được thắng lợi? Thần Chết đang lùi bước!

Chúng tôi đặt Lucy nằm vào trong một phòng khác. Tôi đặt cô lên giường rồi nhỏ mấy giọt rượu mạnh vào miệng cô. Van Helsing quấn vào cổ cô một mảnh khăn lụa thật mềm. Cô vẫn chưa tỉnh. Nhìn nét mặt cô, tôi biết là cô đang trải qua một cơn đau mà tôi chưa bao giờ được thấy.

Giáo sư Van Helsing cho gọi một đầy tớ lên và ra lệnh cho chị ta đứng ở đầu giường trông bệnh nhân, ông dặn chị ta tuyệt đối không được để mất đi nơi khác cho tới khi chúng tôi quay trở lại. Sau đó, ông vẫy tay ra hiệu cho tôi cùng bước ra khỏi phòng.

— Bây giờ chúng ta phải nghĩ xem cần tiếp tục phải làm gì. - Giáo sư bảo tôi trong lúc đi xuống cầu thang.

Hai chúng tôi bước vào phòng ăn để nói chuyện cho tiện. Các ô cửa sổ trong phòng đều mở nhưng lại được che rèm kín. Giáo sư quay ra đóng cửa cẩn thận, căn phòng tối sầm lại, nhưng ánh sáng lọt qua các ô cửa sổ vẫn đủ để chúng tôi nhận biết mọi vật xung quanh. Về nghiêm trọng trên nét mặt giáo sư khi này đã không còn nữa, thay vào đó là những cảm xúc bối rối. Rõ ràng ông đang tìm cách giải quyết một khó khăn mới nào đó.

— Thế đấy! Chúng ta biết phải làm gì bây giờ? - Ông trầm ngâm. - Ai sẽ là người giúp chúng ta? Dù thế nào thì chúng ta cũng phải thực hiện một ca truyền máu nữa. Ừ, một ca nữa, càng nhanh càng tốt, nếu không cô bé tội nghiệp kia sẽ không thể sống thêm một giờ. Anh bạn trẻ ạ, cũng như tôi thôi, trông anh đã suy kiệt lắm rồi. Tôi thì tôi không muốn bắt những người giúp việc kia phải hiến máu cho dù họ có đủ can đảm làm đi đâu đó. Biết tìm đâu ra một người hiến máu bây giờ?

— Chẳng phải tôi đang ở đây hay sao?

Tiếng nói bất ngờ vọng tới từ trên chiếc ghế trường kỷ ở phía bên kia phòng; tôi lập tức thở phào nhẹ nhõm, vì tôi không thể nhầm được, đó chính là giọng của Quincey Morris. Lúc đầu, Van Helsing có vẻ rất tức giận, ông quay phắt lại nhìn vị khách trẻ tuổi, nhưng rồi nét mặt ông cũng dần dần dịu dàng trở lại, ánh mắt rạng rỡ hẳn lên. Tôi dang tay bước nhanh về phía người bạn, miệng reo lên:

— Quincey Morris! Làn gió nào đã đưa ông tới đây vậy? Chắc là Athur đã...

Thay vì câu trả lời, anh ta đưa cho tôi một bức điện. Tôi hời hợt đọc ngay:

“Không có tin của Seward từ ba hôm nay. Lo kinh khủng. Không thể rời cha, ông cụ vẫn còn ốm. Cho tôi biết ngay tình hình của Lucy. Holmwood.”

— Tôi nghĩ là mình đã đến rất đúng lúc. - Quincey nói. - Bây giờ ông chỉ việc bảo tôi đi đâu tôi sẽ phải làm, đừng nói nhiều nữa.

Van Helsing bước tới nắm chặt bàn tay vị khách mới đến:

— Khi một phụ nữ sức cùng lực kiệt cần được tiếp máu, thì dòng máu của một người đàn ông can đảm sẽ là cứu cánh duy nhất cứu sống được cô ta. Quỷ dữ có thể lấy hết quyền năng chống lại chúng ta, nhưng Chúa sẽ luôn mang tới cho chúng ta những người đàn ông thực sự dũng cảm.

Và chẳng nhieu lời, chúng tôi khẩn trương bắt tay vào một ca tiếp máu mới. Công việc diễn ra quá cực nhọc nên tôi không thể kể hết ra đây mọi chi tiết. Lucy hẳn đã phải trải qua một cú sốc khủng khiếp, bởi lần này tôi không thấy cô có những phản ứng như những lần trước. Nếu nhìn cô, nghe cô thồn thức chiến đấu chống lại cái chết để trở về với cuộc sống, chắc bạn sẽ không cần lòng được. Song rồi nhịp đập của trái tim cô cũng trở nên đều đặn hơn, hơi thở khó nhọc thoát ra từ lồng ngực cô cũng khá lên trông thấy. Tiếp máu xong, Van Helsing còn cẩn thận tiêm cho cô một liều morphine, ông muốn biến trạng thái bất tỉnh bệnh lý của cô thành một giấc ngủ sâu bình thường. Giáo sư ở lại trông Lucy, còn tôi phải đưa Quincey xuống và bảo một người đầy tớ ra trả tiền cho tay xà ích đang đợi ngoài cổng. Sau khi cho Quincey uống một cốc rượu vang, tôi đỡ anh nằm xuống ghế trường kỷ và bảo người làm bếp chuẩn bị cho anh một bữa trưa thật đủ chất dinh dưỡng. Như sức nghĩ ra một điếu gì, tôi quay trở lại ngay phòng bệnh nhân. Van Helsing vẫn đứng đó, trên tay ông là mấy tờ giấy. Thoáng nhìn, tôi biết ngay là ông đang nghi ngờ một điếu gì đó. Ông chìa tay đưa cho tôi mấy tờ giấy và nói gọn lỏn một câu không đầu vào đâu:

— Chiếc áo cánh của Lucy đã bị rơi lúc chúng ta nhấc cô ra khỏi bồn nước.

Đọc xong mấy tờ giấy, tôi lên nhìn giáo sư một lát rồi mới dám hỏi:

— Lạy Chúa tôi, thế này là thế nào? Cô ấy đã, hay nói đúng hơn là cô ấy đang bị điên hay sao? Hay có một mối nguy hiểm khủng khiếp nào đang rình rập chúng ta ở đâu đó?

Van Helsing lấy lại mấy tờ giấy trên tay tôi.

— Bây giờ chưa phải là lúc để anh nghĩ ngợi lung tung, - Ông nói - hãy cố gắng quên nó đi. Rồi thời gian sẽ trả lời anh tất cả, sẽ giúp anh hiểu tất cả. Nhưng không phải là lúc này. Rồi về sau... Tại sao anh lại quay lên đây? Anh có đi đâu gì muốn nói phải không?

Câu hỏi của giáo sư đã giúp tôi trở lại với chính mình.

— Vâng, chuyện về giấy chứng tử ấy mà. Nếu chúng ta không thực hiện đầy đủ các thủ tục cần thiết thì chắc chắn sẽ có người đến đi đầu tra. Tôi cho rằng không cần thiết để chuyện ấy xảy ra, bởi đi đầu đó rất có thể sẽ làm cho cô bé Lucy tội nghiệp đau lòng mà chết. Giáo sư, tôi và bác sĩ của bà Westenra, tất cả đều biết tại sao bà ấy chết, và chúng ta chỉ việc khai vào giấy chứng tử theo đúng như những gì đã xảy ra. Có lẽ chúng ta phải làm ngay. Tự tay tôi sẽ mang tờ giấy đến cho nhà chức trách, sau đấy tôi sẽ đi tìm người lo liệu ma chay.

— Được đấy, anh bạn John ạ? Anh nghĩ sâu xa lắm? Quả thực là nếu như Lucy bị những bóng thù hắc ám đeo đuổi, thì ít nhất cô cũng cảm thấy một chút an ủi bởi lúc nào cô cũng có những người yêu thương mình bên cạnh. Đã có một, hai và ba người đàn ông sẵn sàng mở ven tiếp máu cho cô, tất nhiên tôi không kể tới cái thân xác già nua của mình. Quả thật là tôi cũng rất biết ơn anh, anh bạn John ạ! Và tôi rất muốn anh tiếp tục phát huy phẩm chất đáng quý ấy. Bây giờ, có lẽ chúng ta nên xuống dưới nhà đi!

Xuống tới hành lang, chúng tôi gặp lại Quincey Morris lúc anh đang chuẩn bị gửi một bức điện cho Arthur để thông báo về cái chết của bà Westenra cũng như tình hình sức khỏe của Lucy. Khi tôi nói tôi có việc phải rời khỏi đây một lúc, Quincey không giữ lại mà chỉ hỏi một câu:

— Jack này, khi nào quay về, ông có thể dành một chút thời gian nói chuyện với tôi được không?

Tôi khẽ gật đầu đồng ý.

Khi nói đến cái chết của bà Westenra, tay nhân viên nhà nước dân sự không gây cho tôi bất cứ một phiền hà nào. Và tay phụ trách các vấn đề

ma chay của địa phương cũng sốt sắng hẹn tôi rằng anh ta sẽ đến vào buổi chiều tối để giải quyết mọi việc có liên quan.

Khi tôi về, Quincey vẫn đang ngủ. Tôi bảo lúc nào lên thăm Lucy xong tôi sẽ xuống nói chuyện với anh ta. Lucy vẫn đang ngủ, và hình như Van Helsing đã ngủ bên giường cô trong suốt thời gian tôi đi vắng. Trông thấy tôi vào, giáo sư vội đưa ngón tay lên miệng ra hiệu cho tôi giữ im lặng. Chắc hẳn ông đang nghĩ Lucy sắp tỉnh dậy đến nơi, song ông muốn giấc ngủ của cô phải là một giấc ngủ tự nhiên, và sự thức dậy của cô cũng phải là một cái gì đó thật tự nhiên chứ không phải là một sự khiên cưỡng do một tiếng động nào đó gây nên. Vì vậy, tôi phải quay xuống gặp Quincey. Tôi mời anh ta sang một phòng khách sáng sủa hơn, bởi căn phòng này không buong rèm. Vừa ngủ xuống ghế, Quincey nói luôn:

— Jack Seward này, tôi không muốn nói linh tinh về những gì mình không biết tường tận, nhưng xem ra tình hình có vẻ rất nghiêm trọng đặc biệt. Ông biết rằng tôi cũng rất yêu cô bé này và rằng tôi đã có lần cầu hôn với cô ấy. Mặc dù đó đã là chuyện cũ, song tôi vẫn rất quan tâm và lo lắng. Thực ra tôi vẫn chưa biết chính xác Lucy bị làm sao và đang phải chịu đựng nỗi đau gì. Hồi nãy, khi còn ở trong phòng ăn bên kia, tôi thấy vì giáo sư người Hà Lan đã nói với ông là cần phải có một lần truyền máu nữa, nhưng giáo sư cũng nói thêm rằng cả ông và ông ấy đều đã suy kiệt. Như vậy, Van Helsing và ông đều có ít nhất là một lần hiến máu cho Lucy, tôi hiểu như vậy có đúng không ạ?

— Chính xác là như vậy.

— Thậm chí tôi còn nghĩ rằng cả Arthur cũng đã làm như vậy. Cách đây bốn hôm, khi chúng tôi gặp nhau, tôi thấy anh ta cũng có vẻ xanh lăm. Tôi chưa bao giờ thấy ai thay đổi nhanh đến như vậy, trừ một lần tôi được chứng kiến con ngựa yêu quý của mình bị một giống dơi mà người ta vẫn gọi là “*ma cà rồng*” xé động mạch cổ rồi hút bằng sạch máu. Đêm đó, con ngựa đã không đủ sức đứng dậy, tôi đã phải cho nó một phát đạn vào đầu để nó khỏi chết đau chết đớn. Jack ạ, nếu không phải giữ bí mật nghề

nghiệp thì xin ông nói cho tôi biết đi. Có phải Arthur là người đã hiến máu đầu tiên không?

Càng nói, chàng trai trẻ càng tỏ ra thiếu bản lĩnh che giấu những lo lắng về tình trạng sức khỏe của người con gái bất hạnh mà anh ta còn yêu mến. Tôi nhận thấy anh ta chỉ còn thiếu mỗi một nước là khóc òa lên mà thôi.

Tôi lặng im suy nghĩ trước khi trả lời Quincey, vì tôi đang do dự không biết có nên nói hết sự thật ra hay không khi còn chưa biết phản ứng của giáo sư Van Helsing như thế nào. Nhưng rõ ràng anh ta cũng đã biết ít nhiều, và cũng không ngoại trừ trường hợp anh ta đoán già đoán non là tôi không thể không trả lời câu hỏi của mình.

— Đúng thế, - Tôi trả lời - Arthur là người đầu tiên.

— Thế chuyện xảy ra khi nào?

— Cách đây khoảng chục ngày.

— Chục ngày? Vậy thì cô bé đáng thương mà tất cả chúng ta đều yêu mến kia đã nhận máu của bốn người trong vòng có mười ngày thôi ư? Nếu bình thường thì lượng máu ấy quả là quá nhiều đối với một cơ thể mảnh mai như cô ấy.

Quincey bỗng ngẩng đầu nhìn tôi:

— Thế tại sao cô ấy vẫn thiếu máu nhiều đến thế?

— Đó còn là một dấu hỏi. - Tôi lắc đầu. - Cả Van Helsing và tôi bây giờ đều chưa rõ tại sao. Đúng là có một thế lực nào đó đã chống lại các nỗ lực của giáo sư. Nhưng đi đâu đó không thấy xảy ra nữa. Bây giờ chúng tôi đã quyết định phải ở lại đây cho tới khi mọi việc diễn ra thật tốt đẹp, hoặc cho tới khi mọi chuyện đã kết thúc.

Quincey nắm chặt lấy tay tôi.

— Tôi sẽ giúp các ông một tay. - Anh ta nói - Chỉ cần vị giáo sư người Hà Lan và ông bảo tôi phải làm gì là tôi sẽ làm ngay.

Buổi chiều, khi tỉnh dậy, trước sự kinh ngạc của tôi, cử chỉ đầu tiên mà Lucy làm là luồn tay xuống dưới áo ngủ lấy mấy mẫu giấy mà Van Helsing đã đưa cho tôi đọc. Giáo sư đã cẩn thận trả lại đúng chỗ cũ vì sợ

rằng khi tỉnh dậy, nếu không thấy những mẫu giấy ấy, cô bé sẽ hoảng sợ. Cần mấy mẫu giấy trên tay, cô ngược nhìn Van Helsing một lúc rồi lại quay sang nhìn tôi, vẻ thật sự hài lòng. Rồi cô ngược mắt nhìn khắp phòng như một đứa trẻ vừa được làm quen với một thế giới mới, nhưng khi chợt nhận thấy đây không phải là phòng mình, cô đã khóc nức lên và đưa hai tay ôm lấy khuôn mặt còn trắng bệch như người chết đuối. Chỉ tới lúc này cô mới nhớ ra một thực tế là cô đã mất mẹ. Chúng tôi xúm lại an ủi vỗ về cô. Nếu chúng tôi làm cho cô nhẹ nhõm trong lòng được ngằn nào thì cô sẽ đỡ bị cơn đau hành hạ ngằn ấy. Nhưng Lucy vẫn khóc nức nở trước mặt chúng tôi. Chỉ tới khi tôi nói rằng từ nay trở đi, tôi và Van Helsing hoặc sẽ cùng nhau, hoặc sẽ thay nhau ở bên cô, cô mới an tâm hơn đôi chút.

Màn đêm buông xuống, cô lại bắt đầu đi vào giấc ngủ. Thêm một điếu nữa làm tôi ngạc nhiên: trong lúc ngủ, cô đã cần mấy mẫu giấy khi nãy xé ra làm đôi. Van Helsing định gỡ những mảnh giấy ấy ra, nhưng cô vẫn giữ rất chặt và thậm chí còn xé nhỏ hơn nữa. Cuối cùng, cô đưa tay lên và xòe bàn tay ra như thể muốn ném vung những mẫu giấy vụn lên thật cao. Van Helsing rất lấy làm lạ, nhưng không thấy ông nói gì.

• Ngày 19 tháng 9

Suốt đêm hôm đó, Lucy ngủ không yên. Tôi nhận thấy không ít lần cô có những biểu hiện của một tâm trạng sợ ngủ, nhưng cuối cùng thì cô cũng vẫn cứ chìm vào một giấc ngủ sâu. Chính giấc ngủ mê mệt đã làm cô bộc lộ hết những nét bạc nhược trên gương mặt đau khổ, thậm chí còn bộc lộ rõ nét hơn so với lúc cô thức. Van Helsing và tôi thay nhau trông nom cô; chúng tôi không dám để cô nằm lại một mình một phút nào. Không biết Quincey Morris nghĩ gì, nhưng suốt đêm, tôi cứ thấy anh ta đi đi lại lại xung quanh ngôi nhà.

Buổi sáng, nhìn Lucy, chúng tôi biết là cô không còn một chút sức lực nào. Tôi không dám nói quá lời bởi vì đã có lúc cô không thể trở mình hoặc quay đầu từ bên này sang bên kia được. Hình như lượng dinh dưỡng ít ỏi mà chúng tôi cho cô dùng hôm qua đã không được tiêu hóa để chuyển

hóa thành năng lượng. Thỉnh thoảng tôi và Van Helsing lại h ồi hộp quan sát những thay đổi diễn ra trên nét mặt cô lúc cô đang chìm sâu trong giấc ngủ buổi sáng. Cũng có lúc nhịp thở của cô chậm và đều hơn. Cô ngủ mà miệng há hốc, để trơ ra hai hàng lợi tím tái tụt sâu xuống dưới chân răng, khiến cho hai hàm răng có vẻ dài và nhọn hơn hẳn so với bình thường. Khi tỉnh dậy, sự dịu dàng trong ánh mắt, dù vẫn còn lơ lơ, đã trả lại cho cô cái cảm xúc quen thuộc thường ngày. Buổi chiều, cô bỗng đòi gặp Arthur; chúng tôi đành phải đánh điện gọi anh ta đến, và người ra ga đón anh ta sẽ là Quincey.

Arthur đến vào khoảng 6 giờ. Tiết trời chiều vẫn còn nóng bức, đôi má của bệnh nhân có vẻ ửng hồng lên dưới những tia nắng còn vương lại trong phòng. Nhìn thấy Lucy, phải cố gắng lắm Arthur mới giấu được cảm xúc. Chúng tôi không ai có đủ can đảm để nói cho anh ta biết sự thật. Sự xuất hiện của Arthur dường như đã làm cho Lucy dần dần lấy lại sức lực. Kể từ khi tới nhà cô đến nay, chưa bao giờ tôi thấy cô lại nói năng sôi nổi đến vậy.

Bây giờ đã gần một giờ; Van Helsing và Arthur vẫn ng ỡng trông nom bệnh nhân. Khoảng mười lăm phút nữa, tôi sẽ tới thay ca cho họ. Trong lúc chờ đợi, tôi đã ghi lại những chi tiết này vào chiếc máy hát của Lucy. Sau khi tôi lên thay, hai người sẽ tranh thủ ngủ một giấc đến 6 giờ sáng. Hy vọng là một ngày mai, chúng tôi sẽ chẳng cần phải thức để trông nom cô nữa. R ồi cô bé khốn khổ sẽ phải bình phục. Cầu Chúa hãy giúp chúng con!

Thư của Mina Harker gửi Lucy Westenra

(Thư người nhận chưa mở)

“Ngày 17 tháng 9

Lucy thân mến,

Tớ có cảm giác như cả thế kỷ trôi qua mà không nhận được tin tức gì của cậu, hay nói đúng hơn là cả thế kỷ nay tớ chưa viết thư cho cậu. Hy

vọng cậu sẽ thứ lỗi cho tớ sau khi đọc những dòng này. Đầu tiên tớ phải thông báo cho cậu biết hai vợ chồng tớ đã về đây ở. Lúc xuống tàu ở Exeter, tớ thấy ngài Hawkins, mặc dù đang bị căn bệnh thống phong hành hạ, đã ngồi sẵn trong xe đợi đón chúng tớ. Hawkins tự tay lái xe chở hai vợ chồng tớ về nhà ông. Cả ba người đã cùng ngồi ăn tối với nhau. Bọn tớ được ông dành cho những căn phòng rất tiện nghi. Sau bữa tối, ông nói với bọn tớ:

— Các bạn ạ, tôi đã uống vì sức khỏe và hạnh phúc trăm năm của các bạn! Tôi mong các bạn luôn có được những niềm vui trọn vẹn? Tôi biết các bạn từ khi các bạn còn nhỏ, bởi vậy tôi cũng rất tự hào khi được chứng kiến các bạn trưởng thành. Hôm nay, tôi muốn các bạn hay coi đây như là nhà của chính mình vậy. Tôi sống độc thân, chẳng có con cái gì, nên tôi sẽ viết di chúc để lại tất cả gia sản của mình cho các bạn.

Lucy ạ, nghe ngài Hawkins nói, trông thấy cảnh ông và chồng tớ bắt tay nhau hồi lâu mà tớ không sao cảm được nước mắt. Buổi tối hôm ấy sao mà hạnh phúc đến thế.

Vậy là chúng tớ đã may mắn được dọn tới ở trong một ngôi nhà cổ kính tuyệt đẹp. Tất cả các phòng mà bọn tớ được lui tới, từ phòng ngủ cho tới phòng ăn và phòng khách, đều trông ra những bóng cây du già bao quanh giáo đường, nhưng chỉ có đi đâu là tối đến, tớ thường hay phải nghe tiếng bày quạ lượn qua lượn lại trên nóc nhà. Kể ra lũ quạ này cũng lắm lời thật, chúng cứ kêu quang quác đến nhức cả đầu? Tớ biết nói gì với cậu bây giờ nhỉ? Hiện tại, tớ đang rất bận sắp xếp nhà cửa, đồ đạc. Còn Jonathan thì suốt ngày chúm mũi vào công việc, vì bây giờ anh đã là phụ tá của ngài Hawkins - người đang khẩn trương bàn giao cho anh tất cả các công việc liên quan đến từng khách hàng.

Mẹ cậu thế nào rồi? Tớ rất muốn tới thăm bà và cậu một vài ngày, nhưng bây giờ thì khó quá, tớ vẫn còn rất nhiều việc phải làm. Và lại, nếu Jonathan có khỏe hơn đi chẳng nữa thì bệnh tình của anh vẫn chưa thể hoàn toàn bình phục. Thực tình, trông anh ấy vẫn còn vẫn yếu. Thỉnh thoảng tớ

lại thấy anh ấy giật mình trong giấc ngủ để rồi lại hốt hoảng tỉnh dậy, mặt mày thì ngơ ngác như một kẻ mất hồn, người run cầm cập. Cứ mỗi lần như vậy, tớ lại phải ra sức an ủi, vỗ về anh ấy. Ông Chúa, chứng bệnh của anh đang mỗi ngày một giảm, và tớ đã dám hy vọng rằng dần dần anh ấy sẽ khỏi hẳn. Bây giờ, cho phép tớ hỏi vài câu về tình hình của cậu. Cậu định bao giờ cưới, và cưới ở đâu? Ai sẽ là chủ hôn? Cậu định mặc áo dài gì? Cậu sẽ mời nhiều bạn bè hay chỉ tổ chức đơn giản thôi? Nhớ phải trả lời đấy, cô bạn yêu quý ạ bởi cậu thừa biết là tớ luôn nghĩ tới cậu, luôn quan tâm tới những gì cậu đang ấp ủ trong lòng như thế nào rồi. Jonathan cũng nhờ tớ chuyển tới cậu những lời thăm hỏi chân tình và cả những lời chúc tốt lành nhất, nhưng tớ thề rằng như thế vẫn là chưa đủ đối với một phụ tá trẻ của một công ty lớn như công ty của Hawkins và Harker. Cũng như cậu thương yêu tớ và anh ấy thương yêu tớ, tớ xin gửi tới cậu những tình cảm chân thành của họ. Tạm biệt nhé, Lucy thân thương. Chúc cậu ngàn lần hạnh phúc.

Mina của cậu”.

Báo cáo của bác sĩ tâm thần Patrick Hennessey gửi bác sĩ John Seward

“Ngày 20 tháng 9

Ông bạn đồng nghiệp thân mến.

Tôi xin được thuật lại rằng tình trạng của một vài bệnh nhân mà tôi đang chăm sóc không có gì đáng nói. Còn về trường hợp của Renfield, tôi thấy có rất nhiều điều cần phải nói. Hẳn lại một lần nữa lên cơn, song cơn điên lần này đã kết thúc mà không có một hậu quả đáng buồn nào xảy ra. Tiện thể tôi cũng xin được nói luôn rằng chiều nay, một chiếc xe tải chở hàng cùng hai người đàn ông đã xuất hiện tại ngôi nhà hoang gần bệnh viện của chúng ta - ngôi nhà mà Renfield đã hai lần trốn viện và vượt rào sang đó, hẳn ông vẫn còn nhớ? Hai gã đàn ông này đã dừng lại trước bệnh viện để

hỏi đường người gác cổng, vì theo tôi được biết thì đây không phải là người trong vùng. Lúc đó tôi vừa ăn trưa xong và đang đứng hút thuốc trước cửa phòng, vì vậy tôi đã nhận thấy một trong hai gã đi về phía hành lang ngoài của bệnh viện. Khi gã đi qua cửa sổ phòng Renfield, bệnh nhân này lập tức nhòe dậy chửi bới lung tung. Hắn chửi rằng gã đàn ông kia không chỉ đến để ăn trộm mà còn định giết hắn, và hắn còn thề lần sau, hắn sẽ không để gã làm hại hắn. Tôi mở cửa sổ và bảo gã lái xe tải dừng để bụng về chuyện này. Sau khi liếc mắt nhìn lại mặt trước tòa nhà bệnh viện, gã mới nhận ra là mình đang đứng ở đâu. Chỉ khi ấy gã mới bảo tôi:

— Cầu Chúa hãy ban phước lành cho ông. Quả thực là tôi vẫn chưa hình dung hết cái cảnh phải đứng trước bọn người điên. Tôi thật ái ngại cho ông và ông chủ của ông đã phải sống giữa những kẻ hung tợn đến như vậy!

Rồi gã lịch sự hỏi tôi lối sang ngôi nhà hoang bên cạnh. Tôi cũng đáp lễ chỉ đường cho gã. Gã đi rồi nhưng Renfield vẫn điên khùng phun ra hàng tràng những lời chửi bới và đe dọa. Khi tôi xuống thăm hắn, trong đầu tôi vẫn tự hỏi là lần này mình có thể tìm ra nguyên nhân khiến cho hắn tức giận hay không.

Xuống tới phòng hắn, tôi rất ngạc nhiên vì không hiểu sao hắn lại lặng lẽ và hiền hòa đến thế. Tôi cố gắng hỏi xem hắn nói gì về chuyện đã xảy ra, nhưng hắn lại hỏi lại là tôi định nói gì. Tôi thấy dường như hắn đã thực sự không còn nhớ gì nữa. Thật không hay ho tí nào khi đó chỉ là một ví dụ mới về đầu óc xảo trá của hắn, bởi chưa đầy nửa giờ đồng hồ sau, hắn lại khiến tôi phải nói về hắn. Lần này, hắn đã nhảy ra ngoài qua cửa sổ và bỏ chạy thực mạng. Sợ hắn làm bậy, tôi buộc phải gọi mấy giám thị và bảo họ bằng mọi giá phải bắt bằng được hắn về. Và tôi đã không nhầm. Một lúc sau, tôi thấy chiếc xe tải quay ngược trở lại phía bệnh viện, trên xe lúc này là những chiếc thùng lớn. Hai gã trên xe đang lấy khăn lau mồ hôi trên trán, mặt mũi họ đỏ gay đỏ gắt như thể vừa trải qua một cuộc vật lộn ác liệt. Trước khi tôi chớp được tên bệnh nhân, hắn đã kịp nhảy lên bậc xe tóm gậy

một gã lái xe và lôi xuống đất, rồi hấn túm tóc nạn nhân và đập đầu gã túi bụi xuống mặt đường. Nếu lúc ấy tôi không kịp chạy bám theo thì có lẽ hấn đã đập chết tươi gã đàn ông kia rồi.

Gã lái xe còn lại cũng vội vàng nhảy xuống đất, tay cầm một ống dây cao su vút lia lịa vào người tên bệnh nhân. Những đòn đánh này lẽ ra phải làm cho hấn đau đớn điên dại, nhưng không, nhìn hấn không có vẻ gì là như thế, bởi vì sau đó hấn đã thản nhiên đứng dậy đánh lại gã đàn ông đang tấn công hấn, rồi hấn tấn công lại cả ba chúng tôi, xô đẩy chúng tôi nghiêng ngả, dúm dui dễ dàng như thể hấn làm với mấy con mèo hen. Ông biết rằng tôi chỉ là một thằng còm nhom, song tôi không thể nói như vậy với hai gã lái xe tải: đó là hai gã khỏe như trâu mộng. Lúc đầu, hấn chẳng nói chẳng rằng gì hết, chỉ đến khi chúng tôi tìm cách làm chủ được hấn và khi mấy tay giám thị khoác áo trời lên người hấn, hấn mới gào lên: “Tôi đang phá kế hoạch của chúng! Chúng sẽ không thể ăn trộm của tôi, chúng không thể giết tôi được nữa! Tôi phải chiến đấu vì đức Chúa Trời và vì ông chủ!” Hấn không ngớt tuôn ra những lời nói điên rồ chẳng ai hiểu nổi. Phải khó khăn lắm chúng tôi mới dẫn được hấn về bệnh viện và nhốt vào trong phòng. Còn hai gã lái xe tải, lúc đầu cứ luôn miệng dọa sẽ đưa vụ hành hung này ra tòa; nhưng sau đó, tôi lại thấy lẫn lộn với lời đe dọa đó là những câu nói có hàm ý ăn năn, hối tiếc vì cả hai đã để mặc cho một kẻ điên rồ mất trí như vậy đánh đập. Cả hai đều có ý phân bua rằng nếu không phải chịu nhục để mang các thùng hàng đi cho êm xuôi, thì chắc chắn họ đã thắng thế chứ không phải là thằng điên kia! Song họ cũng đưa ra một lý do khác để biện hộ cho thất bại của mình: cơn khát cháy họng sau khi hoàn thành xong công việc bốc vác hàng lên xe đã làm cho họ bị mất sức, trong khi đó, xung quanh đây lại không có bất cứ một quán giải khát nào. Tôi hiểu thực ra họ muốn gì. Vì vậy, sau khi cho họ uống mỗi người hai cốc rượu trắng pha chanh, đường và nước nóng, và giúi vào tay mỗi người một đồng tiền vàng, tôi không thấy họ đả động gì đến chuyện kiện tụng nữa. Thậm chí họ còn nói đùa rằng sẽ có ngày họ sẵn sàng tởn tĩ

với một thằng điên khác, kể cả một kẻ hung tợn hơn nhiều. Tôi đã cẩn thận ghi lại tên tuổi và địa chỉ của họ, vì biết đâu sẽ có ngày chúng ta cần đến. Tất cả những gì tôi ghi là thế này: *Jack Smoliet, khu nhà Dudding, phố King George, Great Walworth; và Thomas Snelling, dãy nhà Peter Farley, Guide Court, Bethnal Green*. Hai gã này đang làm việc tại công ty vận tải biển Orange Masters Yard của Harris.

Tôi sẽ thông báo tường tận cho ông biết về tất cả những gì quan trọng xảy ra ở đây và sẽ đánh điện gửi ông ngay sau khi có tin mới.

Kính chào ông!

Patrick Hennessey”.

Mina Harker gửi Lucy Westenra

(Thư người nhận chưa mở)

“Ngày 18 tháng 9

Lucy thương nhớ.

Bọn tớ đang trải qua một bất hạnh thật lớn lao. Ngài Hawkins vừa đột ngột qua đời, khiến bọn tớ cảm thấy như vừa mất đi một người cha thật sự. Tớ cảm nhận rất rõ điều này, vì tớ chưa một lần được biết mặt cha mẹ đẻ của mình. Còn đối với Jonathan, sự ra đi của một con người hào hiệp luôn coi anh như một người con đẻ đã để lại trong anh một nỗi buồn khôn nguôi. Vậy là trách nhiệm đối với mọi công việc lúc này bắt đầu thuộc về anh ấy, làm cho anh ngày càng cảm thấy căng thẳng hơn và thậm chí, đã có lúc anh bỗng tỏ ra nghi ngờ với chính mình. Tuy nhiên, tớ đã hết sức cố gắng động viên anh, và chính lòng tin mà tớ đang gửi gắm nơi anh đã làm cho anh tự tin hơn. Dẫu sao thì đây cũng là kết quả của một cú sốc ghê gớm mà chính anh là nạn nhân. Ngày trước, tớ còn nhớ Jonathan luôn là một người đàn ông can đảm và đầy nghị lực - chính đức tính này đã thuyết phục được Hawkins khi ông quyết định giao cho anh nhiệm vụ của một người phụ tá. Thật khó mà hình dung ra rằng bây giờ anh ấy lại suy sụp

đến thế! Cô bạn thân à, nếu những đi đầu tớ vừa nói ra đây khiến cậu phải bận tâm lo lắng và làm ảnh hưởng tới hạnh phúc của cậu thì xin cậu hãy thứ lỗi! Nhưng tớ buộc phải tâm sự với một người nào đó trong lúc này, bởi nếu đứng trước Jonathan, tớ tỏ ra can đảm và vững tâm bao nhiêu, thì việc phải âm thầm chịu đựng nỗi ưu tư một mình lại làm tớ suy sụp bấy nhiêu. Tớ sợ rằng ngày kia - tức là ngày bọn tớ phải đưa Hawkins về Luân Đôn chôn cất bên mộ cha ông theo ý nguyện cuối cùng của ông, tớ sẽ không thể đứng vững được nữa nếu không tâm sự được với cậu. Jonathan sẽ là người đứng đầu lễ tang vì anh cũng chẳng còn cha mẹ nữa. Song dù thế nào thì tớ cũng sẽ cố gắng đến thăm cậu, Lucy thân yêu ạ. Một lần nữa xin cậu đừng trách tớ vì những tin buồn này nhé!

Chúc cậu ngàn lần may mắn?

Mãi mãi là người bạn lớn của cậu, Mina Harker”.

Nhật ký của bác sĩ Seward

• Ngày 20 tháng 9

Tối nay, tôi tình nguyện ở lại một mình, và như thường lệ, tôi lại giờ soạn viết nhật ký. Tôi cảm thấy bất hạnh, mệt mỏi và yếu ớt - cứ như đang chán đời và chán tất cả mọi người - đến nỗi nếu lúc này nghe thấy tiếng đàn dơi vỗ cánh, thế nào tôi cũng nghĩ là Thần Chết đang mời mọc mình. Đúng là trong những ngày vừa qua, chúng tôi đã thấy... Lúc đầu là bà mẹ của Lucy, rồi đến cha của Arthur, và bây giờ... Nhưng cứ để cho tôi kể...

Đến giờ hẹn, tôi lên trông Lucy để Van Helsing có thể nghỉ ngơi một chút. Cả tôi và giáo sư đều cố gắng thuyết phục Arthur cùng đi nghỉ, song anh cứ nhất định từ chối. Tuy nhiên, khi tôi giảng giải cho anh biết là ngày hôm sau, chúng tôi có thể rất cần tới sự giúp đỡ của anh và chúng tôi không nên để mệt mỏi thêm chỉ vì mất ngủ, anh đã vâng lời. Van Helsing cũng động viên anh ta:

— Xuống nghỉ đi, anh bạn trẻ? Sự đau đớn và lòng ưu phiền có lẽ cũng đủ làm anh suy kiệt rồi, đừng để cho tình trạng ấy quá lên. Không nên ở lại một mình, bởi vì sự cô đơn có thể sẽ càng làm cho anh thêm đau khổ đấy. Xuống phòng khách cùng tôi đi, ở dưới đó có sẵn lò sưởi và hai chiếc trường kỷ rồi. Hai chúng ta sẽ nằm mỗi người một ghế thay giường vậy. Tôi sẽ kéo ghế lại gần anh, chúng ta phải nằm gần nhau để an ủi nhau trong lúc này, kể cả khi hai chúng ta cùng nằm ngủ khi và không ai nói gì cũng được.

Arthur đau đớn đứng nhìn Lucy một hồi lâu rồi lặng lẽ bước theo Van Helsing xuống cầu thang. Lucy vẫn nằm im bất động trên giường. Đưa mắt nhìn khắp căn phòng, tôi nhận thấy giáo sư vẫn tiếp tục dùng những bông hoa tỏi: ông đã chà xát hoa tỏi vào tất cả cửa sổ của các phòng, chỗ nào cũng sực một mùi hôi hắc của giống cây khó ngửi này. Ông còn tết với những bông hoa tỏi vào chiếc khăn tay của Lucy và quàng vào cổ cô. Lucy chưa bao giờ có những biểu hiện đau đớn đến thế. Thỉnh thoảng cô lại thở rống lên với những nhịp thở không đều. Cô vẫn ngủ với những biểu hiện của lần trước: miệng há hốc, hai hàng lợi tím tái và co tụt hẳn lại, hai hàm răng trông có vẻ dài và thậm chí còn nhọn hơn cả lúc sáng, đặc biệt những chiếc răng nanh, trông chúng còn dài và nhọn hơn hẳn những chiếc còn lại. Lúc tôi ngẩng xuống mép giường, cô chợt khẽ cựa quậy yếu ớt như thể đang trải qua một cơn đau. Đó cũng chính là lúc có một vật gì đấy vừa đập mạnh vào ô cửa kính. Tôi rón rén bước lại gần cửa sổ, nâng một góc rèm lên nhìn ra ngoài. Dưới ánh trăng bàng bạc, tôi nhận ra một con dơi to bụi đang miệt mài lượn đi lượn lại như điên, có lẽ là những tia sáng, dù yếu ớt, hắt ra từ phòng ngủ đã thu hút nó. Thỉnh thoảng tôi lại thấy nó vỗ cánh đập lướt qua mặt kính cửa sổ. Khi tôi quay lại giường, Lucy đã hơi thay đổi tư thế nằm và gạt vung vòng hoa tỏi ra khỏi cổ từ lúc nào mà tôi không biết. Tôi cố gắng sắp xếp lại như cũ. Nằm thêm được một lúc nữa thì cô tỉnh dậy. Tôi cố gắng cho cô ăn một chút đúng như lời dặn của Van Helsing, cô ăn mà cứ như phải chịu một cực hình! Phải nói rằng mặc dù ngay cả cái sức lực vô

thức của bản năng bây giờ cũng đã từ bỏ cô, nhưng dường như vẫn có một cái gì đó đang thôi thúc cô chiến đấu đến cùng chống lại bệnh tật và sẽ chiến thắng bệnh tật bằng mọi giá. Tôi thật sự ngạc nhiên khi thấy vừa mới tỉnh dậy, cô đã vội ôm xiết lấy tràng hoa tỏi. Tôi rất lấy làm lạ về điều này: cứ mỗi lần cô rơi vào trạng thái ngủ vùi khiến cho nhịp thở của cô trở nên rất khó nhọc là một lần cô lại đẩy tràng hoa ra xa. Ngược lại, cứ mỗi lần cô tỉnh hoặc sắp tỉnh dậy, tôi lại thấy cô ôm chặt lấy tràng hoa vào người. Còn một chuyện nữa mà tôi không thể quên: trong những giờ đồng hồ sau đó, tôi thấy cô tỉnh dậy rồi lại ngủ lịm đi rất nhiều lần, và sự việc cứ tiếp diễn như vậy với những động tác giống nhau của cô.

Vào sáu giờ tối Van Helsing lên thay ca cho tôi. Arthur đã ngủ thiếp đi nên ông không nỡ đánh thức anh dậy. Ông nhìn Lucy mà không khỏi xuýt xoa. lát sau, ông quay sang bảo tôi, giọng rất nhẹ song cũng rất rõ ràng:

— Kéo rèm lên hộ tôi! Tôi muốn có ánh sáng!

Ông cúi xuống nhắc tràng hoa tỏi ra khỏi cổ Lucy để kiểm tra tình hình cho người bệnh. Tiếng kêu tắc nghẹn trong cổ họng ông đã làm tôi giật mình: “Lạy Chúa!” Tôi lặng người cúi xuống cùng ông, và những gì đập vào mắt đã khiến tôi rùng mình, run rẩy: các vết thương trên cổ cô đã hoàn toàn biến mất.

Van Helsing chết lặng đi một lúc, nét mặt ông lộ rõ vẻ cam chịu và nghiêm trọng hơn bao giờ hết. Khoảng năm phút sau, ông quay sang bảo tôi:

— Cô bé đang chết, mọi chuyện chắc cũng sẽ sớm kết thúc thôi. Nhưng anh hãy nghe tôi nói đây, dù cô ta có chết trong lúc ngủ hay không thì cũng thế thôi. Anh xuống đánh thức Arthur dậy cho anh ta được nhìn thấy người yêu mình lần cuối cùng. Anh ta đang đợi chúng ta gọi dậy vì tôi hứa thế mà.

Tôi bàng hoàng chạy xuống gọi Arthur. Phải mất một lúc anh mới định thần lại được sau một giấc ngủ mê mết. Lúc đầu, tôi buộc phải nói dối anh ta là Lucy vẫn đang ngủ, nhưng dần dần tôi cũng phải thú thực rằng tôi và

giáo sư Van Helsing đầu rất sợ một kết cục buồn đang tới gần. Arthur cảm thấy bầu trời như sắp đổ sập xuống, anh ta quỳ gối xuống ghế, hai tay ôm mặt, bờ vai rung lên bất bởi những tiếng nấc nghẹn ngào. Anh cứ quỳ gối như vậy mà cầu nguyện trong nhiều phút đồng hồ. Tôi phải nắm tay anh kéo dậy.

— Nào, anh bạn, - tôi nói - hãy can đảm lên, phải can đảm lên vì cô ấy chứ.

Trở lại phòng Lucy, tôi thấy Van Helsing vẫn cố gắng tỏ ra bình thường nếu không muốn nói là còn cố làm ra vẻ vui hơn như mọi khi. Thậm chí ông còn lấy lược chải lại mái tóc óng ả như một dây lụa vương lòa xòa trên gối của cô gái.

Khi chúng tôi vừa bước vào cũng là khi cô mở mắt. Nhìn thấy chúng tôi chưa cưới, cô khẽ thì thào:

— Arthur! Tình yêu của em! Thật là vui khi được thấy anh ở đây!

Arthur cúi xuống định ôm chầm lấy cô gái, nhưng Van Helsing đã kịp ngăn lại:

— Đừng, đừng làm thế, bây giờ chưa phải lúc? Anh cần lấy tay cô ấy là được rồi, làm như vậy có khi còn an ủi cô ấy được nhiều hơn đấy!

Arthur đành lòng cầm tay người vợ chưa cưới và quỳ xuống bên giường cô. Dù thế nào đi nữa thì trông cô vẫn rất xinh đẹp, những nét dịu dàng trên gương mặt thanh tú của cô thật hài hòa với vẻ đẹp thiên thần của đôi mắt. Hai hàng mi cô từ từ khép lại đưa cô vào giấc ngủ mới. Có đôi lúc, tôi trông thấy lồng ngực cô phồng lên rồi lại từ từ xẹp xuống, nhìn cô thở mà tôi ngỡ là đang nhìn một đứa trẻ bị ốm.

Sự thay đổi bất bình thường mà tôi thấy ở cô trong những giờ trước đó lại bắt đầu xuất hiện: nhịp thở khó nhọc với những hơi thở bị ngắt đoạn, mồm miệng há hốc ra để lộ hai hàng lợi trắng nhợt cùng hai hàm răng dài và nhọn.

Cô mở mắt ra trong một trạng thái gần như vô thức, trong ánh mắt ấy là một nỗi buồn vô tận lẫn với sự đau đớn vô vọng, chỉ có giọng nói là vẫn

vậy, dịu dàng và chan chứa yêu thương:

— Arthur! - Cô nhắc lại những lời trước đó - Ôi! Tình yêu của em! Em thật hạnh phúc khi lại được thấy anh bên mình? Hãy ôm hôn em đi?

Chỉ đợi có thế, Arthur lập tức lao tới định ôm chầm lấy người vợ chưa cưới, nhưng một lần nữa, tôi và Van Helsing buộc phải cản anh lại. Van Helsing túm chặt hai vai Arthur và đẩy mạnh anh ta lùi lại tới tận gần cuối phòng, quả thực tôi chưa bao giờ nghĩ ông khỏe đến thế.

— Anh bạn tội nghiệp ơi, đừng nên làm như vậy? - Ông khẽ kêu lên - Đừng bao giờ làm như vậy, phải biết thương cô ấy và thương lấy chính mình chứ!

Arthur chỉ còn biết đứng chết lặng tại chỗ, mặt thần thờ đau khổ như đang chờ đợi một điều tồi tệ nhất sắp xảy ra. Van Helsing và tôi không dám rời mắt khỏi Lucy lấy một phút. Chúng tôi thấy hình như trên khuôn mặt cô bắt đầu có những biểu hiện đầu tiên giống như những biểu hiện của chứng co giật. Tiếp đó, hai hàm răng nhọn của cô chọt há ngoác ra rồi bất ngờ khộp mạnh vào nhau tạo thành một âm thanh nghe khô khốc và ghê rợn. Tôi có cảm giác như cô vừa cắn một cái gì đó. Rồi đôi mắt cô từ từ khép lại, và cũng như những lần trước, nhịp thở của cô bắt đầu trở nên khó nhọc hơn.

Nhưng chỉ ít phút sau, cô lại mở mắt ra, vẫn ánh mắt dịu dàng trên khuôn mặt đau khổ. Cô khó nhọc đưa bàn tay trắng muốt nhưng gầy guộc nắm lấy bàn tay Van Helsing rồi hôn nhẹ lên đó.

— Người bạn già đáng kính của tôi. - Cô thổn thức nói bằng một giọng yếu ớt và run run như không còn kìm nén được cảm xúc khó tả trong lòng. - Người bạn già tốt bụng của tôi, cũng là người bạn già tốt bụng của anh ấy! Ôi! Hãy chăm sóc anh ấy giúp tôi, và hãy cứ để mặc tôi!

— Xin cô hãy yên tâm, tôi xin hứa với cô như vậy? - Giáo sư vừa nói vừa quỳ xuống bên giường bệnh.

Rồi ông quay sang bảo Arthur:

— Lại đây đi, anh bạn, hãy cầ n lấy tay và hôn lên trán cô bé đi, song nhớ là chỉ được một lầ n thôi đấy nhé!

Đôi vợ ch ồng chưa cưới lặng lẽ đưa mắt nhìn nhau thay vì một nụ hôn. Arthur chỉ làm có thế r ồi lại lui xa ra.

Đôi mắt cô gái một lầ n nữa từ từ khép lại. Van Helsing cầ n tay Arthur, trong khi mắt ông vẫn không rời khỏi cô gái.

Chúng tôi chợt nghe thấy những tiếng rên thoát ra từ l ồng ngực thoi thóp của cô gái và r ồi chẳng còn gì nữa, đến một hơi thở nhẹ cũng không!

— Thế là hết, - ông lẩm bầm - tất cả đã kết thúc r ồi.

Tôi nặng nề dìu Arthur xuống phòng khách, chỉ đợi đến bên chiếc ghế bành, anh đổ vật xuống, hai tay ôm mặt khóc nức nở. Nhìn người anh rung lên trong tiếng nấc nghẹn ngào, tôi không sao cầ n lòng được. Tuy nhiên, tôi vẫn phải lên gặp Van Helsing. Ông đang đứng chết lặng nhìn cô gái xấu số, nét mặt ông đau khổ hơn bao giờ hết. Phải, tôi nhìn Lucy, tôi có cảm giác như cái chết phũ phàng đã trả lại cho cô cái vẻ đẹp vốn có: v ầng trán, r ồi cả hai gò má của cô nữa, lúc này không còn những nếp nhăn nheo, thậm chí cả đôi bờ môi cô cũng đã mất đi cái màu trắng nhợt của xác chết. Dường như khi trái tim cô không còn đập nữa, dòng máu trong người cô đã d ần lại tô h ồng cho làn môi để làm mất đi cái vẻ nhợt nhạt đáng sợ của một thây ma. “Vậy là khi cô bé đang ngủ, chúng tôi cứ tưởng là cô đã chết; còn bây giờ, khi cô ấy đã chết, chúng tôi lại ngỡ là cô đang ngủ”. Tôi thầ n nghĩ, trong lòng xót xa, cay đắng.

Tôi đến bên Van Helsing và khe khẽ nói như sợ làm cô bé thức dậy:

— Cuối cùng thì cô bé cũng được bình yên! Mọi nỗi đau đối với cô coi như đã chấm dứt.

— Chúa ơi, không đâu? - Ông quay sang nói với tôi, giọng thì thào. - Chúa ơi, không phải như vậy đâu! Những nỗi đau ấy mới chỉ vừa bắt đầu thôi.

Tôi hỏi giáo sư nói gì tôi không hiểu; ông lắc đầu trả lời:

— Bây giờ vẫn còn quá sớm để hành động. Chúng ta hãy cứ đợi xem chuyện gì sẽ xảy ra!

Nhật ký của bác sĩ Seward

Chúng tôi quyết định hai ngày nữa sẽ tổ chức tang lễ cho cả Lucy và mẹ cô. Tôi bận lo mọi thủ tục giấy tờ. Các nhân viên nhà tang lễ có vẻ rất phục tùng ông chủ của họ, ngay cả bà già lẩm lờn chuyên làm công việc tắm rửa cho người quá cố cũng rất nhiệt tình với nhà đám. Khi bước ra khỏi phòng Lucy, bà ta còn tâm tình với tôi bằng một giọng rất nghề nghiệp:

— Ông thấy không, cô bé chết rất đẹp mà, được chăm lo cho cô ấy lúc này quả là một ưu tiên đối với chúng tôi. Nếu có nói cô ấy sẽ mang lại vinh hạnh cho công ty chúng tôi thì cũng chẳng phải là quá lời!

Trong suốt thời gian tôi bận công việc, Van Helsing không hề bước chân ra khỏi cửa. Chúng tôi không ai biết bà con họ hàng của người quá cố. Đã thế, ngày mai, Arthur lại phải về nhà để lo tang lễ cho người cha xấu số, vì vậy tôi và Van Helsing phải đứng ra lo mọi công việc tang gia và kiểm tra lại toàn bộ số giấy tờ có trong nhà. Giáo sư đặc biệt quan tâm đến số giấy tờ của Lucy. Không hiểu tại sao ông lại làm như vậy, bởi vì là một người nước ngoài, chắc gì ông đã hiểu hết các chi tiết của pháp luật Hoàng gia Anh và chưa biết chừng sự bỡ ngỡ của ông còn khiến chúng tôi rơi vào khó khăn trước các nhà chức trách địa phương nữa ấy chứ.

— Anh đã quên mất rằng - Ông đáp lại sự nghi ngờ của tôi - tôi làm tiến sĩ luật cũng tốt như làm bác sĩ. Mấy hôm trước, anh hoàn toàn đúng khi nói chúng ta cần phải tránh những cuộc đi đầu tra phiền toái không cần thiết! Hơn nữa, vấn đề không chỉ dừng lại ở luật pháp, mà còn mở rộng sang cả khía cạnh khác. Biết đâu chúng ta lại chẳng tìm ra các giấy tờ, chẳng hạn như...

Vừa nói ông vừa lôi trong sổ tay ra mấy tờ giấy mà Lucy luôn giữ bên mình, đó chính là mấy tờ giấy mà cô đã xé tan tành trong giấc ngủ mê mết.

— Nếu tìm được viên công chứng nhà bà Westenra, anh cứ đi yên đủ và gửi cho ông ta toàn bộ số giấy tờ có liên quan đi. Về phần mình, tôi sẽ qua đêm ở đây hoặc ở trong căn phòng cũ của Lucy. Tôi định tìm hiểu thêm một vài vấn đề nữa.

Vậy là tôi lại phải tất tả chạy đi hoàn thành phần việc mà giáo sư đã giao cho. Nửa giờ sau tôi mới tìm ra danh tính và địa chỉ của viên công chứng nhà Westenra. Toàn bộ số giấy tờ của người phụ nữ đáng thương đã được chuẩn bị đầy đủ, đặc biệt là ý nguyện về nghi lễ tổ chức đám tang của bà cũng đã được thảo đầu ra đấy. Lúc tôi sắp xếp lại các giấy tờ cũng là lúc giáo sư Van Helsing bước vào phòng. Câu hỏi của ông làm tôi ngạc nhiên:

— Tôi giúp anh được chứ, anh bạn John? Tôi chẳng còn biết làm gì cả. Nếu có việc gì, anh cứ bảo tôi giúp một tay.

— Nhưng giáo sư đã tìm thấy gì mới chưa?

— Chẳng tìm thấy cái gì quan trọng cả. Tôi hy vọng là mình sẽ tìm ra một điếu gì đó mới mẻ, nhưng rốt cuộc vẫn chỉ là vài lá thư và một đoạn nhật ký. Tôi đã cần cả đây rồi, nhưng tạm thời cứ để nguyên đấy đã. Chiều tối mai, tôi sẽ gặp anh chàng tội nghiệp ấy và nếu được phép, chúng ta sẽ sử dụng số giấy tờ đó. Anh bạn John ạ, - Giáo sư tiếp tục giải bày sau một thoáng trầm ngâm - có lẽ bây giờ chúng ta có thể đi ngủ được rồi đấy. Tôi và anh cần phải đặt lưng ngủ một chút. Ngày mai sẽ có rất nhiều việc phải làm, còn tối nay, như thế là đủ rồi!

Tuy nhiên, trước khi đi ngủ, chúng tôi vẫn không quên ngó qua căn phòng cô bé Lucy đang yên nghỉ. Căn phòng đã được nhân viên nhà tang lễ biến thành một nhà thờ nhỏ đặt đầy những tràng hoa trắng. Không khí trong phòng có vẻ đỡ nặng nề và lạnh lẽo hơn. Khuôn mặt Lucy được phủ kín bằng một mảnh vải lanh trắng. Chẳng hiểu sao giáo sư Van Helsing lại nhắc mảnh khăn ấy lên. Chúng tôi không khỏi bất ngờ khi nhìn thấy khuôn mặt người chết rạng rỡ hẳn lên dưới ánh sáng lung linh của những ngọn nến. Trong cái chết, Lucy bỗng trở lại với vẻ đẹp nguyên sơ từng có trước cái ngày cô lâm vào căn bệnh khó hiểu. Hàng giờ trôi qua kể từ khi

cô trút hơi thở cuối cùng dường như chỉ càng làm cho cô trở về với vẻ đẹp của những ngày cô còn sống. Trông cô đẹp đến nỗi tôi không khỏi nghi ngờ là mình đang đứng trước một kẻ đã chết.

Trông giáo sư có vẻ suy nghĩ nghiêm trọng lắm. Ông không yêu cô gái như tôi đã từng yêu, và khóe mắt ông cũng chẳng giấu đây những giọt lệ như tôi.

— Cứ đợi tôi ở đây, - Ông bảo tôi - đừng có ra khỏi phòng đấy nghe chưa.

Lát sau, ông trở lại với một mớ hoa tỏi trên tay. Đó là những nhánh hoa tỏi ông đã cắt vào trong một cái hòm sắt đặt ngoài hành lang. Ông khẽ cắm kèm từng bông vào giữa những bông hoa trắng đặt khắp phòng, nhất là ở xung quanh giường nằm của Lucy. Rồi ông nhấc cây thánh giá nhỏ bằng vàng nằm lấp dưới cổ áo cô đặt lên môi cô và nhẹ nhàng che lại tấm khăn trên mặt cô. Chúng tôi lặng lẽ bước ra ngoài.

Về phòng, tôi chưa kịp thay quần áo thì đã thấy Van Helsing đập cửa bước vào, ông bảo tôi:

— Chiều tối mai, tôi muốn anh mang cho mượn mấy dụng cụ mổ xác.

— Cái gì? Chúng ta phải mổ xác sao?

— Đúng và cũng không hẳn là như vậy. Đúng là tôi định làm phẫu thuật, nhưng không phải theo cách mà anh vẫn nghĩ đâu. Cứ để tôi giải thích, chỉ có đi đâu anh phải tuyệt đối giữ bí mật, anh hiểu ý tôi rồi chứ? Tôi e rằng có lẽ chúng ta phải cắt đầu và thậm chí phải lấy trái tim cô ấy ra đấy. Sao? Anh không bị sốc đấy chứ, nhà phẫu thuật trẻ? Tôi đã chẳng thấy anh mấy lần phẫu thuật tim cho các bệnh nhân trong tình trạng chỉ mảnh treo chuông đó là gì? Phải can đảm lên, anh bạn John ạ! À, phải rồi! Thứ lỗi cho tôi nhé! Lẽ ra tôi không được quên là anh cũng yêu cô bé! Vậy thì tự tay tôi sẽ làm phẫu thuật, và anh chỉ phải hỗ trợ cho tôi thôi. Tôi định làm ngay tối nay, nhưng rõ ràng là không thể được, bởi vì Athur vẫn còn có mặt ở đây. Tất nhiên là ngày mai, khi chôn cất cho cha xong, thế nào anh ta cũng sẽ quay trở lại để được thấy người yêu mình một lần nữa. Nhưng khi quan tài

đã được đóng nắp và đợi mọi người đi ngủ cả rồi, tôi và anh sẽ quay lại mở quan tài để tiến hành phẫu thuật. Sau đó, chúng ta sẽ làm lại như cũ, miễn là đừng để ai nhìn thấy.

— Nhưng xin hỏi thật, chúng ta phẫu thuật để làm gì chứ? Cô bé tội nghiệp đã chết rồi, tại sao lại phải mổ xác một cách vô cớ như vậy? Có phẫu thuật cũng chỉ là vô ích nếu như nó chẳng mang lại một điều gì thiết thực cho người đã khuất, cho chúng ta, cho khoa học hay thậm chí là cho tri thức của loài người. Vậy thì mổ xẻ để giải quyết vấn đề gì kia chứ? Làm thế thì nhân tâm quá!

Giáo sư khẽ vỗ vai tôi và trả lời bằng một giọng chỉ vừa đủ nghe:

— Anh bạn thân mến ạ, tôi rất hiểu nỗi phiền muộn trong lòng anh và cũng rất thông cảm với anh. Tôi biết làm vậy sẽ khiến nỗi đau của anh càng sâu sắc thêm gấp bội phần. Tôi cũng đau lắm chứ. Nhưng còn nhiều điều anh chưa biết đâu, rồi anh sẽ sớm nhận ra những gì tôi chưa muốn nói, cho dù đó toàn là những điều chẳng vui vẻ gì. John ạ, đã nhiều năm trôi qua kể từ khi anh trở thành một người bạn thân thiết của tôi, vậy đã bao giờ anh thấy tôi làm bừa một việc gì đó mà không có mục đích thiết thực chưa? Tôi có thể nhầm lẫn, bởi nói cho cùng tôi cũng chỉ là một con người, nhưng tôi luôn tin ở những gì mình làm. Chẳng phải vì thế mà anh đã mời tôi đến đây đó? Phải chứ! Và cũng chẳng phải là anh đã không ngạc nhiên hay nói đúng hơn là anh đã không bị sốc khi thấy tôi ngăn cản Athur ôm hôn người vợ chưa cưới của anh ta khi cô ấy sắp chết và lời xềnh xệch anh ta ra xa cái giường đó ư? Phải! Nhưng anh cũng đã được thấy cô bé cảm ơn tôi bằng một giọng nói yếu ớt và bằng cả đôi mắt tuyệt đẹp sắp vĩnh viễn khép lại, trong khi đôi môi cứ hôn mãi lên bàn tay già nua của tôi rồi phải không? Phải! Không phải là anh đã nghe thấy tôi thề sẽ làm theo đúng với những gì cô yêu cầu đó ư? Phải! Bởi thế nên bây giờ tôi đã có đủ lý do chính đáng để làm theo những gì tôi muốn. Và lại, anh đã tỏ ra rất tin tưởng ở tôi trong ngần ấy năm rồi kia mà, anh cũng rất tin ở tôi trong suốt những tuần đầy những chuyện kỳ quái vừa qua. Hãy tin tôi thêm một thời

gian nữa đi, anh bạn John thân mến ạ. Nếu anh không chịu, tôi buộc phải nói ra tất cả những nghi ngờ của mình ngay bây giờ, chỉ có đi đầu đó toàn là những lời anh không muốn thôi. Hơn nữa, nếu bắt tay vào việc mà không có sự tin tưởng trọn vẹn của anh bạn, xin lưu ý là dù anh có tin hay không thì tôi vẫn phải kiểm nghiệm xem mình đúng hay sai, chắc chắn tôi sẽ phải tiến hành công việc trong một tâm trạng nặng nề và không thể tránh khỏi cảm giác đơn độc. Bởi vậy, tôi rất cần sự giúp đỡ tận tình và lòng can đảm của anh!

Ông trầm ngâm một lát rồi nói tiếp:

— Hãy tin ở tôi đi, anh bạn John ạ, những ngày khủng khiếp nhất vẫn đang chờ đợi chúng ta đấy. Đi đầu tôi cần mong bây giờ là sao cho trong hai chúng ta, dù thế nào cũng chỉ cần một người thôi là đủ để thực hiện suôn sẻ những gì cần phải làm.

Tôi lặng lẽ nắm chặt tay ông như muốn hứa mình sẽ đặt trọn vẹn niềm tin ở ông giống như những ngày đã qua.

Tôi mở cửa tiến ông về và đứng nhìn theo mãi cho tới khi bóng ông khuất hẳn vào căn phòng ông sẽ ngủ. Mải nghĩ, tôi bỗng giật thót người khi nhận ra một nàng hầu lúi lúi đi qua chiếu nghỉ cầu thang bước vào căn phòng Lucy. Cái bóng cam lạng của người đầy tớ làm tôi xúc động thực sự. Cô đã dũng cảm vượt qua tất cả nỗi sợ hãi, sự lạnh lẽo đến ghê người mà một thầy ma có thể gây ra cho người đang sống, để chăm nom chiếc quan tài mà cô chủ nhỏ đang yên nghỉ, để cái xác tội nghiệp kia không phải chịu cảnh cô đơn trước khi đi về nơi vĩnh hằng.

Hắn là tôi đã ngủ rất lâu và say đắm, vì khi Van Helsing vào phòng gọi tôi dậy thì ngoài trời đã sáng lắm rồi. Giáo sư bước lại giường bảo tôi, giọng chán nản:

- Đừng mang dụng cụ mổ đến nữa. Tôi không muốn làm nữa đâu.
- Sao vậy? - Tôi sửng sốt trước sự thay đổi bất ngờ của ông.

— Bởi vì, - như thường lệ, giọng ông vẫn rất nghiêm trọng sau hàng loạt sự kiện khó hiểu những ngày qua - bởi vì đã quá muộn, hoặc là vẫn còn quá sớm!

— Anh hãy nhìn đi? - Vừa nói ông vừa giơ cây thánh giá nhỏ bằng vàng cho tôi xem. - Đêm qua đã có kẻ lẻn vào lấy trộm nó.

— Sao lại lấy trộm được? Nó vẫn đang sờ sờ trên tay ngài đó thôi!

— Tôi đã giành lại cây thánh giá này từ tay một kẻ bất hạnh, một người đàn bà lấy trộm của cả người sống và người đã chết. Chắc chắn cô ta sẽ bị trừng phạt, nhưng tôi sẽ không dính dáng gì đến chuyện ấy. Cô ta không biết mình đã làm gì, cô ta chỉ là thủ phạm của một vụ trộm. Đơn giản thế thôi!

Dứt lời, ông lẳng lặng bỏ ra ngoài. Nhiều chuyện quá! Tôi biết mình có cố tìm cách làm sáng tỏ bí ẩn mới này cũng vô ích.

Buổi sáng hôm nay sao mà sầu thảm và lê thê đến thế! Tuy nhiên, vào buổi trưa, viên công chứng cũng đã có mặt: đó là Marquand, một người đàn ông trông rất tử tế của văn phòng luật sư Wholeman. Ông cảm ơn chúng tôi về tất cả những việc chúng tôi đã làm. Toàn bộ những thủ tục cuối cùng và các chi tiết nhỏ nhất nhất sẽ được ông hoàn tất nốt theo đúng tư cách pháp nhân của mình.

Vào giờ ăn trưa, ông nhắc chúng tôi rằng trước khi chết, bà Westenra đã định đặt đâu ra đấy toàn bộ công việc của gia đình, ông cũng thông báo cho chúng tôi biết vì không trao được quyền sở hữu cho người cha của Lucy, và vì không tìm được người con cháu trực hệ nào của gia đình, nên toàn bộ số của cải, bất động sản của bà sẽ được dành cho Athur Holmwood. Viên công chức cố giải thích thêm:

— Thực ra mà nói, chúng tôi đã cố ngăn cản thân chủ của mình đưa ra các điều khoản chúc thư như vậy. Chúng tôi đã lưu ý với bà Westenra rằng có thể sẽ xảy ra những chuyện không thể lường được khiến cho cô con gái bà rơi vào tình trạng không một đồng xu dính túi, hoặc sẽ cản trở quyền quyết định của nó vào cái ngày tổ chức đám cưới. Mọi việc giữa chúng tôi

và thân chủ bỗng trở nên tởm tợ đến nỗi bà đã nổi cáu mà hỏi chúng tôi có định quan tâm đến việc thực hiện các ý nguyện cuối cùng của bà hay không. Rõ ràng chúng tôi chẳng còn lựa chọn nào khác hơn là im lặng chấp nhận. Nhưng về nguyên tắc mà nói thì chúng tôi vẫn có lý đến chín mươi chín phần trăm, bởi theo lôgic của các sự kiện, chúng tôi có thể chứng minh được lời tư vấn của mình. Tuy nhiên, tôi cũng phải thừa nhận rằng trong trường hợp cá biệt này, mọi hình thức chúc thư khác đều không thể thực hiện được các ý nguyện của bà. Bởi vì theo lôgic, bà sẽ phải ra đi trước cô con gái và cô con gái sẽ được thừa hưởng toàn bộ của cải và bất động sản. Ấy vậy mà cô gái chỉ sống lâu hơn bà mẹ được chốc lát và chẳng thấy để lại một di chúc nào, việc kiểm tra cho thấy rõ đi đâu này nên có thể coi đây là trường hợp một người chết không lập di chúc. Như vậy, huân tước Godalming, mặc dù là một người bạn rất thân thiết và đồng thời cũng là người chồng chưa cưới của cô gái trẻ, sẽ tuyệt đối không có một quyền lợi gì. Có lẽ những người thừa kế, dù là những người đang ở xa xôi, cũng sẽ không chịu nhường cho một người xa lạ vì những lý do tình cảm. Họ là những người trở về hợp pháp. Các ngài cứ tin ở tôi, đây là một lập luận khiến tôi hài lòng thực sự.

Marquand hẳn phải là một công chứng viên xuất sắc, nhưng không hiểu sao ông lại thấy vui trước những chi tiết ấy - những chi tiết mà nghề nghiệp luôn buộc ông phải chú ý khi kẻ bất hạnh đang đứng trước một thảm kịch. Đây quả là một ví dụ cứng nhắc và thiếu sự cảm thông mà chúng ta vẫn thường gặp ở một số người.

Viên công chứng chỉ nán lại với chúng tôi một lúc rồi ra về với lời hẹn sẽ quay trở lại vào buổi chiều để gặp huân tước Godalming. Dù sao thì sự có mặt của ông cũng ít nhiều an ủi được chúng tôi, vì ông đã mang lại cho chúng tôi một cảm giác yên tâm về những gì mình đã làm kể từ khi bà Westenra và cô Lucy qua đời.

Chúng tôi đợi Athur đến năm giờ chiều. Trước đó một chút, chúng tôi còn ở trong nhà tang. Tôi gọi vậy là vì bây giờ cả hai mẹ con bà Westenra

đầu an nghỉ trong đó. Nhân viên nhà đồn hôm nay có vẻ nhiệt thành hơn thường lệ. Khung cảnh sầm uất trong căn phòng nhỏ khiến chúng tôi ngập chìm vào một cảm giác tê tái không chịu nổi. Van Helsing yêu cầu nhân viên nhà đồn phải đặt mọi thứ trong phòng trở lại nguyên trạng trước đó. Ông nói huân tước Godalming sắp đến nên việc được thấy duy nhất người vợ chưa cưới của mình ở đây sẽ làm anh ta đỡ đau đớn hơn.

Tay nhân viên nhà tang lễ vội làm ra vẻ ân hận với hành động ngớ ngẩn của mình rồi bắt tay ngay vào công việc theo yêu cầu của vị giáo sư. Khi Athur có mặt, căn phòng đã được trả lại nguyên trạng như tối hôm qua chúng tôi đã làm trước khi đi ngủ.

Thật tội nghiệp cho Athur! Trong tâm trạng tuyệt vọng tột độ vì những nỗi đau nối tiếp nhau, dường như anh ta không còn là chính mình nữa. Tôi hiểu anh rất yêu cha mình. Việc mất cha đối với anh vào lúc này chẳng khác nào một cú đòn trời đánh. Anh đã chứng tỏ cho tôi thấy thế nào là tình bạn và đối với Van Helsing, anh luôn thể hiện mình là một người lễ phép và mạnh mẽ, nhưng tôi thấy dường như nỗi đau đã biến anh thành một người gần như mất hết sự tự chủ. Chắc hẳn giáo sư cũng có chung một cảm giác như tôi, bởi ông vừa khoát tay ra hiệu cho tôi cùng vào với chàng trai khốn khổ. Tôi không định nghe lời giáo sư vì nghĩ rằng có lẽ lúc này Athur chỉ muốn vào một mình với cô vợ chưa cưới Lucy. Nhưng khi thấy tôi định bước ra khỏi cửa, anh đã vội túm tay tôi kéo vào.

— Cậu cũng yêu cô ấy, anh bạn ạ. - Anh ghen ngào nói. - Cô ấy đã kể cho tôi nghe tất cả, trong đám bạn bè, cô ấy chẳng có ai thân thiết hơn cậu. Tôi thật chẳng biết làm gì để tạ ơn cậu vì những gì cậu đã làm cho cô ấy. Cả bây giờ nữa, tôi cũng không thể...

Athur bỗng bật khóc với những tiếng nức không ngớt, anh ôm choàng lấy bờ vai tôi mà thổn thức:

— Trời ơi? Jack ơi, Jack? Rồi tôi sẽ ra sao đây? Thế là mất tất cả rồi, tôi còn biết sống trên đời làm gì nữa.

Dù biết mọi lời nói trong lúc này đều là vô ích, nhưng tôi vẫn cố lựa lời an ủi anh. Một tay nắm chặt lấy bàn tay, một tay đặt lên bờ vai run run của một nỗi lòng tan nát, một tiếng nấc không thể cầm lòng hòa cùng những tiếng nấc ai oán, đó là tất cả những gì trái tim đã bảo tôi phải làm để chia sẻ và vỗ về người bạn đau khổ. Đợi những tiếng nấc trong anh thưa dần, tôi mới dám khẽ nhắc:

— Nào, ta vào thăm cô ấy đi!

Chúng tôi lại gần giường người quá cố và khẽ lật tấm khăn phủ mặt sang một bên. Chúa ơi, sao mà cô đẹp đến thế! Dường như mỗi giờ đồng hồ trôi qua là một lần cô trở nên xinh đẹp hơn trước. Điêu đó không chỉ làm tôi ngạc nhiên mà còn làm tôi thấy sợ nữa. Về phần Athur, tôi thấy dường như sự ngờ vực, nỗi phiền muộn đã làm anh điên đảo, người anh bắt đầu run lên bần bật như một kẻ bị sốt rét. Cuối cùng, sau một hồi im lặng, anh ghé vào tai tôi hỏi nhỏ:

— Jack, có đúng là cô ấy đã chết rồi không?

Tôi buộc phải khẳng định với anh về sự bất hạnh của cô bé, bởi tôi biết cảm giác nghi ngờ của anh dù thế nào cũng chỉ có thể kéo dài trong giây lát. Tôi giải thích để anh hiểu rằng thông thường, con người ta sau khi chết, các nét trên khuôn mặt sẽ mang một sắc thái vừa dịu hiền vừa phảng phất một diện mạo gọi lại thời trẻ trung, và điều này càng được thể hiện rõ hơn đối với những người phải trải qua những đau đớn tột độ kéo dài trước khi chết. Có vẻ như cách lý giải của tôi đã thuyết phục được anh. Sau một hồi lâu quỳ gối bên giường ngậy người ngắm nhìn người vợ chưa cưới, anh định đứng dậy bước ra ngoài. Tôi phải nói với anh rằng đã đến lúc nói lời vĩnh biệt cô bé, vì người ta sắp sửa đặt cô vào quan tài. Nghe vậy, anh thẫn thốc quay lại nắm chặt bàn tay bé nhỏ của người yêu đặt lên môi và cay đắng cúi xuống hôn lên trán cô. Cố gắng lắm anh mới lê được đôi chân ra khỏi phòng, nhưng đầu vẫn ngoái lại nhìn hình hài thân thương của cô gái một lần cuối, cho tới khi bóng cô khuất khỏi tầm mắt.

Tôi dìu anh về nghỉ ở phòng khách rồi vội vàng đi tìm gặp Van Helsing khi ông đang kêu đám nhân viên nhà đồn chuẩn bị nhập áo cho những người xấu số.

Tôi kể lại cho giáo sư nghe chuyện Athur đã thắc mắc như thế nào về diện mạo của người vợ chưa cưới của anh.

— Đi đâu đó chẳng làm tôi ngạc nhiên chút nào cả. - Ông nói với tôi. - Chính tôi cũng đã có lúc không tin ở mắt mình nữa là!

Trong bữa tối, tôi để ý thấy Athur đã rất cố gắng giấu đi nỗi đau xé lòng của mình. Van Helsing chỉ ngồi im, mãi tới khi chúng tôi ngồi chiêm thuốc, ông mới lên tiếng với Athur:

— Thừa huân tước...

— Không, đừng gọi tôi như thế, lay Chúa! - Athur ngắt lời - Dù thế nào cũng đừng gọi tôi như thế! Xin lỗi, thưa ngài, tôi không định làm ngài phật ý. Nhưng xin hãy hiểu và tin ở tôi, đám tang nhà tôi chỉ vừa mới...

Van Helsing đáp lại bằng một giọng chùng hẩn xuống:

— Tôi gọi vậy chẳng qua là vì không biết nên xưng hô như thế nào với cậu cho phải. Thực ra tôi đâu có thích gọi cậu là “ngài”, bởi vì cho tới lúc này, tôi đã rất, rất mến mộ cậu, chàng trai ạ. Đối với tôi, cậu luôn là Athur.

Athur kính cẩn đưa tay về phía người bác sĩ già:

— Xin ngài cứ đặt cho tôi một cái tên tùy thích, nhưng dù là tên gì thì tôi cũng hy vọng ngài luôn coi tôi như một người bạn. Thú thực đã nhiều lần tôi muốn bày tỏ lòng biết ơn của tôi đối với ngài nhưng vẫn không biết giải bày ra sao. Ngài đã hết lòng vì người thân của tôi! - Athur im lặng một lát rồi tiếp tục - Tôi biết cô ấy sẽ hiểu tấm lòng của ngài hơn tôi, nếu như lúc này tôi không biết cách xử sự cho phải phép thì... Xin ngài thứ lỗi cho.

Câu trả lời của Van Helsing một lần nữa chứng tỏ sự cảm thông thực sự của ông.

— Tôi biết! - Giọng ông đều đều và chậm rãi - Rất khó để anh hiểu và tin tưởng hoàn toàn ở tôi, bởi để tin tưởng ở nhau, trước hết người ta phải hiểu nhau. Tôi cho là cậu đã không, hoặc đúng hơn là chưa tin ở tôi, vì cậu

chưa hiểu tôi. Tuy nhiên, vẫn còn những tình cảnh tôi rất cần lòng tin của cậu, nhưng cậu lại không hiểu hoặc chưa thể hiểu nổi! Song thời gian cứ thế trôi qua, cuối cùng thì cậu cũng sẽ tin tưởng hoàn toàn ở tôi, khi mà cậu đã hiểu mọi điểu rõ như ban ngày. Vậy thì thế nào cậu cũng sẽ cầu chúc cho tôi về những hành động mà tôi đã làm vì lợi ích của cậu, của người khác và của đứa con khốn khổ mà tôi đã thề là sẽ hết sức bảo vệ tới cùng.

— Có chứ, có chứ, - Athur đáp lời - tôi sẽ hoàn toàn phó thác cho ngài. Tôi biết ngài đang mang trong mình một trái tim hào hiệp, và ngài là bạn của Jack cũng như ngài và Jack là bạn của cô ấy. Ngài sẽ hành động theo đúng bốn phần mà ngài tin là của ngài.

Sau một hồi nghĩ ngợi, Van Helsing trầm ngâm nói tiếp:

— Tôi có thể hỏi cậu một câu được không?

— Tất nhiên là được.

— Cậu có biết là bà Westenra đã để lại cho cậu toàn bộ số tài sản mà bà ấy có không?

— Không. Tội nghiệp bà! Không... Tôi chẳng bao giờ nghĩ tới điểu đó.

— Bây giờ toàn bộ số tài sản đó đã thuộc về cậu nên cậu có quyền sử dụng tùy ý. Tôi định xin phép cậu cho đọc tất cả các loại giấy tờ và thư từ của Lucy. Đừng nghi ngờ gì nhé, không phải là do tôi tò mò đâu. Tôi làm vậy cũng vì một lý do mà tôi biết là cô ấy sẽ đồng ý. Tôi đã tìm được số giấy tờ và thư từ. Hiện tại, tôi đang cần tất cả trước khi trả lại cho cậu như một phần còn lại của cô ấy. Tôi sẽ đọc tất cả nếu cậu cho phép và nếu cậu chưa được nhìn thấy những kỷ vật ấy, như thế sẽ tốt hơn vào lúc này - tôi sẽ cất giữ chúng vào một nơi chắc chắn. Tôi đảm bảo sẽ không để mất bất cứ một mẫu giấy nào của cô ấy. Đến một lúc thích hợp, tôi sẽ hoàn trả lại cậu tất cả. Có lẽ tôi đòi hỏi hơi nhiều, nhưng tôi biết là vì tình yêu đối với Lucy, thế nào cậu cũng sẽ đồng ý, đúng không anh bạn?

Chẳng cần nghĩ ngợi nhiều, Athur trả lời ngay bằng một giọng thẳng thắn và thành thực đúng với những gì tôi biết ở anh:

— Thừa bác sĩ Van Helsing, ngài cứ việc làm như ngài mong muốn. Tôi biết rằng nếu còn ở đây, thế nào Lucy cũng sẽ chứng giám cho những gì tôi nói. Tôi sẽ không đặt ra bất cứ một câu hỏi nào cho tới khi tự ngài thấy đã đến lúc phải đưa ra lời giải thích về việc làm của mình.

— Cậu nói đúng lắm. - Giáo sư bật dậy nói bằng một giọng thật nghiêm trọng. - Tất cả chúng ta đều còn rất nhiều việc phải làm và cũng có không ít điều phải bận tâm, nhưng không chỉ có những điều phải bận tâm, mà đằng sau đó chúng ta còn phải tìm hiểu thêm không ít vấn đề khác nữa. Bác sĩ Seward và tôi, và cậu nữa, Athur ạ, cậu chứ không phải ai khác, cả ba chúng ta sẽ phải vượt qua những giờ phút chua xót trước khi trở lại với cuộc sống bình yên. Phải can đảm lên mới được, đừng nghĩ tới bản thân mà phải nghĩ tới bổn phận trước tiên, có như vậy mới thành công được!

Đêm hôm đó, tôi ngủ trên trường kỷ trong phòng Athur. Van Helsing không ngả lưng chút nào. Ông cứ đi qua đi lại như định đi tuần trong nhà, nhưng không lúc nào bỏ xa căn phòng đặt quan tài của Lucy. Không giống với mùi hương lý hay mùi hoa hồng, những bông hoa tỏi cài rải rác trong căn phòng luôn tỏa ra màn đêm một mùi hăng hắc.

Nhật ký của Mina Harker

• *Ngày 22 tháng 9*

Tôi ngồi viết trên đoàn tàu dẫn chúng tôi tới Exeter. Jonathan đang chìm trong giấc ngủ.

Tôi thấy dường như mình chỉ mới viết những dòng nhật ký này từ hôm qua, ấy vậy mà không biết bao nhiêu điều đã xảy ra từ khi chúng tôi ở Whitby để thực hiện những dự định cho tương lai, trong lúc Jonathan đang lang thang nơi đất khách quê người và tôi thì lúc nào cũng mong ngóng tin anh. Ngoảnh đi ngoảnh lại, thế mà bây giờ tôi đã làm đám cưới với Jonathan, một công chứng viên, một chủ nhân của một văn phòng luật sư của chính mình. Ngài Hawkins đã được chôn cất chu đáo, còn Jonathan lại

vừa trải qua một cơn bệnh biến mới khiến tôi không khỏi lo về những hậu quả không mấy tốt đẹp có thể xảy ra sau này. Có thể sẽ có một ngày, anh hỏi tôi về những chuyện đã qua trong lúc anh không ý thức được. Tôi chợt nhận thấy kỹ năng viết tốc ký của mình bị thui chột hẳn, có lẽ thỉnh thoảng tôi phải tranh thủ luyện tập lại mới được...

Đám tang được tổ chức giản dị nhưng cũng thật xúc động. Chỉ có hai chúng tôi, mấy gia nhân và hai, ba ông bạn già từ Exeter đến, một nhân viên người Luân Đôn và một quý ông nữa tự giới thiệu là John Paxton, chủ tịch một công ty luật tổng hợp. Tôi và Jonathan nắm chặt tay nhau, trong lòng cảm thấy trống vắng khi biết chắc rằng người bạn tốt nhất, thân thiết nhất của chúng tôi đã đi xa và chẳng bao giờ trở về..

Để về thành phố, chúng tôi phải đi xe buýt và xuống bến ở Hyde Park. Muốn làm tôi vui đi nổi buồn, Jonathan rủ tôi dạo bước trên một lối nhỏ trong công viên, nhưng tôi cũng chẳng đi được nhiều, hai chúng tôi tìm một chỗ ngồi cho đỡ mỏi. Trong công viên ít người quá, tất cả các ghế đã đều trống trơn. Cảnh buồn nơi đây làm tôi bất giác nghĩ tới chiếc ghế trống không mà chúng tôi sẽ gặp lại khi trở về nhà. Vậy là chúng tôi cũng chẳng ngồi được lâu, tôi đứng dậy kéo Jonathan đi về phía Piccadilly. Jonathan khoác tay tôi như anh vẫn thường làm ngày xưa, hồi anh còn đưa tôi đến trường. Thú thực, tự nhiên tôi cảm thấy cử chỉ ấy của anh lúc này đã làm tôi thấy không tiện lắm. Nhưng bây giờ Jonathan đã là chồng tôi, và lại chúng tôi cũng chẳng biết một ai trong số những người đi đường kia, mà kể cả một vài người trong số họ có nhận ra chúng tôi thì cũng chẳng có gì quan trọng cả. Chúng tôi vẫn tiếp tục dạo bộ thẳng về phía trước... Tôi chợt để ý đến một cô gái trẻ rất đẹp, đầu đội một chiếc mũ rộng vành đang ngồi trong một chiếc xe một Victoria đỗ trước nhà Guillano. Nhưng Jonathan đã làm tôi giật mình bởi anh bỗng dừng xiết chặt tay tôi khiến tôi đau điếng. Tôi chợt thấy lo khi anh ghé vào tai tôi nói bằng một giọng như nghẹt thở: “Lạy Chúa tôi!” Đã bao ngày xui xẻo trôi qua khiến tôi không thể không lo lắng khi nghĩ về anh, vì lúc nào tôi cũng sợ anh lại rơi vào một cơn bệnh

biến mới khiến hệ thần kinh của anh không còn giữ nổi thăng bằng. Tôi quay ngoắt sang hỏi xem đã xảy ra chuyện gì.

Không hiểu sao mặt mũi anh bỗng tái xanh như không còn một giọt máu, hai mắt như lẫ hẫ ra với những tia máu long sòng sọc. Hình như anh đang để ý tới một người đàn ông cao lớn, gầy nhảnh, có cái mũi khoằm như mũi diều hâu, bộ ria mép đen xì và bộ râu dài nhọn hoắt phía trước mặt. Và người đàn ông đó cũng đang nhìn chòng chọc vào cô gái trẻ thì phải. Gã mãi nhìn cô gái đến nỗi chẳng còn để ý đến ai xung quanh, vì vậy tôi có thể thoải mái quan sát gã. Bộ mặt gã đúng là chẳng nói lên một điều gì tốt lành. Trông nó cứng nhắc, cục cằn và ẩn chứa đầy nhục dục, sợ nhất là hai hàm răng trắng ớn và to như răng ngựa của gã. Giữa cặp môi đỏ như ớt, hai hàm răng ấy trông cở vể nhọn như răng của một con thú vật. Jonathan vẫn ngây dại nhìn về phía gã đàn ông lạ mặt. Tự nhiên tôi cảm thấy sợ gã, vì quả thực gã có một vẻ gì đó rất đáng ngờ. Khi tôi hỏi tại sao lại chờ đợi người ra như vậy, Jonathan đã hỏi lại cứ như tôi cũng biết mọi chuyện từ lâu rồi:

— Em biết ông ta chứ?

— Không, làm sao mà em biết được! Ai thế?

Câu trả lời của anh làm tôi thực sự bị sốc. Nghe giọng anh nói, tôi có cảm giác anh không còn biết tôi là ai nữa:

— Đúng là lão rồi... Đúng là lão!

Rõ ràng là người chồng thân yêu của tôi đang sợ hãi, chính xác hơn là quá khiếp sợ một điều gì đó. Tôi tin rằng nếu không tựa vào tôi, chắc chắn là anh sẽ ngã khụy xuống đất mất. Anh như đang bị thôi miên bởi một gã đàn ông hoàn toàn xa lạ đối với tôi. Chợt có một người đàn ông bước ra khỏi một cửa hàng đi về phía cô gái trẻ và đưa cho cô một bọc gì đó. Gã lạ mặt kia vẫn nhìn chòng chọc vào cô gái. Khi chiếc xe chuyển bánh đi ngược về phía Piccadilly, gã vội vàng gọi ngay một chiếc xe cáp chạy đuổi theo. Jonathan vẫn ngây dại nhìn theo, một lúc sau anh mới lẩm bầm như nói với chính mình:

— Đúng rồi, mình tin chắc đó chính là lão bá tước, nhưng trông lão có vẻ trẻ ra thì phải? Lay Chúa tôi! Nếu đó là lão... Ôi! Lay Chúa tôi, Lay Chúa tôi! Giá như mình biết, giá như...

Tôi phải kìm nén lắm mới không đặt ra một câu hỏi nào, vì tôi sợ nếu làm khác đi, tôi sẽ gợi nhắc những ý nghĩ nào đó khiến anh lại vật vã như bị tra tấn. Vậy là tôi phải giữ im lặng và kéo anh tiếp tục dạo bộ về phía một vườn cây mang tên Khuôn Viên Xanh. Trời thu hôm nay sao mà nóng bức thế không biết, chúng tôi phải tìm một chiếc ghế đá nằm dưới một lùm cây um tùm để ngồi nghỉ. Jonathan thần thờ nhìn vào nơi xa xăm như một kẻ mất hồn, nhưng anh chỉ ngồi được một lát rồi gục đầu vào vai tôi, hai mắt nhắm nghiền, anh đang đi vào một giấc ngủ ngon lành. Tôi chợt thấy vui khi thấy anh ngủ. Rõ ràng anh không còn bị những cơn bệnh hành hạ như trước nữa. Khoảng hai mươi phút sau, anh bừng tỉnh và nói với tôi bằng một giọng rất vui:

— Mina! Thế là anh cũng đã ngủ được một giấc. Ôi! Xin lỗi nhé, em yêu... Nào, chúng ta tìm một chỗ nào đó uống trà đi.

Tôi hiểu anh đã quên hẳn cuộc gặp của hai chúng tôi với gã đàn ông xa lạ vừa rồi, và trong trạng thái bệnh lý của mình, anh cũng quên tất cả những hồi ức nào đó mà cuộc gặp ấy đã gợi lại trong anh. Nhưng dù vậy, tôi vẫn không dám hỏi một câu nào, vì tôi biết chắc có làm thế cũng chỉ tổ gây ra những hậu quả tai hại khó lường hơn là một kết quả tốt đẹp. Tuy nhiên, dù thế nào thì tôi cũng phải biết cho bằng được cuộc hành trình ra nước ngoài vừa rồi của anh. Có lẽ đã đến lúc tôi phải cởi dây băng xanh buộc cuốn sổ tay của anh ra rồi. Ôi, Jonathan, hãy tha lỗi cho em! Em luôn hiểu những gì mình làm, em sẽ phải đọc những gì anh viết trong cuốn sổ ấy. Nếu em có làm vậy thì cũng chỉ vì anh thôi.

• Một lúc sau

Một chuyến trở về nhà buồn thảm không chỉ vì một lý do. Quả là nhiều chuyện quá! Jonathan trông vẫn xanh xao như một người bệnh thật sự.

Chưa hết, còn một bức điện của một ông Van Helsing nào đó đang chờ đợi chúng tôi:

“Tôi rất lấy làm tiếc khi báo cho ông bà biết về cái chết bất ngờ của bà Westenra cách đây năm hôm và cái chết của cô con gái Lucy xảy ra vào ngày hôm kia. Cả hai đều đã được chôn cất chu đáo vào ngày hôm nay.”

Trời ơi? Sao chỉ có mấy dòng thôi mà hàm chứa nhiều nỗi buồn như vậy? Tội nghiệp bà Westenra? Tội nghiệp Lucy! Thế là họ đã ra đi, đã mãi ra đi rồi! Thật tội nghiệp, tội nghiệp cho Athur, cuộc sống với anh bây giờ chẳng khác nào một sự tàn tạ cơ cực và buồn tẻ! Cầu Chúa hãy giúp chúng con vượt qua nỗi đau này?

Nhật ký của bác sĩ Seward

• Ngày 22 tháng 9

Mọi việc vậy là xong. Athur lại trở về Ring cùng với Quincey Morris. Kể ra Quincey cũng là một chàng trai thật đáng mến. Cậu ta cũng đau đớn về cái chết của Lucy như bất cứ ai trong chúng tôi, song cậu ta lại rất biết cách giữ vẻ mặt bình thản của mình với lòng can đảm như một tay cướp biển Bắc Âu. Nếu tiếp tục sản sinh ra những người đàn ông như cậu ta thì chẳng bao lâu nữa, nước Mỹ sẽ trở thành một cường quốc trên thế giới. Về phần mình, Van Helsing đã chịu nghỉ ngơi một chút trước khi lên đường về nước. Ông phải trở về Amsterdam để giải quyết một số việc riêng. Tuy nhiên, chiều tối mai ông cũng định tới Luân Đôn và ở lưu lại đó nếu có thể để giải quyết một việc khá mất thời gian. Thú thực tôi vẫn lo sức chịu đựng bền bỉ của ông không còn kéo dài được như trước nữa. Trong tang lễ, tôi để ý thấy ông đã có những biểu hiện hơi không bình thường. Khi công việc kết thúc, chúng tôi lại tập trung xung quanh Athur khi anh đang rất xúc động nói về dòng máu mà anh đã hiến dâng cho Lucy. Tôi thấy sắc mặt Van Helsing hết tái lại chuyển sang đỏ tía. Athur nói kể từ khi cho Lucy dòng máu của mình, anh bỗng có cảm giác cô đã thực sự trở thành vợ anh

trước sự chứng giám của Chúa. Tất nhiên, chúng tôi không dại gì nói ra những lần truyền máu khác mà Athur chưa biết, và chắc chắn chẳng bao giờ chúng tôi để lộ ra đi đâu đó. Athur và Quincey cùng dẫn nhau ra ga, Van Helsing và tôi trở lại đây. Chúng tôi vừa bước lên xe thì giáo sư bất ngờ bị động kinh, ý tôi muốn nói là thần kinh của ông bị kích động rất mạnh. Nhưng về sau, ông đã nhất quyết phủ nhận cơn kích động này. Ông giải thích đó chẳng qua chỉ là một cảm giác khôì hài sau những gì t ấ t ệ đã xảy ra. Ông bật cười, cười ra nước mắt, cười nức nở đến nỗi tôi phải hạ hết vải rèm xung quanh xe xuống để cho người ngoài khỏi thấy ông trong trạng thái không bình thường như vậy, rồi ông bật khóc, khóc thực sự, khóc như một đứa trẻ con. Sau đó tôi lại phải chứng kiến ông cười, cười sảng sặc. Cuối cùng, ông vừa cười lại vừa khóc, khóc tức tưởi như một người đàn bà, nói đúng hơn là như một thằng điên. Tôi ra sức an ủi, vỗ về ông, thậm chí còn nghiêm giọng bảo ông giữ bình tĩnh, nhưng mọi cố gắng của tôi đều vô ích. Đã thế thì cứ để ông điên khùng, bao giờ chán thì thôi. Trong tình huống tương tự như vậy, phụ nữ thường có những phản ứng khác với đàn ông. Cuối cùng, khi nét mặt ông trở lại với cái vẻ nghiêm nghị, hệ trọng vốn có, tôi mới dám hỏi cái gì đã làm ông có thể cười được trong lúc buồn như vậy.

Ông đã trả lời thật lôgích, song cũng khó hiểu như chính con người ông vậy.

— Chà! Anh bạn John ạ, vậy là anh lại không hiểu tôi rồi! Đừng tưởng rằng tôi cười là tôi không buồn đâu nhé. Tôi đã khóc ngay cả khi tôi buộc phải cười sảng sặc! Nhưng cũng đừng tin rằng tôi chỉ bày tỏ nỗi buồn khi tôi khóc. Đừng bao giờ quên tiếng cười tới gõ cửa nhà anh và hỏi: “Tôi có thể vào được chứ?” Không phải là nụ cười thật. Đừng bao giờ! Tiếng cười ấy chính là một ông hoàng, nó đến nhà anh khi thấy nhà anh vui theo cách của nhà anh! Nó chẳng cần phải xin phép ai cả, chỉ có niềm vui là quan trọng đối với nó. Tôi lấy ví dụ thế này, ngày đêm tôi vẫn day dứt về cô gái trẻ dịu hiền ấy, dù đã già và mệt mỏi, song tôi vẫn định hiến máu để cứu

sống cô ấy. Tôi vẫn dành thời gian, khoa học và cả giấc ngủ của mình cho cô ấy. Tôi đã bỏ mặc những bệnh nhân khác của mình để dành tất cả cho cô ấy. Vậy đấy! Thế mà chỉ trong phút chốc, tôi đã cười phá lên ngay trước mặt cô ấy, cười mãi, khiến cho máu mặt tôi bốc lên đỏ gay đỏ gắt. Chưa hết. Trái tim tôi cũng đã thất lại khi nghĩ đến chàng trai đáng thương ấy - một chàng trai trạc tuổi con trai tôi nếu như tôi có phúc còn giữ được nó; mà sao mắt mũi, tóc tai chúng lại giống nhau đến thế không biết! Bây giờ thì anh đã hiểu tại sao tôi lại quý mến anh chàng ấy đến như vậy rồi chứ? Mặc dù vậy, khi nói với chúng ta về tình cảm vợ chồng chưa một lần được hưởng ấy, anh chàng đã làm tôi động lòng và để lại trong tâm lòng phụ tử của tôi một sức lôi cuốn kỳ lạ mà tôi chưa từng được trải nghiệm đối với các học sinh của mình. Tất nhiên là cả đối với anh cũng vậy, anh bạn John ạ, bởi vì tất cả những gì chúng ta đã làm và đã sống cùng nhau đều chỉ mang lại cho chúng ta một quan hệ bình đẳng hơn là tình cảm cha con. Tôi xin nhắc lại là mặc dù vậy, Đức ông hoàng Cười vẫn đến và hét vào tai tôi: “Ta đây, ta đã đến đây!”, to đến nỗi tôi cảm thấy có một dòng máu trong người bốc lên ngùn ngụt khiến cho tôi mặt đỏ tía tai như ông mặt trời vậy. Thế đấy, anh bạn ạ, thế giới của chúng ta thật kỳ lạ! Một thế giới buồn tẻ, cơ cực, bất hạnh và luôn đầy những âu lo. Tuy nhiên, khi Đức ông hoàng Cười đến, tất cả lại cùng nhau nhảy nhót trong cái không khí mà ông ta luôn cảm thấy thỏa thích! Những trái tim rỉ máu, những hài cốt nằm trong nghĩa địa, những giọt nước mắt cháy bỏng trên gò má, tất cả bỗng cùng hòa vào nhảy nhót với nhau theo điệu nhạc phát ra từ miệng Đức ông hoàng Cười. Cứ tin tôi đi, anh bạn ạ chúng ta rồi cũng phải biết ơn Đức ông ấy! Bởi vì chúng ta, những người đàn ông và cả những người phụ nữ nữa, đều có thể so sánh với những sợi dây đàn bị căng ở hai đầu, để rồi có những giọt nước mắt nhỏ xuống, giống như những hạt mưa đậu trên từng phím đàn, bỗng làm chúng ta căng cứng lại cho tới một lúc nào đó, cái căng cứng ấy sẽ đạt tới mức thực sự không thể chịu nổi nữa, và thế là chúng ta đứt tung hết cả. Đúng vào lúc xuất hiện cái ranh giới đó, ông hoàng Cười bỗng

bất ngờ xuất hiện như một tia nắng mặt trời, làm chùng sợi dây lại, và chúng ta lại có thể tiếp tục công việc của mình bất kể ở hiện trạng nào.

Tôi không định làm giáo sư bị tổn thương khi thú thực với ông rằng tôi chẳng hiểu gì về cái triết lý đó của ông. Mặc dù ông đã giải thích, nhưng quả thực tôi vẫn chưa xác định được lý do gì khiến ông cười sảng sặc lên như vậy. Tôi buộc phải nói thẳng với ông về sự thiếu thông thái của mình.

— Chà chà! - Ông tiếp tục giải thích. - Đó chẳng qua chỉ là một sự trở trêu bi ai nhất mà thôi! Cô bé dịu dàng ấy nằm yên giữa những bông hoa trắng tinh. Cô đẹp như chính cuộc sống vậy, đẹp đến nỗi hết người này đến người khác trong chúng ta phải tự hỏi không hiểu cô đã chết thật hay chưa. Bây giờ thì cô bé đã ngon giấc ngàn thu dưới nấm mồ đá trong một nghĩa địa xa xôi, nơi những người thân thiết nhất của cô cũng đang an nghỉ. Chúa ơi! Tiếng chuông cầu hồn ấy sao mà buồn và thâm cảm đến thế! Và cả những vị linh mục nghiêm trang đọc lời cầu nguyện trong bộ đồ trắng. Còn chúng ta, tất cả đều nghiêng mình, cúi đầu. Tại sao lại thế? Chẳng phải là cô ấy đã chết rồi ư?

— Nhưng thưa giáo sư, tôi vẫn chưa thấy gì đáng để cười trong những lời giáo sư vừa nói! Thậm chí tôi thấy lời giải thích của giáo sư càng lúc càng rối rắm hơn là đằng khác. Nếu như việc chôn cất có đi đâu gì buồn cười, chẳng lẽ anh chàng tội nghiệp Athur, một con người đang rơi xuống tội cùng của đau đớn lại...

— Chính xác! Anh ta chẳng nói dòng máu mà anh ta hiến cho Lucy đã làm cho cô bé trở thành vợ anh ta rồi là gì?

— Đúng là Athur có nghĩ như vậy, nhưng đó là đi đâu sẽ an ủi được anh ta.

— Phải! Nhưng nếu thế sẽ có chuyện không ổn. Bởi nếu chỉ cho máu thôi mà Athur đã cảm thấy Lucy là vợ của mình rồi thì không lẽ cô bé cũng là vợ của chúng ta cả hay sao? Ha! Ha! Vậy là Lucy, cô bé dịu hiền Lucy đã có rất nhiều phu quân. Còn tôi, tôi cũng có thể nói là mình mất đi một người vợ đáng thương, nhưng Giáo Hội và thiên đàng vẫn còn cô ấy. Tôi

cũng trở thành một người chồng chung thủy của một cô vợ không còn trên trái đất này nữa, tôi là người đã hai vợ!

— Tôi vẫn chưa thấy gì đáng buồn cười cả! - Tôi buộc phải thú nhận sự mỏng lung của mình một lần nữa, - Bởi thực ra những lưu ý của ngài vẫn chẳng có gì hay ho.

Ông vỗ vai tôi và tiếp tục những lời giải thích của mình:

— Anh bạn John ạ, xin lỗi nếu có làm anh đau đầu. Tôi đâu có thói quen đem bừa tình cảm của mình dành cho những người khác, vì đi đâu đó rất dễ làm họ bị tổn thương. Nhưng đối với anh thì lại khác, John ạ. Giả như anh nhìn được tất cả những gì xảy ra tự đáy lòng tôi lúc tôi đang cười, hoặc lúc tiếng cười xuất hiện trên môi tôi, giả như lúc này anh nhìn được những gì tiếp tục ẩn chứa trong lòng tôi khi Đức ông hoàng Cười đã cởi bỏ vương miện và xiêm y - bởi ông ta sẽ bỏ đi rất xa, rất xa tôi trong một thời gian rất rất dài - thì chắc là trong số chúng ta, tôi sẽ là người mà anh cảm thấy ái ngại nhất.

— Tại sao vậy? - Tôi hỏi, trong lòng cảm thấy thực sự xúc động khi nghe ông nói đến câu cuối cùng. - Tóm lại là tôi vẫn không hiểu được lòng ngài.

— Tại sao? Tại vì tôi biết là như vậy!

Bây giờ thì chúng tôi đã tạm biệt nhau, mỗi người lại tìm về sự cô đơn dưới mái nhà lạnh lẽo của mình. Vậy là Lucy đã yên nghỉ trong khu mộ của gia đình, một khu mộ cam lạng nằm giữa một nghĩa địa cổ kính, nơi âm thanh đời thường của thành Luân Đôn không thể vẳng tới, bầu không khí không hề vẫn một chút bụi đời, mà chỉ có những tia nắng mặt trời óng ả nhẹ buông từ đỉnh đồi Hampstead và những bông hoa dại mọc vương vãi trên từng thảm cỏ xanh mướt như nhung.

Vậy là tôi có thể kết thúc những dòng nhật ký này được rồi. Chỉ có Chúa mới biết đến bao giờ tôi lại bắt đầu những dòng tự bạch khác mà thôi. Nếu tôi có thêm một lần như thế, hoặc giả nếu tôi lại tiếp tục những dòng nhật ký này, thì chắc chắn tôi sẽ viết về những con người khác, hoặc

những câu chuyện khác hẳn. Sau khi ghi lại toàn bộ câu chuyện tình đơn phương của mình và trước khi trở lại với cuộc sống của công việc, tôi đã buồn bã buông một tiếng chẳng hề hàm chứa một chút hy vọng nào hết.

Báo Westminster Gazette, ngày 25 tháng 9

Một bí ẩn ở Hampstead

Các khu vực phụ cận Hampstead đang xảy ra nhiều sự kiện gợi nhắc lại những chuyện mà chúng tôi đã có lần nói đến trong các bài báo nhan đề Nổi kinh hoàng ở Kensington, hoặc Người phụ nữ bị đâm dao, hoặc Người đàn bà mặc bộ đồ đen. Quả thực là từ hai ba ngày nay, người ta đã xì xào nhiều về chuyện những đứa trẻ biến khỏi nhà, hoặc nói đúng hơn, không ai thấy chúng về nhà sau khi ra chơi ngoài trời.

Đành rằng lũ trẻ còn quá nhỏ để có thể đưa ra những lời giải thích thuyết phục về trường hợp vắng mặt của mình, song lần nào trở về chúng cũng đều nói rằng chúng đi theo một “người đàn bà váy máu.” Và lần nào cũng vậy, cứ quá xâm tối là người ta lại không còn nhìn thấy chúng đâu nữa. Có hai đứa trẻ trong số bị mất tích trong đêm chỉ được tìm thấy vào rạng sáng ngày hôm sau. Khi trở về nhà, đứa trẻ mất tích đầu tiên có kể lại rằng “người đàn bà váy máu” đã gạt gẫm rủ em đi dạo cùng. Những trường hợp khác cũng kể lại một câu chuyện tương tự. Chúng ta đều biết rằng bọn trẻ ngày nay rất không thích bắt chước nhau, nên chuyện cùng dối nhà bỏ đi qua đêm là không thể có. Một thông tin viên của chúng tôi cho biết anh đã thấy mấy chú bé có điệu bộ rất nực cười khi chúng bắt chước bộ dạng và cử chỉ của “người đàn bà váy máu”. Nếu thích, các nhà biếm họa của chúng ta có thể học hỏi được nhiều điều khi xem các điệu bộ bắt chước của những chú nhóc này!

Tuy nhiên, sự việc xem ra không phải là không đặt ra những vấn đề nghiêm trọng, vì hai đứa trong bọn trẻ tức là những đứa trẻ bỏ đi qua đêm đã bị những vết cắn nhỏ ở cổ. Có vẻ như đó là những vết cắn của một con

chuột lớn hoặc một con chó nhỏ. Mặc dù chưa có gì nghiêm trọng, nhưng các vết thương đều chứng tỏ một điều: dù là chuột hay là chó, con vật cũng chỉ luôn cần người theo đúng một cách không đổi. Cảnh sát đã nhận được lệnh theo dõi những trẻ thường bén mảng tới chơi ngoài trời Hampstead hoặc ở các khu vực phụ cận, nhất là những cô, cậu còn ít tuổi, và canh chừng cả những chú chó hay lang vãng gần đó.

Báo Westminster Gazette, ngày 25 tháng 9

Số đặc biệt: Nỗi kinh hoàng của Hampstead, thêm một nạn nhân mới.

Chúng tôi vừa nhận được tin là lại thêm một đứa trẻ nữa bị mất tích vào xâm tối ngày hôm qua và chỉ vừa được tìm thấy trong một bụi cây kim tước trên đồi Thợ Săn một khu vực thuộc trấn Hampstead, ít người lui tới hơn các khu vực khác vào sáng hôm nay. Với một vết cắn nhỏ trên cổ giống y như các nạn nhân nhỏ tuổi trước đó, cậu bé được tìm thấy trong một tình trạng yếu ớt và nhợt nhạt. Sau khi được đưa về nhà và bình tĩnh trở lại, cậu bé đã khai rằng cậu cũng bị “người đàn bà vấy máu” lôi kéo.

CHƯƠNG 14

Nhật ký của Mina Harker

• Ngày 23 tháng 9

Sau một đêm bất yên, hôm nay, trông Jonathan có vẻ đã khá hơn. Tôi cảm thấy vui khi thấy anh làm việc nhiều hơn, bởi chỉ có vậy anh mới bớt nghĩ ngợi lung tung. Quả thực tôi đã phấn chấn hẳn lên khi thấy anh bận bịu với những công việc mới, vì tôi biết anh sẽ tỏ ra là người xứng đáng, đủ năng lực đảm nhận những trách nhiệm mới, bất kể là trách nhiệm gì! Anh đi suốt ngày và dần không ăn trưa ở nhà. Sau khi làm xong mấy việc nội trợ lặt vặt, tôi hẫ hẫ quay về phòng đọc những trang nhật ký anh đã ghi lại trong suốt cuộc hành trình tới Transylvanie...

• Ngày 24 tháng 9

Tối hôm qua, tôi không thể viết được dòng nào, bởi cuốn nhật ký của Jonathan đã làm tôi choáng váng. Thật tội nghiệp cho chồng tôi! Dù là chuyện thật hay chỉ là một sự tưởng tượng, thì chắc anh cũng đã phải chịu rất nhiều cơ cực. Có một câu hỏi luôn ám ảnh đầu óc tôi: *Trong câu chuyện đó có phần nào là sự thật không? Anh đã mô tả những điều khủng khiếp sau khi mắc phải chứng bệnh sốt não, hay chứng bệnh ấy là kết quả của những điều tưởng tượng hãi hùng?* Tôi sợ mình không tìm được câu trả lời, bởi có thể tôi sẽ chẳng bao giờ dám nhắc lại chuyện đó với anh. Nhưng có vẻ như Jonathan đã nhận ra gã đàn ông mà chúng tôi nhìn thấy hôm qua... Có lẽ cái chết đột ngột của người bạn lớn Hawkins đã gây ra cho anh nhiều ảo giác quái gở và mơ hồ, thế thôi... Nhưng xem ra vẫn có một mối liên hệ mờ mờ nào đó giữa các sự kiện mà tôi chưa thể nắm chắc... Lão bá tước đáng ngờ kia dường như đang thực hiện một mưu đồ ở Luân Đôn. Nếu đúng là lão đã tới Luân Đôn với hàng triệu bạc thì chắc hẳn thành phố này đang lâm vào một cảnh cực kỳ tồi tệ mà người đứng ra giải quyết

sẽ không phải là ai khác ngoài chúng tôi. Chúng tôi không được phép lùi bước trước nhiệm vụ bất khả kháng này. Vậy đấy! Tôi sẽ phải bắt tay vào chuẩn bị ngay từ bây giờ, tôi sẽ soạn lại nhật ký của chồng mình bằng máy chữ, vì làm như vậy thì khi cần, người nào vào cuộc cũng có thể đọc và hiểu được vấn đề. Tôi sẽ tự mình giải thích toàn bộ câu chuyện, bởi tôi không muốn ai quấy rầy Jonathan.

Thư của Van Helsing gửi J. Harker

“Ngày 24 tháng 9

Thưa quý bà kính mến,

Tôi thành thực xin lỗi vì chuyện đột ngột gửi bà lá thư này, song thực ra, ít nhất tôi đã là người bạn của bà, bởi tôi chính là người mang một nghĩa vụ khó nhọc là phải báo cho bà biết về cái chết của cô Lucy Westenra. Với sự đồng ý thực lòng của huân tước Godalming, tôi đã đọc toàn bộ các giấy tờ và thư từ của Lucy, vì tôi đang rất quan tâm đến một số sự việc cực kỳ quan trọng có liên quan tới cô ấy. Trong số các giấy tờ có được, tôi thấy có cả thư của bà, những lá thư thể hiện một tình bạn cao cả mà bà và cô ấy đã dành cho nhau. Lạy Chúa tôi! Thưa bà Mina, nhân danh tình bạn trong sáng ấy, tôi cầu mong bà hãy giúp đỡ tôi! Vì lợi ích của mọi người, tôi mạo muội đề nghị bà... để hàn gắn lại những nỗi đau mà tội ác đã gây ra, để ngăn chặn những bất hạnh khủng khiếp nhất, mà chắc chắn nếu có là người giàu trí tưởng tượng nhất, bà cũng không thể nghĩ tới được. Bà có thể dành chút thời gian vàng ngọc cho tôi gặp mặt được chứ? Tôi nghĩ bà có thể tin tưởng ở tôi. Tôi là bạn của bác sĩ John Seward và cũng là bạn của huân tước Godalming (tức là Athur của cô Lucy như bà đã biết). Nhưng một lần nữa tôi phải xin lỗi bà vì tôi chưa thể nói ra những gì tôi cần phải hỏi, ít nhất là trong lúc này. Tôi sẽ tới Exeter thăm bà ngay sau khi bà thông báo cho tôi biết ngày, giờ thích hợp nhất. Hy vọng bà sẽ thứ lỗi cho sự đường đột của tôi, thưa bà! Qua những lá thư bà gửi Lucy, tôi hiểu bà là

một phụ nữ nhân hậu đến nhường nào, và tôi cũng rất hiểu người chồng yêu dấu của bà đang phải vật lộn với căn bệnh thần kinh ra sao! Nếu có thể được, tôi đề nghị bà đừng để cho ông ấy biết về chuyện này, vì tôi sợ rằng những gì tôi phải nói với bà sẽ ảnh hưởng xấu đến sức khỏe của ông ấy. Một lần nữa xin bà thứ lỗi.

Van Helsing.”

Điện của bà Harker gửi bác sĩ Van Helsing

Ngày 25 tháng 9

Nếu không bận, ngài có thể tới ngay Exeter bằng chuyến tàu 10 giờ 15 ngày hôm nay. Tôi ở nhà cả ngày.

Wilhelmina Harker.

Nhật ký của Mina Harker

• Ngày 25 tháng 9

Tôi thật sự không thể ngồi yên khi chờ đợi bác sĩ Van Helsing. Tôi không biết tại sao mình lại sốt ruột như vậy, nhưng tôi hiểu rất rõ một điều: có thể ông sẽ hé mở cho tôi một chút ánh sáng về cái sự thực buồn thảm mà Jonathan đã phải trải qua. Hơn nữa, vì là một thầy thuốc trực tiếp chăm sóc Lucy trong suốt những ngày qua, nên thế nào ông cũng cho tôi biết những gì ông đã cảm nhận được về căn bệnh của cô. Ôi! Tôi đúng là một con ngốc! Có lẽ Van Helsing tới đây chỉ để nói cho tôi biết về Lucy và những cơn mộng du của cô, chứ đâu phải để nói về Jonathan. Vậy là tôi chỉ còn biết cam chịu, chẳng bao giờ biết rõ sự thật về cuộc hành trình của anh. Cuốn nhật ký anh viết ám ảnh tôi nhiều đến nỗi tôi đã tưởng tượng ra đủ điều, thậm chí tôi còn hy vọng bừa ở sự giúp đỡ của Van Helsing nữa chứ! Rõ ràng ông đến đây là để nói với tôi về Lucy! Chắc chắn trong thời gian qua, cô lại bị những cơn mộng du mới. Và có lẽ cuộc miên hành ra

vách đá lạnh lẽo giữa đêm khuya hiu hắt ngày nào - một kỷ niệm thật hãi hùng đối với tôi! - đã làm cho cô đỡ bệnh nặng. Quả thực trong những ngày qua, vì bận quá nhiều việc riêng, nên tôi đã quên khuấy mất là cô luôn có những trắc trở khiến chúng tôi không thể không quan tâm lo lắng! Chắc hẳn Lucy đã kể lại cho Van Helsing nghe chuyện cô đã mộng du tới vách đá cheo leo nọ ra sao và chuyện tôi đã hốt hoảng chạy bỏ đi tìm cô như thế nào. Có lẽ Van Helsing định tới đây để hỏi thêm một số chi tiết bổ sung cho hồ sơ bệnh án của ông. Hy vọng tôi đã làm đúng bổn phận của mình khi không nói cho bà Westenra biết cái đêm hãi hùng của cô con gái bà. Tôi sẽ chẳng bao giờ tha lỗi cho chính mình nếu như vì chuyện đó mà tình trạng sức khỏe của Lucy trở nên tồi tệ đi. Tôi cũng hy vọng bác sĩ Van Helsing không oán giận tôi vì những việc tôi đã làm. Dẫu sao thì trong thời gian vừa rồi, tôi đã có quá nhiều phiền muộn mà có đôi lúc tôi cảm thấy mình không thể chịu đựng nổi, nhưng rồi cuối cùng tôi vẫn phải vượt qua! Hẳn là Lucy đã khóc nhiều lắm. Hy vọng là những giọt nước mắt đã làm cô nguôi ngoai đi phần nào nỗi buồn tủi và đau đớn trong những ngày cuối đời...

Sáng nay, Jonathan phải tạm xa tôi, anh chỉ trở về vào sáng ngày mai. Kể từ khi cưới nhau, đây là lần đầu tiên chúng tôi xa nhau lâu như vậy. Hy vọng anh sẽ bảo trọng sức khỏe và cầu mong anh sẽ không gặp chuyện rắc rối. Chuông đồng hồ vừa điểm hai giờ, chắc là bác sĩ Van Helsing cũng sắp đến. Nếu như ông không có lời đề nghị, tôi sẽ không nói cho ông biết về cuốn nhật ký của Jonathan. Về phần mình, tôi có thể dễ dàng sao lại cuốn nhật ký của chính tôi cho ông. Tôi sẽ để ông đọc nếu ông muốn biết thêm chi tiết về Lucy, điều đó sẽ giúp tôi khỏi phải có những lời giải thích dài dòng và phức tạp về cô.

- *Một lúc sau*

Ông đến và lại đi rồi. Quả là một cuộc nói chuyện cảm động và thú vị! Đầu óc tôi vẫn chưa hết quay cuồng, điên đảo! Tôi có cảm giác mình vừa trải qua một cơn mê. Có thể nào đó lại là sự thật, dù chỉ là một phần thôi! Nếu chưa đọc nhật ký của Jonathan, chắc hẳn tôi sẽ không thể tin nổi một

lời nào trong câu chuyện quái gở này! Tội nghiệp, tội nghiệp Jonathan quá! Bây giờ tôi mới hiểu đằng sau những cảm xúc vật vờ kia, anh đã phải chịu đựng rất nhiều. Chúa muốn tôi không được phép gây thêm đau khổ ề chề cho anh sau những gì tôi vừa được biết. Tôi cần phải nén lòng để giấu kín những gì mà Van Helsing vừa nói. Với tư cách là một thầy thuốc, bác sĩ Van Helsing hẳn phải là một con người rất tốt bụng, vì ông là bạn của Athur và bác sĩ Seward, và chính họ là những người đã mời ông từ Hà Lan tới đây chăm sóc cho Lucy. Vả lại, chỉ có gặp ông tôi mới hiểu tấm lòng hào hiệp của ông. Ngày mai, khi ông trở lại, có lẽ tôi phải nói cho ông biết về tình hình của Jonathan và những chuyện đã xảy ra với anh. Cầu Chúa hãy ban phước lành để chúng tôi lại được sống những ngày thật bình yên. Lúc nào tôi cũng nghĩ nghề làm báo sẽ mang lại cho mình một niềm vui. Một người bạn của Jonathan làm cho tờ Tin tức Exeter từng có lần bảo tôi rằng trong nghề làm báo, điều quan trọng là phải có trí nhớ, tức là phải có khả năng tái hiện lại một cách chính xác từng lời nói của người được phỏng vấn trước khi biên tập nội dung của vấn đề. Chắc chắn nội dung cuộc nói chuyện của tôi và bác sĩ Van Helsing không phải là điều bình thường, nhưng tôi sẽ cố gắng ráp nối lại từng chi tiết trong câu chuyện xem sao:

Hai giờ ba mươi, chợt nghe tiếng gọi cửa. Tôi h ồi hộp chờ đợi. Vài phút trôi qua, người hầu Mary chạy vào báo với tôi Van Helsing đã tới.

Tôi cúi đầu chào vị khách quý. Đó là một người đàn ông t ầm thước, khá khỏe mạnh. Con người ông toát lên một vẻ hoàn toàn đáng tin cậy với nét mặt hiền hậu, nhân từ, đôi mắt xanh thẳm, mở to, nghiêm nghị, sáng ngời và nằm không gần nhau, v ầng trán cao, hơi vát như cày rộng thênh thang bởi mái tóc hung đỏ được vuốt ngược ra sau.

— Có phải là bà Harker!

Tôi gật đầu trả lời.

— Người trước kia vẫn được gọi là Mina Murray?

Tôi vẫn chỉ khẽ gật đầu đáp lại.

— Vậy là tôi đang đứng trước cô Mina Murray của ngày nào, một người bạn của đứa con khốn khổ Lucy Westenra... Vâng, thưa bà Mina, tôi đến đây là để nói cho bà biết về chuyện của Lucy.

— Thưa ngài, tôi thật không biết làm thế nào để diễn tả hết lòng tốt của ngài, một người bạn đã hết lòng chăm sóc, giúp đỡ Lucy Westenra để cô được sống an lành trong những ngày cuối đời.

Tôi rút rờ chìa bàn tay ra như một cử chỉ biết ơn tấm lòng của một con người luôn biết sống hết mình vì người khác. Ông nắm chặt tay tôi và nhẹ nhàng đáp lại:

— Ôi! Bà Mina, tôi biết rằng bạn của người con gái trong trắng ấy hẳn phải là một người có trái tim thật nhân hậu, nhưng tôi còn phải... nói cho cùng, tôi muốn biết...

Ông bỗng ngấp ngừng cúi đầu như một cử chỉ lịch sự trước tôi và chỉ tiếp tục giải bày khi tôi đề nghị:

— Thế này nhé, thưa bà! Tôi đã đọc tất cả những lá thư bà gửi cho Lucy. Mong bà đừng chấp, nhưng tôi không thể không bắt đầu bằng việc phải hỏi một ai đó, song tôi lại không biết phải tìm ai để mà hỏi. Qua mấy lá thư, tôi biết bà từng có thời gian sống với Lucy và bà Westenra ở Whitby. Tôi cũng biết rằng thỉnh thoảng cô ấy còn viết nhật ký, xin bà đừng ngạc nhiên, thưa bà Mina. Lucy đã viết nhật ký sau khi bà ra đi, tôi thấy dường như cô ấy đã làm theo gương bà thì phải. Đọc nhật ký của cô ấy, tôi cứ ngỡ ngỡ mình đã tìm thấy những lời bóng gió ám chỉ một cuộc dạo chơi lang thang trong lúc bị mộng du và bà chính là người đã tìm cứu cô ấy. Chính vì vậy nên tôi phải tìm tới đây với hy vọng là bà sẽ cho tôi biết thêm những chi tiết mà bà còn nhớ.

— Thưa bác sĩ Van Helsing, tôi nghĩ tôi hoàn toàn có thể kể lại cho ngài nghe một cách chính xác về toàn bộ cuộc lãng du đó.

— Sao, toàn bộ cuộc lãng du! Toàn bộ các chi tiết! Nếu thế thì bà quả là người có trí nhớ tuyệt vời đấy, bà Mina ạ! Đó là điều hiếm thấy ở những phụ nữ lúc nào cũng tối mắt vì công việc.

— Thưa bác sĩ, thú thực tôi luôn có thói quen ghi lại những sự kiện hàng ngày mà tôi đã được chứng kiến. Tôi có thể cho ngài thấy đi đâu đó trong nhật ký của tôi... nếu ngài muốn.

— Ôi! Tôi thật không biết làm gì để cảm ơn bà, thưa bà Mina! Bà đã giúp tôi một việc thật có ích!

Tại sao tôi lại phải kìm nén ý định đùa chơi ông một chút cho đỡ căng thẳng kia chứ? Việc gì cứ phải cục mịch như một hòn đất mãi? Tôi nghĩ phụ nữ chúng tôi đâu phải lúc nào cũng như vậy. Tôi lấy cuốn nhật ký tốc ký của mình đưa cho Van Helsing. Ông lịch sự nghiêng mình cầm cuốn sổ và khẽ hỏi lại:

— Tôi có thể đọc được chứ ạ?

— Tất nhiên! - Tôi đi kèm ngài trả lời.

Ông mở cuốn sổ liếc nhanh vài trang. Tôi nhận ngay ra vẻ bối rối trên gương mặt ông. Ông đứng bật dậy nghiêng mình đáp lễ tôi một lần nữa.

—Ồ! Bà quả là một phụ nữ gây cho tôi nhiều ngạc nhiên đấy! Tôi hiểu Jonathan đã ngưỡng mộ bà từ lâu. Thưa bà Mina, sẽ rất vinh dự cho tôi nếu bà giúp tôi đọc cuốn nhật ký này, bởi thú thực với bà là tôi không biết tốc ký!

Tôi thấy trò đùa của mình có vẻ hơi quá nên đâm ra hơi xấu hổ. Vì vậy, tôi chỉ còn cách đưa ngay bản đánh máy cho ông để chữa ngượng.

— Xin ngài thứ lỗi... Tôi biết ngài đến đây là vì chuyện của Lucy, và tôi cũng hiểu có lẽ ngài không có nhiều thời gian để nán lại đây lâu, vì vậy tôi đã chuẩn bị sẵn cho ngài bản sao của cuốn nhật ký.

Van Helsing cầm tập bản thảo đánh máy của tôi, nét mặt ông rạng rỡ hẳn lên.

— Bà quả là một người rất tâm lý và tốt bụng! Nhưng tôi có thể đọc ngay bây giờ được chứ? Bởi chỉ có vậy tôi mới mong bà giải đáp ngay giúp tôi một số thắc mắc.

— Chắc chắn rồi! Ngài cứ việc ngài đọc, còn tôi sẽ đi kiểm tra xem mấy người giúp việc đã chuẩn bị cơm nước đến đâu rồi. Ngài có thể hỏi

tôi tùy thích trong bữa cơm trưa nay.

Vị khách người Hà Lan rồi rút cảm ơn tôi một lần nữa rồi tìm ghế ngồi, lưng quay ra cửa sổ. Tôi hiểu ông đã bị lôi cuốn ngay vào những dòng nhật ký kia. Tôi chỉ còn biết về ngay văn phòng để không làm ông cảm thấy bị quấy rầy. Khi quay trở lại phòng khách, tôi thấy ông đang đi đi lại lại khắp phòng, mặt đỏ tía như một chú gà chọi. Thấy tôi bước vào, ông vội chạy lại nắm chặt lấy tay tôi:

— Ôi! Bà Mina đây à! Tôi biết nói với bà thế nào về bốn phận của mình bây giờ? Cuốn nhật ký này chẳng khác nào một tia nắng mặt trời rực rỡ tỏa sáng trong tôi! Nó đã mở ra trước mắt tôi một cánh cửa. Tôi đang bị chói lòa, thực sự bị chói lòa bởi tia nắng đó. Song không phải là không có những đám mây đen thỉnh thoảng lại lượn lờ đằng sau... Nhưng bà không hiểu tôi muốn nói gì đâu, bà sẽ không thể hiểu được. Chỉ biết rằng tôi còn mắc nợ bà, một phụ nữ thực sự thông minh rất nhiều. Thưa bà, - Ông tiếp tục bằng một giọng rất hệ trọng - tôi hy vọng chừng nào Abraham Van Helsing còn làm được một điếu gì đó cho bà, hoặc những người thân thiết của bà, thì chừng đó bà còn có thể tin tưởng ở ông ta. Tôi thích... à, tôi luôn muốn giúp bà như một người bạn, vâng, như một người bạn, nhưng cũng xin nói thêm là một người bạn chân thành, không gì lay chuyển nổi. Vâng, tôi sẽ làm tất cả những gì có thể để giúp bà và những người bà hằng yêu mến. Cuộc đời thật nhiều điếu đen tối, nhưng cũng không vì thế mà mất đi nguồn ánh sáng. Bà chính là một phần của nguồn sáng đó. Bà rồi sẽ được hạnh phúc, được bù đắp tất cả cho những ngày buồn tủi đã trôi qua, và người chồng yêu dấu của bà sẽ tìm thấy ở bà một niềm vui trọn vẹn.

— Nhưng, thưa bác sĩ, có vẻ như ngài ca ngợi tôi hơi nhiều... Làm sao ngài biết được con người tôi kia chứ?

— Tôi mà lại không nhận biết được bà là người như thế nào ư? Tôi, một ông già đã dành cả cuộc đời để trải nghiệm, quan sát sự khác biệt của người đàn ông với người phụ nữ, để nghiên cứu bộ não của con người và tất cả những gì liên quan tới nó, lại không đủ khả năng để nhận ra bà là

người như thế nào ư? Tôi, người vừa chăm chú đọc từng dòng nhật ký bắt ngu ồn từ hơi thở cuộc đời thực của bà, người đã đọc lá thư bà viết cho Lucy ngay sau khi ông bà làm đám cưới, lại không thể nhận biết được con người bà kia đấy! Hối ôi! bà Mina ạ, những người phụ nữ độ lượng không phải lúc nào cũng dùng câu chữ để kể về chuyện của riêng mình. Trong cuộc đời này, hàng ngày, hàng giờ và thậm chí là hàng phút trôi qua, các thiên thần bao giờ cũng chú ý đọc thấu câu chuyện mà họ đã viết. Còn những người đàn ông chúng tôi luôn có một khao khát cháy bỏng nhất là được quan sát để nhìn nhận vấn đề vì vậy mà con mắt của chúng tôi cũng chẳng khác mấy con mắt của các thiên thần. Đức phu quân của bà hẳn phải là một người hào hiệp lắm. Cả bà cũng vậy, vì bà là người luôn có niềm tin ở cuộc sống, và để có niềm tin ở cuộc sống, con người ta cần phải có lòng nhân ái... Mà ông nhà sao rồi? Có lẽ bà phải nói cho tôi biết đôi chút về ông ấy đi. Ông đã hoàn toàn bình phục rồi chứ? Hy vọng là những cơn sốt vô lý ấy không còn hành hạ ông ấy nữa.

Tôi hiểu đã đến lúc phải nói cho Van Helsing biết rõ những gì liên quan đến sức khỏe của Jonathan để xem ông có nhận xét gì.

— Ông nhà tôi gần như đã bình phục, nhưng khổ nỗi cái chết của ngài Hawkins lại giáng cho anh ấy một đòn...

Bác sĩ người Hà Lan ngắt lời tôi:

— Chà! Vâng, tôi hiểu... Tôi hiểu... Tôi đã đọc hai lá thư mới nhất mà bà...

— Nhưng nói cho cùng, - tôi tiếp tục, - chính vì sự ra đi của người bạn già ấy mà ông nhà tôi đã bị xúc động rất mạnh. Và hôm thứ năm vừa rồi, khi chúng tôi đang ở Luân Đôn, hình như nhà tôi lại bị một cú sốc nữa thì phải.

— Lại một cú sốc nữa! Bị không lâu sau một cơn sốt não? Chà, chà! Tai hại thật đấy! Bà thấy ông nhà có biểu hiện như thế nào?

— Jonathan nghĩ anh đã trông thấy một ai đó khiến anh trở lại với một hồi ức khủng khiếp, một hình ảnh chính là nguyên nhân gây nên chứng

bệnh hoảng loạn của anh.

Nói đến đây, người tôi chợt run lên như không còn đứng vững được nữa, rõ ràng là tôi cũng đang bị xúc động. Tình yêu tôi dành cho Jonathan, những lo sợ về những gì anh phải trải qua, đi đâu bí ẩn hãi hùng mà tôi đoán già đoán non khi đọc nhật ký của anh, rồi cả sự lo lắng mơ hồ ngày càng lớn trong tôi sau khi đọc những gì anh viết, tất cả dường như đang hòa tới giằng xé ruột gan tôi, khiến tôi gần như bị mất trí trong giây lát, bởi tôi đã quỳ gối, giơ cao hai tay về phía Van Helsing để cầu xin ông cứu giúp chúng tôi. Trông thấy bộ dạng ấy của tôi, ông vội vàng chạy tới buộc tôi đứng dậy và dìu tôi ngã xuống ghế. Ông bối rối ngã bên cạnh, tay vẫn nắm chặt tay tôi như một cử chỉ vỗ về an ủi.

— Tôi luôn sống độc thân, - Giọng trầm ngâm của ông như chứa cả một tấm lòng cao cả - bởi cuộc sống của tôi luôn bị choán đầy những công việc, nên có thể nói rằng trước đây, tôi chẳng còn thời gian để mà hy sinh cho bạn bè, người thân. Nhưng kể từ cái ngày cách đây không xa lắm, khi anh bạn trẻ John Seward thân mến mời tôi sang đây, tôi mới chợt nhận thấy rằng cuộc đời có không ít người mang trong mình một trái tim cao thượng, một dòng máu cháy bỏng khát vọng được sống, được yêu và được hy sinh cho mọi người. Vậy mà bao năm qua, tôi chỉ biết sống cho riêng mình. Xin bà cứ tin rằng tôi đến gõ cửa nhà bà chính là vì sự tôn trọng tuyệt đối tự đáy lòng tôi đối với bà, bởi những lá thư bà gửi cho cô Lucy đáng thương đã mang tới cho tôi một hy vọng tràn trề. Những lá thư ấy không chỉ giúp tôi khám phá một đi đâu gì đó tôi đang tìm kiếm, mà còn giúp tôi hiểu rằng trên đời này còn có những người phụ nữ luôn mang lại một ý nghĩa tốt đẹp cho chính cuộc sống, những người phụ nữ mà sự hiện hữu của họ luôn là một tấm gương sáng người cho những đứa con mà họ sẽ sinh ra. Tôi thực sự hạnh phúc khi được tới đây, được làm một việc gì đó vì bà, bởi nếu ông nhà vẫn chưa qua cơn hoảng loạn, tôi tin là mình có thể làm được một việc gì đấy để chữa lành vết thương lòng trong ông. Tôi hứa

sẽ dành tất cả kinh nghiệm và sự hiểu biết của mình để giúp Jonathan nhanh chóng bình phục, chỉ có điều là bà phải... phải tin ở tôi...

Tôi chỉ còn biết lặng người nghe ông bộc bạch. Mọi cử chỉ, lời nói của ông đều mách bảo tôi rằng ông quả là một con người mẫu mực, một người bạn tận tụy và chân thành mà tôi hoàn toàn có thể tin cậy. Lời tâm sự của ông đã giúp tôi lấy lại bình tĩnh và cảm giác yên tâm.

Trong bữa cơm trưa, ông hỏi tôi rất nhiều về Lucy và nhiều hơn cả là về Jonathan. Tôi chỉ có thể nói cho ông biết thêm về chứng mộng du của Lucy, còn về những chuyện khác, hẳn là ông đã biết, thậm chí còn biết rõ hơn tôi nữa là đằng khác. Về chuyện của Jonathan, quả thực là tôi thấy rất khó trả lời. Nhưng những thắc mắc của ông dần dà đã gợi ra cho tôi một mối liên hệ nào đó, dù mơ hồ, giữa các sự việc tưởng như chẳng ăn nhằm gì với nhau. Chính cảm giác mơ hồ đó đã thôi thúc tôi quyết định cho ông mượn nốt cuốn nhật ký mà tôi đã thảo lại bằng máy chữ của Jonathan. Tôi nghĩ mình đã làm một việc hoàn toàn đúng đắn. Khởi phải nói Van Helsing đã cảm động như thế nào khi cầm bản sao cuốn nhật ký trên tay trước khi ra về khách sạn.

Thư của Van Helsing gửi bà Harker

Exeter, 6 giờ chiều ngày 25 tháng 9

“Thưa bà Harker,

Tôi thực sự xúc động khi đọc cuốn nhật ký của ông nhà. Tội nghiệp ông ấy quá! Ông đã trải qua biết bao cơ cực với những đi đầu hãi hùng và quái đản. Song thưa bà, xin bà hãy tin đó là sự thực, hoàn toàn là sự thực! Nhưng tôi cũng khẳng định với bà một điều rằng một người đàn ông đủ can đảm để leo xuống bức tường thăm thẳm của tòa lâu đài rùng rợn đó tới hai lần như ông nhà quả không phải là người để chúng ta phải lo lắng. Tôi rất muốn được tiếp kiến ông ấy vào sáng mai.

Chào thân ái.

Abraham Van Helsing.”

Nhật ký của Jonathan Harker

• *Ngày 26 tháng 9*

Thú thực chẳng bao giờ tôi nghĩ mình lại có ngày đặt bút viết tiếp vào cuốn nhật ký. Vậy mà... Tối hôm qua, lúc trở về nhà, Mina đã kể cho tôi nghe cuộc viếng thăm của vị giáo sư người Hà Lan Van Helsing và chuyện cô ấy đã đưa cho ông bản sao cuốn nhật ký của tôi. Tôi cũng đã đọc lá thư mà ông gửi cho vợ tôi chiều hôm qua. Lá thư ngắn ngủi ấy đã đem lại sức mạnh và niềm tin cho tôi. Vâng! Tất cả những gì xảy ra đối với tôi hoàn toàn là sự thật! Nhưng bây giờ tôi đã trở thành một con người khác hẳn: tôi không còn thấy sợ nữa, kể cả trước lão bá tước quái đản kia. Sự xuất hiện sáng nay của Van Helsing quả là một luồng sinh khí thổi vào con người bải hoải, yếu ớt của tôi. Ông đúng là người tôi mong đợi bấy lâu. Tôi đã thú thực với ông tất cả những gì tôi phải trải qua trong cuộc viễn du đầy ác mộng ấy.

Tôi nói với ông rằng đã có lúc tôi không còn biết phải tin vào cái gì và cũng chẳng biết phải hành động ra sao, trông cậy vào ai nữa. Lúc tỉnh táo, lúc mê muội, tôi cảm thấy mình như đang đi vào một vết xe đổ mà không thể thoát ra được. Mặt khác, tôi vẫn phải cam chịu cái mệt mỏi từ những công việc đang càng ngày càng lộ rõ là một lối mòn có vết xe đổ đó, và vì thế mà tôi bắt đầu không còn tin ở chính mình nữa.

— Thưa bác sĩ, chắc là ngài không hiểu nghi ngờ tất cả và nghi ngờ chính bản thân mình là một cảm giác như thế nào đâu! Không, ngài không thể hiểu được! Không thể và không thể! Tôi chẳng nhận ra bất cứ một biểu hiện gì trên vầng trán thanh tao của ngài cả.

Van Helsing phì cười đáp lại:

— Chà! Ông lại còn biết cả nhân tướng học nữa kia đấy! Từ khi tới đây, cứ mỗi giờ trôi qua là tôi lại biết thêm ít nhiều đi đâu mới. Tôi cảm thấy thật

vinh hạnh khi được cùng ông chia sẻ bữa điểm tâm ở đây. Ông bạn ạ, ông sẽ cho phép ông già này nói chuyện một cách chân thành nhất chứ? Ông thật hạnh phúc khi có được một người vợ như vợ ông bây giờ! Giáo sư Van Helsing đã không ngớt lời ca ngợi Mina trong suốt cả buổi trò chuyện, đến nỗi tôi chỉ còn biết gật đầu im lặng lắng nghe.

— Bà nhà quả là một người của Chúa. Chúa đã tạo ra bà bằng chính bàn tay của Ngài, để chứng minh cho chúng ta thấy rằng trên đời này thực sự có một thiên đường, một thiên đường mà một ngày nào đó, các con chiên của Ngài đều có thể bước lên. Thiên đường ấy quả thực đang tỏa ánh hào quang rạng ngời xuống cuộc sống trần trụi của trái đất này. Một người có lòng trung thành với Chúa và với mọi người, có lòng nhân từ, dịu dàng nét na, biết hy sinh tất cả vì những người xung quanh như bà nhà đâu phải là nhiều trong cái thế kỷ đầy rẫy những nghi kỵ và ích kỷ của chúng ta. Và cả ông nữa, ông bạn ạ. Tôi đã đọc tất cả những lá thư gửi Lucy của bà nhà, trong đó có cả những dòng kể về ông. Vì vậy, không phải đến bây giờ tôi mới biết về ông, song tôi cũng chỉ thực sự hiểu con người ông kể từ chiều tối hôm qua. Nào, ông bạn, tôi bắt tay anh được chứ? Chúng ta sẽ mãi là bạn của nhau.

Chúng tôi xiết chặt tay nhau, sự chân thành của Van Helsing một lần nữa làm tôi thực sự cảm động.

— Còn bây giờ, - ông tiếp tục - tôi có thể đề nghị ông giúp đỡ được chưa? Trước mắt tôi còn một việc rất quan trọng cần phải giải quyết, nhưng để làm được như vậy, đi đầu trước tiên mà tôi cần là phải biết. Tôi tới đây cũng là vì sự giúp đỡ của ông. Ông có thể nói cho tôi biết những gì đã xảy ra trước khi ông hành trình tới Transylvanie được không? Sau đó, có thể tôi sẽ còn phải tiếp tục nhờ cậy ở ông, nhưng là để giải quyết các vấn đề theo một trật tự khác. Chỉ cần ông trả lời câu hỏi đó là đủ đối với tôi trong lúc này.

— Nhưng, thưa ngài, tôi chẳng thấy có mối liên hệ nào giữa lão bá tước và câu chuyện mà ông đang bận tâm cả.

— Có đấy, ông bạn ạ! - Ông nghiêm nét mặt trả lời.

— Nếu vậy thì xin ngài cứ tin ở tôi.

Sau bữa điểm tâm, tôi tiễn ông ra ga. Lúc chia tay tôi, ông bảo:

— Nếu tôi mời, ông có thể tới Luân Đôn được không? Tất nhiên là cả bà Mina nữa!

— Chúng tôi sẽ lên đường ngay lập tức nếu ngài cảm thấy tiện.

Tôi mua tặng ông mấy tờ tin buổi sáng, và cả vài tờ tin buổi chiều số ra ngày hôm trước, để ông ng ồi đọc trên tàu cho đỡ buồn. Ông vừa bước lên cửa toa xe vừa đọc lướt qua các tit báo. Tôi nhận thấy ánh mắt ông như vừa bị hút vào một hàng chữ lớn trên tờ Westminster Gazette; sắc mặt ông bỗng tái nhợt đi ngay sau đó. Tôi nghe rõ tiếng lẩm bầm sợ hãi của ông:

— Lạy Chúa tôi! Lạy Chúa tôi! Đây r ồi! Ra r ồi!.

Tôi tin chắc rằng trong tâm trạng xúc động khó hiểu, ông đã quên khuấy sự có mặt của tôi.

Tiếng còi hơi bất chợt rú lên một hồi dài thê thảm trước khi đoàn tàu từ từ chuyển bánh. Van Helsing giật mình trở lại với thực tại, ông ngoái ra khỏi cửa vẫy chào tôi:

— Cho tôi gửi lời chào bà nhà nhé! Tôi sẽ gửi thư cho ông bà ngay khi nào có thể.

Nhật ký của bác sĩ Seward

• *Ngày 26 tháng 9*

Nói cho cùng thì chẳng bao giờ có đi ều gì kết thúc cả. Kể từ hôm tôi viết chữ “hết” trong nhật ký đến nay vẫn chưa đ ầy một tuần, vậy mà tôi đã lại phải cần bút tiếp tục ghi lại những ưu tư của mình, và đi ều tệ hại là tôi vẫn không thể tránh khỏi những chuyện mà với tôi tưởng chừng phải kết thúc r ồi. Đúng là cho đến tận chiều hôm nay, tôi chẳng có lý do gì để nghĩ về những gì thuộc về quá khứ cả. Bệnh nhân Renfield đã trở nên hiền hòa hơn bao giờ hết. Từ vài tuần nay, hắn chỉ biết chăm sóc cho đàn ru ồi của

hắn. Còn bây giờ, hắn như đang bị lũ nhện hút mất hồn, vì vậy tôi không còn bị hắn quấy rầy nữa.

Tôi vừa nhận được thư viết hôm chủ nhật của Arthur. Theo những gì anh nói trong thư, tôi hiểu anh đã dần khỏe trở lại. Quincey Morris đang ở cùng anh để giúp anh trở lại với cuộc sống bình thường sau những cú trời giáng vừa qua. Morris bao giờ cũng là một chàng trai năng động và đầy nhiệt huyết. Cậu ta cũng vừa gửi thư báo cho tôi biết Arthur đã ít nhiều tìm lại được niềm vui của cuộc sống. Như vậy thì tôi yên tâm rồi.

Về phần mình, tôi cũng cố gắng bắt tay vào công việc với sự say sưa vốn có của mình. Tôi hoàn toàn có thể tin tưởng rằng vết thương do cái chết bi ai của cô bé Lucy tội nghiệp để lại trong tôi đang dịu đi từng ngày. Hôm qua, Van Helsing tới Exetel và chỉ trở về vào ngày hôm nay. Khoảng năm giờ chiều, ông tới tìm tôi với tờ tin chiều Westminster Gazette trên tay.

— Anh nghĩ thế nào về chuyện này? - Ông vừa nói vừa đưa tờ báo cho tôi rồi lùi lại vài bước, hai tay khoanh trước ngực.

Tôi chỉ đọc lướt qua tờ báo, bởi thú thực tôi vẫn chưa hiểu ông định ám chỉ điều gì. Nhưng ông đã bước tới khẽ giật lại tờ báo và chỉ cho tôi thấy một bài nói về chuyện những đứa trẻ bị mất tích ở khu vực xung quanh Hampstead song đầu đã được tìm thấy. Tôi thấy chẳng có điều gì đặc biệt cho tới khi giật mình biết rằng tất cả những đứa trẻ bị mất tích đầu bị một vết thương nhỏ, giống như những vết cắn ở cổ. Trong đầu tôi chợt lóe lên một ý nghĩ khiến tôi phải ngừng lên nhìn thẳng vào mắt Van Helsing.

— Anh nghĩ thế nào?

— Đó cũng chính là những gì đã xảy ra với Lucy.

— Thế anh giải thích như thế nào về điều đó?

— Rất đơn giản, tất cả đều có một nguyên nhân. Cái gì đã làm Lucy bị thương thì cũng làm cho bọn trẻ bị thương.

— Đúng... gián tiếp, nhưng cũng không phải là không trực tiếp!

— Ngài định nói gì vậy, giáo sư?

Thú thực tôi không hiểu giáo sư định nói gì sau câu trả lời ấy. Tôi định phàn nàn là đạo này ông hay nói khó, hoặc thần kinh của ông có vẻ như vẫn chưa ổn định sau những ngày căng thẳng vừa qua, nhưng khi nhìn nét mặt ông, tôi đã phải thay đổi ngay ý định của mình. Quả thực là chưa bao giờ, kể cả khi căn bệnh của Lucy đẩy chúng tôi tới tột cùng của tuyệt vọng, Van Helsing tỏ ra thất kinh như vậy.

— Thế giáo sư nghĩ như thế nào? Xin giáo sư giải thích giùm cho! Có lẽ tôi chỉ biết tưởng tượng chứ không biết lý giải ra sao cả.

— Anh bạn John ạ, anh sẽ không làm tôi tin rằng anh không hề nghi ngờ những gì có thể là nguyên nhân dẫn đến cái chết của Lucy chứ? Tất nhiên, tôi không chỉ đưa ra các sự việc, mà còn phải có cả những lời bình luận, những suy nghĩ day dứt bấy lâu nay để giúp anh hiểu ra vấn đề.

— Có lẽ là suy nhược cơ thể do mất quá nhiều... quá nhiều máu, có phải thế không ạ?

— Thế cái mất quá quá nhiều máu như anh nói đó là do đâu, anh có biết không?

Tôi lắc đầu chịu chết. Thấy vậy, ông ngả xuống bên tôi, rồi tiếp tục câu chuyện của mình:

— Anh thông minh lắm, John ạ. Anh có lý lẽ thật đúng đắn và cũng rất thật thà, nhưng anh đã không tránh được các định kiến chủ quan. Anh không chịu để mắt, để tai đến sự việc, và rõ ràng đi đâu đó đã không trở thành một phần cuộc sống hàng ngày của anh, vì thế nên anh chẳng bao giờ nắm chắc được một đi đâu gì cả. Chẳng lẽ anh không nghĩ trên đời này lại có những đi đâu mặc dù anh không hiểu, nhưng vẫn tồn tại hay sao? Và rồi một số người trong chúng ta có thể thấy được những đi đâu mà người khác không thể thấy nữa! Nhưng công bằng mà nói, trên đời này vẫn còn khối chuyện mà con người ta không thể hiểu nổi bởi vì họ biết hoặc là suy ngẫm, hoặc là nhận biết - những chuyện đó khác với những gì người ta đã dạy cho họ. Thế đấy! Đó chính là khiếm khuyết của khoa học: khoa học lúc nào cũng muốn giải thích tất cả, và khi không giải thích nổi, nó sẽ đưa

ra một tuyên bố là chẳng có gì phải giải thích cả. Tuy nhiên, chúng ta có thể thấy ngày nào cũng có các học thuyết mới, hay nói đúng hơn là các học thuyết tự xưng là mới ra đời ở đâu đó, thực ra chúng chỉ là những lý thuyết cũ mềm nhưng lại được biện bạch sao cho thật mới mẻ, kiểu như những người đẹp mà ta vẫn thấy trong các nhà hát kịch ấy. Nào, bây giờ tôi xin được hỏi tiếp nhé, anh có tin ở sự biến hóa của các cơ thể không? Anh sẽ trả lời là không chứ? Anh cũng không tin ở thuyết vật chất hóa? Cũng là không? Thế còn các vật chiếu mệnh? Có hay không? Và thuyết đọc được ý nghĩ? Lại không? Vậy anh nói thế nào về phép thôi miên?

— Có chứ, nhà khoa học Charcot đã có khá nhiều bằng chứng cho chúng ta...

Ông mỉm cười và tiếp tục những lý lẽ của mình:

— Vậy là anh đã bị thuyết phục rồi nhé! Hiển nhiên là anh rất hiểu cơ chế của các thuyết và anh cũng đã để ý cách chứng minh của ông già Charcot! Vậy mà ông ta lại không còn nữa. Này, anh bạn John thân mến này, tôi có cần phải hiểu anh chỉ biết thừa nhận sự việc, hay kết quả của sự việc, một cách đơn giản mà chẳng cần đào sâu thêm vấn đề hay không? Không hả? Vậy thì tôi biết giải thích như thế nào? Xin đừng quên tôi cũng là một chuyên gia về bệnh tâm thần đấy nhé! Về việc anh thừa nhận lý thuyết của chứng mộng du, song lại phủ nhận hoàn toàn phép thần giao cách cảm! Anh bạn ạ, để tôi nói nhé: trong thời đại ngày nay, người ta thừa biết rằng dòng điện được sinh ra từ chính các vật chất mà ngày trước, những người phát minh ra nó đã phải trả giá bằng cả tính mạng của mình. Hồi đó, phát minh của họ bị coi là một trò phù thủy bịp bợm, một hành động báng bổ thần thánh, chính vì vậy mà họ phải chết trên giàn thiêu. Cuộc sống lúc nào cũng đầy những bí ẩn. Tại sao Mathusalem đã sống được chín trăm năm, trong khi cô bé Lucy đáng thương của chúng ta, mặc dù được bốn người truyền máu, lại không thể sống thêm được một ngày? Bởi vì chỉ cần sống được thêm một ngày nữa thôi là có thể cô ấy sẽ được chúng ta cứu sống! Anh có hiểu thấu đáo sự bí ẩn của sự sống và cái chết

không? Anh cũng biết tường tận về giải phẫu học so sánh chứ? Nào, anh nói xem, tại sao có một số gã đàn ông lại có tính vũ phu, trong khi những người khác lại không như vậy? Anh có chắc mình đủ khả năng lý giải được hiện tượng là trong khi các con nhện khác đều chết trẻ, thì con nhện khổng lồ từng sống qua nhiều thế kỷ trong tháp một nhà thờ cổ của Tây Ban Nha ấy lại cứ lớn lên, lớn lên mãi cho tới khi đủ sức để bò xuống uống bằng sạch số dầu chứa trong tất cả các ngọn đèn ở đền thờ không? Còn nữa, anh làm thế nào để giải thích cho tôi tại sao, giữa một thảo nguyên mênh mông ở Nam Mỹ, và cả ở các nơi khác cũng vậy, đàn dơi không chỉ lẩn mò giữa đêm, đi hút máu của những con vật nhỏ bé, mà còn dám trích cả động mạch của những con ngựa to xác để thỏa thuê hút đến những giọt cuối cùng đây? Anh giải thích ra sao về việc ở một số hòn đảo thuộc Đại Tây dương, đàn dơi - vâng, vẫn là loài dơi - lúc nào cũng đậu lơ lửng trên các cành cây, đợi khi các thủy thủ ngủ quay ra trên các boong tàu vì thời tiết nóng nực chẳng hạn, sẽ lao ập xuống người họ, và thế là sáng dậy, người ta thấy họ không còn thở nữa, họ đã chết vì mất máu giống như những biểu hiện của Lucy?

— Chúa ơi! Thưa giáo sư, phải chăng giáo sư định nói rằng Lucy chính là nạn nhân của một con dơi nào đó? Và ở đây, trong cái thành phố Luân Đôn giữa thế kỷ mười chín này, cũng có thể xảy ra một chuyện tương tự?

Ông khoát tay ra hiệu cho tôi im lặng và tiếp tục:

— Anh có thể giải thích tại sao giống rùa lại sống lâu hơn bao đời người, tại sao loài voi lại được chứng kiến sự suy tàn của hết triều đại này đến triều đại khác của con người, và tại sao con vẹt chỉ chịu chết khi bị cắn bởi một con mèo hay một con chó không? Anh có thể nói cho tôi biết vì lý do gì mà con người, ở mọi lúc và mọi nơi, đều muốn mình được sống vĩnh cửu không? Tất cả chúng ta đều biết - như khoa học đã khẳng định rằng loài cóc có thể sống hàng ngàn năm trong đúng một cái hang nhỏ nằm dưới các mỏm đá. Nào, anh giải thích đi, tại sao một đạo sĩ khổ hạnh Ấn Độ lại có thể tự hy sinh và tự chôn mình lại, rồi cho người niêm phong cửa mộ và gieo lúa mì lên đó. Tại sao người ta vẫn tiếp tục gieo mầm trên đó sau vụ

gặt đầu tiên, và tại sao khi những ngọn lúa mới này được gặt đi rồi, người ta lại đến bỏ niêm phong ra và thấy đạo sĩ đang nằm dài trong mộ, không phải là chết, bỗng lập tức đứng dậy để cùng bước đi với họ?

Ông chợt im bặt. Về phần mình, tôi thấy đầu tôi như sắp nổ tung ra đến nơi. Van Helsing đang bắt tôi chịu đựng toàn những chuyện kỳ quái của tự nhiên, những cái không thể bị biến thành những cái có thể mà trí tưởng tượng của tôi, dù rất phong phú, vẫn không thể hình dung ra nổi. Tôi ngờ rằng hình như ông đang định chứng minh cho tôi thấy một điều gì đó giống như ông đã từng làm ở Amsterdam ngày xưa, có điều là khi đó, ông chỉ muốn tìm cách nói cho tôi biết mục đích buổi lên lớp của ông để tôi có thể lĩnh hội một cách ấn tượng nhất bài giảng của ông mà thôi. Còn hôm nay, tôi không sao nắm bắt được cái điểm khởi đầu trong câu chuyện của ông, nhưng thú thực tôi cũng chẳng có ý định bám theo cái ý tưởng bác học và chuỗi các diễn biến sự kiện mà ông đã nêu ra.

— Thừa giáo sư, - Tôi nói - hãy cứ coi tôi là một học trò được yêu mến của giáo sư như ngày xưa. Xin giáo sư cứ nói thẳng vấn đề để tôi có thể liên hệ với các lý thuyết mà giáo sư đã truyền dạy cho tôi ngày nào, chỉ có vậy tôi mới mong hiểu được những gì giáo sư định nói. Lúc này, tôi chẳng khác gì một kẻ điên, đầu óc tôi hoàn toàn không được thông thái để chấp nối các ví dụ mà giáo sư vừa nêu. Tôi thấy mình như một đứa trẻ đang bị bơm nhảy từ bụi cỏ này sang bụi cỏ khác, giữa một đăm lầy đăm sương mù, mà chẳng biết mình phải đi về đâu.

— Được đấy, anh tưởng tượng cũng được đấy. Thế này vậy, tôi sẽ nói ngay lập tức điều tôi định nói: tôi muốn anh phải tin.

— Phải tin cái gì...?

— Phải tin những điều mà từ trước đến nay anh không tin. Hãy cứ để tôi giải thích. Có lần tôi nghe nói có một người Mỹ định nghĩa về niềm tin như thế này: “Đức tin là một bộ môn cho phép chúng ta tin ở những điều mà chúng ta cho là không đúng”. Tôi hoàn toàn hiểu ý của ông ta. Ông ta muốn nói chúng ta cần giữ cho đầu óc thông thái và đừng để một chân lý

nhỏ cản trở sự tiến bộ của một chân lý lớn hơn. Điều quan trọng là trước tiên, chúng ta phải hiểu được cái chân lý nhỏ ấy, song chúng ta cần đánh giá đúng giá trị thật của nó và không được để mình bị thuyết phục rằng đó là chân lý của cả cái vũ trụ bao la này.

— Vậy giáo sư định nói rằng các ý niệm định kiến không thể biến thành chương ngại cản trở việc thừa nhận các ý niệm khác đặc biệt hơn?

— Chà! Anh lúc nào cũng là một học trò xuất sắc nhất của tôi! Tôi chẳng cần mất nhiều thời gian để giải thích cho anh một điều gì cả! Bây giờ, anh đã sẵn sàng tìm hiểu vấn đề như một bước đi đầu tiên, và tôi tin là anh sẽ hiểu. Vậy thì anh có nghĩ các vết thương nhỏ trên cổ của bọn trẻ đều có chung một nguyên nhân từng gây ra các vết thương mà chúng ta đã thấy trên cổ cô bé Lucy không?

— Có, tôi cho là...

Van Helsing bỗng đứng bật dậy.

— Vậy là anh đã nhầm rồi, anh bạn John ạ. Ôi! Giá như sự thật đúng là như vậy thì đỡ biết bao! Nhưng, lạy Chúa! không phải. Sự thật còn khủng khiếp hơn nhiều, rất nhiều nữa là đằng khác.

— Lạy Chúa tôi! Thưa giáo sư, ngài định nói gì mà tôi không hiểu?

Ông thả người ngẫ phịch xuống ghế, khuỷu tay đặt mạnh xuống bàn, hai tay bưng mặt, vẻ thất vọng đến tột độ. Tôi bàng hoàng khi nghe giáo sư nặng nề buông ra một câu:

— Thật đáng tiếc! Những đứa trẻ ấy lại chính là nạn nhân của Lucy?

CHƯƠNG 15

Nhật ký của bác sĩ Seward (tiếp theo)

Nếu Lucy còn sống, chắc hẳn tôi đã không nổi khùng lên đến như thế.

— Giáo sư, ngài điên rồi sao? - Tôi đập bàn đứng dậy nói như quát, mặt đỏ gay gắt.

Van Helsing ng ồ yên, ngẩng mặt lên nhìn tôi, ánh mắt nhân hậu của ông làm tôi trấn tĩnh ngay lập tức.

— Lạy Chúa! - Ông nói rất chậm rãi. - Tiếc thật, tôi muốn điên mà không thể điên được! Nếu điên được thì đã dễ chịu đựng một sự thật như vậy hơn nhiều. Chà! Anh bạn ạ, theo anh thì tại sao tôi cứ phải nói những nói cuội mãi trước khi thú thực cái đi ều rất đơn giản ấy! Chẳng lẽ là do tôi ghét anh như tôi vẫn đối xử với anh từ trước đến nay? Chẳng lẽ tôi muốn anh phải chịu khổ đau thêm nữa? Hay là sau ngần ấy năm, lúc nào tôi cũng rắp tâm trả ơn cứu mạng của anh bằng những lời khó lọt tai ấy? Không phải, hoàn toàn không phải, đúng vậy không anh bạn?

— Cho tôi có lời xin lỗi, thưa giáo sư...

— Trái lại, anh bạn ạ, khi nói ra sự thật này, tôi rất muốn làm sao để anh càng ít choáng váng càng tốt, bởi tôi luôn hiểu anh cũng là người rất yêu cô gái ấy. Tuy nhiên, ngay cả bây giờ cũng vậy, tôi chẳng hy vọng anh sẽ tin tôi ngay lập tức. Thật khó có thể tin ngay ở một sự thực mơ hồ mà điểm xuất phát của lại là một sự ngờ vực, nhất là khi chúng ta luôn có xu hướng muốn có một đi ều ngược lại. Và sẽ khó khăn hơn thế nhiều nếu phải thừa nhận một sự thật cụ thể, nhất là khi nó khùng khiếp như cái sự thật tôi vừa nói ra. Tối nay, tôi sẽ chứng minh để anh phải tin. Thế nào, anh có dám đi cùng tôi không?

Thấy tôi có vẻ lưỡng lự, ông nói tiếp:

— Suy luận của tôi cũng đơn giản thôi. Nói cho cùng đó hoàn toàn không phải là suy luận của một kẻ mất trí nhắm mắt nhảy bừa từ bụi cỏ này

sang bụi cỏ khác, giữa đầm lầy, mà chẳng biết mình phải đi về đâu. Nếu đi đâu tôi nói không phải là sự thật thì bằng chứng sắp tới sẽ giúp chúng ta trút đi một gánh nặng, hoặc ít nhất nó cũng không làm nghiêm trọng thêm câu chuyện định mệnh của Lucy. Nhưng nếu đi đâu tôi nói có thật thì sao? Đó! Vấn đề chính là ở chỗ đó! Song tôi cũng xin được nói rằng chính sự nghi ngại cái có thật sẽ hỗ trợ cho lập luận của tôi, vì đi đâu tôi cần trước hết vẫn là lòng tin ở thực tế như nó vốn có. Tôi định đề nghị anh như thế này: trước hết, chúng ta sẽ tới ngay bệnh viện Phương Bắc để thăm một cậu bé, tức là một nạn nhân mà báo chí vừa đưa tin. Bác sĩ Vincent, người của bệnh viện Phương Bắc, là một người bạn của tôi và có thể cũng là bạn của anh, vì các anh đã có dịp cùng nhau nghiên cứu ở Amsterdam rồi thì phải. Ta cứ đến đó đi, nếu anh ta không thể giúp chúng ta vào thăm nạn nhân thì ít ra cũng phải tạo điều kiện để bạn mình được gặp mấy ông thầy thuốc có liên quan. Hãy đừng vội nói gì với anh ta, trừ phi chúng ta muốn có những chi tiết về ca bệnh này. Sau đó...

— Sau đó thì sao?

Van Helsing rút trong túi quần ra một chiếc chìa khóa và tung tung trên lòng bàn tay:

— Sau đó, tôi và anh sẽ qua đêm trong nghĩa địa, nơi Lucy đang yên nghỉ. Đây là chìa khóa cửa ngôi mộ. Người phu đào huyệt đã nhờ tôi giữ để gửi lại cho Arthur.

Cứ nghĩ tới cái bằng chứng khủng khiếp nào đó là tôi lại cảm thấy chân tay mình sắp sửa rụng rời đến nơi. Tuy nhiên, tôi cũng chẳng thể làm gì khác ngoài việc phải cố gắng tỏ rõ mình cũng là người có khí phách. Vì vậy, tôi đã mạnh mẽ giục ông đi nhanh chân, bởi trời sắp tối đến nơi rồi...

Khi chúng tôi bước vào phòng bệnh, cậu bé nạn nhân kia đang thức. Trước đó, nó đã được ngủ sau khi uống một cốc sữa đặc, bởi vậy tình trạng sức khỏe của nó nói chung cũng đã ít nhiều bình phục. Bác sĩ Vincent khẽ bóc lớp băng dán trên cổ cậu bé cho chúng tôi xem hai vết thương nhỏ xíu.

Rõ ràng vết thương này cũng giống y như những vết thương trên cổ Lucy, khác chăng là ở chỗ chúng có vẻ tươi hơn và nhỏ hơn một chút. Chúng tôi hỏi Vincent xem anh ta giải thích thế nào về nguyên nhân gây nên vết thương, anh cho rằng cậu bé đã bị cắn bởi một con vật, một con chuột chẳng hạn. Tuy nhiên, anh ta còn nói rằng không thể loại trừ trường hợp đó là vết cắn của một con dơi, bởi ở các vùng cao phía bắc Luân Đôn có rất nhiều đàn dơi đang cư trú. Anh ta giải thích:

— Sống giữa những đàn dơi hiền lành vô hại thỉnh thoảng cũng có một loài dơi hoang dại, hung hãn, từ phía nam tới. Cũng không loại trừ trường hợp có một anh chàng thủy thủ nào đó đã bắt và mang về nhà mình một con dơi như vậy và rồi vô ý để nó xông mất, hoặc cũng có thể đó là một con dơi xông chuồng của vườn bách thú. Trong trường hợp này, ai dám đảm bảo đó không phải là giống dơi hút máu người? Bởi vì trong vườn bách thú, người ta đang nuôi rất nhiều loài dơi. Lại còn chuyện này nữa: cách đây chừng chưa đầy mười ngày, vườn bách thú đã để xông chuồng một con sói, và có người đã thoáng nhìn thấy nó đang lẩn khuất đâu đó trong khu vực quanh đây. Chưa hết, trong suốt một tuần nay, người ta kháo nhau rằng lũ trẻ không còn thích trò chơi gì khác ngoài trò “Cô bé quàng khăn đỏ”. Sẽ chẳng có gì đáng nói nếu như trò chơi này không trùng hợp với sự xuất hiện của người đàn bà nhuộm máu và sự bỏ nhà đi qua đêm của lũ trẻ. Như vậy là bọn nhóc, cả cậu nhóc này nữa, vừa mới mở mắt tỉnh dậy, nó đã hỏi cô y tá là nó có thể đi khỏi đây được chưa. Khi cô ta hỏi đi đâu, nó nói ngay là nó muốn đi chơi với người đàn bà bí ẩn kia.

— Hy vọng là khi trả đứa trẻ này về nhà, - Van Helsing nói - anh sẽ nhắc nhở bố mẹ nó phải để mắt tới nó nhiều hơn. Việc chúng bỏ nhà đi là rất nguy hiểm, chưa biết chừng còn ảnh hưởng đến tính mạng nữa ấy chứ. Nhưng này, hình như anh còn định giữ cậu nhóc này ở đây vài hôm nữa thì phải?

— Ít nhất là một tuần nữa, hoặc cũng có thể lâu hơn nếu vết thương của nó vẫn chưa chịu lành.

Cuộc viếng thăm bệnh viện của chúng tôi kéo dài hơn dự kiến. Khi chúng tôi quay ra thì trời đã tối.

— Có vội cũng chẳng giải quyết vấn đề gì. - Van Helsing bảo tôi. - Tôi nghĩ bây giờ vẫn chưa đến nỗi quá muộn. Hay là ta kiếm cái gì ăn cho đỡ đói đi, sau đó có làm gì thì làm.

Chúng tôi vào ăn tối ở quán “Lâu đài Jack Straw”, nơi có một nhóm tay đua xe đạp đang ngồi ăn nhậu ồn ào cùng mấy thanh niên. Khoảng mười giờ tối, chúng tôi rời quán trọ. Ngoài phố, trời tối đen như mực. Rõ ràng Van Helsing đã thăm trước con đường chúng tôi phải đi, bởi tôi thấy ông phẩm phảm rảo bước mà chẳng sợ vấp phải bất cứ một trở ngại nào. Còn tôi, thực tôi sẽ rất ngượng nếu có người hỏi tôi đang ở đâu. Càng lúc đường đi càng vắng hơn, cho dù đã có lúc chúng tôi gặp một toán cảnh sát cưỡi ngựa đi tuần. Nhưng cuối cùng thì chúng tôi cũng đến được nghĩa địa. Do cổng nghĩa địa đã khóa, nên chúng tôi phải trèo qua tường vào bên trong. Công việc chẳng dễ chút nào, bởi ở đây trời còn tối hơn ngoài đường phố nhiều nên chúng tôi không thể xác định được mình đang đứng ở chỗ nào. Thế mà rồi Van Helsing cũng nhanh chóng tìm được khu nhà mồ của gia đình Westenra. Ông rút chìa khóa mở cửa nhà mồ, cánh cửa nặng nề nghiêng ken két làm tôi dựng tóc gáy. Giáo sư giữ ý lùi lại một bước nhường đường cho tôi vào trước. Tôi cảm thấy trong một hoàn cảnh như vậy, cử chỉ lịch thiệp của ông có cái gì đó thật khôi hài. Ông cẩn thận đóng cửa, rồi móc trong túi ra một bao diêm và mẫu nến cháy dở để thắp soi đường. Ngôi nhà mồ mới hôm nào còn để lại trong tôi một cảm giác gần gũi thân thương là thế, lúc này bỗng làm tôi rùng mình ớn lạnh. Những cánh hoa trắng ngần dành cho Lucy giờ đây đã úa tàn, rơi rụng thành một màu đất, nhường chỗ cho mạng nhện đan chằng chịt. Bụi thời gian ngàn năm vẫn tiếp tục lần lữa làm cái công việc cam lạng của nó là xóa nhòa đi tất cả những gì thuộc về cuộc sống ngắn ngủi này. Cảnh đêm trong nhà mồ sao mà rùng rợn đến thế! Tôi sợ mình sắp sửa tưởng tượng ra những đi đâu hãi hùng nhất có thể có trong

một đêm tối mịt mùng, giữa nghĩa địa quạnh hiu, những đi đâu mà tôi chỉ được biết trong các câu chuyện kỳ bí hoang đường.

Van Helsing bắt tay vào công việc một cách có tính toán. Ông giờ cao ngọn nến, khom người đọc những hàng chữ khắc trên từng chiếc quan tài. Những giọt nến thỉnh thoảng lại rơi đập xuống nắp một quan tài như muốn đẩy sự căng thẳng của tôi đến tột độ. Tới trước quan tài của Lucy, giáo sư chợt cúi xuống móc trong túi đồ mang theo một chiếc tournevis.

— Ngài định làm gì vậy? - Tôi hỏi.

— Mở nắp quan tài. Có lẽ phải như vậy anh mới chịu tin!

Ông cặm cúi mở từng chiếc vít và khệ nệ nhấc chiếc nắp gỗ nặng trĩu sang một bên, để lộ ra một lớp bọc chì trong quan tài. Có lẽ sức chịu đựng của tôi đã lên tới cực độ, hành động của ông khiến tôi hồ thẹn như phải chứng kiến cảnh người ta đang lột quần áo của một phụ nữ đang say giấc nồng. Tôi giờ tay định ngăn lại, nhưng ông vẫn thản nhiên đáp:

— Yên tâm đi, rồi anh sẽ được thấy tất cả!

Đoạn ông lôi trong túi đồ ra một cái cửa sắt nhỏ. Tôi chưa kịp hiểu chuyện ra sao đã thấy ông nhanh tay cạy phá chiếc tournevis vào lớp bọc chì và ngoáy thành một lỗ khá rộng, đủ để đưa lưỡi cửa vào. Tôi sửng sốt nhảy lùi lại mấy bước, vì sợ cái mùi xú uế từ trong quan tài sắp sửa xộc ra. Nhưng giáo sư vẫn cặm cúi với công việc của mình mà chẳng cần quan tâm đến đi đâu gì khác ngoài cái mục đích cuối cùng của mình. Ông cạy lớp bọc chì theo một đường hình vuông, sau đó giật ra một mảnh khá rộng. Thấy tôi vẫn ngệt mặt đứng một chỗ, ông vẫy tay gọi lại.

Tôi thận trọng tiến từng bước về chiếc quan tài. Lạ chưa! Dưới ánh sáng mờ mờ tỏ tỏ của ngọn nến, tôi nhận thấy chiếc quan tài trống tuếch như chưa từng có gì ở bên trong. Người tôi bủn rủn như muốn rụng rời chân tay. Quả là một cú sốc thực sự đối với tôi, nhưng với Van Helsing thì không: tôi thấy ông vẫn đứng thản nhiên như đã biết trước mọi việc từ lâu rồi. Hơn lúc nào hết, tôi chợt hiểu ông đã nói đúng!

— Bây giờ anh đã chịu tin chưa, anh bạn John? Tâm phục khẩu phục rồi chứ?

Tuy nhiên, tôi vẫn chưa chịu:

— Tôi công nhận là Lucy không nằm ở trong quan tài, nhưng dù sao thì sự thật này vẫn chỉ chứng tỏ được một điếu.

— Điếu gì vậy, John?

— Điếu gì? Thi thể của Lucy không có trong quan tài, thế thôi.

— Lập luận hay đấy! Nhưng anh giải thích như thế nào, anh định lý giải như thế nào về việc thi thể cô ta lại không nằm ở trong đó?

— Có thể do bị trộm đột nhập, hoặc giả là thi thể cô ấy đã bị lấy đánh cắp bởi chính các nhân viên của nhà đòn.

Tôi cũng hiểu ngay rằng mình đang nói những lời thật ngây ngô, song dù sao thì đó cũng là lời giải thích duy nhất mà tôi có thể nghĩ ra trong lúc này.

Nghe tôi cãi, Van Helsing chỉ còn biết thở dài:

— Thôi được! Vậy là chúng ta lại phải tìm thêm một bằng chứng nữa rồi. Anh hãy theo tôi ra ngoài kia!

Ông lặng lẽ đặt nắp quan tài lại, nhặt dụng cụ, thổi tắt nến, rồi bỏ tất cả vào trong túi đồ. Chúng tôi mở cửa bước ra ngoài. Khóa cửa xong, giáo sư giờ chiếc chìa khóa lên bảo tôi:

— John này, nếu cảm thấy thích thì anh cứ cầm lấy, có lẽ phải như vậy anh mới hết nghi ngờ.

Tôi cười gượng, gạt đi:

— Một chiếc chìa khóa thì có nghĩa lý gì? Biết đâu chẳng còn cả chục cái như vậy nữa ấy chứ, mà cái ổ khóa kia có phải là khó mở đâu.

Van Helsing im lặng bỏ chiếc chìa khóa vào túi và chỉ tay bảo tôi nép sau một cây thông để quan sát những gì sẽ xảy ra, trong khi ông một mình đi kiểm tra đầu bên kia nghĩa địa. Đứng nép sau cây thông quả đỏ, tôi còn trông rõ bóng ông trước lúc ông khuất hẳn vào những lùm cây đen sẫm.

Thú thực tôi đã mất tự tin khi phải đứng một mình trong nghĩa địa, giữa đêm tối dày đặc như thế này. Tiếng chuông đồng hồ chợt vẳng tới từ xa xăm, khiến tôi không khỏi rùng mình. Vậy là đã nửa đêm rồi. Tôi vẫn sốt ruột chờ đợi. Một giờ, rồi hai giờ... Tiếng chuông thỉnh thoảng lại cất tiếng ngân dài lê thê như từ thế giới bên kia vọng về. Tôi cảm thấy ớn lạnh dọc sống lưng, nếu cứ như thế này thì có lẽ tôi sẽ chẳng còn đủ sức mạnh và lòng kiên nhẫn để mà đứng rình mãi ở đây. Có lẽ đây cũng là những giây phút khó nhọc nhất mà tôi không thể quên được trong đời.

Bất giác, tôi ngoảnh lại phía sau và giật thót người khi bất ngờ nhìn thấy một vệt trắng lơ lờ đang luồn lút qua khoảng trống giữa hai cây thông phía bên kia nhà mồ. Cùng lúc đó, một bóng đen sẫm bất thành linh xuất hiện đúng chỗ giáo sư đang đứng. Tôi định băng tới nhưng không được, bởi tôi không thể nhảy qua những nấm mồ mà không vấp ngã lộn cổ.

Bầu trời vẫn tối đen như mực, dù thỉnh thoảng đã có tiếng gà gáy đâu đây. Cách tôi không xa, phía sau những cây bách xù trơ trọi bên lối đi dẫn tới nhà thờ, lại là một bóng trắng mờ ảo đang tiến nhanh về phía khu mộ nhà Westenra. Tuy nhiên, cái bóng ấy cũng đã nhanh chóng biến khỏi tầm mắt tôi sau những lùm cây, tôi không thể xác định nó chạy về hướng nào. Chỉ còn tiếng những bước chân gấp gáp ở ngay tại nơi cái bóng trắng ấy vừa đi qua. Vài phút sau, tôi thấy Van Helsing đột ngột xuất hiện trở lại, hai tay ôm một đứa trẻ.

Vừa bước tới chỗ tôi, ông hỏi luôn:

- Thế nào, bây giờ thì cậu vẫn chưa chịu tin chứ?
- Chưa!
- Thế anh không trông thấy thằng nhóc này sao?
- Có, tôi trông thấy nó từ nãy... Nhưng ai dẫn nó tới đây mới được chứ? Nó có bị thương không?
- Sẽ biết ngay thôi mà.

Ông chỉ nói có vậy rồi bế thằng bé đi thẳng ra phía cổng nghĩa địa. Tôi mỗi một bước theo sau.

Chúng tôi dừng chân bên một bụi cây um tùm. Van Helsing đánh diêm kiểm tra cổ thằng bé. Không có một vết xước nào, dù là rất nhỏ.

— Tôi nói cũng đúng đấy chứ? - Tôi hỏi, giọng đặc thẳng.

— May mà chúng ta đã tới kịp! - Giáo sư đáp lại cùng một tiếng thở phào.

Biết phải làm gì với thằng nhóc này bây giờ? Nếu mang nó tới một đồn cảnh sát, chắc chắn chúng tôi sẽ phải giải trình với họ tại sao lại tìm thấy nó, và như vậy thì không ổn chút nào. Vậy là chúng tôi phải quyết định mang nó ra ngoài trắng, khi nào nghe thấy tiếng cảnh sát, chúng tôi sẽ thả nó ở một chỗ mà cảnh sát không thể không nhìn thấy. Ngay sau đó, chúng tôi sẽ tìm cách chuồn càng nhanh càng tốt. Và tất cả đều đã trôi qua êm xuôi đúng như chúng tôi mong đợi.

Lúc vừa đến trắng, chúng tôi đã nghe thấy tiếng bước chân nặng nề của một viên cảnh sát. Sau khi thả cậu nhóc bên một lối nhỏ, chúng tôi lẫn vào một bụi cây chờ cho đến khi viên cảnh sát cằn nhằn đi ngang qua và thốt lên một tiếng kinh ngạc, vì bất ngờ nhận ra nạn nhân nhỏ tuổi ngồi chờ vợ một mình. Chỉ đợi có vậy, hai chúng tôi nắm tay nhau lủi thật nhanh. Cũng may vừa ra tới đường cái, chúng tôi gặp ngay một chiếc xe ngựa chở khách đang trên đường vào thành phố.

Tưởng rằng mình sẽ chẳng thể ngủ được, tôi nằm vắt tay lên trán suy nghĩ, định bụng liên hệ các sự việc rời rạc với nhau để tìm ra một sợi dây nào đó xuyên suốt vấn đề, nhưng rồi lại thiếp đi từ lúc nào không biết, bởi khi Van Helsing đến gọi tôi thì trời đã trưa rồi. Ông định rửa tôi mồm một lần nữa.

• Ngày 27 tháng 9

Đã hai giờ đồng hồ trôi qua kể từ khi chúng tôi quyết định liêu lĩnh với toan tính thứ hai này. Việc chôn cất một người xấu số nào đó, được bắt đầu từ trưa, vừa kết thúc; bạn bè và gia quyến người quá cố đang lục tục

kéo nhau ra về Ngõ nấp sau một lùm cây, chúng tôi trông thấy rõ người phu đào huyết - người cuối cùng trong nghĩa địa đang chuẩn bị thu dọn những công việc cuối cùng. Chỉ lát nữa thôi, anh ta sẽ khóa cổng, và chúng tôi sẽ được tự do làm những gì mình muốn cho tới tận sáng mai. Nhưng giáo sư bảo chúng tôi chỉ cần tối đa một tiếng đồng hồ là đủ. Cũng như hôm trước, tôi lại bắt đầu trải qua một cảm giác ghê sợ mơ hồ không sao diễn tả nổi, mặc dù bây giờ đang là ban ngày, và dù tôi đã cố gắng tưởng tượng ra những hình ảnh tốt lành nhất. Tôi hoàn toàn hiểu rằng để làm xong cái công việc khó hiểu này, có thể chúng tôi sẽ phải hứng chịu sự trừng phạt của luật pháp. Hơn nữa, thú thực tôi vẫn tin công việc chúng tôi sắp làm chỉ là một trò vô tích sự! Nếu như việc mở nắp quan tài ra để xem cái thi thể mà người ta đặt vào đó từ hơn một tuần nay đã chết thật hay chưa là một trò ghê tởm, thì việc vất vả quay trở lại nhà mồ một lần nữa để chứng tỏ chiếc quan tài rỗng tuếch như tôi đã tận mắt chứng kiến - bây giờ quả là một hành động hoàn toàn điên rồ! Song tôi không có ý định bình luận gì về điều mình đang nghĩ, vì tôi luôn hiểu một khi Van Helsing đã nung nấu đi đâu gì trong đầu thì khó có ai có thể lay chuyển được ông. Bởi vậy, tôi vẫn lặng im nhìn ông lấy chìa khóa mở cửa nhà mồ. Cũng như lần trước, ông né người sang một bên như một cử chỉ lịch sự nhường lối cho tôi vào trước. Cảnh bên trong nhà mồ có vẻ đỡ rùng rợn hơn buổi đêm khuya, nhưng ánh mặt trời lọt qua khe cửa sao vẫn yếu ớt và mỏng manh quá! Van Helsing bước lại gần quan tài Lucy, tôi lần lần bước theo sau. Ông cúi xuống nhấc nắp quan tài và mảnh chì bọc đã cưa lần trước đặt sang một bên. Tôi thật không còn tin ở mắt mình nữa: vâng, lại một lần nữa tôi phải kinh ngạc, kinh ngạc đến khiếp sợ!

Lucy đang nằm trong đó, đúng với tư thế chúng tôi đã chứng kiến khi người ta đặt cô vào quan tài cách đây ít hôm. Có một điều rất lạ là thi thể cô lúc này trông đẹp hơn bao giờ hết, khiến tôi không thể tin là cô đã chết. Cặp môi cô vẫn đỏ như son, còn đỏ hơn so với khi cô còn sống, và cả đôi má kia cũng ửng hồng rạng rỡ như vừa được đánh một lớp phấn hảo hạng.

— Chẳng lẽ lại là một trò ảo thuật? - Tôi hỏi, trong lòng chưa hết sửng sốt.

— Bây giờ anh đã chịu chưa? - Vừa hỏi, Van Helsing vừa thò tay xuống phía xác chết. Hành động của ông khiến tôi muốn nôn mửa: ông đang vén cặp môi của người đang nằm, để trơ ra hai hàm răng trắng ớn.

— Anh hãy nhìn đi, nhìn cho thật kỹ vào: hai hàm răng cô ta trước kia có nhọn như thế này không? Đây chính là những chiếc răng đã cắn vào cổ mấy cậu bé đấy. Bây giờ thì anh không thể nghi ngờ được gì nữa, đúng vậy không, John?

Tôi vẫn muốn cãi lại, muốn phủ nhận những gì là hiển nhiên đối với ông, song lại tuyệt đối không thể chấp nhận được đối với tôi.

— Thế nhớ đêm hôm qua, có người đã mang thi thể Lucy trả lại đây thì sao?

— Thế hả? Anh thử nói xem kẻ nào vậy?

— Làm sao tôi biết được. Nhưng chắc chắn phải có người đã mang xác chết về chỗ cũ của nó!

— Thì cứ cho là như vậy đi, nhưng Lucy đã chết từ hơn một tuần nay rồi kia mà. Chẳng lẽ sau chừng ấy ngày, xác chết lại không thể thay đổi được sắc diện hay sao?

Đến đây thì tôi chịu cứng họng. Tuy nhiên, Van Helsing chẳng buồn để ý đến sự bẽ tắc của tôi, đầu đó cũng là một phần tính cách của ông, trong mọi trường hợp, rất ít khi tôi thấy ông tỏ thái độ bức dọc hay thỏa mãn ra mặt. Ông đang chăm chú quan sát khuôn mặt của Lucy, một lần nữa tôi cảm thấy lợm giọng khi thấy ông vạch môi kiểm tra hai hàm răng của kẻ xấu số.

Đoạn ông quay sang bảo tôi:

— Dường như còn có một cái gì đó rất khác biệt với tất cả những gì tôi được biết từ trước tới nay. Chúng ta đang đứng trước một hiện tượng phân đôi hóa cuộc sống rất hiếm khi gặp, cô bé này đã bị một con “*ma cà rồng*” cắn khi đang trong trạng thái thôi miên, mộng du... Ồ kìa! Anh giật mình

đấy à? John ạ, đúng là anh không biết thật, nhưng tôi sẽ giải thích để anh hiểu. Khi cô gái rơi vào trạng thái ảo giác, hắc con ma đó đã tới hút sạch máu trong người cô. Cô đã chết trong trạng thái miên man. Mặt khác, cô cũng trở thành một kẻ *không chết* trong cùng một trạng thái bởi chính quyền năng của con ma ấy. Đây là nguyên nhân khiến cô không hề giống với những trường hợp khác. Thông thường, khi những *kẻ bất tử* ngủ tại *nhà mình*, - giáo sư vừa nói vừa khoát tay như muốn nhắc tôi rằng những con “*ma cà rồng*” nào đó đang ở *nhà mình* tại các nghĩa địa - bộ mặt của chúng luôn bộc lộ những nét góm ghê đặc trưng không thể không có ở chúng. Nhưng đây, nét mặt Lucy vẫn dịu dàng đến kỳ lạ và chẳng mang một vẻ gì là dấu ấn của quỷ dữ cả. Chính vì vậy mà việc giết Lucy trong lúc cô đang ngủ như thế này là một điều hết sức khó khăn đối với tôi.

Dòng máu trong người tôi như sắp đóng băng lại đến nơi. Dường như cái lý luận của Van Helsing đã dần dần thuyết phục được tôi. Nhưng nếu Lucy chết thật rồi thì việc gì phải sợ khi quyết định giúp cô yên phận một lần nữa kia chứ?

Giáo sư đưa mắt nhìn tôi, không hiểu sao giọng ông lại có vẻ vui hơn trước, có lẽ cảm xúc trong ông đang thay đổi thì phải:

— À! Bây giờ thì anh đã chịu tin tôi rồi, phải vậy không?

— Không đến nỗi nhanh thế đâu. Thú thực là càng muốn thừa nhận ý kiến của ngài bao nhiêu thì tôi lại càng cảm thấy phải suy nghĩ nhiều bấy nhiêu. Thế ngài định giải quyết như thế nào?

— Phải đóng một cái cọc vào thân người kẻ bất tử, nơi bên trái lồng ngực, sau đó bỏ đầy sỏi vào miệng cô ấy.

Suýt nữa tôi lại quát vào mặt giáo sư. Tôi thật không thể chịu nổi cái cảnh người ta băm vằm thân xác của một cô gái mà tôi hằng yêu thương! Tuy nhiên, tôi vẫn cố kìm nén cảm xúc trong lòng. Người tôi bắt đầu run lên khi sức nhớ ra sự tồn tại của một thực thể xa lạ, một người mà giáo sư gọi là *kẻ bất tử*. Người con gái tôi yêu đã trở thành một loài tởn tại ghê tởm. Chẳng lẽ tình yêu lúc nào cũng mang hai thái cực như vậy sao?

Cái khoảnh khắc chờ đợi Van Helsing ra tay hành động dường như đang kéo dài vô tận. Ông vẫn đứng đó, bất động, chìm đắm trong dòng suy tư của mình. Cuối cùng, tôi thấy ông lấy chân gạt phắt túi đồ sang một bên và nói bằng một giọng thật quả quyết:

— John ạ, tôi đã nghĩ kỹ rồi, cần phải hành động sao cho có hậu nhất. Nếu cứ làm theo thiên kiến của mình, chắc chắn tôi sẽ phải ra tay ngay lập tức! Đúng thế, ngay bây giờ. Nhưng không thể không lường trước những hậu quả mà chúng ta chưa thể tưởng tượng nổi. Rõ ràng Lucy chưa giết hại một người nào, nhưng đó chỉ là vấn đề thời gian. Nếu bây giờ ra tay, tôi sẽ vĩnh viễn loại cô ta ra khỏi nguy cơ đe dọa đối với bao nhiêu người. Nhưng mặt khác, chúng ta cũng không thể không hỏi ý kiến của Arthur. Thú thực tôi vẫn chưa biết phải giải thích toàn bộ câu chuyện với cậu ta như thế nào bây giờ. Nếu như cậu ta đã thấy vết thương trên cổ Lucy và những vết thương trên cổ các nạn nhân nhỏ tuổi trong bệnh viện; nếu như cậu ta đã tận mắt chứng kiến chiếc quan tài, chỉ mới hôm qua thôi, còn rỗng tuếch, nhưng hôm nay đã lại xuất hiện nguyên vẹn một người con gái mà hơn một tuần sau khi qua đời, bỗng trở nên tươi tắn và xinh đẹp hơn bao giờ hết; nếu anh, người đã trực tiếp thấy một bóng trắng mờ mờ ảo ảo lôi kéo một đứa trẻ vào nghĩa địa giữa đêm hôm khuya khoắt hôm qua, còn cảm thấy khó tin ở mắt mình, thì làm sao có thể hy vọng Arthur - người hoàn toàn chưa được tận mắt trông thấy gì cả - sẽ tin ở câu chuyện tôi kể kia chứ? Anh ta sẽ nghi ngờ mà hỏi tại sao tôi lại cản trở anh ta ôm hôn Lucy khi cô ấy sắp chết. Nếu có thứ lỗi cho tôi thì chẳng qua cũng là vì anh ta tin rằng tôi đã ngăn cản anh ta nói lời vĩnh biệt với cô gái do một chẩn đoán sai lầm. Và bây giờ, rất có thể anh ta sẽ tin rằng chính vì sự sai lầm đó mà cô gái đã bị chôn sống. Nói tóm lại, anh ta sẽ nghĩ chính chúng ta đã giết chết cô gái bởi những sai lầm chồng chất. Và thế nào anh ta chẳng nghĩ chúng ta chỉ là những kẻ lừa bịp dốt nát, là thủ phạm giết chết cô gái để cố chứng tỏ việc làm của mình là đúng. Kết quả là càng ngày anh ta càng cảm thấy bất hạnh hơn, và khổ một nỗi anh ta sẽ chẳng bao giờ chắc

chấn được một điếu gì. Đó chính là điếu tệ hại nhất. Khi thì anh ta nghĩ người yêu mình bị người ta đem chôn sống, và thế là những cơn ác mộng nào đó sẽ trở nên quái ác đến bội phần khiến cho anh ta không khỏi hình dung ra những điếu khủng khiếp nhất mà cô gái từng phải hứng chịu, khi thì anh ta lại tự nhủ có thể chúng ta đã làm đúng, và rốt cuộc thì cô gái đúng là một *kẻ bất tử* như tôi đã bảo. Chà! Cũng đã có lần tôi nói bóng gió với anh ta về điếu tệ hại nhất có thể xảy ra, nhưng có lẽ chưa bao giờ anh ta tưởng tượng nổi một cảnh trái khoáy và oan nghiệt như thế này. Còn bây giờ tôi chỉ có thể dám chắc được một điếu: Arthur cần phải trải qua những giờ phút khó khăn và cay đắng trước khi có một cuộc sống bình yên trọn vẹn mãi sau này. Lạy Chúa! Anh chàng tội nghiệp ấy còn phải tiếp tục trải qua những khoảnh khắc thê lương mà đối với anh ta, bầu trời sẽ như sắp đổ sập xuống. Tuy nhiên, sau đó chúng ta sẽ phải làm sao để anh chàng trở lại với sự bình yên, thanh thản trong lòng. Phải như thế... Bây giờ, có lẽ ta về đi. Anh sẽ quay về với các bệnh nhân của mình. Còn tôi, tôi sẽ qua đêm ở đây, giữa chốn nghĩa địa này. Sáu giờ chiều mai, anh hãy tới tìm tôi ở Khách sạn Berkeley. Tôi sẽ viết vài dòng gửi Arthur để mời anh ta và cả anh chàng người Mỹ Quincey Morris tới đây luôn thể. Tất cả chúng ta đều có rất nhiều việc phải làm. Bây giờ, tôi sẽ cùng anh tới Piccadilly ăn cái gì trước đã, sau đó tôi sẽ cố gắng trở lại đây trước khi mặt trời lặn.

Van Helsing lặng lẽ khóa cửa nhà mồi và cùng tôi đi về phía tường rào nghĩa địa. Tôi trèo ra trước, ông ra sau. Hai chúng tôi lăm lăm trở lại con đường dẫn tới quán trọ Piccadilly.

Thư gửi bác sĩ John Seward của Van Helsing cất trong vali tại khách sạn Berkeley

“Ngày 27 tháng 9

John thân mến,

Tôi phải viết mấy dòng gửi anh, đề phòng trường hợp có chuyện bất trắc xảy ra mà không còn cơ hội được gặp lại anh. Tôi phải quay trở lại nghĩa địa để theo dõi tình hình mà tôi đã dự đoán. Tôi muốn ngăn cản *kẻ bất tử*, tức Lucy ra khỏi nhà mồ vào tối nay, để đêm mai cô ta càng ham muốn thoát ra khỏi đó hơn. Tôi sẽ gắn vào cửa nhà mồ những thứ mà *kẻ bất tử* đó không thích là tỏi và cây thánh giá, chỉ cần vậy là đủ để giữ cửa cô ta. Có đi đâu tỏi và cây thánh giá chỉ có tác dụng ngăn cản Lucy trốn ra ngoài, chứ không phải là một đảm bảo để cô ta từ bỏ ham muốn ra ngoài đó. Tôi sẽ ở lại nhà mồ suốt đêm, kể từ lúc mặt trời lặn cho tới khi bình minh thức dậy, để nếu có chuyện gì xảy ra còn có cái mà báo cho anh. Về những gì liên quan đến Lucy, hoặc là đối với bản thân cô ta, hoặc là xuất phát từ cô ta, tôi chẳng hề lo ngại.

Điều đáng lo ngại lại xuất phát từ một thế lực nào đó vốn là nguyên nhân biến Lucy thành *kẻ bất tử* kia. Thế lực ấy hiện có quyền năng để tìm đến ngôi mộ của cô và trú ẩn ở trong đó. Hẳn là kẻ cực kỳ xảo quyệt. Tôi nói vậy không phải là chỉ nghe theo lời kể của Jonathan, mà còn căn cứ vào nhiều thủ đoạn kẻ xảo quyệt đó từng giở chiêu trước chúng ta khi hắn can dự vào cuộc đời của Lucy và biến chúng ta thành kẻ thua cuộc. Trong thực tế, *kẻ bất tử* luôn rất khỏe. Một tay hắn có khi còn khỏe hơn cả chục người. Việc bốn chúng ta lần lượt hiến máu cho Lucy rồi cuộc cũng chỉ là việc làm vô ích. Đã thế, thế lực hắc ám ấy còn có quyền năng gọi được cả chó sói và có thể là những hoang thú khác mà tôi còn chưa biết. Nói tóm lại, nếu hắn tới nghĩa địa vào đêm nay, hắn sẽ đụng phải tôi. Nhưng cũng có thể là hắn sẽ không tới. Lãnh địa săn lùng của hắn hẳn sẽ còn nhiều con mồi khờ dại hơn là ở cái bãi tha ma hoang vu này, nơi chỉ có một cô gái trẻ bất tử là Lucy đang ngủ và một ông già là tôi đang thức.

Dù sao thì tôi cũng vẫn cứ viết mấy dòng ngắn ngủi này gửi anh để nếu có bề gì. Anh hãy cầm cuốn nhật ký của Harker, những giấy tờ khác mà tôi đã sắp sẵn cùng với lá thư này, rồi đọc và nghiền ngẫm cho kỹ nhé. Sau đó, anh phải can đảm hơn để thay tôi hành động. Hãy làm như tôi đã nói: dù rất

đau lòng, anh cũng phải tìm đến kẻ bất tử ấy để hỏa thiêu trái tim địa ngục hoặc phải đóng cọc vào thi thể của cô ta. Có như vậy mọi người xung quanh chúng ta mới thoát khỏi một tai họa tiềm ẩn do cô ta gây ra sau này.

Chào tạm biệt, hoặc có thể là vĩnh biệt!

Van Helsing.”

Nhật ký của bác sĩ Seward

• Ngày 28 tháng 9

Kể ra ngủ được một đêm đối với tôi lúc này cũng là một điều rất tốt. Hôm qua, tôi hầu như đã chấp nhận hết các ý tưởng quỷ quái của Van Helsing. Tôi không còn nghi ngờ việc ông luôn tin vào những gì ông đã kể, song thỉnh thoảng tôi vẫn tự hỏi có lúc nào đâu óc ông bị rối loạn hay không. Tuy nhiên, cũng phải thừa nhận ông có một cách giải thích rất phù hợp với tất cả những điều mà tôi thấy là bí ẩn kia. Hơn nữa, ông còn là người thông minh và kiên quyết đến ngoan cố. Mỗi khi hăng tiết lên, ông sẽ tìm mọi cách để thực hiện cái ý định của mình - cho dù đó là ý định gì và tất nhiên, chẳng có gì có thể cản trở được ông. Thú thực tính cách của ông cũng có đôi lúc làm tôi phẫn lòng, và điều tôi sợ nhất lúc này là có người bảo ông điên! Nhưng nói gì thì nói, bây giờ tôi sẽ phải luôn đề mắt tới ông, bởi trên đời này chẳng có chuyện gì là không thể xảy ra! Dĩ nhiên, tôi cũng phải xác định xem có ánh sáng nào dẫn đến câu chuyện bí ẩn kia hay không.

• Ngày 29 tháng 9

Khoảng gần mười giờ tối hôm qua, Arthur và Quincey rủ nhau đến phòng Van Helsing. Giáo sư đã nói với chúng tôi những gì ông chờ đợi ở từng người, song người ông quan tâm nhiều hơn cả tất nhiên vẫn là Arthur, cứ như thiện ý của tất cả chúng tôi chỉ tùy thuộc ở anh ta không bằng.

Ông bắt đầu câu chuyện bằng việc bày tỏ hy vọng cả ba chúng tôi sẽ nghe theo lời ông.

— Bởi chúng ta - ông nói cụ thể - phải cùng nhau hoàn thành một nhiệm vụ vừa thiêng liêng vừa rất khó nhọc. Chắc là anh đã rất ngạc nhiên khi đọc thư tôi? - Ông hỏi Arthur.

— Vâng, quả là như vậy. - Arthur trả lời. - Tôi đã có quá nhiều chuyện phiến muộn, quá nhiều đi đầu phải bận tâm trong thời gian qua. Cầu mong tôi có đủ nghị lực để dễ dàng vượt qua tất cả! Tôi và Quincey đã nói với nhau rất nhiều về lá thư của ngài. Chúng tôi chưa hiểu chính xác lá thư ấy định nói gì. Càng bàn, chúng tôi càng không hiểu. Tôi chỉ có thể nói dù đã nghĩ nát óc, rốt cuộc tôi vẫn chẳng rõ.

— Cả tôi cũng chịu chết, thưa giáo sư. - Quincey ngắt lời.

—Ồ! Vậy thì các anh sẽ hiểu vấn đề nhanh hơn anh bạn John đây. Anh ta đã phải đi đệt suốt cả một chặng đường dài, để bây giờ mới bắt đầu lảng máng nhìn ra những gì ngay trước mặt.

Rõ ràng là dù tôi chưa tham gia một lời nào, ông vẫn đoán được là tôi còn chưa hết nghi ngờ. Ông quay sang giải thích với hai vị khách kia bằng một vẻ hết sức nghiêm trọng:

— Tôi định xin các anh cho phép tôi tối nay được làm cái việc mà tôi cân nhắc là phải làm. Có thể tôi đòi hỏi ở các anh hơi nhiều. Chỉ khi nào biết ý định của tôi, các anh mới cân đong những đòi hỏi mà tôi đưa ra. Vậy tôi có thể đề nghị các anh cho phép tôi mà không cần quan tâm đến việc tôi phải làm là gì, để sau đó, nếu muốn, - đi đầu này tôi nghĩ rất có thể xảy ra - các anh cũng chẳng có gì phải tự trách mình không?

— Vậy thì xin giáo sư cứ nói thẳng ra. - Quincey sốt sắng đề nghị. - Tôi tin ở giáo sư. Dù chưa biết ngài đi về đâu, nhưng lúc nào tôi cũng hiểu rằng trong bất cứ hoàn cảnh nào, dự định của ngài cũng đều là tốt đẹp. Và với tôi, chỉ cần thế là đủ.

— Cảm ơn anh bạn trẻ. Thật vinh dự khi có một người bạn đáng tin cậy như anh, và sẽ chẳng bao giờ tôi quên được đi đầu đó - Van Helsing đáp lễ và chìa tay cho Quincey.

— Thừa bác sĩ Van Helsing, - Đến lượt Arthur lên tiếng - tôi thật không muốn mua mào trong túi như người ta vẫn nói, nhưng đi đâu tôi lo ngại là ở chỗ nếu danh dự của một nhà quý tộc và đức tin ở Chúa lòng lành của tôi bị tổn hại, thì chắc chắn tôi không thể đưa ra lời hứa như ngài đã đề nghị. Ngược lại, nếu ngài đảm bảo với tôi đi đâu mà ngài định làm không gây nguy hại đến người này hay người khác, thì tôi có thể để ngài được tự do hành động ngay bây giờ, cho dù tôi không rõ là ngài đang dự định đi đâu gì.

— Tôi xin chấp nhận các điều kiện của anh, - Van Helsing đáp lời - và tất cả những gì tôi đề nghị bây giờ là trước khi phản đối hành động này hay hành động khác của tôi, các anh hãy nên suy nghĩ và tìm hiểu cho thật kỹ xem tôi có gì không đáp ứng được các điều kiện đó không.

— Đồng ý - Arthur hứa. - Bây giờ tôi có thể hỏi ông về những gì chúng tôi sẽ phải làm được rồi chứ?

— Tôi muốn các anh sẽ cùng tôi tới nghĩa trang Kingstead với một ý thức giữ bí mật tối đa.

Arthur sửng sốt hỏi lại, mặt như dài ra:

— Tới nghĩa trang Lucy đang yên nghỉ?

Giáo sư gật đầu trả lời.

— Thế rồi sao nữa?

— Sao nữa à? Chúng ta sẽ cùng vào nhà mồn nhà cô ấy.

Arthur đứng bật dậy.

— Bác sĩ Van Helsing, ngài không đùa đấy chứ?... Xin lỗi, nhìn ngài thì không có vẻ gì là không nghiêm túc ở đây cả.

Arthur lại từ từ ngả xuống, rõ ràng anh đang cố giữ ý tứ. Ngồi trên ghế một lát, anh mới hỏi nhỏ, vẻ nhượng bộ:

— Thế khi nào chúng ta vào trong đó?

— Chúng ta sẽ mở nắp quan tài của Lucy. - Van Helsing nói tiếp mà không trả lời thẳng vào câu hỏi của Arthur.

— Ngài thật quá quái! - Arthur đứng phắt dậy, vẻ tức giận ra mặt. - Cái gì cũng vừa vừa phải phải thôi chứ! Tôi chỉ có thể kiên nhẫn trong chừng

mức nào đó, nhưng đằng này... cái kiểu làm ô uế chỗ an nghỉ của một người đã...

Cơn thịnh nộ làm cho Arthur không thể nói được nữa.

Van Helsing bu ãn bu ãn nhìn anh, vẻ thương hại:

— Anh bạn tội nghiệp ạ, nếu như tôi có thể tránh gây cho anh bị xúc động mạnh như vậy thì chắc rằng Chúa luôn biết tôi sẽ làm đi ãu đó! Nhưng ãm nay, chúng ta vẫn buộc phải đi vào một con ãường ãầy chõng gai, nếu không sau này, mãi mãi về sau này, người con gái anh hằng yêu thương sẽ phải chìm ngãp trong những nẽo ãường ãầy lửa bỏng của ãịa ngục!

Arthur ngược mắt nhìn ông bác sĩ già, mắt tái ãại đi.

— Thừa ngài bác sĩ, xin ngài ăn nói cẩn thận cho!

— Có lẽ trước hết, các anh hãy chịu khó lắng nghe tôi nói ra những gì tôi phải nói ãây - Van Helsing ãi ãm tĩnh ãáp lại. - Nói cho cùng thì anh vẫn rất cần phải biết ý ãịnh của tôi. Anh có muốn tôi nói ngay cái ý ãịnh ãó ra bây giờ không?

— Có khi nên thế thì tốt hơn! - Quincey muốn nói như muốn làm ãịu ãi b ãầu không khí nặng nề của cuộc nói chuyện.

Van Helsing ng ãĩ yên lặng một hồi lâu, dường như ông ãang chuẩn bị tinh thần ãể nói ra cái ãi ãu mà ông thấy là rất khó nói. Cuối cùng, ông vẫn phải ãi thẳng vào vấn ãề

— Cô Lucy ãã chết rồi, ãúng không ạ? Tất nhiên ai trong chúng ta cũng biết ãi ãu ãó. Nếu ãúng là như vậy thì sẽ chẳng có gì làm hại ãược cô ấy. Nhưng nếu cô ấy không chết thì...

Arthur bỗng nhảy ch ãồm ãậy và gào lên:

— Lạy Chúa! Ngài ãang ãải nhải cái gì thế? Chẳng lẽ lại là một trò bịp bợm? Chẳng lẽ người ta ãã chõn sống cô ấy?

— Tôi không nói là khi ãó, cô ấy còn ãang sống, anh bạn ạ, và tôi cũng không hề nghi ngờ như vậy. Tôi chỉ nói có thể cô ấy ãã trở thành một kẻ bất tử, thế thôi.

— Không chết? Rồi lại không sống nữa chứ gì? Ngài nói như vậy là thế nào? Chẳng lẽ tôi vẫn chưa qua được cơn ác mộng của đời mình hay sao?

— Trên đời luôn có những điều bí ẩn mà trí tuệ con người chỉ biết phỏng đoán mà chẳng biết phải lý giải như thế nào; cũng có những bí ẩn mà mỗi thế kỷ trôi qua, người ta chỉ dần dần làm sáng tỏ được từng phần nội dung của nó mà thôi. Xin hãy tin ở tôi, anh bạn ạ, quả thực chúng ta đang đứng trước một bí ẩn như vậy, và hy vọng chúng ta sẽ tìm được chìa khóa của nó. Hãy cứ để tôi tiếp tục công việc với sự cho phép của anh. Anh sẽ cho phép tôi đóng cọc vào người Lucy chứ?

— Ôi trời cao đất dày ời - Arthur bỗng rống lên thảm thiết, có vẻ như cơn tức giận và sự đau khổ của anh đã lên tới tột độ - Ôi, Chúa ời! Đừng hòng có chuyện tôi để người ta làm nhục cô ấy. Bác sĩ Van Helsing, ngài làm giọt nước tràn ly rồi đấy! Tôi đã làm gì nên nông nổi để ngài phải hành hạ tôi như vậy! Lucy có tội tình gì khiến ngài phải lôi bạn bè đến làm ô uế nơi an nghỉ của cô ấy như vậy? Ngài bị điên khi nói ra những lời rồ dại ấy, hay tôi điên khi phải nghe những lời ngài nói? Từ rày trở đi, xin ngài đừng mơ tưởng có thể làm ô uế nơi an nghỉ của cô ấy. Đừng hòng nhé! Tôi phải che chở cho cô ấy, Chúa sẽ chứng giám rằng tôi sẽ tìm mọi cách để làm tròn nghĩa vụ của mình!

Van Helsing rời khỏi đi vắng, nơi ông ngẩn từ nãy đến giờ, và nghiêm giọng đáp lại:

— Cả tôi cũng vậy, huân tước Godalming ạ, tôi cũng có một nghĩa vụ buộc phải hoàn thành mà không thể nào khác được. Đó là nghĩa vụ đối với mọi người, với chính anh và người con gái đã nằm xuống ấy. Tất cả những gì tôi cần ở anh bây giờ là tin ở tôi, theo tôi đến nghĩa trang để tận mắt chứng kiến, để thấy, để nghe những gì sẽ xảy ra. Sau đó, nếu tôi vẫn đưa ra lời đề nghị như vừa rồi và anh không tiện trả lời, thì tôi xin được... xin được thực hiện nghĩa vụ của mình trong trường hợp cần thiết. Mọi chuyện tôi sẽ giải thích với anh sau.

Giọng ông nhỏ dần, rồi im lặng, rồi lại chợt khẽ vang lên, nhưng lần này có vẻ hơi tủi thân:

— Nhưng tôi cầu xin anh hãy đừng giận tôi nữa! Trong suốt cuộc đời mình, chẳng mấy khi tôi được làm những việc dễ chịu cả. Thậm chí đã có lúc tôi phải giáp mặt với những việc đau xé lòng mà không thể bỏ qua. Anh tưởng tôi không biết nghĩ sao? Tôi cũng buồn lắm chứ, tê tái lắm chứ! Nhưng đời là vậy mà! Có mấy ai lúc nào cũng được như mong muốn của mình đâu. Tuy nhiên, tôi cũng phải thừa nhận rằng chưa bao giờ tôi phải làm tròn một bổn phận nào khó khăn như cái bổn phận đang chờ đợi tôi. Hãy tin ở tôi, anh bạn ạ, hãy tin là nếu có một ngày, tình cảm của mọi người đối với tôi bỗng thay đổi hẳn, chỉ còn lại tình cảm của một người bạn như anh thôi... Với tôi, như vậy cũng là quá đủ để xua đi những ưu phiền về cái giờ phút buồn tủi này, bởi tôi đã làm cái mà một con người có thể làm để anh vợi đi phần nào những vết thương lòng. Anh cứ thử nghĩ mà xem! Tại sao tôi phải lẩn lộn như thế! Tại sao tôi cứ nhất nhất phải chuốc vào mình những việc phiền phức đến thế? Tôi từ Hà Lan sang đây để hết lòng chăm sóc một bệnh nhân. Đầu tiên, tôi đến chỉ là để đáp lại lời mời của anh bạn John đây. Sau đó, tôi đã không quản ngày đêm để chữa trị cho một cô gái - người đã dần dần mang lại trong tôi cảm hứng của một tình bạn thật sự. Biết nhắc lại chuyện này là không hay, nhưng tôi vẫn phải nói tôi cũng đã từng hiến máu cho cô ấy, giống như anh đã từng làm với dòng máu từ trái tim mình. Vâng, tôi đã cho cô gái một phần dòng máu của tôi. Song chỉ có đi đầu với cô ấy, anh là một người chồng chưa cưới, còn tôi, tôi chỉ là một thầy thuốc và hơn chẳng cũng chỉ là một người bạn. Tôi đã dành cho cô ấy trọn nhiều ngày, thậm chí là nhiều đêm nữa, và tôi không chỉ làm vậy trước khi cô ấy chết, mà còn suốt cả thời gian cô ấy không còn sống nữa. Nếu như cái chết của tôi có thể làm nhẹ đi phần nào cái số mệnh nghiệt ngã của cô gái, người hiến đã trở thành một *kẻ bất tử*, thì tôi xin được sẵn sàng ngay lập tức.

Thật không khó để nhận ra trong giọng nói của Van Helsing có hàm chứa một cái gì đó thật chua chát, song cũng không thiếu sự cảm thông. Tôi hiểu Arthur cũng đang rất xúc động trong một tâm trạng rối bời, bởi sau một hồi im lặng ngẫm nghe vị giáo sư tâm sự, anh đã run run đứng dậy bắt tay ông như một cử chỉ hối hận, và đáp lại bằng một giọng như đứt hơi:

— Trời ơi! Mọi sự sao mà rối bời, tang thương và khó hiểu đến thế! Nhưng thôi được, tôi sẽ theo giáo sư đến nghĩa trang. Rồi chúng ta sẽ thấy...

CHƯƠNG 16

Nhật ký của bác sĩ Seward (tiếp theo)

Gần nửa đêm, chúng tôi trèo tường vào nghĩa địa. Trời tối đen như mực, trừ những lần hiếm hoi mảnh trăng khuyết bất ngờ xuất hiện lấp ló sau những đám mây khổng lồ lững lờ trôi. Van Helsing dẫn đường, chúng tôi bám sát theo sau. Đến gần ngôi mộ, tôi phải để mắt tới Arthur, vì tôi sợ những kỷ niệm buồn có thể sẽ làm anh xúc động mạnh. Nhưng cũng may là anh còn làm chủ được mình. Có lẽ câu chuyện khó hiểu mà Van Helsing vừa nói ra đã ít nhiều làm anh quên mất những ưu tư trong lòng. Thấy chúng tôi ai cũng có vẻ do dự, giáo sư bèn mở cửa vào trước. Đợi chúng tôi vào hết, ông khép cửa, tắt đèn, và chỉ nơi đặt quan tài của Lucy. Arthur chần chừ đi trước, trong khi Van Helsing hỏi chuyện tôi.

— Hôm qua, anh đã tới đây với tôi. Lucy không còn nằm trong quan tài, đúng không?

— Đúng thế!

Đoạn ông quay sang bảo hai anh chàng còn lại:

— Các anh nghe thấy rồi chứ? Thế mà vẫn còn có người không tin tôi đấy!

Van Helsing lại đến bên quan tài, khom người mở vít, nhấc chiếc nắp gỗ sang một bên. Arthur im lặng trở mắt đứng nhìn, mặt tái xanh. Khi nắp gỗ được đặt ra ngoài, anh hốt hộp tiến lại gần hơn. Rõ ràng anh không biết bên trong quan tài còn có một lớp bọc chì. Nhìn thấy vết cắt trên lớp vỏ chì, mặt anh chợt đỏ bừng lên, rồi lại tái đi. Van Helsing nhấc tiếp mảnh chì bị cắt, chúng tôi giương mắt nhìn kinh ngạc: Chiếc quan tài lại rỗng không!

Chúng tôi chết lặng người, chẳng ai nói với ai một lời. Cuối cùng, Quincey Morris là người lên tiếng trước:

— Thừa giáo sư, như tôi đã nói, tôi rất tin ở ngài. Lời nói chân tình của ngài đủ làm tôi tin. Bình thường, tôi sẽ chẳng đặt ra cho ngài một câu hỏi nào để rồi ngài lại bảo tôi vẫn ngờ vực ngài, nhưng ở đây, chúng ta đang đứng trước một bí ẩn hoang đường đến nỗi tôi không thể không hỏi ngài một câu: Ai đã làm nên chuyện này vậy, thưa ngài?

— Trước tất cả những gì linh thiêng nhất, tôi xin thề với các anh rằng tôi không mang cô gái ra khỏi nơi đây và cũng tuyệt đối không dính dáng gì đến chuyện này. Chuyện xảy ra là thế này: tối hôm kia, tôi và anh bạn John đã tới đây vì những ý định tốt đẹp nhất, xin cứ tin ở tôi. Tôi đã mở nắp quan tài, khi đó còn gần xi kín, và nhận thấy trong quan tài chẳng có gì cả, y như bây giờ vậy. Vì thế, chúng tôi quyết định đứng rình ở bên ngoài và quả thực chúng tôi đã phát hiện ra một bóng người mặc toàn đồ trắng chập chờn xuất hiện giữa các bóng cây. Hôm qua, chúng tôi lại quay lại đây, nhưng là vào ban ngày, và trông thấy Lucy đã nằm trong này từ lúc nào. Tôi nói vậy có phải không, anh bạn John?

— Phải.

— Đêm đầu tiên, chúng tôi đã đến kịp thời. Lại thêm một cậu bé nữa bị mất tích, nhưng ơn Chúa, chúng tôi đã tìm thấy cậu ta giữa những nấm mồ và cũng may là chưa hề bị thương gì. Hôm qua, sau khi tới một lần vào ban ngày, tôi có quay trở lại đây ngay trước lúc mặt trời lặn, bởi trong thời gian mặt trời lặn, những *kẻ bất tử* có thể ra khỏi mộ. Tôi ngồi đợi ở đây suốt từ lúc ấy cho tới sáng, nhưng không trông thấy gì bất bình thường. Đơn giản là vì tôi đã treo tời và cây thánh giá, tức là những thứ mà *kẻ bất tử* rất kỵ, lên cánh cửa nhà mồ. Đêm hôm nọ, *kẻ bất tử* đã bỏ ra ngoài. Hôm nay cũng vậy, trước lúc mặt trời lặn, tôi đã tới gỡ tời và thánh giá ở trên cửa xuống. Chính vì vậy mà chiếc quan tài mới rỗng không như thế này. Nhưng cứ theo tôi cái đã, còn có những chuyện kỳ dị hơn sắp xảy ra nữa đấy. Hãy cùng tôi nấp ở một chỗ không xa đây lắm, rồi các anh sẽ biết tôi nói thật hay nói láo. Nào, ra khỏi đây thôi.

Ông đây lại nắp đèn lồng, đợi chúng tôi ra hết để khóa cửa.

Chà! Ra ngoài này mới thấy không khí mát mẻ và dễ thở hơn ở trong cái nhà mờ rùng rợn kia nhỉ! Thật dễ chịu khi được trở lại với những đám mây hững hờ rong ruổi trên bầu trời đêm. Tôi chợt cảm thấy ánh trăng nhạt nhòa lấp ló giữa những đám mây tang bồng mang đủ hình thù kỳ lạ kia là một khoảnh khắc dịu êm hiếm hoi, vụt cắt ngang qua những phiền muộn đang trĩu nặng trong lòng mình. Cũng thật nhẹ người khi được hít thở cái không khí ít nặng mùi xú uế và chét chóc ở bên ngoài. Tôi phần nào thấy yên tâm trong lòng khi nhận ra những tia sáng mảnh mai đầu tiên đang sắp sửa ló rạng sau một ngọn đống xa xa và những âm thanh thật mơ hồ vọng tới từ một thành phố lớn. Nhưng dù vậy, nét mặt chúng tôi vẫn không giấu được vẻ căng thẳng khi ra khỏi nhà mờ Arthur vẫn lặng im, tôi đoán anh đang cố vắt óc suy nghĩ tại sao lại xảy ra những chuyện vô lý ấy. Còn tôi, càng ngày tôi càng cảm thấy bị thuyết phục bởi những kết luận mà Van Helsing đã đưa ra. Trong khi đó, Quincey vẫn không có biểu hiện gì, hay nói đúng hơn, trông anh có biểu hiện của một người đã thừa nhận tất cả những gì người khác nói, nhưng là thừa nhận một sự nghi hoặc trong lòng. Biết là không thể châm thuốc hút, anh lấy sợi thuốc vè bỏ vào miệng nhai. Về phần mình, Van Helsing vẫn mải mê với công việc. Ông lấy một vật gì đó trông giống như một chiếc bánh quy, hoặc một chiếc bánh thánh mỏng, được gói cẩn thận trong một mảnh khăn trắng, rồi tiếp đó là hai vốc chất gì đó trắng trắng là bột mì thì phải. Ông bóp vụn miếng bánh quy và trộn lẫn bột thành một cục. Sau đó, ông vè bột thành những sợi dài và mảnh để trát kín vào các khe cửa nhà mờ. Việc ông làm không khiến tôi ngạc nhiên, nhưng tôi vẫn hỏi xem ông làm như vậy là vì mục đích gì. Cả Arthur và Quincey cũng tò mò sán lại gần nghe ông giải thích:

- Tôi làm vậy cốt là để *kẻ bất tử* không thể trở lại trong ấy được.
- Chẳng nhẽ cái bột vớ vẩn ấy cũng có tác dụng thế sao? - Quincey hỏi, vẻ không tin. - Tôi thấy cứ như là ngài đang đùa ấy!
- Đùa à?

— Nhưng thực ra ngài đã dùng những thứ gì vậy? - Đến lượt Arthur tò mò hỏi.

— Bánh thánh. Tôi đã cất công mang đi từ Amsterdam. Giáo hoàng cho tôi đấy.

Câu trả lời của Van Helsing đã khéo đánh vào sự hoài nghi của chúng tôi và dĩ nhiên, ai cũng phải cảm thấy rằng trước ý định nghiêm túc như vậy của giáo sư, một ý định khiến ông phải sử dụng tới một vật linh thiêng nhất, chúng tôi không thể nghi ngờ gì được nữa. Sau khi lắp kín các khe cửa bằng thứ bùa thiêng ấy, ông chỉ chỗ nấp xung quanh nhà mồi cho từng chúng tôi. Chỗ ông chọn cũng thật khéo. Từ chỗ nấp của mình, chúng tôi có thể bao quát được một tầm khá rộng, nhưng ngược lại, không một người ngoài nào có thể phát hiện ra chúng tôi. Tự nhiên tôi cảm thấy ái ngại cho hai người bạn cùng đi, nhất là Arthur. Dẫu sao thì tôi cũng thấy quen với cảnh vật lờ mờ ghê sợ nơi tha ma hơn họ nhờ những lần đi trước. Tuy nhiên, nếu chưa đầy một giờ đồng hồ trước tôi còn phủ nhận những chứng cứ mà Van Helsing đã đưa ra, thì bây giờ tôi lại thấy tim mình như sắp nhảy ra khỏi lồng ngực. Tôi mơ hồ cảm thấy sự thực càng ngày càng đúng là sự thực. Chưa bao giờ tôi cảm thấy các ngôi mộ trong đêm lại hiện lên toàn một màu trắng mờ ảo đáng sợ đến như vậy. Chưa bao giờ những cây bách, cây thông quả đỏ, cây đỗ tùng kia lại bao trùm một vẻ bí ẩn đến vậy. Từng lùm cây, ngọn cỏ trước mắt tôi cũng chưa bao giờ rung lên trước gió với một vẻ ma quái như thế. Nhìn đâu tôi cũng thấy bí ẩn, lạnh lẽo và thê lương, ngay cả những tiếng rên rỉ, tru tréo của bầy chó nhà từ xa xăm vọng tới cũng khiến tôi liên tưởng đến một diêm gở nào đó đang sắp đổ ập xuống cõi địa ngục này.

Chúng tôi ngẩn chờ đợi trong im lặng, một sự im lặng sâu thẳm khiến tôi có cảm giác như có thể nghe rõ cả tiếng kêu than ai oán của những oan hồn dưới lòng đất. Tôi chột giật mình khi nghe tiếng kêu khe khẽ của giáo sư: “Suýt... suýt suýt!” Ông giơ tay chỉ về phía một cái bóng lờ mờ trắng

như sương mù đột ngột xuất hiện giữa những cây thông quả đỏ đang tiến về phía chúng tôi.

Đúng, một bóng người mặc bộ đồ trắng đang ôm trên ngực một cái gì đó tôi tối. Cái bóng bồng bênh bỗng dừng lại đúng vào lúc mảnh trăng bất ngờ xuất hiện giữa hai đám mây đen: đó là một người đàn bà khoác trên mình một tấm vải liệm. Chúng tôi không nhìn rõ khuôn mặt của ả, bởi ả đang cúi đầu xuống cái mà ả đang ôm trên tay. Dưới ánh trăng mờ tỏ, chúng tôi nhận ngay ra một đứa trẻ tóc vàng. Chúng tôi giật mình khi nghe thấy một tiếng kêu ré lên giữa đêm trăng. Âm thanh ấy tựa hồ tiếng một đứa trẻ giật mình thảng thốt trong giấc ngủ, hoặc một tiếng chó hốt hoảng trong cơn mê gần đông lửa. Chúng tôi định nhảy bổ về phía ả, nhưng Van Helsing, lúc này vẫn đang nấp sau một cây thông trước tầm mắt chúng tôi, đã phẩy tay ra hiệu dừng lại. Cái bóng trắng ấy tiếp tục cất bước khi những đám mây che kín mảnh trăng con. Thoắt một cái đã thấy ả xuất hiện ngay trước mắt chúng tôi. Dưới ánh trăng một lần nữa bất ngờ lộ rạng sau giữa những đám mây, khuôn mặt ả hiện lên khá rõ. Tim tôi như chết đứng, cùng lúc đó, tôi nghe thấy tiếng kêu thất kinh của Arthur: chúng tôi vừa nhận ra những nét quen quen của Lucy. Lucy Westenra, nhưng sao cô có nhiều thay đổi đến như vậy? Sự dịu dàng mà chúng tôi từng biết nơi cô đã nhường chỗ cho sự thô cứng, tàn nhẫn và độc ác. Khuôn mặt ngây thơ thuở nào nay đã bị hằn sâu bởi ham muốn nhục dục. Van Helsing rời khỏi nơi ẩn nấp, chúng tôi cũng bật dậy lao ra, bốn chúng tôi đứng chắn trước cửa nhà mà Van Helsing mở nắp đèn lồng, giơ cao lên ngang ngực, để ánh sáng hắt vào mặt người đàn bà trước mặt. Lạy Chúa! Cặp môi ả đang ướt ướt đỏ máu tươi, vàng, máu chảy thành một dòng xuống cằm và rớt cả xuống cổ áo. Một lần nữa chúng tôi cảm thấy rùng mình ớn lạnh. Trong ánh đèn lồng chòn vờn, tôi biết ngay cả bộ thần kinh thép của giáo sư Van Helsing cũng ít nhiều bị chao đảo. Arthur đứng bên tôi, nếu không có tôi chạy tới đỡ một tay, chắc là anh đã ngã khụy xuống đất rồi.

Trong khi đó, Lucy - tôi gọi kẻ đang đứng trước mặt là Lucy, bởi ả mang hình hài của Lucy - vừa lùi lại phía sau vừa kêu học lên một tiếng đầy tức giận, giống như một con chuột bị sập bẫy, và đưa ánh mắt hằn học nhìn hết người này đến người khác. Về hình dáng bên ngoài và màu sắc thì đó đúng là đôi mắt của Lucy, nhưng về ánh mắt thì không, sự dâm ô và hằn học của lửa địa ngục đã thế chỗ cho sự ngây thơ và dịu dàng trong ánh mắt của người con gái tôi yêu ngày nào. Những gì còn vương lại trong tình yêu của tôi lập tức biến thành một cảm giác hận thù và kinh tởm. Tôi bỗng muốn chính tay tôi được làm việc kết thúc sự tồn tại trong tội lỗi của ả. Vẫn bằng cái nhìn sáng quắc và độc ác, ả cất tiếng cười nhả nhỏ, ngây ngô và đầy tà dâm. Nhìn ả mà lợm giọng!... Và với hành động của một con quỷ cái, ả bất ngờ quăng đĩa trẻ mà ả vẫn ôm từ bấy đến giờ xuống trước mặt, miệng ả gằn lên một tiếng vừa tức giận, vừa như tiếc rẻ. Trông ả chẳng khác nào một con chó đói buộc phải từ bỏ một miếng xương béo ngậy.

Đĩa trẻ kêu ré lên một tiếng khiếp đảm rồi nằm im một chỗ, miệng rên rỉ không ngớt. Sự nhẫn tâm như không của ả khi vứt đĩa trẻ xuống đất khiến Arthur học lên một tiếng đau đớn. Sau hành động không còn nhân tính ấy, ả lừ lừ tiến về phía Arthur: ả vừa cười vẫn nụ cười là lời mời chào ấy vừa chìa hai tay ra trước, mắt long lanh nhìn người tình của dĩ vãng. Arthur chỉ còn biết lùi lại, hai tay bưng mặt sợ hãi.

Nhưng ả vẫn lừ lừ bước tới, vừa đi vừa gọi tên bạn tôi, giọng ả nghe du dương như không có thật trong cuộc đời này, hai tay ả đong đưa như mơn trớn vào hư không:

— Lại đây với em đi, Arthur. Đừng theo các bạn anh nữa, hãy đến với em đi. Em muốn được ôm anh trong vòng tay ân ái! Lại đây! Từ giờ trở đi, chúng ta sẽ yên nghỉ cùng nhau! Ôi, lại đây nào, người chồng của em! Lại đây với em nào!

Giọng nói dịu dàng nhưng ma quái của ả, tựa hồ tiếng kêu lách cách của thủy tinh va vào nhau, cứ ngân mãi, ngân mãi trong đầu tôi. Trong khi đó,

Arthur như bị mê hoặc, hai tay anh không còn ôm mặt mà dang rộng ra như chờ đón ả. Chỉ đợi có vậy, người đàn bà dâm đãng lập tức lao vào đôi tay của người bị bùa ngải như muốn tìm một chỗ ẩn náu an toàn. Nhưng ngay lúc đó, Van Helsing đã nhảy ra chặn đường ả với cây thánh giá vàng giờ ngang trước mặt. *Kẻ bất tử* lập tức lùi lại, mặt ả giật giật trong một cơn giận cuồn cuộn, ả nhảy tránh sang một bên và chạy nhanh về phía nhà mồ như muốn trốn vào trong đó.

Nhưng khi chỉ còn cách cửa nhà mồ chừng một, hai bước chân, ả bỗng khựng lại bởi một sức mạnh vô hình bất khả kháng đã ngăn ả tiến xa hơn. Không thể làm gì khác, ả quay phắt lại nhìn chúng tôi, mắt long sòng sọc dưới ánh trăng thanh và ánh đèn lồng trên tay vị giáo sư già. Chưa bao giờ tôi trông thấy một bộ mặt như thế. vừa ai oán, vừa bất cần. Hy vọng sẽ không bao giờ có ai phải chứng kiến một bộ mặt như vậy nữa. Đôi má ả, khi nãy hồng hào là thế, giờ bỗng biến thành một màu tái xám, chỉ có ánh mắt ả là vẫn thế đầy những tia hằn học và tối tăm đúng như đôi mắt của một kẻ thoát lên từ địa ngục. Vòng trán ả hằn sâu những nếp nhăn ngoằn ngoèo như những con rắn giun, còn cái miệng với đôi môi gợi tình đỏ mọng một màu máu tươi đang há hốc thành một hình vuông, trông chẳng khác nào những chiếc mặt nạ tượng trưng cho sự tức giận của người Thổ hay người Nhật Bản. Nếu như bao giờ có một bộ mặt thông báo một án tử hình, hoặc trên đời có những cái nhìn đủ khả năng giết người, thì chúng tôi đã có ngay trước mặt một bộ mặt và cái nhìn như vậy rồi.

Trước mắt tôi, ả vẫn đứng trơ trơ giữa một bên là cây thánh giá vàng mà Van Helsing đang cầm trên tay, và một bên là nhà mồ có những khe cửa được gắn kín bằng bánh thánh. Chừng nửa phút trôi qua, vị giáo sư già chợt phá tan sự im lặng bằng câu hỏi Arthur:

— Nói đi, anh bạn... Trả lời tôi đi, tôi có nên tiếp tục công việc không?

Arthur quỳ sụp xuống, hai tay bưng mặt, trả lời trong tiếng nấc nghẹn ngào:

— Ngài cứ việc làm như ngài đã định... Hãy cứ làm như ngài đã định... Sẽ chẳng bao giờ có gì khủng khiếp hơn thế này đâu.

Tiếng nấc của anh lúc này đã biến thành những tiếng rên rỉ đau đớn, nếu tôi và Quincey không tới đỡ, có lẽ anh đã khụy xuống.

Van Helsing đặt cây đèn lồng xuống đất và đi về phía cửa nhà mồ, không hiểu sao ông lại bóc các lớp bùa ra khỏi khe cửa. Và khi ông lui sang một bên, chúng tôi không khỏi sửng sốt kinh ngạc khi chứng kiến cảnh tượng hãi hùng xảy ra ngay trước mắt: ả đàn bà bằng xương bằng thịt kia đã dễ dàng chui qua một khe cửa hẹp mà tôi nghĩ lưỡi dao nhét vào còn khó chứ chưa nói gì đến một vật dày dặn hơn. Tuy nhiên, chúng tôi đã phần nào bớt lo sợ khi thấy giáo sư đi ầm nhiên lấy những mảnh bột khi nãy bịt kín các khe cửa lại như cũ.

Đoạn ông chạy ra bế lấy đứa trẻ và bảo chúng tôi:

— Có lẽ ta về thôi. Bây giờ chưa thể làm được gì đâu. Trời sắp sáng rồi, trưa nay lại có thêm một đám ma nữa, chúng ta phải đợi họ làm xong đã. Chúng ta sẽ có mặt khi người phu đào huyệt khóa cổng nghĩa địa. Còn rất nhiều việc phải làm, nhưng chuyện sẽ hoàn toàn không giống như gì chúng ta vừa bàn tâm. Còn cậu bé này, có vẻ như không có gì trầm trọng lắm, có thể chỉ tối mai là cậu ta bình phục thôi. Bây giờ, thế này nhé, chúng ta sẽ thả cậu nhóc ở một chỗ nào đó mà cảnh sát có thể dễ dàng nhìn thấy, giống như trường hợp của nạn nhân hôm trước ấy, sau đó chúng ta sẽ cùng về Arthur này, - ông vừa an ủi vừa bước lại gần anh - tôi biết sự thật xảy ra trước mắt thật khủng khiếp với anh, nhưng rồi sau này, khi nhớ lại, anh sẽ hiểu mọi việc chúng ta làm bây giờ đều rất cần thiết. Những giờ phút cay đắng mà tôi vừa kể, và cả những khoảnh khắc anh đang sống bây giờ nữa, ơn Chúa, rồi sẽ sớm qua đi và anh sẽ có những năm tháng thanh thoi nhất, cho dù đó chưa phải là một hạnh phúc trọn vẹn. Tôi sẽ không để anh phải đánh vật mãi với những ưu phiền trong lòng đâu.

Tôi đưa Arthur và Quincey về nhà mình. Trên đường đi, chúng tôi vẫn không quên động viên, an ủi nhau! Chúng tôi buộc phải thả cậu bé ở một

nơi mà cảnh sát dễ nhận ra nhất trước khi về Mệt mỏi quá! Hôm đó, ba chúng tôi chìm vào giấc ngủ chập chờn.

• *Ngày 29 tháng 9*

Khoảng gần hai giờ chiều, chúng tôi đến khách sạn tìm giáo sư. Có đi đâu lạ là chúng tôi, không ai bảo ai, đều mặc bộ đồ đen. Rõ ràng chúng tôi đã ít nhiều bị ám ảnh bởi những gì vừa xảy ra, vì Arthur đang trong thời gian để tang đã đành, nhưng những người còn lại trong số chúng tôi có ảnh hưởng gì đâu. Khoảng một giờ rưỡi đồng hồ sau, chúng tôi tới nghĩa địa nhưng chỉ dám tha thân dạo bộ ở các lối nhỏ khuất nẻo để không bị ai trông thấy trước khi nghĩa địa bị khóa cổng. Hôm nay, Van Helsing đã thay chiếc túi nhỏ màu đen mà mấy lần trước ông mang theo bằng một chiếc túi da dài hơn nhiều, trông cứ như một bao da đựng gậy chơi Cricket. Tôi đoán trong túi phải nhiều đồ lắm.

Đợi những bước chân cuối cùng ra khỏi nghĩa địa và biết chắc chỉ còn mình là những người chủ ở đây, chúng tôi bước theo giáo sư đi về phía mộ nhà Westenra, không ai nói với ai một lời. Ông lấy chìa khóa mở cửa và ra hiệu cho tôi đóng cửa, vì tôi là người vào sau cùng. Ông thắp đèn lồng, đốt thêm hai ngọn nến rồi gắn chúng ở đầu hai chiếc quan tài bên cạnh. Có vẻ như lần này ông cần nhiều ánh sáng hơn. Cũng như những lần trước, ông nhấc nắp quan tài của Lucy và mảnh chì hình vuông đặt sang một bên, trước sự chứng kiến của chúng tôi. Thật tội cho Arthur, trông người anh cứ run bắn như một tàu lá khi nhận ra hình hài quen thuộc của người đàn bà đang nằm bên trong. Vâng, người đàn bà ấy đang nằm trong quan tài có một vẻ tươi tắn và đẹp lộng lẫy hơn bao giờ hết. Nhưng tôi biết trong tim mình chẳng còn chỗ dành cho tình yêu, mà chỉ còn sự căm thù đang âm ỉ cháy trong lòng, sự căm thù được nhen nhóm bởi cái thực thể mang hình hài quen thuộc của Lucy nhưng không còn giữ một chút tâm hồn nào. Dường như Arthur đã cố trấn tĩnh lại, bởi tôi thấy anh gặng hỏi Van Helsing:

— Có đúng đây là thể xác của Lucy, hay chỉ là một con quỷ lấy hình hài của cô?

— Đó là xác của cô ấy và cũng không phải xác của cô ấy. Nhưng hãy cứ đợi một lúc, rồi anh sẽ thấy thực hư như thế nào.

Nhưng dù sao thì chúng tôi vẫn cảm thấy mình đang sống trong một “*con ác mộng Lucy*”. Trước mắt chúng tôi là một ả đàn bà có hàm răng nhọn hoắt, đôi môi mọng máu gợi dục chỉ thế thôi cũng đủ làm tôi rùng mình ghê sợ và cơ thể căng tràn nhục cảm, bộ mặt toát lên một vẻ man rợ, cô hờn, giống như một sự nhạo báng ma quái đối với những gì là dịu dàng thơ ngây và trong trắng của Lucy ngày trước.

Như một thói quen, Van Helsing bắt đầu lôi các dụng cụ trong túi đặt ra ngoài. Đầu tiên là những thứ được dùng như dụng cụ hàn xì, rồi một cộc gỗ nhỏ nhọn đầu dài khoảng ba bộ, cuối cùng là một cái búa. Đối với tôi, người đã quen với các công việc mỏ xẻ, thì việc chứng kiến một thầy thuốc chuẩn bị ra tay chẳng có gì là nặng nề cả, nhưng đối với Arthur và Quincey thì không, rõ ràng là hai người đang rất căng thẳng khi nhìn thấy các dụng cụ mà Van Helsing mang theo. Tuy nhiên, họ vẫn tỏ ra can đảm, bình tĩnh và biết giữ yên lặng.

Sắp xếp xong các dụng cụ, Van Helsing quay ra bảo chúng tôi:

— Trước khi bắt tay vào công việc, tôi xin được giải thích để các anh biết thêm một số chi tiết. Thực ra, kiến thức của tôi không phải là nhiều và cũng chẳng có gì là cao siêu cả, nó được rút ra từ khoa học và kinh nghiệm của người xưa để lại, hoặc của những người đã từng dày công nghiên cứu về các quyền năng của *kẻ bất tử*. Trạng thái không chết luôn gắn liền với lời nguyền định mệnh bất tử. Những thực thể này không thể chết, định mệnh và chúng luôn tìm cách gây ra những nạn nhân mới, những tai ương mới cho trái đất từ thế kỷ này sang thế kỷ khác, bởi nếu ai đã chết với tư cách là con mồi của một *kẻ bất tử* chắc chắn sẽ lại trở thành một *kẻ bất tử* khác. Và cứ như vậy, *kẻ bất tử* mới lại đi tìm những con mồi mới để gieo rắc thêm tai họa. Vòng tròn tai ương cứ thế lớn mãi, lớn mãi, giống như

những vòng tròn trên mặt nước lúc người ta ném xuống hồ một hòn đá. Anh bạn Athur ạ, nếu hôm đó, anh ôm hôn người bạn gái mình một lát trước lúc cô ấy qua đời để thỏa lòng mong ước, hoặc giả là đêm qua, nếu anh để cô ta lao vào vòng tay mình chẳng hạn, thì sớm muộn gì thì anh phải chịu chung một số phận như vậy, nói cụ thể là anh sẽ trở thành một *nosferatu* giống như người Đông Âu vẫn gọi. Và chắc chắn là hết năm này qua năm khác, chính anh sẽ trở thành nguyên nhân làm nên những thực thể không chết mới, khiến cho bao người phải kinh hoàng. Cũng may cuộc đời báo hại của *kẻ bất tử* Lucy bất đắc dĩ kia mới chỉ vừa bắt đầu. Bọn nhóc mà ả hút máu vẫn chưa rơi vào tình trạng tuyệt vọng, nhưng nếu *kẻ bất tử* ấy còn tiếp tục “sống”, bọn nhóc sẽ ngày càng mất nhiều máu, bởi chúng phải tuân theo quyên năng mà ả đã ám vào chúng, và càng ngày chúng càng muốn tìm đến hơn. Cái miệng nhóp nhép của ả sẽ hút đến những giọt máu cuối cùng của bọn trẻ. Ngược lại, nếu ả chết thật, mọi tội ác sẽ bị chặn đứng, những vết thương nhẹ sẽ biến mất khỏi cổ lỗ trẻ và chúng sẽ quay trở lại với các trò chơi thường ngày của mình mà quên đi sạch những cuộc phiêu lưu mạo hiểm kia. Nhưng đi đâu quan trọng hơn là cái chết thật sự sẽ đến với *kẻ bất tử*, và tâm hồn ma ám của cô ta sẽ được giải thoát. Thay vì phải làm những việc tội ác trong bóng tối và phải hứng chịu ngày càng nhiều ô nhục, cô ta sẽ được ban một chỗ trên thiên đàng cùng với các thiên thần. Nhưng cần phải có một bàn tay giống như một sự ban phước lành cho cô ta. Tôi rất sẵn lòng làm việc đó. Nhưng chẳng lẽ trong số chúng ta lại không có ai xứng đáng được nhận ưu tiên ấy hơn tôi hay sao? Thật hạnh phúc khi từ nay trở đi, mỗi lần phải thao thức giữa đêm khuya tĩnh mịch, ta có thể nghĩ: “Cô ấy đã đến với những vì sao nhờ chính bàn tay mình, bàn tay của một người từng yêu cô ấy nhất trần đời, bàn tay mà cô ấy sẽ lựa chọn nếu cô ấy còn có thể được lựa chọn”. Nói đi các bạn, chẳng lẽ không ai muốn có một giấc mơ với những lời như vậy sao?

Tất cả chúng tôi, không ai bảo ai, cùng đưa mắt nhìn Arthur, và cũng như chúng tôi, anh rất hiểu ý định đầy nghĩa hiệp của Van Helsing. Tôi

hiều cảm xúc của anh qua cử chỉ đưa tay về phía giáo sư. Anh bước tới bên giáo sư, bàn tay run run, mặt tái đi:

— Tự đáy lòng mình, tôi xin chân thành cảm ơn ngài, một người bạn, một người bạn thực sự của tôi. Hãy bảo tôi phải làm gì đi, tôi sẽ bình tĩnh nghe lời ngài.

— Hoan hô chàng trai! Anh chỉ cần can đảm một lúc, một lúc thôi, thế là đủ! Vấn đề là ở chỗ phải đâm cái cọc nhỏ này xuyên qua xác. Tôi nhắc lại rằng đó quả là một thử thách khủng khiếp nhất đời anh, nhưng việc diễn ra cũng nhanh thôi. Và niềm vui mà anh nhận được sẽ lớn hơn sự đau đớn mà anh đã hứng chịu rất nhiều. Chỉ lát nữa thôi, khi đã đi khỏi đây rồi, anh sẽ cảm thấy mình giống như một người có cánh. Tuy nhiên, chỉ cần do dự một chút thôi là anh sẽ chẳng giải quyết được việc gì hết. Hãy nghĩ rằng chúng tôi đang đứng ở đây, bên cạnh anh, và luôn cầu nguyện cho anh trong những phút giây khủng khiếp nhất.

— Thôi được, tôi phải làm gì đây? - Arthur nghẹn ngào đáp lại.

— Anh hãy cầm cây cọc này bên tay trái, đầu cọc cắm vào đúng trái tim cô ta, còn tay phải hãy cầm cái búa này. Khi tôi đọc kinh cầu nguyện cho các linh hồn, tôi có cầm theo sách kinh đây, khi nào tôi đọc, hai anh còn lại hãy xướng theo nhé, anh phải nhân danh Chúa cầm búa đóng vào cọc. Có làm vậy, cô gái thân yêu của anh mới được an nghỉ và *kẻ bất tử* trong thể xác cô ta mới vĩnh viễn lìa trần!

Arthur quả quyết cầm cọc và búa, rõ ràng là khi đã quyết định hành động, anh không còn run rẩy và do dự nữa. Van Helsing bắt đầu mở kinh thánh ra đọc, Quincey và tôi cố gắng xướng theo. Arthur đặt chính xác đầu cọc lên người Lucy, nơi có trái tim không còn lửa tình yêu nồng nàn của một người con gái thù mị như trong hồi ức của anh, và lấy hết sức mạnh đóng từng nhát, từng nhát thật dứt khoát.

Cái xác trong quan tài bắt đầu rung lên, giầy giữa quần quai không dứt, và từ đôi môi đỏ thắm của ả chợt học lên một tiếng kêu khàn khàn, đục đục, nghe mà đứng tim. Hai hàm răng nhọn của ả cắn chặt vào đôi môi

nhục cảm đến rỉ máu. Arthur vẫn gắng sức đóng cọc, cho dù có một thoáng anh đã tỏ ra mất can đảm, buông lỏng tay búa xuống, nhưng chỉ một thoáng thôi. Tôi nhận ra một dòng máu từ nơi trái tim khốn nạn của *kẻ bất tử* chảy tràn xuống dưới.

Xác chết dầm dề không còn rung lên bần bật và giãy giụa quằn quại nữa, chỉ có bộ mặt ả là vẫn co giật từng hồi, còn hàm răng thì vẫn nghiến chặt vào môi. Phải một lúc sau, xác chết mới đứng là xác chết: nó nằm bất động hoàn toàn và không hề còn biểu hiện gì của một *kẻ bất tử*. Vậy là nhiệm vụ khủng khiếp tưởng như bất khả thi đã được hoàn thành!

Arthur buông búa, người lão đảo đứng không vững, nếu chúng tôi không chạy vội lại đỡ thì anh đã đổ vật xuống đất rồi. Anh thở hổn hển, mồ hôi lấm tấm trên trán. Nỗ lực mà chúng tôi đề nghị ở anh rõ ràng là phi thường, nếu không có lý trí và cân nhắc nhân đạo, chắc chắn anh không thể hoàn thành. Chúng tôi mãi hướng vào anh nên chẳng còn ai để ý đến chiếc quan tài nữa, nhưng khoảng mười phút sau, có một cảm giác kỳ lạ khôn tả bất chợt trào dâng trong chúng tôi, khiến ai nấy đều đổ mồ hôi mất vẻ nơi ấy. Không ai tìm được một tiếng reo thán kinh ngạc. Arthur từ từ đứng dậy, bởi từ này tới giờ chúng tôi phải để anh nghỉ ngơi cho hoàn hồn, tiến lại gần chỗ Lucy. Cảm giác sung sướng đã thế chỗ cho sự khiếp sợ và nỗi buồn u uất thường trực trên gương mặt anh.

Nằm trong quan tài không còn là *kẻ bất tử* ghê sợ, khiến ai cũng không thể không ngờ vực và hận thù đến nỗi phải coi việc hủy diệt thể xác và linh hồn của ả là một ưu tiên dành cho người xứng đáng nhất trong số chúng tôi, mà chính là Lucy, một Lucy với khuôn mặt dịu dàng, thuần khiết chúng tôi từng biết khi cô còn sống. Sự suy tư, nét buồn và cả nỗi đau đớn đích thực của Lucy đời thường bây giờ đều đã trở lại với khuôn mặt ấy. Cảm giác thân thương cũng trở lại với chúng tôi. Chúng tôi chợt hiểu từ nay trở đi, gương mặt ấy sẽ mang lại cho chúng tôi một sự thanh thản trọn vẹn, một cuộc sống bình yên với bao kỷ niệm vui buồn. Sự hồi sinh của thể xác

và linh hồn cô chỉ có thể là một bằng chứng, một tượng trưng trần thế của những giấc ngủ vĩnh hằng.

Tới lúc này Van Helsing mới tới đặt tay lên vai Arthur và hỏi anh:

— Thế nào anh bạn? Bây giờ anh đã tha lỗi cho tôi được chưa?

Arthur rung rung nắm chặt bàn tay vị giáo sư già và nghẹn ngào nói:

— Tôi mới là người phải cảm ơn ngài, Van Helsing ạ. Chúa sẽ ban phước lành cho ngài. Ngài chính là người đã trả lại linh hồn đích thực cho người con gái tôi yêu và mang tới cho tôi sự thanh thản!

Chỉ nói được có vậy, Arthur gục đầu vào vai ông mà khóc và thôn thức trong những tiếng nấc nghẹn ngào. Đợi anh ngẩng mặt lên, Van Helsing mới nói:

— Anh bạn ạ, bây giờ thì anh có thể ôm chầm lấy cô ấy được rồi. Và nếu muốn, anh có thể đặt lên làn môi ngọt ngào của cô ấy một nụ hôn mà bấy lâu cô ấy hằng mong đợi. Bây giờ cô ấy không còn là một bóng ma có nụ cười quái gở nữa, mãi mãi sau này cũng vậy. Lucy không còn là một *kẻ bất tử*, một đờng lữa của quỷ dữ. Cô ấy đã là một người chết thực sự của Chúa, linh hồn cô ấy nay đã được về với Ngài!

Arthur cúi xuống đặt lên khuôn mặt thân thương của người con gái một nụ hôn cuối cùng. Sau đó, tôi đưa anh và Quincey ra ngoài nhà mồ, còn tôi phải quay vào với giáo sư làm nốt những việc cuối cùng: cửa phần cọc gỗ thừa ra ngoài cơ thể Lucy và bỏ đẩy tọt vào miệng cô. Cuối cùng là việc hàn kín lớp chì bọc bên trong và bắt vít chiếc nắp gỗ vào quan tài như lúc ban đầu. Xong việc, chúng tôi thu dọn đồ đạc ra về. Khóa cửa nhà mồ xong, giáo sư trả chiếc chìa khóa cho Arthur.

Bên ngoài, trời xanh, mây tạnh, ánh nắng chan hòa cùng những tiếng chim hót líu lo trong một nhịp sống bình yên. Dường như thiên nhiên, cảnh vật đã mang một sắc thái hiên hòa khác hẳn mọi lần. Hoặc cũng có thể là do chúng tôi không còn những âu lo, phiền muộn vẫn trĩu nặng bấy lâu trong lòng. Tuy nhiên, trước khi chia tay chúng tôi, Van Helsing lại bảo:

— Như vậy là phần đầu, cũng có thể nói là phần khó khăn nhất, trong công việc của chúng ta đã được hoàn thành. Nhưng các bạn ạ, chúng ta vẫn còn một nhiệm vụ khác mà nếu xét ở một khía cạnh nào đó, cũng không kém phần quan trọng: ấy là việc phát hiện ra thủ phạm đã gây ra sự bất hạnh của Lucy và làm cho hắn vĩnh viễn biến khỏi thế giới này. Trong chừng mực nhất định, tôi đã nắm được một vài chìa khóa để hỗ trợ cho cuộc tìm kiếm này. Nhưng xin cũng được lưu ý với các bạn là công việc sẽ kéo dài và thậm chí còn rất gian nguy nữa. Các bạn sẽ giúp tôi chứ? Song trước hết, đi đâu tôi cần ở các bạn bây giờ vẫn là niềm tin. Chúng ta sẽ đi đến cùng của vấn đề, đúng vậy không ạ?

Chúng tôi lần lượt bắt tay ông với lời hứa giúp đỡ chân tình nhất. Lúc chia tay, ông nói thêm:

— Tối mai, khoảng bảy giờ, chúng ta sẽ cùng nhau tới ăn tối ở nhà anh bạn John. Tôi xin được mời hai bạn Arthur và Quincey. Mọi kế hoạch đều đã được tôi tính toán đâu ra đấy rồi, tôi sẽ giải thích sau. John này, bây giờ hãy về cùng tôi cái đã, tôi muốn tham khảo anh một số ý kiến. Tối nay, có lẽ tôi phải về Amsterdam giải quyết một vài công việc, nhưng chỉ đầu mai tôi sẽ cố gắng có mặt ở đây. Sau đó, chúng ta sẽ bắt tay vào cuộc đi đầu tra quy mô của mình, tôi sẽ nói tường tận tất cả những gì phải làm và những gì tôi còn đang nghi ngờ trong lòng. Nhưng anh hãy nhớ cho, một khi chúng ta đã bắt tay vào việc rồi thì không thể lùi bước được đâu nhé.

Nhật ký của bác sĩ Seward (tiếp theo)

Chúng tôi vừa về tới khách sạn Berkeley thì một người hầu hốt hải chạy ra báo có người gửi cho Van Helsing một bức điện: “*Tôi đến bằng tàu hỏa. Jonathan đang ở Whitby. Tin quan trọng. Mina Harker.*”

Giáo sư reo to, vẻ mặt rất hớn hờ:

— A! Hóa ra là bà Mina! Viên hồng ngọc của chúng ta! Nhưng tiếc quá, bà ấy đến mà tôi lại không thể chờ được. Có lẽ phải đưa bà ấy về nhà anh thôi, John ạ, mà có khi anh phải ra ga đón bà ấy đấy. Tôi sẽ đánh điện báo cho bà ấy biết.

Gửi điện xong, ông vừa pha trà vừa nói với tôi về cuốn nhật ký mà Jonathan Harker đã viết trong những ngày anh ở nước ngoài. Ông đưa tôi một bản sao nhật ký của anh và một bản được viết ở Whitby của Mina, cả hai cuốn đều đã được đánh máy rất rõ ràng.

— Cần cả lấy mà đọc, đọc cho thật kỹ vào, anh bạn ạ. Làm sao để tối mai, khi tôi quay lại, anh phải biết hết các chi tiết có trong hai cuốn nhật ký này. Sau đó, chúng ta sẽ bắt tay vào nghiên cứu từng vấn đề. Nhưng phải giữ số giấy tờ này cho cẩn thận đấy nhé, toàn là báu vật cả đấy. Tôi cũng xin được nhắc là ngay từ bây giờ, anh phải tuyệt đối có lòng tin, cho dù anh đã trải qua những chuyện mà lúc đầu anh tưởng là hoang đường và không thể tin được. Đối với anh, với tôi và nhiều người khác, có thể chuyện kể ở đây - ông nói và đặt tay lên tập giấy - sẽ là sự khởi đầu của một ngày tàn, hoặc cũng có thể là một hồi chuông báo tử của cái *kẻ bất tử* đang chuẩn bị hủy diệt sự sống trên trái đất này. Tôi muốn anh không bỏ qua một chi tiết nào, và nếu có thể làm sáng tỏ một điều gì đó mà anh chiêm nghiệm được, thì xin cứ việc, vì đâu đó cũng là điều quan trọng nhất mà chúng ta phải hướng tới. Hình như anh cũng có một cuốn nhật ký ghi lại ít nhất là hơn một sự việc đáng ngạc nhiên đã xảy ra, đúng không nhỉ?

Nếu vậy thì trong những ngày tới, chúng ta sẽ cùng nhau tìm ra một sợi dây xuyên suốt các sự việc rời rạc có liên quan tới bức tranh toàn cảnh của thực tế nhé.

Đoạn ông sửa soạn lên đường về Amsterdam. Về phần mình, tôi phải tới Paddington để đón Mina Harker. Tôi đến trước giờ tàu vào ga khoảng mười lăm phút. Tàu vào ga, hành khách nhanh chóng tỏa đi theo các ngã đường. Đang sốt ruột chờ đợi vì sợ vị khách mời lạc đi đâu mất thì tôi bỗng ngỡ ngơ nhận ra một phụ nữ trẻ xinh đẹp và lịch lãm, đang tiến về phía mình.

— Xin lỗi, ông là bác sĩ Seward, phải không ạ?

— Còn bà là Harker, Mina Harker?

Người phụ nữ trẻ vui mừng chìa tay cho tôi.

— Tôi nhận ra ông theo chân dung miêu tả của Lucy...

Cô bỗng ấp úng dừng lại, mặt đỏ ửng lên.

Tôi cũng đỏ mặt vì ngượng ngùng, nhưng đi đâu đó lại làm cho chúng tôi dễ chịu hơn, bởi dẫu sao đó cũng là một câu trả lời ngầm cho những gì cô vừa gợi nhắc lại. Tôi cần hành lý của vị khách mời, trong đó có một cái máy chữ, và dẫn cô đi về bến tàu điện ngầm ở phố Fenchurch. Tới bến, tôi đánh điện về nhà nhờ bà quản gia chuẩn bị trước cho Harker một phòng riêng.

Tôi về nhà đúng giờ đã dự kiến. Harker nhận ngay ra chỗ tôi ở là một nhà thương tâm thần, song không vì thế mà cô không ngần ngại khi bước qua cửa. Vừa vào nhà, chưa kịp nghỉ ngơi, cô đã bảo rằng nếu tôi không thấy có điều gì bất tiện, cô sẽ tới ngay phòng làm việc của tôi, bởi cô có rất nhiều điều muốn nói với tôi. Trong lúc chờ đợi cô sắp xếp hành lý, tôi tranh thủ ghi nhật ký vào máy ghi âm. Thú thực là tôi chẳng thích thú gì với việc phải đọc cả mớ giấy mà Van Helsing vừa đưa, tôi vẫn để cả trên mặt bàn kia. Tất nhiên, tôi cũng phải bố trí thời gian đọc qua một chút để còn có cái mà hỏi thêm Harker. Thực ra, người phụ nữ trẻ này còn chưa hiểu

thời gian đối với chúng tôi bây giờ quý đến như thế nào, và cũng chưa biết có một nhiệm vụ tối quan trọng đang chờ đợi chúng tôi ra sao.

Nhật ký của Mina Harker

• Ngày 29 tháng 9

Sau khi thu xếp qua loa hành lý mang theo, tôi xuống ngay phòng làm việc của Seward. Tôi ngại ngần không dám gõ cửa, vì hình như bác sĩ đang tiếp ai trong đó thì phải. Tuy nhiên, tôi nhớ là vừa nãy, anh có bảo khi nào xong việc thì xuống gặp anh càng sớm càng tốt, tôi liền mạnh dạn gõ cửa. Anh trả lời ngay: “Mời vào!” Thật lạ là anh ở trong phòng có một mình, nhưng khi nhìn lên trên bàn, tôi đoán ngay ra rằng anh vừa nói vào một cái máy ghi âm mà tôi chưa bao giờ được nhìn thấy, tôi chỉ được người khác tả cho nghe mà thôi. Cái máy đã lập tức thu hút được sự chú ý của tôi.

— Hy vọng tôi không làm ông phải đợi lâu. - Tôi nói - Thực ra tôi đã đứng ngoài cửa được một lúc rồi, nhưng vì nghe tiếng ông nói nên tưởng ông đang có khách.

—Ồ! Tôi ghi nhật ký đấy mà. - Anh phì cười trả lời.

— Nhật ký?

— Vâng, đây này, cuốn nhật ký đây này. - Ông vừa nói vừa đặt tay lên cái máy ghi âm.

— Cái gì? - Tôi ngạc nhiên hỏi lại - Nếu thế thì còn hay hơn cái trò tốc ký của tôi ấy chứ? Tôi có thể nghe qua một đoạn được không?

— Tất nhiên!

Seward hờ hởi đứng dậy, định cho chiếc máy chạy thử một đoạn, nhưng chẳng hiểu sao anh lại dừng lại, vẻ rất chần chừ:

— Thực ra thì... từ trước tới giờ tôi chỉ... chỉ ghi những gì liên quan đến các bệnh nhân của mình, toàn những chuyện buồn cười... có nghĩa là, tôi muốn nói là...

Anh chàng ấp úng không sao thanh minh được sự thay đổi ý định bất ngờ của mình. Thấy vậy, tôi phải lựa lời nói lảng sang chuyện khác cho anh đỡ khó xử.

— Ông đã ở bên Lucy trong những ngày cuối đời của cô ấy. - Tôi nói. - Xin ông hãy kể cho tôi biết những gì liên quan đến cái chết của cô ấy, tôi muốn biết tất cả những gì có liên quan đến sinh mệnh của cô ấy. Ông biết đấy, Lucy là người bạn thân nhất của tôi mà.

Tôi rất ngạc nhiên khi thoáng nhận thấy sự hốt hoảng trên nét mặt anh.

— Kể cho bà nghe về cái chết của cô ấy? Dù thế nào tôi cũng không thể kể cho bà được đâu!

— Tại sao không? - Tôi gắng hỏi, trong lòng chợt cảm thấy một nỗi lo sợ mơ hồ.

Seward không trả lời ngay. Tôi hiểu anh đang cố tìm ra một lý do nào đó.

— Bà thấy đấy, - Anh nói sau một hồi suy nghĩ - thật khó để tôi tìm được một đoạn nhật ký nào có liên quan tới Lucy ở trong đó...

Anh chỉ nói nửa chừng rồi lại thôi. Hình như trong đầu anh vừa thoáng có một ý nghĩ nào đó, bởi tôi thấy giọng anh bỗng thay đổi hẳn, vẻ như chân thành hơn, thậm chí còn ngây thơ như giọng một đứa trẻ:

— Đúng rồi! Đúng thế rồi!

Tôi phì cười trước vẻ ngây thơ của anh.

— Lần này thì tôi có thể nói thật với bà? Bà có biết không, kể từ khi ghi nhật ký tới nay, chưa bao giờ tôi nghĩ mình phải làm như thế nào để gọi ra được một đoạn nhật ký cụ thể khi cần thiết.

Nghe anh nói như đánh trống lảng, tôi sức hiểu nhật ký của một thầy thuốc từng chăm sóc Lucy, trong những ngày cuối đời của cô, hẳn phải có ít nhiều chi tiết quan trọng mà tôi rất cần để bổ sung cho những điều tôi đã biết. Vì vậy, tôi lên tiếng đề nghị ngay:

— Thưa bác sĩ, nếu thế thì bác sĩ hãy cho phép tôi chuyển toàn bộ nội dung nhật ký trong máy ra giấy bằng máy chữ, được không ạ?

Seward giãy nảy từ chỗi, nét mặt anh bỗng tái dại đi:

— Không! Không! Không! Không thể làm như thế được, tôi không thể để bà biết câu chuyện khủng khiếp đó được!

Như vậy, câu chuyện có vẻ khủng khiếp hơn những gì tôi đã hình dung nhiều. Trực giác của tôi hoàn toàn cảm nhận được điều đó. Trong lúc đắm chiêu, tôi vô thức đảo mắt nhìn khắp phòng với hy vọng sẽ tìm được một lý do nào đó có thể giúp được mình thuyết phục được ông bác sĩ trẻ tuổi theo cách này hay cách khác, và ánh mắt tôi chợt dừng lại ở một tập giấy đánh máy chữ đặt trên bàn. Seward cũng đưa mắt nhìn theo ánh mắt tôi. Tôi có cảm tưởng anh đã đoán được ý định của tôi.

— Có lẽ ông chưa có dịp biết tôi. - Tôi nói. - Hy vọng khi nào đọc hết đồng giấy kia, tức là những dòng nhật ký của tôi và của chồng tôi mà tôi đã sao lại bằng máy chữ, ông sẽ hiểu tôi hơn. Tôi chưa bao giờ do dự khi phải cho người khác mượn những dòng nhật ký ấy của vợ chồng tôi, nhưng rõ ràng là ông vẫn chưa hiểu tôi... chưa hiểu, và tất nhiên, tôi cũng chẳng hy vọng ông sẽ tin ở tôi.

Lucy nói đúng, bác sĩ Seward hẳn phải là một con người thật đáng mến. Dội tôi nói dứt lời, anh lập tức đứng dậy lôi ra mấy ống kim loại phủ sơn đen được cất trong một ngăn kéo khá rộng.

— Đây chính là những gì bà muốn có. - Anh nói, mặt đỏ lựng. - Sở dĩ tôi chưa tin bà là vì chưa biết bà, có thể thôi. Nhưng bây giờ, chúng ta đã biết nhau rồi. Thực ra tôi cũng có nghe nói về bà từ lâu. Tôi biết là Lucy cũng đã có lần kể về tôi cho bà nghe; và cô ấy cũng có lần kể với tôi về bà. Xin lỗi nhé! Bây giờ bà hãy cần lấy mấy cuộn này mà nghe. Sáu cuộn đầu toàn nói về tôi và tất nhiên chúng chẳng có gì khiến bà phải bận tâm cả. Bà có nghe cũng được, không nghe cũng được, nhưng nếu chịu khó nghe, bà sẽ hiểu rõ hơn về tôi. Bữa tối có lẽ cũng được chuẩn bị sắp xong rồi. Về phần mình, có khi tôi cũng phải chịu khó đọc những tài liệu này để biết thêm một số chi tiết nào đó.

Đoạn anh cần chiếc máy ghi sang một phòng khách nhỏ nằm kề với phòng tôi và bấm cho máy chạy. Tôi háo hức chuẩn bị nghe những đoạn nhật ký đầu tiên ghi lại một vế khác của câu chuyện tình mà thực tế tôi mới chỉ được biết đại khái qua lời kể của Lucy.

Nhật ký của bác sĩ Seward

• *Ngày 29 tháng 9*

Tôi bị cuốn nhật ký của Jonathan và vợ anh cuốn hút đến nỗi quên cả thời gian. Khi người giúp việc vào báo bữa tối đã được chuẩn bị xong, tôi vẫn chưa thấy Harker xuống; tôi phải bảo bà ta rằng có lẽ cô đang mệt sau một chuyến đi dài, cứ để cho cô nghỉ, một tiếng nữa hãy dọn cơm. Và tôi lại tiếp tục dán mắt vào những dòng nhật ký. Khi tôi đọc đến những dòng cuối cùng trong cuốn nhật ký của Harker thì cô bước vào. Trông cô có vẻ buồn, hai mắt đỏ hoe, không giống với đôi mắt lúc gặp tôi ở ga chút nào.

— Hy vọng là tôi đã không làm cho bà buồn bực. - Tôi khẽ nói.

— Không, không, ông đừng nói thế... Cái máy hát ấy tuyệt lắm, có đi đâu là nó hơi tàn nhẫn! Nó cho tôi biết tất cả những phiền muộn mà ông từng trải qua. Tôi có cảm giác như mình được nghe một tâm hồn đang đau đớn cầu xin phước lành ở Thượng đế tối cao. Cầu mong đừng bao giờ có ai phải nghe những chuyện buồn như thế nữa! Ông biết không, tôi sẽ giúp được ông đôi chút đấy, tôi sẽ đánh máy toàn bộ câu chuyện của ông ra giấy. Như vậy, từ nay về sau, sẽ chẳng còn ai phải cảm nhận nhịp đập thổn thức của trái tim ông như tôi.

— Nhưng sẽ chẳng còn ai được biết nhật ký của tôi nữa đâu! Sẽ không có ai, không bao giờ có ai. - Tôi khẽ đáp lại.

Harker đặt bàn tay lên tay tôi và nghiêm giọng nói tiếp:

— Có, cần phải như vậy!

— Nhưng vì sao chứ?

— Vì sao? Vì đó là một phần không thể thiếu của câu chuyện khủng khiếp liên quan tới cái chết của cô gái Lucy tội nghiệp và những sự kiện đã xảy ra trước đó, vì trong cuộc chiến đấu mà chúng ta đang dấn thân vào để loại bỏ bóng quỷ dữ ra khỏi trái đất này, chúng ta cần có càng nhiều dữ kiện và chi tiết càng tốt. Tôi có cảm giác rằng trong lúc nghe những dòng nhật ký ghi âm của ông, tôi đã nhận ra hơn một chi tiết mà bình thường ông sẽ chẳng bao giờ cho tôi biết. Quả thực là chúng đã mang lại ít nhiều ánh sáng cho cái bí ẩn tối tăm đang bao trùm lên xung quanh chúng ta. Ông sẽ đồng ý để tôi được giúp đỡ ông, đúng không ạ? Tôi hoàn toàn hiểu phần mở đầu của câu chuyện, và mặc dù mới chỉ nghe đoạn nhật ký ghi đến ngày mừng bảy tháng chín của ông, tôi vẫn đoán ra những bất hạnh đã bám riết lấy Lucy và kết cục bi thương của cuộc đời cô. Kể từ khi giáo sư Van Helsing tới thăm đến nay, không có lúc nào chúng tôi không nghĩ về chuyện ấy. Nhà tôi đã đi Whitby để thu thập thêm một số tin tức, ngày mai anh ấy sẽ trở về. Thiết tưởng chúng ta không nên có một bí mật nào cần phải giấu nhau cả, hợp tác với nhau, tin tưởng ở nhau mới là cách tối ưu mang lại thành công, chứ không phải là ai cũng biết một ít, để rồi lại giấu nhau một ít như vậy.

Tôi hơi bất ngờ trước bản lĩnh của người phụ nữ trẻ đang đứng trước mặt. Nhìn vào mắt cô, tôi hiểu cô là người dũng cảm và cũng rất cương quyết, ánh mắt của cô đã làm tôi thực sự cảm thấy yên tâm.

— Bây giờ, tôi chỉ có thể tôn trọng thiện ý của bà mà thôi, thưa bà. - Tôi đáp lời. - Chúa sẽ tha thứ cho tôi nếu tôi có cái nhìn sai lầm về bà! Có thể bà sẽ biết thêm nhiều chi tiết khủng khiếp hơn nữa! Tôi hiểu vì đã biết nhiều về bệnh tình của Lucy, nên bà không thể không muốn biết thêm về kết cục thảm thương của cô ấy. Tôi khẳng định rằng khi đã nghe toàn bộ câu chuyện về cô ấy.... vâng, cuối cùng bà cũng sẽ cảm thấy yên tâm phần nào. Bây giờ, có lẽ ta đi ăn tối đi. Chúng ta cần phải giữ sức khỏe. Sau khi ăn uống xong, bà sẽ tiếp tục nghe nốt phần còn lại của câu chuyện, và tôi

sẽ sẵn sàng trả lời những chi tiết nào bà thấy không được rõ. Bà nói đúng, đối với chúng ta, tất cả đều phải rõ ràng để đi đến một kết thúc có hậu.

Nhật ký của Mina Harker

• Ngày 29 tháng 9

Ăn tối xong, tôi theo bác sĩ Seward vào phòng làm việc của anh. Anh sang phòng lấy chiếc máy hát, còn tôi xách chiếc máy chữ xuống. Tôi được anh dọn cho một chỗ ngồi thuận tiện ở ghế trường kỷ để có thể vừa đánh máy vừa đi đầu khiển chiếc máy hát đặt bên cạnh. Sau đó, anh chỉ cho tôi cách dùng máy khi muốn nghỉ một chút cho đỡ mỏi. Bố trí chỗ ngồi xong, tôi bật máy để nghe tiếp những dòng nhật ký bằng lời của anh.

Nghe đến đoạn nói về cái chết của Lucy và những gì xảy ra sau đó, tôi đỡ vật người xuống lòng ghế, người bủn rủn như không còn một chút sức lực nào. Cũng may tôi không phải là loại người hơi một tí là ngất xỉu! Tuy nhiên, bác sĩ Seward vẫn vội vàng chạy đi lấy một chai rượu mạnh cho tôi uống vài ngụm, và chỉ đến khi đó tôi mới vững vàng trở lại. Song không vì thế mà lòng tôi hết rối bời, dù cuối cùng tôi cũng được nghe thuật lại cô bạn thân yêu Lucy của tôi đã về với Chúa. Suýt nữa thì tôi gào lên vì phần uất. Nếu chưa biết về cuộc phiêu lưu ở Transylvanie của Jonathan, có lẽ tôi đã không lo sợ đến thế. Dù thế nào thì tôi cũng không biết mình phải nghĩ gì nữa, và tôi đã phải tìm cách che giấu sự rối bời trong lòng bằng việc đề nghị bác sĩ:

— Cứ để tôi đánh máy lại tất cả những gì ông ghi trong máy hát. Chúng ta cần phải chuẩn bị đầy đủ trước khi bác sĩ Van Helsing trở lại. Tôi đã đánh điện cho Arthur rồi, anh ấy sẽ từ Whitby về đây luôn. Trong vụ này, ngày tháng là vấn đề quan trọng nhất. Theo ý tôi, nếu chúng ta sắp xếp các sự kiện theo trình tự ngày tháng thì mọi việc sẽ trở nên thuận lợi hơn rất nhiều. Ông vừa bảo là ông cũng đang đợi huân tước Godalming và

Quincey Morris, vậy thì khi đến đây, họ cũng nên được biết tất cả mọi chuyện đã xảy ra.

Nghe tôi nói, Seward liền bật lại máy, nhưng lần này ông đặt ở chế độ chạy chậm hơn để tôi có thể dễ dàng đánh máy từ đầu nội dung nhật ký. Tôi đánh làm ba bản để những người khác có thể cùng đọc mà không mất thời gian chờ đợi vô ích. Seward phải đi thăm một số bệnh nhân, nhưng chỉ một loáng đã thấy anh quay về. Anh nói anh phải tiếp tục đọc nốt những trang nhật ký của vợ chồng tôi và hơn nữa, anh muốn trong phòng có người cũng làm việc với tôi cho đỡ trống trải. Anh quả là một con người galăng. Thế giới này dường như vẫn còn rất nhiều những con người như thế, nhưng cũng không phải là không có quý dữ. Trước khi quay về về phòng mình, tôi chợt nhớ tới đoạn nhật ký mà Seward nhắc tới mấy tờ báo - tờ Westminster Gazette và Pall Mall Gazette số mới nhất, do Jonathan đã mua tặng Van Helsing lúc ông chuẩn bị lên tàu ở ga Exeter - nên đã hỏi mượn để mang lên phòng đọc trước khi đi ngủ. Tôi nhớ lúc còn ở nhà, các tờ báo Dailygraph và Whitby Gazette đã mang lại cho chúng tôi một số chi tiết rất có lợi cho việc tìm hiểu thêm các sự kiện hãi hùng đã xảy ra ở Whitby, khi lão bá tước Dracula cập bến ở đó. Nằm trên giường, tôi đọc lướt qua các trang báo với hy vọng sẽ tìm thấy ở trong đó một vài tia sáng mới nào đó.

Tôi không thấy buồn ngủ, nhưng dường như mấy tờ báo đã giúp tôi bình thần hơn thì phải.

Nhật ký của bác sĩ Seward

• Ngày 30 tháng 9

Jonathan đến vào khoảng chín giờ. Anh nhận được điện của vợ lúc chuẩn bị từ Whitby về. Gặp anh, người ta cảm nhận ngay được rằng anh là một người đàn ông rất thông minh và giàu nghị lực. Nếu nhật ký của anh viết trung thực, thì chắc hẳn anh còn là người rất dũng cảm nữa. Bởi phải

là người cực kỳ can đảm mới dám mò xuống hầm mộ trong tòa lâu đài cổ đó hai lần. Sau khi đọc những dòng tự sự ấy của anh, tôi cứ tưởng mình sẽ được gặp một người cứng rắn lắm, chứ không phải là một người có vẻ bình lặng mang đầy đủ phẩm chất của một doanh nhân đang ngồi ăn trưa trước mặt tôi.

- *Một lúc sau*

Sau bữa trưa, Jonathan và vợ anh quay trở về phòng. Khi đi ngang qua cửa phòng anh, tôi lại nghe thấy tiếng máy chữ gõ lạch tạch. Hai vợ chồng họ quả là những người kiên trì. Họ đang ráp nối các mẫu sự kiện rời rạc với nhau theo một trình tự thời gian như đề nghị của Mina. Jonathan đã có trong tay các lá thư trao đổi giữa những người nhận vận chuyển các thùng hàng ở Whitby và công ty Carter, Paterson & Cie ở Luân Đôn. Anh cũng mãi mê đọc nội dung cuốn nhật ký của tôi mà Mina vừa đánh máy xong. Không hiểu họ có tìm thấy được một đi đâu gì giúp cho việc làm sáng tỏ các vấn đề của chúng tôi hay không? Chà! Đây rồi...

Có một đi đâu rất lạ là trong đầu tôi chưa bao giờ lóe lên ý nghĩ rằng ngôi nhà có mảnh vườn tiếp giáp với vườn nhà chúng tôi kia lại có thể là nơi ẩn náu của lão bá tước! Tuy nhiên, chỉ có Chúa mới biết cách ứng xử của tay bệnh nhân Renfield lại chính là một mắt xích giúp chúng tôi tìm ra hướng đi đâu tra. Bây giờ, chúng tôi đã có trong tay những lá thư liên quan tới việc mua bán nhà cửa mà Jonathan mang tới. Nếu biết trước những dữ kiện đó vài ngày, chắc là chúng tôi đã cứu sống được Lucy! Nhưng dù sao thì việc cũng đã qua rồi!... Jonathan vẫn vùi đầu vào công việc. Lúc xuống ăn tối, vợ chồng anh đã tóm tắt cho chúng tôi lôgích của toàn bộ sự việc tưởng chừng rất rời rạc đã xảy ra. Theo ý Jonathan, tôi sẽ cảm nhận tất vấn đề nếu để mắt tới Renfield, bởi hẳn chính là một tín hiệu vô thức báo trước sự đi đi, về về của lão bá tước. Tôi chưa hình dung được khả năng của sự việc này, nhưng có thể khi so sánh các ngày tháng. Cũng may Mina đã chép lại nhật ký của tôi ra giấy, nếu không thì chẳng bao giờ chúng tôi để ý đến ngày tháng làm nên chuỗi sự kiện đó cả!

Khi tôi đến thăm Renfield, hắn đang ngồi yên ở một xó phòng. Thấy tôi vào, hắn khẽ cười rất hiền. Lúc đó, tôi có cảm giác hắn đã hoàn toàn tỉnh táo như một người bình thường. Tôi ngồi xuống và nói với hắn không biết bao nhiêu là chuyện, và hắn đáp lại tôi đúng như một người có tâm thần lạnh lặn. Thế rồi hắn bỗng nhắc tới chuyện hắn muốn trở về nhà - đi đâu mà hắn chưa bao giờ nhắc tới từ khi vào viện tới nay. Tôi tin rằng nếu không có cuộc nói chuyện với Jonathan và chưa đọc những lá thư mà anh đang có trong tay, hoặc chưa xem lại những ngày tháng mà Renfield bị lên cơn điên, thì thế nào tôi cũng sẽ cho hắn ra viện trong một vài ngày tới. Nhưng thú thực về mặt suy luận, tôi vẫn chưa thể hiểu chuyện gì đã xảy ra. Cứ cho là những lần lên cơn điên của Renfield trùng với sự xuất hiện của lão bá tước ở ngôi nhà bên, nhưng không hiểu tâm trạng của hắn bây giờ ra sao? Chẳng lẽ “*ma cà rồng*” lại có nhiều quyền năng đến thế? Tôi không thể quên được chuyện Renfield đã ngẫu nhiên nhai cả ruồi nhặng lẫn nhện sống, và trong cơn điên cuồng loạn, hắn đã tới trước cửa ngôi nhà bỏ hoang mà gào lên “*ông chủ*”. Điệu này có thể khẳng định giả thiết của chúng tôi. Nếu thế thì tôi phải giữ hắn lại. Tôi thấy có vẻ hắn đủ tỉnh táo để trả lời những câu hỏi mà hắn có thể đoán được mục đích của tôi: muốn hiểu rõ về con người lão bá tước. Chưa bao giờ hắn tỉnh táo đến thế!... Vâng, tôi sẽ giữ hắn lại. Tôi bỗng thấy nghi ngờ những khi hắn ngoan ngoãn. Tôi phải nhắc tay giám thị để mắt tới hắn và giữ hắn bằng một chiếc áo trói thật chắc chắn.

Nhật ký của Jonathan Harker

• Ngày 29 tháng 9

Tôi viết nhật ký trong chuyến tàu đi Luân Đôn. Khi Billington nhiệt tình hứa sẵn sàng cung cấp cho tôi toàn bộ các thông tin mà ông có, tôi nghĩ ngay mình sẽ gặp may ở Whitby. Thực ra, bây giờ tôi chỉ muốn biết chính

xác một chỗ ở Luân Đôn, nơi đã nhận chuyển hàng mờ ám của lão bá tước. Người con trai của Billington, một chàng trai tốt bụng, đợi đón tôi ở ga.

Họ bố trí cho tôi ngủ qua đêm ở ngay nhà mình. Tại đó, tôi được đón tiếp rất chân tình theo cách riêng của người Yorkshire và cho phép tôi có thể làm bất cứ việc gì tôi muốn. Biết tôi phải giải quyết nhiều việc trong một thời gian rất ngắn, Billington đã chuẩn bị cho tôi toàn bộ số giấy tờ liên quan đến việc gửi các thùng hàng mờ ám. Người tôi bỗng run lên khi nhận ra một trong số những lá thư mà tôi đã từng nhìn thấy trên bàn của lão bá tước vào cái ngày tôi còn chưa được biết những kế hoạch đen tối của lão. Lão đã nghĩ rất kỹ mọi tình huống, hành động rất chính xác và có bài bản. Đường như lão đã trù tính trước mọi chương ngại có thể gặp phải trong quá trình thực hiện âm mưu của mình.

Để thể hiện mình theo phong cách làm ăn của người Mỹ, lão “không chịu bất cứ một rủi ro nào” về chuyển hàng, và sự chính xác mà lão đòi phải ghi trong các hướng dẫn vận chuyển hàng chỉ là hệ quả của một suy tính cực kỳ cẩn thận đối với một phi vụ mờ ám. Tôi để ý thấy trong hóa đơn giao hàng đặc biệt có dòng chữ: *Năm mươi thùng đất thường sử dụng cho các cuộc thí nghiệm*. Ông chủ nhà Billington cũng chỉ cho tôi bản sao lá thư gửi công ty Carter, Paterson & Cie và thư trả lời của công ty này. Billington cho tôi một bản sao của hai lá thư. Biết đây là những thông tin duy nhất mà ông có thể cung cấp, tôi bèn xuống cảng để hỏi thêm mấy nhân viên bảo vệ, thuế quan và viên đội trưởng quản lý cảng. Tất cả đều có chuyện để nói về việc cập cảng bất thường của con tàu bí ẩn nay đã trở thành một chuyện truyền miệng của người địa phương. Tuy nhiên, chẳng có ai trong số họ có thể đưa ra lời giải thích tối thiểu về những gì được chứa đựng bên trong các thùng gỗ kia, và vì vậy, tôi chỉ còn cách bằng lòng với một thông tin duy nhất ghi trên hóa đơn: *Năm mươi thùng đất thường*. Sau đó, tôi tìm đến vị trưởng ga. Nghe tôi đặt vấn đề, ông cho gọi ngay những người đã từng tham gia vận chuyển các thùng hàng đó tới. Nhưng số người này cũng chỉ cho tôi biết được cái đi đâu tôi không thể chắc chắn:

đó là năm mươi thùng gỗ, và họ cũng không thể nói được gì thêm nếu không phải là “các thùng gỗ ấy to và nặng khủng khiếp”, hoặc “nâng được chúng lên rồi thì mình cũng đến chết khát”.

Đúng là mất công vô ích!

• *Ngày 30 tháng 9*

Vị trưởng ga viết vài dòng thư tay giới thiệu tôi với một đồng nghiệp của ông ở Kings Cross để khi tới Luân Đôn vào sáng nay, tôi có thể đặt vấn đề ngay với anh ta về những gì tôi muốn biết thêm về các thùng hàng gỗ khi chúng được dỡ xuống đây. Về phần mình, anh ta cũng cho gọi ngay những phu khuân vác từng tham gia bốc dỡ các thùng hàng này đến cho tôi tìm hiểu, song số người này cũng chỉ nói được số lượng các thùng hàng là năm mươi. Có đi đâu không thấy ai kêu ca về sự đói khát lạ thường cả. Song dù có sự khác thường hay không thì tôi vẫn phải chán nản mà cảm ơn những người phu khuân vác này.

Từ ga Kings Cross, tôi uể oải về văn phòng làm việc của công ty Carter, Parterson ở Cie, nơi họ đã đón tiếp tôi rất lịch sự. Sau khi tìm hồ sơ giao dịch cho tôi, các nhân viên đã gọi điện cho chi nhánh Kings Cross để hỏi các thông tin chi tiết chính xác. Đám tài xế xe tải vừa chở hàng về Theo đề nghị, họ chuyển ngay cho chúng tôi một báo cáo về chuyển hàng. Người ta đã đưa cho một người trong số họ một thư giao hàng và các giấy tờ khác liên quan tới việc vận chuyển các thùng hàng đến Carfax. Số thùng hàng ở đây cũng trùng khớp với số ghi trên hóa đơn. Ngoài ra, các tài xế cũng đồng ý cung cấp cho tôi các chi tiết bổ sung mà họ biết. Các chi tiết liên quan, nếu có thể gọi là như vậy, mà tôi nhận được chỉ là một sự bất tiện rất khó chịu của công việc - đó là bụi và những cơn khát cháy cổ. Nhưng khi tôi để cho đám tài xế ngửi xả hơi và biếu họ một vài giấy bạc lẻ, một tay tài xế bỗng cao hứng reo rất to, giọng đặc sệt nhà quê:

— Ngôi nhà ấy, thưa ông chủ, chỉ toàn bụi là bụi thôi! Đúng là một đi đâu kỳ lạ nhất mà em từng thấy trong đời! Em thề đấy! Nhìn ngôi nhà cứ như cả trăm năm nay cũng chưa có người đặt chân vào ấy! Bụi cứ là dày hàng

tắc! Dày thế này này... đến nỗi người ta có thể nằm ngủ mà chẳng sợ bị đau lưng! Ngôi nhà hoang tàn chẳng khác nào Jerusalem cổ xưa! Nhưng ghê nhất phải là cái nhà thờ riêng trong ấy!... Chết, chết, chết! Em chẳng thấy nó giống ở đâu cả! Lúc bước ra ngoài, em và mấy thằng bạn cứ ngỡ là mình vừa từ cõi chết trở về? Chúa ơi! Em chẳng thể nán lại đó một tích tắc khi trời đã tối!

Tất nhiên là tôi tin ở lời nói của anh ta, và tôi cũng tin chắc là nếu biết tất cả những gì tôi đã biết, anh ta sẽ có một giọng diễn cảm hơn thế nhiều.

Dù thế nào thì bây giờ tôi cũng chắc chắn được một điều: tất cả các thùng hàng được chuyển từ Varna đến Whitby bằng tàu Demeter rồi được chuyển tới nhà thờ riêng Carfax. Cả thầy là năm chục thùng, và sau khi đọc nhật ký của bác sĩ Seward, tôi e từ đó tới nay, ít nhất cũng phải có vài thùng được sử dụng rồi.

Tôi sẽ cố gắng tìm lại người tài xế xe tải từng đánh nhau với Renfield lúc chở hàng ở Carfax. Theo dấu vết này, biết đâu chúng tôi chẳng tìm ra một cái gì đó không đến nỗi tồi!

• *Lát sau*

Tôi và Mina đã làm việc suốt cả ngày, vì vậy mọi loại tài liệu bây giờ đều đã được sắp xếp đầu ra đây.

Nhật ký của Mina Harker

• *Ngày 30 tháng 9*

Tôi cảm thấy vui đến nỗi tạm thời có thể mãn nguyện với chính mình. Có lẽ đó là phản ứng bình thường đối với một sự lo lắng cực độ luôn thường trực trong tôi: lúc nào tôi cũng sợ khi bị nhắc lại vết thương lòng, Jonathan sẽ lại lên cơn vật vã. Lúc chuẩn bị đi Whitby, trông anh có vẻ đã hoàn toàn làm chủ được bản thân, nhưng không vì thế mà tôi không muốn chết vì lo. Ôn Chúa! Mọi nỗ lực và công việc của anh đều được thực hiện ổn thỏa với sự giúp đỡ nhiệt tình của những người anh cần gặp. Chưa bao

giờ tôi thấy anh khỏe khoắn, nghị lực và quyết tâm đi đến tận cùng của sự việc đến thế. Vị giáo sư già tốt bụng Van Helsing đã nói đúng: Jonathan quả là một người thật dũng cảm, càng gặp khó khăn trở ngại, anh càng hăng hái đương đầu với thử thách. Lúc anh trở về, tôi thấy anh có vẻ tràn trề hy vọng và thể hiện rõ quyết tâm hơn. Anh giúp tôi hoàn thành nốt việc sắp xếp tài liệu mà anh vừa thu được theo trình tự thời gian. Bây giờ, tất cả đã được chuẩn bị chu đáo. Trong lòng tôi cảm thấy nhẹ nhõm và phấn khích hơn trước nhiều. Thú thực là lúc đầu, tôi cũng tự hỏi rằng xét cho cùng, có cần thiết phải thương hại một tạo hóa bị săn đuổi như lão bá tước hay không. Bởi cái tạo hóa này chẳng có chút gì được gọi là nhân tính cả, nhưng lão cũng đâu có giống một con vật. Tuy nhiên, hễ cứ nhớ đến cái chết của Lucy và những sự kiện diễn ra sau đó là tôi lại thấy điên tiết lên!

- *Một lúc sau*

Huân tước Godalming và Morris đến sớm hơn so với mong đợi của chúng tôi. Bác sĩ Seward phải dẫn Jonathan đi thăm mấy người bệnh, nên tôi là người trực tiếp đón tiếp họ. Thú thực, tôi cảm thấy hơi khó khăn trong chuyện này, bởi nhìn thấy họ, tôi lại chợt nhớ đến những niềm hy vọng của Lucy cách đây ít tháng! Vâng, Lucy đã không ít lần nói chuyện với tôi về họ và tôi còn nhớ hình như cũng đã có lần Van Helsing “đọc diễn văn” ca ngợi Quincey Morris rồi thì phải. Thật là những chàng trai tội nghiệp! Họ đâu có hiểu tôi là người đã biết rõ chuyện từng người hỏi cưới Lucy! Hình như họ vẫn tưởng tôi chưa biết gì về những tình cảnh thảm thương xảy ra với cái chết của cô thì phải, bởi trước mặt tôi, họ chỉ toàn nói chuyện về thời tiết và những chuyện hươu vượn khác. Bởi vậy, tôi phải nói rõ tình hình hiện tại cho họ nghe.

Qua nhật ký của Seward, tôi biết họ cũng có mặt trong cái chết - ý tôi muốn nói là cái chết thật sự của Lucy, vì thế nên chẳng còn gì phải giữ bí mật ở đây cả. Tôi nói để họ biết rằng hai vợ chồng tôi đã đọc tất cả các tài liệu có trong tay rồi đánh máy lại hết theo một trình tự thời gian. Và tôi

đưa cho mỗi người một bản sao để họ ng ắ đọc trong thư viện. Huân tước Godalming hỏi tôi:

— Thừa bà Harker, có phải bà là người đã đánh máy toàn bộ số tài liệu này không?

Thấy tôi gật đầu, anh hỏi tiếp:

— Tôi chưa rõ lắm mục đích việc làm của mọi người, nhưng tôi thấy các bạn đều rất tốt với tôi, rất tận tâm vì tôi. Sự nhiệt tình của mọi người từ đầu đến giờ dường như đã mang lại nhiều kết quả. Bây giờ, tất cả những gì tôi có thể làm là tin tưởng và đáp lại sự giúp đỡ của mọi người. Tôi thừa nhận các sự việc và biết rằng mọi người cũng rất yêu thương Lucy...

Anh bỗng gục đầu xuống, hai tay ôm mặt, giọng thỏn thức trong những tiếng nức. Morris đặt tay lên vai anh một lúc, như một cử chỉ an ủi người bạn đang tủi thân, rồi lặng lẽ bước ra ngoài. Chắc là trong tính cách bản năng của phụ nữ chúng tôi phải có một cái gì đó mới khiến một người đàn ông dễ dàng bày tỏ cảm xúc và nỗi lòng đau đớn của mình như vậy mà không hề sợ mất thể diện.

Thấy chỉ còn hai người trong phòng, anh đỡ vật người xuống ghế tràng kỷ và chẳng cần cố giấu đi nỗi đau trong lòng. Tôi đến bên cạnh và nắm chặt lấy bàn tay anh. Tôi hy vọng cử chỉ của mình sẽ không bị đánh giá là quá gần gũi đối với một người đàn ông khác. Và nếu sau này, khi có nhớ lại, anh cũng sẽ không bao giờ nghĩ về tôi như vậy. Nhưng có lẽ tôi đã hơi lo xa, bởi tôi biết anh là một người lịch lãm, quý tộc, sẽ chẳng bao giờ anh nghĩ như vậy trong đầu.

— Tôi cũng rất thương Lucy, - Tôi tâm sự - và tôi cũng rất hiểu tình cảm cô ấy dành cho ngài cũng như những gì ngài đã dành cho cô ấy. Tôi và cô ấy vẫn coi nhau như hai chị em. Bây giờ cô ấy không còn nữa, vậy ngài có thể coi tôi như một người em gái được không? Tôi biết ngài vừa trải qua hai nỗi bất hạnh lớn trong đời, nếu như tình cảm chân tình của tôi có thể

làm ngài ngơ ngái đi phần nào nổi buồn trong lòng, thì xin ngài hãy cho phép tôi được giúp ngài.

Chàng trai tội nghiệp bỗng khóc nức lên, nước mắt lăn dài trên gò má. Thương anh quá mà chẳng biết làm sao! Trong lúc xúc động, anh đã ngã đầu vào vai tôi mà nức nở như một đứa trẻ.

Cũng như những người phụ nữ khác, bản năng của một người mẹ chợt thức dậy trong tôi khi gặp một người cần sự che chở và niềm an ủi. Tôi cảm thấy chàng trai đang gục đầu thổn thức trên vai tôi giống như một đứa con bé bỏng mà sẽ có ngày tôi được bế trong vòng tay. Tôi vuốt mái tóc của anh như mái tóc của một đứa con trai.

Cuối cùng, khi đã trấn tĩnh trở lại, anh từ từ ngẩng mặt lên và thú nhận rằng bấy lâu nay, anh chưa có dịp nào tâm sự cùng ai về sự chán chường và tuyệt vọng trong lòng mình. Anh không còn cảm thấy hứng thú khi giao thiệp với những người con gái khác và hơn nữa, anh không thể nói chuyện thân tình được với bất cứ một cô gái nào sau những tình cảnh trở trêu vừa qua.

— Tôi biết tôi phải chịu đựng đến mức nào, - Anh vừa nói vừa lau nước mắt - nhưng việc bà làm hôm nay vì tôi thật sâu nặng đến mức ngay bây giờ tôi chưa thể hiểu hết giá trị của nó, và sẽ chẳng bao giờ có ai hiểu được đi đâu đó. Nhưng tôi có thể hiểu là tới một ngày nào đó, khi tôi đã thấm thía hoàn toàn việc làm của bà, thì xin bà cứ tin rằng sự biết ơn của tôi đối với bà sẽ còn sâu sắc hơn rất nhiều. Kể từ ngày hôm nay, để tưởng nhớ đến Lucy, tôi xin được coi bà như một người em gái.

— Vâng, để tưởng nhớ tới Lucy của chúng ta. - Tôi đáp lại và siết chặt bàn tay anh.

— Và cũng vì những gì thuộc về con người bà nữa chứ, - Anh nói tiếp - bởi nếu bao giờ có ai đó xứng đáng dành được lòng biết ơn và sự trân trọng của một người đàn ông, thì bà chính là người đã dành được trọn vẹn lòng tôi. Nếu sau này, khi nào cần tới sự giúp đỡ tận tình của một người bạn chân thành, thì xin bà hay nghĩ tới tôi. Chúa sẽ không bao giờ để bà

phải trải qua những ngày đen tối nữa! Nhưng nếu đi đâu đó vẫn cứ xảy ra thì xin bà hãy cho tôi biết ngay!

Tôi hoàn toàn cảm nhận được tâm trạng và sự nghiêm túc trong giọng nói của anh, và có lẽ lời hứa của tôi sẽ phần nào an ủi được anh.

— Vâng, tôi xin hứa như vậy!

Ngoài hành lang, Morris đang đứng trầm ngâm trước ô cửa sổ. Vừa nghe thấy tiếng bước chân tôi, anh quay sang hỏi luôn:

— Arthur thế nào rồi?

Thấy hai mắt tôi đỏ hoe, anh đỡ lời ngay:

— A! Tôi biết thế nào bà cũng tìm cách an ủi anh ấy mà. Tội nghiệp anh chàng, anh ấy rất cần được an ủi! Chỉ có phụ nữ mới làm người ngoại được nổi lòng của một người đàn ông, và cử chỉ dịu dàng của người phụ nữ mới...

Tuy nhiên, ngay cả Morris cũng không phải là người có thể dễ dàng vượt qua được nỗi đau trong lòng nếu không có sự can đảm và bản lĩnh của một người đàn ông cương nghị. Khi nhận thấy trên tay anh là một xấp giấy đánh máy, tôi chợt hiểu anh đã đọc những gì tôi đưa và biết tôi là người đã rõ mọi chuyện.

— Tôi rất muốn an ủi tất cả những ai có nỗi đau trong lòng! - Tôi nói. - Hãy cho phép tôi được là một người bạn, một người bạn mà ông có thể tìm gặp bất cứ lúc nào cần có sự giúp đỡ. Sau này ông sẽ hiểu tại sao tôi lại nói với ông như vậy.

Morris nghiêng mình hôn lên bàn tay tôi. Thực tình mà nói, tôi vẫn cảm thấy mình quá nhỏ bé và yếu đuối để có thể giúp đỡ một chàng trai hào hiệp và vô tư này! Tôi không biết phải làm thế nào để bày tỏ tình cảm trân trọng của mình đối với anh. Những giọt nước mắt chứa đầy nỗi niềm chợt lăn dài trên gò má chàng trai đáng thương, khiến anh không thể nói thêm được đi đâu gì. Phải một lúc sau, anh mới bình tĩnh lại và bảo tôi:

— Cô bé à, sẽ không bao giờ em phải lấy làm tiếc vì đã bày tỏ tấm lòng của mình đối với tôi đâu, không bao giờ!

Rồi anh lặng lẽ quay vào phòng với người bạn của mình.

“Cô bé...” Đúng là những lời nói mang nặng ân tình mà anh đã từng dùng để nói với Lucy, nhưng rõ ràng anh cũng đáng là một người bạn thân lắm chứ!

Nhật ký của bác sĩ Seward

Tôi về nhà lúc năm giờ chiều, khi huân tước Godalming và Morris đã có mặt và họ được biết về các lá thư và những cuốn nhật ký mà Jonathan và người vợ đáng khâm phục của anh đã sao chép đâu ra đấy. Jonathan vẫn chưa về, anh phải đến nhà máy tay đánh xe tải mà ông Hennessey nói trong thư. Mina pha cho chúng tôi mỗi người một tách trà, thú thực kể từ khi làm thầy thuốc, đây là lần đầu tiên tôi thực sự cảm thấy nhà thương này là “nhà mình”.

Trong lúc ngồi uống trà, Mina có hỏi tôi:

— Bác sĩ Seward này, tôi có thể đề nghị ông một việc được không? Tôi muốn được gặp tay bệnh nhân Renfield của ngài một lúc. Những gì ngài nói về hắn trong nhật ký khiến tôi không thể không chú ý.

Giọng nói, ánh mắt gần như cầu khẩn của cô khiến tôi không thể từ chối. Vả lại, tôi thấy cũng chẳng có lý do gì để làm như vậy. Và tôi đã đồng ý dẫn cô tới gặp Renfield ngay sau đó. Bước vào phòng hắn, tôi bảo hắn có một quý bà muốn được vào thăm hắn, hắn ậm ừ hỏi lại:

— Để làm gì chứ?

— Bà ấy định thăm nhà thương, - Tôi giải thích - và muốn được tiếp xúc với các bệnh nhân nội trú để tìm hiểu một số vấn đề thế thôi.

— Hay đấy! Vậy thì cứ bảo bà ta vào đi! Nhưng từ từ đã, tôi phải dọn lại mấy thứ cho gọn gàng mới được.

Đối với hắn, dọn dẹp mấy thứ tức là nuốt bằng sạch lũ ruồi, nhện đựng trong mấy cái hộp vớt ngồn ngang trong phòng, trước khi có người ngăn cản hắn. Rõ ràng hắn sợ người khác biết chuyện về những côn trùng kia. Sau khi “dọn dẹp” xong, hắn vui vẻ bảo tôi:

— Gọi bà ta vào đi!

Rồi hắn ngã xuống mép giường, đầu cúi gục, nhưng mắt vẫn cố ngước lên chờ người khách lạ mặt. Nhìn hắn, tôi bỗng thấy lo ngại, vì hắn có thể nổi cơn điên chết người vào bất cứ lúc nào. Tôi nhớ đã có lần hắn tỏ ra hoàn toàn ngoan ngoãn trong phòng làm việc của tôi, ấy thế mà chỉ vài phút sau, hắn bỗng nhảy xổ vào người tôi như muốn kết liễu tôi ngay lập tức. Bởi vậy, tôi phải lân la đến gần cạnh hắn để nếu có bề gì, tôi còn có thể bắt chết hắn ngay trước khi hắn kịp giở trò tấn công Mina. Được hắn đồng ý, Mina tươi cười bước vào và chìa tay tiến lại gần hắn.

— Xin chào Renfield. - Cô nói. - Ông thấy đấy, tôi đã được biết về ông, bác sĩ Seward đã kể cho tôi nghe về ông.

Hắn nhú mày nhìn chăm chăm vào người phụ nữ lạ mặt và không thèm trả lời ngay. Hắn còn tỏ vẻ ngạc nhiên lần một chút ngờ vực nữa, nhưng chính hắn cũng làm tôi ngạc nhiên bởi một câu hỏi mà tôi không thể ngờ được:

— Bà không phải là người mà ông bác sĩ đây muốn cưới làm vợ đấy chứ? Không, không thể là bà được, bởi người con gái ấy đã chết rồi.

Mina mỉm cười trả lời:

— Không, chắc chắn là không phải rồi! Bởi vì tôi đã có chồng, chúng tôi cưới nhau từ khi tôi còn chưa được biết bác sĩ Seward, và khi đó ông ấy cũng chưa bao giờ gặp tôi.

— Vậy thì bà tới đây làm gì?

— Tôi và chồng tôi muốn tới thăm nhà bác sĩ Seward.

— Đừng nên nán lại nhà ông ta!

— Tại sao?

Sợ cuộc nói chuyện kiểu này có thể làm Mina phật ý, tôi phải lựa lời lái câu chuyện đi một hướng khác.

— Làm sao anh biết tôi định cưới vợ? - Tôi hỏi Renfield.

Hắn đáp lại tôi bằng một giọng khinh khỉnh, mắt hết nhìn Mina rồi lại nhìn tôi, rồi lại quay ngoắt đi ngay lập tức:

— Một câu hỏi thật ngu ngốc!

— Tôi thì tôi không nghĩ như vậy, Renfield ạ! - Mina nói như muốn bênh vực tôi.

Khác hẳn với thái độ khinh khỉnh khi nói với tôi, hẳn tỏ ra rất lịch sự và có thái độ tôn trọng khi tiếp chuyện Mina:

— Bà Harker này, chắc bà cũng hiểu, đối với một người đàn ông được đề cao, được yêu như ông bác sĩ đây, thì tất cả những gì liên quan đến ông ta đều làm cộng đồng nhỏ của chúng tôi quan tâm. Không chỉ có những người bạn yêu mến bác sĩ Seward, mà ngay cả một số người trong đám bệnh nhân của ông ta, do sự mất thăng bằng về tâm thần, có thể làm thay đổi bản chất của nguyên nhân và kết quả. Từ khi phải vào cái nhà thương này, tôi không thể không để ý rằng sự nguy hiểm của một số người nội trú luôn có xu hướng làm họ phạm phải các sai lầm phi nguyên nhân và có hậu quả, khiến họ nhầm lẫn không chỉ vì sự thiếu nhận biết về chất, mà còn cả về nguyên nhân nữa.

Tôi trở mắt ngạc nhiên nhìn hẳn. Hẳn là một bệnh nhân khiến tôi phải bận tâm nhất, nên tôi luôn hiểu rằng một trong những điều làm nên chứng bệnh của hẳn là hay nói về triết học. Nhưng quả thật chưa bao giờ tôi thấy hẳn nói kiểu như vậy: hẳn nói cứ như một triết gia thực sự lỗi lạc. Phải chăng sự hiện diện của Mina đã làm rung động một sợi dây nào đó trong tiềm thức của hẳn! Nếu sự thức tỉnh đột xuất của các năng lực trí tuệ này là tự phát, hoặc ít nhất là xuất phát từ sự ảnh hưởng vô thức của người phụ nữ trẻ kia, thì chắc hẳn cô phải có một khả năng thiên bẩm hay một năng lực hơi không bình thường.

Chúng tôi ngừng tán chuyện thêm một lúc nữa. Thấy Renfield có vẻ khoái chí với lý lẽ của mình, Mina nháy mắt nhìn tôi rồi hỏi thêm hẳn về chủ đề mà hẳn thích. Rõ ràng là càng lúc hẳn càng làm tôi ngạc nhiên. Hẳn nói vô tư như một người đàn ông có đủ các năng lực về trí tuệ, đã thế, hẳn còn lấy chính bản thân mình ra làm ví dụ cho những gì hẳn muốn chứng minh.

— Nếu để ý, bà sẽ thấy trong tôi một bản thể rất khác lạ. Tôi nói bà đừng cười, chẳng có gì đáng ngạc nhiên khi những người bà con của tôi

luôn tỏ ra lo ngại cho tôi và đặt tôi dưới sự giám sát của họ. Thỉnh thoảng tôi vẫn hình dung cuộc sống là một bản thể thiết thực, vĩnh hằng, và bằng cách nuốt chửng vô số các thực thể sống cho dù đó là các thực thể nằm ở đáy thang của tạo hóa - người ta có thể kéo dài vô tận cuộc sống của mình. Tôi luôn tin ở sự trường tồn, đến nỗi sẽ tới một lúc nào đó, tôi phải thể hiện mình thực sự là một người đàn ông. Thế nào chẳng có lúc ông bác sĩ đây sẽ kể với bà rằng đã có lần tôi định giết ông ta để tiếp thêm sức sống cho bản thân mình, tôi muốn nói tôi trường tồn bằng cách thu nạp dòng máu của chính ông ta, vì tôi nhớ trong Kinh thánh có câu: “*Dòng máu chảy, ấy chính là cuộc sống*”. Thế mà các thầy thuốc đã cố tình tằm thường hóa đi điều hiển nhiên này đến độ ông ta rất đáng bị phỉ nhổ vào mặt. Tôi nói vậy có đúng không, ông bác sĩ?

Tôi khẽ gật đầu, trong lòng cảm thấy rất kinh ngạc để có thể tìm ra một lời nói hay thậm chí là một ý nghĩ về những gì hần vừa lý giải. Có thể nào đây lại là một gã đàn ông mà chỉ năm phút trước thôi, đã nuốt chửng không biết bao nhiêu ruồi và nhện!... Tôi liếc nhìn đồng hồ, vì đã đến lúc phải ra ga đón Van Helsing. Thấy tôi nhắc, Mina lập tức đứng dậy cùng tôi ra về, nhưng trước khi ra khỏi cửa, cô còn mỉm cười nói với Renfield:

— Chào tạm biệt! Hy vọng là tôi sẽ được tới thăm ông thường xuyên vào những dịp thích hợp!

Câu trả lời của Renfield một lần nữa lại làm tôi khó nghĩ:

— Tạm biệt cưng... hoặc nói đúng hơn là Chúa muốn rằng tôi chẳng bao giờ phải gặp lại khuôn mặt duyên của bà nữa. Cầu mong Ngài hãy bảo vệ bà và ban phước lành cho bà!

Tôi ra ga một mình, để Arthur ở nhà với Quincey. Hôm nay, Arthur có vẻ vui hơn cả kể từ khi Lucy của anh qua đời. Trong khi đó, Quincey cũng phấn chấn hẳn lên khi có thêm người bạn mới Mina Harker để chuyện trò.

Tàu vừa dừng bánh, Van Helsing đã nhanh nhẹn nhảy tót xuống sân ga như một thanh niên. Trông thấy tôi, ông chạy vội lại, miệng reo to:

— A! John, thế nào, vẫn khỏe chứ hả? Tốt rồi! Còn tôi, lúc ở Amsterdam, tôi đã tranh thủ giải quyết hết mọi việc để có thể ở lại đây dài dài nếu thấy cần thiết. Tôi có rất nhiều chuyện để nói với anh đấy. Mina đang ở nhà anh phỏng? Được đấy! Thế còn ông chồng đáng mến của cô ấy thì sao rồi? Cả Arthur và Quincey nữa? Họ cũng đâu đang ở nhà anh đấy chứ? Hay thật!

Trên đường về nhà, tôi tranh thủ kể cho ông nghe tất cả những gì xảy ra từ khi ông về nước đến giờ, kể cả chuyện cuốn nhật ký của tôi bỗng dưng trở nên có ích khi được Mina đánh máy và sắp xếp lại theo một trình tự thời gian.

— Ái chà! Cái cô Harker này càng ngày càng gây cho tôi nhiều ngạc nhiên đấy! Cô ấy quả thực là người có cái đầu của một người đàn ông, một người đàn ông có tư chất thiên bẩm nhưng lại mang trong mình một trái tim hiền dịu của một người phụ nữ! Tôi nói anh đừng cười, Chúa sinh thành cô ấy: chính là vì một thiên ý đặc biệt nào đó. Anh bạn thân mến ạ, thần may mắn đưa cô ấy tới đây để giúp chúng ta đấy. Có đi đâu là sau ngày hôm nay, ta không nên để cô ấy tham gia vào câu chuyện kinh khủng này nữa. Nếu không, cô ấy sẽ phải đương đầu với những nguy hiểm không thể lường trước được đâu. Ta đã hứa với nhau rằng việc hủy diệt con quỷ kia là việc của chính chúng ta, những người đàn ông can đảm, chứ không phải là một người phụ nữ, đúng không nhỉ? Kể cả khi cô ấy không gặp phải bất cứ một rủi ro nào đi chăng nữa, thì trái tim nhân ái của cô ấy cũng không nên phải kinh qua những dồn nén của hết sự khủng khiếp này đến nỗi lo sợ khác. Dù thế nào đi nữa thì chúng ta cũng không được phép để cô ấy có những đêm đầy ác mộng sau này. Hơn nữa, vì vẫn còn trẻ và lại chỉ vừa mới cưới chồng, nên nếu không phải là bây giờ thì cũng là trong thời gian sắp tới, cô ấy sẽ có rất nhiều việc cần phải thu xếp. Anh vừa nói cô ấy đã đánh máy tất cả các tài liệu ra giấy, như vậy cũng là tham gia khá nhiều việc với chúng ta rồi. Ngày mai, anh nên bảo cô ấy nghỉ đi! Đừng để cô ấy làm việc gì nữa. Chúng ta sẽ tự tay tiếp tục công việc mà không để cô ấy...

Tôi hoàn toàn nhất trí với ý kiến của giáo sư và thông báo cho ông biết đi đâu chúng tôi mới khám phá trong thời gian ông đi vắng: ngôi nhà bá tước Dracula mua chính là ngôi nhà nằm kề với khuôn viên nhà thương của tôi. Van Helsing có vẻ rất ngạc nhiên, nhưng cũng không giấu nổi nét mặt ưu tư.

— Trời ơi! Tại sao chúng ta lại không biết sớm hơn kia chứ? - Ông than thở. - Nếu biết sớm thì đã cứu được Lucy rồi! Nhưng thôi, chuyện cũng qua rồi, đừng nên nghĩ mãi về nó, vấn đề bây giờ là phải cố gắng để đến được cái đích cuối cùng kia!

Ông chợt im bặt và cứ im lặng như thế mãi cho tới khi về tới nhà. Trước khi lên gác cởi áo ngoài chuẩn bị ăn tối, ông nói với Mina:

— Anh bạn John đây có bảo tôi rằng bà và ông nhà đã cất công đánh máy, sắp xếp lại tất cả các tài liệu liên quan tới những gì chúng ta biết về bá tước Dracula cho tới lúc này.

— Không phải là tới lúc này, thưa giáo sư, mà chính xác là tới sáng nay.

— Thì cũng có gì khác nhau đâu? Trước sau thì đó vẫn là một chút ánh sáng soi tỏ các dữ kiện, cho dù đó là những dữ kiện mà bên ngoài có vẻ ít quan trọng nhất. Chúng ta đều đã nói với nhau tất cả những gì mình biết, đúng thế không ạ?

Mina đỏ mặt rút trong túi ra một mẫu giấy:

— Thưa giáo sư, ngài có thể đọc qua mẫu giấy này rồi xem tôi có nên tiếp tục làm không ạ? Đây là những gì tôi ghi được trong ngày hôm nay. Tiếp tục ghi lại cận kề những gì xảy ra kể từ bây giờ có khi vẫn là một việc làm có ích. Tôi nghĩ không có việc gì là của cá nhân ở đây cả. Tôi có nên tiếp tục không?

Đọc xong mẫu giấy, Van Helsing vừa nói vừa đưa trả lại Mina:

— Việc này sẽ chẳng hỗ trợ được cho các tài liệu khác là mấy nếu như bà không muốn. Tuy nhiên, về phần mình, tôi vẫn thấy đó là việc nên làm. Chồng bà chỉ có thể cảm thấy yêu bà hơn, và với việc làm của bà, ông ấy sẽ cảm nhận được rằng sự đánh giá và cả tình bạn mà chúng tôi, những

người bạn thực sự của ông bà, dành cho bà chỉ có thể mỗi ngày một lớn hơn mà thôi.

Mina lại đỏ mặt thẹn thùng cầm lại mẫu giấy từ tay vị giáo sư già với nụ cười rạng rỡ trên môi.

Vậy là cho đến giờ này, tất cả các ghi chú của chúng tôi đều đã được hoàn thành và sắp xếp đầu ra đây. Van Helsing cầm một bản để tranh thủ nghỉ ăn ngủ sau bữa tối, khi chúng tôi ngồi chờ họp vào lúc tám giờ. Sau khi nghiên cứu kỹ lưỡng toàn bộ tài liệu số tài liệu có trong tay, ông sẽ cùng chúng tôi lên kế hoạch hành động chống lại kẻ thù bí ẩn và đáng sợ kia.

Nhật ký của Mina Harker

• Ngày 30 tháng 9

Khoảng hai tiếng sau bữa tối, chúng tôi kéo nhau vào phòng làm việc của bác sĩ Seward. Cuộc họp của chúng tôi chẳng khác nào cuộc họp của một hội đồng hay một ủy ban công cán nào đó. Giáo sư Van Helsing ngồi ở phía đầu bàn như một vị chủ tọa, ông bảo tôi ngồi bên phải ông làm thư ký cho cả nhóm. Jonathan ngồi cạnh tôi. Ngồi đối diện với hai vợ chồng tôi là Arthur và Morris - Arthur ngồi cạnh giáo sư và bác sĩ Seward ngồi cạnh Morris.

Thấy mọi người đã ngồi đông đủ, giáo sư Van Helsing bắt đầu cuộc họp:

— Nếu tôi không nhầm thì tất cả mọi người đều đã tường tận toàn bộ các sự việc có liên quan được ghi trong nhật ký và thư từ cá nhân rồi, phải không ạ?

Đợi chúng tôi gật đầu trả lời, ông tiếp tục:

— Tôi thiết nghĩ nói cho các bạn rõ hơn về kẻ thù mà chúng ta đang phải đối đầu cũng là một việc nên làm. Các bạn hãy chịu khó nghe tôi giải thích một số điểm về gã đàn ông mà bây giờ tôi đã hoàn toàn chắc chắn

này. Sau đó, chúng ta sẽ cùng thảo luận để tìm ra cách hành động tốt nhất với các biện pháp thích hợp nhất có thể có. Đầu tiên, tôi xin khẳng định rằng “*ma cà rồng*” thực sự tồn tại trên đời này, bởi đơn giản là một số người trong nhóm chúng ta đã tình cờ có được các bằng chứng! Thậm chí, kể cả khi chúng ta chưa phải trải qua cái thực tế đau đớn vừa qua đi chẳng nữa, thì chuyện quá khứ cũng vẫn cứ cung cấp cho chúng ta nhiều chứng cứ đủ để kết luận về sự tồn tại của chúng. Thú thực, lúc đầu tôi cũng chẳng tin. Từ nhiều năm nay, nếu không buộc mình phải mở rộng cách nhìn nhận về thế giới và cuộc sống, tôi sẽ chẳng bao giờ tin ở câu chuyện có vẻ hoang đường này cho tới khi có một tiếng sét đánh ngang tai rằng: “Thấy chưa! Ta sẽ buộc nhà ngươi phải thấy! Ta sẽ cho ngươi một bằng chứng rõ mồn một mà ngươi không thể phủ nhận được!” Thế đấy! Nếu ngay từ đầu, chúng ta đã biết mọi chuyện như bây giờ thì cuộc sống quý giá của Lucy có lẽ đã không có một kết cục buồn đến thế! Rốt cuộc là chúng ta đã thất bại. Bây giờ mọi nỗ lực có thể của chúng ta chỉ là cứu vớt những linh hồn khác. Cần biết rằng giống *nosferatu* này không thể chết kiểu như loài ong vẫn chết sau khi tiêm nọc độc vào cơ thể một người. Trái lại, nó chỉ có thể càng khỏe hơn mà thôi, và càng khỏe bao nhiêu, nó lại càng trở nên nguy hiểm bấy nhiêu. Con “*ma cà rồng*” mà chúng ta đang phải đương đầu có sức mạnh bằng cả hai chục người. Hắn còn quỷ quyết hơn bất cứ một thực thể tương tự nào, bởi ngón nghề xảo trá của hắn đã được đúc rút qua nhiều thế kỷ. Hắn biết sử dụng thuật chiêu hồn, một ma thuật hiệu theo nghĩa nguyên thủy là gọi hồn người chết để đoán định tương lai, và tất cả những người chết đâu có thể đến với hắn theo mệnh lệnh của hắn. Hắn là kẻ cực kỳ tàn nhẫn, và có khi còn tệ hơn cả sự tàn nhẫn. Hắn là một con quỷ không có tình người, không có trái tim ở nhiều xứ sở, hắn có thể xuất hiện bất cứ nơi đâu, chỗ nào mà hắn muốn, với nhiều lối khác nhau. Thậm chí trong một chừng mực nào đó, hắn còn có quyền năng điểu khiển được cả sức mạnh của tự nhiên như gọi giông bão, sương mù, sấm chớp, hoặc bắt các thú vật cấp thấp như chuột, cú vọ, dơi, bướm sâu đo, chồn, cáo và chó sói

phải nghe lời. Hắn có thể tự biến thành to hơn hoặc nhỏ đi, và trong một số trường hợp, hắn có thể biến mất như không còn tồn tại trên đời này nữa. Trong những điều kiện như vậy, chúng ta phải làm như thế nào để tìm ra hắn? Và lúc tìm thấy rồi thì phải làm cách nào để vĩnh viễn hủy diệt được hắn? Không dễ đâu các bạn ạ, hoàn toàn không dễ chút nào cả. Đó sẽ là một công việc cực kỳ khó khăn và khủng khiếp, có khi chỉ cần nghĩ tới hậu quả mà công việc đó gây ra thôi cũng đủ làm một người đàn ông dũng cảm nhất phải rùng mình. Vì sao vậy? Vì nếu đâm đầu vào cuộc chiến, hắn sẽ cần chắc phần thắng trong tay. Và rồi chuyện gì sẽ xảy ra sau đó? Đối với tôi, chuyện mất mạng chẳng có gì đáng sợ cả. Vấn đề là ở chỗ thất bại của chúng ta lại mang một ý nghĩa hoàn toàn khác với sự sống hay cái chết: chúng ta rồi sẽ biến thành những kẻ không có trái tim, cũng chẳng có ý thức như hắn, những tạo vật của đêm tối, để rồi lại biến những người chúng ta yêu thương nhất thành con mồi của chính mình. Những cánh cửa thiên đường sẽ chẳng bao giờ đóng lại cho chúng ta, bởi ai sẽ là người mở rộng cửa cho chúng ta chứ? Chúng ta sẽ bị người đời phỉ nhổ, nguyền rủa mãi mãi. Vậy đấy! Một thử thách ghê gớm nhất đang được đặt ra. Chúng ta đang đứng trước một nhiệm vụ mà Chúa giao phó, một mũi tên sẽ được cắm vào người *kẻ bất tử* vì nhân loại. Nhiệm vụ là đấy, chúng ta có thể lùi bước được không? Về phần mình, tôi không hề quản ngại một điều gì. Dù sao thì tôi cũng đã già rồi, cuộc đời, ánh mặt trời rực rỡ, nhà cửa, vườn tược líu lo tiếng chim hót, âm nhạc, tình yêu, nỗi nhớ... tất cả, tất cả đều đang lùi lại phía sau. Nhưng còn các bạn, các bạn vẫn còn rất trẻ. Một vài người trong các bạn, tuy đã phải hứng chịu nhiều chuyện buồn, nhưng những ngày vui vẫn sẽ dang rộng vòng tay đón chờ các bạn. Các bạn định quyết định như thế nào?

Từ đầu tới giờ, Jonathan vẫn chăm chú lắng nghe. Thú thực khi thấy anh đưa tay nắm chặt lấy tay mình, tôi bỗng đâm lo rằng sự nguy hiểm mà giáo sư đang nói sẽ làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến thần kinh của anh, khiến anh hoàn toàn nhụt chí. Nhưng rồi tôi lại cảm thấy mình như vừa

được hồi sinh khi cảm nhận được tiếng nói qua bàn tay anh, một bàn tay nắm chặt, chắc nịch và đầy quyết tâm. Rõ ràng là bàn tay của một người đàn ông dũng cảm cũng có tiếng nói riêng của nó, và chỉ có một người phụ nữ mang trong lòng một tình yêu nồng cháy mới cảm nhận được tiếng nói ấy.

Giáo sư im lặng chờ đợi, tôi và Jonathan đưa mắt nhìn nhau, mọi lời nói giữa hai chúng tôi lúc này đều là vô ích.

— Tôi và Mina xin được nói có. - Jonathan trả lời.

— Xin giáo sư cứ tin ở tôi. - Morris khẳng định mong muốn trong lòng.

— Tôi cũng xin được cùng ngài đi tới đích, - Huân tước Godalming thốt lộ nỗi lòng - tôi muốn thực hiện bốn phận của mình vì tưởng nhớ tới Lucy, và thậm chí kể cả khi không còn mục đích gì khác là được giúp đỡ ngài một tay.

Về phần mình, bác sĩ Seward chỉ gật đầu lặng lẽ. Với anh, như thế là quá đủ để nói lên đi đâu nung nấu trong tim. Tất cả chúng tôi cùng chìa tay thể hiện rõ quyết tâm của mình. Vậy là đi đâu ước trọng đại của chúng tôi đã được thống nhất. Thú thực đã có lúc tim tôi thoáng như thất lại, mặc dù chưa có giây phút nào tôi nghĩ mình phải từ chối tham gia công việc nguy hiểm trước mắt. Sau những cái bắt tay thể hiện sự quyết tâm, chúng tôi trở về chỗ ngồi của mình. Van Helsing tiếp tục các lý giải của mình với sự hồ hởi của một người đang thấy rất thoải mái trong lòng, khi hiểu nhiệm vụ tối quan trọng của chúng tôi cuối cùng cũng đã được bắt đầu bằng một sự đồng tâm, hiệp lực cao nhất.

— Tốt lắm! Bây giờ chúng ta đã biết mình đang phải chiến đấu chống lại cái gì rồi nhé. Chúng ta không thiếu lực lượng. Chúng ta có lợi thế về số lượng, vì “*ma cà rồng*” luôn đơn độc, mà chúng ta thì đông. Chúng ta có thông tin lấy từ sách vở. Hơn nữa, chúng ta lại được tự do hành động và tự do suy nghĩ. Về hành động, chúng ta cũng có lợi thế, bởi ngày đêm đều thuộc về chúng ta. Trên thực tế, với những lợi thế có trong tay, chúng ta có thể tự do hành động như mong muốn. Chúng ta chỉ cố gắng cho một mục

đích, và mục đích mà chúng ta định hướng tới không chỉ mang lại lợi ích cho riêng ai, mà là chung cho cả nhân loại. Bây giờ, chúng ta hãy cân nhắc các hạn chế của “*ma cà rồng*” nói chung và của lão bá tước nói riêng. Để làm được như vậy, chúng ta cần phải tham khảo truyền thống và tín ngưỡng. Nhưng thực ra mà nói, truyền thống và tín ngưỡng cũng chẳng mang lại đi đâu gì to tát nếu chỉ nói về sự sống và cái chết... hoặc cụ thể hơn, các vấn đề được đặt lên bàn cân còn quan trọng hơn sự sống và cái chết nhiều. Tuy nhiên, chúng ta cần phải biết tự bằng lòng với chính mình, trước hết là bởi chúng ta buộc phải hành động, sau đó là bởi truyền thống và tín ngưỡng chẳng để lại một cái gì quá quan trọng. Xin hỏi là cách đây khoảng một năm, giữa cái thế kỷ mười chín có nền khoa học phát triển đến đỉnh cao này, ai trong số chúng ta dám thừa nhận những gì mà cho đến bây giờ, chúng ta vừa mới biết nào? Chúng ta từng ghê tởm đối với một tín ngưỡng, để rồi không lâu sau đó lại chứng kiến một thực tế hoàn toàn không phi lý một chút nào. Các bạn hãy tin rằng chính “*ma cà rồng*” một nhân vật khiến cho nhiều người phải tín ngưỡng ở sự tồn tại và các quyền năng cũng như các hạn chế của nó - cũng đã mang tới những bằng chứng về sự tồn tại của mình dưới con mắt của nhiều người ngoài chúng ta. Chúng ta có thể nhận thấy đi đâu này ở bất cứ chỗ nào có con người trên trái đất này. “*Ma cà rồng*” được nhắc tới ở khắp nơi: Hy Lạp cổ đại, La Mã cổ đại, Đức, Pháp, Ấn Độ, thậm chí ở cả quần đảo Chersonèse. Ở Trung Hoa, một đất nước nằm rất xa chúng ta, cho đến nay vẫn còn rất nhiều người chỉ thoáng nghe thấy nó thôi cũng đã đủ khiếp sợ mà chui vội vào trong chăn. Tiếng xấu về nó còn lặng lẽ bám theo dấu bước chân của các tộc người Ailen, Hung, Slav, Saxon và người Magyar du mục qua mọi nẻo đường trên các châu lục. Vậy là chúng ta đã biết tất cả những gì cần phải biết, và đã có đủ những dữ kiện cần phải có để bắt tay vào hành động. Nhưng tôi cũng xin được nói rằng vẫn còn nhiều tín ngưỡng về nhân vật này chưa được kiểm chứng trong thời gian chúng ta trải qua nỗi bất hạnh vừa qua. “*Ma cà rồng*” sống mà không sợ thời gian dần dần đưa nó gần

tới cái chết. Nó sẽ tiếp tục bành trướng thuận lợi chừng nào còn được tiếp sức nhờ dòng máu của người sống. Chúng ta có thể thấy nó trẻ ra, khỏe hơn và có thể hồi sinh ngay lập tức nếu tìm được một nguồn dinh dưỡng ưa thích của mình. Nó phải theo đuổi chế độ sống này chứ không thể sống theo lối sống của người bình thường. Như anh bạn Jonathan đã thấy, trong suốt nhiều tuần ở lâu đài Dracula, đã bao giờ anh thấy nó ăn uống một bữa nào chưa? Không bao giờ! Còn một điều kỳ lạ không kém: người nó không có bóng; hình hài nó không bị phản chiếu trong gương, điều này thì Jonathan cũng đã được thấy rồi. Mặt khác, nó còn có một sức mạnh ghê gớm như Jonathan đã tả lại trong nhật ký khi nó đóng cổng lâu đài không cho bầy sói vào và khi nó giúp anh bạn này xuống xe. Nó có thể thay hình đổi dạng thành một con chó sói, như người ta đã thấy khi con tàu nào đó cập bến ở Whitby hoặc khi nó tấn công và xé xác một con chó nhà, hoặc thành một con dơi như trường hợp Mina đã thấy ở trên bậc cửa sổ ở Whitby, như anh bạn John đã thấy khi nó bay khỏi ngôi nhà hàng xóm kia, hoặc như anh chàng Quincey từng thấy khi nó đậu trên cửa sổ phòng Lucy. Nó có thể sát lại gần người thuyền trưởng dũng cảm ngồi trước bánh lái bằng một lớp vỏ bọc sương mù dày đặc tự tạo xung quanh người, nhưng chúng ta cũng rất dễ xác định được khoảng không gian giới hạn của nó nhờ chính màn sương mù bao bọc ấy. “*Ma cà rồng*” có thể xuất hiện dưới dạng những hạt bụi lẫn vào ánh sáng của mặt trăng, giống như trường hợp của ba ả đàn bà mà Jonathan đã vài lần nhìn thấy trong lâu đài Dracula. Các bạn biết không, nó có thể thu nhỏ mình lại đến mức chui vừa qua một khe cửa hẹp như sợi tóc ở nhà mồ của gia đình Westenra hôm nọ. Một khi đã tìm ra đường đi của mình, nó có thể ra vào bất cứ nơi nào và có thể nhìn xuyên bóng đêm, đây không phải là một quyền năng đáng xem thường trong một thế giới tranh sáng tranh tối. Nó có thể làm được tất cả những điều tôi vừa kể, nhưng không vì thế mà nó có tự do lựa chọn. Nó là một tù nhân thực sự của chính mình, một tù nhân bị kết án chung thân khổ sai, một thằng điên bị nhốt trong một căn phòng tù túng. Việc đi tới tất cả những

nơi mình muốn là một đi đâu không thể được với nó. Nó không phải là dạng thực thể sống theo thiên nhiên, mà là dạng phải sống theo một số quy luật nhất định của riêng mình. Không phải cánh cửa nào cũng rộng mở đối với nó. Cũng như các thế lực ma quái khác, quyền năng của nó sẽ hết hiệu lực ngay sau khi những ánh bình minh đầu tiên ló rạng. Hẳn có quyền hưởng tự do, nhưng chỉ ở trong những thời khắc cụ thể. Nếu không có mặt ở nơi mình muốn, nó sẽ không thể trở về đó trước lúc mặt trời lặn. Chúng ta biết được đi đâu đó là nhờ dân gian và các cuốn sách tư liệu, và chúng ta cũng có thể tìm ra bằng chứng tương tự qua những gì mà chính chúng ta đã thu thập được ở đây. Như vậy, có thể nói mặc dù có không ít lúc có thể dương oai diễn võ theo ý thích của mình, nhưng “*ma cà rồng*” vẫn không thể bỏ qua các giới hạn bị áp đặt trong một phạm vi riêng: quan tài, địa ngục, hoặc một nơi nào đó như ngôi mộ không được ban phước lành của một kẻ tự tử trong nghĩa địa Whitby chẳng hạn, và nó chỉ có thể di chuyển trong những thời gian thật cụ thể, hoặc có thể vượt đại dương trong những lúc triều lên. Và như chúng ta đã biết, còn có một số thứ có thể vô hiệu hóa quyền năng của nó, ví dụ như tôi chẳng hạn, hoặc một vật mang tính biểu tượng như cây thánh giá bằng vàng: nhìn thấy vật thiêng này, nó buộc phải lùi bước và tìm cách bỏ trốn. Có một số thứ khác mà các bạn cũng nên biết đề phòng trường hợp cần thiết, đó là cây hồng đại dùng để đặt lên nắp quan tài ngăn nó thoát ra ngoài, một viên đạn thánh bắn vào trong quan tài sẽ giết chết nó, ý tôi muốn nói là cái chết thực sự. Và khi đóng cọc vào tim nó, cũng giống như trường hợp chặt đầu nó, chúng ta sẽ cho nó một giấc ngủ vĩnh viễn, khỏi phải bao giờ thức dậy. Chúng ta đều đã rõ trường hợp này rồi, phải không ạ?

— Như vậy, - Giáo sư Van Helsing nói tiếp - đối với bá tước Dracula, khi tìm thấy chỗ ở của lão, chúng ta sẽ tìm mọi cách giữ lão ở sào huyệt để hủy diệt ngay tại đó. Nhưng cũng đừng quên lão là một kẻ cực kỳ xảo quyệt và cũng rất thông minh. Tôi từng có lần đề nghị anh bạn Arminius của mình ở trường Đại học Tổng hợp Budapest cung cấp cho các thông tin về

cuộc sống của Dracula, và ông ấy đã kể cho tôi nghe tất cả những gì ông ấy biết về nhân vật ma quái này. Có thể lão chính là tay thủ lĩnh Dracula khét tiếng đã đi vào lịch sử với cuộc vượt sông giao chiến với người Thổ ở ngay đường biên giới giáp với Thổ Nhĩ Kỳ ngày nào. Nếu quả thực là như vậy, thì lão sẽ không phải là một kẻ bình thường, bởi trong thế kỷ chiến tranh đó, và thậm chí là trong nhiều thế kỷ sau đó, người ta đã nói rất nhiều về lão như một đứa con tài ba nhất, táo bạo nhất và can đảm nhất của “đất nước phía bên kia rừng rậm”. Sự thông minh siêu phàm và ý chí không gì lay chuyển nổi của lão đã đi cùng lão xuống mồ để đến bây giờ, lão lại lòi ra sử dụng chống lại chúng ta. Theo Arminius, dòng họ Dracula là những người thuộc một dòng giống quý tộc lừng danh, trong đó có một số người trong các thế hệ kế tiếp có quan hệ mờ ám với quỷ dữ. Chúng bắt đầu dựng trường học và thuyết giảng các pháp thuật huyền bí của mình ở Scholomance, một xứ thuộc vùng núi mọc bên hồ Hermannstadt, nơi quỷ dữ nuôi dạy một trong mười đệ tử thành kẻ giống mình. Có rất nhiều tài liệu kể về kẻ này với những cái tên như *stregoica*: nghĩa là phù thủy; *ordog*: quỷ Satan; *pokol*: địa ngục. Và có một tài liệu trong số đó đã nhắc tới lão bá tước Dracula của chúng ta như một *vampir* - tức “ma cà rồng”, mà biểu hiện của nó giống y như những gì chúng ta đã hiểu quá rõ. Dracula chính là mồn mống tạo thành hàng loạt các nhân vật - nạn nhân đàn ông, đàn bà khét tiếng khác mà khi nằm dưới mồ, chúng vẫn luôn coi trái đất này là nơi cư trú duy nhất có thể được của quỷ dữ...

Mặc dù đang chăm chú lắng nghe, nhưng tôi vẫn không hiểu tại sao từ nãy đến giờ, Morris cứ nhìn hoài ra cửa sổ. Cuối cùng, anh lặng lẽ đứng dậy bước ra khỏi phòng, không giải thích lấy một câu. Van Helsing im lặng một lát rồi lại tiếp tục câu chuyện:

— Bây giờ chúng ta hãy quyết định những gì cần phải làm đi. Căn cứ vào các dữ kiện tôi vừa nêu, chúng ta phải tìm ra một lời giải cho kế hoạch của mình. Theo kết quả đi đầu tra của Jonathan, có năm chục thùng đất đã được chuyển từ lâu đài Dracula tới Whitby và tất cả đều được chở đến cất

trong ngôi nhà hoang Carfax, nhưng chúng ta cũng biết sau đó đã có người tới lấy đi một số thùng. Theo ý tôi, có lẽ trước tiên, chúng ta nên xác định xem có còn lại thùng nào trong ngôi nhà đó không, hay tất cả đã được mang đi hết rồi. Trong trường hợp này, chúng ta sẽ phải tìm...

Đang nói, ông chợt im bặt giữa chừng, khiến ai cũng ngạc nhiên. Chúng tôi còn sững sốt hơn khi bất ngờ nghe thấy một tiếng súng nổ chói lòa khiến ai cũng giật thót người: một phát đạn không rõ từ đâu phóng tới, đập tan ô kính cửa sổ, rồi nhảy thia lia trên khung cửa và cắm thẳng vào bức tường cuối phòng. Chắc chắn tôi là một kẻ nhát gan, bởi chỉ có thế mà tôi đã rúm ró, khiếp sợ, gào ầm lên như một con điên. Đám đàn ông hết hoảng đứng bặt cả dậy. Huân tước Godalming chạy vội tới bên cửa sổ nhòm ra ngoài. Chúng tôi nghe rõ tiếng Morris:

— Ngàn lần xin lỗi mọi người! Có lẽ tôi đã làm mọi người phát hoảng? Tôi sẽ kể ngay cho các vị nghe chuyện gì vừa xảy ra!

Lát sau, chúng tôi thấy Morris vội vàng quay trở lại.

— Tôi ngu ngốc quá! - Anh nói trong hơi thở hổn hển - Thưa bà Harker, tôi thành thật xin lỗi bà! Có lẽ tôi đã làm bà quá khiếp sợ. Nhưng chuyện là như thế này: trong lúc giáo sư mãi nói chuyện, có một con dơi rất to đã lao vút tới đậu trên gờ cửa sổ. Sau rất nhiều chuyện đã xảy ra, tôi bỗng cảm thấy sợ loài vật bản thủ này, đến nỗi tôi không thể không nổ súng mỗi khi nhìn thấy chúng. Tôi không biết cảm giác ấy đã xuất hiện trong tôi từ bao lâu rồi. Anh sẽ không giễu cợt tôi chứ, Arthur?

— Anh bắn có trúng không? - Van Helsing hỏi.

— Tôi e là không, bởi nó vẫn tiếp tục bay về phía cánh rừng.

Morris quay trở lại chỗ của mình và không nói gì thêm. Giáo sư Van Helsing nói tiếp những gì ông vừa định nói:

— Chúng ta sẽ phải tìm từng thùng một, và khi nào xác định được nơi chúng được chuyển đến, chúng ta sẽ hoặc là chiếm lấy chúng, hoặc sẽ giết chết Dracula ở một trong các sào huyệt này của lão. Cũng có thể là thế này: chúng ta sẽ vô hiệu hóa tác dụng của lượng đất chứa trong các thùng gỗ, để

lão không còn chỗ ẩn náu an toàn nữa. Chúng ta sẽ chơi lão khi lão còn đang ẩn trong lốt của một con người vào thời gian từ giữa trưa đến khi mặt trời lặn, tức là chúng ta sẽ chiến đấu với hắn trong lúc hắn rơi vào trạng thái yếu nhất... Còn về phần bà, Harker ạ, bà sẽ chẳng cần phải bận tâm đến một điếu gì nữa kể từ giờ cho tới khi mọi việc kết thúc. Đối với chúng tôi, bà là một người rất đáng quý, nên bà không thể phớt lờ mình ra trước không biết bao nhiêu nguy hiểm đang chờ đợi phía trước. Tối nay, bà không cần phải đặt ra cho chúng tôi bất cứ một câu hỏi nào nữa. Chúng tôi hứa sẽ kể cho bà nghe tất cả vào lúc nào thích hợp. Đám đàn ông chúng tôi có thể chịu đựng được những thử thách nghiệt ngã nhất, còn bà, một vì sao may mắn và niềm hy vọng của chúng tôi, phải luôn được an toàn trước mọi mối nguy hiểm.

Thế là tất cả mọi người, kể cả Jonathan cũng vậy, đều thở phào như vừa trút bỏ được một nỗi bận tâm mà chưa ai tiện nói ra. Tuy nhiên, tôi lại không hề muốn họ gạt tôi ra khỏi cuộc phiêu lưu này, bởi tôi nghĩ nếu đông hơn, dù chỉ thêm một người như tôi, chúng tôi vẫn sẽ mạnh hơn là khi không có tôi. Nhưng trước quyết tâm của họ, tôi chỉ còn biết im lặng chấp nhận sự ngoài cuộc như một đảm bảo an toàn cho tính mạng của riêng mình.

Im lặng từ này tới giờ, Morris chợt lên tiếng tham gia câu chuyện:

— Có lẽ chúng ta chẳng còn nhiều thời gian nữa đâu, tôi đề nghị chúng ta phải nhìn nhận xem những gì đã xảy ra trong ngôi nhà hoang. Một khi đã bàn tới con quỷ hút máu người ấy thì mỗi phút trôi qua đối với chúng ta đều rất đáng quý: hành động nhanh chóng và kịp thời, biết đâu chúng ta lại ngăn chặn được lão gây tai họa cho một nạn nhân mới ấy chứ.

Thú thực là tôi đã cảm thấy mất hết sinh khí khi hiểu rằng đám đàn ông đang chuẩn bị bắt tay vào việc ngay lập tức, nhưng tôi chẳng dại gì nói ra nỗi lo sợ của mình, bởi nếu làm thế, tôi sẽ cản trở quyết tâm của họ và từ nay về sau, họ sẽ chẳng bao giờ cho tôi tham gia thảo luận bất cứ một vấn

đề gì nữa. Bây giờ, họ đã sang ngôi nhà hoang Carfax cùng với tất cả những thứ có thể cần cho việc đột nhập vào bên trong.

Đúng là đàn ông có khác! Họ bảo tôi phải đi ngủ ngay và không được nghĩ ngợi linh tinh đi đâu gì cả. Họ cứ làm như người phụ nữ có thể ngủ ngay được khi những người cô ta yêu thương đang phải đối mặt với sự nguy hiểm không bằng!

Được thôi, tôi sẽ đi nằm và giả vờ ngủ để khi quay về, Jonathan không còn gì phải lo lắng và bận tâm về tôi cả.

Nhật ký của bác sĩ Seward

• *Ngày 1 tháng 10, 4 giờ sáng*

Chúng tôi vừa thò đầu ra khỏi cửa thì gặp ngay tay giám thị đi tới, ông ta hỏi - lại về chuyện Renfield - rằng tôi có thể tới gặp hắn ngay bây giờ được không, bởi hắn bảo hắn có chuyện rất hệ trọng muốn nói với tôi. Tôi trả lời tối nay tôi rất bận, hẹn ngày mai sẽ tới gặp hắn sớm.

— Nhưng lần này hắn có vẻ sốt ruột hơn bao giờ hết, thưa ngài. - Tay giám thị nài nỉ. - Dù rất muốn không phải như thế, nhưng tôi vẫn có cảm giác nếu ngài không tới gặp hắn ngay lập tức, thế nào hắn cũng nổi một cơn điên dữ dội nhất từ trước tới nay cho mà xem.

Tin lời ông ta, tôi bảo mấy người bạn chịu khó đứng đợi một vài phút để tôi tới gặp hắn.

— Tôi muốn được cùng đi với anh, John ạ. - Van Helsing nói. - Cuốn nhật ký của anh cho tôi thấy tay bệnh nhân này hay đấy, thỉnh thoảng hắn cũng có liên quan tới trường hợp công việc của chúng ta. Tôi rất muốn được thăm tay này lúc hắn chuẩn bị lên cơn xem sao.

— Tôi có thể cùng đi được chứ ạ? - Huân tước Godalming hỏi.

— Thế còn tôi? - Đến lượt Quincey Morris.

— Cả tôi nữa chứ? - Cuối cùng là Jonathan Harker.

Tôi gật đầu bảo tất cả có thể cùng đi.

Quả thực Renfield đang rất bần chần, nhưng tôi chưa bao giờ thấy hắn tỉnh táo và bình tâm như vậy trong cách nói năng đối với tôi. Lần này, tôi lại có dịp được thấy thêm một biểu hiện nữa trong trường hợp của hắn, một biểu hiện mà tôi chưa từng gặp ở bất cứ một bệnh nhân nào khác từ trước tới nay. Hắn tin các lý do mà hắn đưa ra không thể bị chúng tôi phản đối. Cái làm hắn muốn gặp tôi khẩn cấp ấy là xin tôi được ra viện về nhà. Hắn viện lý do rằng bây giờ hắn đã hoàn toàn bình phục và không còn một rối loạn nhỏ nhất nào về tâm thần. “Tôi sẽ hỏi chuyện các bạn ông, - hắn nói - biết đâu họ lại chẳng đánh giá tất về hiện trạng của tôi. Mà này, ông còn chưa giới thiệu với tôi...” Tôi sửng sò đến nỗi không nhớ ra rằng việc giới thiệu người khác với một thằng điên nội trú trong nhà thương của mình là một việc làm không mấy bình thường, nhưng thực tình mà nói, lúc này Renfield có một cái gì đó đáng được người khác đối xử bằng các thói quen xã giao của cuộc sống xã hội thường ngày. Vậy nên tôi chẳng còn gì phải ngần ngại khi giới thiệu những người đang có mặt với nhau: “Ngài Renfield... huân tước Godalming, giáo sư Van Helsing, ngài Quincey Morris đến từ bang Texas của nước Mỹ, ngài Jonathan Harker”.

Hắn bắt tay, nói chuyện với từng người.

— Huân tước Godalming, ở Windham, tôi đã có vinh hạnh được giúp đỡ cha ngài, tôi rất lấy làm tiếc vì ông ấy không còn nữa, đến bây giờ ngài đang mang tước hiệu của ông ấy. Ông ấy luôn dành được sự kính trọng và yêu mến của tất cả những ai biết ông ấy. Tôi nghe nói hồi còn trẻ, ông ấy đã phát minh ra một loại rượu pun được rất nhiều người sành điệu ở Derby ưa thích. Ngài Morris, ngài có rất nhiều lý do để tự hào về bang vĩ đại của mình. Việc sát nhập Texas vào Liên bang đã tạo nên một tiền lệ, mang lại kết quả vô cùng quan trọng, khi mà các bang khác cũng đang muốn cùng gia nhập dưới một lá Cờ sao. Người ta có thể dễ dàng nhận ra sức mạnh của Hiệp ước liên minh khi học thuyết Monroe có được một chỗ đứng thực sự với tư cách là một thỏa ước chính trị. Tôi biết nói thế nào về hân hạnh của mình khi được gặp giáo sư Van Helsing nhỉ? Thật có lỗi khi chưa kịp

hỏi han gì ngài theo phép xã giao tằm thường. Khi một người có một cuộc cách mạng trong phương pháp chẩn trị nhờ những khám phá về sự phát triển không ngừng của bộ não người, mọi hình thức lịch sự tằm thường đều bị thay đổi, bởi nếu đem các phép lịch sự đó áp dụng cho mình, có vẻ như người ta lại muốn chìm vị trí của những người khác xuống. Tất cả các ngài đây, hoặc là nhờ quốc tịch, hoặc là nhờ quyền thừa kế hay nhờ chính sự ưu ái của tự nhiên ban cho, đều có một chỗ đứng trong cái thế giới đang vận động điên đảo của chúng ta. Tôi xin lấy ví dụ: tôi cũng hoàn toàn lãnh lặn về thể chất và tinh thần như đại đa số những người đang hoàn toàn được quyền tự do ở ngoài kia. Thưa bác sĩ Seward, tôi tuyệt đối tin tưởng rằng với tư cách là một nhà bác học rất tốt bụng, từng nghiên cứu luật cũng như làm thầy thuốc, ngài sẽ hiểu rằng việc khám lại thật chu đáo cho trường hợp của tôi chính là một nghĩa vụ mang tính đạo đức của ngài.

Nói đến những câu cuối cùng, hẳn cố làm bộ làm tịch, tỏ ra vẻ thật tự tin và cũng không kém phần lịch sự đối với tôi.

Tôi nghĩ rằng dù chưa một lần được tiếp xúc với Renfield như tôi, những người bạn tôi cũng đang rất ngạc nhiên. Về phần mình, bất chấp những gì đã biết về các giai đoạn phát bệnh của hắn, tôi vẫn tin là hắn rõ ràng đang tìm cách bao biện cho ý định của mình. Thú thực tôi chỉ muốn nói với hắn rằng bệnh trạng của hắn quả thực đã có những tiến triển tốt đẹp và tôi sẽ đi hoàn thành mọi thủ tục để hắn có thể ra viện vào sáng mai. Nhưng nhớ lại những lần thay đổi đột ngột và thất thường của hắn, tôi lại muốn làm ngược lại, tôi muốn khuyên hắn hãy nghĩ thật kỹ trước khi đưa ra một quyết định hệ trọng như vậy. Vì vậy, tôi phải trả lời hắn rằng bệnh tình của hắn đang được cải thiện từng ngày, và tôi sẽ nói chuyện với hắn lâu hơn vào sáng ngày mai, sau đó tôi sẽ đưa ra quyết định cụ thể đối với lời thỉnh cầu của hắn.

Hắn có vẻ không bằng lòng với câu trả lời của tôi, bởi tôi thấy hắn cãi lại ngay lập tức:

— Nhưng thưa bác sĩ, tôi sợ rằng ông lại không hiểu tôi rồi. Điều tôi muốn, ấy là được ra về ngay, ngay lập tức... ngay bây giờ, ngay lúc tôi đang nói đây, nếu có thể được. Thời gian gấp lắm rồi, mà thời gian lại chính là yếu tố quan trọng nhất trong thỏa ước ngầm của chúng ta với Tử thần. Tôi nghĩ tốt hơn hết là ngài hãy thực hiện luôn những gì ngài vừa nói đi.

Hắn chăm chú nhìn tôi như chờ đợi, thấy tôi không có biểu hiện gì muốn tán thành, hắn lại quay sang cầu khẩn người khác. Không nhận được câu trả lời nào, cho dù đó chỉ là cái gật đầu, hắn gặng hỏi:

— Chẳng lẽ tôi lại nhầm với các giả định của mình?

— Đúng thế, anh đã nhầm, nhầm to nữa là đằng khác. - Tôi trả lời thẳng thừng.

Hắn im lặng một hồi lâu rồi thủng thẳng nói tiếp:

— Nếu vậy thì có lẽ tôi lại phải có một thỉnh cầu khác với ông vậy. Lần này, tôi xin được đề nghị mọi người hãy nhượng bộ đối với tôi, cho tôi một ân huệ hoặc là một ưu tiên nếu nói theo cách của ông. Lần này, tôi van xin ông không phải vì các động cơ của cá nhân tôi, mà là vì hạnh phúc của người khác. Tôi không còn nhiều thời gian để giải thích cho ông hiểu mọi lý do khiến tôi buộc tôi phải cầu khẩn ông, nhưng xin ông hãy tin rằng đó là những lý do xác đáng, không thể phủ nhận và hoàn toàn không mang một chút vụ lợi cá nhân nào. Tôi được truyền cảm hứng từ chính ý nghĩa cao cả của nghĩa vụ mà tôi thấy mình cần phải thực hiện. Thưa bác sĩ, nếu như đọc được ý nghĩ tự đáy lòng tôi thì chắc là ông sẽ hoàn toàn ủng hộ những tình cảm đang thúc giục tôi. Mà có khi ông còn coi tôi là một trong những người bạn thân thiết nhất và trung thành nhất của mình nữa ấy chứ.

Dứt lời, hắn lại đưa mắt chăm chú nhìn chúng tôi khắp lượt. Lúc này, tôi bắt đầu ngờ rằng sự thay đổi đột ngột trong cách xử sự của hắn chỉ là một hình thức khác, hoặc chính xác hơn là một giai đoạn khác của bệnh điên. Và tôi tự nhủ mình cần phải chờ xem điều gì sẽ xảy ra, bởi qua kinh nghiệm nhiều năm tích lũy được về người điên, tôi hiểu căn bệnh của hắn

lại sắp tái phát. Không hiểu Van Helsing đang nghĩ gì, bởi từ nãy tới giờ ông vẫn nhủu mày quan sát từ đầu đến chân hắn, ông chợt hỏi hắn bằng một giọng mà lúc mới nghe, tôi thấy không có gì phải ngạc nhiên, nhưng lát sau, chỉ khi nghĩ lại, tôi mới thấy có cái gì đấy khang khác. Rõ ràng ông đang xem hắn như một người hoàn toàn tỉnh táo chứ không phải là một bệnh nhân tâm thần:

— Anh không thể giải thích cho chúng tôi nghe tại sao anh muốn rời khỏi đây nay tối nay hay sao? Tôi tin chắc rằng nếu anh không giấu giếm tôi đi đâu gì. Tôi nói là tôi, một người nước ngoài lúc nào cũng chịu hiểu mọi đi đâu và không hề có định kiến gì với anh: thì thế nào bác sĩ Seward sẽ có trách nhiệm để anh ra viện cho mà xem.

Hắn lắc đầu bu ãn bã. Nhìn nét mặt hắn, tôi biết hắn đang luyến tiếc một đi đâu gì đó. Giáo sư không tỏ vẻ quan tâm đến nỗi chán chường của hắn mà nói tiếp:

— Thế nào, anh bạn? Cứ nghĩ kỹ đi. Anh nói là anh đã bình phục, anh muốn chứng minh cho chúng tôi thấy lý trí của anh đã trở lại bình thường, nhưng chúng tôi vẫn thấy nghi ngờ bởi anh chẳng làm gì để chứng minh được đi đâu đó, Nếu anh không giúp đỡ chúng tôi trong cuộc trắc nghiệm này thì làm sao bác sĩ Seward có thể đồng ý với anh được? Một lần nữa, tôi khuyên anh nên nghĩ cho thật kỹ, hãy giúp đỡ chúng tôi, hãy cứ tin ở tôi, anh bạn ạ, quả thực tôi rất mong anh được tự do!

— Thưa bác sĩ Van Helsing, - Hắn lắc đầu trả lời - tôi chẳng thể nói gì được đâu. Lập luận của ngài quả thật không thể bắt bẻ gì được, nếu chỉ vì mình tôi, chắc chắn là tôi chẳng ngại gì mà không nói cho ngài biết, nhưng vì tôi không phải là người duy nhất trong vụ việc này. Tôi chỉ có thể đề nghị ngài hãy tin ở tôi. Nếu không để tôi đi khỏi đây, thì xin thưa với bác sĩ Seward rằng tôi sẽ hoàn toàn không chịu trách nhiệm đối với những gì có thể xảy ra đâu nhé.

Thấy đã đến lúc phải chấm dứt cuộc nói chuyện vô bổ, tôi bỏ ra ngoài cửa và nói với vào:

— Thôi nào, các bạn, chúng ta đi làm việc thôi. Tạm biệt Renfield nhé!

Tuy nhiên, lúc tôi chuẩn bị mở cửa, tên bệnh nhân bỗng thay đổi ngay thái độ. Hắn lao nhanh về phía tôi, khiến tôi phải hốt hoảng thốt lên một tiếng, vì tưởng rằng hắn lại định giết tôi, nhưng tôi đã nhầm, hắn chỉ chìa hai tay khẩn khoản nhắc lại đề nghị của hắn với tôi. Mặc dù có vẻ hiểu cách nài nỉ kiểu như vậy là hơi quá, nhưng hắn vẫn càng lúc càng tỏ ra gấp gáp và thống thiết hơn. Song tôi vẫn nhất quyết không chấp nhận đề nghị của hắn, tôi đẩy hắn lùi lại và bảo hắn đừng mất thời gian vô ích. Đây không phải là lần đầu tiên tôi thấy hắn nhún mình hết mức khi hắn muốn ngay lập tức đạt được một ân huệ nào đó mà hắn cho là tối quan trọng, ví dụ như hôm hắn nài nỉ tôi mang cho hắn một con mèo chẳng hạn. Cũng như hôm đó, tôi tưởng hắn mặc dù vẫn tỏ thái độ bất cần - cuối cùng cũng sẽ phải chấp nhận sự từ chối của tôi. Nhưng lần này thì không.

Nhận thấy có đề nghị tôi mãi cũng vô ích, hắn bắt đầu phát cuồng. Hắn quỳ sụp xuống đất hay tay dang trước mặt tôi rồi lay lên, lay xuống, hông đánh vào lòng trắc ẩn của tôi. Nước mắt giàn giụa, nét mặt sầu thảm hết mức, hắn lại tiếp tục bài diễn văn dài dằng dặc với tôi.

— Làm ơn đi, bác sĩ Seward, tôi van lạy ông đấy! Hãy cho phép tôi rời khỏi ngôi nhà này ngay bây giờ đi! Tôi chẳng cầu nệ cung cách tiễn đưa gì đâu! Ông cứ cho bảo vệ mang roi da, xích sắt bám theo tôi cũng được; họ có thể lồng tôi vào áo trói, còng tay, xích chân, cùm cổ tôi... Nhưng vì tình yêu dành cho Chúa, ông hãy để tôi ra khỏi đây nhé! Nếu cứ buộc tôi phải ở nhà thương này, ông sẽ là người cố tình phớt lờ đi một điếu độc ác, mà ông làm vậy là vì cái gì chứ? Xin ông hãy tin rằng những lời tôi nói đều xuất phát từ sâu thẳm nơi đáy lòng tôi! Xin ông hãy rủ lòng thương kẻ khốn nạn này! Vì tất cả những gì linh thiêng nhất, thân thiết nhất đối với ông trên thế gian này, vì tình yêu mà ông đã để mất, vì niềm hy vọng còn vương trong lòng và vì Chúa tối cao, xin ông hãy cho tôi ra khỏi đây và hãy cứu vớt linh hồn tội lỗi của tôi! Ông vẫn nghe tôi nói đấy chứ, ông bác sĩ? Ông có hiểu tôi nói không. Chẳng lẽ ông lại không nhận ra sự bình phục về

thể chất và tinh thần của tôi hay sao? Chẳng lẽ ông lại nghĩ tôi nói năng không nghiêm túc hay sao? Tôi hoàn toàn không phải là một thằng tâm thần đang lên cơn điên, mà là một người có đầy đủ lý trí, ai sẽ cứu vớt tâm hồn của tôi đây? Hãy để cho tôi đi! Để cho tôi đi!

Tôi nghĩ rằng cảnh này càng kéo dài bao nhiêu thì hấn sẽ càng dễ tỏ ra kích động bấy nhiêu, và nếu vậy, chưa biết chừng hấn sẽ nổi cơn điên thật đấy chứ.

— Nào, thôi đi! - Tôi nói nghiêm túc. - Như thế là đủ rồi đấy! Anh lên giường nằm nghỉ cho trấn tĩnh lại đi?

Hấn bất lực nhìn tôi chằm chằm. Rồi chẳng nói chẳng rằng, hấn lồm lỏi đứng dậy đi vào giường ngủ rồi.

Đợi cho các bạn tôi ra trước, tôi đứng nhìn hấn một lần nữa rồi bỏ đi. Trước khi khuất tầm mắt, tôi còn nghe hấn nói với theo một câu, giọng rất bình thản và cũng không kém phần lịch sự:

— Bác sĩ Seward này, tôi hy vọng là ngài sẽ không bao giờ quên rằng tối nay tôi đã làm tất cả những gì có thể để thuyết phục ngài rồi đấy nhé!

Nhật ký của Jonathan Harker

• Ngày 1 tháng 10, 5 giờ sáng

Tôi cùng mọi người đến nhà Carfax trong một tâm trạng thật thoải mái, bởi chưa bao giờ tôi thấy Mina khỏe khoắn và tự tin đến thế. Nếu như để cô ấy trực tiếp tham gia vào công việc của chúng tôi thì thế nào cô cũng khó tránh được những cơn ác mộng, nhưng may quá bây giờ cô ấy đã chịu để chúng tôi hành động một mình, nên tôi cũng phần nào yên tâm. Vả lại, tôi còn hy vọng cô ấy đang nghĩ mình đã làm cái đi đầu cần phải làm rồi: tất cả các chi tiết nhỏ nhặt nhất đã được tập hợp lại, nếu như có ích cho chúng tôi thì chẳng phải là nhờ công sức và sự thông minh của cô đó là gì?

Tôi tin rằng tất cả chúng tôi đều bị ám ảnh sau cuộc viếng thăm Renfield. Từ lúc ra khỏi phòng hắc, chúng tôi chẳng ai nói với ai một lời. Chỉ tới khi trở về phòng làm việc của Seward, tôi mới thấy Morris lên tiếng:

— John này, nếu như Renfield không phải là kẻ lừa bịp, thì đây quả là một thằng điên có lý trí nhất mà tôi từng thấy từ trước tới nay! Tôi không dám phán lung tung, nhưng hình như trong đầu hắn đang nung nấu một đi đầu gì đó thật sự nghiêm túc thì phải, bởi vậy, ông nên để mắt tới hắn!

Tôi và huân tước Godalming không thấy có gì đáng chú ý, nhưng bác sĩ Van Helsing lại khác, ông nói:

— Anh bạn John ạ, tôi thật vui mừng khi thấy anh là người đã hiểu mọi giai đoạn phát bệnh của các bệnh nhân tâm thần hơn tôi, bởi nếu là người phải ra quyết định, có lẽ tôi đã cho thả Renfield ngay trước khi hắn rơi vào tình trạng quá khích như vậy. Nhưng cho tới lúc này, càng ngày chúng ta càng hiểu rõ những gì liên quan đến mình, vì vậy, như anh bạn Quincey đã nói, chúng ta không thể làm bừa một đi đầu gì khi công việc chúng ta đang

đảm đương là một nhiệm vụ cực kỳ nguy hiểm. Mọi sự đều diễn ra tuân theo chiều hướng vốn phải có của chúng.

Dường như bác sĩ Seward định trả lời cả hai người cùng lúc thì phải:

— Đúng là như vậy. Nếu hắn giống như nhiều bệnh nhân khác, tôi sẽ chẳng ngại gì mà không cho hắn thấy rằng tôi rất tin tưởng ở hắn. Nhưng đằng này, cách xử sự của hắn lại có vẻ tùy thuộc rất nhiều vào chuyện đi lại của lão bá tước. Nếu để hắn đi mà không chú ý tới tính khí thất thường của hắn, tôi sẽ phạm phải một sai lầm không thể tha thứ được. Có lần, đứng trước mặt tôi, hắn đã luôn mồm lái nhái gọi lão bá tước là “Đức ông” và “Ông chủ” của hắn. Tôi nghi có thể hắn đang chuẩn bị giúp Dracula thực hiện một sứ mệnh ma quỷ nào đó, con quỷ này có khả năng sai khiến chó sói và lũ chuột bẩn thỉu, đó là chưa nói đến các thực thể giống y như lão: vậy thì làm sao hắn không nghĩ tới việc bắt một thằng điên phải phục tùng mình kia chứ? Đúng, có vẻ như Renfield đã nói năng rất nghiêm túc, tôi nhận ra điều đó mặc dù cũng biết rất rõ về căn bệnh của hắn. Tôi hy vọng chúng ta làm đúng những gì cần phải làm. Nhưng điều này lại xảy ra đúng vào lúc chúng ta đang tiến hành các cuộc tìm kiếm tang tóc, nên tôi sợ sẽ làm nhụt ý chí của mọi người.

Giáo sư mỉm cười bước tới vỗ vai Seward và trấn an:

— Anh bạn thân mến ạ, đừng lo ngại gì cả! Đúng là chúng ta đang nỗ lực đảm đương một sứ mệnh thực sự khủng khiếp, và chúng ta chỉ có thể hành động bằng một lý trí mà chúng ta thấy là đúng đắn nhất, nhưng thiết tưởng cũng nên hy vọng ở lòng nhân từ của Chúa chứ!

Không hiểu ít phút trước, Huân tước Godalming bước ra ngoài làm gì, chỉ thấy khi quay trở lại, anh đang tung hứng một chiếc còi bạc trên tay.

— Có thể ngôi nhà ấy sẽ đầy nhưng nhúc chuột. - Anh giờ chiếc còi ra trước mặt chúng tôi và giải thích. - Tôi có cái này để đuổi lũ vật bẩn thỉu ấy ra chỗ khác.

Chúng tôi lặng lẽ đi về phía ngôi nhà bị bỏ hoang, nép dưới các tán lá cây để tránh nguy cơ bị lộ vì ánh trăng có thể bất ngờ ló rạng sau các đám

mây bất cứ lúc nào. Tới trước cửa ngôi nhà, Van Helsing mở túi xách lấy ra hàng tá những đồ vật nhỏ và đặt xuống ngưỡng cửa thành bốn đụn nhỏ, rõ ràng là mỗi đụn ấy được sẽ được chia cho mỗi người trong chúng tôi.

— Các bạn ạ, - Ông giải thích - chúng ta đang phải đương đầu với một thách thức cực kỳ nguy hiểm, bởi vậy, cần phải có đủ loại vũ khí. Mỗi đe dọa từ kẻ thù không chỉ là khả năng ra lệnh cho các linh hồn. Nên nhớ rằng chỉ một mình lão cũng thừa sức để địch lại cả hai chục người gộp lại. Với quyền năng đầy mình của lão, việc chúng ta đánh lão bị thương còn khó chứ chưa nói gì đến chuyện... Vả lại, nếu bị thương, lão còn nổi điên khiến chúng ta khốn khổ hơn gấp vạn lần ấy chứ. Bởi vậy, cẩn thận một chút vẫn hơn. Anh đeo cái này lên ngực đi - ông đưa cho tôi một cây thánh giá nhỏ, bởi tôi là người đứng gần ông nhất - và cả tràng hoa này nữa - ông đưa tiếp cho tôi một tràng hoa tỏi khô để quàng lên cổ. - Cần luôn lấy khẩu súng ngắn và con dao, chúng ta vẫn chưa biết còn có kẻ thù nào khác nữa. Mỗi người cần lấy một cái đèn cật vào áo vét, và hãy nhớ lấy điếu này: tất cả chúng ta, không ai được phép lơ mọ đi lung tung trong nhà đây, nhớ chưa?

Ông cần một chiếc bánh thánh bỏ vào một bì giấy nhỏ rồi đưa cho tôi. Những người còn lại cũng nhận được số “vũ khí” tương tự như của tôi:

— Mà này, John, mấy cái móc khóa đâu rồi nhỉ? - Giáo sư hỏi bác sĩ Seward.

— Nếu mở được cửa lớn, chúng ta sẽ không phải trèo qua cửa sổ như lũ trộm. Hôm ở nhà Lucy, chúng ta cũng đã làm như vậy mà.

Loay hoay một lúc Seward mới chọn được một chiếc móc vừa với ổ khóa ngôi nhà. Đối với anh, chỉ cần thế là đủ để mở khóa cửa. Cánh cửa nặng nề nghiêng ken két khi bị đẩy vào. Tiếng kêu ấy làm tôi nhớ ngay đến hình ảnh bác sĩ Seward cùng mấy người vào nhà mồ của gia đình Westenra mà anh đã kể lại trong nhật ký. Hình như những người còn lại cũng đang có liên tưởng như tôi, bởi họ bỗng cùng lúc đứng sững cả lại, Giáo sư Van Helsing là người quyết định bước vào trước.

— *In manus tuas, Domine!* - Ông lẩm bẩm niệm đi đâu gì đó khi bước qua ngưỡng cửa.

Chúng tôi thận trọng khép cửa lại. Lúc này, mỗi người chỉ còn chú ý đến ánh đèn rọi từ tay mình. Giáo sư cẩn thận kiểm tra lại chốt cửa để phòng trường hợp chúng tôi phải khẩn cấp chạy tháo lui. Cuộc đi đầu tra ngôi nhà bỏ hoang bắt đầu.

Trong vệt sáng vàng ệch từ cây đèn pin nhỏ, tôi thấy đồ vật nào ở đây cũng mang một hình thù quái dị. Đã thế, ánh đèn của người này thỉnh thoảng lại dọi loáng qua người khác, khiến cho cái bóng của chính chúng tôi cũng trở nên rất đáng sợ. Tôi không thể xua đuổi được cái cảm giác chúng tôi không phải là những người duy nhất có mặt trong ngôi nhà tối tăm này. Có lẽ hồi ức kinh hoàng ở Transylvanie đã bất thần trở lại với tôi giữa đêm đen lạnh lẽo nơi đây. Tuy nhiên, tôi tin rằng không riêng gì tôi, mà tất cả những người bạn kia cũng có chung một cảm giác lo ngại như tôi, bởi cứ mỗi lần nghe thấy một tiếng động nhỏ, hoặc bất giác ngờ ngợ thấy một cái bóng đồ dài lên tường, là ai nấy đều giật mình ngoảnh lại nhìn.

Trong nhà, chỗ nào cũng đầy bụi là bụi. Tôi có cảm giác trên nền nhà, trừ những chỗ mới có dấu chân người, bụi dày đến cả đốt ngón tay. Các bức tường cũng vậy, bụi bám lờ lờ như một lớp lông bần thiêu; ở các góc tường, bụi bám thành mảng trên các lớp mạng nhện treo lơ lửng khiến cho tôi tưởng trên đầu mình đang lơ lửng những mảnh vải bố bị xé rách nham nhỏ. Trên một mặt bàn kê ngoài hành lang, có một xâu chìa khóa to bự, ở mỗi chìa đều có gắn một mảnh nhựa ghi số phòng đã bị ố vàng bởi thời gian. Có vẻ như những chiếc chìa khóa này đã được sử dụng không ít lần, bởi tôi thấy những vệt nhỏ kéo dài trên lớp bụi ở mặt bàn rất giống với những đường rãnh khi giáo sư vừa nhấc xâu chìa khóa lên.

Giáo sư cầm xâu chìa khóa và quay sang bảo tôi:

— Jonathan này, anh là người biết rõ ngôi nhà này hơn ai hết, anh lại có trong tay các bản hoành đồ của ngôi nhà, hoặc ít nhất là các bản sao, mà

chắc chắn là anh đã bỏ nhiều thời gian để nghiên cứu, vậy thì anh vẫn còn nhớ điện thờ của ngôi nhà này nằm ở chỗ nào chứ?

Tất nhiên là tôi biết rất rõ vị trí nhà thờ nằm ở đâu, cho dù trong lần đầu tiên tới thăm ngôi nhà này, tôi vẫn chưa có dịp được vào trong đó. Tôi dẫn mọi người đi lòng vòng qua mấy khúc hành lang, đến trước một ô cửa bằng gỗ sồi có khung vòm bên trên.

— Đúng là đây rồi! - Giáo sư vừa nói vừa vội đèn kiểm tra bản sao bức hoành đờm mà tôi từng sử dụng khi mua ngôi nhà.

Phải thử một lô chìa ông mới tìm được một chiếc vừa ổ khóa. Chúng tôi chờ đợi một điếu gì đó rất khó chịu sắp xảy ra. Quả thực là lúc cánh cửa chỉ vừa hé mở, mùi hôi thối nồng nặc đã lập tức xộc ra, khiến chúng tôi lập tức mừng rỡ tới cảnh phải hít thở cái không khí tởm lợm khi phải bước vào bên trong.

Ngoại trừ tôi, chưa có ai trong nhóm được nhìn thấy lão bá tước. Về phần mình, lúc tôi nhìn thấy lão là lúc lão hoặc đang rúc ở đâu đó trong các căn phòng bụi bặm của mình, hoặc đang đầy mọng máu trong một ngôi nhà đồ gầy như ở ngoài trời. Nhưng nơi chúng tôi đang đứng đây lại hoàn toàn chật chội và kín như bưng với một bầu không khí tù hãm không biết từ đời thuở nào. Tôi cảm thấy có mùi của đất, và càng lúc càng cảm thấy rất một mùi chướng khí tràn ngập. Tôi thật không biết phải mô tả như thế nào về bản chất thực có của cái mùi xú uế ấy. Không chỉ tất cả những tà ác gây nên chết chóc trên đời được nhập vào đấy, mà dường như chính bản thân sự thối rữa cũng đang biến chất để làm nên cái địa ngục này. Chỉ nghĩ thế thôi cũng đủ làm tôi sinh bệnh rồi! Mỗi hơi thở của quỷ dữ dường như đều gắn với từng hòn đá trên bốn bức tường của điện thờ!

Có lẽ trong những tình huống khác, chỉ cần nghĩ thế thôi là chúng tôi cũng phải bỏ cuộc rồi. Nhưng trước mắt chúng tôi là một cái đích quan trọng và hệ trọng, đến mức chúng tôi buộc phải vượt qua những trở ngại kinh tởm nhất. Sau khi đứng vững lại và nhảy giật lùi theo phản xạ tự

nhien, chúng tôi lại sức nhớ tới công việc nên cứ phải coi nơi đây như một vườn h ồng.

— Trước hết, - Giáo sư nói - cần phải xem còn lại bao nhiêu thùng gỗ nữa. Phải kiểm tra mọi góc ngách, hang hốc và mọi dấu vết có thể giúp chúng ta phát hiện ra một cái gì đó!

Chúng tôi không gặp trở ngại gì khi đếm các thùng gỗ, bởi thực ra đó toàn là những hòm gỗ có kích cỡ khá lớn. Không thể có chuyện nhầm được! Tổng số theo giấy tờ là năm mươi thùng, nhưng ở đây chỉ còn lại hai mươi chín! Trong khi đếm, đã có lúc tôi giật mình sợ run khi thấy huân tước Godalming bất ngờ quay ra kiểm tra cánh cửa đang khép hờ nhìn ra ngoài một hành lang tối đen. Tim tôi như muốn nhảy khỏi lồng ngực. Tôi có cảm giác ánh mắt sáng quắc của lão bá tước đang nhìn xuyên qua cái màn đêm tưởng như có thể sờ được kia, rồi tôi hình dung ra dưới con mắt ấy là cái mũi khoằm, đôi môi mọng đỏ nổi bật trên bộ mặt lúc nào cũng trắng bệch... Khoảng một phút sau, huân tước Godalming quay trở lại, miệng lầm bầm: “Cứ tưởng một thằng chết giẫm nào, hóa ra chỉ là mấy cái bóng vớ vẩn.” Tôi cẩn thận lia đèn ra cửa và ngoài hành lang, nhưng rõ ràng là không có ai cả. Ở đây không có góc ngách, không có cửa giả, cũng chẳng có một khe hẻm nào, tất cả chỉ là những bức tường phủ đầy bụi. Tôi phải kiểm tra để chắc chắn rằng trong này không có chỗ để một kẻ nào đó có thể ẩn náu - kể cả lão. Sự sợ hãi đã biến tôi thành nạn nhân cho sự tưởng tượng của chính mình. Tuy nhiên, ai dại gì hé răng nói ra chuyện này.

Vài phút sau, đang ngó nghiêng kiểm tra một góc nhà thờ, Morris bỗng hốt hoảng nhảy ngược trở ra. Chúng tôi giật mình đổ dồn mắt về phía anh. Người tôi lạnh toát mồ hôi khi thoáng nhận ra những đốm sáng lập lờ như những ánh lân tinh ẩn hiện lao vút qua trước mặt. Chúng tôi lập tức lùi lại theo bản năng. Chỉ trong nháy mắt, không biết cơ man nào là chuột chạy náo loạn trong nhà thờ hoang.

Cảnh tượng trước mặt làm chúng tôi thực sự khiếp sợ. Chỉ có huân tước Godalming vẫn tỏ ra bình thản như không, có vẻ như anh đã lường trước

được sự việc. Anh lao nhanh tới ô cửa gỗ sồi, rút then, mở toang cánh cửa, rồi lấy chiếc còi bạc thổi liên một hơi. Nghe thấy tiếng còi rên rỉ như tiếng mèo hen, lũ chó sau nhà thương điên cuồng loạt sủa inh ỏi cả một vùng. Khoảng hơn một phút sau, có ba con chó săn thú hoang lập tức chạy vòng vào góc ngôi nhà hoang. Chúng tôi vẫn lùi lại một cách vô thức. Lùi đến gần cửa, tôi để ý thấy lớp bụi ở đây cũng đã bị giày xéo bởi nhiều vết giầy: hẳn là các thùng gỗ bị thiếu kia đã được chuyển qua lối này. Nhưng đó cũng chính lúc thêm một đàn chuột khác thành linh ào tới hợp bọn với lũ chuột trước tạo nên một cảnh tượng náo loạn, hãi hùng trước mắt chúng tôi. Chúng chạy tràn ra khắp nhà thờ cùng những tiếng kêu chí chóe lạnh gáy, con nào con nấy mắt sáng quắc như đom đóm lập lòe dưới nền đất. Mấy con chó hung hăng định nhảy xổ vào, nhưng không hiểu sao vừa đến ngưỡng cửa, chúng bỗng khựng cả lại, gằm gừ, tru tréo hét như loài sói. Đàn chuột, dễ có đến cả nghìn con, tiếp tục hoành hành điên loạn trong nhà thờ. Chúng tôi hốt hoảng nhảy bổ ra ngoài cửa.

Huân tước Godalming ôm xốc một con chó quăng vào trong nhà thờ. Chân vừa chạm đất, con chó chuyên săn thú hoang lập tức lấy lại sự can đảm vốn có và lao vào tàn sát không thương tiếc các đối thủ không đội trời chung của nó. Loáng một cái nó đã giết chết tươi hơn hai chục con chuột, nhưng cũng chỉ trong chừng ấy thời gian, lũ chuột đã tháo chạy tan tác, chúng trốn nhanh đến nỗi không để lại một cơ hội sát thủ nào cho hai con chó còn lại vừa lao vào trong nhà.

Lũ chuột đột ngột biến mất khiến chúng tôi cảm thấy quý dữ cũng vừa tháo lui. Lũ chó vẫn lảng xảng lung sục khắp nhà, đuôi ve vẩy như rất vui mừng với chiến công vừa lập được. Chúng có vẻ rất khoái nhìn xác chết của những con chuột thiếu may mắn trên nền nhà. Chúng tôi thấy mình như vừa được tiếp thêm lòng can đảm. Không hiểu là do sự xuất hiện của mấy con chó săn, do bầu không khí tù hãm trong phòng đã được giải phóng khi các cánh cửa nhà thờ được mở toang, hay do tiếng thở phào của chính mình khi cảm thấy mình không còn bị nhốt kín nữa, nhưng dù thế nào thì

mối đe dọa đè nặng lên chúng tôi cũng phần nào được trút bỏ giống như người ta vừa trút bỏ được một mảnh áo bẩn thủ khó chịu. Lũ chuột đi r ễ, chúng tôi lại khóa cửa nhà thờ, cài chốt, chằng dây xích và bắt đầu đi lục soát toàn bộ ngôi nhà. Vẫn không có gì đặc biệt nếu không phải là bụi, bụi phủ dày khắp các phòng còn lại, và điều đáng lưu ý là không có chỗ nào có dấu chân người, ngoại trừ những dấu chân do chính tôi để lại trong lần đến thăm nhà lúc trước để làm thủ tục môi giới. Không thấy lũ chó có biểu hiện gì đặc biệt, kể cả lúc chúng tôi quay trở lại nhà thờ cũng vậy. Chúng chỉ chạy lăng xăng như thể đang được đi săn thỏ rừng trong một ngày đẹp trời vậy.

Khi chúng tôi ra ngoài cổng ngôi nhà cũng là khi một ngày mới sắp sửa bắt đầu. Van Helsing cẩn thận khóa cửa và bỏ chiếc chìa khóa vào túi. Tôi không rõ ông tháo chiếc chìa này từ đâu chìa khóa trong nhà từ lúc nào.

— Tốt r ễ! - Ông nói. - Vậy là cuộc đi ều tra của chúng ta đêm nay đã diễn ra êm xuôi! Chúng ta đã biết có bao nhiêu thùng gỗ được chuyển đi. Hơn nữa lại không phải đối mặt với bất cứ sự nguy hiểm nào như tôi vẫn lo. Nhưng đi ều làm tôi vui nhất là chúng ta đã hoàn thành bước đầu của công việc mà không có sự tham gia của Mina, vì thế cô ấy sẽ không sợ bị ám ảnh bởi những cơn ác mộng trong nhà thờ vừa r ễ. Hơn nữa, cuộc đi ều tra này cũng cho chúng ta thấy một đi ều khá thú vị, nếu như không phải là một kết luận chắc chắn về một vấn đề khác hẳn: những con ôn vật ghê tởm chịu sự sai khiến của lão bá tước không phải lúc nào cũng tuân theo quy ền năng tâm linh thu ần túy của lão. Hãy cứ nhìn đàn chuột mà xem, các bạn sẽ thấy chúng xuất hiện ào ào khi có lệnh của lão, giống như trường hợp lão gọi bầy sói đến khi anh đòi ra khỏi lâu đài Dracula ấy, Jonathan ạ, nhưng r ễ cũng biến mất ngay lập tức khi nhìn thấy những chú chó nhỏ kia! Đúng là chúng ta chỉ đang bắt đầu ở vào một thử thách. Đây không phải là lần duy nhất hay lần cuối cùng con quỷ này sai khiến thế giới thú vật bằng quy ền năng của mình. Lão chỉ tạm thời biến mất trước khi tặng chúng ta một dịp được reo vui là “lão đã thất bại!” Cuộc chơi sẽ còn dài đấy. Bây

giờ, chúng ta về nhà đi. Trời cũng sắp sáng rồi. Vậy là hôm nay, chúng ta đã có thể bằng lòng với đêm làm việc đầu tiên của mình.

Lúc trở về, tôi không thấy có gì đặc biệt trong nhà thương điên còn đang chìm trong giấc ngủ của bác sĩ Seward, ngoại trừ những tiếng kêu oai oái của một kẻ bất hạnh nào đó ở một phòng cuối hành lang, hoặc những tiếng rên rỉ trong phòng Renfield. Chắc là đầu óc hắn đang bị giày vò ghê gớm lắm, bởi đây là đi đầu vẫn thường thấy ở những người bị rối loạn tâm thần.

Tôi rón rén đi về phòng. Mina vẫn đang chìm trong giấc ngủ, hơi thở của cô chậm và nhẹ đến nỗi tôi phải ghé sát người xuống mới nghe được. Chỉ tới lúc này tôi mới giật mình để ý thấy cô có vẻ xanh xao hơn bình thường. Mong sao cuộc họp hôm qua không làm cô nghĩ ngợi nhiều! Thật may cô không tham gia các cuộc đi đầu tra, tìm kiếm hoặc các quyết định của chúng tôi nữa. Rất có thể cô sẽ lo sợ khi nghe chúng tôi bàn về một vài đi đầu gì đó. Tuy nhiên, biết đâu việc chúng tôi giấu cô có khi còn làm cô khùng hoảng hơn nếu một lúc nào đó, cô bỗng nghi ngờ chúng tôi muốn cô lặng thinh về chuyện này hay chuyện khác.

Có thể trong thời gian tới, chúng tôi sẽ cố gắng để cô tuyệt đối không nghi ngờ gì về các quyết định và công việc của mình - ít nhất là cho đến lúc chúng tôi có thể thông báo cho cô biết rằng cơn quỷ khát máu kia đã vĩnh viễn bị loại bỏ khỏi trái đất này. Đối với tôi, giữ im lặng hoàn toàn không phải là một việc dễ dàng, nhất là khi hai chúng tôi có thói quen cái gì cũng tâm sự cho nhau nghe. Nhưng tôi đã quyết rồi, khi cô ấy thức dậy, nhất định tôi sẽ không kể gì về chuyện vừa xảy ra trong đêm. Nếu cô ấy có gắng hỏi, tôi cũng chỉ ậm ừ cho qua chuyện. Trời sắp sáng hẳn, tôi rón rén tới nằm nghỉ trên ghế trường kỷ để khỏi làm phiền giấc ngủ của cô.

• *Ngày 1 tháng 10, một lúc sau*

Chắc là không có chuyện gì bất bình thường khi chúng tôi ngủ một mạch tới tận trưa, vì cả ngày lẫn đêm hôm trước, chúng tôi chưa hề được ngủ lưng một lúc nào. Mina chắc cũng rất mệt, bởi tôi - người thức dậy đầu

tiên - đã phải hai, ba lần lay gọi cô mới chịu tỉnh. Cô ngủ say đến nỗi không nhận ngay ra trước mặt mình đang có người. Cô ngờ ngác và sợ hãi nhìn tôi cứ như người vừa trải qua một cơn ác mộng khủng khiếp vậy. Thấy cô kêu mệt, tôi bảo cô cứ nán lại trên giường thêm ít phút nữa rồi dậy cũng được... Bây giờ, chúng tôi đã biết có hai mươi một thùng gỗ đã biến mất trong ngôi nhà bỏ hoang. Bởi vậy, tôi phải đi điều tra cho rõ số thùng thiếu đó đã được chuyển đi đàng nào. Hôm nay, tôi sẽ tới nhà Thomas Snelling.

Nhật ký của bác sĩ Seward

• Ngày 1 tháng 10

Tôi thức dậy khi trời đã gần trưa. Van Helsing có mặt trong phòng tôi từ lúc nào tôi cũng không rõ. Trông ông có vẻ hồ hởi ra mặt, đây là điều rất ít thấy ở ông. Có lẽ những gì chúng tôi vừa phát hiện được đã làm cho tinh thần ông thoải mái hơn. Ông bắt đầu câu chuyện bằng việc nhắc lại một chút về cuộc đi điều tra đêm hôm qua, rồi chuyển sang nói về vấn đề bệnh nhân Renfield:

— Tay bệnh nhân của anh làm tôi chú ý đấy. Hôm nay, tôi có thể gặp hẳn một lần nữa được không? Nếu được, anh cứ để tôi đến với hẳn một mình cũng được. Tôi thấy trường hợp của hẳn cũng hay hay. Một thằng điên lại biết nói chính xác về lý luận và triết học mới chết chứ!

Quả thật hôm nay tôi rất bận, bởi vậy tôi phải bảo ông đến phòng Renfield một mình vì không muốn ông phải đợi cho mất thời gian. Tôi gọi một tay giám thị tới dặn mấy điều cần thiết và bảo anh ta dẫn ông đi. Nhưng trước khi ông bước ra khỏi phòng, tôi vẫn nhắc ông phải dè chừng.

— Tôi chỉ định nói chuyện về chính hẳn - Ông đáp lại - và nỗi đam mê đã thúc đẩy hẳn nuốt sống các côn trùng thối mà. Hôm qua, tôi có đọc nhật ký của anh và biết rằng hẳn đã nói chuyện với Mina. Nhưng anh cười cái gì vậy, John?

— Xin lỗi, nhưng lời đáp cho câu hỏi của ngài lại nằm ở đây - Tôi nói và đặt tay lên xấp giấy đánh máy - Khi tay bệnh nhân điên có lý trí và có giáo dục của chúng ta bàn về thói quen ăn các thực thể sống với tôi, quả thực mồm miệng hắn vẫn còn dính nhoe nhoét chân nhện và chân ruồi mà hắn vừa mới ăn ngay trước khi bà Harker bước vào phòng.

Van Helsing phì cười.

— Anh có một trí nhớ tuyệt đấy, anh bạn ạ! Lẽ ra tôi cũng nên nhớ chi tiết này mới phải. Tuy nhiên, cũng chính những khiếm khuyết tương tự trong suy nghĩ và trí nhớ lại là một sức hút lôi cuốn người ta nghiên cứu về các bệnh nhân tâm thần. Biết đâu khi tìm hiểu về căn bệnh điên qua biểu hiện lạ lùng của Renfield, tôi lại chẳng biết thêm về sự thông thái của con người! Ai mà biết được?

Nói đến đây, tôi phải đến văn phòng để bắt đầu công việc. Thời gian sao trôi nhanh quá, ngoảnh đi ngoảnh lại đã thấy giáo sư quay lại.

— Tôi không làm phiền anh đấy chứ?

— Không, ngài cứ việc vào! - Tôi trả lời. - Tôi cũng vừa giải quyết xong mấy việc cần làm, bây giờ tôi có thể dẫn ngài đi nếu ngài còn muốn.

— Khỏi cần đi! Tôi đã gặp hắn rồi!

— Thế hả?

— Chỉ sợ hắn nghĩ về tôi chẳng ra gì. Cuộc nói chuyện thật chóng vánh. Khi tôi vào, hắn đang ngồi chồm hồm trên chiếc ghế đầu đặt giữa phòng, hai tay chống cằm, mặt lì lợm, khó chịu. Tôi cố gắng hỏi chuyện hắn bằng một thái độ vui vẻ và rất tôn trọng hắn, nhưng hắn vẫn không thèm trả lời. “Anh không biết tôi à?” Tôi hỏi. Câu trả lời của hắn rõ ràng là không ổn: “Có chứ! Là ông già Van Helsing ngớ ngẩn chứ ai. Tôi muốn ông tìm chỗ khác mà chơi. Hãy đi mà nghiên cứu cái bộ não ngu ngốc của ông! Quỷ tha ma bắt ông đi, đúng là cái bọn Hà Lan đần độn!” Tôi không thể nói gì được nữa, còn hắn vẫn giữ cái bộ mặt cau có lì lợm của mình và quên hẳn sự có mặt của tôi. Vậy là cơ hội tìm hiểu thêm một điếu gì đó từ tên bệnh nhân thông minh này đã qua. Để tự an ủi mình, có lẽ tôi phải tìm đến nói chuyện

với cô Mina hiền dịu thôi. John ạ, biết diễn tả với anh như thế nào về niềm vui trong tôi khi chúng ta giấu được cô ấy những gian khổ và hiểm nguy còn đang chờ đợi phía trước bây giờ nhỉ? Chắc rằng cô ấy vẫn còn có thể giúp chúng ta được một số việc, nhưng chúng ta cũng phải làm sao cho phải đạo mới được.

— Tôi hoàn toàn đồng ý với ngài. Tốt hơn hết là đừng để Mina phải lo lắng thêm điều gì. Tình hình bây giờ đang rất nguy hiểm cho chúng ta, những người đàn ông từng trải qua nhiều thời điểm gian khó trong mưu cầu sinh tồn của cuộc sống. Nếu cứ tiếp tục tham gia với chúng ta, thế nào người phụ nữ trẻ này cũng sẽ héo mòn mất.

Vậy là Van Helsing đã quyết định tìm đến trò chuyện với vợ chồng Harker. Lúc này, Quincey và Arthur đang tiếp tục đi tìm các thùng đất, hoặc ít nhất là lần theo dấu vết của chúng. Tối nay, chúng tôi sẽ lại có một buổi hội ý với nhau.

Nhật ký của Mina Harker

• Ngày 1 tháng 10

Tôi cảm thấy rất ấm ức khi bị gạt ra ngoài cuộc như ngày hôm nay. Trong bấy nhiêu năm, Jonathan luôn tỏ ra rất tin tưởng ở tôi, nhưng hôm nay, tôi phải gặp anh mà không được biết gì về cuộc nói chuyện của bọn họ. Sáng nay, tôi dậy rất muộn, vì tôi đã rất mệt mỏi suốt cả ngày hôm qua. Jonathan cũng chỉ dậy trước buổi trưa không lâu, nhưng anh vẫn là người tỉnh giấc đầu tiên! Trước khi đi, anh nói với tôi bằng một giọng dịu dàng và âu yếm hơn bao giờ hết, nhưng tuyệt nhiên không thấy anh đề cập một lời nào về cuộc đi đầu tra ngôi nhà lão bá tước đêm hôm qua. Tuy nhiên, chắc hẳn anh vẫn hiểu tôi đang rất lo lắng về chuyện này. Tôi nghiệp anh! Việc giữ im lặng sẽ càng làm cho anh bận lòng hơn vì tôi. Tất cả bọn họ đều nhất trí đặt tôi ngoài cuộc, và tôi chỉ còn biết chấp nhận. Nhưng cứ nghĩ người chồng đang áp ủ nhiều điều bí mật đối với mình là tôi lại thấy

ấm ức! Song tôi lại bật khóc như một đứa con nít khi nghĩ chỉ vì tình yêu dành cho tôi mà anh ấy phải giữ im lặng. Và số còn lại cũng vậy, họ là những người bạn hào hiệp và tốt bụng, chỉ muốn đảm bảo sức khỏe và sự an toàn cho tôi mà thôi!

Tuy nhiên, những giọt nước mắt nóng bỏng lăn dài trên gò má đã làm tôi nhẹ lòng đi đôi chút. Tôi tự nhủ rằng cũng có ngày Jonathan sẽ kể cho tôi nghe tất cả. Còn bây giờ, tôi sẽ tiếp tục viết nhật ký như bình thường. Nếu có lúc nào anh nghi ngờ niềm tin của tôi, tôi sẽ cho anh biết cảm xúc, nghĩ suy của mình trong những dòng nhật ký ấy. Nghĩ vậy thôi, chứ hôm nay tôi vẫn buồn và uể oải lắm. Có lẽ đây cũng là hậu quả của những cảm xúc thái quá của tôi.

Tối hôm qua, tôi lên giường nằm ngay sau khi Jonathan và những người bạn ra khỏi nhà, đơn giản là vì họ khuyên tôi nên làm như vậy. Tôi không buồn ngủ, mà chỉ thấy lo, lo kinh khủng. Tôi chợt nghĩ về những gì đã xảy ra từ cái hôm Jonathan đến thăm tôi lần đầu tiên ở Luân Đôn, tất cả cứ như một màn kịch khủng khiếp mà các số phận đang nghiệt ngã tiến dần đến điểm cuối cùng của nó. Dường như hành động nào của chúng tôi, cho dù là có thiện ý nhất, cũng đều dính phải những kết quả tệ hại thì phải. Nếu tôi không đến Whitby, chắc gì Lucy đã phải chết. Trước khi tôi đến, có bao giờ cô ấy ra nghĩa địa đâu? Nếu như không cùng tôi đi dạo ở đó, cô ấy sẽ không thể mộng du tới đó, và như vậy sẽ không có chuyện cô bị con quỷ kia làm hại. Trời ơi! Tại sao tự nhiên tôi lại vác mặt tới Whitby kia chứ? Vâng... thế là tôi lại khóc. Tôi tự hỏi không hiểu hôm nay mình bị làm sao. Jonathan hẳn không biết rằng tôi - người chưa bao giờ khóc vì tủi thân, và cũng chưa bao giờ rơi nước mắt trước mặt chính mình - đã hai lần khóc vào ngày hôm nay. Nếu nhận ra điều này, chắc hẳn anh sẽ bối rối vô cùng. Bởi bình thường ra, nếu có buồn về một chuyện gì đó, tôi cũng chẳng bao giờ để lộ ra mặt.

Hôm qua, tôi không biết mình ngủ thiếp đi từ lúc nào. Tôi chỉ nhớ mình chợt nghe thấy những tiếng sữa inh ỏi của lũ chó nhà và vô số những tiếng

kêu lí nhí kỳ lạ vang lên từ phòng tên bệnh nhân Renfield, tức là căn phòng ở ngay dưới phòng tôi. Tiếp đó là một sự im lặng sâu thẳm khiến tôi không thể không cảm thấy lo lắng. Cảm giác mơ hồ khó chịu khiến, tôi phải vùng dậy nhìn ra ngoài cửa sổ. Sự im lặng và bóng tối, thỉnh thoảng được điểm thêm bằng một chút ánh trăng mờ ảo, làm cho đêm khuya càng trở nên huyền bí hơn. Không có gì động đậy ngoài ấy, tất cả bao trùm một vẻ sâu thẳm và im lìm như trong một thế giới chết, ngoại trừ một làn sương mù bàng bạc bay rất chậm, chậm gần như tôi không cảm nhận được sự chuyển động là mặt cỏ về phía ngôi nhà của nó, xem ra chỉ có làn sương ấy là hiện thân duy nhất của sự sống lúc này. Làn sương cứ bồng bênh mãi trong tâm trí tôi, khiến tôi cảm thấy dễ chịu hơn, bởi lúc trở lại giường nằm, tôi thấy mình bắt đầu lâng lâng như đang thiu thiu đi vào giấc ngủ. Tuy nhiên, tôi vẫn không thể ngủ được, làn sương vẫn đang bồng bênh trong ý nghĩ của tôi, khiến tôi phải vùng dậy nhòm qua cửa sổ một lần nữa. Làn sương lúc này đã trải dài ra và lơ lửng tiến sát đến ngôi nhà: tôi trông rõ làn sương đầy đặc bám sát vào tường như đang muốn leo qua các ô cửa sổ. Renfield lúc này bỗng gào lên như chó dại, không hiểu hẳn nói những gì mà thảm thương đến thế. Rồi tôi chợt có cảm giác như vừa nghe thấy tiếng ai đó đang đánh nhau, có lẽ viên giám thị vừa vào phòng và bị hắn cự nự quyết liệt nên mới sinh chuyện đánh vật với nhau. Tôi sợ hãi về giường nằm, kéo chăn trùm kín đầu, bịt thật chặt hai tai. Lúc này, tôi không còn cảm thấy buồn ngủ nữa. Song cuối cùng thì tôi cũng dần dần thiếp đi, bởi sau một cơn mê, tôi chẳng còn nhớ những gì đã xảy ra cho đến tận trưa hôm nay, khi Jonathan gọi tôi dậy. Phải định thần một lúc, tới mới nhận ra mình đang ở đâu và ai đang đứng trước mặt. Trong giấc ngủ li bì, tôi đã trải qua một giấc mơ thật quái gở, đi đâu đó cho thấy tôi đã nghĩ ngợi và lo lắng như thế nào. Đúng là tôi vừa trải qua một giấc ngủ mê mết!

... Tôi ngủ mê mình đang đợi Jonathan quay trở về Lo cho anh khủng khiếp, nhưng tôi vẫn không tài nào cựa quậy để đứng dậy và làm theo ý muốn của bản thân: chân tay tôi, và cả đầu nữa, bỗng tê dại bởi một trọng

lực rất nặng đè lên người. Trong cơn mê, tôi cảm thấy rất khó chịu và không thể đi đâu khiến được ý nghĩ của mình. Lúc đó, tôi có cảm giác bầu không khí xung quanh có một mùi gì đó nặng nề, ẩm ướt và lạnh toát. Tôi hắt tung chăn ra và kinh ngạc nhận thấy căn phòng đang chìm ngập trong bóng tối. Ngọn đèn tôi vặn nhỏ đợi Jonathan khi này bây giờ chỉ còn là một đốm nhỏ đỏ quạch, phát ra một thứ ánh sáng chỉ vừa đủ nhìn trong một lớp sương mù đang mỗi lúc một dày đặc hơn trong phòng. Dù nhớ rất rõ là mình đã đóng cửa sổ trước khi đi ngủ, nhưng tôi vẫn muốn ra kiểm tra lại, chỉ có đi đâu là chân tay tôi cứ như đang được làm bằng gỗ, không thể cử động gì được. Biết làm gì bây giờ? Tôi đã nhắm mắt, nhưng dường như vẫn hé nhìn được qua mi mắt (hình như các giấc mơ thường có những đi đâu kỳ quặc như vậy). Màn sương mù vẫn mỗi lúc một dày đặc thêm, và bây giờ tôi đã nhận ra màn sương quỷ quái ấy vào phòng theo đường nào rồi: nó không vào theo cửa sổ như khói hoặc như hơi nước, mà theo các khe hở ở cửa ra vào. Một lát sau, lớp sương mù biến dần thành một cột mây - vàng, nếu tôi có thể gọi là như vậy - vươn cao vút lên trần nhà, và trên đỉnh đám mây hình như có ánh sáng của một đốm lửa trông như một con mắt nhỏ đỏ ngầu. Tất cả bỗng điên đảo trong đầu tôi. Dường như cột mây càng tích tụ dày đặc trong phòng bao nhiêu thì qua lớp sương mù, tôi càng đọc rõ dòng chữ "*Cột mây ngày, ngọn lửa đêm*" được ghi trong Kinh thánh bấy nhiêu. Chẳng lẽ đây lại là một cách cảnh báo mà tôi nhận được trong giấc ngủ? Cột mây được tạo thành bởi hai yếu tố ngày và đêm, bởi ở đó có ánh lửa trong con mắt màu đỏ. Càng nghĩ, tôi càng cảm thấy mình bị quyến rũ bởi cái hình ảnh đó. Một lúc sau, đốm lửa đỏ bỗng tách đôi tựa như hai con mắt. Hình ảnh ấy khiến tôi chợt nhớ đến lời nói của Lucy về những tia nắng mặt trời buổi hoàng hôn hắt vào những ô cửa kính của nhà thờ Thánh Mary, khi tôi và cô ngồi trên vách đá ở Whitby. Tôi cũng bàng hoàng nhớ lại chuyện Jonathan từng được chứng kiến ba tạo vật quỷ quái bất ngờ hóa thành những hạt bụi dưới ánh trăng và hiện hình dần thành ba ả đàn bà dâm đãng. Sau đó tôi lịm đi trong cơn mê tối tăm mù mịt.

Trong một nỗ lực cuối cùng của trí tưởng tượng, tôi nhận ra một bộ mặt xanh tái chui ra từ lớp mây mù và cúi xuống gần tôi.

Có lẽ phải dè chừng những cơn mê kiểu như vậy, bởi vì nếu chúng thường xuyên tái diễn, chắc chắn đầu óc tôi sẽ bị ảnh hưởng nghiêm trọng. Tôi định sẽ hỏi bác sĩ Van Helsing hoặc bác sĩ Seward xem tại sao tôi lại ngủ li bì như vậy, nhưng chỉ ngại họ lại lo vớ vẩn. Nếu tôi kể cho họ nghe cơn mê của mình, chắc chắn họ sẽ càng lo lắng vì tôi hơn. Tối nay, tôi sẽ cố gắng ngủ sao cho thật thoải mái. Nếu vẫn không ngủ được, có lẽ tối mai tôi sẽ xin họ một viên thuốc an thần. Tôi nghĩ chỉ dùng một lần thôi thì cũng chẳng có hại gì, và tôi sẽ có một đêm thật yên giấc. Cơn mê như vừa rồi chỉ có thể làm tôi mệt nếu tôi tiếp tục bị mất ngủ.

• *Ngày 2 tháng 10, 10 giờ tối*

Đêm hôm qua, tôi ngủ thật sâu và không thấy mê man gì. Tuy nhiên, giấc ngủ say vẫn không làm tôi sáng khoái, cho đến hôm nay tôi vẫn còn cảm thấy khá mệt và bải hoải. Cả ngày hôm qua, tôi đã cố gắng đọc nhưng không được vì chúng ngủ gật. Buổi chiều, Renfield kêu muốn gặp tôi. Gã đàn ông khốn khổ tỏ ra rất tử tế khi nói chuyện với tôi, thậm chí lúc chào tạm biệt tôi, hắn còn hôn lên tay tôi và cầu Chúa ban phước lành cho tôi nữa. Tự nhiên tôi cảm thấy thương hại hắn đến phát khóc. Lại một lần nữa tôi tự nhủ mình phải giấu đi điểm yếu này, bởi nếu Jonathan biết tôi khóc, anh ấy sẽ buồn không biết để đâu cho hết.

Jonathan và những người bạn chỉ trở về khi gần đến bữa ăn tối với một vẻ mặt rất mệt. Tôi đã làm tất cả những gì có thể để cho họ đỡ mệt, và coi đó là một niềm an ủi giúp mình dần dần quên đi sự mệt mỏi của chính mình. Sau bữa tối, họ lại khuyên tôi lên giường nghỉ, còn họ sẽ ra ngoài hút thuốc thư giãn, nhưng tôi thừa biết là họ muốn ra ngoài thông báo cho nhau nghe về công việc mà từng người đã làm được trong ngày. Nhìn Jonathan, tôi đoán là anh vừa khám phá ra một điều gì hệ trọng lắm. Nằm trên giường, tôi cảm thấy mình không thể ngủ được, vì vậy tôi đã đề nghị bác sĩ Seward cho tôi một viên thuốc an thần liều nhẹ. Tôi giải thích với anh rằng

đêm hôm qua tôi ngủ không được ngon giấc cho lắm. Anh cho tôi một viên thuốc mà anh bảo là rất nhẹ và không gây tác dụng phụ... Tôi uống và nằm chờ giấc ngủ. Sau đó không lâu, tôi cảm thấy mình có vẻ như sắp chìm vào giấc ngủ... Nhưng đó cũng chính là lúc tôi lại vướng vào một nỗi lo sợ: chắc là tôi không nhầm khi dùng liều thuốc ấy đấy chứ? Có lẽ sẽ tốt hơn nếu như tôi tỉnh ngủ suốt đêm! Nhưng đã quá muộn rồi... Tôi đang chìm vào giấc ngủ bất khả kháng... Chào tạm biệt!

Nhật ký của Jonathan Harker

• Ngày 1 tháng 10, buổi tối

Tôi gặp Thomas Snelling tại nhà, nhưng thật không may, ông ta lại là một kẻ rất chóng quên. Mặc dù tôi đã báo trước, nhưng ông ta vẫn bỏ đi uống bia đến say mèm và chẳng cần biết tôi có đến hay không.

Nhưng bù lại, ông ta lại có một bà vợ rất tử tế. Sau khi nghe tôi trình bày, bà đã khuyên tôi đến nhà Joseph Smollet tìm hiểu. Vậy là tôi lại phải ngược lên phố Walwort. Tôi đến khi Smollet đang ngồi uống trà. Đó là một anh chàng công nhân tốt tính và thông minh, đủ để người khác tin cậy và tâm sự về công việc riêng. Anh chàng nhớ rất rõ vụ ẩu đả hôm đến nhận hàng ở Carfax. Sau khi tra lại cuốn sổ tay nhỏ xúi quẩy góc, anh nói ngay cho tôi biết địa chỉ nhận các thùng đất. Anh đã chở cả sáu thùng từ Carfax đến số 179 phố Chicksand ở Mile End New Town, và sáu thùng khác đến hẻm Jamaica ở Bermondsey. Vậy là nếu như định phân tán mỗi chỗ ở Luân Đôn một vài thùng đất bẩn thỉu làm nơi ẩn náu, thì phố Chicksand và hẻm Jamaica chính là những trạm trung chuyển đầu tiên mà lão bá tước gửi gắm để sau này tiếp tục rải đi các nơi khác. Từ đó, có thể suy ra lão không chỉ tìm nơi chui rúc ở hai khu phố thành Luân Đôn. Bởi vậy, tôi phải dò hỏi tiếp Smollet về những thùng đất đã được chở đi khỏi Carfax.

— Vâng, thưa ông chủ, - Anh ta trả lời - ngài đã tỏ ra khá hào phóng đối với tôi (vì tôi có dúi vào tay anh ta nửa đồng tiền vàng) nên tôi sẽ nói cho ngài nghe bằng hết những gì tôi biết! Cách đây bốn hôm, khi ngồi nhậu ở quán Thỏ và Chó ở thung lũng Pincher, tôi có nghe một tay tên là Bloxam nào đó kể hần và một tay tài xế nữa đã chui vào một ngôi nhà cổ ở Purfleet làm việc để rồi phải nuốt đến hàng kilô bụi vào người! Ngài thấy đấy, có

phải việc làm bẩn thỉu này hôm nào cũng xảy ra đâu. Tôi nghĩ Sam Bloxam cũng có thể cung cấp thêm cho ngài ít nhiều thông tin về cái đi đâu ngài muốn biết đấy!

— Nếu Smollet nói cho tôi biết địa chỉ của cái tay tên là Sam Bloxam, - như tôi hứa với anh ta - tôi sẽ cho anh nốt nửa đồng tiền vàng còn lại.

Nghe tôi hứa, anh ta uống vội số nước chè còn lại trong cốc và đứng bật dậy tuyên bố anh ta sẽ đi khắp nơi để tìm cho bằng được cái tay tài xế đó. Tiễn tôi ra cửa, anh ta bảo tôi:

— Ngài thấy đấy, tôi chẳng có lý do gì để giữ ngài ở đây cả. Tôi có thể tìm được tay Sam này ngay lập tức, nhưng cũng có thể là không. Nói gì thì nói, tối nay thì không được rồi. Thật khó mà moi được đi đâu gì ở thằng cha này một khi hắn đã nốc rượu đầy ruột. Nếu ngài để lại cho tôi một chiếc phong bì dán sẵn tem và ghi rõ địa chỉ, thì khi nào biết được hắn đang ở đâu, tôi sẽ báo ngay cho ngài biết. Bây giờ, tôi chỉ có thể nói trước được đi đâu này: tốt nhất là ngài nên đến gặp hắn vào buổi sáng sớm, nếu không thì hơi khó đấy, vì hắn thường dậy rất sớm và chỉ về đến nhà vào nửa đêm, khi đã say khướt mà thôi.

Nghe anh chàng này nói cũng có vẻ có lý, vì vậy tôi đã nhờ đưa con gái nhà anh ta chạy ù đi mua hộ một chiếc phong bì và một con tem. Chỉ một loáng đã thấy cô bé quay về với những gì tôi cần trên tay. Tôi cẩn thận ghi rõ địa chỉ, dán tem và đưa chiếc phong bì cho người chủ nhà tốt bụng. Trước khi ra về, tôi phải dặn đi dặn lại anh ta là khi nào có tin, phải báo cho tôi ngay lập tức.

Vậy là cuối cùng, đi đâu bí ẩn cũng bắt đầu được làm sáng tỏ! Dần dần từng bước, từng bước một. Tối nay, tôi bỗng cảm thấy mệt mỏi quá, chỉ muốn đi ngủ ngay lập tức. Mina đang chìm sâu trong giấc ngủ, trông cô có vẻ xanh xao hơn cả hôm trước, còn đôi mắt cứ mọng lên như người vừa mới khóc. Tôi nghiệp cô bé, kể từ khi chúng tôi không cho cô biết kế hoạch và dự định của mình, cô lại càng có vẻ lo lắng, bồn chồn hơn trước. Tuy nhiên, chúng tôi đã đúng khi đưa ra một quyết định như vậy! Thà cô ấy cứ

thất vọng và lo âu một vài ngày còn hơn là phải trải qua những lúc căng thẳng tột độ khi tham gia công việc với chúng tôi. Hai ông bác sĩ đã thật có lý khi khuyên tôi để cô ngoài cuộc chơi đầy nguy hiểm. Điều quan trọng với tôi trong lúc này là phải làm sao giữ kín được mọi chuyện, bất kể vì lý do nào tôi cũng không được buột miệng nói ra đi đâu gì. Tôi rất hiểu gánh nặng im lặng đang đặt lên vai mình. Nhưng nói cho cùng, tôi cũng không tin đó là một việc gì ghê gớm khó thực hiện, bởi lúc này, dường như chính Mina cũng không thích nhắc đến công việc của chúng tôi nữa thì phải. Quả thực là từ khi chúng tôi quyết định để cô nghỉ ngơi, tôi không thấy cô đã động, bóng gió gì đến chuyện Dracula và các thủ đoạn của lão nữa.

• Ngày 2 tháng 10

Một ngày mệt mỏi, căng thẳng tưởng như chẳng bao giờ kết thúc. Sáng nay, tôi nhận được thư đề địa chỉ do chính tay mình viết. Trong phong bì chỉ có một mẫu giấy xé cầu thả nguệch ngoạc ghi một dòng địa chỉ bằng bút chì, chữ to như quả trứng gà:

Sam Bloxam, Korkrans, 4, Poters, Cort, phố Bartel, Walworth. Hỏi giám đốc.

Đọc xong lá thư khi còn nằm trên giường, tôi lặng lẽ nghĩ dậy không để Mina bị thức giấc. Trong giấc ngủ, trông cô còn nhợt nhạt và mệt mỏi hơn cả lúc đang thức. Đánh thức cô lúc này là có lỗi, nhưng trong đầu lại nảy ra một ý nghĩ khác: sau cuộc đi đầu tra hôm nay, tôi sẽ cố gắng thuyết phục cô quay trở về Exeter. Tôi nghĩ ở nhà mình, dù phải bận bịu với các công việc nội trợ, cô ấy vẫn cảm thấy vui hơn là ở đây, được sống cùng chúng tôi mà lại không có quyền biết đi đâu gì đang xảy ra. Trước khi ra khỏi nhà, tôi chỉ gặp bác sĩ Seward và báo cho anh biết hôm nay tôi đi đâu, làm gì và khi xong việc, tôi sẽ cố gắng về thật sớm để thuật lại kết quả cho cả nhóm biết.

Tới Walworth, tôi bỗng đâm ra lúng túng khi phải tìm Pháp viện Potter. Cách viết cầu thả, sai chính tả be bét của Smollet làm tôi tìm nhầm lung tung địa chỉ. Tuy nhiên, khi đã tìm được Pháp viện Potter, tôi chỉ việc đi thẳng tới ngôi nhà Corcoran. Chủ nhà cho tôi biết hôm qua, Bloxam có đến

đây nốc rượu say mềm rồi ngủ lại, nhưng năm giờ sáng nay, anh ta đã đi thẳng tới nơi làm việc ở Polar. Corcoran không nhớ được chính xác vị trí kho tạm giữ hàng mà tôi muốn hỏi để tìm gặp Bloxam, ông ta chỉ lảng máng rằng đó là một “ngôi nhà mới và được xây dựng hiện đại”. Đây là thông tin duy nhất tôi có thể có trước khi tới Polar. Mãi gần tới trưa tôi mới tìm được ngôi nhà cần tìm nhờ sự mách bảo của một người thợ ng ồi nghỉ trong một quán cà phê, đó là một “nhà kho mới rộng mênh mông”. Tôi lân la hỏi chuyện người gác cổng và một viên đốc công. Họ quả là những người rất khó tính và lỗ mãng. Tuy nhiên, khi tôi dúi cho mỗi người một đồng tiền xu, họ đã thay đổi thái độ ngay lập tức. Và khi tôi hứa sẵn sàng trả cho viên đốc công một ngày lương, nếu ông ta cho phép tôi gặp Bloxam để hỏi hẩn một vài vấn đề liên quan tới công việc riêng, ông ta đã cho người đi gọi bằng được Bloxam về. Bloxam là một gã thanh niên thô kệch và trực tính. Tôi chủ động hứa trả anh ta tiền cho tất cả những thông tin mà anh ta cung cấp. Chỉ đợi có vậy, anh ta cho biết luôn rằng trên đoạn đường từ Carfax đến một ngôi nhà ở Piccadilly, anh ta đã phải làm hai chuyến để chở hết chín thùng hàng mới tinh - toàn là những thùng lớn và rất nặng - bằng một chiếc xe ngựa đi thuê. Nhưng khi được hỏi về số nhà ở Piccadilly, anh ta lại không trả lời được.

— Chán thật đấy, ông chủ ạ, không hiểu sao tôi lại quên khuấy mất số nhà, nhưng tôi có thể nói với ngài rằng ngôi nhà mà tôi phải chở các thùng hàng tới chỉ cách một nhà thờ quét vôi trắng, hoặc một cái gì đó giống như nhà thờ vậy, khoảng hai, ba ngôi nhà khác thôi. Đó là một ngôi nhà t ối tàn đầy bụi là bụi, nhưng thực ra bụi ở đây vẫn chẳng thấm gì so với ngôi nhà mà tôi phải tới để lấy hàng.

— Thế làm thế nào anh vào được hai ngôi nhà này nếu như ở đó không có người ở?

— Lão chủ hàng đứng đợi tôi trong ngôi nhà ở Purneet và giúp tôi nhấc các thùng hàng lên xe. Ôi, cha mẹ ời! Sao lão khỏe thế không biết? Phải nói đó là người khỏe nhất mà tôi từng gặp trong đời, cho dù râu lão đã bạc

trắng như cước, còn người thì gầy hom hem, lão gầy đến nỗi khiến người khác phải tưởng rằng lão không thể đủ sức đẩy ngã một cái bóng!

Tôi bỗng cảm thấy rùng mình.

— Vâng! Lão nhấc các thùng gỗ cứ như là cầm mấy gói chè vậy, trong khi đó, tôi phải thở hồng hộc như lợn và gồng mình hết sức mới nâng được một đầu. Mà tôi đâu phải là một thằng khom kia chứ!

— Thế anh vào ngôi nhà ở Piccadilly bằng đường nào? - Tôi hỏi.

— Tôi đến thì lão đã có ở đó rồi. Chắc là lão phải phi rất nhanh trên đường để có thể đến đó trước tôi, bởi vì khi tôi bấm chuông, chính lão là người đã ra mở cửa và lão cũng là người giúp tôi mang các thùng hàng vào hành lang.

— Tất cả là chín thùng à?

— Chín thùng. Chuyển đầu năm thùng; chuyển sau bốn thùng. Đúng là một việc khổ sai! Mà không hiểu sao công việc lại làm tôi thấy khát thế không biết! Bây giờ, tôi vẫn tự hỏi là làm sao mình lại bỏ được về tới nhà mới lạ chứ.

— Anh đã mang các thùng gỗ vào hành lang?

— Vâng. Đó là một hành lang trống trơn, không có một thứ đồ đạc gì.

— Anh cũng không có chìa khóa chứ?

— Không có chìa khóa! cũng chẳng có cái gì cả. Lão già ấy chính là người tự tay mở cửa và rồi tự tay khóa cửa khi tôi về Thú thực, đây là lần mới nhất tôi không nhớ hết mọi chuyện, bởi vì bia...

— Thế anh không nhớ số nhà thật à?

— Không, thưa ngài, nhưng mà tìm cũng dễ thôi! Ngôi nhà cao, mặt tiền xây bằng đá, cửa sổ thấp, có bậc thềm bên ngoài. Sở dĩ tôi còn nhớ cái bậc thềm này là vì phải đưa các thùng hàng lên cùng với ba thằng nhà quê nữa, bọn chúng xin giúp tôi để mong kiếm được vài xu. Lão già đã cho chúng mấy đồng shilling. Thấy bở, chúng định đòi thêm mấy đồng, nhưng đòi nào lão chịu. Suýt nữa thì mấy thằng đã bị lão đá văng xuống chân cầu thang nếu như chúng không kịp bỏ chạy cùng vài câu chửi thề tục tĩu.

Nghĩ như thế cũng là đủ để tìm ra ngôi nhà, tôi bèn trả tiền cho Bloxam và tìm đường tới Piccadilly. Điều tôi vừa được biết khiến tôi không khỏi bối rối: lão bá tước có thể tự tay nâng các thùng gỗ chứa đầy đất! Mỗi phút trôi qua lúc này đối với tôi đều rất đáng quý. Bởi rất có thể bây giờ lão đã tâu tán mỗi nơi một thùng vào cái giờ lão đã chọn trước để không ai có thể chú ý. Tới Piccadilly Circus, tôi xuống xe ngựa và đi thẳng về phía tây khu phố. Vừa qua Pháp viện Vị thành niên, tôi nhận ngay ra ngôi nhà cần tìm. Tôi không hề nghi ngờ đó là một trong những sào huyệt của bá tước Dracula ở Anh quốc. Ngôi nhà có vẻ như bị bỏ hoang từ lâu lắm rồi. Các ô cửa tò vò đều mở rộng, nhưng ô cửa sổ nào cũng phủ bụi mờ. Bụi thời gian đã làm cho các lớp gỗ ốp biến thành màu đen và những đồ trang trí bằng sắt thành những vật được làm bằng đất. Nhìn vào tường ban công, tôi đoán hẳn phải có một tấm biển ghi địa chỉ và tên nhà vừa bị giạt tung đi đâu mất, bởi các dấu vết vẫn còn rất mới. Tôi sẽ có thêm một số thông tin nếu tấm biển này còn nguyên vẹn: nó sẽ cho tôi biết tên chủ sở hữu ngôi nhà. Tôi còn nhớ mình đã thu thập thông tin như thế nào để có thể đạt được hợp đồng môi giới ngôi nhà Carfax cho Dracula trước đây, và giờ tôi cũng tin rằng nếu biết được chủ nhân cũ của ngôi nhà, tôi sẽ vào được bên trong.

Vậy là chẳng còn lý do gì mà ở lại đây nữa, tôi có thể biết và làm được gì hơn bây giờ? Nhưng tôi vẫn làm một vòng quanh ngôi nhà, bởi biết đâu tôi lại chẳng tìm được một điều gì đó thú vị! Các tàu ngựa phía bên kia ngôi nhà quả là náo nhiệt. Tôi gặp một người chăn ngựa và hỏi thăm ông về ngôi nhà. Thông tin tôi nhận được là ngôi nhà đã được mua, nhưng ai mua thì ông chịu. Ông còn cho biết cách đây khoảng hai ba ngày, ở ban công có đặt một tấm biển rao bán nhà, nếu tới hỏi công ty môi giới Mitchell, Sons & Candy, có thể tôi sẽ được biết các thông tin cần thiết, bởi ông nhớ rất rõ mình đã đọc trên tấm biển đó tên nhà môi giới bất động sản này. Không muốn gây sự chú ý, tôi đành phải cảm ơn ông già tốt bụng rồi bỏ đi mà không dám hỏi gì thêm. Trời sắp tối nên lại càng không thể lãng phí thời gian. Hơn nữa, không phải là tôi không biết địa chỉ của Mitchell,

Sons & Candy, đó là một công ty môi giới có văn phòng ở phố Sackville. Tôi cần phải tới đó ngay bây giờ.

Tiếp tôi là một nhân viên nhã nhặn nhưng cũng thật ít nói. Anh ta chỉ cho biết ngôi nhà ở Piccadilly đã được bán và không nói gì thêm nữa. Khi tôi hỏi ai là người đã mua ngôi nhà, anh ta trở mắt ngạc nhiên rồi gần giọng nhắc lại:

— Nó đã được bán rồi, thưa ngài.

— Xin lỗi, - Tôi cố gắng giữ vẻ lịch sự - tôi muốn hỏi ngôi nhà ấy được bán cho ai, bởi tôi có chút chuyện riêng nên mới hỏi như vậy, xin cứ tin ở tôi.

Anh ta càng trợn mắt lên với tôi.

— Đã bảo là ngôi nhà đã bị người ta mua rồi, thưa ngài.

— Tất nhiên, nhưng anh có thể cho tôi biết một vài chi tiết về vụ mua bán này được không ạ?

— Không, không được đâu, thưa ngài. Với Mitchell, Sons & Candy, mọi mối quan hệ với khách hàng đều phải được tuyệt đối giữ bí mật, xin ngài thông cảm cho.

— Khách hàng của quý công ty hẳn đã gặp may mắn khi tìm được các doanh nhân xứng đáng với lòng tin của họ. Thú thực, tôi cũng là người trong nghề (tôi chìa cho anh ta xem danh thiếp của mình) và tôi đến đây không phải là vì sự tò mò, anh có thể tin ở tôi mà. Tôi đến là vì đề nghị của huân tước Godalming. Ông ấy có nhờ tôi tìm hiểu một vài thông tin về người chủ sở hữu, tức là người cách đây không lâu đã gạ bán ngôi nhà này cho ông ấy.

Câu nói của tôi khiến tay nhân viên máy móc này thay đổi thái độ ngay lập tức.

— Có đúng là như vậy không? Trước đây, đã có lần ông ấy nhờ chúng tôi tìm hộ một căn nhà độc thân để thuê ở, khi ông ấy còn là Arthur Holmwood đáng kính kia. Nếu ngài để lại cho tôi địa chỉ của huân tước Godalming, tôi sẽ nói giùm với ngài giám đốc của tôi một câu. Sau đó, tôi

sẽ cố gắng gửi thư cho huân tước ngay tối nay. Chắc sẽ chẳng có gì vi phạm nguyên tắc khi phải cung cấp cho huân tước của ngài vài thông tin vật.

Tôi chỉ còn biết cảm ơn tay nhân viên và để lại cho anh ta dòng địa chỉ của bác sĩ Seward trước khi nói lời chào tạm biệt. Bên ngoài, trời đã tối đen. Cảm thấy vừa mệt, vừa đói, tôi dùng tạm một ly trà đường trước khi lên tàu trở về Purneets.

Về đến nhà, tôi thấy mọi người đang ngồi cả ở phòng khách. Mina trông vẫn xanh rớt và thậm chí còn có vẻ mệt mỏi hơn cả lúc buổi sáng, dù cô vẫn cố gắng tỏ ra vui vẻ với mọi người. Tôi cảm thấy nhói đau trong lòng khi nghĩ mình phải cẩn răng giấu kín cô ấy bao nhiêu chuyện, trong khi chính đi đầu đó lại càng làm cho cô ấy lo lắng nhiều hơn. Ồn Chúa! Đây sẽ là đêm cuối cùng cô ấy ngồi quây quần bên chúng tôi với cảm giác mình không còn được ai tin tưởng nữa.

Về phần mình, tôi phải rất cố gắng mới đưa ra được quyết định hợp tình, đạt lý của mình đối với cô. Mina có vẻ hoàn toàn chấp nhận lời khuyên nhủ của tôi. Hay là cuộc phiêu lưu của chúng tôi bây giờ đang thực sự làm cô khiếp sợ?

Cũng may chúng tôi đã đưa ra một quyết định kịp thời, nếu không, những khám phá mới của chúng tôi sẽ chẳng khác nào những đòn tra tấn nhằm vào cô cả ngày lẫn đêm.

Phải đợi đến khi những người đàn ông chúng tôi ngồi riêng với nhau, tôi mới có thể báo cáo trước cả nhóm về những đi đầu mình vừa mới đi đầu tra được hôm nay. Bởi vậy, ăn tối xong - và sau khi ngồi nghe nhạc thư giãn một lúc - tôi mới cùng Mina đi lên trên gác. Chưa bao giờ tôi thấy Mina âu yếm với mình đến vậy, cô quàng tay ôm chặt lấy tôi như không muốn để tôi bỏ xuống dưới một lần nữa, nhưng tôi còn rất nhiều đi đầu phải kể lại với những người bạn đang ngồi đợi ở dưới kia, vì thế tôi buộc phải trở xuống và để người vợ trẻ thân yêu ở lại một mình. Ồn Chúa hãy ban phước lành cho chúng tôi! Mặc dù có những lúc buộc phải im lặng với

nhau về chuyện này chuyện khác, nhưng tình cảm giữa hai chúng tôi sẽ chẳng bao giờ thay đổi.

Lúc tôi xuống dưới nhà, bác sĩ Seward và những người bạn đang ngồi quanh bếp lửa trong phòng. Tôi đọc lại cho họ nghe đoạn nhật ký mà tôi vừa tranh thủ viết khi còn ngồi trên tàu. Nghe tôi đọc xong, Van Helsing phán ngay:

— Một khám phá rất quan trọng, anh bạn Jonathan ạ! Không còn nghi ngờ gì nữa, chúng ta sắp tìm ra các thùng gỗ ấy rồi. Nếu chúng được giấu cả trong ngôi nhà ở Piccadilly thì công việc của chúng ta cũng sắp sửa được hoàn thành đến nơi. Nhưng hễ còn thiếu thùng nào, chúng ta sẽ còn phải vất vả vì thùng đó! Nếu có đủ mọi thông tin cần thiết, chúng ta chỉ còn việc đưa ra một đòn quyết định để tống tiễn con quỷ đó về với cái chết thực sự của nó.

Chúng tôi trằn ngâm suy nghĩ cho đến lúc Morris đột nhiên lên tiếng:

— Anh thử nói xem chúng ta phải vào ngôi nhà đó bằng cách nào?

— Thì cũng như ngôi nhà hoang bên kia thôi! - Huân tước Godalming đáp lại ngay tức thì.

— Anh nói rõ hay chưa? Làm gì có chuyện dễ như thế! Đỡ vào Carfax, chúng ta có thể dùng móc để mở khóa. Hơn nữa, chúng ta lại được đêm tối và một khu vườn um tùm có tường bao quanh bảo vệ. Nhưng với ngôi nhà Piccadilly lại là một chuyện hoàn toàn khác, cho dù là ngày hay đêm thì cũng vậy thôi. Thú thực tôi vẫn chưa hiểu ta phải vào đó bằng cách nào, nếu như không có một ai đó cho mượn chìa khóa. Có lẽ sáng mai, khi anh nhận được thư của tay nhân viên kia, chúng ta phải xét đến chuyện này.

Huân tước Godalming đứng dậy đi lại khắp phòng, mặt mày cau lại vì nghĩ ngợi. Rồi anh dừng lại nhìn chúng tôi khắp lượt:

— Quincey nói cũng có lý đấy. Làm việc này chẳng khác nào đi ăn trộm. Chúng ta đã một lần trót lọt, nhưng lần này thì quả là một công việc khó khăn thực sự rồi... trừ phi bằng cách nào đó, chúng ta lấy được chìa khóa của lão bá tước.

Vậy là chúng tôi chẳng thể đưa ra bất cứ một quyết định gì trước khi huân tước Godalming nhận được thư của công ty Mitchell vào sáng ngày mai. Tôi chỉ còn biết tranh thủ ghi thêm mấy dòng về những việc cuối ngày vào cuốn nhật ký của mình, rồi lẳng lẽ đi ngủ, khi đã cảm thấy trong người mệt mỏi rồi.

Tuy nhiên, vẫn còn đôi dòng nữa tôi không thể không ghi lại. Mina đang ngủ rất say với những hơi thở đều đều. Tôi bỗng cảm thấy thật xót xa khi nhận ra những nếp nhăn trên vùng trán thanh tao của cô. Dường như ngay cả trong giấc ngủ, nỗi ưu tư phiền muộn vẫn không chịu buông tha cô. Ngày mai, tôi hy vọng tất cả sẽ lại bình thường khi cô được trở về chính ngôi nhà của hai vợ chồng tôi ở Exeter. Ôi! Sao mà buồn ngủ thế không biết!

Nhật ký của bác sĩ Seward

• Ngày 1 tháng 10

Một lần nữa tôi không thể không nói về chuyện của bệnh nhân Renfield. Thứ nhất, tính khí của hắn bỗng có sự thay đổi đúng vào khi tôi kịp nắm bắt được lý do tại sao hắn lại xử sự lúc thế này, khi thế kia. Mặt khác, khi sự thay đổi tính khí của hắn không chỉ phụ thuộc duy nhất vào sự thoải mái trong nội tâm hắn, thì việc nghiên cứu sự thất thường trong con người hắn dường như lại mang tới cho tôi một lợi ích nghề nghiệp đáng kể. Sáng nay, lúc tôi tới tìm hắn, sau khi hắn có cuộc nói chuyện không mấy dễ chịu với Van Helsing, cách xử sự của hắn đúng là cách xử sự của một kẻ hoàn toàn làm chủ được vận mệnh của mình theo thiên hướng chủ quan. Quả thực hắn chẳng thèm bận tâm gì đến những chuyện của trần thế. Hắn đang sống trên chín tầng mây, và chính từ cái nơi vờn vợi ấy, hắn đã nhìn chúng tôi chẳng ra sao cả. Tôi nghĩ chuyện hỏi hắn để may ra có thể hiểu thêm được một điều gì đó:

— Thế hôm nay anh nghĩ sao về những con ruồi?

Hắn cười khẩy nhìn tôi bằng ánh mắt kẻ cả:

— Ru ỉ hả? Ông muốn nói về ru ỉ chứ gì? Thừa với ông rằng giống này lúc nào cũng có một tính cách thật ấn tượng, đôi cánh mỏng manh của chúng luôn thể hiện rất lý tưởng sức mạnh không gian của các bộ môn tâm linh. Các bậc tiên nhân xưa rất có lý khi thể hiện linh hồn dưới dạng một cánh bướm!

Tôi rất muốn hắn tiếp tục cái kiểu lý luận như vậy sao cho thật lôgích với suy nghĩ của hắn, bởi vậy, tôi không ngần ngại đáp lời:

—Ồ! Vậy đó có phải là cái linh hồn mà ông đang tìm kiếm không?

Hắn không biết lý luận ra sao nữa, nhưng hắn vẫn lắc đầu quầy quậy và quả quyết trả lời:

— Không, không, không phải như vậy! Vấn đề không phải là linh hồn! Tôi chỉ muốn cuộc sống và chỉ thế mà thôi! Và lại, tôi thấy cuộc sống thật công bằng với mình. Cuộc sống đối với tôi lúc này là một sự hoàn hảo, tôi đã có tất cả những gì mình muốn. Bác sĩ ạ, nếu như ông muốn nghiên cứu sâu hơn về bệnh tâm thần thì có lẽ ông nên tìm cho mình một bệnh nhân khác đi!

— Vậy là anh đã sắp đặt được cuộc sống, anh đã lên tới bậc thánh rồi còn gì?

Hắn lại nhếch mép cười bằng thái độ kẻ cả, nhưng lần này có vẻ đờ trịch hơn.

—Ồ, không! Tôi nghĩ còn lâu mình mới có những thuộc tính của Chúa Trời. Thậm chí tôi cũng chẳng có liên quan gì đến những lời, thuyết giảng của Ngài. Nếu như tôi phải định nghĩa trạng thái trí tuệ của mình so với những gì thuộc về phạm tục, thì hẳn nó sẽ phải ngang bằng với thứ hạng của Enoch.

Những lời hắn nói đối với tôi thật mơ hồ, quả thực là tôi không thể nhớ nổi nhân vật có tên là Enoch của hắn có một vị trí như thế nào.

— Ngang hàng với Enoch kia à? Tại sao vậy?

— Bởi ông ta được sánh với Chúa.

Dù không hiểu được một mối liên hệ nào trong những lời hấn nói, nhưng tôi vẫn không định nói ra thắc mắc của mình. Tôi muốn hấn quay trở lại với những gì hấn nói lúc đầu.

— Vậy là anh chẳng có gì bận tâm đến linh hồn, và cuộc sống này cũng chỉ làm anh động lòng có đôi chút. Anh có thể nói tại sao không?

Tôi xằng giọng hỏi cốt để hấn lúng túng, xem hấn trả lời thế nào. Có lẽ tôi đã thành công, bởi sau một lúc nghĩ ngợi bẽ tắc hấn đã thực sự hạ mình xuống đúng như điệu bộ tần thường mọi ngày của hấn.

— Tất nhiên là không, tôi không cần bận tâm đến linh hồn làm gì, đơn giản là tôi không thích, và đó hoàn toàn là sự thật. Tôi chỉ làm những gì mình có; linh hồn đối với tôi chẳng dùng để làm gì cả. Tôi không thể lấy linh hồn để mà ăn, cũng chẳng thể...

Hấn chợt im lặng giữa chừng, nét mặt thoáng lộ rõ vẻ gian xảo như một làn gió thổi gợn mặt nước hồ.

— Còn với cuộc đời? Xét cho cùng, nó là cái thá gì chứ, thưa bác sĩ? Một khi đã được vui vẻ với những gì mình muốn và thấy mình chẳng bao giờ bị thiếu thốn, thì tôi xin được hỏi là ông có thấy cần phải chờ đợi một cái gì khác nữa không? Bác sĩ ạ, tôi cũng có những người bạn tốt như ông, và tôi cũng biết tôi sẽ chẳng bao giờ thiếu cái mình cần để có chỗ đứng trong cuộc sống này.

Tôi nghĩ mặc dù đầu óc hấn đang nghĩ ngợi rất mông lung, nhưng hấn vẫn hiểu tôi không hề tán tởng mớ lý luận của hấn, bởi sau những lời giải thích có vẻ như rất thật ấy, hấn bỗng im bật. Biết là có tiếp tục cuộc nói chuyện cũng chẳng giải quyết được điều gì, tôi đành bỏ mặc hấn một mình trong phòng và ra về.

Nhưng chỉ được một lúc, lại có người đến phòng gọi tôi và bảo rằng Renfield đang rất muốn được gặp tôi một lần nữa. Bình thường, tôi chỉ tới gặp hấn khi có một lý do cụ thể nào đó, nhưng lần này, tự nhiên tôi lại cảm thấy hấn thú vị đến nỗi không thể từ chối lời thỉnh cầu của hấn. Hơn nữa, nếu từ chối hấn trong lúc này thì tôi cũng chẳng còn biết mình phải làm gì

nữa. Jonathan phải tiếp tục cuộc đi điều tra mới, huân tước Godalming và Quincey cũng không có ở nhà. Còn Van Helsing thì đang mê mải xem lại những tài liệu mà vợ chồng nhà Harker đã chuẩn bị trong phòng làm việc của tôi. Ông không muốn ai tới quấy rầy nếu không có lý do chính đáng. Thực ra, tôi rất muốn ông đi cùng tôi tới phòng Renfield, nhưng nghĩ tới cuộc nói chuyện vừa rồi giữa hai người, tôi lại thôi. Hơn nữa, tôi sợ Renfield không nói chuyện cởi mở nếu xuất hiện thêm một người thứ ba.

Như thường lệ, cứ nhìn thấy hắn ngồi chồm hổm trên cái ghế đầu đặt giữa phòng là tôi biết ngay đầu óc hắn đang “tư duy”. Nhắc trông thấy tôi lộ mặt vào, hắn liền quay ra hỏi luôn, cứ như từ nãy đến giờ, câu hỏi lúc nào cũng thường trực ở cửa miệng hắn:

— Ông nghĩ sao về linh hồn?

Tôi đã không ngần ngại: ở các bệnh nhân tâm thần, cũng như ở người bình thường vậy, thỉnh thoảng đầu óc vẫn làm việc trong trạng thái không có ý thức.

Nhưng tôi phải kiểm tra xem sao.

— Thế còn anh, anh quan niệm về nó như thế nào? - Tôi hỏi lại.

Hắn ngồi im không trả lời, mắt hết nhìn lên trần nhà lại nhìn xung quanh bốn bức tường như thể đang muốn tìm nguồn gợi ý từ một sự vật nào đó cho câu trả lời của mình.

— Tôi không muốn một linh hồn nào cả! - Hắn trả lời lí nhí như lần tránh sự thật.

Tôi có cảm giác trong đầu hắn không phải là không có một ý nghĩ cụ thể nào, bởi vậy, tôi quyết định “làm tới” sự thật đó.

— Anh vẫn rất yêu cuộc sống và rất muốn được sống, đúng không nào?

— Ồ! Đúng thế, đúng thế! Cuộc sống là cái mà chúng ta ai cũng muốn!

— Nhưng làm sao để có được cuộc sống mà lại không phải phủ nhận sự tồn tại của linh hồn kia chứ?

Thấy hắn có vẻ lúng túng vì câu hỏi khó này, tôi tiếp tục tấn công:

— Tôi rất muốn anh có những phút êm đềm khi bay khỏi đây với linh hồn của hàng ngàn con ruồi, nhện, chim, mèo cùng với âm thanh líu lo, vo ve và những tiếng kêu meo meo ngập tràn xung quanh! Anh đã lấy đi cuộc sống của những sinh vật ấy, bởi vậy anh cũng nên chấp nhận một chút linh hồn của chúng chứ!

Có vẻ như tôi đã đánh trúng trí tưởng tượng của hắn, bởi tôi thấy hắn bỗng bật tai lại, hai mắt nhắm nghiền như một đứa trẻ bị xát xà phòng vào mắt. Tôi cảm thấy xúc động đến khó tả, trước mặt tôi dường như là một đứa trẻ, mặc dù nét mặt mang đầy dấu ấn của một kẻ đã già. Trong đầu hắn hẳn lại đang trải qua một xáo trộn nữa. Biết rõ kiểu lý giải và cách xử sự của hắn trong những lần tranh cãi trước, tôi nghĩ mình phải hết sức thận trọng khi tìm hiểu dự kiến đang hình thành trong đầu hắn. Trước hết phải làm cho hắn tin. Tôi hỏi hắn, giọng cố nói thật to cốt để hắn nghe cho rõ, bởi hắn vẫn đang bật chặt tai:

— Anh có muốn lấy ít mật để gọi ruồi đến không?

Hắn gật đầu, vừa cười vừa trả lời như hiểu ngay ra vấn đề

—Ồ! Như ông biết đấy, xét cho cùng thì ruồi cũng chỉ là những con vật nhỏ bé đáng thương... - Hắn chợt im bặt rồi lại nói tiếp - Nhưng dù sao tôi cũng không muốn mình bị linh hồn của chúng suốt ngày vo ve xung quanh.

— Thế còn lũ nhện thì sao?

— Tôi cũng chẳng coi lũ nhện ra sao cả! Chúng có ích gì chứ? Chẳng có gì trong cái vỏ thân xác của lũ nhện có thể ăn hay....

Hắn lại chợt im bặt như vừa sức nhớ ra một điều gì đó không thể nói ra.

“Tốt rồi, tốt rồi!” - Tôi nghĩ bụng. - “Đây là lần thứ hai hắn im bặt khi định nói từ *uống*. Tại sao chứ?”

Chắc đã nhận ra sai lầm trong câu nói nửa chừng, nên hắn mới quay sang chuyện khác như muốn đánh trống lảng:

— Tôi chẳng hề quan tâm đến những gì đại loại như chuột chù, chuột nhắt và tất cả những con vật nhỏ bé làm thức ăn cho gà nếu nói như Shakespeare! Tôi thấy ta nên chấm dứt câu chuyện về những con vật ngu

ngốc này đi! Bất tôi quan tâm đến những con vật mặt hạng này sẽ chẳng khác nào bảo một người Âu dùng đũa Tàu để gấp những miếng ăn nhỏ xíu! Tôi luôn hiểu những gì đang chờ đợi mình?

— Tôi biết rồi! Cái anh muốn, đó chính là những con vật mà anh có thể ngặm từng miếng ngáp răng kia. Anh có cần người ta mang tới cho anh một con voi để điểm tâm không?

— Điên rồi! Ông nói cứ như một thằng điên ấy!

— Renfield này, tôi đang tự hỏi không hiểu con voi có một linh hồn như thế nào đấy? - Tôi nói, mặt ra vẻ rất dăm chiêu.

Tôi đã đạt được hiệu quả mong muốn đối với tên bệnh nhân của mình, bởi ngay sau đó, hắn đã mất hẳn cái vẻ trịch thượng, thay vào đó là cách xử sự như một đứa con nít:

— Tôi không thèm linh hồn của của con voi, cũng chẳng cần bất cứ một linh hồn nào cả.

Rồi hắn ngây người như phỗng và không thấy nói thêm câu nào nữa. Được một lát, hắn bỗng đứng bật dậy, đập mạnh chiếc ghế đầu sang một bên, mắt long sòng sọc như vừa chợt nghĩ ra một điều gì đó.

— Quỷ tha ma bắt ông và những linh hồn của ông đi! - Hắn gất lên. - Tại sao ông cứ quay tôi bằng những linh hồn quỷ quái như vậy chứ? Chẳng phải là linh hồn, mà ở đời này vẫn còn bao nhiêu điều khác khiến tôi phải đau đầu, chóng mặt đến phát điên lên, ông có hiểu không?

Cơn điên bất chợt của hắn khiến tôi hoảng hốt, vì sợ mình sắp sửa bị hắn cho một trận đòn như tử. Bởi vậy, tôi phải móc ngay lấy cái còi trong túi và thổi văng lên để gọi mấy tay giám thị. Hắn lập tức dịu giọng xin lỗi tôi:

— Xin lỗi bác sĩ, tôi quên mất. Ông không cần phải gọi người làm gì cả. Có quá nhiều điều bận tâm khiến tôi phải nổi khùng lên một cách vô lý. Giá như hiểu được vấn đề mà tôi cần phải giải quyết, chắc là ông sẽ chẳng chấp tôi đâu. Xin ông đừng bắt tôi phải mặc áo trói nữa! Tôi cần phải suy

ngĩ, và tôi không thể suy nghĩ trong tình trạng cơ thể mình bị bó buộc như một tên tù. Mong ông hiểu và thông cảm cho!

Tất nhiên là hấn đã hoàn toàn làm chủ được bản thân khi dụ giọng nói với tôi. Khi những người giám thị học tốc chạy tới, tôi bảo họ có thể rút lui. Renfield đứng im nhìn họ ra về. Đợi cửa đã khép lại sau lưng họ, hấn mới bảo tôi, giọng vẫn nhẹ nhàng nhưng có phần nghiêm túc hơn:

— Thưa bác sĩ Seward, quả thực là ông đã rất tận tụy với tôi trong những ngày qua, tôi thực sự ghi nhận tấm lòng cao cả của ông.

Tôi chỉ gật đầu rồi ra về, bỏ mặc hấn với cái ý nghĩ mà hấn không thể dứt ra được trong đầu. Trường hợp của hấn thật xứng đáng để tôi phải hết sức chú ý kiểm tra, theo dõi.

Bây giờ, tôi đã có thể rút ra một số điểm mà bấy lâu tới chưa để ý về hấn:

Hấn chưa bao giờ nhắc đến từ “uống”.

Hấn sợ cái ý nghĩ: bị “linh hồn” của bất cứ một sinh vật nào quấy rầy.

Hấn không sợ thiếu những gì hấn cần “để sống”. Hấn khinh bỉ mọi hình thức sống bậc thấp, tức là “những con vật nhỏ”, mặc dù hấn nghi mình bị ám bởi cái linh hồn của chúng.

Xét về lôgích, tất cả đi đầu này nói lên rằng hấn có một niềm tin rất vững chắc ở một cuộc sống bậc cao. Nhưng hấn lại rất sợ phải mang một gánh nặng linh hồn! Quan niệm về đời người của hấn là thế đấy!

Nhưng còn niềm tin của hấn? Không hiểu niềm tin ấy đã xuất phát từ đâu?... Lạy Chúa cứu khổ cứu nạn! Chính bá tước Dracula là kẻ đã đến với hấn và gieo rắc vào đầu hấn niềm tin của cuồng vọng. Liệu có còn sự khùng khiếp nào đang chờ đợi chúng tôi nữa không?

• Một lúc sau

Tôi kể cho Van Helsing nghe những hoài nghi trong lòng về Renfield. Dường như câu chuyện tôi kể đã làm ông nghĩ ngợi rất nhiều. Sau khi nghe tôi kể một lúc, ông đề nghị tôi dẫn đến gặp hấn. Đến gần cửa phòng hấn, hai chúng tôi hơi ngạc nhiên khi nghe thấy có tiếng hát, một giọng hát rất

vui vẻ. Bước vào phòng, chúng tôi còn ngạc nhiên hơn khi thấy những hạt đường được rải đầy gờ cửa sổ. Đàn ruồi, vốn không nhiều vào mùa thu, bắt đầu tới tập thi nhau bay vào khắp phòng. Chúng tôi định kéo hẳn về câu chuyện mà tôi vừa có dịp hàn huyên với hẳn nhưng không được, hẳn vẫn cứ hát nghêu ngao như chưa bao giờ có chúng tôi ở trước mặt. Hẳn đang gấp một mẫu giấy gì đó rồi nhét vào cuốn sổ tay.

Chúng tôi đành lặng lẽ ra về như khi vừa xuất hiện. Tối nay, tôi phải theo dõi xem hẳn có định giở trò gì không.

Thư của Công ty Mitchell, Sons & Candy gửi huân tước Godalming

“Ngày 1 tháng 10

Thưa ngài huân tước,

Chúng tôi thật hân hạnh khi lại có dịp được phục vụ ngài và được phép cung cấp cho ngài - theo đề nghị của ông Jonathan Harker - những thông tin liên quan đến việc mua bán khách sạn số 347 ở Piccadilly. Theo mong muốn của những người thực hiện chúc thư cho ngài Archibald Winter Suffield để lại, địa ốc này đã được bán cho bá tước Ville, một người nước ngoài và là người đã trực tiếp giao dịch, trả tiền mua ngôi nhà. Ngoài đi đầu này ra, chúng tôi không biết thêm bất cứ một chi tiết nào về người ngoại quốc này.

Mong tiếp tục có dịp được phục vụ ngài.

Mitchell, Sons & Candy”

Nhật ký của bác sĩ Seward

• Ngày 2 tháng 10

Tối hôm qua, tôi đã lệnh cho một tay giám thị đứng ngoài hành lang trước cửa phòng Renfield để theo dõi hẳn: ông ta không được phép rời khỏi

vị trí một phút nào, và nếu thấy có chuyện gì bất bình thường thì phải báo cho tôi biết ngay lập tức.

Sau bữa tối, chúng tôi quây quần ng ắ hút thuốc xung quanh bếp lửa ở phòng tôi (tất nhiên là Mina đã lên giường nằm nghỉ). Ai cũng đắm chiêu theo đuổi ý nghĩ của riêng mình. Quả thực chỉ có Jonathan mới cho phép công việc của chúng tôi đi tới thành công, tất cả chúng tôi đều thừa nhận vai trò quan trọng của anh.

Trước khi đi nghỉ, tôi quay lại chỗ tay giám thị trực đêm xem có vấn đề gì không. Tới phòng Renfield, tôi ngó nhìn hẩn qua cửa kính: hẩn đang ngủ say với những hơi thở đều đều.

Nhưng sáng nay, tay giám thị lại đến báo cáo với tôi rằng khoảng sau nửa đêm một chút, Renfield bất ngờ tỉnh dậy và không ngót gào thét, lảm nhảm cầu nguyện. Khi tôi hỏi còn chuyện gì nữa không, tay giám thị trả lời tất cả chỉ có vậy. Tôi đâm nghi ngờ: có lẽ ông ta đã ngủ quên. Khi tôi nói ra điều này, ông ta chối đây đẩy rằng ông ta không ngủ quên, mà chỉ “thiếp đi một lúc”.

Hôm nay, Jonathan vẫn tiếp tục lên đường với mong muốn tìm ra dấu vết mà hôm qua đã phát hiện được, trong khi huân tước Godalming và Quincey đi tìm mua ngựa. Huân tước cho rằng lúc này, mỗi thông tin mà chúng tôi đang chờ đợi đều không thể bị bỏ phí bởi sự chậm trễ của chúng tôi. Trong thời gian từ lúc mặt trời mọc đến khi mặt trời lặn, chúng tôi phải tìm cách vô hiệu hóa lòng đất chứa trong các thùng gỗ, chỉ có vậy chúng tôi mới có thể đối mặt với lão bá tước khi lão g ắ như mất hết quyền năng và nơi ẩn náu. Về phần mình, Van Helsing đã tới Bảo tàng Anh để tra cứu các cuốn sách thần y cổ xưa. Các thầy thuốc xưa thường có những khái niệm mà ngày nay chúng ta không còn chấp nhận nữa. Giáo sư muốn tìm những phương thuốc chống ma thuật và quỷ dữ mà ông cho là có ích cho chúng tôi sau này.

• *Một lúc sau*

Chúng tôi lại ng ỡ h ợp một l ần nữa. Nếu như các dấu vết của lão bá tước được phát hiện rõ ràng, thì có lẽ ngày mai sẽ là sự bắt đầu cho h ồi kết của câu chuyện khủng khiếp. Tôi tự hỏi liệu sự nguôi d ịu của Renfield lúc này có liên quan gì đến tình hình hiện tại hay không. Giả như chúng tôi biết được suy nghĩ trong đầu h ắn trong khoảng thời gian từ lúc tôi nói chuyện với h ắn đến lúc h ắn bắt ru ồi thì chuyện đã dễ phán đoán hơn...

Tay giám thị bỗng h ộc tốc chạy vào báo cho tôi biết Renfield đang có chuyện, hình như h ắn vừa bị tai nạn. Nghe tiếng h ắn kêu thảm thiết, ông ta vội chạy vào thì thấy h ắn đang nằm sóng soài dưới n ền nhà, mặt úp xuống đất, máu me đ ắm đ ìa. Tôi tức tốc chạy đến phòng h ắn...

Nhật ký của bác sĩ Seward

• Ngày 3 tháng 10

Tôi xin phép được kể lại chính xác tất cả những gì đã xảy ra - trong chừng mực có thể nhớ - kể từ khi cuốn nhật ký này tạm được gấp lại. Tôi sẽ cố gắng không bỏ sót một chi tiết nào còn vương lại trong ký ức của mình.

Khi tôi có mặt tại phòng Renfield, hắn vẫn đang nằm sóng soài giữa một vũng máu lênh láng trên nền nhà, người hơi nghiêng về bên trái. Lúc cúi xuống định nâng hắn dậy, tôi mới nhận ra hắn bị thương rất nặng, nhất là ở mặt: mặt hắn chính là nơi máu chảy ra thành vũng trên nền nhà, dường như hắn đã bị đập mặt nhiều lần xuống đất. Cúi xuống cùng tôi lật ngửa hắn dậy, tay giám thị lấp bấp:

— Chắc là hắn đã bị gãy cột sống. Ngài thử nhìn mà xem, tay phải, chân phải và toàn bộ một bên mặt hắn đều bị liệt hết cả rồi. Không hiểu sao hắn lại bị tai nạn nghiêm trọng đến thế.

Đây là câu hỏi khiến cho tay giám thị hết sức bất ngờ và lúng túng.

— Tôi chẳng hiểu tại sao cả. - Anh ta nhú mày thú nhận. - Tất nhiên là hắn bị thương vì bị đập mặt nhiều lần xuống nền nhà. Hồi trước, khi còn làm ở nhà thương Eversfield, tôi đã có lần thấy một phụ nữ cũng bị rơi vào tình trạng tương tự trước khi có người kịp lao vào ngăn chặn. Nếu hắn bị gãy cổ thì có thể bảo rằng hắn ngã vì bước hụt từ trên giường xuống, nhưng đằng này hắn lại bị thương ở mặt và gãy cả cột sống, thật không hiểu thế nào... Nếu lưng bị gãy thế này thì làm sao hắn có thể đập mặt xuống đất, và nếu hắn đã bị thương be bét ở mặt trước khi rơi khỏi giường thì ở trên chăn gối phải có vết máu chứ?

— Chạy đi gọi bác sĩ Van Helsing đến ngay đây - Tôi ra lệnh - Tôi cần ông ấy đến đây ngay bây giờ?

Tay giám thị tức tốc chạy đi gọi, và vài phút sau đã thấy anh ta hốt hải quay lại cùng với Van Helsing. Nhìn thấy Renfield nằm dài dưới đất, giáo sư kinh ngạc quan sát rồi quay sang bảo tôi:

— Một tai nạn thật đáng tiếc! Cần phải theo dõi hắn liên tục, đừng nên để hắn một mình nữa. Có lẽ tôi sẽ ở lại với hắn. Nhưng bây giờ tôi phải về thay quần áo cái đã, ai lại mặc đồ ngủ thế này. Nếu anh vẫn ở đây thì vài phút nữa ta sẽ gặp lại nhau.

Renfield bỗng thở rống lên, rõ ràng là hắn đang phải trải qua một cơn đau ghê gớm nhất trong đời. Vài phút sau, Van Helsing quay lại với túi dụng cụ phẫu thuật trên tay. Trong lúc quay về phòng thay quần áo, trong đầu ông đã có cách giải quyết đối với tên bệnh nhân của tôi. Trước khi khám cho hắn, ông nói nhỏ vào tai tôi:

— Anh bảo tay giám thị kia đi ra ngoài đi. Sau khi được phẫu thuật, Renfield sẽ hồi tỉnh, và tôi muốn khi đó chỉ có chúng ta ở lại đây với hắn.

— Cảm ơn Simmons, - Tôi nói với tay giám thị - chúng ta đã làm tất cả những gì có thể. Bây giờ, cần phải chờ đợi xem đã. Bác sĩ Van Helsing cần phải mổ cho hắn. Anh hãy đi thăm các bệnh nhân khác đi. Nếu có chuyện gì khác thường thì phải chạy về báo cho tôi biết ngay đấy nhé.

Đợi anh ta ra khỏi cửa, chúng tôi mới bắt đầu khám lại thật kỹ lưỡng cho tên bệnh nhân. Mặt hắn chỉ bị bị thương ở bên ngoài. Điều nghiêm trọng hơn là vết rạn khá dài ở sọ não. Van Helsing suy ngẫm một lát rồi bảo tôi:

— Trước hết, chúng ta phải làm hạ huyết áp động mạch xuống mức bình thường nếu có thể, mạch hắn đập nhanh khủng khiếp, sọ não hắn chắc chắn đã bị chấn thương, cần phải tiến hành khoan hút máu tụt ngay, nếu không sẽ muộn mất.

Ông chưa nói dứt lời thì bên ngoài chợt có tiếng gọi cửa. Tôi chạy vội ra xem ai, hóa ra là Arthur và Quincey, hai người vẫn đang mặc bộ đồ ngủ.

— Tôi nghe tiếng anh giám thị gọi bác sĩ Van Helsing và nói về vụ tai nạn. - Godalming phân trần với tôi. - Bởi vậy, tôi mới gọi Quincey chạy đến đây. Các sự kiện xảy ra nối tiếp nhau thật khó hiểu khiến cho hai chúng tôi không thể ngủ được. Thú thực là nằm vắt tay lên trán, tôi bỗng ngờ ngợ rằng ngày mai, chiều hướng của mọi sự việc xung quanh chúng ta có thể sẽ thay đổi. Chúng ta phải nhìn nhận lại những gì đã ở lại phía sau, thậm chí là phải nhìn nhận xa hơn một chút đối với những gì chúng ta đã làm được tới nay.

— Chúng tôi có thể vào được không?

Tôi mở cửa mời họ vào và lại đóng kín cửa lại. Nhìn thấy Renfield nằm dài trên một vũng máu, Quincey hỏi, mặt tái đi:

— Lạy Chúa, có chuyện gì với anh chàng tội nghiệp này thế?

Tôi vẫn tắt lại sự việc đã xảy ra và cũng nói luôn hy vọng của mình cùng Van Helsing: Renfield sẽ hồi tỉnh, dù chỉ là chốc lát, sau khi được phẫu thuật.

Nghe tôi nói, Quincey lẳng lặng ngõ xuống mép giường, Arthur đến đứng bên cạnh anh. Tất cả chúng tôi cùng chăm chú theo dõi Renfield.

— Cần phải đợi một lát mới được, - Van Helsing nói với chúng tôi - tôi phải kiểm tra chính xác đâu là điểm cần phải mổ để lấy ra cục máu đông. Rõ ràng hiện tượng xuất huyết của bệnh nhân đang mỗi lúc một trầm trọng hơn.

Từng phút trôi qua chậm chạp đến đáng sợ. Chúng tôi đổ dồn mắt nhìn bác sĩ Van Helsing, tất cả lúc này đều tùy thuộc vào chẩn đoán của ông. Về phần mình, thú thực là tôi không tin Renfield có thể nói với chúng tôi một điều gì đó. Tôi thậm chí còn không dám nghĩ đến điều đó. Nhịp thở của kẻ bất hạnh đang mỗi lúc một đứt đoạn rõ hơn, mặc dù có những giây lát hắt gây cho tôi cảm tưởng hắn đang định mở mắt để nói một đôi lời. Tiếng rống của hắn cũng trở nên khó nhọc hơn, hắn đang chìm vào tình trạng hôn mê hoàn toàn. Tôi cảm thấy mình không còn chịu nổi với bao nhiêu cảm xúc đang trào dâng vì hắn.

Nhìn những giọt mồ hôi lấm tấm trên trán những người bạn, tôi hiểu họ cũng đang chung một cảm xúc với tôi.

Rõ ràng là cái chết có thể đến với Renfield vào bất cứ lúc nào. Tôi ngoảnh lại nhìn thẳng vào mắt vị giáo sư già một hồi lâu.

— Đừng để mất thêm một phút nào nữa! - Ông nói. - Điếu hắn có thể tiết lộ cho chúng ta biết đâu sẽ cứu được rất nhiều mạng sống. Thậm chí nó còn mở ra một sự siêu thoát cho tâm hồn của hắn nữa. Chúng ta sẽ gấp cục máu đông ngay phía trên tai anh ta.

Đoạn ông bắt tay ngay vào công việc phẫu thuật của mình. Tên bệnh nhân thỉnh thoảng vẫn thở rống lên đau đớn, rồi chợt rú lên một tiếng thảm thiết xé lòng ngực. Ngay sau tiếng kêu đau đớn ấy, hắn mở tròn mắt ngạc nhiên, nét mặt vừa ngạc nhiên vừa vui sướng; tôi còn nghe rõ tiếng thở phào của hắn. Hắn vừa nói, vừa mỉm cười, khoe mép giật giật:

— Tôi sẽ bình thường lại thôi, thưa bác sĩ. Ngài hãy bảo họ cởi giùm tôi cái áo trói này ra với. Tôi vừa trải qua một giấc mơ khủng khiếp quá, nó khiến tôi kiệt sức và không thể cử động được nữa. Mặt tôi sao rồi? Tôi thấy nó rất như phải bóng ấy.

Hắn thử quay đầu sang một bên nhưng không nổi, có lẽ hắn đã thực sự cảm nhận được sự bất lực của mình, bởi ánh mắt vừa ánh lên niềm vui của hắn bỗng đang chuyển sang đờ đẫn như một kẻ chết rồi.

Van Helsing quan sát và chậm rãi bảo hắn:

— Renfield này, hãy kể cho chúng tôi nghe cơn mê của anh đi.

Nhận ra giọng nói của giáo sư, mặt hắn như rạng rỡ hắn lên bất chấp những vết thương còn đang rỉ máu.

— Thì ra là bác sĩ Van Helsing! Ngài thật tử tế khi vẫn còn nhớ tới tôi! Cho tôi xin ngụm nước, cổ họng tôi đang khô cháy lên đây. Rồi tôi sẽ kể cho các ông nghe... Tôi đã nằm mơ...

Hắn bỗng im bất như sắp sửa lại ngắt đi một lần nữa.

— Nhanh lên, - Tôi bảo Quincey - anh hãy chạy về lấy hộ tôi chai rượu mạnh vào đây! Trong phòng tôi ấy!

Morris gần như trở lại ngay lập tức, tay cầm theo một cái ly, một chai rượu mạnh nhỏ và một bình nước. Được nhấp môi một chút, Renfield tỉnh ngay, đôi mắt hắn ánh lên một nỗi buồn vô tận khiến suốt đời tôi cũng không thể quên được.

— Hắn là tôi không bị ảo giác đánh lừa, rõ ràng đây không phải giấc mơ, đây là một thực tại đáng sợ! - Hắn đồ dẫn đưa mắt nhìn khắp phòng và dừng lại ở hai người đang ngủ ã trên giường. - Nếu tôi còn nghi hoặc, thì sự có mặt của họ sẽ giúp tôi khẳng định là tôi đang sống với thực tại.

Hắn nhắm mắt lại một lát, không phải là do đau đớn hay mệt nhọc, mà là do hắn muốn tập trung sự chú ý của mình. Khi mở mắt ra, hắn vội vàng đi ngay vào câu chuyện bằng một nghị lực lớn nhất mà tôi chưa từng thấy ở hắn:

— Nhanh lên, bác sĩ! Phải nhanh lên! Tôi sắp chết rồi. Tôi cảm thấy mình chỉ còn sống được vài phút nữa thôi! Rồi tôi sẽ tìm về cái chết, hoặc một cái gì đó còn tệ hơn thế nữa! Cho tôi nhấp thêm một chút rượu nữa đi. Tôi có một vài điều muốn nói với các ông trước khi chết, hoặc trước khi đầu óc bị tê liệt hoàn toàn. Cảm ơn... Chuyện xảy ra vào cái đêm tôi xin các ông về nhà nhưng các ông không đồng ý và bỏ đi, để lại tôi trong phòng một mình. Khi đó, tôi rất muốn nói ra sự thật, nhưng sức ép không cho phép tôi làm như vậy, mặc dù tôi đã hoàn toàn tỉnh táo về lý trí, tỉnh táo như lúc này vậy. Hôm đó, sau khi các ông đi rồi, bỗng nhiên tôi cảm thấy mình bị chìm sâu vào một nỗi thất vọng vô tận không thể chịu nổi trong nhĩều giờ. Thế rồi sự tỉnh lặng trở lại với tôi lúc nào cũng chẳng rõ, tinh thần tôi trở lại thăng bằng, và lại nhận thức được mình đang ở đâu. Bỗng nhiên, tôi nghe thấy những tiếng chó sủa dữ dội sau nhà thương, đúng gần chỗ lão đứng!...

Từ nãy đến giờ, Van Helsing vẫn chăm chú nhìn Renfield nói và tránh những cử chỉ có thể gây mất tập trung cho đầu óc hắn. Thỉnh thoảng ông lại nắm chặt vào tay tôi.

— Anh cứ nói tiếp đi! - Ông khẽ nói với tên bệnh nhân.

— Và ngay sau đó, tôi thấy lão bất ngờ xuất hiện ngoài cửa sổ phòng mình với một lớp sương mù bao bọc xung quanh người như tôi vẫn thường thấy ở lão những lần trước, nhưng lần này lão chẳng có vẻ gì của một bóng ma cả, thay vào đó là đôi mắt long sòng sọc như đôi mắt của một kẻ đang nổi cơn thịnh nộ. Lão nhe răng cười trên đôi môi đỏ chót, và khi lão ngoái lại nhìn về những lùm cây, nơi có những con chó đang sủa ầm ĩ, tôi thấy hàm răng trắng và nhọn hoắt của lão chột lóe lên dưới ánh trăng. Lúc đầu, tôi không định bảo lão vào phòng, mặc dù đó là đi đâu lúc nào lão cũng rất muốn ở tôi. Nhưng sau đó, lão bắt đầu có những lời hứa đối với tôi, và đó không chỉ là những lời hứa suông, mà còn có cả những hành động tức thì.

— Lão hứa thế nào? - Giáo sư gặng hỏi.

— Đi đâu lão hứa được thực hiện ngay lập tức, ví dụ như khi mặt trời chiếu sáng, lão xua đàn ruồi bay đây vào phòng tôi. Tất cả đều là những con nhặng to bự có đôi cánh xanh óng ánh. Còn buổi tối, lão lại gửi đến tôi những con bướm sâu đo có cái đầu tử thần và những hình vẽ vận trên lưng.

Van Helsing gật đầu động viên hẳn nói tiếp, nhưng hẳn lại lảm nhảm một câu vô nghĩa trong trạng thái gần như không còn ý thức:

— *Acherontia Aitetropos du Sphinges...*

Nhưng hẳn cũng sức tỉnh ngay lập tức:

— Lão bắt đầu lảm bảm: “Đàn chuột đầu, đàn chuột đầu, đàn chuột đầu! Hàng trăm, hàng ngàn, hàng triệu con nhé rất nhiều mạng sống nhé. Cả đàn chó, đàn mèo đầu ruồi, đến nhai sống lũ vật hèn hạ này đi! Tất cả đều phải chảy máu, bao nhiêu máu chảy, bấy nhiêu năm được sống, không chỉ còn là ruồi nữa nhé?” Tôi cười thật khoái trí, bởi tôi muốn biết lão có những khả năng gì. Vừa lúc đó, có tiếng chó sủa ầm ĩ dưới kia, phía sau những lùm cây bên nhà lão. Lão ra hiệu cho tôi tiến gần lại cửa sổ. Tôi ngẩng dậy và tiến về phía lão. Lão giơ hai tay lên trời như muốn gọi một cái gì đó mà chẳng cần nói đến nửa lời. Và rồi một bóng đen sẫm không hiểu từ đâu bất ngờ ập đến trên thảm cỏ và lao vút về phía chúng tôi với rất nhiều đốm đỏ

trông chẳng khác nào một chùm pháo hoa. Lão đẩy lớp sương mù bao bọc sang hai bên. Ngay sau đó, tôi nhận ra hàng ngàn con chuột có những con mắt đỏ ngầu ánh lửa giống như đôi mắt lão, khác chẳng là nhỏ hơn một chút. Một lần nữa, lão dang rộng hai cánh tay lên: tất cả bỗng dừng lại. Tôi có cảm giác lão đang bảo tôi: “Tất cả những mạng sống này và sẽ còn nhiều mạng khác nữa, ta dành tặng cho người, và đi đâu quan trọng hơn, chúng sẽ thuộc về người từ thế kỷ này sang thế kỷ khác nếu như người chịu quỳ gối trước ta và tôn thờ ta!” Và thế là có một đám mây đỏ như máu lập tức kéo đến trước mắt tôi, khi tôi còn chưa kịp ý thức được đi đâu mình cần phải làm. Tôi mở cửa sổ gọi lão: “Vào đi, thưa Đức ông, thưa chủ nhân của tôi!” Đàn chuột biến mất, còn lão thì chui ngay qua cửa sổ, mặc dù cánh cửa chỉ hơi hé mở. Tôi có cảm giác lão lén vào như một ánh trăng mảnh mai lọt qua khe cửa cực hẹp để xuất hiện trước mặt tôi với đầy quyền uy.

Giọng kể của Renfield bỗng yếu đi rõ rệt, tôi cho hắn nhấp thêm một chút rượu mạnh, và hắn lại tiếp tục câu chuyện ác mộng của mình, nhưng trí nhớ của hắn bắt đầu có vấn đề, các sự kiện trong hồi ức của hắn có nguy cơ không được ráp nối lại thành mạch. Tôi định gọi lại đoạn hắn vừa nói, nhưng Van Helsing đã ngăn lại và nói nhỏ vào tai tôi:

— Cứ để hắn kể. Đừng ngắt mạch trí nhớ của hắn. Nhắc lại với hắn bây giờ là không thể được, thậm chí hắn còn không thể kể thêm được một điếu gì nữa một khi mạch suy nghĩ của hắn bị đứt hoàn toàn.

— Tôi ngời đời lão suốt cả ngày với hy vọng lão sẽ gửi cho tôi một cái gì đó. Nhưng không, chẳng có gì hết... ngay cả một con ruồi cũng không. Khi ánh trăng ló rạng, tôi bắt đầu giận phát điên vì lão. Khi thấy lão lờ lờ trườn vào phòng qua khe cửa sổ còn đóng kín, tôi nổi khùng lên thực sự. Nhìn tôi lên cơn điên, lão khoái trá cười sằng sặc hai mắt sáng quắc như lửa cháy trong lớp vỏ bọc sương mù. Lão cứ làm như phòng tôi là nhà của chính lão, còn tôi thì không hề tồn tại trên đời. Khi đi ngang qua người tôi,

toàn thân lão bốc ra một mùi gì đó thật khác thường. Tôi không thể giữ được lão. Tôi nghĩ rằng vào lúc đó, bà Harker đã về phòng mình rồi.

Arthur và Quincey sốt ruột đứng dậy, rón rén bước về phía sau Renfield nhưng không để hắn trông thấy. Lúc này, dù rất lo lắng và sốt ruột, nhưng Van Helsing vẫn phải im lặng và kiên nhẫn đợi hắn kể tiếp.

— Khi tới gặp tôi vào buổi chiều, bà Harker đã không còn là chính mình nữa. Tôi chỉ nghi ngờ về sự có mặt của bà ấy khi bà ấy bắt đầu lên tiếng. Không, bà ấy không còn là bà ấy nữa. Tôi không còn cảm thấy bị hấp dẫn bởi những người có nước da xanh xao, nhợt nhạt nữa, tôi chỉ thấy thích những người da dẻ hồng hào, mà bà ấy thì lại như không còn chút máu nào trong người nữa. Đi đâu đó không đập vào mắt tôi ngay khi bà ấy bước vào, nhưng khi bà ấy ra về tôi bắt đầu nghi ngờ, tôi nghĩ bà ấy đã bị lão bòn rút cuộc sống, và thế là tôi lại phát điên. Tối nay, tôi cũng đợi lão đến! Quả thực là lớp vỏ sương mù lại tiến đến gần phòng tôi và chui vào trong. Tôi đã chuẩn bị tinh thần để tóm lấy cái màn sương ma quỷ ấy! Hình như những người điên thường có một sức mạnh siêu nhiên nào đó, và vì biết mình cũng là một thằng điên, ít nhất thì cũng có đôi lúc như vậy, nên tôi đã quyết định phải sử dụng sức mạnh đó. Hình như lão cũng cảm nhận được ý nghĩ của tôi thì phải, bởi lão đã bước ra khỏi lớp vỏ sương mù để đánh nhau với tôi. Đơn giản là tôi không muốn lão tiếp tục tấn công một người đàn bà, thế thôi. Tôi trụ vững vàng lắm, thậm chí có lúc tôi còn cảm thấy mình có thể chơi lão ngon lành, nhưng khi tình cờ bắt gặp ánh mắt lão, người tôi bỗng nhũn như con chi chi. Dường như ánh mắt cuồn cuộn của lão đã thiêu trụi một cái gì trong con người tôi, sức mạnh của tôi tan dần, tan dần như một dòng nước yếu ớt. Chỉ đợi có vậy, lão bất ngờ tóm lấy tôi và dang tay quăng mạnh xuống đất, cho dù tôi đã cố tóm chặt lấy người lão một lần nữa. Lại có một đám mây nữa ùn ùn kéo đến trước mắt tôi cùng với những tiếng rên ầm ầm như tiếng sấm. Đám sương mù co cuộn lại, và loáng một cái, nó đã biến mất dạng dưới khe cửa ra vào.

Giọng hắn mỗi lúc một yếu dần, hơi thở của hắn cũng trở nên khó khăn hơn.

— Bây giờ, chúng ta đã biết một điếu cơ bản nhất nhưng cũng là điếu khủng khiếp nhất... - Van Helsing thốt lên. - Vậy là lão đang ở đây chứ không phải ở đâu xa, và chúng ta cũng rõ là lão đang tìm ai rồi. Có lẽ cũng chưa đến nỗi quá muộn. Tìm vũ khí đi thôi, giống như đêm hôm nọ ấy, nhưng phải nhanh lên, đừng chậm trễ thêm một phút nào nữa!

Khỏi phải tìm lời tả lại nỗi bàng hoàng và lo sợ của chúng tôi lúc này. Chúng tôi chạy nháo nhào về phòng mình, tìm lại những đồ vật đã được sử dụng hôm vào nhà lão bá tước. Giáo sư đã cần sẵn các thứ trong người, khi ra tới hành lang, ông chìa cả nắm cho chúng tôi xem và bảo:

— Lúc nào tôi cũng mang theo những thứ này bên mình, chúng sẽ là những vật bất ly thân của tôi, chừng nào nhiệm vụ của chúng ta còn chưa được hoàn thành. Cả các bạn nữa, làm gì cũng phải thận trọng mới được! Bởi lão bá tước không phải là một kẻ tâm thường, xin mọi người nhớ cho điếu đó. Lạy Chúa! Lạy Chúa! Nào ngờ Mina lại phải hứng chịu bất hạnh như vậy?

Giọng ông nghẹn ngào rồi im bặt. Về phần mình, tôi không thể nhanh nhẹn được nữa, không hiểu sự phẫn nộ hay nỗi khiếp sợ đã níu chặt bàn chân tôi.

Đến trước cửa phòng hai vợ chồng Harker, chúng tôi bỗng dừng cả lại.

— Chúng ta có nên đánh thức anh ta dậy không? - Quincey hỏi.

— Có chứ, cần phải gọi anh ta dậy, - Van Helsing đáp lại - và nếu cửa vẫn cứ khóa, ta phải phá ra mà xông vào thôi.

— Nhưng làm thế sẽ khiến họ sợ phát khiếp! Ai lại vào phòng phụ nữ như thế bao giờ? - Quincey nói, giọng rất hệ trọng.

— Bình thường thì anh có lý, nhưng vấn đề lúc này là sống hay là chết. Một bác sĩ có thể vào tất cả các phòng bất cứ khi nào và cách nào anh ta muốn và nếu điếu đó vẫn chưa thể chấp nhận được theo thường lệ thì tối hôm nay, nó phải được chấp đối với tôi. Anh bạn John ạ, tôi sẽ xoay chốt

cửa, nếu cánh cửa vẫn không chịu mở thì anh phải hích vai thật mạnh vào đấy nhé! Cả hai anh bạn này cũng vậy. Nào, bắt đầu nhé?

Ông xoay mạnh tay nắm cửa, nhưng cánh cửa vẫn không hề nhúc nhích. Cả nhóm chúng tôi hè nhau hích mạnh vai khiến cánh cửa bật mở đánh rầm, Van Helsing mất đà ngã bổ chửng, khiến chúng tôi loạng choạng suýt ngã theo. Trong khi giáo sư còn chưa kịp đứng dậy, tôi bỗng bủn rủn hết cả người, tóc dựng ngược như lông nhím vì cảnh tượng hãi hùng trong phòng.

Ánh trăng vàng vạc tỏa ánh vàng xuống vạn vật ngoài kia, dù bị bức màn da cam treo trên cửa sổ chặn lại, vẫn đủ sáng để soi tỏ căn phòng. Chúng tôi hoàn toàn nhìn rõ những gì đang diễn ra bên trong. John Harker đang nằm kia, trên chiếc giường đặt gần cửa sổ, nhưng mặt anh thì đỏ như gấc, hơi thở nặng nhọc trong tình trạng mê man bất tỉnh. Đang quỳ gối trên một chiếc giường khác, ở phía mép giường gần chúng tôi, là bóng một người đàn bà mặc đồ trắng, và đứng sát ngay người đàn bà ấy là một bóng đàn ông cao lớn mặc bộ đồ đen, người gầy đét. Mặc dù không đối diện nhau, nhưng chúng tôi vẫn nhận ngay ra đó là lão bá tước. Tay trái lão túm chặt hai cánh tay đang duỗi thẳng về một bên của người phụ nữ, trong khi tay phải tóm thô bạo vào gáy cô. Thấy chúng tôi xông vào, lão quay phắt lại: trước mắt chúng tôi là một bộ mặt xanh tái đầy những nét ma quỷ, giống hệt như những gì Jonathan đã mô tả trong nhật ký của anh. Vâng, tôi nhận ra trên bộ mặt ấy hai con mắt ngùn ngụt lửa tức giận, cái mũi khoằm như mỏ diều hâu đang thở phì phò, hai hàm răng trắng ớn và nhọn hoắt sau đôi môi đỏ chót. Cơn giận điên cuồng khiến lão đẩy người phụ nữ ngã dập ngã xuống giường và nhảy xổ về phía chúng tôi. Nhưng Van Helsing đã kịp giờ chiếc bánh thánh ra trước mặt, buộc lão phải đứng im và lùi lại, giống hệt như trường hợp của Lucy ngoài nhà mồ đêm nọ. Chúng tôi càng tiến tới, lão càng lùi lại và nhỏ dần đi. Bên ngoài, một đám mây đen khổng lồ bất ngờ bay ngang qua mặt trăng khiến cho cảnh vật tối đen lại.

Khi Quincey kịp bật đèn lên thì trước mắt chúng tôi chỉ còn là một làn hơi sương mờ mờ luồn qua khe cửa. Van Helsing, tôi và Arthur vội vàng

ào đến bên giường Mina. Tiếng thét tuyệt vọng của cô như vang vọng mãi trong đầu tôi, khiến tôi có cảm giác đến cuối đời mình cũng chẳng thể quên được. Người cô lả đi như một tàu lá úa, nét mặt tái mét, giật giật liên hồi lộ rõ sự khiếp sợ, còn ánh mắt thì đờ đẫn, vô hồn như một kẻ điên dại, từ cổ cô vẫn đang rỉ ra một dòng máu nhỏ. Nhận ra chúng tôi, cô bùng mắt như muốn che đi nỗi tủi nhục, tan nát trong lòng. Tôi hiểu tiếng thét của cô chỉ là xúc cảm tạm thời của một cảm xúc đau đớn và tuyệt vọng đến vô tận.

Quincey thất thần đứng nhìn Mina rồi lặng lẽ bỏ ra ngoài không hiểu để làm gì, trong khi Van Helsing kéo tấm chăn đắp nhẹ lên người cô và nói nhỏ vào tai tôi:

— Theo như kinh nghiệm của tôi, Jonathan cũng đang rơi vào trạng thái khiếp nhược tột độ mà chỉ có “*ma cà rồng*” mới tạo ra nổi. Chúng ta chưa thể làm gì cho người phụ nữ tội nghiệp này trước khi cô hồi tỉnh, nhưng còn Jonathan, chúng ta phải làm cho anh ta tỉnh dậy.

Giáo sư nhúng một tấm khăn vào nước lạnh và khẽ vỗ lên hai má Jonathan, trong khi Mina vẫn ôm mặt thẫn thức miên man. Tôi kéo rèm nhìn ra cửa sổ.

Đám mây bay đi rồi, ánh trăng vàng vạc sáng trở lại. Tôi bỗng nhận ra Quincey đang vừa đi vừa chạy qua thảm cỏ dưới vườn và biến mất dạng dưới một lùm cây thông. Có chuyện gì thế nhỉ? Tôi thật không hiểu. Cùng lúc đó, tiếng kêu ú ở nửa tỉnh nửa mê của Jonathan làm tôi giật mình quay lại. Tôi đọc được sự ngạc nhiên trên nét mặt ngờ ngác của anh. Để phải đến một phút sau, anh mới trở lại với thực tại trước khi ngất đi. Có lẽ tiếng kêu bất ngờ và hành động giật cục của anh đã làm Mina bừng tỉnh. Cô quay ngoắt về phía anh, hai tay dang rộng như muốn ôm chầm lấy người chồng thân yêu, nhưng rồi lại vội co về ôm mặt, toàn thân run lên bần bật.

— Chúa ơi! - Jonathan quỳ xuống giường than thở. - Có chuyện gì thế này? Bác sĩ Van Helsing, bác sĩ Seward, có chuyện gì thế này? Đã xảy ra chuyện gì thế này? Mina ơi, em bị làm sao vậy? Sao người em lại dính máu

thế kia? Thượng đế ời! Chúa ời! Hãy cứu giúp chúng tôi với, hãy giúp cô ấy với!

Rồi anh nhảy bổ xuống nền nhà như chuẩn bị ra tay hành động trước đòi hỏi cấp thiết của tình thế.

— Đã xảy ra chuyện gì thế này? Kể cho tôi nghe đi! - Anh gặng hỏi như không tin ở sự thật, nét mặt còn chưa hết bàng hoàng. - Thưa bác sĩ Van Helsing, tôi biết ngài đã dành trọn tình bạn cao cả cho Mina. Ngài hãy làm ơn cứu cô ấy đi! Ngài có thể làm được mà, chưa đến nỗi quá muộn đâu, phải không bác sĩ? Ngài hãy chăm sóc cô ấy, để tôi đuổi theo lão!

Mặc dù đầu óc còn đang rối loạn, nhưng Mina đã phần nào hiểu ra sự nguy hiểm sắp đến gần với cô. Quên hết mọi sự đau khổ ê chề, cô nắm chặt tay anh kéo lại:

— Đừng đi, Jonathan! Đừng đi làm gì cả, anh ời! Chúa đã biết tình cảnh đêm nay của em rồi! Anh có đi cũng chỉ làm mồi cho lão mà thôi, làm sao em chịu nổi cảnh vắng anh trong lúc này. Đừng bỏ mặc em mà đi. Hãy ở lại đây với em và những người bạn của mình đi!

Càng nói, cô càng xúc động mạnh hơn. Lời nói nghẹn ngào của cô khiến Jonathan không thể đành lòng bỏ đi. Cô kéo anh ngồi xuống giường và ôm ghì lấy anh.

Van Helsing và tôi phải cố gắng lựa lời an ủi hai vợ chồng bất hạnh. Giáo sư chìa cây thánh giá vàng ra trước mặt võ vờ họ:

— Đừng sợ gì cả, các bạn ạ, đã có chúng tôi ở đây, chừng nào cây thánh giá còn ở bên các bạn thì chừng đó các bạn sẽ chẳng thể bất hạnh được. Đêm nay, các bạn đã được che chở. Đừng lo nghĩ nhiều làm gì, chúng ta còn phải bình tĩnh để suy nghĩ về những việc cần làm chứ.

Mina ngã đầu vào lòng người chồng yêu dấu và không than vãn gì thêm, nhưng người cô run rẩy như phải sốt. Khi cô đứng dậy, tôi chợt nhận ra mảnh áo sori trên ngực Jonathan có dính vết máu từ môi cô và những vết máu khác chảy xuống từ cổ cô. Như sự hiểu ra mình vừa nạn nhân của lão bá tước, cô giật mình lùi lại trong tiếng nấc nghẹn ngào:

— Dơ bẩn, tôi đã trở thành một kẻ dơ bẩn!... Vậy là tôi chẳng còn bao giờ được ôm hôn anh ấy nữa rồi! Trời ơi! Tôi bây giờ đã trở thành kẻ thù khốn nạn nhất của anh ấy và mọi người, tôi là kẻ đáng khinh bỉ nhất!

— Đừng nói thế, Mina! - Jonathan an ủi bằng một giọng quả quyết - Tại sao em lại nói thế? Anh không cho phép em nói như vậy vì bất cứ lý do gì. Cho dù anh có phải hứng chịu những đau khổ thế nào thì cũng không có chuyện anh bỏ mặc em.

Anh ôm chầm lấy người vợ bé nhỏ và ghì chặt vào lòng. Cô cắn chặt môi, cố nén những tiếng nức nở tưởng chừng không bao giờ dứt.

Cuối cùng, khi những tiếng thốn thức của người vợ hiền đã dịu đi, Jonathan cố lấy bình tĩnh hỏi lại tôi, mặc dù giọng không giấu được vẻ căng thẳng:

— Thưa bác sĩ Seward, bây giờ anh hãy kể cho tôi nghe chuyện đã xảy ra thế nào. Tôi chỉ thấy kết quả là cô ấy có vẻ quá...

Dù không muốn, nhưng tôi vẫn cố gắng kể lại toàn bộ chi tiết chuyện đã xảy ra. Anh lắng người nghe tôi kể, hai mắt bừng bừng ánh lửa căm giận và khát khao trả thù kẻ khốn kiếp kia. Mặc dù vậy, anh vẫn không quên vuốt ve mái tóc rối bời của người vợ trẻ.

Khi tôi vừa kết thúc câu chuyện cũng là khi Quincey và huân tước Godalming gõ cửa bước vào. Van Helsing đưa mắt nhìn tôi như muốn nhắc phải tranh thủ sự xuất hiện trở lại của họ để nói lảng sang chuyện khác, sao cho hai vợ chồng trẻ bất hạnh không còn quá bận tâm đến nhau nữa. Tôi khẽ gật đầu đồng ý để ông hỏi chuyện hai người bạn vừa về.

— Tôi chạy ra ngoài xem Dracula biến đi đằng nào, nhưng tìm dọc hành lang và mò mẫm ở tất cả các phòng mà vẫn không thấy bóng dáng lão đâu. - Huân tước Godalming đáp lời - Tôi còn vào cả phòng làm việc của bác sĩ Seward, nhưng lão đã...

Arthur chợt im bặt khi nhìn thấy Mina nằm dài trên giường.

— Anh định nói gì phải không, Arthur? - Van Helsing gặng hỏi. - Nói tiếp đi chứ, Arthur. Tôi hy vọng những lời anh sắp nói ra sẽ là lối thoát cho

chúng ta. Nói đi anh bạn!

— Chắc hẳn lão đã vào phòng làm việc, - Arthur nói tiếp - bởi trong đó, mọi thứ đều bị vứt ngổn ngang, lộn xộn như một đồng rác. Sổ sách, giấy tờ đều bị thiêu trụi. Khi chúng tôi chạy vào, lửa vẫn còn đang cháy. Các ống băng từ ghi nhật ký của bác sĩ Seward cũng bị quăng cả vào lửa rồi.

Tôi giật mình ngắt lời anh ta:

— Nhưng tôi vẫn còn một bản khác cất trong hòm kia mà?

Arthur thở phào và mỉm cười nhìn tôi, nhưng rồi lại im ngay lập tức.

— Tôi đã chạy xuống cầu thang, nhưng không thấy... Tôi phi hộc tốc sang phòng Renfield, cũng chẳng có, nếu không phải là...

— Là thế nào? Nói tiếp đi chứ! - Jonathan sốt ruột thúc giục.

— Nếu không phải là tên bệnh nhân này đã chết.

Arthur vừa hạ giọng vừa nuốt nước miếng, cố nói cho hết câu. Về phần mình, tôi không thể xua đuổi được ý nghĩ huân tước Godalming đang giấu chúng tôi một điều gì đó, nhưng vì cảnh ngộ của hai vợ chồng Jonathan lúc này thật éo le, nên tôi không dám hỏi anh, dù chỉ là một câu.

Van Helsing quay sang hỏi Morris:

— Thế còn anh, anh có chuyện gì để kể cho chúng tôi không, Morris?

— Chẳng có gì nhiều. Có lẽ để chốc nữa tôi sẽ nói cụ thể hơn... có thể là... Theo tôi, trước khi rời khỏi đây, chúng ta cần phải biết lão bá tước biến đi đằng nào đã. Quả thực chẳng biết lão đã rúc vào chỗ nào. Tôi chỉ thấy một con dơi từ cửa sổ phòng Renfield bay về phía đông. Tôi đã rình xem nó biến hóa thế nào khi về ngôi nhà Carfax, nhưng rõ ràng là nó lại bay đi một hướng khác. Vậy là đêm nay lão sẽ không về bởi trời cũng sắp sáng rồi. Mà ngày mai chúng ta lại không thể không hành động.

Morris nói như rít qua kẽ răng. Những lời anh nói làm chúng tôi lặng người đi ít phút. Bầu không khí im lặng khiến tôi cảm thấy mình có thể nghe được nhịp đập trong lồng ngực của từng người. Van Helsing quay sang vỗ về Mina và hỏi cô:

— Mina à, bây giờ bà có thể kể lại cho chúng tôi nghe những chuyện đã xảy ra được không? Chúa muốn rằng bà sẽ chia sẻ với chúng tôi nỗi đau này, nhưng đi đâu cần thiết bây giờ là chúng tôi phải được biết thật tường tận mọi chi tiết liên quan đến bà vừa rồi. Hơn bao giờ hết, chúng ta cần phải hành động cho thật nhanh. Chúng ta có thể đi tới đích, nhưng cơ hội sẽ đến nhanh hơn nếu như chúng ta biết nhiều hơn về sự việc để giành chiến thắng cuối cùng.

Mina rung mình ngả người vào anh chồng tội nghiệp, tôi rất hiểu tâm trạng căng thẳng của cô lúc này. Nhưng rồi cô cũng ngẩng mặt lên và siết chặt bàn tay Jonathan, vẻ rất quả quyết trước những lời động viên của vị giáo sư già.

— Tôi đã uống viên thuốc an thần mà bác sĩ đã đưa cho, nhưng đợi mãi vẫn chẳng có tác dụng gì. Trái lại, càng lúc tôi lại càng thấy khó ngủ hơn. Đầu óc tôi bắt đầu bị đảo lộn, rồi bời, bởi không biết bao nhiêu ý nghĩ khủng khiếp nhất, và tất cả các ý nghĩ quái gở đó đều dẫn tôi tới chỗ nhìn thấy cái chết bởi tay con “*ma cà rồng*”, bởi máu me, sự đau đớn và nỗi đáng cay buồn phiền.

Jonathan bàng hoàng nghe người vợ kể lại nỗi buồn tủi của mình, rõ ràng anh cũng đang rất căng thẳng, nhưng cô đã quay sang nhẹ nhàng an ủi anh:

— Đừng nghĩ ngợi nhiều, anh yêu. Anh phải dũng cảm và mạnh mẽ lên thì mới có thể giúp em vượt qua được khó khăn này. Nếu hiểu em đã phải rất cố gắng để nói ra được câu chuyện khủng khiếp đêm nay thì anh mới thấy em cần sự giúp đỡ của anh và mọi người như thế nào. - Nói đến đây, cô lại quay sang nhìn chúng tôi. - Vâng, tôi nói là tôi muốn ngủ, và tôi làm mọi cách để có thể ngủ được. Chắc hẳn là lúc đầu, giấc ngủ phải đến với tôi nhanh lắm, vì tôi chẳng còn nhớ được gì nữa. Jonathan về lúc nào tôi cũng chẳng biết. Tôi chỉ chợt tỉnh giấc và nhận ra anh đang nằm ngủ một lúc sau đó. Và rồi màn sương trắng lại một lần nữa lập lòe bay vào trong phòng... Quên mất, không hiểu là mọi người đã biết đi đâu tôi đang định nói

hay chưa... Khi nào đọc những gì tôi vừa viết, chắc mọi người sẽ được biết về màn sương trắng ấy. Quả thực tôi đã linh cảm thấy sự xuất hiện của một kẻ lạ mặt nào đó ở trong phòng, trong người tôi bắt đầu trào dâng một cảm giác lo sợ rất mơ hồ. Tôi quay sang đánh thức Jonathan nhưng không được. Anh ngủ say đến nỗi tôi có cảm giác chính anh là người đã uống thuốc ngủ chứ không phải tôi. Tôi muốn rụng rời chân tay khi len lén liếc nhìn xung quanh căn phòng, trong lòng tự hỏi không hiểu đang có chuyện gì xảy ra. Tôi khiếp đảm khi thình lình nhận ra rằng ở ngay cạnh giường mình, hình như có một bóng người đàn ông, cao lớn, nhưng gầy nhẳng, vừa bước ra khỏi màn sương mù, hay nói đúng hơn là màn sương mù chợt như tan đi, để trở ra một bóng người mặc toàn đồ đen. Theo như mô tả đã được đọc trong nhật ký của Jonathan, tôi nhận ngay ra đó chính là Dracula. Tôi định gào lên nhưng không thể được, nỗi khiếp sợ đã làm toàn thân tôi tê dại. Lão chỉ tay về phía Jonathan và ra lệnh cho tôi bằng một giọng rì rầm, vắng vắng như từ cõi âm vọng về “Cần mồi! Nếu không nó sẽ phải trả giá đấy! Ta sẽ đập nát nó ngay trước mắt người cho mà xem!” Thú thực tôi không đủ sức để cãi lại, hoặc có một cử động dù là nhỏ nhất nào đó. Lão nhếch mép cười khinh bỉ, rồi một tay đặt lên vai tôi, tay còn lại túm gáy tôi và kéo ghì đầu tôi vào ngực lão. “Bây giờ thì mọi nỗ lực của ta đều đã được đền bù xứng đáng! - Lão gằn giọng. - Nào, im nào! Đây không phải là lần đầu tiên, cũng chẳng phải là lần thứ hai dòng máu từ trong người làm cho ta dịu cơn khát đâu nhé!” Tôi hồn siêu phách lạc, nhưng lạ một nỗi là tôi không hề thấy mình muốn cự tuyệt cơn thèm khát của lão. Tôi cho đó là kết quả của một trong những lời nguyền đáng sợ nhất đè nặng lên các nạn nhân của lão. Ôi! Chúa ơi, hãy rủ lòng thương con! Thế rồi đôi môi bản thủ của lão cứ dán chặt vào cổ tôi.

Jonathan nghiến chặt hai hàm răng như muốn kìm nén nỗi đau trong lòng, người anh run lên vì tức giận. Mina chẳng biết làm gì hơn là siết chặt bàn tay anh để chia sẻ nỗi niềm cùng người chồng.

— Sức mạnh trong người tôi cạn kiệt dần, tôi thấy mình như muốn lả đi đến ngất xỉu. Tôi không biết mình phải chịu đựng như vậy bao nhiêu lâu, chỉ biết rằng cảm giác đó cứ kéo dài mãi cho tới khi lão rời xa cái mồm bản thủ vấy máu khỏi cổ tôi.

Nếu không có Jonathan bên cạnh, có lẽ cô đã ngã vật xuống giường, vì không chịu nổi sự nhục nhã khi nhớ lại hình ảnh ghê tởm ấy. Nhưng ngay sau đó, cô đã cố gắng bình tĩnh trở lại và kể tiếp:

— Rồi lão lại nhếch mép cười, vẻ rất khinh bỉ: “Vậy là cả người nữa, người cũng góp phần phá kế hoạch của ta, người chính là kẻ tòng phạm của mấy thằng đàn ông đang tìm cách chống lại ta! Nhưng bây giờ, cũng như sắp tới đây thôi, cả người và chúng đầu sẽ hiểu thế nào là hậu quả của việc thích ngáng đường người khác. Lẽ ra, chúng nên dùng sức còm của chúng vào những việc khác nhỏ mọn hơn mới phải. Ta đã từng đập tan kế hoạch của không biết bao nhiêu kẻ trong những thế kỷ qua rồi, đối với bọn này cũng thế thôi. Còn người, một đồng minh rất thân thiết và quý hóa của chúng, bây giờ đã thuộc về ta, người sẽ là máu thịt của ta, thỏa mãn mọi ham muốn của ta và mãi mãi về sau này, người sẽ là bạn đồng hành và kẻ làm việc thiện của ta! Rồi người sẽ có thời gian để sửa chữa lỗi lầm của mình, bởi lũ đàn ông kia không thể từ chối người bất cứ một đi đâu gì người đòi hỏi ở chúng. Nhưng bây giờ, người cần phải bị trừng phạt trước vì tội tòng phạm. Người đã hứa với chúng làm hại ta. Thế đấy! Từ nay trở đi, người sẽ phải đáp lại tiếng gọi của ta. Khi nào trong suy tưởng, ta gọi người: “*Hãy lại đây*”, thì ngay lập tức, người sẽ phải băng rừng, qua núi, vượt bể để đến gặp ta...”

Ngoài kia, một ngày mới lại bắt đầu. Jonathan vẫn lặng im nghe câu chuyện xót xa, tủi nhục của người vợ hiền, mặt anh tối sầm lại với những giọt mồ hôi lấm tấm. Tôi giật mình khi nhận ra những sợi tóc bạc dính bết trên trán anh.

Cả ngày hôm nay, nhóm chúng tôi phải thay nhau để mắt tới hai vợ chồng người bạn bất hạnh, đề phòng trường hợp có chuyện không hay xảy

ra còn có cách ứng cứu. Quả thực là hôm nay, tôi chỉ dám chắc có một điều: ánh mặt trời rạng rỡ không đủ để soi sáng ngôi nhà đang tràn ngập nỗi buồn của chúng tôi.

Chúng tôi sẽ lại ngồi họp bàn cùng nhau với hy vọng nhanh chóng tìm ra phương án hành động chắc chắn nhất.

Nhật ký của Jonathan Harker

• Ngày 3 tháng 10

Tôi cảm thấy nếu không làm gì thì sẽ phát rồ lên mất, vì vậy, tôi lại phải viết nhật ký. Bây giờ là sáu giờ rưỡi, nửa tiếng đồng hồ nữa, chúng tôi sẽ lại ngồi điếm tâm với nhau ở phòng bác sĩ Seward. Anh và Van Helsing bảo tôi dù thế nào cũng phải cố gắng ăn một chút, để còn lấy sức tiếp tục làm việc. Hôm nay, biết đâu chẳng có việc đòi hỏi chúng tôi phải nỗ lực hơn nhiều. Tôi cần bút viết đại vài dòng vào đây, bởi nếu dừng lại, tôi sợ mình sẽ lại nghĩ ngợi lung tung. Đúng là tất cả những gì chúng tôi biết cho đến nay vẫn chưa được dùng vào việc gì hết. Nhưng dù sao, tôi và Mina vẫn phải tin tưởng và hy vọng vào kết quả tốt đẹp cuối cùng. Nhà tôi vừa tâm sự rằng chính trong những lúc khốn khó như thế này chúng tôi mới chứng tỏ được sự chung thủy với nhau, vì vậy đừng để mình bị gục ngã trước hoàn cảnh, thế nào Chúa cũng sẽ bảo vệ chúng tôi đến cùng. Đến cùng! Ôi! Chúa ơi! Đến cùng cái gì mới được chứ?...

Khi bác sĩ Van Helsing và bác sĩ Seward từ phòng Renfield trở về, chúng tôi lại ngồi bàn bạc với nhau về những việc cần phải làm. Trước tiên, Seward kể lại cho chúng tôi nghe chuyện của tên bệnh nhân: khi xuống tới phòng hắn, anh và Van Helsing thấy hắn đang nằm dài trên nền nhà, mặt be bét những vết thương, xương sống bị gãy nát. Thực ra, trước đó bác sĩ Seward đã bảo một giám thị nhà thương trông nom và đứng gác ở hành lang ngoài cửa phòng hắn. Tay giám thị đã không làm tròn nhiệm vụ, bởi anh ta thú nhận rằng trong lúc trực, anh ta đã ngủ gà ngủ gật. Chính cái lúc gà gật đó, anh ta giật mình khi nghe thấy những tiếng kêu thất thanh của Renfield trong phòng: “Chúa ơi! Chúa ơi!... Chúa ơi!...” Tiếp đó là một tiếng rơi huych nặng nề xuống nền nhà. Khi chạy vào, anh ta trông thấy

Renfield đang nằm sóng soài dưới đất, đúng như hiện trạng mà Seward đã được chứng kiến. Van Helsing hỏi tay giám thị lúc đó có giọng nói của một hay nhiều người, nhưng anh ta đã không trả lời được. Lúc đầu, anh ta cảm giác trong phòng không thể chỉ có một mình Renfield, nhưng khi học tốc chạy vào ngay sau khi có tiếng va đập dưới nền nhà, anh ta chẳng trông thấy ai khác. Và anh ta thề rằng chỉ có Renfield kêu “Chúa ơi!” mà thôi.

Bác sĩ Seward nói với chúng tôi rằng anh không muốn đẩy sự việc đi quá xa, bởi thế nào nhà chức trách cũng sẽ tiến hành một cuộc điều tra, mà chúng tôi có tìm hiểu thêm vấn đề cũng chẳng có ích lợi gì cho việc nói ra sự thật, vì sẽ chẳng có ai tin vào sự thật mà chúng tôi nêu ra. Anh nói tốt nhất cứ bảo tay giám thị làm giấy chứng tử cho Renfield, với kết luận hẳn bị tai nạn sau khi bị ngã lộn cổ từ trên giường xuống. Nếu có tiến hành điều tra, nhà chức trách cũng chỉ có thể cùng đi đến một kết luận như vậy mà thôi.

Nhưng sau đó, chúng tôi sẽ phải làm gì đây? Giờ quyết định đã điểm rồi. Tất cả những người đàn ông chúng tôi đều đồng ý với một quyết định: nếu không thể về Exeter, Mina lại một lần nữa trực tiếp tham gia nhóm chúng tôi, cô sẽ lại được biết mọi hành động của chúng tôi. Như vậy cô lại có dịp được chia sẻ niềm vui, nỗi buồn và cả tâm trạng lo lắng cùng chúng tôi trong mỗi lần ngỗ bàn bạc, đồng thời cũng cũng là dịp để cô cố gắng chứng tỏ lòng can đảm của mình.

— Đừng, xin mọi người hãy đừng giấu tôi điều gì nữa có được không? Tôi đã phải câm lặng và mù tịt trước rất nhiều chuyện rồi. Hơn nữa, qua những gì tôi vừa được biết, xin mọi người đừng tin là tôi không thể chịu đựng thêm được một điều gì ngoài những bất hạnh mà tôi đã phải trải qua từ trước đến nay! Ngược lại, tôi có lý do chính đáng để hy vọng và chứng tỏ sự dũng cảm của mình trước bất cứ một điều gì khác có thể xảy ra!

Van Helsing vẫn chăm chú ngỗ quan sát cô từ nãy đến giờ, hình như ông đang nhận ra một điều gì đó khác thường ở cô thì phải, bởi ông bỗng dừng hỏi cô:

— Nhưng Mina, chẳng lẽ bà cảm thấy không sợ sau những gì vừa xảy ra hay sao? Không phải là sợ cho bà, ý tôi muốn là sợ cho những người thân xung quanh bà kia!

Nét mặt cô chợt đanh lại, còn ánh mắt thì long lanh thể hiện sự chấp nhận hy sinh của một kẻ tử vì đạo. Cô trả lời:

— Không! Không! Bởi vì tôi đã quyết định rồi.

— Quyết định? - Giáo sư tròn mắt hỏi lại.

Chúng tôi im lặng nhìn nhau, bởi gần như ai cũng đoán ra điều cô muốn nói.

Cô trả lời thản nhiên như sự việc hiển nhiên phải là thế vậy:

— Đúng thế! Nếu bao giờ nhận thấy mình không còn muốn người mình yêu nữa, tôi sẽ chết!

— Bà không nói là bà sẽ tự tử đấy chứ? - Giáo sư ngạc nhiên hỏi lại, giọng khàn khàn.

— Có chứ... Trừ phi tôi có một người bạn thật sự muốn chia sẻ với mình nỗ lực hoàn thành một nhiệm vụ khủng khiếp đến như vậy!

Cô đưa mắt nhìn vị giáo sư bằng ánh mắt đầy ý nhị. Nghe cô nói, ông từ từ đứng dậy xoa nhẹ lên mái tóc rối bời của cô và trịnh trọng nói:

— Mina ạ, bà đang có một người bạn đây. Ông ta sẽ hành động nếu như bà rơi vào nguy hiểm. Chúa sẽ chứng giám cho tôi đi đầu đó, tôi sẽ không bao giờ lùi bước trước hiểm nguy vì bạn bè mình, nếu cần, tôi có thể hành động ngay bây giờ. Nhưng, thưa bà...

Cảm xúc trào dâng trong lòng khiến ông nghẹn ngào không nói hết câu, phải một lát sau, khi đã bình tĩnh trở lại, ông mới có thể nói tiếp:

— Có một người đã quên mình đứng giữa bà và thần chết. Bà không nên chết như vậy. Không có bất cứ bàn tay nào có thể đẩy bà đến với cái chết, trừ phi là bàn tay của chính bà. Cho đến ngày kẻ đã làm vấy bẩn cuộc sống của bà bị chết thực sự, bà sẽ không thể chết được! Bởi chừng nào còn một *kẻ bất tử* còn sống để gây tội ác như lão, thì cái chết của bà sẽ làm cho bà trở thành một kẻ giống như lão. Bà phải sống! Bà phải chiến đấu, chiến

đấu vì cuộc sống, kể cả khi bà tưởng rằng cái chết sẽ là một đi ầu thiện nên làm. Bà phải chiến đấu chống lại chính th ần chết, cho dù nó đến với bà trong lúc bà đau khổ hay vui sướng, ngày hay đêm, bình yên hay lúc gặp nguy hiểm! Để giải thoát cho tâm h ồn của bà, tôi đề nghị bà hãy đừng chết... hoặc đừng bao giờ nghĩ tới cái chết, cho tới khi con quỷ kia bị hủy diệt!

Toàn thân Mina run b ần bật như phải sốt, mặt tái nhợt như một xác chết thực sự. Chúng tôi vẫn ng ồi im, bởi chẳng ai biết phải nói gì vào lúc này. Phải một lúc sau, khi đã trấn tĩnh lại, cô mới ngẩng mặt lên nói với giáo sư, giọng bu ồn bu ồn:

— Tôi xin hứa với ngài, người bạn thân thiết của chúng tôi, rằng nếu Chúa muốn tôi phải sống, tôi sẽ cố gắng hết mình cho tới khi những đi ầu khủng khiếp kia kết thúc.

Sự dũng cảm và lòng quyết tâm của Mina chẳng khác nào một lu ồng sinh khí tiếp thêm sức mạnh và lòng can đảm cho chúng tôi trong cuộc chiến không cân sức chống lại kẻ thù độc ác đang chờ đợi mình ở phía trước. Vâng, tấm lòng cô đã khiến chúng tôi biết chấp nhận thêm những gian truân không thể tránh khỏi để cứu sống cô.

Tôi hứa với cô rằng chúng tôi sẽ giao cho cô toàn bộ các tài liệu cất trong hòm cũng như các loại giấy tờ, nhật ký, hay cuốn băng từ mà chúng tôi nghĩ là cần thiết trong thời gian tới. Trong thời gian sắp xếp lại các tài liệu, cô vẫn cứ tiếp tục ghi nhật ký của mình. Viễn cảnh được bận bịu với công việc dường như đã làm cô cảm thấy dễ chịu hơn.

Như thường lệ, Van Helsing bắt đầu đi lại trước mặt chúng tôi và suy ngẫm lại toàn bộ tình hình từ trước tới giờ, sau đó ông sẽ nói chính xác những việc chúng tôi cần phải làm.

— Sau khi vào ngôi nhà hoang Carfax, - Ông bắt đầu đi vào vấn đề- tôi thấy chúng ta có lý khi chưa vội động chạm gì tới các thùng đất trong đó. Nếu không, lão bá tước sẽ dễ dàng đoán ra ý đồ của chúng ta và chắc chắn lão sẽ nghĩ cách cản trở chúng ta tìm ra các thùng còn lại. Cho đến bây giờ,

lão vẫn không nghi ngờ gì về mục đích mà chúng ta đang hướng tới, thậm chí lão còn không biết chúng ta có thừa khả năng vô hiệu hóa tất cả các thùng đất của lão, khiến cho lão không còn một chỗ trú ẩn an toàn nào. Bây giờ chúng ta đã có đủ thông tin để sau khi đột nhập vào ngôi nhà ở Piccadilly, chúng ta cũng sẽ dễ dàng tìm ra các thùng gỗ còn lại. Như vậy, ngày hôm nay sẽ rất quan trọng với chúng ta, chưa biết chừng đây sẽ là ngày quyết định thắng lợi cuối cùng của chúng ta. Mặt trời lên sẽ soi tỏ nỗi bất hạnh của chúng ta và sẽ bảo vệ chúng ta cho tới khi những tia nắng cuối cùng trong ngày vụt tắt! Quả thực cho tới lúc đó, con quỷ kia sẽ không thể thay hình đổi dạng được. Lão sẽ chỉ có thể chui rúc vào trong lớp đất bao bọc để trú ẩn, lão không thể hòa mình vào không khí hoặc chui người qua các khe cửa hẹp. Nếu muốn qua cửa, lão sẽ phải mở cửa như bất cứ một người nào khác. Vì vậy, chúng ta sẽ có cả một ngày để tìm ra và phá hỏng các sào huyết của lão. Tối nay, kể cả khi chưa tóm được lão để tiêu diệt, chúng ta phải dồn được lão vào một nơi mà lão không thể thoát khỏi chúng ta được nữa.

Nghe đến đây, tôi không thể im lặng được nữa: ý nghĩ chúng tôi đang để phí từng phút, từng giây rất quý báu để giành lại niềm vui và mạng sống cho Mina đã khiến tôi không chịu nổi.

— Lúc nói chuyện cũng là lúc chúng ta không hành động!

Như hiểu được sự sốt ruột của tôi, Van Helsing đã xua tay gạt đi:

— Đợi một lát, một lát nữa thôi, anh bạn Jonathan thân mến ạ! - Ông nói. - Đối với một việc quan trọng như thế này, chúng ta không nên vội vàng nếu muốn đi đến thắng lợi cuối cùng. Lúc nào đáng hành động, chúng ta sẽ hành động! Các bạn cứ nghĩ mà xem, xét theo mọi khả năng thì ngôi nhà ở Piccadilly chính là nơi sẽ giúp chúng ta làm sáng tỏ nhiều vấn đề. Có thể Dracula đã mua nhiều ngôi nhà. Nếu vậy thì lão phải có nhiều giấy biên nhận mua nhà, sổ ký séc và cả các chìa khóa của từng ngôi nhà được mua nữa... Tất cả những thứ đó phải được cất ở đâu đó. Tại sao không phải là ở trong ngôi nhà yên ắng giữa thành Luân Đôn, nơi lão có

thể ra vào bằng cổng chính hoặc cửa phụ vào bất cứ giờ nào thích hợp mà không bị ai chú ý? Chúng ta sẽ phải khám phá ngôi nhà Piccadilly và khi nào phát hiện ra những gì được chứa chấp bên trong, chúng ta hoàn toàn có thể sẵn đuổi con cáo già đến tận hang của nó. Các bạn thấy thế nào?

— Vậy thì đi ngay thôi! - Tôi thúc giục. - Đừng có chần chừ phí thời gian nữa!

— Nhưng làm thế nào để vào được ngôi nhà Piccadilly đó mới được chứ? - Van Helsing ôn tồn hỏi lại tôi.

— Thế nào cũng không quan trọng! - Tôi sốt ruột trả lời. - Nếu cần thì cứ dùng sức mà vào, có vấn đề gì đâu nào!

— Thế còn cảnh sát thì sao? Chẳng lẽ khu phố đó lại không có cảnh sát? Và nếu có thì họ sẽ im miệng hết chắc?

Rõ ràng ông nói thật có lý, nếu ông chưa muốn chúng tôi lên đường ngay lập tức. Tuy nhiên, tôi vẫn cố làm ra vẻ điềm nhiên đáp lại:

— Ngài cứ hay lo quá xa, có lẽ là không có cảnh sát đâu... Đừng nghĩ tới chuyện gần nữa có được không? Tôi thấy khổ lắm rồi!

— Anh bạn ạ, tôi rất hiểu tâm trạng anh! Và tôi đâu có muốn làm cho anh nặng đầu thêm kia chứ. Nhưng anh cứ thử nghĩ mà xem: chúng ta có thể làm gì được trong lúc ngoài phố có đầy những ánh mắt tình cò? Đành rằng đã tới lúc chúng ta phải hành động, nhưng tôi cũng nghĩ nhiều rồi, cứ tin ở tôi, anh bạn ạ, cách đơn giản nhất bao giờ cũng là cách tốt nhất. Chúng ta muốn vào ngôi nhà đó trong khi chẳng có trong tay chiếc chìa khóa nào! Đó cũng là một vấn đề, đúng không nào?

Tôi gật đầu trả lời.

— Thế đấy. Bây giờ hãy giả thiết anh là người chủ của ngôi nhà, nhưng lại không có chìa khóa vì một lý do gì đó, thì anh sẽ phải làm gì nào?

— Tôi sẽ cho gọi một anh thợ khóa tử tế đến và bảo hắn mở bằng móc.

— Thế cảnh sát sẽ không tới can thiệp chứ?

— Không, nếu như họ nhận thấy rằng tay thợ khóa làm việc đó theo lời đề nghị của chủ nhà.

— Như vậy, - Ông nói và nhìn thẳng vào mắt tôi - đi đâu duy nhất mà người ta có thể nghi ngờ là người vào nhà có đúng là chủ nhà thật sự hay không. Ngoài ra, sự thành công của phi vụ còn phụ thuộc vào sự cả tin của các nhân viên cảnh sát khu vực. Nhưng anh bạn Jonathan thân mến à, đôi khi anh vẫn có thể dùng móc mở khóa hàng trăm ngôi nhà ở Luân Đôn hoặc ở bất kỳ đâu trên thế giới này mà không sao, miễn là anh tạo ra một hoàn cảnh thích hợp và làm đúng lúc. Tôi có thể kể cho mọi người nghe một câu chuyện mà tôi đã từng đọc. Chuyện là thế này: *Có một quý ngài sở hữu một biệt thự tuyệt đẹp ở Luân Đôn. Mùa hè năm đó, do có việc phải đi Thụy Sĩ trong một thời gian khá lâu, khoảng dăm bảy tháng gì đó, ông đã chủ quan khóa cửa nhà trước khi lên đường và chẳng cần nhờ ai trông nom hết. Kết quả là sau khi ông đi được một thời gian ngắn, có kẻ trộm đã đập vỡ kính một ô cửa sổ nhìn ra vườn rồi đột nhập vào trong. Vào nhà rồi, hắn bèn mở tất cả các ô cửa sổ ở mặt tiền của ngôi nhà và dùng hàng mở cửa chính đi ra ngoài ngay trước mắt đám cảnh sát. Sau đó, hắn công khai rao bán sạch mọi đồ đạc trong nhà bằng một tấm biển quảng cáo to tướng dán trên tường ngoài cổng, hắn đã nhờ một đại diện bán đấu giá tới bán tất cả đồ đạc của quý ngài đang ở Thụy Sĩ kia. Thế rồi chính ngôi nhà cũng bị hắn bán tổng cho một chủ thầu xây dựng vì hắn đã tìm được giấy tờ sở hữu cất trong nhà. Tay chủ thầu đã bàn với hắn phá bỏ ngôi nhà vào một ngày cụ thể để cất lên một tòa nhà mới. Cảnh sát và chính quyền thành phố cứ tưởng hắn là chủ nhân thật sự của ngôi biệt thự nên đã tạo điều kiện thuận lợi cho hợp đồng xây dựng trao tay này. Chỉ buồn cho người chủ thật sự của ngôi nhà, từ Thụy Sĩ về, trước mắt ông chỉ còn là một cái hố vĩ đại thế chỗ cho ngôi nhà thân quen của ông. Nhưng biết làm sao được, mọi việc đều diễn ra hợp lệ, đúng nguyên tắc mua bán và xây dựng mà thành phố đã quy định. Có lẽ công việc của chúng ta cũng nên tuân theo các nguyên tắc tương tự. Không nên đến Piccadilly quá sớm để tránh sự soi mói của cảnh sát, chỉ có như vậy họ mới không tình cờ để ý thấy sự xuất hiện của chúng ta là không bình thường. Sớm lắm thì cũng chỉ được phép*

bắt đầu từ mười giờ trở đi, vì khi đó, thế nào người qua lại cũng nghĩ chúng ta chính là chủ nhân thực sự của ngôi nhà.

Tôi đề ý nét mặt Mina như rạng ngời hẳn lên, vì rõ ràng Van Helsing nói rất có lý. Không chỉ có cô, mà cả chúng tôi cũng thừa nhận và hy vọng ở cách lý giải khôn ngoan của ông.

— Một khi đã vào nhà rồi, - Ông tiếp tục phân tích - có thể chúng ta sẽ dễ dàng tìm ra nhiều dấu vết khác. Dù thế nào thì chúng ta cũng nên chỉ để lại một hai người ở đó, số còn lại phải đi ngay Bermondsey và Mile End để tìm các thùng gỗ còn thiếu.

— Nếu thế, tôi cũng có ích cho mọi người đấy. - Huân tước Godalming hồ hởi đứng bật dậy nói. - Tôi sẽ đánh điện đề người nhà chuẩn bị cho mọi người vài cỗ xe ngựa.

— Một ý kiến không chê vào đâu được! - Quincey reo to - Nhưng anh không sợ việc đi lại cồng kềnh như vậy qua các nẻo đường ở Walworth hay ở Mile End rất có thể sẽ gây chú ý cho thiên hạ sao? Tôi cho rằng chúng ta nên bắt xe dọc đường thì hay hơn, bởi như vậy ta có thể lên xuống xe lúc nào, chỗ nào cũng tiện.

— Anh chàng Quincey này thế mà thông minh giỏi! - Van Helsing đùa vui. - Đúng là trong công việc nguy hiểm của chúng ta, càng ít bị để ý bao nhiêu càng tốt bấy nhiêu.

Có vẻ như Mina càng lúc càng tỏ ra háo hức hơn, và tôi cũng rất vui khi nhận ra rằng cô đã tạm quên được cái đêm khủng khiếp của mình. Tuy nhiên, trông cô vẫn rất xanh xao và hốc hác, còn đôi môi thì khô co hẳn lại để lộ ra cả hai hàm răng. Dù không nói ra, nhưng thú thực là tôi đã lạnh cả sống lưng khi liên tưởng Mina với Lucy sau những lần cô bị Dracula hút hết máu, có đi đâu là tôi chưa cảm thấy hai hàm răng của Mina nhọn hơn bình thường. Nhưng nói gì thì nói, từ khi tôi nhìn thấy cảnh tượng hãi hùng trong đêm qua, mới chỉ vài tiếng đồng hồ trôi qua, biết đâu đi đâu tã tễ nhất đối với cô và chúng tôi lại chẳng xảy ra tương tự như trường hợp của Lucy...

Trước khi đến Piccadilly, chúng tôi quyết định phải phá hủy bằng được sào huyệt gần nhất của Dracula. Bởi nếu có bị lão phát hiện ngay, chúng tôi vẫn còn lợi thế để tiếp tục công việc của mình. Sự hiện nguyên hình của lão dưới dạng một người bình thường suốt nhiều giờ dưới ánh mặt trời khiến lão không thể giở trò ma thuật ra với chúng tôi, có thể sẽ mang lại cho chúng tôi những dấu hiệu mới.

Van Helsing muốn rằng sau khi hành động ở Carfax xong, tất cả nhóm chúng tôi sẽ đến ngay Piccadilly. Hai bác sĩ chúng tôi sẽ ở lại đó, trong khi Quincey và huân tước Godalming sẽ lên đường tới Walworth và Mile End để phá nốt chỗ trú ẩn còn lại của Dracula. Van Helsing cho rằng có khả năng vào ban ngày, lão đang ở Piccadilly, nếu đúng là như vậy, chúng tôi sẽ tóm được lão. Nhưng dù thế nào thì chúng tôi cũng phải hợp sức bám đuổi lão cho bằng được. Về phần mình, tôi không hoàn toàn tán thành kế hoạch của ông: tôi muốn tôi ở nhà để chăm sóc và bảo vệ Mina, nhưng Mina đã nhất quyết không chịu nghe. Cô nói có khi cả nhóm sẽ rất cần đến tôi để giải quyết những vấn đề liên quan đến pháp luật. Cô lý luận rằng trong sổ giấy tờ của lão bá tước chắc chắn sẽ có những điểm mà chỉ có mình tôi - người không lạ gì Dracula - có thể hiểu được và trong mọi trường hợp, để có thể đương đầu với sức mạnh phi thường của lão, chúng tôi phải càng đông càng tốt. Nghe cô nói có vẻ có lý nên tôi không thể cố chấp được.

— Tất cả mọi người cùng đi với nhau thì em mới có cái để mà hy vọng. - Cô bảo tôi. - Về phần mình, em chẳng có gì mà phải sợ cả. Đi đâu hải hùng nhất đã qua rồi, tất cả những gì có thể đến với em bây giờ là một chút hy vọng và an ủi. Anh phải đi cùng mọi người, anh yêu ạ! Nếu Chúa rủ lòng thương, thì cho dù em có ở lại một mình, Ngài cũng sẽ che chở cho em được an toàn như mọi người đang bảo vệ em vậy!

— Vậy thì nhân danh Chúa, - Tôi nói - chúng ta hãy lập tức lên đường đi! Lão bá tước có thể đến Piccadilly sớm hơn là chúng ta nghĩ đấy!

— Không đâu, không đâu! - Van Helsing xua tay như muốn làm dịu đi sự sốt ruột của tôi.

— Làm sao ngài biết được?

— Anh quên là đêm qua, lão vừa có một bữa tiệc no nê để r ễ sáng nay sẽ phải dậy rất muộn hay sao? - Giáo sư vừa nói vừa tùm tùm cười.

Quên! Tôi mà lại quên? Liệu có bao giờ tôi quên được không? Chẳng lẽ trong chúng tôi lại có người có thể quên được một đi ều khủng khiếp đến như vậy. Mina cố tỏ ra bình tĩnh, nhưng dường như nỗi đau trong lòng cô vừa bị đánh thức, sự kìm nén của cô quả là có giới hạn, bởi tôi lại thấy cô ôm mặt thốn thức, người cô lại run b ần bật từ đầu tới chân.

Câu nói đùa vô tình của Van Helsing rõ ràng là một nhát dao chọc vào vết thương của cô. Lúc này ông mới thấy gi ật mình vì lời nói thiếu suy nghĩ của mình.

— Ôi! Mina, tôi xin lỗi! - Ông bối rối đến bên cô gái để an ủi - Tôi không có ý định làm cho bà bị tổn thương. Thực ra, tôi cũng đau lắm chứ! Nhưng r ễ bà sẽ quên được cơn ác mộng đó, đúng không nào?

— Không, tôi sẽ không quên đâu, - Cô nức nở đáp lời vị giáo sư già - trái lại, tôi c ần phải nhớ, và những kỷ niệm đẹp đẽ về ngài cũng sẽ chẳng bao giờ phai nhạt trong lòng vợ chồng tôi. Bây giờ, có lẽ mọi người cũng sắp phải đi r ễ. Bữa điểm tâm đã được chuẩn bị xong, chúng ta cùng xuống đi, bây giờ ai cũng c ần phải có sức mới được.

Bữa điểm tâm hôm nay đối với chúng tôi là một bữa khá khác thường. Chúng tôi, ai cũng muốn động viên nhau cho vui lên một chút, ngay cả Mina cũng cố gắng tỏ ra thật phấn chấn. Cuối cùng, Van Helsing đứng dậy tuyên bố.

— Thừa tất cả các bạn, giờ quyết định đã đến gần! Các bạn đã chuẩn bị đủ các vũ khí như l ần trước chưa ạ! Tôi xin nhắc lại, đó chính là những lá bùa chống lại một cuộc tấn công cả về thể xác và tinh thần, các bạn có hiểu ý tôi không ạ?

Chúng tôi g ật đầu trả lời.

— Rất tuyệt! Mina à, dù thế nào thì bà cũng không phải lo đối phó với bất cứ một sự nguy hiểm nào cho tới khi mặt trời lặn. Từ giờ tới lúc đó,

chúng tôi sẽ trở về Nếu... Có chứ, chúng tôi sẽ trở về! Dù thế nào thì bà cũng không phải quá lo lắng, kể cả khi kẻ thù muốn mò tới làm hại bà một lần nữa, bà cũng không sợ gì cả. Lúc bà từ trên phòng xuống đây, tôi đã tới đặt vào đó một số thứ cần thiết - những thứ gì thì chắc bà cũng đã rõ - để ngăn không cho lão vào. Và bây giờ, tôi sẽ đặt lên trán bà một mẫu bánh thánh, nhân danh Cha, Con và...

Tất cả chúng tôi bỗng cùng thốt lên một tiếng đầy kinh ngạc. Mẫu bánh thánh bỗng cháy một vùng trán Mina giống như một miếng kim loại bị nung đến sáng trắng. Cô gái tội nghiệp chột hiểu ngay ra hiện tượng đó có ý nghĩa gì.

Tiếng kêu của cô vừa thể hiện một sự đau đớn thể xác, nhưng cũng vừa thể hiện một cảm xúc thất vọng vô tận đang trào dâng trong lòng. Tiếng kêu ai oán ấy sẽ còn vọng mãi trong đầu chúng tôi. Cô ngã khuỵu xuống với vẻ mặt đau khổ và tuyệt vọng không tả xiết:

— Ô nhục quá! Tôi là đứa ô nhục! Vậy là Chúa đã trừng phạt tôi! Từ nay cho đến chết, tôi sẽ phải mang mãi vết nhơ này trên trán!

Tất cả sững sờ đứng nhìn cô. Tôi bàng hoàng lao tới ôm chặt lấy người vợ trẻ tội nghiệp trong tâm trạng lo sợ và thất vọng tràn trề. Sự tuyệt vọng khiến hai chúng tôi chỉ còn biết ôm chặt lấy nhau và chẳng biết phải làm gì nữa. Như hiểu rõ nỗi lòng tan nát của hai vợ chồng tôi, những người bạn kia chỉ còn biết ngoảnh mặt đi mà khóc thầm. Cuối cùng, như muốn chứng tỏ mình thật sự là một vị cha già và là chỗ dựa tinh thần của cả nhóm, Van Helsing bình tĩnh bước lại gần chúng tôi để vỗ về Mina, giọng ông nhẹ như hơi thở:

— Mina à, dấu hiệu hằn trên trán bà chứng tỏ Chúa đã thấu hiểu những nỗi đau của bà. Có thể bà sẽ phải mang dấu ấn đó cho tới khi Chúa thấy rằng đã đến lúc cần xá tội cho tất cả những con chiên ngoan đạo của Ngài trên trái đất này vào ngày *Phán quyết cuối cùng*. Thưa bà, tới ngày đó, thế nào chúng tôi cũng có mặt để được chứng kiến vết nhơ trên trán bà biến mất, trả lại sự trong trắng như vốn có trong trái tim bà! Chắc chắn nó sẽ

được xóa bỏ khi Chúa rũ lòng thương trút bỏ cái gánh nặng đang đè lên chúng ta. Từ nay tới khi đó, lúc nào chúng ta cũng nên mang theo mình cây thánh giá, giống như Đức Chúa Con từng mang trên người theo ý chỉ của Đức Chúa vậy... Mọi cơ cực rồi cũng sẽ qua đi...

Lời động viên chân tình của giáo sư đã giúp chúng tôi hiểu rằng cần phải biết cam chịu trong những lúc phải cam chịu, và dường như đằng sau sự cam chịu ấy vẫn còn một chút gì đó để chúng tôi hy vọng. Tôi và Mina cùng cảm nhận được điều ấy, chúng tôi thật sự cảm động, mỗi người cúi xuống nắm một tay ông và đặt lên đó một nụ hôn như một cử chỉ biết ơn tấm lòng của một vị cha già. Và trước Chúa linh thiêng, cả nhóm chúng tôi, không ai bảo ai, cùng quỳ xuống thề sống chết có nhau, đồng sức đồng lòng với nhau, cùng nhau cầu Chúa phù hộ cho chúng tôi qua khỏi cơn hoạn nạn để hoàn thành sứ mệnh của mình.

Đã đến giờ chúng tôi phải đi. Tôi quay sang tạm biệt người vợ hiền yêu dấu. Chắc hẳn đây sẽ là giây phút trọng đại mà suốt đời chúng tôi sẽ chẳng thể nào quên!

Chúng tôi không gặp trở ngại gì khi vào ngôi nhà Carfax. Mọi thứ trong nhà vẫn nguyên như lần trước. Không có bất cứ một thứ giấy tờ hay một cái gì đó có thể là dấu hiệu chứng tỏ có người vào. Trong nhà thờ cũng vậy, không có vẻ gì chứng tỏ các thùng gỗ đã bị dịch chuyển, dù chỉ là một phần.

— Các bạn ạ, - Van Helsing bảo chúng tôi - ở đây, chúng ta có nhiệm vụ đầu tiên cần phải hoàn thành. Chúng ta sẽ phải làm mất tác dụng của lớp đất đựng trong các thùng gỗ. Đó là thứ đất đã bị thánh hóa bởi những ký ức sùng đạo và được con quỷ Dracula cho chuyển tới đây làm nơi trú ẩn. Sở dĩ lão chọn thứ đất này là bởi nó đã được thánh hóa. Việc lão có thất bại hay không một phần cũng tùy thuộc vào tác dụng của các thùng đất. Bây giờ, chúng ta sẽ trả lại thứ đất này cho Chúa!

Đoạn ông rút trong túi xách ra một chiếc tournevis và một chiếc clef vạn năng để mở các thùng đất. Một nắp thùng được mở tung. Đất trong thùng

lập tức bốc ra một mùi khăm khảm lẫn mùi mốc bay xộc vào mũi. Tuy nhiên, đi đâu khiến chúng tôi chú ý hơn cả vẫn là việc giáo sư đang làm: ông lấy một mẫu bánh thánh đặt nhẹ nhàng lên lớp đất trong thùng và đập nắp thùng lại như cũ với sự giúp đỡ của chúng tôi.

Chúng tôi cũng lần lượt làm như vậy với tất cả các thùng khác có trong nhà thờ và cẩn thận bắt vít lại y như lúc ban đầu để tránh gây ra bất cứ sự chú ý nào. Công việc diễn ra êm xuôi.

Lúc khóa cửa ra về, Van Helsing nói như reo:

— Thế là xong được một việc! Đối với các thùng khác, nếu chúng ta cũng thành công như vậy thì chiều nay, trước lúc đi ngủ, ông mặt trời có thể sẽ rọi những tia nắng cuối cùng lên vầng trán thanh cao và trinh trắng của Mina!

Khi xuống một lối nhỏ trên đường ra ga đón tàu để tiếp tục công việc, chúng tôi có tạt qua trước nhà thương điên. Tôi bất giác nhìn lên cửa sổ phòng mình và bắt gặp ánh mắt Mina. Tôi vui mừng vẫy tay ra hiệu cho cô hiểu rằng phần việc vừa rồi trong ngôi nhà Carfax của chúng tôi đã được thực hiện êm xuôi. Cô cũng vẫy tay ra hiệu đáp lại và tạm biệt chúng tôi cho tới khi bóng tôi khuất dần sau một lùm cây phía cuối một nẻo đường. Chúng tôi háo hức đến nhà ga khi đoàn tàu chuẩn bị chuyển bánh.

Tôi chỉ viết được những dòng này khi đang ngồi trên tàu.

• *Piccadilly, mười hai giờ rưỡi trưa*

Chúng tôi sắp đến phố Fenchurch thì huân tước Godalming quay lại bảo tôi:

— Tôi và Quincey sẽ đi tìm một tay thợ khóa. Tốt hơn hết là mấy người còn lại đừng đi theo. Tôi nghĩ chúng ta cần phải đề phòng trường hợp bất ngờ có khó khăn xảy ra. Tôi muốn nói tới những tình huống không hay có thể xảy ra khi bất đắc dĩ chúng ta phải phá cửa vào. Là một công chứng viên, có lẽ anh không nên dính líu vào thì hay hơn!

Tôi định cãi lại, nhưng anh gạt đi:

— Và lại càng ít người, chúng ta càng đỡ gây chú ý hơn. Danh nghĩa của tôi có thể tạo niềm tin cho tay thợ khóa, và danh nghĩa đảng hoàng của anh ta cũng sẽ tạo niềm tin cho đám cảnh sát, nếu như anh ta... Anh cứ đi cùng John và giáo sư ra đợi hai chúng tôi ở Công viên Xanh, nơi đối diện với ngôi nhà. Nhớ phải chọn chỗ nào có thể nhìn được ngôi nhà đấy nhé, khi nào cửa nhà mở và tay thợ khóa đi rồi, ba người sẽ đi vào nhà gặp lại chúng tôi. Chúng tôi sẽ chờ và gọi cả ba người cùng vào.

— Nghe hay đấy! - Van Helsing tán thưởng.

Và chúng tôi tạm tách nhau ra sau đó một đoạn đường, Godalming và Morris nhảy lên một chiếc xe ngựa chở khách, còn ba chúng tôi gọi một chiếc xe khác.

Tới góc phố Arlington, ba chúng tôi xuống xe và dạo bộ vào trong Công viên Xanh. Tôi cảm thấy tim mình như sắp nhảy khỏi lồng ngực, khi thoáng nhận ra ngôi nhà mà chúng tôi đang đặt rất nhiều hy vọng cho sự thành công của mình. Đó là một ngôi nhà nằm im lìm giữa những ngôi nhà rộn rã âm thanh cuộc sống khác. Chúng tôi chọn một chiếc ghế băng có thể ngẩng quan sát ngôi nhà và lặng lẽ chiêm xì gà, chờ đợi sự xuất hiện của hai người bạn cùng một tay thợ khóa nào đó. Mỗi phút trôi qua đối với chúng tôi lúc này chẳng khác nào một thế kỷ.

Cuối cùng, chúng tôi cũng nhận ra một chiếc xe ngựa dừng lại trước ngôi nhà. Huân tước Godalming xuống xe cùng Morris, tiếp theo đó là một anh thợ khóa tay xách hòm đồ. Họ chậm chạp bước về phía bậc thềm. Tới trước cửa, Godalming chỉ tay vào ổ khóa cần mở. Anh thợ khóa cởi áo ngoài vắt lên lan can và ngoái lại phân trần với một tay cảnh sát đang đi ngang qua phố. Tay cảnh sát gật gù nói vài lời rồi bỏ đi, để mặc cho anh thợ bắt đầu công việc. Anh ta cúi xuống thối phì phì vào lỗ khóa và lấy một chùm chìa khóa to bự tra thử, phải năm lần bảy lượt mới có một chiếc vừa với ổ khóa. Chẳng hiểu anh ta chọc ngoáy thế nào mà chỉ hích nhẹ một cái, cánh cửa đã mở tung. Ba người bước ngay vào một hành lang. Chúng tôi ngẩng im chờ đợi. Tôi rút thuốc hên tục, trong khi điều xì gà trên

môi Van Helsing lại tắt ngấm từ lúc nào. Quả là không gì sốt ruột bằng chờ đợi. Cuối cùng thì tay thợ khóa cũng khệnh khạng bước ra ngoài cùng với hòm đồ của mình. Anh ta kê gối giữ cánh cửa hé mở, tra vào đó một chiếc chìa khóa và rút ra đưa cho huân tước Godalming. Nhận tiền công xong, anh ta nghiêng người cúi chào “gia chủ” rồi bỏ đi xa dần. Rõ ràng là chẳng có ai để ý đến những gì vừa diễn ra trước cửa ngôi nhà.

Khi anh thợ khóa mất hút khỏi tầm mắt, chúng tôi mới hăm hở ra khỏi công viên, đi qua phố và tới trước ngôi nhà gọi cửa. Quincey Morris lập tức mở cửa, Godalming đang đứng hút thuốc bên cạnh.

— Ngôi nhà này tởm lợm ghê! - Huân tước bảo chúng tôi lúc cả nhóm cùng vào sâu bên trong.

Quả thực là không khí trong nhà bốc lên một mùi chẳng khác nào cái mùi chúng tôi đã được thưởng thức lần đầu tiên trong ngôi nhà Carfax. Không còn nghi ngờ gì nữa, chúng tôi đang dấn thân vào một trong những nơi trú ẩn của lão bá tước. Chúng tôi lần lượt kiểm tra từng phòng một và cẩn thận đi bám sát nhau, bởi rất có thể lão bá tước đang rúc ở đâu đó trong nhà. Tới phòng ăn ở đầu hành lang, chúng tôi chỉ tìm được cả thảy tám thùng gỗ, trong khi hy vọng là sẽ tìm được chín thùng! Chúng tôi mở hé các ô cửa tò vò nhìn ra một mảnh sân hẹp được rải đá, ngăn cách phòng chúng tôi đang đứng với một dãy nhà phụ - có lẽ là khu chuồng ngựa không có bất cứ một ô cửa sổ nào, vậy chẳng phải sợ bị ai nhìn thấy. Chỉ đợi có vậy, chúng tôi nhanh chóng lôi các dụng cụ mang theo mở từng thùng một và đặt vào đó một mẫu bánh thánh như đã làm trong ngôi nhà Carfax. Xong việc với tám thùng gỗ, chúng tôi lại tiếp tục cuộc tìm kiếm của mình.

Sau khi kiểm tra cẩn thận mọi xó xỉnh, góc ngách, chúng tôi đi đến một kết luận rằng mọi cái liên quan đến Dracula trong ngôi nhà này đều nằm ở phòng ăn. Dường như chưa thỏa mãn, chúng tôi bảo nhau phải kiểm tra lại thật tỉ mỉ từng đồ vật trong phòng. Tất cả được vớt lộn xộn trên một chiếc bàn ăn rất lớn. Có rất nhiều loại giấy tờ: các giấy chứng nhận mua nhà

Piccadilly, cũng như các ngôi nhà còn lại ở Mile End và Bermondsey, rồi giấy viết thư, phong bì, lọ mực và bút lông. Một mảnh giấy gói bị phủ đầy bụi, một bàn chải quần áo, một lược chải đầu, một chiếc hũ và một chiếc chậu sành bên trong còn đầy nước bẩn màu đỏ như máu. Cuối cùng là những chiếc chìa khóa đủ loại, đủ kích cỡ mà tôi đoán là chìa khóa của cả những ngôi nhà khác. Huân tước Godalming và Quincey Morris đã cẩn thận ghi lại chính xác địa chỉ của các ngôi nhà ở Mile End, Bermondsey và cần sạch số chìa khóa đó bỏ vào túi để chuẩn bị lên đường, tiếp tục phá nốt các thùng đất còn lại. Bây giờ, chúng tôi sẽ chờ đợi hoặc sự trở về của họ, hoặc sự xuất hiện của lão bá tước.

Nhật ký của bác sĩ Seward

• Ngày 3 tháng 10

Thời gian như kéo dài vô tận khi chúng tôi đợi Godalming và Quincey Morris trở về Van Helsing cố tìm mọi cách lên dây cót tinh thần cho chúng tôi. Tôi đoán được thiện ý của ông, vì thỉnh thoảng lại thấy ông liếc nhìn Harker. Trông anh chàng lúc này mới thảm hại làm sao. Mới hôm nào, anh còn là một người hoạt bát, nhanh nhẹn, vui vẻ và tràn đầy nhựa sống là thế, vậy mà bây giờ trông anh chẳng khác nào một ông già lụ khụ nhăn nhoe, tóc gầy như bạc hết nửa mái đầu, hai mắt hõm sâu chìm ngẫm trong ưu tư ưu phiền. Tuy nhiên, tôi tin trong anh vẫn tràn đầy nghị lực và sẽ bùng lên mỗi khi thực tế cuộc sống đòi hỏi. Tội nghiệp anh chàng! Biết phải an ủi anh thế nào bây giờ? Giáo sư Van Helsing cũng rất hiểu tâm trạng trong anh nên đã làm đủ cách để anh tạm quên đi nỗi lo thường trực trong lòng. Điều ông nói với anh dường như vẫn là đi đâu mang lợi ích cao nhất của tất cả chúng tôi.

— Tôi đã nghiên cứu cả trăm lần từ khi có tập tài liệu về con quỷ trong tay. Càng ngày tôi càng cảm thấy cần phải tiêu diệt nó bằng mọi cách. Đâu đâu cũng thấy bằng chứng về sự phát triển của lão, lão phát triển không chỉ trong quyên năng, mà còn trong chính nhận thức của lão về quyên năng của mình. Theo những gì tôi nhận thức được nhờ ông bạn Arminius ở Budapest thì thuở còn sống, lão là một gã đàn ông, một chiến binh và một tướng lĩnh, một thợ luyện đan phi thường. Việc luyện đan thời bấy giờ luôn là một biểu hiện ở trình độ cao của khoa học. Lão hẳn phải là một kẻ có đầu óc thông minh siêu việt, một trình độ văn hóa vô song và một trái tim sắt đá không hề biết sợ hay biết ăn năn hối lỗi. Trong con người lão, sức mạnh của trí tuệ đã không hề bị sút mẻ ngay cả khi thể xác lão lìa đời, cho dù bộ

nhớ của lão không còn nguyên vẹn. Nói đúng hơn đầu óc lão chỉ đáng sánh với một đứa trẻ mà thôi. Vậy mà lão cứ phát triển dần, một số thuộc tính của lão từ con số không bỗng chốc chín muồi và trở thành hoàn thiện. Lão đã trải nghiệm thành công bằng chính cuộc đời tội lỗi của mình. Nếu không bị chặn đường, chắc chắn sau này lão sẽ trở thành ông tổ hoặc kẻ hướng đạo cho một dòng giống người chỉ biết đến sự tồn tại chìm ngập trong con đường đường chết, chứ chẳng thể biết đến ý nghĩa của cuộc sống đích thực là gì.

Nghe vậy, Harker rên rỉ nói:

— Và rồi không biết sẽ có bao nhiêu lực lượng được huy động để chống lại người vợ trẻ của tôi nữa chứ! Nhưng những trải nghiệm ấy là thế nào? Phải hiểu lão, chúng ta mới thắng được lão.

— Từ khi đến Anh quốc tới nay, lão không lúc nào ngừng thử nghiệm quyên năng của mình theo kiểu chậm nhưng chắc; trí thông minh cùng sức mạnh vô biên và tâm tính hoàn đồng của lão luôn được lão sử dụng hết cỡ. Cũng may, hiện lão vẫn đang trong giai đoạn còn trẻ con, bởi nếu như lão dám tấn công bừa bãi vào mọi mục tiêu ngay từ lúc khởi hành từ lâu đài Dracula, thì có lẽ lão đã nằm xa tầm với của chúng ta từ lâu rồi. Tuy nhiên, lão lại là kẻ nhất quyết đi đến thành công, và một người từng để lại phía sau nhiều thế kỷ như lão thì lúc nào cũng có thể chờ đợi và dần tiến về phía trước mà không việc gì phải vội cả. Dấn tiến, nhanh nhưng không hấp tấp luôn là một tâm niệm trong đầu lão.

— Tôi vẫn rất mơ hồ về những gì ngài vừa nói. - Harker cầu nhàu. - Ngài hãy giải thích rõ hơn xem nào. Đầu óc tôi trì trệ quá rồi.

Van Helsing mỉm cười, vỗ nhẹ vào vai anh chàng:

— Được thôi, tôi sẽ nói rõ hơn để anh nghe, anh bạn ạ! Anh có nhận thấy rằng trong suốt thời gian qua, con quỷ ấy đã ngày càng nâng cao tri thức của mình bằng những trải nghiệm thực tiễn không? Chắc là anh vẫn còn nhớ lão đã sử dụng tên bệnh nhân Renfield để đột nhập vào nhà thương của anh bạn John, bởi nếu lần đầu tiên muốn vào nhà một người xa lạ bất

cứ lúc nào, “*ma cà rồng*” chỉ có thể nhờ một người quen dẫn đường mà thôi. Nhưng đó chưa phải là điều quan trọng nhất. Chúng ta có biết lúc đầu, các thùng gỗ nặng nề kia là do người khác - chứ không phải là lão khuôn đi không? Lão không biết rằng thực ra lão còn có thể làm hơn thế nhiều. Tuy nhiên, sự thông minh tốt cùng của một đứa trẻ đã dần dần phát triển trong lão, đến nỗi đã có lúc lão phải tự hỏi mình có thể nâng được các thùng gỗ hay không. Lão bắt đầu bằng việc giúp đỡ người khác nâng các thùng gỗ, và khi nhận ra đó là một công việc quá dễ dàng, lão đã thử tự khuôn vác một mình. Lão đã thành công và đang âm mưu rải mỗi nơi một thùng làm chỗ chui rúc, chỉ mình lão biết chúng được cất giấu ở đâu. Có thể lão sẽ dự định chôn sâu chúng xuống dưới đất. Vào buổi tối, hoặc những lúc lão có thể thay đổi hình dạng, các ngôi mộ này rất thích hợp để lão chui xuống và không ai có thể nhận ra sự di chuyển của lão. Nhưng đừng thất vọng, anh bạn ạ! Tri thức ấy bây giờ có được áp dụng cũng trở nên quá muộn rồi. Tất cả các thùng gỗ, trừ một thùng chúng ta chưa tìm ra, đã bị mất tác dụng. Tôi hy vọng trước khi mặt trời lặn, thùng cuối cùng cũng sẽ chung một số phận như vậy. Phải đợi đến sáng nay, tôi mới có niềm tin như vậy. Nhưng hiện giờ, thế còn vẫn chưa biết sẽ nghiêng về bên nào. Theo đồng hồ của tôi, bây giờ đã là một giờ, nếu tất cả diễn ra suôn sẻ, hai anh bạn Arthur và Quincey của chúng ta hẳn phải đang trên đường trở về. Chúng ta phải đi trước, có thể là chậm, nhưng phải chắc, và nhất là đừng để tuột mất bất cứ một cơ hội nào. Anh thử nghĩ mà xem! Khi những người bạn kia quay về, chúng ta sẽ có tất cả là năm người!

Van Helsing nói chưa dứt lời thì có tiếng gõ cửa thô bạo bất ngờ vang lên, khiến ai nấy giật thót người. Chúng tôi phấp phồng bước ra ngoài hành lang. Giáo sư ra hiệu cho mọi người giữ im lặng và để một mình ông ra mở cửa. Thì ra là một nhân viên bưu điện! Anh ta trao cho giáo sư một mẫu điện tín. Ông hết nhìn dòng địa chỉ ghi trên bức điện rồi vội vàng đóng sập cánh cửa lại khi tay nhân viên bưu điện vừa đi khỏi. Vừa bước gần tới chỗ chúng tôi, ông vừa mở bức điện ra đọc thành lời: “*Hãy dè chừng D.*

Lúc 12 giờ 45, lão vội vàng đi khỏi Carfax và biến rất nhanh về phía nam. Có thể lão đang tìm các bạn. Mina."

Jonathan Harker thốt lên, giọng căng thẳng:

— Thế là ờn Chúa, chúng ta sắp được mặt đối mặt rồi!

Van Helsing quay sang động viên anh bạn tôi:

— Chúa sẽ hành động theo cách và thời điểm của Ngài. Cần phải can đảm lên, nhưng cũng đừng nên vui vội, bởi vì đi đâu chúng ta mong muốn bây giờ có khi lại đưa chúng ta đến những mất mát ấy chứ.

— Bây giờ chẳng còn gì quan trọng đối với tôi - Harker lạnh lùng đáp lại - nếu không phải là việc tống khứ con quỷ thối tha kia khỏi thế giới này. Vì nó mà tôi sẽ bán linh hồn của mình?

—Ồ! Suyt, suyt, anh bạn này. - Van Helsing nói. - Chúa không mua những tâm hồn ấy đâu, còn lũ quỷ thì đâu phải là một khách hàng trung tín. Chúa luôn bao dung và công bằng, Ngài biết nỗi khổ của anh và tình yêu mà anh dành cho Mina. Về phần mình, cô ấy sẽ đau đớn gấp nhiều lần nếu được nghe những lời hời hợt vừa rồi của anh. Đừng sợ gì cả, tất cả chúng ta đều một lòng vì bổn phận của mình và không gì có thể lay chuyển được đi đâu đó. Giờ hành động đã đến. Ban ngày, "ma cà rồng" cũng chỉ tằm thường như những con người bình thường, lão chỉ có thể thay hình đổi dạng khi mặt trời đã lặn. Lão cần phải có thời gian để đến được đây. Hãy xem này, bây giờ mới có một giờ hai mươi, thời gian sẽ tiếp tục trôi qua trước khi lão xuất đầu lộ diện trước chúng ta - cho dù lão có đi nhanh hơn bao giờ hết. Hy vọng là hai người bạn của chúng ta sẽ đến trước lão.

Chừng nửa tiếng sau khi nhận được điện của Mina, chúng tôi lại một lần nữa giật mình khi nghe thấy những tiếng gõ cửa nhẹ nhàng nhưng cũng không kém phần quả quyết. Chúng tôi vội hộp bước ra hành lang, tay cần sẵn vũ khí, giáo sư khẽ kéo then cửa và lui lại cùng tôi đứng thế thủ. Niềm vui của chúng tôi trào dâng đến tột độ khi nhận ra trước mắt mình là khuôn mặt quen thuộc của huân tước Godalming và Quincey ngoài ngưỡng cửa. Họ bước nhanh vào và đóng sập cửa lại.

— Tất cả đều ổn. - Godalming nói trên đường vào hành lang. - Chúng tôi tìm ra hai chỗ cất giấu rải rác sáu thùng đất, tất cả đều không còn t^hởn tại nữa.

— Sao lại không? - Van Helsing ngạc nhiên hỏi lại.

— Là tôi nói đối với lão bá tước?

Từ đầu đến giờ mới thấy Quincey lên tiếng:

— Chẳng còn gì để làm nếu không phải là ng^hờ ở đây. Nhưng nếu đợi đến năm giờ vẫn chưa thấy lão tới, có lẽ chúng ta phải về thôi, không thể để Mina ở nhà một mình sau khi mặt trời lặn được.

— Chắc lão cũng sắp vác mặt đến r^hồi đấy. - Van Helsing vừa nói vừa nhìn đồng hồ - Theo bức điện Mina vừa gửi thì lão đã từ Carfax đi về phía nam, có nghĩa là lão đã qua sông, tức là trước một giờ ít phút. Nếu lão đi về phía nam thì chúng ta có thể kết luận rằng lão vẫn còn nghi ngờ sự chọc phá của chúng ta và từ Carfax, trước hết lão sẽ đi thẳng tới chỗ lão nghi ngờ đó. H^hơn là các bạn đã tới Bermondsey trước lão ít lâu. Bây giờ vẫn chưa thấy lão thò mặt đến đây, chứng tỏ sau đó lão lại lượn tới Mile End. Việc làm đó khiến lão mất thêm không ít thời gian, bởi lão c^hắc phải tìm phương tiện qua sông. Như vậy thì chúng ta cũng chẳng phải đợi lâu nữa đâu. Có lẽ phải chuẩn bị kế hoạch tấn công đi là vừa, đừng làm mất thời giờ vô ích nữa. Suyt! Đến r^hồi đó! C^hắc vũ khí đi!

Quả thực đã chúng tôi nghe thấy có tiếng ổ khóa xoay lách kích ngoài cửa chính.

Mặc dù đang lúc căng thẳng, tôi vẫn th^hăm cảm phục sự bình tĩnh gan dạ của anh chàng Quincey. Trong mọi cuộc phiêu lưu của chúng tôi, bao giờ anh cũng là người tổ chức các kế hoạch hành động và bao giờ tôi và Arthur cũng nhất nhất nghe theo sự sắp xếp của anh. Bây giờ cũng vậy, chúng tôi lập tức trở lại với thói quen thường ngày đó. Sau khi đảo mắt nhìn khắp phòng, anh đưa tay chỉ chỗ phải đứng cho từng người trong nhóm. Tôi, Van Helsing và Harker đứng ngay sau cánh cửa sao cho khi cửa vừa mở, chúng tôi có thể ngay lập tức chặn lối rút lui của kẻ nhập phòng. Arthur và

Quincey đứng nấp một chỗ, sẵn sàng nhảy tới chặn trước cửa sổ. Chúng tôi lo lắng, căng thẳng chờ đợi từng giây ác mộng trôi qua. Bắt đầu có những tiếng bước chân chậm chạp, thận trọng vang lên khá rõ ngoài hành lang. Rõ ràng là lão bá tước đang chờ đợi một cuộc tấn công, hoặc ít nhất là lão đang sợ như vậy.

Bất thành linh, lão lao vọt vào phòng khiến chúng tôi không kịp trở tay. Cú nhảy vọt của lão có một cái gì đó thật mềm mại và rất khác người, khiến chúng tôi không khỏi sửng sò. Người đầu tiên hành động không phải ai khác ngoài Harker. Anh nhảy nhanh như chớp ra chặn trước một ô cửa nhìn ra căn phòng mặt tiền. Thấy chúng tôi, lão ngửa cổ cười khinh bỉ, để lộ ra những chiếc nanh lỏm chồm nhọn hoắt, nhưng lão im bất ngay lập tức, tiếng cười đáng sợ của lão được thay bằng một ánh mắt độc ác và nham hiểm. Sự độc ác càng hiện rõ trên bộ mặt lão khi chúng tôi lù lù tiến lại gần. Thú thực là lúc đó, tôi không còn biết mình phải làm gì nữa. Tôi không hiểu những vũ khí chúng tôi mang theo có tác dụng gì với lão hay không. Rõ ràng Harker đang có ý định làm thử, bởi anh vừa tức giận vung dao đâm thẳng một nhát vào người lão. Lão bá tước chỉ có thể thoát nạn nhờ một bước nhảy ma quỷ cực nhanh về phía sau. Thay vì chọc thẳng vào giữa ngực, mũi dao găm chỉ xé toạc vạt áo của lão, làm bật ra một xấp giấy bạc và một đồng tiền vàng.

Lão kêu lên một tiếng tức giận, điên cuồng, khiến tôi không khỏi thấy lo cho Harker, mặc dù tôi thấy anh vừa vung con dao dài nhọn hoắt lên chuẩn bị cho một cú đòn tấn công mới. Theo bản năng, tay trái cầm cây thánh giá và mẫu bánh thánh, tôi bước nhanh tới bảo vệ cho người bạn đồng hành dũng cảm của mình. Tôi cảm thấy cánh tay mình như được điều khiển bởi một sức mạnh vô hình và điếu này đã không làm tôi ngạc nhiên khi thấy con quỷ loạng choạng lui lại phía sau trong vòng vây của chúng tôi. Không thể diễn tả hết sự hận thù và hung bạo, tức giận và điên cuồng trên bộ mặt ma quỷ của lão bá tước. Nét mặt lão từ đỏ tía chuyển dần sang màu tái nhợt, hoàn toàn tương phản với ánh mắt rực lửa hận thù. Chỉ trong

tích tắc, lão cúi người luồn qua tay Harker như một con mèo trước khi anh kịp phóng tới một đèn trời giáng khác. Lão cúi thấp người vờ vội một nắm tiền vàng, rồi lao cả người qua cửa sổ khiến những ô kính chớp vỡ tan tành thành vô số mảnh sáng lấp lánh. Lần tiếng kính vỡ là tiếng rơi lớp cốp của những đèn tiền vàng lẫn trên mặt sân. Nhìn qua cửa sổ, tôi thấy lão bình thản đứng lên như chẳng có chuyện gì xảy ra. Lão chạy qua sân, đập tung cánh cửa dẫn vào các tàu ngựa rồi ngoảnh lại cười gằn:

— Chúng mày tưởng chơi được tao là dễ làm phông? Trông thẳng nào mặt cũng tái mét, người thì run như cừu vào lò mổ thế kia thì làm ăn gì! Rồi cả lũ chúng mày sẽ phải lấy làm tiếc cho mà xem! Đừng tưởng là tao không còn chỗ ẩn náu, tao vẫn còn đấy. Việc báo thù của tao chỉ vừa mới bắt đầu thôi. Cái việc ấy sẽ cùng tao đi qua nhiều thế kỷ, và thời gian chính là đồng minh của tao. Những người đàn bà mà chúng mày yêu thương đều đã thuộc về tao và qua chúng nó, chúng mày và rất nhiều người khác nữa, rồi cũng sẽ thuộc về tao. Tất cả đều là những tạo hóa được tồn tại để thực hiện mệnh lệnh của tao, để phục vụ tao những khi tao khát máu. Thế đấy!

Lão ngựa cổ cười đắc thắng và khinh bỉ, rồi đóng sầm cửa lại. Chúng tôi nghe rõ tiếng lão kéo then cài đằng sau cánh cửa. Tiếp đó là tiếng một lần mở và đóng cửa nữa.

Chúng tôi hiểu việc đuổi theo lão vào chuồng ngựa lúc này là một điếu rất khó khăn. Vậy là thất bại rồi! Người đầu tiên lên tiếng là Van Helsing, ông nói khi chúng tôi quay vội ra hành lang:

— Chúng ta đã hiểu ra một điếu gì đó, thậm chí hiểu nhiều nữa là đằng khác. Dù đã lên giọng dọa nạt, nhưng rõ ràng là lão vẫn sợ chúng ta. Nếu không thì việc gì lão phải chạy trốn? Nếu không phải là tôi nghe nhầm thì giọng nói của lão đã tố giác chính con người lão. Tại sao lại phải nhặt những tờ giấy bạc ấy chứ? Hãy mau mau đuổi theo lão đi! Tôi tin rằng ở đây chẳng còn gì có thể giúp lão được nữa, kể cả khi lão mò trở lại cũng vậy.

Vừa nói, ông vừa nhặt tờ giấy bạc còn sót lại nhét vào túi, rồi vợ số giấy tờ thổ nhượng cùng các giấy tờ khác mà Harker vừa vớt xuống nền nhà quẳng vào bếp lò trước khi châm một mồi lửa.

Godalming và Morris chạy vội vào trong sân, trong khi Harker nhảy qua cửa sổ mong đuổi kịp lão bá tước. Đúng là lão đã chốt chặt cánh cửa dẫn vào khu chuồng ngựa. Khi họ phá được cửa thì không trông thấy bóng dáng lão đâu. Tôi và Van Helsing vòng ra sau nhà lưng sục, nhưng tất cả các tàu ngựa đều vắng tanh. Không ai nhìn thấy lão bá tước.

Buổi chiều qua đi nhanh chóng nhường chỗ cho ánh hoàng hôn nhạt nhòa. Chúng tôi hiểu mình đã thua cuộc với nỗi thất vọng trĩu nặng trong lòng.

— Có lẽ chúng ta nên quay về với Mina đi. - Giáo sư bảo chúng tôi. - Không thể làm gì ở đây được nữa đâu. Dù sao thì cũng phải về sớm cho cô ấy yên tâm. Nhưng nhớ là đừng có làm cho cô nàng nhụt chí đấy nhé! Chúng ta chỉ còn phải tìm ra một thùng gỗ nữa thôi. Nếu thành công, vẫn có thể cứu vãn được tất cả.

Tôi hiểu ông đang cố gắng an ủi Harker, bởi trông anh lúc này có vẻ thất vọng hơn bao giờ hết. Thỉnh thoảng lại thấy anh rên rỉ, có lẽ anh lại đang nghĩ đến người vợ bất hạnh của mình.

Chúng tôi về nhà trong tâm trạng nào nề Mina hớn hở khi gặp lại chúng tôi, dường như cô đã quên cả chính mình. Nhưng khi nhìn thấy bộ mặt thiếu ngủ của đám đàn ông, mặt cô chợt tái dại đi. Cô nhắm mắt lại như thần cầu nguyện một điều tốt lành nhất.

— Em biết mình làm gì cũng không đủ để đền ơn anh? Ôi, anh của em! - Cô vừa nói vừa hôn lên trán và lên mái tóc bù xù của chồng mình. - Đừng nghĩ ngợi điều gì nữa anh nhé, hãy để cho đầu óc được thanh thoi một lát. Tất cả rồi sẽ ổn thôi, anh yêu! Chúa rồi sẽ che chở cho chúng ta!

Thỉnh thoảng tôi lại thấy Harker rên rỉ, vẻ rất ảm ức. Sự thất vọng khiến anh không biết nói gì cho thỏa lòng.

Như thường lệ, chúng tôi ng ắ nghỉ một lát trước khi ng ắ vào bàn với bữa súp được gia nhân chuẩn bị sẵn. Bữa tối giúp chúng tôi tỉnh táo hơn, bởi sau bữa điểm tâm, đến giờ chúng tôi mới có một chút vào bụng. Giữ đúng lời hứa, chúng tôi ng ắ kể cho Mina toàn bộ câu chuyện đã xảy ra. Rõ ràng cô cũng thất vọng không kém gì chúng tôi, vì thỉnh thoảng lại thấy cô tái mặt khi nghe chúng tôi kể. Tôi đã kể hết chuyện, và việc duy nhất tôi có thể làm lúc này là đi ngủ.

Nhật ký của Jonathan Harker

• *Ngày 3 - 4 tháng 10, sau nửa đêm*

Tưởng như ngày hôm qua sẽ chẳng bao giờ kết thúc. Có một cái gì đó đã hồi thức tôi chìm vào giấc ngủ, một niềm tin mơ hồ mách bảo tôi rằng khi thức dậy, tôi sẽ được chứng kiến một sự thay đổi và từ nay trở đi, tất cả sẽ thay đổi thuận lợi cho chúng tôi. Trước khi chúc nhau ngủ ngon, chúng tôi đã có sự trao đổi về bước đi tiếp theo nhưng không khai thông được điều gì. Tất cả những gì chúng tôi biết là: vẫn còn một thùng gỗ mà lão bá tước có thể ẩn náu được và chỉ mình lão biết chỗ cất giấu thùng gỗ đó. Nếu lựa chọn giải pháp ở ẩn thì lão sẽ buộc chúng tôi phải thất bại trong nhiều năm, nhưng đi đâu chúng tôi cần lúc này... Viễn cảnh bày ra trước mắt chúng tôi thật là khủng khiếp, khiến tôi không dám đoán già đoán non một điều gì. Tôi không chắc một điều, ấy là nếu bao giờ có một người đàn bà hoàn hảo, nhưng h ồng nhan bạc phận, thì đó chính là người vợ yêu dấu của tôi. Càng nghĩ, tôi càng thấy yêu thương cô đến quặn lòng và càng cảm thấy căm thù con quỷ kia đến ngàn lần. Chắc chắn Chúa sẽ không để thế giới này nghèo nàn đi bởi sự mất mát một tạo hóa như cô. Vậy là trong tôi lại trào dâng một niềm hy vọng tất thắng. Bây giờ chúng tôi đang mất phương hướng và chỉ còn một mỏ neo duy nhất, ấy là niềm tin. Ổn Chúa, Mina đã ngủ mà không bị một cơn mê nào gây phiền toái. Tôi rất sợ những gì có trong giấc mơ xuất phát từ những h ồi ức đáng sợ của cô. Từ lúc

chiều tà tới giờ, tôi chưa thấy cô có biểu hiện đau đớn, vật vã nào. Trong khoảnh khắc, tôi nhận ra sự thanh bình trên nét mặt cô, giống như tiết trời xuân sau những cơn mưa bất chợt tháng ba... Tôi không thấy buồn ngủ, dù rằng trong người cảm thấy đã tàn hơi muốn chết. Tuy nhiên, tôi cố phải ngủ bằng được, cần phải nghỉ tới ngày mai. Tôi sẽ không yên chừng nào...

• *Một lúc sau*

Hắn là tôi đã chìm vào giấc ngủ, bởi tôi vừa bị đánh thức khi Mina giật mình hốt hoảng choàng dậy. Tôi dễ dàng nhận ra có ánh sáng lơ mờ trong phòng. Cô lấy tay bịt miệng tôi và nói nhỏ vào tai:

— Anh có nghe thấy gì không? Hình như có người ở hành lang thì phải?

Tôi ngẩng dậy, rón rén bước qua phòng và khẽ mở cửa nhòm ra ngoài. Morris vẫn đang thao thức nằm dài trên một cái đệm. Trông thấy tôi, anh ra hiệu im lặng:

— Suyt! Quay vào ngủ đi. Tất cả đều ổn thôi. Chúng tôi phải thay nhau thức để canh chừng cho ông bà, vì không ai muốn xảy ra thêm bất cứ một rủi ro nào nữa.

Cử chỉ và ánh mắt của anh buộc tôi phải im lặng và tôi chỉ còn biết quay vào thì thầm thuật lại lời anh nói với Mina. Cô thở phào quàng tay ôm chặt lấy tôi, giọng âu yếm:

— Ổn Chúa vì lòng tốt và lòng dũng cảm của những người bạn chúng ta!

Cô thở phào và tiếp tục vùi đầu vào giấc ngủ êm đềm. Tôi tranh thủ viết thêm vài dòng, bởi biết đâu tôi cũng lại nhanh chóng chìm vào giấc ngủ như cô.

• *Ngày 4 tháng 10, buổi sáng*

Mina lại một lần nữa làm tôi thức dậy trong đêm. Nhưng cuối cùng chúng tôi cũng có một giấc ngủ thật đầy, bởi khi thức dậy, tôi đã thấy ánh rạng đông vìên thành những đường mờ mờ qua các khe khung gỗ cửa sổ

và ngọn đèn chạy khí đốt chỉ còn là một chấm nhỏ yếu ớt. Vừa mở mắt, Mina đã bảo tôi:

— Đi tìm giáo sư đi anh! Em muốn được gặp ông ấy ngay bây giờ.

— Nhưng để làm gì chứ?

— Em có ý kiến. Một ý kiến tình cờ nảy ra trong đêm và đã chín muồi ngay từ khi em chưa tỉnh ngủ. Em muốn được thôi miên trước khi một ngày mới thực sự bắt đầu, chỉ có vậy em mới có thể nói ra được. Nhanh lên anh, thời gian gấp lắm rồi.

Tôi vội ào ra khỏi phòng. Người tôi gặp đầu tiên là bác sĩ Seward. Vừa nhắc thấy tôi, anh lập tức nhảy bổ tới, giọng hốt hoảng:

— Có chuyện gì thế! Lại chuyện chẳng lành nữa...?

— Không, nhưng Mina muốn gặp bác sĩ Van Helsing ngay bây giờ.

— Để tôi gọi ông ấy cho.

Chưa dứt lời đã thấy anh chạy nhanh tới phòng giáo sư.

Khoảng hai, ba phút sau đã thấy Van Helsing có mặt ở phòng tôi trong bộ đồ ngủ. Morris và huân tước Godalming cũng vừa chạy tới cửa hỏi chuyện bác sĩ Seward.

— Mina à, trông bà thay đổi nhiều quá! Nhìn xem kìa, anh bạn Jonathan, hôm nay chúng ta được thấy một Mina hoàn toàn khác, trông cứ như Mina của ngày xưa ấy!

Sau một vài lời chào thân thiện như muốn làm dịu sự căng thẳng mà ông vừa cảm nhận được, ông khẽ hỏi vợ tôi:

— Tôi có thể làm gì giúp bà đây? Tại sao bà lại muốn gặp tôi vào cái giờ này?

— Tôi định nhờ ngài thôi miên. - Mina phân trần. - Xin ngài hãy làm ngay trước khi mặt trời mọc, bởi tôi cảm thấy bây giờ chính là lúc tôi có thể nói và nói rất thoải mái. Xin ngài nhanh lên cho! Chúng ta chỉ còn rất ít thời gian.

Van Helsing không nói thêm một lời mà chỉ tay ra hiệu cho Mina ngồi lên giường. Ông nhìn thẳng vào mắt cô và bắt đầu thôi miên bằng những

động tác huơ tay lên xuống liên tục. Mina chăm chú nhìn vào mắt ông trong vài phút...

Trống ngực tôi đập rộn lên như đang linh cảm được một khoảnh khắc quyết định sắp tới gần. Cô vẫn ng ồi bất động, hai mắt d ần d ần khép lại, chỉ có l ồng ngực phập ph ồng theo nhịp thở đ ầu đ ầu của cô cho thấy là cô đang sống. Giáo sư tiếp tục huơ tay thêm một vài l ần r ồi dừng lại, trán ông ướt đẫm mồ hôi.

Mina bất chợt mở mắt, nhưng trông cô đúng là một người đàn bà khác hẳn. Giọng cô nghe thật buồn, mơ hồ và xa xăm - đi ều tôi chưa từng được thấy ở cô - còn ánh mắt thì như đang nhìn về một cõi hư vô nào đó. Giáo sư đưa ngón tay lên ngang miệng ra hiệu cho tôi giữ im lặng và bảo hai người đang đứng ngoài cửa bước vào phòng. Họ rón rén bước lại gần giường Mina sau khi nhẹ nhàng khép chặt cửa lại. Dường như cô không nhận ra họ. Van Helsing cắt ngang bầu không khí im lặng bằng một giọng nhẹ nhàng và đ ầu đ ầu để không làm gián đoạn luồng suy nghĩ của cô.

— Bà đang ở đâu vậy?

Cô trả lời bằng một giọng không rõ nét:

— Tôi không biết. Giấc ngủ không có chỗ để gọi tên.

B ầu không khí im lặng lại kéo dài trong mấy phút. Mina vẫn ng ồi im như tượng. Giáo sư đứng dậy chăm chú nhìn vào mắt cô, những người còn lại như đang nín thở. Một ngày mới sắp sửa bắt đ ầu. Không rời mắt khỏi Mina, Van Helsing chỉ tay ra hiệu cho tôi tới kéo rèm cửa sổ lên. Một v ầng sáng màu h ồng nhạt ủa vào căn phòng. Ông tiếp tục:

— Bây giờ bà đang ở đâu?

Mina trả lời chậm rãi như đang chìm sâu trong dòng suy tưởng, dường như cô đang cố giải mã một đi ều gì đó.

— Tôi không biết. Tất cả đối với tôi lúc này đ ều rất lạ!

— Bà nhìn thấy những gì nào?

— Chẳng thấy gì cả, tất cả đ ều tối om.

— Thế bà có nghe thấy gì không?

Qua giọng nói kiên nhẫn của Van Helsing, tôi đoán ông đang rất căng thẳng.

— Tiếng vỗ óc ách, của nước... rất gần đây... và những ngọn sóng nhỏ bồng bênh... tôi nghe thấy những âm thanh đó bên ngoài...

— Vậy là bà đang ở trên một con tàu?

Chúng tôi đưa mắt nhìn nhau, hy vọng sẽ nắm bắt được một ý nghĩ nào đó của nhau, ai cũng sợ phải nghĩ trước sự việc. Mina đáp lại rất nhanh:

— Đúng thế!

— Bà còn nghe thấy gì khác nữa không?

— Tiếng những bước chân cập rập ở phía trên đầu tôi. Có tiếng loảng xoảng của dây xích và tiếng lách cách ngân vang của trục kéo tời.

— Thế bà đang làm gì?

— Tôi đang bình yên... Ôi! Rất bình yên! Bình yên như một xác chết.

Cô bỗng im bật, trút một hơi thở dài và nhắm nghiền hai mắt lại.

Lúc này, ông mặt trời đã lên, một ngày mới lại bắt đầu. Bác sĩ Van Helsing đặt tay lên bờ vai Mina và khẽ đặt cô ngã xuống gối. Cô nằm im một lúc lâu như một đứa trẻ đang ngủ và sau khi trút một hơi thở dài thườn thượt, cô chợt ngẩng bật dậy nhìn những người đứng xung quanh, vẻ rất ngạc nhiên.

Nhưng cô cũng chỉ hỏi đúng một câu:

— Tôi đã kể cho mọi người nghe giấc ngủ của mình chưa nhỉ?

Tuy nhiên, dường như cô đã hiểu ra sự im lặng của chúng tôi, cho dù cô rất khát khao được biết những gì mình vừa nói. Giáo sư kể lại câu chuyện cho Mina, khiến cô phải thốt lên:

— Vậy thì đừng để mất thêm giây phút nào nữa! Có lẽ cũng chưa đến nỗi quá muộn đâu!

Quincey Morris và huân tước lao vội ra cửa, nhưng Van Helsing đã bình tĩnh gọi lại:

— Khoan đã các bạn! Con tàu ấy, dù có, cũng đã nhổ neo mất rồi. Quả thực lúc này cũng có những con tàu đang nhổ neo ở cảng Luân Đôn. Nhưng

các bạn biết phải tìm con tàu nào kia chứ? Ông Chúa đã cho chúng ta biết thông tin này, cho dù chúng ta chẳng biết con tàu đang đi về đâu. Thỉnh thoảng chúng ta cũng bị mù, mù tịt như những người trăn mắt thật sự. Bây giờ thì chúng ta đã hiểu tại sao lão bá tước lại cố nhặt bằng được những tờ giấy bạc ngay cả khi Jonathan đã vung dao đe dọa lão. Lão muốn chạy trốn, chạy trốn khỏi Anh quốc! Lão chỉ còn một thùng gỗ có chứa thứ đất bần thiêu có thể che chở cho lão, có nhiều người săn lùng lão như chó săn đuổi một con cáo. Lão đã quăng thùng đất còn lại đó lên tàu và từ bỏ đất nước này. Lão định trốn chúng ta, nhưng không, chúng ta sẽ theo đuổi lão! Lão thật quỷ quyệt, và chính vì sự quỷ quyệt này mà chúng ta phải lần theo dấu chân lão. Tôi cũng vậy, tôi cũng mưu mẹo chẳng kém, tôi rất hiểu những suy nghĩ trong đầu lão. Trong lúc chờ đợi, chúng ta có thể nghỉ ngơi cho thoải mái mà chẳng cần phải lo ngại điều gì, bởi biển cả đã tách chúng ta với lão. Nào! Mặt trời lên rồi, cả ngày hôm nay, cho tới khi ánh chiều buông, là của chúng ta. Tắm táp, nghỉ ngơi rồi xuống làm một chút điếm tâm cho người dễ chịu đi, lão bá tước hiện không còn ở trên mặt đất như chúng ta nữa rồi.

Mina nhìn giáo sư bằng một ánh mắt khẩn khoản:

— Nhưng tại sao lại không đuổi theo lão nữa, chẳng lẽ là do lão đã bỏ xa chúng ta?

Giáo sư nắm tay cô như để an ủi:

— Đừng hỏi nữa, Mina thân mến à. Sau bữa trưa, tôi sẽ trả lời mọi câu hỏi của bà.

Ông không nói gì thêm. Chúng tôi ai về phòng nấy chuẩn bị cho bữa điếm tâm.

Sau bữa trưa, Mina nhắc lại câu hỏi của mình. Van Helsing chăm chú nhìn cô một lúc rồi mới trả lời, giọng buồn buồn:

— Mina à, hơn lúc nào hết, bây giờ là lúc chúng ta phải tìm lão cho bằng được, cho dù cuộc tìm kiếm này có thể dẫn chúng ta đến địa ngục.

Mina gắng hỏi, mặt tái đi:

— Tại sao chứ?

— Tại vì lão có thể sống qua nhiều thế kỷ, trong khi chúng ta sớm muộn cũng chỉ là một xác chết. Thời gian là kẻ thù của chúng ta - kể từ khi lão bá tước đặt dấu ấn này lên cổ bà.

Van Helsing chỉ kịp đưa tay ra đỡ trước khi cô ngã khụy xuống, bất tỉnh.

CHƯƠNG 24

Lời nhắn nhủ của Van Helsing gửi Jonathan Harker (được ghi qua máy hát của bác sĩ Seward)

“Anh nên ở lại với Mina của anh thì hơn. Chúng tôi sẽ tiếp tục cuộc đi đầu tra, nếu có thể gọi như vậy, bởi chúng ta đều đã biết: đơn giản chúng ta muốn có một lời khẳng định chắc chắn về hiện trạng của lão bá tước. Hôm nay, anh không cần làm gì hết. Đó là nhiệm vụ đáng được làm nhất đối với anh lúc này. Hôm nay không tìm thấy lão ở đây, nhưng tôi thiết nghĩ cần phải kể cho anh nghe tất cả những gì bốn chúng tôi đã biết. Dracula đã đi rồi, lão đang trở về lâu đài của lão ở Transylvanie. Lão đã có thời gian chuẩn bị mọi thứ, và thùng đất còn sót lại cũng đã sẵn sàng để chuyển lên tàu ở một nơi nào đó. Lúc trước, lão vợ vội nắm tiển rồi bỏ chạy chính vì sợ chúng ta đuổi kịp trước lúc mặt trời lặn. Đó là hy vọng cuối cùng của lão, trừ phi lão có cơ hội ẩn náu trong ngôi mộ của Lucy, mà vẫn mở sẵn cửa như lão vẫn nghĩ. Nhưng lão đâu còn thời gian. Sau khi bị thất bại, lão tính về thẳng sào huyệt cuối cùng. Lão quả là thông minh! Lão hiểu ván bài đã kết thúc ở đây và lão chỉ còn cách trở về cái nơi lão đã ra đi. Lão hiểu lão phải tìm bằng được một con tàu để có thể thoát thân. Bây giờ, chúng ta cũng phải tìm cho được con tàu của lão. Ngay sau khi hoàn thành nhiệm vụ, chúng tôi sẽ quay về an ủi hai vợ chồng anh với một niềm hy vọng mới. Tất cả chưa phải là đã hết, Jonathan à. Con quái vật mà chúng ta đang truy lùng ấy phải mất hàng trăm năm mới có thể đến được Luân Đôn, vậy mà chỉ cần một ngày thôi chúng ta đã xua đuổi được lão. Lão đã thất bại, cho dù vẫn còn khá mạnh để có thể gây ra thêm bao nhiêu tội ác nữa. Nhưng chúng ta cũng đâu phải là những kẻ yếu đuối, nhát gan. Chúng ta ai cũng rất quyết tâm chống lại âm mưu của lão và chính sự đồng lòng chung sức sẽ giúp chúng ta có lợi thế hơn lão nhiều. Hãy can đảm lên, hai bạn thân mến! Cuộc chiến đấu chỉ vừa bắt đầu, và chiến thắng sẽ thuộc

về chúng ta. Chúa ngự trên cao luôn để mắt dõi theo từng bước chân đưa con của người. Chiu khó đợi chúng tôi quay về nhé.

Van Helsing”

Nhật ký của Jonathan Harker

• Ngày 4 tháng 10

Khi được nghe những lời nhắn nhủ được ghi qua máy hát của bác sĩ Seward, Mina có vẻ yên tâm hơn nhiều. Quả là chẳng còn gì vui hơn khi biết lão bá tước ra khỏi đất nước mình, và chính niềm vui ấy đã giúp cô khỏe ra. Về phần mình, từ khi mối nguy trôi qua, tôi như lấy lại được niềm tin mà bấy lâu tưởng đã lụi tàn trong lòng. Ngay cả những trải nghiệm thực tế ở lâu đài Dracula đối với lúc này dường như cũng chỉ còn là những giấc mơ dĩ vãng. Nơi đây, giữa tiết trời thu vàng rực ánh nắng mặt trời này...

Chà chà! Làm sao tôi có thể nghi ngờ được chứ? Trong lúc miên man suy tưởng, mắt tôi bỗng vô tình dừng lại trên vết bánh thánh hồng đỏ trên vầng trán thanh cao của người vợ yêu dấu. Đó là một sự thật không thể chối cãi. Hồi ức về dấu ấn ấy nhắc cho thấy chúng tôi rằng đã không nằm mơ. Chỉ sợ rằng sự ăn không ngủ nghỉ hôm nay sẽ khiến cả tôi và Mina không ngừng nghĩ đến những dòng nhật ký của tất cả chúng tôi. Tuy nhiên, hồi ức về cái thực tế khủng khiếp càng tăng lên thì dường như nỗi đau và sự lo sợ trong chúng tôi lại càng giảm dần đi, bởi vì chúng tôi biết mối đe dọa thường trực không còn cận kề nữa. Sợ chỉ xuyên suốt những dòng nhật ký dần dần hiện ra trong suy tưởng của chúng tôi như một sự an ủi calm lặng. Mina còn nói vui rằng cô sẽ dùng những dòng nhật ký ấy làm chất liệu cho một cuốn tiểu thuyết. Rõ ràng ý nghĩ ấy đã làm cô vui lên trông thấy. Tôi cũng thử nghĩ như cô ấy như để quên đi những suy nghĩ vẫn vơ trong đầu. Cho đến nay, chúng tôi chưa bao giờ cùng nhau nói về tương lai. Nhưng tốt hơn hết là đợi đến khi Van Helsing và những người bạn trở về rồi tính sau.

Nhật ký của Mina Harker

• Ngày 5 tháng 10, 5 giờ chiều

Thuật lại cuộc nói chuyện của chúng tôi. Những người có mặt: giáo sư Van Helsing, huân tước Godalming, bác sĩ Seward, Quincey Morris, Jonathan Harker và tôi, Mina Harker.

Van Helsing kể lại chuyện ông và những người bạn đã phát hiện ra con tàu của Dracula như thế nào và tìm được địa chỉ của nó ra sao:

Khi biết lão định trở về Transylvanie, tôi tin chắc lão sẽ đi theo đường cửa sông Danube hoặc một cảng nào đó ở Biển Đen, bởi khi đến nước Anh, lão cũng đã đi theo đường đó. *Omne ignotum pro magnifico*. Những gì không biết thì mệnh mông quá. Chúng tôi đi tìm những con tàu đi Biển Đen trong đêm trước mà lòng nặng trĩu. Theo lời Mina mô tả lúc thôi miên thì đó là một chiếc thuyền buồm, mà những con tàu kiểu như vậy lại chẳng mấy quan trọng để có tên trong danh sách các chuyến tàu khởi hành của tờ Thời Báo. Huân tước Godalming khuyên chúng tôi tìm đến bến Hoyd để xác định những con tàu khởi hành, kể cả những con tàu nhỏ. Tới nơi, chúng tôi được biết chỉ có một con tàu đi Biển Đen lúc triều cường, đó là tàu Tsarine Catherine, thả neo ở bến Doollittle, đến Varna và các cảng khác ở thượng nguồn sông Danube. “*Đây rồi, - tôi thầm nghĩ - đây chính là con tàu có lão bá tước*”. Vậy là phải mò đến bến Doollittle, nơi chúng tôi gặp một người đàn ông đang ngồi trong một túp lều tồi tàn nhỏ bé. Chúng tôi hỏi thông tin về các chuyến đi của Tsarine Catherine.

Đó là một gã đàn ông có bộ mặt đỏ như gà chọi, giọng vang như sấm và luôn mồm chửi bới. Nhưng dù sao gã cũng tử tế chán. Quincey móc mấy đồng tiền vàng dúi vào chiếc túi vải giấu sau tà áo lão. Chỉ đợi có vậy, lão lập tức trở thành một người biết điều và rất tận tình với chúng tôi. Gã dẫn cả nhóm tới gặp những người thủy thủ thô kệch và nóng tính, nhưng đám người lực lưỡng này cũng nhanh chóng trở thành những người dịu dàng sau khi được chúng tôi mời uống giải khát. Họ nói nhiều về sấm sét và địa

ngực và rất nhiều những điều tôi không hiểu khác. Tuy nhiên, họ cũng kể lại cho chúng tôi tất cả những gì chúng tôi muốn biết. Họ kể rằng chiều hôm qua, khoảng năm giờ, họ có trông thấy một gã đàn ông gầy đét, mũi dài, hai mắt sáng quắc như có lửa đốt, hai hàm răng trắng lăm, bước đi rất vội vã. Gã mặc bộ đồ đen từ đầu đến chân, trừ có chiếc mũ dạ không hợp với lão, mà cũng chẳng hợp với tiết trời thu. Hắn cho mọi người tiền rồi hỏi thăm về các chuyến tàu đến Biển Đen, nhưng là đến cảng nào chứ? Người ta dẫn gã đến phòng giao dịch rồi đến con tàu gã cần. Gã không muốn lên boong mà cứ đứng ở đâu cầu tàu đề nghị muốn nói chuyện với viên thuyền trưởng. Viên thuyền trưởng đồng ý xuống nói chuyện với gã, nhưng vẫn bọc mình bằng mấy câu chữ đồng. Gã đàn ông hứa sẽ trả thật hậu hĩnh nếu ông đồng ý chiêu gã. Gã đàn ông lảng lảng bỏ đi sau khi được biết nơi cần thuê một chiếc xe ngựa. Gã quay lại rất nhanh với một chiếc xe ngựa cà tàng chở một chiếc hòm gỗ to vật. Gã khuân chiếc hòm xuống đất một mình, trong khi phải nhiều thanh niên lực lưỡng mới chập vật đưa được nó lên tàu. Gã giải thích một thôi một hồi về vị trí và cách thức đặt chiếc hòm gỗ với viên thuyền trưởng. Viên thuyền trưởng có vẻ không thích, bởi người ta lại thấy ông chữ bới bằng đủ các ngôn từ ông có thể có. Ông nói nếu thích, gã có thể tự đi giám sát công việc một mình. Gã lắc đầu trả lời không được, bởi lúc đó lão vẫn còn quá nhiều việc phải làm. Nghe vậy, viên thuyền trưởng nhắc lão cần phải rất khẩn trương - chợt có tiếng sấm rền vang cả một góc trời - bởi con tàu sắp sửa nhổ neo - thêm một tiếng sấm gầm lên - khi thủy triều lên - lại một tiếng sấm thứ ba. Gã đàn ông mỉm cười gật đầu. Dĩ nhiên là viên thuyền trưởng sẽ quyết định nhổ neo vào bất cứ lúc nào ông thấy là thích hợp. Gã đàn ông gầy nhằng gật đầu và hứa sẽ lên tàu ngay trước khi nhổ neo. Rồi gã hỏi gần cảng có chỗ nào bán các mẫu giấy tờ để mua vài tờ và lập tức cầm đầu chạy đi tìm. Viên thuyền trưởng mặt đỏ tía tai, cúi kính chữ bới vài câu rồi bỏ lên tàu. Không ai biết lão đi đâu, bởi họ còn một chuyện khác cần phải nghĩ, có thể là sấm sét và địa ngục, vì họ nhận ra ngay rằng con tàu Tsarine Catherine không

thể nhờ neo theo đúng dự kiến. Một làn hơi sương mờ không hiểu từ đâu bất ngờ nổi lên trên mặt sông, rồi kéo đến dày đặc như một màn sương mù nhầy nhót quanh con tàu. Viên thuyền trưởng lại buông ra những câu chửi bới độc địa. Thủy triều vẫn tiếp tục dâng cao, dâng cao. Viên thuyền trưởng bắt đầu thấy lo lắng mất cơn thủy triều, ông đang bực mình thì gã hành khách già đột ngột xuất hiện trở lại ở cầu tàu. Vừa nhìn thấy ông, gã đã đòi đi xem nơi cất chiếc hòm gỗ của mình. Nghe vậy, ông bảo chỉ muốn quẳng cả gã và chiếc hòm xuống đáy sông cho bỏ tức. Gã không lấy thế làm bực mình mà bình thản cùng ông bước xuống khoang kiểm tra chiếc hòm rồi lại leo lên ngay. Gã đứng trơ trên boong tàu, giữa màn sương mù còn dày đặc. Chắc chắn là gã lại biến đi đằng nào một mình và không ai nhìn thấy, nhưng nói thực tình, chẳng ai để ý đến gã, bởi màn sương mù bắt đầu tản dần, để lại một khung cảnh quang đãng như lúc đầu vốn có. Vừa ngồi giải khát không mất tiền, những người bạn mới của chúng tôi vừa cười ứa nước mắt khi kể lại những câu chửi thề của viên thuyền trưởng, rồi họ hỏi thêm mấy thủy thủ có mặt tản mạn trên mặt sông lúc con tàu *Tsarine Catherine* chuẩn bị khởi hành. Mấy tay này trả lời họ không thấy sương mù ở bất cứ chỗ nào khác trên dòng sông, ngoại trừ màn sương bao quanh con tàu của gã đàn ông nọ. Cuối cùng thì con tàu cũng nhổ neo vào buổi sáng, khi thủy triều đã xuống khá thấp.

Lúc chúng tôi ng ỡ nói chuyện với đám thủy thủ, chắc chắn con tàu đã lên đèn ngoài khơi xa sau khi đã xuôi dòng đến vùng hạ lưu của con sông. Mina ạ, vậy là chúng tôi được một lúc ng ỡ nghỉ thoải mái, nếu có thể nói như vậy, bởi dù sao thì kẻ thù của chúng ta cũng đang b ồng b ềnh ngoài biển trên đường về sông Danube cùng với màn sương mù biết tuân lệnh của lão. Tuy nhiên, nếu đi bằng đường biển, lão sẽ mất khá nhiều thời gian, ý tôi muốn nói là nếu đi bằng đường bộ, chúng ta có thể đuổi kịp lão. Cơ hội tốt nhất để chúng ta giáng một đòn quyết định chính là lúc lão nằm trong thùng đất, giữa lúc mặt trời mọc và lặn. Bởi vào lúc ấy, lão không thể tự vệ nổi, và số phận lão sẽ phụ thuộc vào chúng ta. Chúng ta vẫn còn

nhieu ngày phía trước để thực hiện kế hoạch của mình. Chúng ta biết lão về đâu, bởi chúng tôi đã gặp ông chủ tàu Tsarine Catherine, người đã cung cấp cho chúng tôi các thông tin liên quan đến giấy tờ và điểm đến của lão. Chiếc thùng gỗ phải được bốc dỡ ở Varna và giao cho một nhân viên có tên là Ristics nào đó, vì đây là người được lão ủy nhiệm nhận hàng trực tiếp từ viên thuyền trưởng. Viên chủ tàu tốt bụng còn nói nếu gặp khó khăn, ông có thể cho đánh điện đến Varna giúp. Chúng tôi trả lời không cần, vì trong chặng đường còn lại, chúng ta nhất định không được để cho cảnh sát hoặc hải quan dính tay vào, nếu không sẽ hỏng hết việc. Chúng ta phải tự tay hoàn thành nhiệm vụ của chính mình theo một cách riêng.

Đợi Van Helsing dứt chuyện, tôi mới dám hỏi ông xem có chắc lão bá tước ở trên tàu hay không.

— Chúng tôi có bằng chứng chắc chắn nhất để khẳng định là có. - Ông trả lời.

— Đó chính là bằng chứng được khẳng định từ lúc bà bị tôi thôi miên.

Tôi hỏi tiếp có nhất thiết phải truy đuổi lão không, bởi tôi thực sự sợ Jonathan lại bỏ tôi đi lúc này, tôi biết chắc là thế nào anh cũng đi nếu những người bạn kia cũng làm như vậy. Ông hồ hởi trả lời tôi bằng một giọng chan chứa một niềm tin tất thắng, dù vẫn rất điềm đạm, khiến ai cũng cảm thấy ông luôn là chỗ dựa không thể thiếu đối với nhóm chúng tôi lúc này.

— Có chứ, hoàn toàn nhất thiết phải như vậy! Trước hết là vì bà, Mina ạ, rồi tiếp đó là cả nhân loại sống trên thế gian này. Con quỷ này đã gây ra không biết bao nhiêu đau khổ cho những người hiện hữu trong phạm vi có sự tồn tại của lão và trong một thời hạn ngắn - Ý tôi nói ngắn là so với khả năng tồn tại vĩnh cửu của lão - khi lão mới chỉ là một thầy ma đang mò mẫm tự khám phá mình trong bóng tối mà vẫn chưa nhận ra hết các quyên năng của mình. Tôi đã nói tất cả với những người bạn của chúng ta. Cả bà nữa, Mina ạ, bà sẽ hiểu ra điếu đó qua máy hát của bác sĩ John hoặc qua nhật ký của ông nhà bà. Tôi có nói với họ: quyết định rời bỏ xứ sở căn cỗi,

buồn thảm và vắng bóng người của lão bá tước để đến một xứ sở mới, trù mật, rực rỡ ánh nắng vàng, là một công việc phải diễn ra trong nhiều thế kỷ. Để làm được như lão bây giờ, một con quỷ khác trong đám *kẻ bất tử* trên thế gian này sẽ phải trải qua rất nhiều thế kỷ nữa mới có thể tự hoàn thiện quyền năng của mình. Nhưng đối với riêng lão, tất cả sức mạnh của thiên nhiên, của sự huyền bí và ma quái đều được lão tập hợp lại thành một sức mạnh siêu nhiên theo một cách kỳ diệu. Từ nhiều thế kỷ qua, ở cái nơi lão từng sống, *kẻ bất tử* ấy đã tích lũy được vô vàn những điếu bí ẩn về địa chất và hóa học. Và trong chính bản thân lão lúc đầu cũng tồn tại sẵn một vài phẩm chất phi thường nào đó. Ở một thời chiến tranh tàn khốc, người ta nhận ra lão ở bộ thần kinh thép, một tinh thần chịu đựng bền bỉ, một trái tim can trường hơn bất cứ một người nào trên thế giới này, đồng thời là một dáng vóc lực lưỡng, cao lớn và mạnh mẽ như chính bộ óc của lão. Tất cả tồn tại độc lập với sự trợ giúp của ma quỷ mà sau này chính lão đã đạt được, nhưng linh hồn ma quỷ của lão trước sau cũng phải lùi bước trước cái thiện. Đúng vậy, bây giờ chính là lúc lão phải đương đầu với chúng ta. Lão đã đặt dấu ấn lên bà - ôi, xin bà thứ lỗi cho, Mina thân mến ạ, nếu tôi trót nói như vậy, tôi chỉ muốn đặt lão vào lợi ích của bà, thế thôi! Lão đặt dấu ấn lên con người bà khôn khéo đến nỗi ngay cả khi chẳng cần làm gì hơn đối với bà, cũng đủ để bà trước hết vẫn sống bình thường như bao người khác, nhưng rồi cái chết, một số phận chung của con người đã được Chúa phán quyết, sẽ có ngày làm cho bà trở thành một kẻ giống như lão. Chúng ta phải tìm cách không để điếu đó xảy ra. Thế giới này và bao con chiên ngoan đạo của Chúa không thể để rơi vào tay bầy quỷ dữ. Chúng tôi sẽ lên đường như những chiến binh *Thập tự chinh* để hoàn thành sứ mệnh mà Ngài đã giao phó. Chúng tôi cũng sẽ đi về phía đông như họ, và nếu có ngã xuống thì âu cũng là niềm vinh hạnh vì sự tốt lành cho thế giới này.

Đợi ông dừng lại, tôi mới hỏi tiếp:

— Nhưng chẳng lẽ lão bá tước lại không khôn ra sau lần thất bại này sao? Sau khi bị đuổi khỏi nước Anh, chẳng lẽ lão lại không lần tránh như

một cạp trốn khỏi cái làng mà nó vừa bị người ta cho một trận đòn như tử?

— Bà nói hay đấy! - Ông đáp lại, không hiểu là khen hay chê. - Ông Ba mươi của bà, khi đã một lần được nếm máu người, sẽ chẳng còn bận tâm đến bất cứ một con mồi nào nữa, nhưng không vì thế mà nó không tiếp tục lảng vảng rình mò cho đến khi bắt gặp một con mồi mới theo đúng bản năng không thể thay đổi được của một giống thú dữ. Kể chúng ta đang săn đuổi cũng chẳng khác nào một con cạp không lúc nào quên săn mồi. Lão không thuộc tí người chỉ biết co vùi lại ở một nơi hẻo lánh. Khi còn sống, ý tôi muốn nói là sống một cuộc sống thật, lão từng vượt qua biên giới Thổ Nhĩ kỳ để tấn công vào đất kẻ thù. Lão có thể bị đẩy lùi nhưng chẳng bao giờ chịu dừng lại. Sau mỗi lần thất bại, lão lại tấn công, tấn công và tấn công. Hãy cứ nhìn vào bản tính trơ lì và ngoan cố của lão thì biết. Bộ óc con trẻ của lão từ lâu đã nung nấu ý nghĩ được đến sống ở một thành phố lớn nào đó. Nhưng để làm gì chứ? Lão sẽ tìm thấy ở đó nhiều hứa hẹn nhất để nhanh chóng được thử nghiệm sức vóc và quyền năng của mình. Lão học tiếng nước ngoài, tìm hiểu một cuộc sống xã hội khác để thay đổi các thói quen lạc hậu của mình, rồi lão nghiên cứu cả chính trị, pháp luật, tài chính, khoa học cũng như phong tục tập quán của một xứ sở mới, một dân tộc mới sinh sau đẻ muộn so với lão. Những gì chỉ mới thoáng nhìn thấy cũng kích thích sự thèm khát của lão và dường như đầu hòa nhập vào con người lão: bởi tất cả đều chứng tỏ mọi giả thiết của lão về thế giới này đều rất chính xác. Lão làm tất cả một mình, chỉ một mình thôi, từ một ngôi mộ hoang tàn ở tận cùng một xứ sở bị quên lãng. Lão có thể làm được bao nhiêu nữa khi cả thế giới đang trải rộng ra trong suy tưởng của lão! Lão có thể cười với thần chết, như chúng ta đã biết. Lão hoàn toàn đủ sức sai khiến các bệnh nhân giết hại mọi dân tộc trên thế gian. Lạy trời! Nếu một thực thể thuộc loại này được Chúa phái đến; chứ không phải ma sai quỷ khiến, thì thế giới này sẽ được nhờ bao nhiêu? Nhưng cũng may cuộc đời còn có chúng ta. nỗ lực của chúng ta phải được giữ kín, hay nói đúng hơn chúng ta hãy là những con người thần lạng trong sứ mệnh của mình, vì

trong kỷ nguyên ánh sáng này, khi con người không còn tin ở những gì họ nhìn thấy nữa, thì sự thiếu lòng tin đối với những đi đầu tưởng chừng hoang đường lại càng lớn gấp bội phần. Lão sẽ sử dụng sự thiếu lòng tin đó như một tấm khiên, một tấm áo giáp và đồng thời là một thứ vũ khí để hủy diệt chúng ta. Chúng ta, kẻ thù của lão, đã sẵn sàng lao vào mạo hiểm vì sự bình an của một người mà ai cũng yêu mến, vì nhân loại, vì danh dự và vinh quang của Đức Chúa.

Sau cuộc nói chuyện chung chung, chúng tôi quyết định chiều tối nay không bận tâm đến bất cứ đi đâu gì nữa, để đầu óc thoải mái một chút trước khi đưa ra những kết luận cần thiết. Sáng mai; chúng tôi sẽ gặp lại nhau vào bữa điểm tâm, và sau khi đưa ra những suy nghĩ của mình, tất cả sẽ cùng bàn đến kế hoạch hành động cuối cùng.

Buổi chiều tối hôm nay cho tôi một cảm giác thực sự bình yên, bởi mối đe dọa thường trực không còn lơ lửng cận kề bên tôi nữa. Cũng có thể là...

Nhưng chưa thể nói niềm hy vọng của tôi là trọn vẹn, vì lúc đứng soi gương, tôi lại nhận ra dấu ấn đỏ còn hằn trên trán. Tôi hiểu rằng mình vẫn là một kẻ nhor nhuốc.

Nhật ký của bác sĩ Seward

• Ngày 5 tháng 10

Chúng tôi dậy từ rất sớm sau một giấc ngủ thật sâu và yên giấc. Đến bữa điểm tâm, cả nhóm lại quây tụ bên nhau, trông ai cũng có vẻ vui tươi hơn mọi ngày.

Bản chất con người là thường có những khả năng đột khởi rất đặc biệt. Nếu phải loại bỏ một chương ngại ghê gớm nào đó theo bất cứ cách nào, - thậm chí là bằng cả cái chết thế nào chúng ta cũng tìm được lý do để vui và hy vọng. Khi ng ồi vào bàn ăn, đã hơn một lần tôi tròn mắt tự hỏi những sự kiện trong chuỗi ngày qua là thật hay chỉ là một giấc mơ. Tôi phải nhìn vào cái dấu ấn đỏ in trên trán Mina để trở về với thực tại. Ngay cả lúc này, khi

đang phải cân nhắc một vấn đề thật nghiêm túc, tôi vẫn hầu như không thể thừa nhận nguyên nhân của mọi sự bất hạnh vẫn đang tiếp tục tồn tại. Mina Harker dường như lại chìm ngụp trong nỗi niềm của riêng mình một lúc lâu. Chắc chắn là cô không thể quên được cái vết nhơ trên trán mình, khi thỉnh thoảng lại có chuyện tình cờ gợi nhắc hồi ức của cô. Chúng tôi ngồi bàn bạc kế hoạch hành động trong phòng làm việc của tôi khoảng nửa giờ đồng hồ. Tôi chỉ nhận ra một khó khăn trước mắt nhờ bản năng hơn là lý trí: tôi nghi ngờ có một nguyên nhân bí ẩn nào đó đang hòa vào tiếng nói của Mina. Sau những gì đã xảy ra, cô có thể rút ra chiêm nghiệm của riêng mình, nhưng cô không muốn, hoặc không thể nói ra được, mặc cho tôi đoán già đoán non. Tôi nói nhỏ với Van Helsing và hẹn khi nào ngồi riêng với nhau, hai chúng tôi sẽ nói chuyện về cô. Tôi chợt tưởng tượng có một loại độc tố nào đó được đưa vào trong các huyết mạch của cô và đang bắt đầu phát huy tác dụng. Lão bá tước đã đưa vào cơ thể cô một cái gì đó mà Van Helsing gọi là “*nhuộm máu ma cà rồng*”. Vậy đấy! Trên đời này lại có thể tồn tại một thứ độc tố được gieo rắc từ những trường hợp kỳ quái. Nhưng tôi chỉ biết có một điều: nếu cảm nhận bản năng của tôi không nhầm về nguyên nhân khiến cho Mina buộc phải nhiều lần im lặng, thì nhiệm vụ nặng nề phía trước cho chúng tôi một khó khăn ghê gớm, một mối nguy hiểm mơ hồ không dễ gì vượt qua. Thứ quyên luyến vô hình buộc cô phải im lặng cũng như buộc cô phải nói chỉ là một. Tuy nhiên, tôi không dám nghĩ trước một điều gì, bởi nếu làm thế tôi sẽ hạ thấp hình ảnh người con gái thùy mị trong lòng mình.

Van Helsing là người xuất hiện trong phòng làm việc của tôi trước cả nhóm. Chúng tôi sẽ cố gắng bàn luận về chủ đề này.

- *Một lúc sau*

Giáo sư bước vào, chúng tôi đi ngay vào câu chuyện. Tôi hiểu ông đang bị ám ảnh một điều gì đó trong đầu nhưng chưa tiện nói ra với tôi. Sau một lúc bàn chuyện hươu vượn, ông chợt nói:

— Anh bạn John này, sau đây là những gì tôi muốn trao đổi với riêng anh, ít nhất là lúc bắt đầu. Sau đó, chúng ta sẽ nói với những người còn lại...

Ông dừng lại một lát rồi mới tiếp tục:

— Mina, cô gái Mina khốn khổ của chúng ta không còn là chính mình nữa rồi.

Tôi bàng hoàng nghe ông lý giải, dù trong đầu đã láng máng hiểu ra một điều gì đó từ trước:

— Cuộc đời buồn thảm của Lucy đã nhắc nhở chúng ta rằng lần này đừng nên để sự việc đi quá xa. Quả thực nhiệm vụ của chúng ta lúc này còn khó khăn cực nhọc hơn bao giờ hết, và nỗi lo mới lại phụ thuộc quyết định vào thời gian. Tôi bắt đầu nhận ra những đặc điểm của “*ma cà rồng*” trên khuôn mặt cô. Tất cả mới chỉ thoáng qua thôi, nhưng cũng đủ rõ nếu chúng ta quan sát thật khách quan. Hai hàm răng cô ấy đã dài hơn và ánh mắt thỉnh thoảng có vẻ ngây dại hơn. Chưa hết. Mina quá thường xuyên giữ thái độ im lặng: đúng là toàn những biểu hiện giống như trường hợp của Lucy ngày nào. Cô ấy lần đến nỗi còn viết cả những gì muốn nói cho người khác biết. Nhưng bây giờ tôi lại sợ nhất điều này: nếu trong lúc bị thôi miên, Mina có thể nói cho chúng ta biết những gì lão bá tước trông và nghe thấy thì cũng có nghĩa là lão - kẻ đã thôi miên cô trước tiên, rồi hút máu cô và bắt cô hút máu của lão - có thể buộc cô phải tiết lộ tất cả những gì cô biết cho lão biết nếu lão muốn.

Tôi gật đầu đồng ý. Ông tiếp tục:

— Như vậy, để ngăn ngừa mối nguy hiểm này, chúng ta buộc phải giữ kín mọi kế hoạch và ý đồ của mình trước cô ấy. Đó là một quyết định bất buộc và khó khăn, đến nỗi chỉ nghĩ trong lòng thôi tôi cũng không dám. Lúc nữa, khi chúng ta được ngồi cùng nhau, tôi phải nói với Mina rằng vì một lý do chúng ta không tiện nói ra, cô ấy không nên dự họp với chúng ta, nhưng vẫn được chúng ta bảo vệ như thường lệ.

Ông lấy khăn lau vầng trán đang ướt đầm mồ hôi, dường như trong lòng ông đang bị dằn vặt ghê gớm lắm. Tôi biết ông sẽ tìm thấy trong tôi một niềm an ủi nào đó khi hiểu tôi cũng sẽ có chung một kết luận như ông và sẽ sớm dứt ra khỏi nỗi ngờ vực để chấp nhận thực tế. Tôi bộc bạch ý nghĩ của mình, và kết quả diễn ra đúng như tôi đang hy vọng.

Đã đến giờ họp nhóm rồi. Van Helsing ra trước chuẩn bị cho cuộc họp hệ trọng và những câu mở đầu khó khăn của mình. Nhưng tôi nghĩ có lẽ ông ra trước tôi cũng vì muốn tìm một chút tĩnh lặng để thấn cầu nguyện với Chúa Trời.

• *Một lúc sau*

Tôi và Van Helsing cùng thở phào nhẹ nhõm ngay sau khi cuộc họp bắt đầu, vì Mina vừa nhờ Jonathan thông báo cô sẽ không tham gia bàn luận cùng chúng tôi, cô sợ sự có mặt của mình sẽ làm cho cả nhóm lúng túng trong một số vấn đề. Van Helsing đưa mắt nhìn tôi như vừa trút được một gánh nặng. Cả nhóm tập trung thảo luận kế hoạch hành động. Giáo sư tóm tắt ngắn gọn các sự kiện:

— Tàu Tsarine Catherine đã rời sông Thames sáng hôm qua. Nếu chạy với tốc độ tối đa, nó cũng phải mất ít nhất ba tuần mới đến được Varna; bằng đường bộ, chúng ta chỉ cần ba ngày cũng có thể tới nơi. Để đảm bảo an toàn tuyệt đối, chúng ta cần xuất phát sau ngày 17, làm sao đến Varna sớm một ngày trước khi con tàu kia cập bến để chuẩn bị một số công việc cần thiết. Tất nhiên chúng ta cần mang theo vũ khí, tức là tất cả những gì cần để chống lại cái tà ác, dù là tinh thần hay vật chất.

Quincey Morris chột lên tiếng:

— Tôi nghĩ con sói già kia đến từ một vùng nhiều chó sói, và biết đâu lão lại chẳng về đó trước chúng ta. Tôi đề nghị chúng ta cần mang theo mỗi người một khẩu súng săn, như thế cũng không thừa. Tôi có lý do để tin ở khẩu súng săn khi xung quanh lúc nào cũng có những chuyện phiến toái như vậy.

— Được, - Van Helsing nói, - sẽ có súng săn. Quincey quả là người cao kiển, nhất là đối với những cuộc đi săn như thế này. Bây giờ thế này, chúng ta chẳng có việc gì ở đây nữa, vả lại trong chúng ta chẳng ai biết Varna như thế nào, vậy thì tại sao không đến đó trước nhỉ? Thời gian ở đây đối với chúng ta chắc chắn cũng sẽ dài đằng đẳng như ở đó. Quãng thời gian tối nay và sáng mai là quá đủ để chúng ta chuẩn bị mọi thứ. Nếu không có chuyện gì xảy ra, cả bốn chúng ta có thể lên đường ngay lập tức.

— Tất cả có bốn người thôi? - Harker ngạc nhiên hỏi lại, ánh mắt hết nhìn người này đến người khác, vẻ ngờ vực.

— Tất nhiên. - Giáo sư trả lời dứt khoát. - Cậu cần phải ở lại để chăm sóc người vợ trẻ chứ.

Harker lặng người đi một lúc rồi mới tiếp tục, giọng run run:

— Chúng ta sẽ bàn tới chuyện này vào sáng mai. Tôi muốn tham khảo ý kiến của Mina.

Tôi cứ tưởng đã đến lúc Van Helsing phải đề nghị Harker đừng tiết lộ kế hoạch của chúng tôi cho Mina biết, nhưng không, ông vẫn im lặng như không có vấn đề gì đáng lo ngại. Tôi nháy mắt giả vờ ho sụ sụ đi nhắc nhở. Nhưng ông ta đáp lại bằng ngón tay đưa ngang miệng ra hiệu đừng nói gì cả.

Nhật ký của Jonathan Harker

• Ngày 5 tháng 10, buổi chiều

Sau cuộc họp nhóm sáng nay, tôi bỗng thấy đầu óc trống rỗng đến lạ lùng. Những diễn biến mới đã đặt tôi vào tình trạng không còn nghĩ ra được một đi đâu gì tích cực nữa. Quyết định không để Mina tham gia các cuộc thảo luận nhóm làm tôi phải nghĩ ngợi nhiều. Và khi không còn được bàn luận đi đâu gì với cô, tôi đâm ra u mê, thiếu sáng suốt. Cách xử sự vừa rồi của mọi người đối với tôi cũng làm tôi mất phương hướng. Mina đang ngủ, nét mặt bình an, vô tư lự, hồn nhiên như một đứa trẻ thơ, nét mặt ánh

lên niềm hạnh phúc. Ơn Chúa! dầu sao thì cô vẫn còn được hưởng những lúc an lành như vậy.

• *Một lúc sau*

Mọi chuyện thật kỳ lạ! Tôi lặng lẽ ngồi nhìn giấc ngủ an lành của Mina mà lòng hy vọng mình cũng được như vậy. Buổi tối đang đến gần thế chỗ cho ánh chiều tà yếu ớt, bầu không khí im lặng trong phòng dường như càng sâu thẳm trong tôi. Mina bỗng choàng tỉnh nhìn nhìn tôi, ánh mắt thật âu yếm. Cô nói:

— Jonathan ơi, em muốn anh hứa với em một điều bằng danh dự của anh. Một lời hứa sẽ đưa em về với chính em, nhưng cũng thật hợp với ý Chúa Trời, một lời hứa không gì ngăn cản nổi, cho dù không cần em phải quỳ gối cầu xin anh bằng những giọt nước mắt cay đắng, xót xa: Nhanh lên anh, em cần phải làm như vậy ngay bây giờ!

— Mina à, - Tôi trả lời - anh không thể hứa ngay lập tức với em một điều như vậy. Có thể anh cũng không có quyền làm điều đó.

— Nhưng anh yêu, chính em là người muốn như thế, mà muốn không phải vì bản thân em. Anh hãy đi hỏi bác sĩ Van Helsing xem em nói có lý không. Nếu ông không tán thành, thì anh cứ việc làm theo ý của mình, em xin chấp nhận. Hơn nữa, nếu anh đồng ý, chốc nữa em sẽ giải ước lời hứa cho anh.

— Vậy thì anh xin hứa! Tôi nói, khiến nét mặt cô rạng rỡ hẳn lên, mặc dù tôi biết chẳng bao giờ cô có một niềm hạnh phúc trọn vẹn, chừng nào nó cái dấu ấn nghiệt ngã còn nằm trên trán cô.

Cô nói ngay:

— Hãy hứa rằng anh sẽ không tiết lộ mọi kế hoạch chống lại lão bá tước cho em biết, cho dù là một từ, một lời bóng gió hay ẩn dụ. Anh hãy đừng nhắc tới một điều gì hết, chừng nào cái sẹo này còn hằn trên trán em.

Cô chỉ vào vết bánh thánh trên trán mình, vẻ mặt rất nghiêm trọng. Tôi chợt hiểu mức hệ trọng trong những lời nói của cô và nhắc lại, giọng cũng nghiêm trọng không kém:

— Anh xin hứa với em như vậy!

Nhưng nói đến đây, tôi chợt cảm thấy dường như có một cánh cửa nào đó đã đóng sập lại giữa hai vợ chồng tôi.

• *Nửa đêm, cùng ngày*

Buổi chiều, cái vui vẻ hoạt bát của Mina dường như đã làm cho cả nhóm chúng tôi can đảm hẳn lên. Cả tôi cũng vậy, tôi thấy dường như cái chương khủng khiếp vẫn đè nặng lên chúng tôi bấy lâu đang vơi nhẹ đi. Chúng tôi chia tay nhau từ rất sớm để về phòng nghỉ. Lúc này, Mina đang ngủ ngon lành như một đứa con thơ. Có gì ngạc nhiên khi cô biết lấy giấc ngủ để phần nào quên đi nỗi phiền muộn trong lòng! Tấm gương buổi chiều nay của cô hẳn sẽ giúp tôi rất nhiều. Chúc một đêm yên giấc!

• *Ngày 5 tháng 10, buổi sáng*

Lại một ngạc nhiên nữa. Mina đánh thức tôi dậy từ rất sớm và bảo tôi chạy đi gọi bác sĩ Van Helsing. Tôi nghĩ chắc cô lại muốn thôi miên, nên không hỏi han gì mà chạy ngay tới phòng giáo sư. Rõ ràng ông đang chuẩn bị cho một cuộc viếng thăm, bởi tôi thấy ông ăn mặc rất chỉnh tề. Cửa phòng ông không khép, nên tôi nghĩ ông có thể nghe thấy tiếng cửa phòng tôi mở. Nghe tôi nói, ông sang ngay. Vừa bước vào, ông vừa hỏi Mina xem có thể gọi những người bạn còn lại cùng vào được hay không.

— Không được, - Cô trả lời ngắn gọn - không cần thiết. Ngài có thể cho họ biết sau. Tôi phải đi theo ngài trong cuộc hành trình của ngài.

Cũng như tôi, giáo sư giật mình hỏi lại sau một lát im lặng:

— Nhưng vì lý do gì chứ?

— Ngài cần phải cho tôi theo. Tôi sẽ an toàn hơn khi được đi cùng ông, và cả anh nữa.

— Nhưng tại sao chứ, Mina? Chăm sóc, bảo vệ an toàn cho bà, như bà biết đấy, luôn là nhiệm vụ đầu tiên của chúng tôi. Chúng ta đang đương đầu với một mối nguy hiểm mà bà là người bị tổn thương nhiều nhất, sau những tình huống, những sự việc đã qua...

Ông chợt im bặt, vẻ rất lúng túng.

Cô trả lời, tay chỉ lên trán:

— Tôi biết. Và chính vì cái này nên tôi phải đi. Tôi có thể nói với ngài lúc mặt trời chỉ vừa lên. Lát nữa, tôi không thể nói gì được nữa. Tôi biết khi lão bá tước đòi hỏi, tôi phải tuân lệnh. Tôi cũng biết rằng nếu lão ra lệnh cho tôi bí mật ra đi, tôi sẽ mò đến với lão bằng sự gian ngoan, xảo quyệt, đủ để tạo nên một sự thay đổi, kể cả với Jonathan.

Cô quay sang nhìn tôi, ánh mắt buồn rười rượi. Tôi chỉ còn biết nắm chặt bàn tay bé nhỏ của người vợ thân yêu mà chẳng thể nói được điều gì. Cô tiếp tục, mắt rung rung:

— Đàn ông các anh luôn can đảm và mạnh mẽ. Các anh càng mạnh hơn khi đoàn kết lại với nhau, bởi các anh có thể thách thức lại những gì đang đe dọa nghiền nát sự sống của nhân loại. Hơn nữa, em còn có thể có ích cho các anh, bởi khi bị thôi miên, các anh có thể đọc được từ em những gì chính em cũng không biết.

Van Helsing xúc động đáp lại, giọng nghiêm lại:

— Thừa bà Mina, lúc nào bà cũng là người ngoan đạo. Vâng, chúng tôi sẽ mời bà cùng đi và chúng ta sẽ góp sức cùng nhau hoàn thành sứ mệnh khó khăn của mình.

Mina không nói gì thêm mà chìm sâu vào dòng suy tưởng trước mắt tôi. Cô ngẩng im một lúc rồi từ từ ngã người xuống tiếp tục giấc ngủ ngon lành. Thậm chí, khi tôi kéo cao rèm, để ánh nắng tràn ngập căn phòng nhỏ, cô vẫn không thể tỉnh dậy. Van Helsing khoát tay bảo tôi lặng lẽ về phòng ông. Vài phút sau, cả huân tước Godalming, Morris và bác Seward cùng kéo đến. Ông thuật lại cho họ biết những gì Mina vừa nói và tiếp tục:

— Chúng sẽ đi Varna ngay ngày hôm nay. Mina nói có lý lắm, vậy là chúng ta đã được cảnh báo kịp thời. Chúng ta không được để mất bất cứ một cơ hội nào, và tới Varna, tất cả phải sẵn sàng hành động ngay lúc con tàu cập bến.

— Nói chính xác thì chúng ta phải làm gì chứ? - Morris hỏi ngắn gọn.

Sau một hồi suy nghĩ, giáo sư trả lời:

— Trước hết, phải lên tàu. Rồi ngay sau khi xác định được vị trí chiếc hòm gỗ, phải đặt cố định lên đó một cành h ồng đại để lão không thể chui ra ngoài. Đó ít nhất cũng là những gì tôi được biết ở tín ngưỡng. Trước hết, chúng ta cần phải biết tin vào những đi ều mê tín, vì đó là cơ sở để mang lại niềm tin đầu tiên cho chúng ta trong hoàn cảnh này. Sau đó, nếu quan sát thấy không có ai lảng vảng xung quanh chúng ta chớp thời cơ cạy nắp hòm và... tất cả sẽ diễn ra êm thấm.

— Tôi thì tôi chẳng cần đợi thời cơ gì hết. - Morris lên tiếng. - Ngay khi nhìn thấy cái hòm đất, tôi sẽ cạy nắp lên và nện cho con quỷ một phát vào đầu cho nhanh. Mặc kệ dân tình, họ muốn nhìn gì thì nhìn, mọi chuyện giải quyết sau!

Tôi xúc động nắm chặt bàn tay anh chàng người Mỹ, bàn tay anh lúc này cứng như thép. Tôi hy vọng anh sẽ hiểu mọi nỗi niềm trong ánh mắt tôi.

— Hoan hô chàng trai! - Van Helsing reo lên. - Hoan hô chàng trai! Quincey quả là một người đàn ông một trăm phần trăm. Cầu chúa ban phước lành cho cậu! Nhưng cậu bé ạ, xin hãy tin ở tôi, chúng ta không ai được huấn luyện cho công việc này cả, và thời gian còn lại cũng không nhiều để chúng ta có thể run sợ. Tôi chỉ nói đại khái những gì chúng ta có thể làm và phải làm, thế thôi. Còn trên thực tế, làm sao biết chúng ta phải làm gì kia chứ? Có thể sẽ có rất nhiều chuyện xảy ra mà chúng ta không thể dự kiến trước được. Sẽ có những bước ngoặt đột ngột, những kết quả khôn lường. Chẳng nói trước được một đi ều gì đâu, chàng trai ạ. Dù thế nào thì chúng ta cũng nên trang bị cho mình đầy đủ vũ khí và khi thời điểm quyết định đến, mọi nỗ lực của chúng ta sẽ đạt hiệu quả cao nhất. Bây giờ, chúng ta hãy chuẩn bị cho thật chu đáo vào. Hãy thu xếp tất cả những gì chúng ta thấy là cần thiết nhất, vì không ai đoán trước được một kết cục sẽ xảy ra với chúng ta ra sao, bao giờ và theo cách như thế nào. Về phần mình, tôi đã chuẩn bị xong và chẳng còn việc gì khác ngoài việc tổ chức

chuyến đi. Tôi sẽ lấy vé và tất cả những gì cần thiết cho chuyến viễn xứ này.

Không còn gì để bàn thêm, chúng tôi bắt tay ngay vào công việc chuẩn bị. Tôi sẽ thu xếp mọi việc liên quan đến chuyện đất đai, tài sản của mình và sẵn sàng đón nhận tất cả những gì có thể xảy ra.

- *Một lúc sau*

Tôi đã viết xong bức di chúc và chuẩn bị đầy đủ những gì còn lại. Nếu Mina đi cùng, cô sẽ là người thừa kế duy nhất của tôi. Nếu còn có người khác thì chúng tôi đã quá hạnh phúc.

Hoàng hôn xuống dần. Cử chỉ của Mina đã làm tôi chú ý. Tôi dám chắc rằng đúng vào lúc mặt trời lặn, lại có một chuyện gì đó chẳng lành xảy ra trong tâm tưởng của cô. Những lúc như vậy đều là một thử thách đối với chúng tôi, vì mỗi lần mặt trời thức dậy hoặc đi ngủ đều mở ra một mối nguy hiểm mới, một sự chịu đựng mới cho cả nhóm. Tôi viết những dòng này trong cuốn nhật ký của mình, bởi lúc này, người vợ thân yêu của tôi chẳng thể biết được một điều gì nữa. Nếu sau này, cô có thể tỉnh táo như một người bình thường, thì tất cả đã có trong nhật ký.

Tôi bỗng giật mình khi nghe thấy tiếng gọi của cô ấy.

Nhật ký của bác sĩ Seward

• *Ngày 11 tháng 10, buổi tối*

Jonathan Harker đề nghị tôi ghi lại những diễn biến xảy ra tiếp theo. Anh bảo tôi rằng chỉ mình anh ghi nhật ký thôi thì chưa đủ, và anh muốn tất cả phải được phản ánh thật chính xác.

Tôi nghĩ chẳng ai trong chúng tôi ngạc nhiên khi được mời đến bên Mina ngay trước lúc chập chình buông. Chúng tôi chỉ vừa được biết mặt trời mọc hoặc lặn đối với cô là những lúc diễn ra hiện tượng giải thoát kỳ lạ, tức là cái tôi thực sự của cô được thể hiện với một sức mạnh ngự trị vô hình nào đó hoặc là cản trở cô hành động, hoặc ngược lại, bắt buộc cô phải hành động. Trạng thái này xuất hiện trước lúc mặt trời mọc, hoặc lặn chừng nửa giờ đồng hồ và kéo dài cho đến khi mặt trời lên cao hoặc có những đám mây kéo tới che khuất những tia nắng còn vương vất cuối chân trời. Đó là hiện tượng bắt đầu của một tác động tiêu cực, giống như một sợi dây được tháo gỡ nút, rất nhanh sau đó là một trạng thái tự do tuyệt đối. Khi cái tự do ấy bị gián đoạn thì trạng thái cũng sẽ lặp lại lại đến rất nhanh với hiện tượng báo trước ngắn ngủi là sự im lặng của cô.

Chiều này, khi chúng tôi ngồi bên nhau, trông cô có vẻ hơi miễn cưỡng với những dấu hiệu bộc lộ sự đấu tranh nội tâm khá rõ. Tôi cho nguyên nhân dẫn đến sự căng thẳng chính là nỗ lực ghê gớm đòi hỏi ở cô ngay trong lúc đầu tiên cô trở lại trạng thái tự do. Tuy nhiên, chỉ cần ít phút cũng đủ để cô tự kiểm soát hoàn toàn bản thân. Cô chỉ tay, ra hiệu cho Jonathan ngồi bên cạnh mình trên ghế tràng kỷ, nơi cô đang nửa ngồi nửa nằm, rồi bảo mọi người kê ghế ngồi lại gần. Cô nắm chặt tay Harker nói:

— Có thể đây là lần cuối cùng chúng ta quây quần tự do bên nhau. Anh yêu, em biết anh sẽ luôn ở bên em đến cùng.

Nhìn đôi bàn tay nhỏ đang nắm chặt bàn tay người chồng khốn khổ của cô, chúng tôi biết cô đang rất xúc động.

— Ngày mai, - Cô tiếp tục - chúng ta sẽ lên đường vì sứ mệnh của mình, và chỉ có trời mới biết sứ mệnh ấy sẽ dành sẵn cho chúng ta một kết cục như thế nào. Mọi người thật tốt bụng khi cho phép tôi cùng đi. Tôi biết tất cả những gì người đàn ông can đảm có thể làm vì một người phụ nữ xấu số đã để mất tâm hồn vì quỷ dữ,... không, chưa hẳn là như vậy, nhưng dù sao thì cũng gần như vậy, thì các bạn sẽ làm. Nhưng xin nhớ là tôi không giống mọi người. Tâm hồn tôi, dòng máu chảy trong tôi, đầu đã bị ô uế cả rồi. Tôi có thể chết vì điều đó, ít nhất trong trường hợp mọi người không cần đến tôi nữa. Cũng như tôi, chắc các bạn đều hiểu rằng tâm hồn tôi như đang bên bờ vực thẳm. Tôi biết, bây giờ đúng là có một con đường rộng mở trước mắt mình, nhưng đó không phải là con đường của các bạn...

Cô nhìn chúng tôi khắp lượt, người đầu tiên và cuối cùng chính là Jonathan, ánh mắt như muốn dò hỏi từng người.

— Con đường nào? - Van Helsing sốt ruột hỏi lại, giọng khàn khàn.

— Chết ngay lập tức bởi chính bàn tay của chính mình hoặc bàn tay của một người khác, trước khi chết bởi bàn tay của kẻ tà ác. Tôi biết, và các bạn cũng vậy, nếu tôi chết, các bạn có thể và cũng rất muốn giải thoát cho linh hồn bất tử của tôi, giống như các bạn đã làm cho cô bạn Lucy tội nghiệp hôm nào. Nếu điều duy nhất cần bạn tâm là bản thân cái chết hoặc ý nghĩ sợ chết, thì tôi sẽ không chần chừ trước thần chết, giữa những người luôn coi tôi là người bạn thân thiết nhất. Nhưng chết đâu phải là tất cả. Tôi không tin việc tôi chết vào lúc này là hợp với ý Chúa, trong khi các bạn còn một sứ mệnh hệ trọng cần phải hoàn thành. Nhưng tôi vẫn đang tiến dần đến cái đen tối này, cái đen tối mà tôi cho là có thể đẩy lùi những điều đen tối trên thế giới và trái đất này.

Chúng tôi lặng thinh lắng nghe, vì ai cũng hiểu đây chỉ là khúc dạo đầu của những điều không hay. Ai nấy mặt tái nhợt, nghiêm trọng và căng

thẳng, trong khi sắc mặt của Jonathan xám xịt như màu tro bụi. Có lẽ anh sẽ hiểu những gì sẽ diễn ra tiếp theo hơn chúng tôi. Mina tiếp tục:

— Đó chính là phần đóng góp của tôi cho cuộc đời đầy oan nghiệt này. Mỗi người trong các bạn sẽ đóng góp được gì? Cũng chính là cuộc đời của mỗi người, tôi biết. Quả là một việc không khó làm với những người đàn ông dũng cảm. Cuộc sống của các bạn được Chúa ban cho, vì vậy các bạn có thể hoàn trả lại cho Ngài một cách xứng đáng nhất. Nhưng các bạn sẽ cho tôi được cái gì?

Tôi vẫn nhận ra ánh mắt dò hỏi của cô, nhưng lần này ánh mắt ấy chỉ hướng vào Jonathan. Dường như Quincey đã hiểu ý người con gái xấu số, bởi tôi thấy anh vừa gật đầu về rất thông cảm. Cử chỉ của anh khiến khuôn mặt Mina rạng rỡ hẳn lên. Cô nói:

— Vâng! tôi sẽ nói đi đâu tôi muốn với mọi người. Các bạn, từng người một, phải hứa với tôi rằng nếu tới lúc, các bạn phải ra tay kết thúc cuộc đời giúp tôi, cả anh cũng vậy, người chồng thân yêu của em ạ.

— Lúc nào? - Quincey hỏi lạc cả giọng.

— Vào cái giờ mà mọi người thấy sự thay đổi trong con người tôi cũng như cái chết đối với tôi trở nên cần thiết cho cuộc đời này. Khi thể xác tôi thực sự lìa đời, mọi người hãy đừng ngần ngại đóng cho tôi một cái cọc vào giữa con tim, hoặc làm một đi đâu gì cần thiết đại loại như vậy, để tôi được đến với cái chết vĩnh hằng như bao người bình thường khác!

Căn phòng tưởng như sẽ im lặng mãi mãi nếu Quincey không là người đứng dậy đầu tiên. Anh quỳ xuống cầm đôi bàn tay nhỏ bé của người đàn bà bất hạnh, nét mặt nghiêm trang:

— Tôi chỉ là một kẻ thô kệch, có lẽ tôi sống không xứng với sự trọng vọng của bà, nhưng có thể lấy danh dự mà hứa với bà rằng bao giờ thời khắc ấy đến, tôi sẽ không chùn tay khi thực hiện cái đi đâu mà bà đang mong đợi.

— Quả là một người bạn thực sự của tôi! - Mina nói trong dòng nước mắt giàn giụa và cúi xuống hôn lên bàn tay người bạn.

— Tôi xin cam kết với bà, Mina à? - Đến lượt Van Helsing lên tiếng.

— Tôi cũng vậy! - Huân tước Godalming xúc động nói. - Tôi cũng quý gởi hứa với cô.

Người cuối cùng là Jonathan. Anh quay sang nhìn người vợ yêu dấu, ánh mắt thần thờ, sắc mặt tái xanh càng như nhợt nhạt hơn dưới mái tóc pha sương:

— Còn anh, anh có phải hứa như vậy không, em yêu?

— Cả anh cũng phải vậy, Jonathan à. - Cô nói, ánh mắt và giọng nói chan chứa niềm yêu thương - Anh không được chùn bước. Anh là người gần gũi và thân thiết nhất, là cả thế giới của em. Tâm hồn hai ta đã hòa quện vào nhau trong cuộc đời này để trở thành bất tử. Anh cứ nghĩ mà xem, anh yêu, trên đời này từng có lúc những người đàn ông can đảm đã giết chết vợ và những người phụ nữ trong gia đình mình để cứu họ khỏi bàn tay kẻ thù. Bàn tay những con người dũng cảm ấy đã không hề run rẩy, bởi những người họ hằng yêu thương đã đòi họ phải làm như vậy. Đó là bổn phận của đấng nam nhi đối với những người yêu dấu của họ trong chiến tranh tàn khốc. Vậy đấy! Anh yêu, nếu em phải chết bởi bàn tay của một người, thì đó hẳn phải là bàn tay của người mà mình yêu nhất. Bác sĩ Van Helsing ơi, chắc là ngài vẫn chưa quên những giờ phút thảm thương của Lucy chứ? Ngài đã được chứng kiến một tình cảm thực sự dành cho người cô ấy hằng yêu thương - cô bỗng đỏ mặt ấp úng và sửa lại câu nói của mình -... dành cho người xứng đáng có quyền được cô ấy gửi gắm niềm tin giúp mình an nghỉ. Nếu một khoảnh khắc như vậy đến với tôi, thì xin ngài hãy động viên nhà tôi cho tôi được an nghỉ vĩnh hằng bởi bàn tay của anh ấy. Tôi muốn bàn tay thân thương của anh ấy giúp tôi tháo bỏ cái ách khủng khiếp mà tôi đang mang nặng trên người.

— Một lần nữa tôi xin hứa với bà! - Van Helsing nói, giọng trầm hẳn xuống.

Mina mỉm cười, vâng, một nụ cười thật sự, và ngả người ra sau thở phào một tiếng rồi nói tiếp:

— Còn bây giờ, tôi xin được nhắc một điếu mà mọi người phải cảnh giác, phải không bao giờ được quên: cái thời khắc đó, nếu xảy ra, có thể sẽ đến rất nhanh và bất ngờ. Trong trường hợp này, các bạn đừng bao giờ phí thời gian chờ đợi một cơ hội thích hợp nào khác. Bởi khi đó, có thể tôi sẽ... Vâng, nếu thời khắc ấy xảy ra, tôi phải nhập bọn với kẻ thù để chống lại các bạn. Tôi cầu xin các bạn một điếu nữa, - Cô nghiêm mặt lại nói - một lời cầu xin ít sống còn và ít cấp thiết hơn, nhưng lại là một ân huệ mà tôi xin mọi người ban cho nếu có thể.

Chúng tôi không ai nói câu nào, bởi bây giờ không cầu thiết phải làm như vậy.

— Tôi xin mọi người hãy cầu siêu cho tôi ngay bây giờ.

Jonathan bỗng nấc nghẹn một tiếng, khiến cho vợ anh bị ngắt lời. Cô nắm tay anh đặt vào lòng và nói tiếp:

— Sẽ có ngày anh phải đọc lời cầu siêu cho em. Cho dù cuộc phiêu lưu này có kết cục như thế nào đi nữa thì đó cũng chỉ là một tín ngưỡng mà thôi. Người chồg thân yêu của tôi ơi, em hy vọng chính anh sẽ là người đọc lời cầu siêu cho em, chính giọng nói thân thương của anh sẽ khắc sâu trong hầi ức vĩnh cửu của em, cho dù đó là một vĩnh cửu như thế nào.

— Nhưng em yêu, - Jonathan thảng thốt - cái chết còn ở xa em lắm mà.

— Không đâu! Em bây giờ chỉ còn bị khâm liệt và chôn vùi xuống mồ bất cứ lúc nào.

— Ôi người vợ bé nhỏ của anh, anh phải đọc thật sao?

— Vâng, điếu đó sẽ mang lại cho em thêm sức mạnh, anh yêu ạ.

Jonathan run rẩy nhìn người vợ chìa ra trước mặt quyển kinh thánh.

Làm sao tôi có thể... trong tâm trạng rối bời, ủ ê, lo sợ và đau đớn, phải làm thế nào để tả lại cảnh đời chua xót, trớ trêu này đây? Trái tim tôi như tan nát trước những người bạn đang quỳ gối bên người con gái bất hạnh, trước một người chồg đang nén lòng khó nhọc đọc những lời cầu siêu đơn giản bằng một giọng đứt đoạn, nát vụn trong những tiếng nấc kia. Tôi không thể... từng lời, từng chữ không thể thấm vào đầu tôi.

Bản năng một con người đã thôi thúc anh làm theo ý người vợ. Nếu như hành động của anh là không thể tin được thì chúng tôi hẳn sẽ phải là những người ngạc nhiên đầu tiên. Nhưng dường như chính cảnh xúc động trước mắt đã giúp chúng tôi lấy lại sức mạnh và quyết tâm của mình. Sự im lặng bất chợt của Mina cho thấy rằng linh hồn cô đang một lần nữa bị cưỡng chế...

Nhật ký của Jonathan Harker

• *Varna, ngày 15 tháng 10*

Chúng tôi rời Charing Cross sáng ngày 12, tới Paris cùng ngày và lên tàu nhanh Phương Đông đi tiếp. Tàu đi ngày đêm, đưa chúng tôi tới đây lúc khoảng năm giờ. Vừa xuống ga, huân tước Godalming vội chạy tới Tòa lãnh sự để hỏi xem có bức điện nào gửi cho chúng tôi không, trong khi những người còn lại tìm đến khách sạn Odessus để thuê phòng.

Chuyến đi có một vài trục trặc, nhưng vì quá sốt ruột nên tôi cũng chẳng còn bụng dạ nào để ý đến những chuyện vớ vẩn. Từ nay cho tới khi con tàu Tsarine Catherine cập bến, sẽ chẳng có gì trên thế gian mệnh mông này làm tôi chú ý. Ông Chúa, Mina vẫn yên ổn và dường như còn khỏe ra, gương mặt hồng hào lên đôi chút. Cô ngủ nhiều, ngủ hầu hết cuộc hành trình. Ngược lại, trước những lúc rạng đông hoặc hoàng hôn, cô trở nên tỉnh như sáo và có vẻ hoạt bát hơn hẳn. Đó là những lúc giáo sư Van Helsing có thể làm thôi miên. Lúc đầu, ông đã gặp một số khó khăn, phải hươ tay rất nhiều lần, nhưng bây giờ, có vẻ như Mina chịu ngay. Những lúc như vậy, dường như có một quyền lực nào đó áp đặt lên cô và các ý nghĩ chỉ dẫn của ông buộc cô phải làm theo. Ông hỏi cô theo nhiều cách khác nhau về những gì cô có thể trông và nghe thấy. Và lần này, cô trả lời:

— Không thấy gì cả. Tất cả đều tối om.

Rồi thì:

— Tôi nghe thấy những tiếng sóng vỗ vào mạn thuyền oàm oạp r ã tan ra. Tôi thấy họ đang kéo dây, những cánh bu òm, những cột bu òm nghiêng r ắc r ắc và cả trụ bu òm nữa. Gió thổi rất mạnh, tôi nghe có cả tiếng dây néo xé gió và mũi tàu rẽ sóng.

Rõ ràng tàu Tsarine Catherine còn lênh đênh trên biển và đang hướng về Varna. Huân tước Godalming tìm về với chúng tôi khá nhanh, trên tay cần bốn bức điện được gửi trong mấy ngày liền nhau kể từ khi chúng tôi lên đường. Các bức điện chỉ cung cấp cho chúng tôi cùng một thông tin. Công ty Hoyd thông báo cho chúng tôi một vài điểm mà Tsarine Catherine đi qua. Trước khi rời Luân Đôn, huân tước có chuẩn bị sẵn tỉ ền nong, giấy tờ cho một người ủy thác để hàng ngày anh ta có thể đánh điện thông báo những nơi con tàu đã đánh tín hiệu về đất liền.

Chúng tôi ăn tối và đi nằm thật sớm. Ngày mai, chúng tôi phải tới gặp viên phó lãnh sự r ã về chuẩn bị một số việc cần thiết để sẵn sàng hành động ngay sau khi con tàu cập bến. Cơ hội của chúng tôi, nói như Van Helsing, sẽ chỉ có thể xảy ra trong khoảng thời gian từ lúc mặt trời mọc và lặn. Cho dù có đội lốt một con dơi, lão bá tước cũng không thể vượt qua một quãng đường dài trên biển sóng cần bằng các quyền năng của mình. Vậy là lão không thể rời khỏi con tàu. Nếu muốn núp trong dáng hình một con người mà không gây chú ý nghi ngờ - đi ầu lão luôn muốn tránh - thì lão phải nằm yên trong chiếc hòm gỗ. Tóm lại, chúng tôi có thể leo lên tàu sau lúc mặt trời mọc, và lão sẽ nằm trong t ần tay chúng tôi, bởi chúng tôi có thể mở nắp hòm và ra tay hành động, giống như những gì chúng tôi đã làm với Lucy, trước khi lão kịp thức dậy. Lòng thương hại của chúng tôi đối với lão rõ ràng không phải là một trở ngại. Ổn Chúa, ở chỗ nào trong xứ sở này cũng tràn lan nạn tham nhũng, mà thực ra chúng tôi đâu có thiếu tỉ ền. Chúng tôi chỉ cần bảo đảm làm sao để con tàu cập bến giữa khoảng thời gian mặt trời mọc và lặn, và có sự báo trước. Cầu Chúa hãy sắp xếp mọi việc cho ổn thỏa!

• Ngày 16 tháng 10

Mina vẫn bắt được những tín hiệu tương tự trong lúc thôi miên: tiếng nước vỗ mạn tàu oà oạp, mũi tàu rẽ sóng, bầu trời tối đen...

Các tin tức về Tsarine Catherine vẫn đến đều đều với chúng tôi.

• *Ngày 17 tháng 10*

Tôi nghĩ tất cả coi như đã được chuẩn bị chu đáo để nghênh tiếp chuyến trở về của bá tước Dracula. Kế hoạch đã được chuẩn bị: chúng tôi sẽ nói với các thủy thủ trên tàu rằng chiếc hòm gỗ chứa đồ mà một kẻ đạo chích đã ăn cắp của một người bạn chúng tôi, Godalming là người chịu trách nhiệm xin phép mở hòm kiểm tra. Từ Luân Đôn, ông chủ tàu đã trao cho anh một lá thư tay gửi viên thuyền trưởng, đề nghị ông ta tạo điều kiện để anh được toàn quyền thực hiện công việc của mình. Ông chủ tàu cũng trao quyền tương tự cho tay nhân viên ở Varna. Chúng tôi đã gặp nhân viên này và nhờ cái vẻ quý tộc của Godalming, chúng tôi dễ dàng thuyết phục anh ta giúp đỡ trong chừng mực có thể nhất. Chúng tôi cũng nhất trí các biện pháp chuẩn bị cho việc mở nắp hòm. Nếu lão bá tước ở trong đó, Van Helsing và Seward sẽ lập tức ra tay chặt đứt đầu lão và đâm một cây cọc nhọn vào giữa tim lão. Quincey Morris, Godalming và tôi sẽ đứng ngoài hỗ trợ, đề phòng phải sử dụng các vũ khí cần thiết. Giáo sư bảo đảm với chúng tôi rằng nếu làm được như vậy, toàn thân lão bá tước sẽ biến thành bụi mờ ngay lập tức. Trong trường hợp đó, sẽ chẳng ai có bằng chứng kết tội chúng tôi là giết người. Thậm chí, nếu kết cục có xảy ra không đúng như ý muốn đi nữa thì chúng tôi vẫn dám đứng ra chịu mọi hậu quả và biết đâu sẽ có một ngày, cuốn sách này sẽ minh oan cho chúng tôi khỏi đoạn đầu dài. Về phần mình, tôi vẫn rất lấy làm vinh hạnh khi được ra tay hành động nếu có cơ hội. Chúng tôi quyết định sẽ khuấy đảo trời đất để đạt được thành công bằng mọi cách. Dẫu sao thì mọi việc cũng đã được bố trí chắc chắn, bây giờ chỉ còn đợi một thông điệp đặc biệt ngay sau khi con tàu Tsarine Catherine xuất hiện trong tầm mắt chúng tôi.

• *Ngày 24 tháng 10*

Đã một tuần chờ đợi trôi qua. Các bức điện hàng ngày gửi cho Godalming luôn lặp lại một câu: “Vẫn chưa có tin gì mới.” Câu trả lời của Mina trong mỗi lần thôi miên cũng không có gì thay đổi: “Tiếng sóng oàm oap, tiếng gió ù ù, tiếng cột buồm nghiêng ken két...”

Điện của Rufus Smith, Lloyd's, Luân Đôn, gửi Huân tước Godalming, kính nhờ ngài Phó lãnh sự H.B.M tại Varna chuyển giúp

Ngày 24 tháng 10.

“Sáng nay, tàu Tsarirle Catherine đánh tín hiệu ở Dardanelles.”

Nhật ký của bác sĩ Seward

• Ngày 24 tháng 10

Tôi thật lấy làm tiếc vì không mang theo chiếc máy hát. Quả là chẳng có gì khiến tôi thấy cực hơn việc phải viết nhật ký bằng ngòi bút, nhưng Van Helsing lại bảo cần phải viết. Sáng nay, chúng tôi tưởng có thể phát rồ khi huân tước Godalming nhận được một bức điện từ Hoyd. Bây giờ tôi mới hiểu các chiến binh phải chịu đựng một cảm xúc như thế nào khi chờ đợi tín hiệu tấn công. Trong số chúng tôi, duy nhất có Mina không có biểu hiện gì, bởi chúng tôi vẫn cố gắng không để cô biết gì và cố gắng không để cô nhận thấy sự sốt ruột của mọi người. Ngày trước, tôi chắc thế nào cô cũng sẽ nhận ra biểu hiện trên nét mặt từng người, nhưng kể từ ba tuần nay, mọi chuyện đều đã đổi khác. Nhiều lúc trông cô thần thờ như kẻ mất hồn và mặc dù cô có vẻ khỏe ra, nhưng tôi và Van Helsing vẫn không thấy hài lòng. Chúng tôi thường xuyên nói về cô nhưng không kể cho người khác biết, vì sợ mọi chuyện lại đến tai Jonathan khiến anh thêm phiền lòng. Lúc thôi miên, Van Helsing đã kiểm tra rất kỹ hai hàm răng cô và bảo lâu rồi không thấy chúng dài thêm nữa, có nghĩa là hiện tại vẫn chưa có sự thay đổi nào chứng tỏ một hiểm họa cấp bách đang lơ lửng trên đầu chúng tôi.

Nếu nhận thấy dấu hiệu biến chuyển bất ổn, chúng tôi phải có biện pháp đề phòng ngay. Chúng tôi hiểu đó là những biện pháp nào, cho dù không ai nói ra suy nghĩ trong lòng. Sẽ không ai trong chúng tôi hèn nhát lùi bước trước nhiệm vụ, kể cả khi đó là nhiệm vụ đáng sợ nhất. “Chết thanh thản” là một từ tuyệt vời tiếp thêm nghị lực cho chúng tôi!

Từ Dardanelles đến đây phải mất khoảng hai mươi tư giờ nếu tính theo chiều gió từ Luân Đôn. Như vậy, sáng mai Tsarine Catherine mới xuất hiện. Biết con tàu không thể đến sớm hơn, chúng tôi quyết định về nghỉ sớm và sẽ dậy vào lúc một giờ để chuẩn bị.

Ngày 25 tháng 10, buổi trưa

Vẫn chưa có tin gì mới về bóng dáng con tàu. Thông tin truyền đạt từ Mina trong lúc nhập đềng cũng không có gì khác, đến nỗi chúng tôi có thể biết ngay ý nghĩa trong từng câu nói của cô. Chúng tôi như lên cơn sốt cả lượt, ngoại trừ Jonathan vẫn bình thản như không. Đôi tay lạnh như nước đá, anh lừ lừ bỏ ra ngoài và hì hục ng ẩ mài con dao nhọn hiệu Kukri, sau đó không thấy anh rời con dao ra nữa. Quả là một viễn cảnh t ấ t ệ cho lão bá tước: mũi dao kia sẽ chọc thẳng vào cổ lão một nhát ngọt lịm bởi một bàn tay dứt khoát và lạnh lùng.

Hôm nay, tôi và Van Helsing đều thấy lo lo về Mina. Gần trưa, cô bỗng rơi vào trạng thái ngủ lịm. Chúng tôi thấy buồn nhưng không nói gì cho những người bạn còn lại biết. Buổi sáng, cô cứ luôn chân luôn tay làm đủ thứ việc không tên, có lúc còn tỏ ra thái quá. Chúng tôi thực sự cảm thấy hài lòng khi thấy cô về phòng nghỉ. Tuy nhiên, khi được Jonathan thông báo cô ngủ say đến nỗi gọi đủ cách vẫn không tỉnh, chúng tôi đã phải lập tức tìm đến kiểm tra xem tình hình ra sao. Cô vẫn thở tự nhiên và dường như còn đều đặn, nhẹ nhàng đến nỗi chúng tôi đều nghĩ rằng đối với cô lúc này, sẽ không có gì tốt lành hơn là một giấc ngủ vùi. Tội nghiệp cô bé, giấc ngủ dài sẽ giúp quên đi tất cả? Không có gì đáng ngạc nhiên nếu như giấc ngủ là một đi ều tự nhiên và phù hợp với cô lúc này.

• *Một lúc sau*

Cảm giác của chúng tôi hoàn toàn chính xác, bởi lúc Mina tỉnh dậy sau nhiều giờ chìm đắm trong giấc ngủ, cô lại năng nổ và thậm chí còn khỏe ra sau bấy nhiêu ngày. Lúc hoàng hôn xuống, trong trạng thái bị thôi miên, cô cho chúng tôi biết trên Biển Đen, con tàu của bá tước Dracula đang lao nhanh tới đích. Lao nhanh về nơi có lời phán quyết đối với lão, vâng, tôi biết!

• *Ngày 26 tháng 10*

Thật là lạ khi lại thêm một ngày nữa không có tin tức gì về Tsarine Catherine. Lẽ ra lúc này nó phải về đây rồi. Chắc chắn là nó vẫn đang lên đèn ở đâu đó, bởi trong lúc nhập đông buổi rạng đông, Mina vẫn nhắc lại những gì cô đã nói những hôm trước. Có thể con tàu đang tạm dừng một chỗ vì sương mù. Những thủy thủ trên mấy con tàu hơi nước vừa cập cảng cho biết hôm qua trên biển, ở cả hướng bắc lẫn hướng nam, có rất nhiều sương mù. Vậy là không còn cách nào khác, chúng tôi phải tiếp tục chờ đợi rình rập, bởi con tàu có thể xuất hiện bất cứ lúc nào.

• *Ngày 27 tháng 10, buổi trưa*

Kỳ lạ! Vẫn không có tin gì mới về con tàu.

Chỉ vài hôm qua và sáng nay, Mina tiếp tục nói những lời như mọi khi: “Sóng vỗ mạn tàu oàm oạp, tàu rẽ nước”, và rồi thì: “sóng vỗ rất yếu”. Van Helsing có vẻ lo lắng kinh khủng, ông nói ông đang nghĩ lão bá tước đã thoát khỏi tầm tay chúng tôi và nhấn giọng:

— Tôi không thích cái kiêu ngạo lìm của Mina. Có thể tinh thần và trí nhớ của cô ấy sẽ gây một số trục trặc trong lúc bị thôi miên.

Tôi đang định hỏi thêm vài câu thì ông xua tay lia lịa ra hiệu im lặng, vì Jonathan vừa xuất hiện. Chỉ vài tối nay, chúng tôi sẽ cố gắng khai thác cô nhiều hơn trong lúc thôi miên.

Điện của Rufus Smith, Lloyd's, Luân Đôn, gửi Huân tước Godalming, kính nhờ ngài Phó lãnh sự H.B.M tại Varna chuyển giúp

Ngày 28 tháng 10

Tàu Tsarine Catherine đánh tín hiệu ở cửa cảng Galatz, lúc một giờ ngày hôm nay.”

Nhật ký của bác sĩ Seward

• Ngày 28 tháng 10

Khi nhận được bức điện thông báo con tàu đang ở Galatz, chúng tôi bị sốc thì ít mà nghi ngờ thì nhiều. Không hiểu sự thay đổi đột ngột này bắt đầu xảy ra từ đâu và khi nào. Chúng tôi chờ đợi một đi đâu bất ngờ nào đó xảy ra. Sự chậm trễ muộn màng của con tàu buộc chúng tôi phải tin mọi sự việc diễn ra đều không giống như những gì chúng tôi đã dự tính. Chúng tôi chỉ còn cách tự nhủ có thể con tàu đã đổi hướng đi. Thực tế cho thấy mọi việc đã diễn ra theo đúng như cách chúng phải diễn ra, chứ không giống như những gì chúng tôi đoán chúng sẽ diễn ra. Thay đổi đột ngột khiến mỗi chúng tôi tỏ thái độ phản ứng theo một cách. Van Helsing giơ hai tay lên trời như muốn phân trần một đi đâu gì đó nhưng lại không nói được nửa lời, một lát sau ông mới hạ tay xuống, nét mặt vẫn rất bình tĩnh. Huân tước Godalming ngẫ bệt xuống đất, mặt tái xanh, hơi thở đứt đoạn. Tôi choáng váng nhìn hết người này đến người khác. Quincey Morris thì giật cục thắt lại dây lưng; trong lúc vất vưởng nơi đất khách quê người như thế này, tôi hiểu động tác của anh có nghĩa: “cần phải ra hành động!” Còn Mina thì mặt nhợt nhạt như một kẻ chết rồi, vết sẹo trên trán cô chột như hõng lên, cô chấp hai tay lại như đang cầu nguyện. Trong khi Jonathan cười phá lên, vâng, một tiếng cười gần chua xót, chảy nước mắt như không còn hy vọng ở bất cứ một đi đâu gì nữa, nhưng tay anh vẫn quờ tìm con dao Kukri và nắm chặt lấy chuôi dao trong tâm trạng của một kẻ nuôi lòng uất hận chưa có cách nào giải tỏa.

— Chuyến tàu gần nhất đi Galatz chạy vào mấy giờ không biết? - Van Helsing hỏi trống không.

— 6 giờ 30 sáng mai.

Chúng tôi giật mình, bởi người trả lời chính là Mina.

— Chúa ơi, làm sao bà biết được? - Arthur hỏi.

— Có lẽ anh đã quên, hoặc cũng có thể là anh không biết rằng em luôn có cái thú thích đi tàu. Khi còn ở nhà, ý em muốn nói là ở Exeter, em có thói quen tìm hiểu giờ chạy của các chuyến tàu để giúp Jonathan trong công việc. Chuyện diễn ra thường xuyên đến nỗi bây giờ em vẫn chưa bỏ được thói quen đó. Hơn nữa, em cũng hiểu nếu buộc phải tìm đến lâu đài Dracula, chúng ta phải đi qua Galatz hoặc dù thế nào cũng phải qua Bucarest, chính vì vậy em đã để ý rất kỹ các giờ tàu chạy. Nhưng cũng chẳng có gì phải mệt óc, bởi ngày mai chỉ có một chuyến duy nhất khởi hành vào cái giờ em vừa nói.

— Bà lại làm chúng tôi ngạc nhiên đấy! - Van Helsing khẽ nói.

— Thế chúng ta không thể thuê một chuyến tàu riêng được sao? - Huân tước Godalming hỏi.

Van Helsing lắc đầu trả lời:

— Tôi e là không. Đất nước này không giống với Anh quốc và cũng chẳng như ở nước tôi. Mà giả thử nếu có một chuyến như thế đi chẳng nữa thì chắc chắn chúng ta cũng không thể tới đó trước chuyến tàu thường kia. Đó là chưa kể chúng ta còn khá nhiều thứ phải chuẩn bị. Phải thư thư suy nghĩ và thu xếp ổn thỏa mọi việc rồi hãy đi. Anh bạn Arthur này, có lẽ anh tới nhà ga đi, phải mua vé và bố trí đâu ra đấy thì sáng mai mới lên đường được. Jonathan, cậu phải tới đại lý vận tải biển để nói với họ gửi thư cho nhân viên của hãng ở Galatz, hãy nêu lý do kiểm tra chiếc hòm gỗ đúng như chúng ta đã dự kiến ở Varna nhé. Quincey Morris, cậu tới gặp tay Phó lãnh sự và đề nghị ông ta nhờ một đồng nghiệp ở Galatz đi thăm trạm giúp chúng ta, để khi tới Danube không mất thêm thời gian vô ích. Còn John, anh hãy ở lại với Mina và tôi, chúng ta sẽ cân nhắc mọi chuyện. Có tôi trông coi Mina đây rồi, chẳng có gì phải lo lúc chiều xuống đâu.

— Còn em, - Cô nói như reo, giọng hân hoan như đúng tính cách của cô ngày trước - em sẽ cố gắng giúp mọi người bằng mọi cách, em sẽ nghĩ và viết như em từng làm. Trong em đang có một thay đổi rất kỳ lạ, em không còn cảm thấy bị ép buộc như bấy lâu nay.

Nét mặt của ba anh bạn trẻ như chợt sáng lên khi hiểu những câu nói của Mina có ý nghĩa gì. Nhưng tôi và Van Helsing thì không. Hai chúng tôi đưa mắt nhìn nhau đầy nỗi niềm. Tuy nhiên, lúc này chúng tôi thể bàn luận được đi đâu.

Khi ba anh chàng đã chia nhau đi thực hiện nhiệm vụ của mình, Van Helsing đề nghị Mina kiểm tra toàn bộ tập bản sao nhật ký và lấy cho ông những trang nói về thời gian lưu đày của Jonathan ở lâu đài Dracula. Cô gái chào chúng tôi rồi đi làm ngay. Đợi cô đi khuất, Van Helsing mới bảo tôi:

— Anh có chung suy nghĩ như tôi. Vậy thì nói đi!

— Có một đi đâu gì đó không bình thường đang xảy ra, một sự kỳ vọng khiến tôi không mấy dễ chịu, bởi có thể nó sẽ dẫn tôi đến chỗ suy luận sai lầm.

— Đúng thế. Vậy anh có biết tại sao tôi bảo cô ấy đi tìm đồng bản sao nhật ký không?

— Không, nếu không phải ông bảo cô ấy đi để có dịp nói chuyện với riêng tôi.

— Cũng có thể là như vậy, nhưng chỉ phần nào thôi. Tôi có chuyện muốn nói với anh. John này, có vẻ như tôi hiểu ra một nguy cơ thật nghiêm trọng và khủng khiếp. Lúc Mina nói những lời vừa rồi, không hiểu sao trong đầu tôi lại nảy ra một gợi ý quái lạ như vậy. Cách đây ba ngày, trong lúc tôi đang thôi miên, lão bá tước đã nhập vào hồn cô để đọc ý nghĩ trong đầu cô, hay nói chính xác hơn, lão đã gọi hồn cô tới gặp lão trong chiếc hòm gỗ đặt trên tàu Tsarine Catherine, vào lúc lão được giải phóng bởi rặng đông hoặc hoàng hôn. Bây giờ lão đã biết chúng ta đang ở đây. Bởi vì rõ ràng cô, người còn có đi đâu kiện đi lại thoải mái để mắt thấy tai nghe, luôn

biết nhiều đi đâu hơn một kẻ chịu gò bó trong hòm đất tù túng như lão. Lão đang cố gắng bằng mọi cách thoát khỏi sự truy đuổi của chúng ta. Lão chưa cần đến cô ngay tức khắc vì lão tin rằng trước sau gì thì cô cũng sẽ đến theo tiếng gọi của lão. Lão cắt đứt liên lạc với cô, rút bỏ quyền năng nhằm vào cô để tạm thời cô không còn thuộc quyền sở hữu của lão nữa. Đi đâu đó, vâng, đi đâu đó giải thích tại sao tôi hy vọng bộ óc từ lâu đã thuộc về nhân loại của những người đàn ông chúng ta lại hơn hẳn bộ óc trẻ con của lão, một kẻ từ nhiều thế kỷ nay chỉ biết rúc trong nhà mồi và không đủ khả năng đạt đến trình độ của chúng ta bây giờ, một kẻ bị giới hạn mình trong những ham muốn ích kỷ và nhỏ mọn. Mina đang ở đây. Đừng nhắc lại những gì dính dáng đến trạng thái nhập đờng của cô ấy! Chúng ta cần cô ấy hy vọng, can đảm, có một óc suy nghĩ có thể sánh với bộ óc của một người đàn ông, nhưng vẫn là mang thuộc tính của một người phụ nữ hiền dịu có tư chất, và của một sức mạnh mà lão bá tước đã truyền cho cô nhưng chưa thể thu hồi lại ngay tức khắc, cho dù lão có tưởng tượng là đã làm được như vậy. Suyt? Cứ im lặng nghe tôi nói, rồi anh cũng hiểu ra thôi. John ạ, đúng là chúng ta đang đâm vào một ngõ cụt tối như hũ nút! Tôi đang sợ như chưa bao giờ sợ vậy. Chúng ta chỉ có thể tin ở Chúa. Đừng nói gì nữa nhé, cô ấy đang tới đây.

Tôi cứ tưởng Van Helsing lại sắp sửa suy sụp vì căng thẳng thần kinh như lần ông chứng kiến cái chết của Lucy, nhưng ông vẫn rất cố gắng tỏ ra là người thực sự có bản lĩnh và hoàn toàn làm chủ được bản thân khi Mina hớn hở bước vào. Công việc bận bịu mà giáo sư vừa giao dường như đã làm cô quên đi nỗi bất hạnh trong lòng. Cô trao ngay một xấp giấy cho Van Helsing. Vị giáo sư già chăm chú lần lượt xem lại từng tờ, gương mặt như sáng bừng lên với những nét chữ đánh máy đầu đặn. Rồi ông nhón xấp giấy giữa ngón tay trở và ngón cái:

— John ạ, anh là người có nhiều kinh nghiệm, và bà cũng vậy, Mina ạ. Tôi xin được nêu ra đây một bài học cho tất cả chúng ta: đừng bao giờ sợ mình phải nghĩ nhiều quá. Thỉnh thoảng lại có một ý nghĩ nửa vời như một

con vật có cánh bay rào rào trong đầu tôi, nhưng ngày xưa tôi rất sợ để nó bị gãy cánh. Giờ đây, khi đã từng trải hơn, tôi biết mình phải đi ngược đến xuất phát điểm của mọi ý nghĩ nửa vời, và tôi khám phá ra rằng đó là một điều hoàn toàn khác, một ý nghĩ thực sự, cho dù nó còn quá manh nha để có thể làm những đôi cánh nhỏ. Vâng, nó tựa như một con vẹt nhỏ xấu xí của anh bạn Hans Andersen nhà tôi, nhưng đó lại không phải là ý nghĩ - con vẹt hoàn toàn, mà là một ý nghĩ - thiên nga biết lướt đi uyển chuyển trên mặt nước hồ bằng đôi cánh lớn của mình khi có cơ hội được thử sức. Tôi sẽ đọc cho hai người nghe một đoạn viết của Jonathan: *"...đến những gì thuộc hậu duệ của lão mà sau này, một lần nữa buộc các đội quân phải vượt sông sang xâm lược Thổ Nhĩ Kỳ? Kẻ hưu chiến tiếp tục tấn công trở lại nhiều lần và để lại đằng sau mình một bãi chiến trường với những xác người nằm la liệt, bởi lão biết rằng cuối cùng thì chỉ có một mình lão chiến thắng?"* Qua đó chúng ta học được điều gì? Chẳng lẽ không có gì quan trọng? Không! Đầu óc trẻ con của lão bá tước không hiểu được điều gì to tát cả, chính vì vậy nên lão mới ăn nói vô tội vạ đến thế. Không! Nhưng đây lại là câu trả lời khác của một kẻ nói mà không nghĩ do không biết điều đó có nghĩa gì hoặc có thể có ý nghĩa gì. Vâng, cứ để tôi giải thích. Nhưng các bạn đã nghiên cứu triết học tội phạm chưa nhỉ? Rồi và chưa. Anh bạn John, rồi, bởi bộ môn này là một phần không thể thiếu trong quá trình nghiên cứu bệnh tâm thần. Còn Mina, chưa, bởi tội phạm chẳng liên quan gì đến bà, trừ một lần. Nhưng bộ óc của bà luôn đi theo đường thẳng và có cách suy luận riêng về thế giới. Trong con người, những kẻ phạm tội có một đặc tính ổn định, đâu cũng thế và thời nào cũng thế, đến nỗi ngay cả những cảnh sát chẳng biết gì nhiều về triết học cũng có thể dựa vào kinh nghiệm để khẳng định điều đó. Kẻ phạm tội thường theo đuổi một tội ác duy nhất, ít nhất là đối với những tội phạm không định trước kế hoạch tội ác của mình và không theo đuổi một điều gì khác. Kẻ phạm tội không có một bộ óc hoàn toàn người lớn. Hẩn tỉnh táo, khôn khéo và đầy sức mạnh. Nhưng nếu nói về khối óc thì sự phát triển của hẩn chưa phải là hoàn thiện.

Xét dưới nhiều mối quan hệ, hắn vẫn đang ở vào một thời kỳ phát triển của trẻ con. Nói một cách khác, tên tội phạm của chúng ta phạm tội do thiên định, bộ óc của hắn vẫn còn ngây thơ bởi những gì hắn gây ra chỉ là trò trẻ con. Cánh chim non, con cá bột và những cần thú nhỏ không được nuôi dạy theo các nguyên tắc, mà chỉ căn cứ vào kinh nghiệm. Và những gì chúng được học sẽ tạo đà giúp chúng làm tiếp những gì chúng đã làm theo một lối mòn. Archimed từng nói: *hãy cho tôi một điểm tựa, tôi sẽ nâng cả trái đất lên*. Lần thử đầu tiên chính là điểm tựa mà nhờ đó bộ não của đứa trẻ phát triển thành người lớn và tới lúc định thử làm tiếp, nó lại bắt đầu làm lại những gì đã làm trước đó. Mina thân mến ạ, tôi thấy đôi mắt của bà đang mở to và ánh mặt trời đang soi sáng cho bà thấy khắp chốn của xứ sở?

Quả thực là Mina đang khua tay lia lịa, ánh mắt sáng long lanh. Van Helsing nói tiếp:

— Bây giờ, bà hãy nói đi, hãy nói cho chúng tôi biết bà thấy những gì trong ánh mắt long lanh kia đi.

Ông khẽ đặt ngón tay cái và ngón trỏ lên cổ tay cô gái để bắt mạch, một cử chỉ như vô thức và theo bản năng của một thầy thuốc.

— Lão bá tước là một tội phạm thuộc loại điển hình - Cô bắt đầu nói - Thuyết Nordau và Lombroso xếp lão vào dạng như vậy, và do phạm tội mà đầu óc lão mãi vẫn chưa hoàn thiện. Bởi vậy, nếu gặp khó khăn, lão sẽ tìm cách giải quyết vấn đề theo một lối mòn. Nguồn gốc cách xử sự duy nhất của lão thuộc về quá khứ của chính bản thân lão. Trang duy nhất mà chúng ta biết - và cũng do chính lão nói ra - về lão là trong một lần thiếu may mắn, lão đã trở về xứ sở của mình sau âm mưu xâm lược một xứ sở khác. Về nhà, lão không chịu từ bỏ mục đích của mình và vẫn luôn rắp tâm chuẩn bị tấn công xứ người một lần nữa. Quả thực lão đã xâm lược trở lại một lần nữa, với trang bị tốt hơn, và đã giành được chiến thắng. Cũng bằng cách tương tự, lão đã tới Luân Đôn để chinh phục một xứ sở mới. Lão đã chiến thắng, nhưng khi mọi hy vọng bỗng chốc tiêu tan, sự hiện diện bị đặt

vào một tình huống nguy hiểm, lão lập tức tìm đường ra biển để trở về nhà, đúng như ngày xưa ngày xưa lão đã từng làm khi vượt sông Danube sang xâm lược Thổ Nhĩ Kỳ.

— Hay lắm, hay lắm, thật không ngờ. Mina, bà thông minh tuyệt vời. - Van Helsing reo lên thán phục và cúi xuống hôn lên bàn tay cô.

Rồi giáo sư lại trầm lặng như đang khám cho một bệnh nhân, sau giây lát im lặng, ông quay sang bảo tôi:

— Bảy mươi hai nhịp, không hơn, và có vẻ hưng phấn lắm! Tôi rất hy vọng.

Rồi ông quay lại giục Mina, về sốt ruột:

— Mina, tiếp tục đi chứ, tiếp tục đi chứ. Bà có thể nói thoải mái nếu muốn. Không việc gì phải sợ hết.

— Tôi sẽ cố gắng, nhưng xin hai người đừng chấp nếu tôi chỉ nói về bản thân.

— Không, đừng lo ngại gì hết. Bà nên nói về mình, bởi vì bà chính là người chúng tôi đang nghĩ đến.

— Thế này nhé, xét dưới góc độ tội phạm thì lão quả là một kẻ rất ích kỷ. Khi sự thông minh còn có hạn và hành động chỉ biết dựa vào tính ích kỷ, lão đã tạm bằng lòng với một mục đích duy nhất và không hề tỏ ra ăn năn hối lỗi. Ngay cả khi tái vượt sông Danube tấn công nước Thổ Nhĩ Kỳ một lần nữa, - khiến không biết bao nhiêu người lính của mình phải bỏ mạng nơi chiến trường - cho đến thất bại vừa rồi, lão cũng chỉ nghĩ đến việc làm sao trốn thoát và không hề nghĩ đến những việc còn lại. Chính sự ích kỷ đó đã ít nhiều giải phóng hồn tôi khỏi thứ quyên năng khủng khiếp mà lão đã ám vào tôi đêm nọ. Ông Chúa, lúc này, tâm hồn tôi quả thực đã được tự do hơn. Chỉ còn một nỗi lo ám ảnh tôi: không hiểu trong lúc co vòi tìm nơi ẩn náu này, lão có tìm cách lấy thông tin qua tôi trong lúc tôi bị thôi miên không?

— Có chứ, lão đã làm như vậy. - Van Helsing đáp lại. - Chính vì thế lão mới bỏ rơi chúng ta ở đây, giữa xứ Varna này, trong khi con tàu - bị chìm

trong màn sương mù do lão tạo nên - lại đưa lão về Galatz. Chắc chắn là khi tới đó, lão đã chuẩn bị mọi việc để thoát khỏi sự theo đuổi của chúng ta. Nhưng đầu óc còn trẻ con của lão lại không vượt ra ngoài phạm vi đó. Lão không thể ngờ đi đầu lão coi là ưu thế tuyệt đối lại trở thành một nỗi bất hạnh lớn nhất. Và nói như Psalmiste vĩ đại thì người thợ săn đã có thể giăng chiếc dây thòng lọng ra chờ sẵn. Quả thực là lúc này, lão cứ tưởng đã thoát khỏi tầm truy nã của chúng ta và đi trước chúng ta nhiều giờ đồng hồ. Đầu óc trẻ con của lão mách bảo lão rằng lão đã có thể nghỉ ngơi. Hơn nữa, lão còn nghĩ vì đã cắt đứt sợi dây liên lạc giữa linh hồn lão với linh hồn bà, nên bà không biết gì về lão ta. Vậy là lão lại phạm phải sai lầm. Lão đã truyền dòng máu khốn nạn vào người bà để buộc bà, mặc dù có thể đi lại tùy thích, phải luôn nghĩ về lão như bà đã phải làm khi mặt trời mọc và lặn. Nhưng thật may mắn, vào những lúc như vậy, bà lại nghe theo chỉ dẫn của tôi chứ không phải của lão. Món quà này càng trở nên quý giá hơn khi lão không hề hay biết và khi lão lầm tưởng đã cắt đứt mối liên lạc qua chúng ta thông qua bà. Ngược lại, chúng ta không phải là những kẻ ích kỷ và chúng ta tin rằng Chúa sẽ cùng đi với mọi người vượt qua khoảnh khắc đen tối này. Chúng ta sẽ truy nã bằng được con quỷ, kể cả khi đứng trước nguy cơ trở thành những kẻ như lão. Anh bạn John ạ, đây chính là một thời điểm trọng đại, cực kỳ quan trọng với chúng ta. Anh hãy làm công việc của một viên thư lại và ghi lại tất cả những gì vừa diễn ra, để khi mấy anh bạn kia xong việc trở về, anh có thể dễ dàng thuật lại cho họ biết những gì chúng ta đã biết.

Trong lúc chờ đợi mấy người bạn trở về, tôi viết những dòng này thuật lại những việc xảy ra kể từ khi Mina cần nhật ký của chồng mình đưa cho Van Helsing, sau đó tôi sẽ lại nhờ cô đánh máy.

Nhật ký của bác sĩ Seward

• Ngày 29 tháng 10

Tôi viết những dòng này trong chuyến tàu từ Varna đến Galatz. Chiều hôm qua, trước lúc mặt trời lặn một chút, chúng tôi lại được ng ỡ quây quần bên nhau. Ai cũng đã hoàn thành nhiệm vụ của mình một cách tốt nhất. Suy ng ẫm, táo bạo và thời cơ sẽ giúp chúng tôi chuẩn bị thật tốt cho một chuyến đi xa, thậm chí đến tận lâu đài Dracula. Như thường lệ, Mina tiếp tục chuẩn bị cho một lần thôi miên mới. Van Helsing phải mất khá nhiều thời gian để đưa cô vào trạng thái nhập đ ồng. Nói chung, cô bắt đầu nói ngay từ biểu hiện nhập đ ồng đầu tiên, nhưng giáo sư phải hỏi tương đối nhiều và thật chính xác trước khi hiểu ra vấn đề. Cuối cùng, Mina trả lời đại loại như thế này:

— Tôi chẳng phân biệt được gì cả. Chúng tôi đang đứng im một chỗ. Không phải những tiếng sóng vỗ dập d ềnh, mà là một vùng nước xoáy liên tục và nhẹ nhàng cuốn quanh sợi dây ch ảo. Tôi nghe có những tiếng gọi tới của đám đàn ông, lúc gần, lúc xa, r ỡ tiếng cột chèo nghiêng ken két. Đâu đó vang lên một tiếng nổ, tiếng vọng đến từ rất xa. Tiếng những bước chân vang lên phía trên đầu tôi, có cả tiếng kéo dây ch ảo, dây xích. Cái gì vậy? Kia là một vệt sáng. Tôi cảm thấy có một làn gió vừa tràn qua.

Cô nói không gì thêm, mà ng ỡ bật dậy khỏi chiếc tràng kỷ như vừa bị một người đẩy bất ngờ, hai tay giơ lên, lòng bàn tay để ngửa như thể đang đỡ một vật nặng lắm. Tôi và Van Helsing đưa mắt nhìn nhau, bởi chúng tôi hiểu đang xảy ra chuyện gì. Quincey nhú mày quan sát, trong khi Jonathan Harker, như một bản năng, lại đưa tay lên mò con dao Kukri của mình. Tất cả im lặng một h ỡ lâu. Ai cũng hiểu có nói gì bây giờ cũng vô ích. Mina chợt đứng bật dậy, hai mắt mở to và kh ẽ hỏi:

— Có ai muốn làm một tách trà không? Chắc mọi người phải mệt lắm!

Chúng tôi chỉ còn biết gật đầu. Đợi cô bước vào buồng trong lấy trà quay ra, Van Helsing mới lên tiếng:

— Các bạn ạ, chắc ai cũng đã hiểu cả rồi. Lão đang ở gần một bờ biển và đã chui ra khỏi hòm đất. Lão cần lên bờ. Buổi tối, lão có thể ẩn náu ở bất cứ chỗ nào. Nhưng nếu lão không được đưa lên bờ hoặc nếu con tàu không thể cập bờ, lão sẽ chưa thể lên bờ bằng cách thông thường được. Trong những tiếng huống như vậy, khi đêm xuống, lão có thể thay hình đổi dạng để nhảy hoặc bay lên bờ như lão đã từng làm ở Whitby trong cái lốt của một con chó. Nhưng nếu mặt trời thức dậy trước khi tàu ghé bờ, thì lão chỉ có thể tiếp tục nằm trong hòm gỗ. Nếu cứ nằm trong đó, thế nào lão cũng bị hải quan phát hiện. Nói tóm lại, nếu như không kịp nhảy lên bờ vào đêm nay, cụ thể là trước lúc rạng đông, lão sẽ phải phí mất cả một ngày và vì vậy, chúng ta hoàn toàn có thể xuất hiện kịp thời. Bởi vì nếu như lão không thể trốn thoát vào ban đêm, chúng ta sẽ đến gặp lão vào ban ngày, khi lão còn bị nhốt trong hòm và số phận đang tùy thuộc vào chúng ta. Lão sẽ không dám tự bộc lộ mình dưới một cái vỏ thực chất cụ thể của mình vì sợ bị phát hiện.

Không còn gì để nói thêm. Chúng tôi sốt ruột chờ đợi tới lúc rạng đông, khi Mina Harker có thể nói cho chúng tôi biết thêm một vài chi tiết nào đó. Vào lúc đầu ngày, trong một tâm trạng lo lắng không yên, chúng tôi lại tụ tập để nghe cô nói khi Van Helsing thôi miên. Lần này, giáo sư phải vất vả lắm mới đưa được cô vào trạng thái nhập đờng. Cuối cùng thì Mina cũng phải tuân theo sự chỉ bảo của ông:

— Tất cả đều tối mò. Tôi nghe thấy tiếng sóng vỗ oàm oạp rồi tiếng gỗ va gõ lộc cộc.

Không thấy cô nói gì thêm, hơn nữa mặt trời cũng vừa xuất hiện đỏ chói. Lại phải đợi đến chiều vậy.

Chúng tôi đến Galatz trong một tâm trạng lo lắng và sốt ruột như vậy. Lẽ ra chúng tôi phải đến đó vào tầm hai, ba giờ sáng. Nhưng từ Bucarest,

chúng tôi đã khởi hành chậm mất ba tiếng, vì vậy, chắc chắn chúng tôi sẽ đến nơi sau khi mặt trời đã mọc. Một trong hai thông điệp thôi miên của Mina, hoặc cả hai, có thể rơi một vài tia sáng vào các sự kiện đang xảy ra.

- *Một lúc sau*

Lại thêm một lần mặt trời lặn nữa, cũng may nó xảy ra vào lúc chúng tôi không hề bị quấy rầy bởi bất cứ một điều gì. Nếu mặt trời lặn trùng vào lúc tàu tạm dừng ở một ga, chắc chắn chúng tôi không thể yên tĩnh để làm thôi miên với Mina: lần này cô còn khó nhập đ ồng hơn nhiều so với lần trước. Tôi sợ khả năng giải mã cảm giác của lão bá tước trong cô sẽ biến mất đúng vào lúc chúng tôi cần đến nó nhất. Cho đến lúc này, khả năng của cô vẫn chỉ giới hạn trong các sự việc đơn giản nhất, nếu điều này cứ tiếp diễn mãi, rất có thể cô sẽ dẫn chúng tôi đến chỗ sai lầm. Nếu như nghĩ qu ền năng mà lão bá tước áp đặt nơi cô giảm đi trùng hợp với khả năng nhìn thấu vấn đề của cô thì tôi không có lý do gì để không vui cả. Nhưng thú thực, tôi vẫn nghi ngờ trường hợp đang diễn ra với cô. Cuối cùng, cô chỉ giải mã đơn giản thế này:

— Có một cái gì đó vừa biến mất. Tôi cảm thấy một cơn gió lạnh thoảng qua. Có những tiếng động mơ hồ vang đến từ xa, hình như có mấy người nói tiếng nước ngoài, có cả tiếng một dòng chảy rất dữ và cả tiếng tru thê thảm của loài sói nữa.

Cô đột ngột dừng lại, rùng mình giãy l át r ồi toàn thân ch ột run b ần b ật như lên cơn động kinh. Không thấy cô trả lời những câu hỏi của Van Helsing. Lúc bừng tỉnh, trông cô có vẻ mệt lử, rã rời, người lạnh như nước đá, nhưng may mà còn làm chủ được bản thân. Cô nói không nhớ gì cả và muốn biết điều cô vừa phát hiện được. Khi hiểu ra vấn đề cô ng ồi im lặng và suy nghĩ rất lâu.

- *Ngày 30 tháng 10, 7 giờ sáng*

Chúng tôi đang tiến gần tới Galatz, và lát nữa, có thể tôi sẽ không còn thời gian để viết nữa. Tất cả chúng tôi đều tỉnh táo chờ đợi buổi rạng đ ồng. Biết càng ngày càng khó làm thôi miên đối với Mina, nên Van Helsing bắt

đầu các động tác huơ tay sớm hơn thường lệ. Chỉ đến trước lúc mặt trời mọc khoảng một phút, Mina mới chịu nhập đờng. Không để phí thời gian vào những chuyện vớ vẩn, giáo sư đi luôn vào các câu hỏi cần thiết nhất. Cô trả lời cũng rất nhanh:

— Tất cả tối om. Tôi nghe có tiếng nước xoáy tầm ngang tai, tiếng gõ va gõ lộc cộc. Thấp hơn là tiếng súc vật kêu từ xa vọng tới. Còn một âm thanh khác, kỳ lạ... phải nói là...

Cô lại chợt im bặt, mặt mày mỗi lúc một xanh mét.

— Còn gì nữa, âm thanh gì nữa? Nói tiếp đi, tôi ra lệnh nói tiếp đi! - Van Helsing thúc giục, giọng nghe thật thống thiết và khẩn khoản, nét mặt lộ rõ vẻ thất vọng, bởi ngoài kia mặt trời đã bừng sáng soi đỏ cả nước da xanh mét của Mina.

Cô mở tròn mắt run run khẽ nói với chúng tôi, nét mặt không giấu nổi sự lo lắng:

— Thừa giáo sư, tại sao ngài lại hỏi tôi những đi đâu mà ngài thừa biết là tôi không thể trả lời? Tôi không còn nhớ gì hết!

Cô quay sang nhìn bộ mặt còn lộ rõ vẻ ngờ ngác của chúng tôi và tiếp tục:

— Tôi đã nói những gì rồi? Tôi đã làm những gì? Tôi chẳng còn biết gì cả, nếu không phải là tôi đang nằm đây nửa tỉnh nửa mê, và nghe thấy tiếng ai nhắc: “Còn gì nữa? Nói tiếp đi, tôi ra lệnh nói tiếp đi!” Mọi người nói cứ như thể coi tôi là một đứa trẻ có lỗi không bằng!

— Nhưng Mina à, - Giáo sư đáp lại, giọng buồn buồn - đó chính là một bằng chứng, nếu có thể nói như vậy, về tình bạn mà tôi dành cho bà. Thực ra tôi đã nói nghiêm túc hơn bao giờ hết, trong một tình thế rất khó khăn, mong bà đừng chấp.

Một hồi còi bất ngờ rú lên thê thảm. Thế là đã tới Galatz. Chúng tôi như ngã trên đồng lửa vì lo lắng và sốt ruột.

Nhật ký của Mina Harker

• Ngày 30 tháng 10

Quincey Morris dẫn tôi đến một khách sạn mà anh đã đặt trước bằng điện tín. Đây là một khách sạn rất dễ chịu, ít nhất cũng vì ở đây người ta không nói bất cứ một thứ tiếng xa lạ nào. Cũng như ở Varna, huân tước Godalming phải đến gặp viên Phó lãnh sự để được nhận chế độ bảo đảm an toàn dành cho chúng tôi, ngay cả trong tình huống khẩn cấp nhất. Jonathan cùng hai bác sĩ đến đại lý hàng hải xem có tin gì mới về con tàu Tsarine Catherine.

• Một lúc sau

Huân tước Godalming vừa quay về Viên Tổng lãnh sự đi vắng, trong khi Phó bị ốm. Nhưng mọi việc đều được giải quyết nhanh gọn nhờ một nhân viên được ủy quyền, tính tình rất dễ chịu và tận tụy với công việc thuộc thẩm quyền của mình.

Nhật ký của Jonathan Harker

• Ngày 30 tháng 10

Đã 9 giờ sáng. Bác sĩ Van Helsing và bác sĩ Seward cùng tôi đến nhà Mackenzie ở Steinkoff, đại lý của công ty hàng hải Hapgood ở Luân Đôn. Nhắc đến huân tước Godalming, họ liếc cho biết họ đã nhận được đề nghị giúp đỡ của anh và dẫn ngay chúng tôi đến tàu Tsarine Catherine đang thả neo ở một cảng sông. Chúng tôi gặp vị thuyền trưởng có tên là Donelson, người đã kể cho chúng tôi nghe lại toàn bộ cuộc hành trình của con tàu. Ông nói cả đời ông chưa bao giờ gặp phải một chuyến đi kinh dị và quái đản đến như vậy.

— Chuyến đi đã làm chúng tôi sợ khiếp vía, bởi chúng tôi cứ ngỡ mình sẽ phải trả giá sau các nỗ lực đưa con tàu về hải trình đúng của nó. Lênh đênh giữa Biển Đen đâu phải là chuyện đùa. Dường như có một con quỷ

nào đó đã thổi gió làm các cánh buồm đưa con tàu đi theo hướng nó đã định thì phải. Làm gì có cách nào để nhận biết thực hư ra sao. Cứ mỗi lần chúng tôi định ghé sát vào một con tàu khác, hoặc vào một cảng biển, mũi đất là y như rằng lại có một màn sương mù dày đặc không hiểu từ đâu bỗng nhiên ập xuống, rồi cứ thế bám theo con tàu suốt chặng đường mới chết chứ lì. Tới gần vùng này, cái cảnh địa ngục quái gở ấy mới chịu buông tha chúng tôi. Chúng tôi qua Gibraltar mà không làm sao đánh tín hiệu về đất liền được. Rồi thì khi tới Dardanelles, lẽ ra chúng tôi phải ghé bến trình giấy phép mới được đi tiếp, ấy thế mà con tàu vẫn cứ tiến mà chẳng thấy một nhà chức trách nào gọi hỏi cả. Lúc đầu tôi cũng định giảm áp suất không khí và cho tàu đi vát gió cho tới khi sương mù tan hẳn, nhưng sau lại thôi, vì tôi nghĩ rằng một khi trong đầu con quỷ đã muốn con tàu phải chạy hết tốc lực ra Biển Đen thì chắc chắn nó sẽ làm như vậy, cho dù chúng tôi có muốn hay không cũng thế thôi. Và con quỷ hẳn đã thỏa nguyện mà không phải bức mình vì sự chống đối của chúng tôi.

Tính khí pha tạp giữa thật thà, hóm hỉnh nhưng cũng không kém phần tinh quái và mê tín kiểu con buôn của viên thuyền trưởng như càng kích thích Van Helsing. Ông nói:

— Ông bạn ạ, ma quỷ nhiều khi còn táo tợn hơn cả những gì mà một số người vẫn nghĩ về nó ấy chứ, và nó hoàn toàn biết mình đang đứng trước ai?

Câu đùa gợi ý của vị giáo sư đã không gây hứng khởi cho viên thuyền trưởng.

— Sau khi rời Bosphore, - Viên thuyền trưởng nói tiếp - trên tàu bắt đầu có những lời cầu nhàu của hành khách. Một số người Rumanian đã đến tìm tôi và đòi vớt khỏi tàu một chiếc hòm gỗ khá lớn do một lão già quái gở gửi theo tàu từ lúc chúng tôi rời Luân Đôn. Lúc đó, tôi thấy họ liếc nhìn lão già và giơ vôi hai ngón tay như muốn tránh xa một điếu gì đó thật xúi quẩy khi trông thấy lão bước đến gần. Đúng là tín ngưỡng của người nước ngoài nhiều khi cũng kỳ lạ thật đấy! Tôi đã phải vài lần xua họ đi chỗ khác.

Nhưng ngay sau đó, một màn sương mù chẳng hiểu từ đâu lại đổ ập xuống con tàu, đến nỗi tôi phải tự hỏi không biết bọn người Rumani kia nói có đúng hay không nữa, mặc dù tôi thấy không có gì phải kỳ thị với chiếc hòm gỗ kia. Mặc kệ, chúng tôi vẫn tiếp tục cuộc hành trình. Màn sương mù bao bọc con tàu suốt năm ngày liền. Tôi phó mặc hải trình cho những cơn gió, bởi nếu ma quỷ muốn con tàu phải đến một nơi nào đó thì chúng tôi chỉ còn cách cứ để cho nó làm, chúng tôi có làm khác đi cũng không được kia mà! Thế rồi con tàu cứ băng băng tiến, rất an toàn và không có bất cứ một va chạm nào hết. Ngày hôm kia, khi mặt trời thức dậy xuyên thủng màn sương mù đáng ghét, tôi chợt nhận ra con tàu đã đến một dòng sông, đối diện với Galatz. Đám người Rumani lại một lần nữa nổi cơn điên đòi quăng ngay lập tức chiếc hòm gỗ xuống sông. Tôi đã phải nói chuyện với họ bằng gậy gộc, và khi tay cuối cùng ôm đầu nhảy khỏi sàn tàu, tôi mới đến thuyết phục họ rằng dù có xúi quẩy xúi kiếc gì thì tôi cũng vẫn đặt tài sản và niềm tin của hành khách lên trên hết. Cũng nên lưu ý trước đó, mấy thằng cha Rumani này đã lôi chiếc hòm chết tiệt đó đặt lên boong tàu để chuẩn bị quăng xuống nước rồi. Tôi định khi nào dỡ hàng xuống cảng sẽ quăng nó xuống luôn thế. Nhưng tới sáng, khoảng một tiếng đồng hồ trước lúc mặt trời mọc, bỗng dưng có một người đàn ông xuất hiện và leo lên tàu trình giấy ủy quyền, được gửi từ Anh quốc, để nhận chiếc hòm. Chiếc hòm đề địa chỉ người nhận là bá tước Dracula. Mọi giấy tờ của anh ta đều hợp lệ nên không có lý do gì tôi không giao cho anh ta chiếc hòm, hơn nữa tôi cũng bắt đầu cảm thấy không yên với cái của nợ ấy. Nếu quý dữ gửi hành lý lên con tàu của tôi, thì đó hẳn phải là chiếc hòm gỗ chứ chẳng phải là một cái gì khác!

— Thế người đến nhận hàng tên là gì nhỉ? - Van Helsing sốt ruột hỏi.

— Tôi sẽ nói để ngài biết ngay đây...

Viên thuyền trưởng bước xuống cabin lấy một tờ giấy biên nhận có chữ ký *Emmanue! Hildesheim, số 16, Burgenstrasse.*

Biết là không thể biết thêm được thông tin nào từ viên thuyền trưởng, chúng tôi bèn cảm ơn ông rồi tiếp tục lên đường.

Chúng tôi gặp Hildesheim ở văn phòng của ông. Đó là một người Do Thái có bộ mặt đỏ như gà chọi. Chẳng khó dễ gì trước đề nghị của chúng tôi, ông thuật lại ngay tất cả những gì ông biết. Ông nói đã nhận được một lá thư gửi từ Luân Đôn của Ngài De Vilie, trong thư đề nghị ông tiếp nhận - nếu có thể trước lúc mặt trời mọc thì càng tốt, để tránh sự soi mói của hải quan - một hòm gỗ được gửi theo tàu Tsarine Catherine đến bến Galatz; sau đó, ông phải giao chiếc hòm cho tay Petrof Skinsky nào đó. Đây là một người có quan hệ với những người Slovaki chuyên buôn bán trên sông. Ông được trả công bằng một tờ giấy bạc Anh và được Nhà băng Quốc tế Danube trả chuyển đổi bằng vàng. Ông dẫn Skinsky lên tàu và giao hàng luôn tại đó để tránh phải trả phí giao chuyển hàng. Tất cả chỉ có vậy, ông không thể nói gì hơn.

Vậy là chúng tôi chỉ còn cách đi tìm người có tên là Skinsky, nhưng rất cục cựa chẳng tìm được. Một người hàng xóm của anh ta cho biết anh ta đã bỏ đi từ hôm kia, nhưng không biết đi đâu. Ông chủ nhà trọ cũng cho chúng tôi biết anh ta đã nhờ một bưu tá gửi lại chìa khóa phòng và tiền thuê nhà trọ cho ông. Chuyện này xảy ra trong khoảng từ mười đến mười hai giờ tối hôm qua. Vậy là chúng tôi đang đi vào một điểm chết.

Chúng tôi đang nói chuyện với ông chủ quán trọ thì có một người bỗng hốt ha hốt hải chạy xộc vào và kêu toáng lên rằng người ta vừa tìm thấy xác Skinsky trong nghĩa địa Saint Pierre trong tình trạng cổ bị cắn phanh ra bởi một vết răng nanh của một con thú hoang nào đó. Những người tiếp chuyện chúng tôi đều đứng bật cả dậy và lập tức chạy nháo nhác đi xem cảnh tượng hãi hùng mà họ vừa nghe kể, trong khi mấy phụ nữ hét với theo: “Gây ra chuyện đó chính là một thằng Slovaki đấy?” Chúng tôi bỗng thấy buồn rầu hết cả người vì sợ có thể bị dính dáng vào vụ việc và như vậy sẽ hỏng hết kế hoạch.

Trở về khách sạn, chúng tôi không sao đưa ra nổi một kết luận chính xác nào. Mọi người chỉ dám nghĩ có lẽ chiếc hòm tiếp tục được chuyển đi bằng đường thủy, nhưng về đâu chứ? Đây là một câu hỏi hóc búa mà chúng tôi phải trả lời. Chúng tôi gặp lại Mina trong một tâm trạng trĩu nặng lo âu. Lúc ngẩng hội ý, chúng tôi đặt vấn đề tiếp tục thôi miên cô một lần nữa. Đây có lẽ sẽ là cơ hội cuối cùng của chúng tôi. Bấp bênh quá!

Nhật ký của Mina Harker

• *Ngày 30 tháng 10, buổi chiều*

Trông họ có vẻ mệt mỏi và nhụt chí quá! Cứ kiểu này thì chẳng ai làm được gì nếu không đi nghỉ một chút. Bởi vậy, tôi phải giục họ ngả lưng khoảng nửa giờ, trong thời gian đó tôi sẽ ghi lại tất cả những gì đã xảy ra cho đến nay. Tôi thật biết ơn người nào đã phát minh ra chiếc máy chữ xách tay và Quincey Morris, người đã mất công mang nó hộ tôi tới đây! Hẳn là tôi sẽ đứt mạch suy nghĩ nếu cứ phải mài ngòi bút hoài trên trang giấy...

Tất cả thế là hết. Jonathan đang nằm dài trên ghế tràng kỷ, toàn thân rã rời bất động như một kẻ bại liệt, mặt mày nhả nhúm chán chường. Hẳn là anh đang nghĩ ngợi ghê lắm. Ước gì tôi có thể giúp được anh! Tôi sẽ cố gắng làm đi đâu mình có thể làm.

Theo đề nghị của tôi, bác sĩ Van Helsing đã trao lại cho tôi toàn bộ các ghi chép mà tôi chưa được biết. Trong lúc ông đi nghỉ, tôi định sẽ đọc kỹ lại tất cả và nếu có thể, sẽ rút ra một kết luận nào đó. Tôi cố gắng noi gương giáo sư và suy ngẫm một cách thật khách quan về các sự việc phơi bày trước mắt. Tôi tin mình sẽ có một khám phá thực sự sau khi suy nghĩ cân nhắc và quan sát thật cẩn thận các tấm bản đồ địa phương.

Vâng, càng ngày tôi càng cảm thấy mình không nhàn. Tôi sẽ họp những người bạn của mình lại và nói cho họ biết suy nghĩ của mình. Họ sẽ

phán xét giải pháp của tôi. Tất cả đều phải chính xác. Mỗi phút trôi qua đều rất đáng quý.

Bản tóm tắt đánh giá trong nhật ký của Mina Harker

Khởi điểm điều tra. Vấn đề: bá tước Dracula đang trên đường về nhà.

Chắc hẳn phải có người mang lão về. Đó là điều hiển nhiên, bởi nếu có quyền năng đi lại tùy ý thì lão phải làm như vậy dưới cái lốt thực sự của một con người, con sói, con dơi hoặc một bất cứ một cái lốt nào khác. Rõ ràng lão đang cảm thấy nghi ngờ mình bị bại lộ hoặc bị gây phiền phức trong trạng thái dễ bị tổn thương hiện nay, khi bị gò bó trong chiếc hòm đất giữa lúc mặt trời mọc và lặn. Lão có thể được chuyển đi bằng cách nào? Hãy làm phép loại trừ sau đây:

1. Bằng đường bộ. Điệu này sẽ gây ra vô số khó khăn cho lão, nhất là khi ra khỏi các thành phố.

a) Gặp phải nhiều người. Dân tình sẽ tò mò và tìm cách soi mói. Một dấu hiệu, một sự ngờ vực đối với những gì được cất giấu trong hòm, và thế là lão toi mạng.

b) Có thể hoặc chắc chắn chạm trán với các nhân viên hải quan hoặc thuế quan.

c) Các đối thủ theo đuổi lão có thể lần theo dấu vết của lão. Đó chính là nỗi lo sợ lớn nhất của lão và chính vì muốn tránh bị lộ mà lão đã tìm mọi cách để chạy xa nhất trong khả năng có thể, kể cả đối với nạn nhân của lão - đó là tôi!

2. Bằng đường sắt. Nếu sử dụng loại phương tiện này, sẽ không có ai đứng ra để trông nom chiếc hòm gỗ vốn lúc nào cũng có nguy cơ bị chậm trễ, và chính sự chậm trễ sẽ là cơ hội chí tử để kẻ thù lần theo dấu vết lão. Tất nhiên, lão có thể chạy trốn trong đêm tối, nhưng chuyện gì sẽ xảy ra nếu lão bị tống xuống một nơi xa lạ không có chỗ nào ẩn náu thích hợp. Đó không phải là ý định của lão, và cũng không phải một rủi ro mà lão có thể chấp nhận dấn thân vào.

3. Bằng đường thủy. Một mặt chính là phương tiện chắc chắn nhất, nhưng mặt khác lại là nguy hiểm nhất. Trên mặt nước, lão không có quyên năng, ngoại trừ trong đêm. Đồng thời lão chỉ có thể sai khiến sương mù, bão tố, băng tuyết và đàn sói của mình. Và nếu bị đắm tàu, lão sẽ bị hà bá nhấn chìm mà chẳng thể làm gì được, vậy là lại thêm một khả năng thất bại nữa. Nếu lão nằm trên một con tàu, thì đương nhiên chúng tôi phải xác định cho được con tàu đang lênh đênh ở vùng nước nào.

Mục tiêu đầu tiên của chúng tôi là phải xác định chính xác việc lão đã làm cho đến nay, điều này sẽ chỉ cho chúng tôi thấy những gì cần tiếp tục cần phải làm. Trước hết, chúng tôi sẽ cân nhắc các hành động ở Luân Đôn của lão như một phần toàn bộ kế hoạch của lão, trong khi lão phải gấp gáp từng phút và muốn rút chạy ngay lập tức. Sau đó, chúng tôi sẽ cố gắng suy luận những gì lão đã làm ở đó với những sự việc mà chúng tôi đã biết.

Để bắt đầu, hiển nhiên là lão định đến Galatz. Đối với chúng tôi, trật tự liên quan đến Varna đã bị chệch hướng nếu chúng tôi hiểu lão đã rời khỏi nước Anh và chúng tôi phải ra sức xác định điểm đến thực sự của lão. Mục đích duy nhất, trước mắt của lão là tìm cách thoát khỏi sự đeo bám của chúng tôi: *Bằng chứng chính là lời chỉ dẫn, ghi trong thư gửi Emmanuel Hildesheim, nhận và bốc dỡ chiếc hòm trước lúc mặt trời mọc, cũng như chỉ dẫn dành cho Petrof Skinsky.* Đến đây, chúng tôi chỉ còn biết đoán mò. Chắc chắn phải có một lá thư hoặc một thông điệp liên lạc nào đó, vì đích thân anh ta đến tìm Hildesheim.

Theo chúng tôi biết thì tính đến đây, mọi kế hoạch của lão đều đã được hoàn thành. Tàu Tsarine Catherine đã có một cuộc hành trình nhanh khủng khiếp, đến nỗi viên thuyền trưởng Donelson phải sinh nghi. Tại sao con tàu lại có thể thuận buồm xuôi gió đến Galatz giữa màn sương mù quái đản mà không xảy ra bất cứ một trục trặc hay va chạm nào? Mọi sự chuẩn bị của lão bá tước đều phát huy hiệu quả. Hildesheim đã đến nhận chiếc hòm gỗ và giao cho Skinsky. Đến lượt mình, Skinsky cũng đã xoay sở với chiếc hòm - nhưng chúng tôi chỉ biết đến thế thì mất dấu vết. Hẳn là những

người mang chiếc hòm đã tìm cách tránh chạm trán với các nhân viên hải quan hoặc thuế quan trên đường đi.

Bây giờ chúng tôi phải suy ngẫm xem lão bá tước đã làm gì sau khi đến đất Galatz. Chiếc hòm gỗ đã được trao cho Skinsky trước lúc rạng đông. Vào lúc mặt trời mọc, lão bá tước có thể xuất hiện dưới hình dạng thật của mình. Chúng tôi phải tìm hiểu tại sao Skinsky lại được chọn như một người phụ trợ. Theo nhật ký của chúng tôi, Skinsky có quan hệ với đám người Slovaki đang buôn bán trên thượng ngu ồn cảng. Và thủ phạm giết người được đồn thổi chính là một người Slovaki; chi tiết đáng chú ý này cho thấy dân tình thường xuyên nghĩ tới những người này. Lão bá tước định đánh lạc hướng sự chú ý của mọi người? Đó là phỏng đoán của tôi.

Từ Luân Đôn, lão bá tước quyết định trở về lâu đài Dracula bằng đường thủy, một con đường chắc chắn nhất và cũng bí mật nhất. Trước đây, những người Digan đã mang lão đi và có thể đã nhờ người Slovaki mang các thùng đất đến Varna rồi chuyển tiếp bằng tàu thủy đến Luân Đôn. Như vậy, lão bá tước thừa biết ai là người đủ khả năng tổ chức giúp lão dịch vụ này. Bây giờ, khi chiếc hòm được đưa lên mặt đất, lão sẽ chui ra trước lúc mặt trời mọc hoặc sau khi mặt trời lặn và rồi chỉ dẫn cho Skinsky tiếp tục vận chuyển chiếc hòm theo đường sông. Chắc chắn là lão đã giết chết tay này để bịt đầu mối và xóa dấu vết của mình.

Xem lại bản đồ, tôi nhận ra rằng con sông gần nhất thuận tiện cho người Slovaki đi ngược dòng chỉ có thể là sông Pruth hoặc sông Sereth. Tôi thấy các ghi chú của Van Helsing có nhắc đến những tiếng nước xoáy ngang tầm tai, tiếng gõ kêu lộc cộc mà tôi cảm nhận được trong lúc bị thôi miên. Như vậy, có thể lão bá tước vẫn đang nằm trong quan tài, nhưng được đặt trong lòng một con thuyền không boong và di chuyển bằng mái chèo hoặc bằng sào. Tất nhiên, chưa hẳn con thuyền đã đi trên sông Pruth hoặc Sereth, nhưng chúng tôi có thể xác định được đi đâu này. Trong hai con sông nhỏ này, việc đi lại trên sông Pruth có vẻ dễ hơn nhiều, nhưng con sông Sereth, ở đoạn Fundu, lại tiếp nhận dòng Bistriza vốn là con sông nhỏ

chảy quanh đèo Borgo. Khúc quanh bên chân đèo chính là điểm dễ tiếp cận lâu đài Dracula nếu tính đi bằng đường thủy.

• *Nhật ký của Mina Harker (tiếp theo)*

Nghe tôi đọc xong, Jonathan lao tới ôm chầm lấy tôi. Những người bạn còn lại cũng nắm chặt đôi bàn tay tôi, vẻ hồ hởi lắm. Còn bác sĩ Van Helsing thì thốt lên:

— Một lần nữa, Mina lại chứng tỏ mình xứng đáng là người đưa đường chỉ lối của nhóm chúng ta. Cô thực sự là người sáng suốt, còn chúng ta chỉ là những kẻ có mắt như mù. Chúng ta lại tìm ra dấu vết và nếu gặp được kẻ thù giữa ban ngày ban mặt, trên mặt nước, thì nhiệm vụ của chúng ta coi như đã xong. Đúng thế, lão đi trước chúng ta, nhưng lão không thể nhanh chân được, làm sao lão dám rời khỏi chiếc quan tài kia chứ? Những người hộ tống chiếc hòm thế nào cũng sẽ sinh nghi, và chỉ cần phát hiện ra dấu hiệu khả nghi đầu tiên là họ sẵn sàng quẳng ngay cái của nợ ấy xuống sông. Lão thừa hiểu đi đầu đó và chắc chắn sẽ chẳng dám bày trò gì đại dột. Còn bây giờ, cần phải hội ý một chút vì chúng ta không thể không bàn ngay việc cần phải làm của từng người.

— Tôi sẽ đi tìm mua một chiếc xuồng và các phụ tùng kèm theo. - Huân tước Godalming nói.

— Còn tôi, tôi sẽ tìm mua ngựa để đuổi theo lão dọc bờ sông nếu thuyền của lão ghé vào bờ. - Quincey Morris tuyên bố.

— Tốt rồi. - Giáo sư tiếp tục. - Cả hai nói đều có lý, nhưng cũng đừng nên đi một mình. Hai người cần phải có sức mạnh nếu chạm trán phải sức mạnh. Người Slovaki chúng tôi rất khỏe và hung hăng, hơn nữa lại thường mang đầy đủ vũ khí.

Tất cả cùng bật cười, bởi ai nấy đều sẵn sàng mang theo một hộp đạn nhỏ.

— Tôi có mang theo vài khẩu súng. - Morris nói. - Đó là loại vũ khí rất tiện dụng để chống lại các cuộc tấn công của đám đông, không loại trừ cả những đàn sói nữa. Mọi người nên nhớ lão bá tước lúc nào cũng có các

biện pháp đề phòng. Lão có những trò mèo mà bà Harker đây không thể nghe hoặc hiểu được hết. Chúng ta phải cảnh giác với mọi bất trắc có thể xảy ra.

— Tôi nghĩ tôi có thể đi cùng Quincey. - Bác sĩ Seward nói xen vào. - Cả anh nữa, Arthur ạ, anh cũng không nên đi một mình như thế. Có lẽ anh sẽ phải chạm trán với những người Slovakia, và chỉ cần một sai lầm thôi cũng đủ làm cho mọi kế hoạch của chúng ta bị phá sản. Lần này đừng để xảy ra bất cứ một sơ xuất nào. Dĩ nhiên, chúng ta sẽ chỉ dừng tay khi lão bá tước phải chịu cảnh đầu lìa khỏi cổ và phải đảm bảo rằng lão không thể đầu thai được nữa.

Anh vừa nói vừa nhìn Jonathan, trong khi Jonathan lại đưa mắt nhìn tôi như khó nghĩ một điều gì đó. Tôi hiểu anh đang rất day dứt trong lòng. Tất nhiên là lúc nào anh cũng muốn được ở bên tôi, nhưng có đi đâu chỉ những người ngỗ ngược trên xuồng mới có cơ hội hủy diệt “*ma cà rồng*” (Tại sao tôi cứ phải do dự khi nhắc đến từ này chứ?). Anh đứng lặng im và không thấy nói câu nào. Van Helsing phải lên tiếng để phá tan bầu không khí im lặng:

— Anh bạn Jonathan thân mến ạ, có hai lý do để anh phải nghe theo chúng tôi. Thứ nhất, anh còn trẻ và can đảm không kém, lại có khả năng chiến đấu, trong khi sức mạnh của tất cả chúng ta đều buộc phải tập trung cho trận đánh cuối cùng. Hơn nữa, anh chính là người xứng đáng được trực tiếp ra tay hủy diệt cái đã gây cho anh và những người thân của anh biết bao nhiêu đau khổ. Còn đối với Mina lúc này, anh không cần phải lo lắng gì cả, tôi sẽ hết sức chăm sóc cô ấy trong chừng mực có thể. Dầu sao thì tôi cũng già rồi, đôi chân không còn nhanh nhẹn như xưa, tôi không quen cưỡi ngựa đường dài, cũng chẳng giỏi cầm vũ khí. Nhưng nếu cần, tôi có thể chết như một thanh niên thực sự. Biết nói thế nào với anh đi đâu tôi đang mong muốn bây giờ nhỉ! Thế này nhé, anh sẽ cùng huân tước Godalming đi xuồng ngược dòng sông, còn anh bạn John và Quincey đi trên bờ bám theo đề phòng trường hợp Tsarine Catherine bất ngờ cập bến. Trong khi đó, tôi sẽ dẫn Mina đến sào huyệt của kẻ thù. Trong lúc con cáo

già còn nằm ườn trong chiếc quan tài trên con tàu ngược lên thượng ngu Ồn mà chưa thể bò lên mặt đất, hoặc không dám mở nắp vì sợ những người Slovakia quẳng xuống nước trong cơn hoảng sợ - chúng tôi sẽ bám theo con đường mà Jonathan đã từng đi, từ Bistritz đến Borgo, và tìm đường đến lâu đài Dracula. Khả năng nhập đ ồng của Mina chắc chắn sẽ còn giúp chúng tôi tìm được đường đi nơi xứ lạ - ngay sau l ần mặt trời mọc đầu tiên trên chặng đường c ần phải đi. Còn quá nhiều việc phải làm trước khi hang rắn độc bị xóa sổ.

Jonathan sốt sáng ngắt lời:

— Sao cơ, bác sĩ Van Helsing? Ngài định dẫn Mina của tôi đi trong một tâm trạng ảo não đến sào huyết của thần chết sao? Không thể như vậy được, như thế chẳng có ích lợi gì hết!...

Anh lặng thình một lát rồi mới tiếp tục:

— Ngài có biết đó là một nơi như thế nào không? Ngài đã bao giờ thấy một địa ngục khủng khiếp đến như vậy chưa?. Nơi thậm chí cả ánh trăng cũng hiện thành những hình thù quái đản? Rồi từng hạt bụi đảo điên cu ồng loạn trong gió lúc nào cũng có thể là m àn mống hiện hình thành những con quỷ cái nữa? Đã bao giờ ngài cảm thấy làn môi bẩn thỉu của một bóng “*macà rồng*” ngập vào cổ chưa?

R ồi anh quay sang nhìn trân trân vào trán tôi, hai tay giơ cao kêu trời:

— Trời ơi! Chúng tôi làm gì ai mà giờ phải chịu nông nổi này kia chứ?

Không thể chịu đựng được nỗi thất vọng trào dâng trong lòng, anh thả người ngã phịch xuống tràng kỷ. Nhưng như mọi khi, giọng trầm ấm và dịu dàng, tự tin của vị giáo sư già đã phần nào làm dịu nỗi cay đắng trong lòng anh và chúng tôi.

— Nhưng anh bạn ạ, nếu tôi có mong đến tận hang hùm ỗ rắn thì chẳng qua cũng là để cứu chính Mina thân thương của chúng ta mà thôi. Cả đám đàn ông chúng ta đều nhận ra những gì c ần phải làm trước khi cái nơi ghê tởm ấy bị loại bỏ. Nên nhớ rằng chúng ta đang bị d ẫn vào bước đường cùng. Nếu lần này vẫn thoát khỏi bàn tay chúng ta, có thể lão bá tước, một

kẻ thông minh, có sức mạnh vô biên và cũng cực kỳ xảo quyệt, sẽ quyết định nằm im hàng trăm năm. Và sẽ tới lúc cô gái đáng thương đây - Vừa nói, ông vừa cầm tay tôi - trở thành quý cái giống như những ả đàn bà anh đã từng nhìn thấy trong lâu đài Dracula, Jonathan ạ. Anh nghe có đáng sợ không? Tôi hiểu đi đâu đó! Xin lỗi vì lại làm anh khó chịu, nhưng đi đâu tôi nói là cần thiết, anh bạn ạ. Theo anh thì có nên để xảy ra một sự thật phũ phàng như vậy không? Tuy nhiên, nếu đi đâu phũ phàng ấy xảy ra, tôi sẵn sàng lấy cả mạng sống của mình để ngăn cản nó. Nếu có ai phải đến để rỗi nằm lại nơi địa ngục của Dracula, thì người đó hẳn phải là tôi.

— Vậy thì ngài cứ làm theo ý mình đi. - Jonathan nói trong tiếng nấc nghẹn ngào. - Chúng ta đều nằm trong vòng tay của Chúa mà!

• *Một lúc sau*

Quả là tôi đã được an ủi rất nhiều khi được làm việc với những người đàn ông can đảm như những người bạn của vợ chồng tôi! Một người phụ nữ dịu dàng không thể không ngưỡng mộ những người đàn ông nghiêm túc, trung thực và dũng cảm như vậy! Nhưng thú thực là tôi cũng thầm cảm ơn khả năng về tiền bạc của họ. Nếu không có tiền, chúng tôi có thể làm nên trò trống gì vào lúc này chứ? Tôi rất biết ơn sự giàu có của huân tước Godalming và cả anh chàng Quincey Morris nữa. Nếu họ nghèo, chúng tôi chẳng thể khởi hành đến đây, đến rất nhanh nữa là khác. Phần công việc của mỗi chúng tôi đều được sắp xếp ổn thỏa và ai cũng cố gắng hoàn thành tất cả nhiệm vụ của mình. Chỉ trong có ba tiếng đồng hồ, huân tước Godalming và Jonathan đã có trong tay một chiếc xuồng chạy hơi nước xinh xắn, có thể lên đường ngay từ tín hiệu đầu tiên. Bác sĩ Seward và Morris đã tìm mua được nửa tá ngựa nòi đóng sẵn yên cương. Chúng tôi cũng mua đủ các loại bản đồ và trang thiết bị cần thiết. 11 giờ 40 tối nay, tôi cùng bác sĩ Van Helsing đi Veresti, nơi chúng tôi có thể mua một chiếc xe ngựa để đến đèo Borgo. Dĩ nhiên, chúng tôi phải mang theo nhiều tiền mặt để mua xe và vài con ngựa. Chúng tôi phải tự xoay xở một mình, bởi chẳng quen biết ai khác đáng tin để mà nhờ vả trong công việc mua bán.

Giáo sư là người thông thạo nhiều thứ tiếng nên không cần lo gì về chuyện này. Chúng tôi ai cũng được trang bị vũ khí. Ngay cả tôi cũng có một khẩu súng ngắn cỡ lớn. Jonathan chỉ bình tĩnh khi thấy tôi cũng có vũ khí như những người khác. Bác sĩ Van Helsing bảo khẩu súng có thể giúp ích cho tôi nếu gặp chó sói. Thời tiết mỗi lúc một lạnh hơn với những trận mưa tuyết quần áo đi đảo lại như muốn thách thức chúng tôi.

- *Một lát sau*

Tôi phải hết sức can đảm để nói lời vĩnh biệt với người chồng yêu dấu của mình. Chưa chắc chúng tôi có cơ hội gặp lại nhau. Mina ơi, can đảm lên nhé! Vị giáo sư già đang nhìn mi như muốn nhắc đừng quên lòng trong lúc này. Đừng nhỏ lệ nếu chưa phải là lúc khóc vì niềm vui và hạnh phúc.

Nhật ký của Jonathan Harker

- *Ngày 30 tháng 10*

Tôi viết những dòng này dưới ánh sáng hắt qua cửa sổ hơi trên xuồng, trong lúc huân tước Godalming nhận trách nhiệm vận hành lò hơi, bởi anh hoàn toàn có kinh nghiệm sau nhiều năm gắn bó với con xuồng nhỏ của mình trên sông Thames và trên các vùng hồ ở Norfolk. Sau khi nghiên cứu các loại bản đồ, chúng tôi quyết định làm theo giả thiết của Mina: nếu có một tuyến đường thủy đưa Dracula về lâu đài của lão, thì đó chỉ có thể là sông Sereth, rồi từ ngã ba tiếp tục đi theo dòng Bistritza. Chúng tôi cho nơi lý tưởng nhất để đi xuyên xứ sở, giữa con sông và rừng Carpates, nằm ở 47 độ vĩ bắc. Chiếc xuồng của chúng tôi có thể phóng hết tốc lực mà không lo gì hết: dòng nước sông chỗ nào cũng sâu và khoảng cách giữa hai bờ bãi luôn đủ rộng để chúng tôi có thể lướt thoải mái trên mặt nước, kể cả vào ban đêm. Huân tước Godalming khuyên tôi ngủ một giấc, anh bảo lúc này chỉ cần một người cũng đủ để quán xuyến mọi việc. Nhưng làm sao tôi có thể ngủ được khi trong đầu lúc nào cũng trĩu nặng nỗi lo sợ về một mối nguy hiểm mờ hồ đang lơ lửng trên đầu vợ mình trên đường tới cái nơi

khủng khiếp ấy? Niềm an ủi duy nhất đối với tôi là phải biết tự nhủ mình rằng, những người bạn đang nằm trong vòng tay che chở của Chúa. Không có niềm tin này, cách đơn giản nhất để tôi giải thoát mình khỏi bao nỗi đắng cay là tìm đến cái chết. Morris và bác sĩ Seward đã cưỡi ngựa lên đường trước chúng tôi vì đoạn đường họ phải đi sẽ rất dài và không ít gian truân. Họ đi bám ngược theo dòng Sereth cốt để giữ được một tầm nhìn nhất định với con sông và đỡ đựng phải những quãng đường gập ghềnh khúc khuỷu. Có hai kỵ sĩ mang ngựa dự phòng đi cùng họ trong những chặng đường đầu tiên để tránh gây sự chú ý. Hai kỵ sĩ này sẽ sớm quay về, và khi đó hai người bạn tôi phải tự lo liệu lấy mọi việc. Có thể sẽ tới một lúc chúng tôi phải gặp họ để cùng nhau đi nốt đoạn đường trên lưng ngựa.

Hành trình của chúng tôi quả là một chuyến đi phiêu lưu mạo hiểm! Chúng tôi lặng lẽ đi xuyên màn đêm, dưới cái lạnh mỗi lúc một thấu xương buốt thịt, giữa vô vàn những âm thanh bí ẩn dọc hai bờ bãi, trên những đoạn đường xa lạ đầy hiểm họa, bất trắc lơ lửng trên đầu, về một thế giới của địa ngục với bao điểu khủng khiếp đang chờ đợi từng người.

Huân tước Godalming vừa đóng cửa n ồi hơi lại...

• *Ngày 31 tháng 10*

Vẫn trên hành trình truy đuổi. Một ngày mới đang đến.

Huân tước Godalming vừa thức dậy sau một giấc ngủ ngon lành. Tiết trời buổi sáng lạnh quá. Chúng tôi vượt qua mấy chiếc xà lan chở hàng nhưng không thấy có chiếc nào mang một chiếc hòm gỗ như chúng tôi cần tìm. Ánh đèn pin của chúng tôi đã làm các thủy thủ hoảng sợ, họ quỳ sụp xuống sàn tàu cầu nguyện và vái lạy lia lịa.

• *Ngày 1 tháng 11, buổi chiều*

Ngày hôm nay không có gì mới. Chúng tôi chẳng phát hiện được điểu gì cần tìm, dù đã để mắt tới hết thảy các thuyền lớn, thuyền nhỏ gập trên sông. Bây giờ chúng tôi đang ở Bistritz. Nếu giả thiết cả nhóm đã đưa ra là sai thì coi như chúng tôi đã mất hết cơ hội. Sáng nay, chúng tôi đã được các thủy thủ trên một con tàu của chính phủ đón tiếp rất tử tế và đã xin

được một chiếc cò hiệu Rumani để cắm lên xuồng. Chính chiếc cò đã tạo điều kiện để chúng tôi tiếp cận và hỏi thăm thuyền bè đi lại trên sông mà không gặp bất cứ một trở ngại nào. Một số người Slovakia cho chúng tôi biết có một tàu lớn, với mấy thủy thủ trông như những bóng ma trên boong, đã vượt qua họ bằng một tốc độ không bình thường chút nào. Họ nhìn thấy con tàu này ở gần ngã ba Fundu, nơi dòng Bistritza chảy vào sông Sereth, nên không biết nó định rẽ theo ngả nào. Chúng tôi tới Fundu nhưng không biết thêm tin gì, chắc là con tàu đã vượt sông vào ban đêm. Tôi buồn ngủ díp cả mắt, có lẽ cái lạnh cắt da cắt thịt đã kích thích cái bản năng đang mỗi lúc một trỗi dậy trong tôi. Godalming cứ nằng nặc đòi thức ca đầu tiên. Chúa sẽ ban phước lành cho anh, một người bạn đang hết lòng vì vợ chồng tôi.

• *Ngày 2 tháng 11, buổi sáng*

Mặt trời đã lên cao, nhưng anh bạn tôi vẫn không muốn đánh thức tôi dậy. Anh bảo nếu làm vậy là có lỗi, vì giấc ngủ bình yên sẽ làm tôi tạm quên nỗi ưu phiền trong lòng. Tôi có cảm giác mình hơi ích kỷ khi đã ngủ quá lâu như vậy. Nhưng dẫu sao thì Godalming cũng có lý bởi rõ ràng là sáng nay tôi đã cảm thấy mình trở thành một người khác hẳn, hoàn toàn có thể đi đâu khiến được chiếc xuồng và theo dõi mọi sự việc xảy ra xung quanh. Dường như tôi đã lấy lại được sức mạnh và nghị lực của mình. Không hiểu giờ này Mina và bác sĩ Van Helsing đã đến đâu rồi. Hẳn là họ đã tới Varesti vào trưa thứ tư theo dự kiến. Họ sẽ phải mất ít nhiều thời gian để mua xe và vài con ngựa. Vậy thì nếu mọi việc diễn ra suôn sẻ, chắc chắn bây giờ họ đã phải tới đèo Borgo. Cầu Chúa hãy che chở cho họ! Người tôi bỗng run lên khi hình dung ra những gì có thể xảy ra với họ. Ước gì chúng tôi đi nhanh hơn nữa? Nhưng động cơ trên xuồng đầu đã chạy ở tốc độ tối đa. Làm sao đuổi kịp bác sĩ Seward và Morris đây?... Có rất nhiều dòng suối nhỏ đổ từ trên các vách núi xuống dòng sông chúng tôi đang đi, nhưng sẽ chẳng có trở ngại gì đáng kể với các kỵ sĩ - ít nhất là ngay hôm nay, khi không có tuyết rơi. Tôi hy vọng sẽ gặp lại họ trước khi

đến Strasba. Bởi nếu chưa phát hiện ra lão bá tước trong lúc này, chúng tôi sẽ phải gặp nhau để cân nhắc lại vấn đề.

Nhật ký của bác sĩ Seward

• Ngày 2 tháng 11

Ròng rã suốt ba ngày trên đường, không có bất cứ một tin tức gì, và nếu có tôi cũng không tìm được lúc nào để mà ghi lại, bởi mỗi phút đối với chúng tôi lúc này cũng đều rất quý. Chúng tôi chỉ dám dừng lại khi buộc phải để cho mấy chú ngựa được nghỉ ngơi chốc lát, nếu không chúng tôi vẫn thừa sức để đi tiếp. Những cuộc phiêu lãng ngày xưa của chúng tôi không ngờ lại hữu ích đến thế, nếu không từng trải, chắc gì chúng tôi đã bần bĩ được như bây giờ? Chúng tôi chỉ có thể vui khi gặp lại chiếc xuồng chở huân tước Godalming và anh bạn Jonathan.

• Ngày 3 tháng 11

Tới Fundu, có người nói với chúng tôi rằng chiếc xuồng đã vào sông Bistritza. Cầu mong họ đừng chết công vì rét! Đường như sắp có tuyết rơi thì phải. Nếu tuyết rơi dày, chúng tôi sẽ bị cản bước đáng kể. Trong trường hợp đó, chúng tôi sẽ phải mua một chiếc xe trượt tuyết để chạy như người Nga vẫn làm.

• Ngày 4 tháng 11

Hôm nay, sau khi hỏi thăm, chúng tôi được biết chiếc xuồng đã bị hỏng và biến dạng vì ra sức băng gheñh vượt thác. Các tàu thuyền của người Slovakia đều vượt lên dễ dàng nhờ sự trợ giúp của một sợi dây kéo và tài chèo lái không ai bằng của từng người trên thuyền. Cũng may Godalming là một thợ cơ khí tài tử, nên anh đã sửa lại nguyên trạng chiếc xuồng của mình. Cuối cùng anh và Jonathan đã vượt qua các gheñh thác và tiếp tục lên đường nhờ sự giúp đỡ của người địa phương.

Tôi nghĩ thế nào vụ tai nạn cũng làm cho chiếc xuồng bị hỏng khá nặng, bởi mấy người nông dân bảo chúng tôi rằng sau khi được sửa chữa, nó đã dừng lại không ít lần trong tầm nhìn của họ. Vậy thì chúng tôi phải phóng thật nhanh lên mới được. Sự giúp đỡ của chúng tôi là điều rất cần thiết trước khi sự việc trở nên quá muộn.

Nhật ký của Mina Harker

Chúng tôi đến Veresti vào buổi trưa. Giáo sư bảo tôi rằng đông hôm nay, vất vả lắm ông mới thôi miên được tôi, đã thế tôi lại không thể nói được một điều gì khác: “Tối om, yên tĩnh”. Ông đã đi mua một chiếc xe và vài con ngựa tăng viện - nếu có thể - để thay phiên kéo trên đường. Chặng đường chúng tôi đi dài dằng dặc. Xứ sở này quả là tươi đẹp và nhiều điều thú vị. Giá như chúng tôi được đi dưới bầu trời này trong một hoàn cảnh khác thì hay biết bao? Giá như tôi và Jonathan cùng được sánh bước trên đường thì lãng mạn biết nhường nào!

Ôi những con người xa lạ, những cảnh vật thần tiên và hoang dại kia!...

• Một lúc sau

Bác sĩ Van Helsing quay về với một chiếc xe và vài chú ngựa. Ngoài ra ông còn mua thêm một lô chăn dạ và vài chiếc áo lông thú để chuẩn bị cho cái rét thấu xương. Chúng tôi phải ăn uống cho thật no rồi lên đường trong một tiếng đồng hồ nữa. Nhưng ông chủ quán trọ lại bùng ra một rõ thức ăn hỗn tạp như người ta vẫn dành cho những người lính. Giáo sư phải nói nhỏ vào tai tôi rằng trong một tuần nữa, chưa chắc chúng tôi đã tìm được một thứ đồ ăn dễ chịu nào khác, vì vậy phải cố mà ăn.

Một lúc nữa thôi, chúng tôi sẽ lên đường. Người tôi bỗng run lên khi nghĩ đến những gì đang chờ đợi dọc đường đi. Nhưng thực tình mà nói, tôi vẫn tin ở sự che chở của Chúa. Chỉ có Ngài mới biết chuyện gì sẽ xảy ra, nhưng dù thế nào thì tôi cũng cầu mong cho người chồng yêu dấu của

mình được quay trở về bình yên. Ước gì Jonathan hiểu được tình cảm chân thành tôi luôn dành trọn cho chàng tự đáy lòng mình!

Nhật ký của Mina Harker**• Ngày 1 tháng 11**

Chúng tôi phi nước kiệu rờng rã suốt cả ngày. Đàn ngựa dường như cũng hiểu được sự đối đãi tử tế của các chủ nhân nên đã không phụ lòng chúng tôi. Chúng được thay thường xuyên và con nào con nấy đều tỏ ra phục tùng các chủ nhân của mình, khiến chúng tôi cảm thấy mình như đang được động viên, tiếp sức. Dọc đường đi, Van Helsing có vẻ rất kiệm lời, ông chỉ nói với người địa phương rằng chúng tôi đang vội đến Bistritz và đã trả rất hậu để họ đổi ngựa giùm. Chúng tôi chỉ tạm dừng chân để giải khát hoặc ăn uống qua loa rồi lại tiếp tục lên đường ngay. Xứ sở này thật là tuyệt diệu, cảnh vật đẹp như mơ vút tằm mắt. Cả con người ở đây cũng đáng trân trọng: họ can đảm, cường tráng, giản dị và không kém phần nhiệt tình với các vị khách. Nhưng họ cũng là những người rất, rất mê tín. Tới ngôi nhà chúng tôi dừng chân đầu tiên, bà chủ nhà đã làm dấu thánh và giơ hai ngón tay về phía tôi như để tránh một sự xúi quẩy khi trông thấy vết trên trán tôi. Tôi nghĩ thậm chí bà ta còn cố tình bỏ tỏi vào món ăn của tôi cũng vì một mục đích như vậy, mà tôi đâu phải là người chịu được mùi tỏi? Do vậy, tôi thầm nghĩ mình phải rút kinh nghiệm cho những lần sau, không bỏ mũ hoặc khăn voan ra khỏi mặt để khỏi bị kỳ thị.

Chúng tôi vẫn phi thật nhanh về phía trước. Trông giáo sư có vẻ không biết mệt là gì, ông nói ông chẳng cần nghỉ suốt cả ngày cũng không sao, tôi cứ việc đánh một giấc li bì trên xe. Lúc mặt trời lặn, ông lại thôi miên tôi để nắm bắt tin tức. Tôi trả lời như thường lệ: “Tối om, tiếng sóng nước óch ách, tiếng kêu kẻo kẹt của sàn ván”. Vậy là kẻ thù của chúng tôi vẫn đang ở dưới nước. Suy nghĩ về Jonathan bất chợt hiện lên trong đầu khiến tôi không khỏi run, cho dù lúc này tôi chẳng nghi ngờ gì về những đi đầu tai hại

đối với anh và chính mình. Tôi viết những dòng này trong lúc chờ đợi người ta chuẩn bị ngựa xe trong một trang trại. Cuối cùng thì bác sĩ Van Helsing cũng phải ngả lưng một chút, trông ông già sòm hẳn đi và có vẻ đã thấm mệt. Lúc tiếp tục lên đường, tôi sẽ thuyết phục ông để tôi được cầ
m cương, còn ông cứ việc nghỉ cho lại sức. Tôi nói chúng tôi còn hơn một ngày đường nữa nên ông không thể kiệt quệ vào cái lúc cầ
đến sức mạnh nhất.

Tất cả lại sẵn sàng. Chúng tôi tiếp tục thượng lộ.

• *Ngày 2 tháng 11, buổi sáng*

Tôi đã thành công khi thuyết phục ông: chúng tôi đổi ca nhau cầ
m cương suốt đêm. Đã sang một ngày mới, trời sáng nhưng lạnh. Tiết trời nặng nề đến kỳ lạ, tôi nói nặng nề vì không thể tìm được một lời nào chính xác hơn, vì cả hai chúng tôi đều cảm thấy tức thở rất khó tả.

Phải nói trời rất lạnh, nếu không có những chiếc áo lông thú thì không hiểu chúng tôi sẽ đi như thế nào. Lúc rạng đông, Van Helsing tiếp tục thôi miên tôi một lần nữa. Theo ông kể thì tôi đã trả lời: “Tối om, có tiếng sóng gầm, tiếng sà
ván kêu ken két”. Vậy là dòng sông đang có sự thay đổi diện mạo khi chiếc hòm gỗ được đưa ngược dòng chảy nào đó. Hy vọng ch
tôi sẽ không gặp nguy hiểm. Nhưng dẫu sao chúng tôi vẫn đang nằm trong vòng tay che chở của Chúa.

• *Ngày 2 tháng 11, buổi chiều*

Liên tục đi trên đường, thậm chí không nghĩ giải lao. Phong cảnh trải rộng trước mặt, các đỉnh hoành sơn thuộc rặng Carpates ở Veresti lúc này bỗng sừng sững hiện lên xung quanh chúng tôi và dường như đang chắn ngang con đường chúng tôi phải đi. Chúng tôi cố gắng động viên nhau và cũng là để động viên chính mình, không để rơi vào tình trạng bi quan. Giáo sư Van Helsing bảo chúng tôi sẽ tới đèo Borgo vào lúc mặt trời mọc. Vùng này không có nhiều ngựa thay nên ông định sẽ giữ lại những con mới mua để đi tới cùng. Chúng tôi có hai con dự phòng và đó toàn là những chú ngựa nòi có đủ kiên nhẫn đi những đoạn đường dài. Không có trục trặc gì

xảy ra với chúng tôi trên đường đi, đến nỗi tôi cũng có thể dễ dàng cặm cương đi đầu khiến bầy ngựa kéo. Chúng tôi sẽ đến đèo Borgo vào sáng sớm ngày mai và khi đó có thể nghỉ ngơi một chút. Đi đầu gì sẽ đến với chúng tôi ngày mai? Lâu đài ma quái mà người chồng yêu dấu của tôi từng hứng chịu bao đi đầu khủng khiếp đang tới gần. Cầu Chúa cho chúng tôi đi đúng hướng? Cầu Chúa hãy để mắt tới chúng tôi và tất cả những người bạn mà tôi yêu mến, những người đang đối mặt với một hiểm họa đang lơ lửng trên đầu? Còn tôi, sẽ không hề gì nếu Người không che chở cho tôi. Lạy Chúa! Con là một kẻ dơ bẩn trong mắt Người và còn dơ bẩn cho tới khi Người cho phép con được đứng trước Người như những người bạn trung thực của con.

Ghi chép của Abraham Van Helsing

• Ngày 4 tháng 11

Tôi viết những dòng nhắn nhủ này dành cho người bạn chung thủy John Seward, bác sĩ vùng Purfleet, Luân Đôn, đề phòng trường hợp không còn được gặp lại anh nữa. Trời đã sáng rồi, tôi viết gần ngọn lửa khêu suốt đêm thâu nhờ bàn tay của Mina. Trời lạnh, lạnh lắm, lạnh đến nỗi bầu trời xám xịt lại vì những bông tuyết đầu đông. Khi rơi xuống, những bông tuyết ấy sẽ ngụy trang đèo Borgo trong suốt mùa đông ảm đạm. Mina dường như cũng tê tái vì giá rét. Cái băng giá đã biến cô thành một con người hoàn toàn khác. Cô ngủ, ngủ và ngủ. Bình thường cô linh hoạt là thế, vậy mà cả ngày hôm qua cô chẳng làm việc gì cả. Ngay cả ăn cũng không ngon miệng. Và cũng không thấy cô động đến cuốn sổ nhỏ mà cô luôn mang theo mình để có thể ghi chép mỗi khi nghỉ dọc đường. Tôi cảm thấy bên tai luôn vắng vắng một đi đầu gì đó không bình thường. Tuy nhiên, chiều hôm qua, cô đã phần nào lấy lại được sự lanh lợi vốn có của mình. Giấc ngủ dài trong ngày dường như đã làm cô đỡ mệt và khiến cô trở nên vui vẻ và đáng mến như mọi khi. Lúc hoàng hôn buông xuống chân đèo, tôi định thôi miên

cô xem có đi đâu gì mới mẻ, nhưng trời ạ, tôi cố mãi mà chẳng có kết quả gì. Khả năng của tôi đang giảm đi từng ngày và chỉ đến tối nay, tôi đã thất bại hoàn toàn.

Bây giờ tôi xin kể tiếp những sự việc tiếp theo. Mina không còn dùng phép tốc ký để viết nhật ký, vì vậy tôi phải viết đỡ cho cô, dù không thạo việc này lắm, để những ngày trôi qua không bị đi vào lãng quên.

Chúng tôi đến đèo Borgo vào bình minh ngày hôm qua. Vừa nhìn thấy ánh rạng đông, tôi lập tức dừng xe bảo Mina chuẩn bị thôi miên. Tôi lấy những chiếc áo lông thú làm tạm một chiếc giường: Mina sẽ nằm trên đó để nhập đờng, nhưng quả thực lần này tôi cũng rất vất vả. Câu trả lời vẫn không có gì mới: “Tối om, nước xoáy”. Chỉ nói đến đây là cô bừng tỉnh, nét mặt có vẻ vui và rạng rỡ hẳn lên. Chúng tôi tiếp tục lên đường và chẳng bao lâu đã vượt qua đèo. Sự nhiệt tình đã biến cô thành một người thật hăng hái. Rõ ràng có một sức mạnh mới soi đường chỉ lối cho cô, bởi tôi thấy cô bỗng chỉ tay về phía con đường trước mặt và bảo:

— Đúng là con đường kia rồi.

— Làm sao bà biết?

— Cũng tự nhiên thôi.

Cô im lặng một lát rồi nói tiếp:

— Anh Jonathan của tôi đã chẳng qua đó rồi sao? Anh chẳng viết như vậy trong nhật ký là gì?

Lúc đầu tôi thấy cũng lạ, nhưng rồi cũng kịp định thần lại vì thực ra ở đây chỉ có duy nhất một con đường liên xứ kiểu này. Có vẻ như đây là một con đường rất ít người qua lại, khác hẳn với đường từ Bukovine tới Bistritza vốn rộng hơn, được rải sỏi đá và không ngớt bóng người. Chúng tôi đi theo con đường Mina vừa chỉ. Khi bắt gặp những lối đi khác, chúng tôi bỗng tỏ ra nghi ngờ. Có đúng là những con đường này không? Tôi không dám chắc, bởi tất cả đều lổn nhổn và ít nhiều vương vãi tuyết rơi. Đàn ngựa của chúng tôi đã dấn bước vào và chỉ có chúng cặm cũi trên đường mà thôi. Tôi thả cương mặc chúng phi nước kiệu. Chúng tôi dần

nhận ra tất cả những gì Jonathan đã tả lại trong cuốn nhật ký đáng nể của anh. Đàn ngựa tiếp tục gõ móng đầu đầu trên những nẻo đường tưởng chừng như kéo dài đến vô tận. Lúc đầu, tôi phải bắt Mina nằm ngủ. Cô đã cố gắng và cuối cùng thì cũng chìm vào giấc ngủ. Cô ngủ suốt, ngủ say đến nỗi tôi phát hoảng và phải đánh thức cô dậy. Nhưng cô vẫn ngủ như không có chuyện gì xảy ra. Tôi không dám gọi giật cục thô bạo vì biết cô đã chịu đựng quá nhiều và nói cho cùng thì giấc ngủ chán chê hẳn sẽ làm cô thấy khỏe hơn. Tự nhiên tôi thấy mình như một kẻ có lỗi với cô. Bởi vậy, tôi lại rón rén trở về thế ngẩng cần cương thúc ngựa đi nhanh hơn. Mina vẫn ngủ.

Ánh chiếu tà dần buông, để đọng trên những bông tuyết một ánh vàng như mỡ gà và những cái bóng dài nghêu của chúng tôi trên các sườn núi dựng đứng. Xe chúng tôi lên cao dần, cao dần, giữa một khung cảnh hoang vu, heo hút, lởm chởm nhấp nhô, như thể đang lên tận cùng của thế giới vậy!

Đó cũng chính là lúc tôi đánh thức Mina dậy chẳng mấy khó khăn, nhưng chỉ có điều tôi không còn dễ dàng thôi miên được cô. Cô không những không nhập đờng mà còn xử sự như không có tôi tồn tại trên đời này. Tôi cố mãi, cố mãi và cuối cùng thì cả tôi và cô cũng chìm vào bóng tối. Tôi sực nhận thấy mặt trời đã chìm khuất sau các dãy núi. Mina chợt bật cười khiến tôi phải quay lại nhìn. Cô vẫn hoàn toàn tỉnh táo. Tôi ngạc nhiên, cảm thấy một điều gì đó không ổn. Tôi đứng dậy lấy củi dự trữ trên xe và tìm chỗ đốt lên một đống lửa. Cô chuẩn bị bữa tối trong khi tôi tháo ngựa cho chúng ăn. Khi tôi quay trở lại bên đống lửa, bữa ăn đã được chuẩn bị xong. Tôi định dọn cho Mina, nhưng cô mỉm cười và bảo rằng cô đã ăn rồi, vì đói quá nên không chờ tôi được. Tôi cảm thấy không vui, trong lòng nghi cô nói dối nhưng không đả động gì vì sợ làm cô động lòng. Tôi ngẩng ăn một mình cho xong chuyện, rồi quay lại xe lấy áo lông khoác lên người và ngồi bên đống lửa. Tôi bảo Mina ngủ trước, để tôi thức trông nom mọi chuyện. Nhưng thực ra tôi đã thức rất nhiều, và khi sực nhớ ra

đi đâu này, tôi quay phắt sang nhìn cô: cô đang nằm dài trong chiếc áo lông thú tôi vừa mang đến, mắt vẫn mở thao thao nhìn tôi. Ánh mắt ấy sao mà long lanh thế! Tôi cứ ngỡ vậy và chỉ chớp mắt được một lúc khi trời đã tảng sáng. Tôi định quay sang thôi miên một lần nữa, nhưng kìa! Dường như cô vẫn thức thì phải. Mặt trời lên cao và chỉ tới lúc này cô mới chìm vào giấc ngủ. Dù đã quá muộn, nhưng cô vẫn cứ ngủ li bì và nặng nề đến nỗi tôi không có cách gì để gọi cô dậy. Cuối cùng, tôi phải bế cô đặt lên xe sau khi đã đóng cương xong cho đàn ngựa. Mina vẫn ngủ. Trông cô có vẻ hờn hào hẩn lên. Hiện tượng ấy không mách bảo tôi một điều gì tốt đẹp cả. Tôi sợ, sợ và sợ. Tôi sợ tất cả, sợ cả ý nghĩ nữa. Nhưng dù sao tôi vẫn phải đi tới cùng. Ván bài chính là canh bạc giữa sự sống và cái chết, hoặc có thể còn hơn thế nữa. Chúng tôi không thể lùi bước được nữa rồi.

• *Ngày 5 tháng 11*

Có lẽ tôi phải kể lại chính xác từng chi tiết mới được!

Bởi vì mặc dù tôi và anh đầu cùng tận mắt trông thấy nhiều điều kỳ lạ, nhưng anh vẫn có thể đi từ suy nghĩ của tôi để mà kết luận rằng có biết bao nhiêu điều khủng khiếp và tình trạng căng thẳng thần kinh kéo dài đầu đã chấm dứt bởi sự điên rồ trong đầu óc tôi.

Chúng tôi vẫn đi rờn rã suốt cả ngày đông và đang tiến gần đến những đỉnh núi chắn ngang một xứ sở càng lúc càng trở nên hoang vu và man rợ trước mắt kẻ đi đường. Tôi không thể kể xiết bao hang cùng hốc thẳm nằm cam lạng xen với những thác nước chảy ào ào như thể thiên nhiên thỉnh thoảng lại chơi trò hóa trang trước *Mùa chay* của riêng mình. Mina vẫn chìm sâu trong giấc ngủ.

Thấy đói cồn cào, tôi phải ngỡ ăn một mình vì không sao đánh thức được cô để chia sẻ bữa ăn. Tôi bỗng đâm lo. “Nếu cô ấy cứ ngủ li bì suốt cả ngày - tôi nghĩ bụng - thì có lẽ tôi sẽ phải ngủ suốt cả đêm mất thôi.” Chúng tôi đang đi trên một con đường xấu, được làm thô thiển đại khái theo kiểu cũ. Dù rất cố gắng, song tôi vẫn gục đầu ngủ gà ngủ gật. Khi tôi choàng tỉnh dậy với một cảm giác có lỗi trong lòng thì Mina vẫn ngủ. Mặt

trời đã ngã hẳn sang chiều rồi. Nhưng tất cả đều đã thay đổi. Những đỉnh núi đáng ngờ dường như đã xa hơn và chúng tôi đang ở gần một ngọn đồi dốc đứng, trên đó mọc lên một lâu đài cổ kính u tịch, giống như lâu đài Jonathan đã kể trong nhật ký của anh. Niềm vui và nỗi lo gần như quăn lầy tôi cùng một lúc, bởi bây giờ, dù tốt đẹp hay tồi tệ thì đoạn kết cũng đang đến gần. Tôi gọi Mina dậy để thử thôi miên một lần nữa, nhưng kết quả vẫn là sự thất bại. Bóng tối bắt đầu đổ ập xuống bao trùm mọi nẻo đường heo hút, tôi tháo dây cương dắt đàn ngựa ra một chỗ kín gió cho chúng ăn, và đốt lên một đống lửa để Mina có thể ngồi sưởi ấm trong chiếc áo choàng lông.

Trông cô tỉnh như sáo và hồng hào, xinh tươi hơn bao giờ hết. Tôi lo mọ chuẩn bị bữa tối, nhưng cô không chịu ăn với lý do đơn giản là không cảm thấy đói. Tôi không nài nỉ vì biết có làm vậy cũng vô ích. Về phần mình, tôi phải ăn, bởi tôi cần có sức chuẩn bị đương đầu với mọi thử thách nguy hiểm. Để đề phòng đi đâu bất trắc có thể xảy ra, tôi ngồi bật dậy vẽ một vòng tròn mà tâm điểm là chỗ Mina đang ngồi, rồi tôi bóp vụn những miếng bánh thánh ra thành những hạt mịn như bột và rắc đều lên vòng tròn sao cho chỗ nào cũng được bảo vệ thật chắc chắn. Trong suốt thời gian đó, Mina chỉ ngồi lặng câm như một xác chết, sắc mặt cô càng lúc càng chuyển thành một màu tái dại, nhợt nhạt như ánh tuyết về đêm. Nhưng khi tôi bước lại gần, cô bỗng bám chặt lấy tôi. Tôi có cảm giác người cô đang run lên bần bật. Cuối cùng, đợi đến khi cô bình thường trở lại, tôi mới dám hỏi:

— Bà không muốn xích lại gần đống lửa thêm một chút?

Thực ra, tôi định thử xem cô có thể làm được đi đâu đó không. Cô ngoan ngoãn đứng dậy nhưng vừa bước được một bước đã thấy cô khựng lại như đang bị xích chân.

— Tại sao không bước nữa đi? - Tôi gắng hỏi.

Cô lắc đầu và quay vòng rồi đứng chỗ vừa ngồi, hai mắt mở to nhìn tôi hệt như ánh mắt của một người đang ngủ say thì bị gọi giật dậy.

— Tôi không thể! - Cô trả lời ngắn gọn rồi cầm bật.

Nhưng tôi lại thấy vui, bởi tôi hiểu cái không thể đó của cô, bất cứ những gì tôi nghĩ ngờ đâu không còn là chính bản chất của nó nữa.

Nhưng những tiếng hí bất ngờ vang lên thành một chuỗi dài của đàn ngựa đã buộc tôi phải nghĩ khác. Tôi giật thót người trước khi kịp nghĩ phải đến gần vớ về chúng. Cảm thấy có người đến gần, chúng lập tức liếm nhẹ lên bàn tay tôi nhưng vẫn không quên hí thêm một tràng trước khi im lặng trở lại. Nhưng chỉ được một lúc, chúng lại hí ầm lên không ngớt. Tôi phải rất nhiều lần đến vớ về chúng trong đêm, trước cái thời khắc lạnh giá mà nhịp đập của đất trời rơi xuống độ yếu nhất. Vào thời điểm lạnh nhất ấy, đông lửa bắt đầu tàn, khiến tôi không thể không khơi thêm một lần, bởi tuyết bắt đầu rơi dày đặc giữa màn sương mù lạnh buốt sương. Dù trời tối, song tôi vẫn loáng thoáng nhìn được xung quanh. Nhưng cơn lốc tuyết và sương mù dường như đang tạo nên hình hài những bóng đàn bà thấp thoáng trong tà áo trắng bồng bênh quét đất. Tất cả toát lên một âm hưởng của chết chóc, sầu bi và im ắng đến ghê người. Đàn ngựa lại hí dài thê thảm như chờ đợi một điều tồi tệ nhất sắp xảy ra. Tôi rung mình ớn lạnh trong tâm trạng lo sợ mơ hồ, cho tới khi sức nhớ ra vòng tròn an toàn mình vừa vẽ. Tôi bắt đầu nghĩ rằng mọi ảo ảnh đều là do bóng đêm, sự khiếp nhược, nỗi mỗi một dai dẳng của chính tôi mà ra. Chẳng lẽ hồi ức về tất cả những điều khủng khiếp mà Jonathan từng trải qua đã biến tôi thành một kẻ tâm thần rồi sao? Vâng, sương tuyết mù mịt, quay cuồng điên đảo cho tới khi làm tôi nhận ra bóng những ả đàn bà mặc bộ đồ trắng toát chập chờn, lờn vờn như sắp sửa lao tới vồ lấy tôi. Đàn ngựa co rúm lại và thỉnh thoảng lại rít lên lí nhí trong họng vì khiếp sợ, giống như cử chỉ của con người vậy. Tôi chợt thấy lo cho Mina, khi những bộ mặt kỳ quái bắt đầu chập chờn đến gần chúng tôi, nhưng cô vẫn ngẩng thẳng nhiên và cười với tôi như không có chuyện gì xảy ra. Lúc tôi đứng dậy định bước ra khêu lại đông lửa, cô chợt níu tôi lại:

— Dừng, dừng, đừng bước ra khỏi vòng tròn. Ngài chỉ có thể an toàn nếu còn ở trong này! - Cô nói, giọng nghe yếu ớt, mơ hồ như vọng về từ cõi xa xăm.

Tôi quay lại nhìn thẳng vào mắt cô:

— Thế còn bà? Chính bà làm tôi sợ đấy!

Nghe vậy, cô bật cười, một nụ cười nhỏ nhẹ nhưng cũng siêu thực như giọng nói của cô.

— Sợ vì tôi? Tại sao chứ? Không ai trên thế gian này che chở cho những kẻ bị săn đuổi an toàn hơn tôi đâu, thưa ngài.

Tôi định hỏi ý cô nói là thế nào thì có một trận gió lớn bất ngờ thổi mạnh tới làm bùng lên ngọn lửa đang sắp tàn. Chỉ tới lúc này tôi mới để ý tới vết sẹo đỏ hồng trên trán cô. Chúa ơi! Vậy là đã rõ ràng đối với tôi. Tôi chợt hiểu tất cả, bởi những bộ mặt quay cuồng chập chờn của sương tuyết đang tiến lại rất gần nhưng dường như đều khựng lại trước *Vòng tròn thiêng* của tôi. Rồi chúng hiện hình ngay trước mắt tôi nếu như không phải là Chúa đã lấy mất lý trí của tôi - bằng xương bằng thịt; đó chính là ba ả đàn bà mà Jonathan đã từng giáp mặt trong lâu đài khi chúng sấn đến vượt ve mơn trớn và hôn vào cổ anh hôm nào.

Tôi nhận ra những thân hình tròn lẳn, lắc lư kêu gọi, những ánh mắt lúng liếng ác nghiệt, những hàm răng trắng và làn da hồng hào căng mọng, rồi những làn môi đỏ chót đầy ham muốn khoái lạc. Chúng cười ngây ngô nhìn Mina, tiếng cười xuyên thủng cái đêm lạnh của đêm đen. Chúng quấn chặt lấy nhau, tay chỉ thẳng vào cô và nói một tràng dài, giọng trong và nhỏ nhẹ như giọng pha lê, đúng như những gì Jonathan đã tả trong nhật ký.

— Lại đây với chúng ta đi, người em bé nhỏ, lại đây đi nào, lại đây!

Tôi bần rùn quay lại nhìn Mina, nhưng trong lòng lại cảm thấy vui như được nhìn thấy ánh lửa. Bởi ánh mắt sợ sệt cảm giác ghê tởm và sự khiếp đảm của cô cho tôi biết rằng tôi vẫn có thể tràn trề hy vọng. Đơn giản là cô vẫn chưa trở thành một kẻ đồng bọn của những ả đàn bà đó. Tôi cần mấy thanh củi gần mình và chìa ra một chiếc bánh thánh rồi lừ lừ tiến lại gần

chúng. Chúng lập tức lùi lại, nhưng vẫn không quên buông những tiếng cười lạnh lạnh ghê người. Tôi tiếp tục nhóm lửa song không còn sợ hãi nữa, vì tôi hiểu chúng tôi sẽ không hề hấn gì nếu không thò ra ngoài thành lũy vô hình của mình. Và với một thứ vũ khí như tôi đang có, mấy ả đàn bà kia sẽ không thể tiến lại gần tôi và cả Mina. Và lại, khi còn ng ồi trong *Vòng tròn thiêng*, cô sẽ không thể bước ra ngoài giống như chúng không thể lọt vào trong. Đàn ngựa thôi không còn hí và gõ móng điên loạn, chúng nằm phủ phục xuống đất hết lượt, mặc cho những bông tuyết rơi rơi hoài lên người, khiến chúng chẳng khác nào những mỏm núi tuyết con con. Tôi hiểu chúng đã không còn khiếp sợ những bóng hình ma quái nữa.

Chúng tôi cứ ng ồi yên một chỗ cho tới khi nhận ra những ánh hào quang h ồng tươi của mặt trời xuyên thủng cái màu u bu ồn của tuyết trắng. Cả đêm qua, tôi đã sống trong tâm trạng trĩu nặng lo lắng, ưu phi ền và khiếp sợ, Nhưng cuộc sống đã thực sự trở lại trong tôi khi những tia nắng mặt trời bùng lên phía chân trời. Ngay sau khi mặt trời ló rạng, những tà ma lẫn khuất đâu đây lập tức tan biến theo những trận lốc xoáy tuyết và sương mù. Những cái bóng chập chờn, trong suốt dần dần bị cuốn về hướng tòa lâu đài cổ và mất hút trong đó.

Như một bản năng, tôi quay lại nhìn Mina, định bảo cô chuẩn bị thôi miên thử một lần nữa xem sao. Nhưng cô đã chìm vào giấc ngủ lịm từ khi nào chẳng hay. Biết là không thể đánh thức cô dậy, tôi thử li ều thôi miên ngay cả trong lúc cô ngủ. Nhưng không thấy cô trả lời câu nào. Tôi lặng lẽ đi chuẩn bị xe ngựa để tiếp tục lên đường, nhưng lạ Chúa, cảnh tượng trước mặt khiến tôi muốn rụng rời chân tay: đàn ngựa của chúng tôi đã chết cứng từ lúc nào. Tôi hiểu một ngày mới sẽ mang đến cho tôi bao đi ầu cực nhọc. Tôi sẽ đợi cho tới khi mặt trời lên thật cao, bởi chỉ khi đó, dẫu có tuyết rơi, sương sa mù mịt, tôi mới yên tâm đến những nơi tôi phải đặt chân đến. Bữa trưa sẽ mang lại sức mạnh cho tôi trước khi bắt tay vào một thử thách khó khăn. Mina vẫn đang chìm trong giấc ngủ yên bình. Cầu Chúa ban phước lành cho cô.

Nhật ký của Jonathan Harker

• *Ngày 4 tháng 11, buổi tối*

Tai nạn xảy ra trên sông quả là một bất ngờ khủng khiếp đối với chúng tôi. Nếu không, chúng tôi đã có thể đuổi kịp con tàu từ lâu và khi đó, chắc hẳn Mina đã được giải phóng rồi. Tôi chỉ dám nghĩ cô đang băng qua những mảnh rừng mọc ven cái nơi đáng sợ ấy. Chúng tôi đã tìm được ngựa và đang trên đường lần theo các dấu vết của quý dữ. Tôi tranh thủ viết những dòng này trong lúc Godalming đang cặm cụi sửa soạn. Chúng tôi có mang theo vũ khí. Nếu muốn gây lộn với chúng tôi thì đám người Digan hãy coi chừng. Ôi, giả như Morris và Seward có mặt ở đây với chúng tôi thì hay biết bao? Nhưng dù sao chúng tôi cũng phải biết hy vọng. Và nếu như anh không còn dịp nào để viết nữa, thì Mina ơi, anh xin được vĩnh biệt em! Chúa sẽ ban phước lành và che chở cho em!

Nhật ký của bác sĩ Seward

• *Ngày 5 tháng 11*

Ánh bình minh giúp chúng tôi nhận ra đám người Digan đang hối hả rời xa dòng sông cùng với một chiếc xe kéo. Tuyết rơi nhẹ và không khí bỗng có sức kích động đến lạ kỳ. Có thể chỉ là cảm giác chủ quan, nhưng sự nhụt chí của chúng tôi dường như lại bắt nguồn từ một cái gì đó không bình thường. Tôi nghe rõ những tiếng hú dài thê thảm của bầy sói vọng tới từ một nơi xa xa, tuyết rơi đây đang xua chúng chạy giạt xuống núi để đe dọa chúng tôi từ mọi phía. Bầy ngựa đã sẵn sàng cùng chúng tôi dấn thân vào một chặng đường đầy trắc trở. Và ở cuối chặng đường ấy, có thể sẽ có người trong chúng tôi phải nằm lại mãi mãi. Chúa mới biết người đó là ai, ở đâu, khi nào và như thế nào...

Ghi chép của Van Helsing

• Ngày 5 tháng 11, buổi chiều

Ít nhất thì tôi cũng còn lành lặn và phải cảm ơn Chúa, cho dù sự thực diễn ra trước mắt thực là khủng khiếp. Để Mina ngủ yên trong *Vòng tròn thiêng*, tôi lò dò tiến về phía lầu đài. Lúc tới Veresti, tôi đã mua một chiếc búa rèn và quăng vào trong xe. Tôi vừa đặt chân đến lầu đài.

Mọi cánh cửa đều mở, nhưng tôi phải cẩn thận nhấc từng cánh ra khỏi những chiếc bản lề gỉ nhoe vì sợ có sự cố hoặc âm mưu nào đó sẽ bất ngờ đóng sập chúng lại, chặn lối thoát ra ngoài của tôi. Tôi học được đi đâu đó qua cái thực tế phũ phàng của Jonathan. Những trang nhật ký cay đắng của anh giúp tôi tìm ra lối đi dẫn đến nhà thờ cổ, nơi tôi biết nhiệm vụ đang chờ đợi mình. Không khí ngột ngạt khiến tôi chóng mặt, như thể vừa chui vào một luồng khói lưu huỳnh.

Không hiểu tôi bị ù tai hay tiếng rên hú của bầy sói vọng về từ một nơi xa? Tôi bỗng giật mình lo sợ khi nghĩ tới Mina: tôi đang rơi vào một tình thế tiến thoái lưỡng nan. Tôi không dám dẫn cô cùng tới đây vì nghĩ *Vòng tròn thiêng* sẽ giúp cô khỏi rơi vào nanh vuốt của “*ma cà rồng*”. Nhưng còn bầy sói? Tôi quả quyết rằng nhiệm vụ của mình phải ở đây, trong tòa lầu đài u tối này; còn lũ sói, chúng tôi sẽ phải gánh chịu nếu đó là ý Chúa! Dù theo cách nào thì cũng phải chọn giữa cái chết và sự tự do, và tôi là người lựa chọn cho người bạn trẻ của mình. Còn với bản thân, tôi thấy chẳng có gì là khó khăn cả: nơi chui rúc của “*ma cà rồng*” đối với tôi còn tệ hơn là mồm chó sói. Vì vậy, tôi vẫn tiếp tục công việc của mình.

Tôi biết mình cần phải phát hiện ra ít nhất là ba năm mồm - ba năm mồm có người nằm. Vì thế, nhiệm vụ đầu tiên là phải xục xạo, xục xạo, cho tới khi phát hiện ra một ả đang nằm ườn trong giấc ngủ của “*ma cà rồng*”, thân xác tràn đầy nhựa sống và toát lên một vẻ đẹp nhục dục khiến tôi rùng mình như tưởng mình sắp phạm tội đến nơi. Thế đấy! Tôi dám chắc rằng nếu rơi vào tình cảnh như tôi, thế nào cũng có kẻ rạo rục trong lòng để rồi đánh mất cả lý trí của một người đàn ông. Anh ta sẽ chần chừ, chần chừ,

chần chừ cho tới khi bị cái sắc đẹp quyến rũ đầy ma lực của ả đàn bà kia hút hết hồn; rồi anh ta sẽ chờ đợi, chờ đợi, chờ đợi cho tới khi ông mặt trời chìm vào giấc ngủ và thế là bóng ma tỉnh dậy. Người đàn bà trẻ đẹp sẽ mở to đôi mắt chan chứa khát vọng yêu đương, đôi môi mọng đỏ nhục dục sẽ đặt vào đầu đó trên cơ thể anh ta một nụ hôn mê mẩn, và thế là gã đàn ông trong anh ta sẽ biến mất dần. Vậy là thêm một nạn nhân trở thành kẻ đồng lõa của quỷ dữ, thêm một kẻ trong đội quân hắc ám đáng sợ của những *kẻ bất tử*!...

Vâng, tôi như bị mê hoặc bởi những người đàn bà đang nằm dài trong một ngôi mộ bị ố bẩn bởi bụi thời gian qua nhiều thế kỷ, bất chấp cái mùi xú uế tỏa ra từ khắp mọi nơi trong sào huyệt của lão bá tước. Vâng, tôi, Van Helsing, đang bị kích thích hưng phấn, mặc dù đã quyết định ra tay với sự căm thù đang trào lên trong lòng và bị ám ảnh bởi một ham muốn kéo dài hành động của mình, khiến cho mọi khả năng chiến đấu trong lòng hoàn toàn bị tê liệt. Tôi chìm vào một cơn buồn ngủ, mơ màng bởi sự quyến rũ mê hồn của ả đàn bà, nhưng rồi lại giật mình choàng tỉnh bởi một tiếng kêu rên xiết thê lương trong bầu không khí tĩnh lặng như một hồi kèn đưa đám. Tiếng kêu ấy chính là của Mina. Tôi gồng mình kết thúc nhiệm vụ tìm kiếm đầu tiên của mình. Trong lúc vẫn mấy tảng đá sang một bên, tôi phát hiện ra ả đàn bà thứ hai, cũng có mái tóc sẫm màu như ả đầu tiên. Tôi không dám chần chừ đứng ngẩn vì sợ cái cảm giác nao lòng nhụt chí hồi nãy. Cuộc tìm kiếm được tiếp tục cho tới khi tôi tìm ra dưới một ngôi mộ rộng, cao, dường như được dành cho một kẻ rất được lão bá tước yêu quý - đó chính là ả đàn bà tóc vàng mà tôi, sau Jonathan, đã có lần được gặp tận mắt trong màn sương mù. Trông ả đẹp, hấp dẫn và gợi dục đến nỗi bản năng sâu thẳm của thằng đàn ông đã khơi dậy trong tôi một tình cảm muốn bảo vệ cho một người khác giới tính và một cảm xúc thật khó tả. Nhưng ơn Chúa, tiếng kêu tựa hồ như sự đau đớn của Mina còn vang mãi bên tai tôi và trước khi bị cái bùa ngải sắc đẹp của ả đàn bà kia làm u mê chờ đợi, tôi đã kịp hoàn hồn để thực hiện cái công việc ghê gớm của mình.

Tôi có cảm giác mình đã tìm hết các ngôi mộ trong nhà thờ cổ và có lẽ chẳng còn một chỗ nào như vậy nữa. Nhưng không, vẫn còn một ngôi mộ nữa, lớn hơn, uy nghi và có vẻ quý tộc hơn những ngôi mộ tôi đã gặp trước đó, được khắc gọn lỏn một cái tên: *DRACULA*

Đó chính là nơi cuối cùng “*Vua ma cà rồng*” che giấu cái sự bất tử của lão. Sự trống rỗng bên trong ngôi mộ chứng tỏ điều tôi đã biết. Trước khi bắt tay vào việc đưa những ả đàn bà kia về với cái tôi quá cố của chúng, tôi cẩn thận đặt vào trong ngôi mộ của Dracula những mẫu bánh thánh để vĩnh viễn đẩy lão ra khỏi chốn an toàn này. Tôi phải bắt đầu cái nhiệm vụ khủng khiếp như vậy trước khi rút lui. Nếu chỉ có một cái xác để ra tay thôi thì chẳng có gì khó khăn lắm. Nhưng đằng này lại có tới những ba thầy ma! Như vậy, tôi sẽ phải lặp lại từ đầu công việc đến hai lần nữa! Bởi đối với tôi, nếu như công việc hành hình đó thật là đáng sợ khi phải đứng trước Lucy, thì cảm giác sẽ khủng khiếp đến mức nào khi phải đứng trước ba kẻ xa lạ đã sống qua nhiều thế kỷ, với sức mạnh ngày càng ghê gớm nhờ dòng chảy của thời gian và nhờ đó mà bảo vệ được cuộc đời phi lý của chúng.

— Thế đấy, anh bạn John ạ! Liệu đó có phải công việc của một tên đờ đẫn không nhỉ? Nếu không cương quyết nhờ ý nghĩ về một cái chết đích thực, và một cuộc đời bị đặt trong một gọng kìm khủng khiếp như vậy, thì có lẽ tôi sẽ chẳng bao giờ dám đi tới cùng. Tôi vẫn còn run, nhưng cho tới khi kết thúc toàn bộ công việc, cầu Chúa hãy cho tôi trở lại với chính mình! Tôi trở lại với ả đàn bà đầu tiên và chợt có cảm giác vừa được chứng kiến sự mãn nguyện vừa thoáng hiện trên nét mặt ả ngay trước lúc được siêu thoát, như muốn thừa nhận rằng linh hồn ả đã hoàn toàn bị chinh phục: nếu không có cảm giác như vậy, chắc chắn tôi chẳng dám làm cái công việc của một tên đờ đẫn. Tôi không thể chịu đựng nổi cái âm thanh dựng tóc gáy khi đóng nắp mũi cọc vào thân xác người con gái. Tôi khiếp sợ đến nỗi bỏ dở cả công việc. Nhưng cuối cùng thì mọi chuyện cũng kết thúc! Bây giờ thì tôi đã có thể khóc than cho những tâm hồn khốn nạn kia, những kẻ đã có

thể an lành trong giấc ngủ mãn nguyện của một cái chết thật sự, cho dù cái khoảnh khắc an lành ấy chỉ kịp thoáng qua trước mặt tôi trong tích tắc trước khi biến thành cát bụi để trở về với quá khứ, tưởng như những cái chết bị kìm hãm bao thế kỷ nay cuối cùng cũng khẳng định được cái quyền chính đáng của chúng mà nói to lên rằng: “*Tôi đây*”.

Trước khi rời khỏi lâu đài, tôi phải đảm bảo phong tỏa bằng hết các lối đi để lão bá tước không bao giờ vào mà bất tử được nữa.

Một lát sau khi tôi trở về *Vòng tròn thiêng*, nơi Mina đang chìm trong giấc ngủ, cô chợt bừng tỉnh nhìn tôi.

— Lại đây đi, - Cô bảo tôi, giọng đau đớn khiến tôi không thể c ần lòng - chúng ta sẽ cùng nhau rời khỏi cái nơi đáng sợ này. C ần phải tới gặp nhà tôi. Tôi biết anh ấy đang hướng về phía chúng ta mà.

Trông cô g ầy rộc, nước da xanh mét, ti ều tụy hẳn đi, chỉ còn đôi mắt là vẫn trong sáng long lanh. Tôi cảm thấy vui khi nhận ra cái xanh xao và nỗi ưu phiền của cô, bởi chỉ mới đây thôi, tôi còn bị ám ảnh bởi nỗi ghê sợ giấc ngủ li bì của “*ma cà rồng*” trong cô.

Vậy là trong tâm trạng ngập tràn niềm tin và hy vọng, nhưng cũng không kém phần lo lắng, chúng tôi cùng nhau đi về phía đông để tìm gặp những người bạn của mình và cả anh ấy, người sẽ tới gặp chúng tôi theo như Mina đã khẳng định.

Nhật ký của Mina Harker

• Ngày 6 tháng 11

Buổi chiều tàn dần khi tôi và Van Helsing cùng nhau đi về phía đông, nơi tôi biết Jonathan cũng đang đi ngược lại phía chúng tôi.

Chúng tôi không thể đi nhanh, mặc dù đang bước xuống dốc đ ấ, bởi chúng tôi còn phải mang theo những chiếc áo lông khá c ồng k ềnh đ ề phòng cái lạnh và tuyết rơi khi phải nghỉ lại dọc đường. Chúng tôi cũng phải gùi theo một phần đồ dự trữ. Quả thực là chúng tôi đang rơi vào tình

trạng đơn độc và trong chùng mực còn sức xuyên qua bức màn tuyết, có lẽ chúng tôi sẽ khó có thể tìm được một chỗ trú ẩn. Chưa đi nổi một dặm, tôi đã buộc phải ngã phệt xuống đất nghỉ vì đôi chân mỏi rã rời. Phía sau chúng tôi, lâu đài Dracula đang vạch nên những đường nét trắng toát trên chân trời. Chúng tôi đã xuống được một quãng dài mà dường như ngọn đồi mang tòa lâu đài vẫn sừng sững che gần hết rặng Carpathes hoang vu lạnh lẽo. Chỉ đến lúc này chúng tôi mới lại để ý tới những tiếng hú dài thê thảm của bầy sói vọng đến từ phía xa xa. Chúng còn ở xa lắm, nhưng những tiếng hú man rợ kia, dù đã bị những bông tuyết rơi rơi chi chít chặn bớt lại, vẫn vọng đến như muốn hăm dọa những kẻ bộ hành đơn chiếc trên đường dài. Nhìn giáo sư Van Helsing vừa đi vừa ngó nghiêng, tôi hiểu ông đang định tìm kiếm một điểm trú ẩn nào đó có thể giúp chúng tôi ít bị phơi lưng ra nhất trước một cuộc tấn công. Chúng tôi vẫn nhận ra con đường gập ghềnh chạy dài hút hồn mắt, dù dưới kia tuyết đã rơi đầy.

Được một lúc, giáo sư ra hiệu cho tôi đứng dậy bước lại chỗ ông. Ông vừa tìm được một chỗ khá lý tưởng, một hang đá có lối vào giống như một tiều sảnh nằm giữa hai đầu mút hang. Ông đưa tay kéo tôi vào.

— Thử nhìn xem, có thể ở đây bà sẽ được an toàn đấy. - Ông bảo. - Nếu đàn sói mò đến, tôi hoàn toàn có thể hạ từng con một cho bà xem.

Rồi ông quay ra lấy mấy chiếc áo lông thú mang vào dọn cho tôi một cái ổ khá gọn, vừa đủ cho tôi nằm và lấy lương khô ép tôi phải ăn. Nhưng nào tôi có ăn được. Tôi thực chẳng còn thiết gì ngoài việc ngã thở một lúc cho lại hơi, dù rất muốn làm ông hài lòng. Ông có vẻ buồn nhưng không nổi trách tôi nửa lời.

Tôi thấy ông lảng lảng ra đứng trên một mỏm đá, rút ống nhòm nhìn về phía chân trời. Bỗng nhiên, ông reo lên gọi tôi:

— Nhìn kia, bà Mina? Ra đây mà xem này?

Tôi đứng bật dậy, vội vàng bước lại gần ông và cầm lấy chiếc ống nhòm ông vừa đưa cho. Những bông tuyết bắt đầu rơi dày đặc và quay cuồng rối tung bởi những ngọn gió rét mướt đang ào ạt thổi tới. Tuy nhiên,

thỉnh thoảng những trận cuồng phong lại ngừng thổi để lại cho tôi một tầ nhìn khá xa. Từ mỏm đá đang đứng, tôi thấy chân trời rộng mở trước mắt. Tôi có thể nhận ra phía xa xa, bên kia bình nguyên tuyết dày đặc, là một dòng sông chảy dài uốn lượn như một dải lụa mềm. Không xa lắm trước mặt chúng tôi - thực ra là rất gần, gần đến nỗi chúng tôi phải ngạc nhiên khi không nhận ra sớm hơn - là một đám người đang cắm đầu cưỡi ngựa leo dốc. Giữa đám người là một chiếc xe dài, thỉnh thoảng lại chúi về phía trước giống như một con chó bị người ta thúc vào đít mỗi lần đi chệch đường. Nhóm người này hiện rõ trên thảm tuyết trắng, đến nỗi tôi nhận ngay ra đó là những nông dân, hoặc những người Bohemia, nhờ kiểu trang phục khoác trên người họ.

Trên xe chở một chiếc hòm lớn hình khối chữ nhật. Tim tôi như trực nhảy khỏi lồng ngực, bởi cảnh trước mặt làm tôi nghĩ đến đoạn kết của một câu chuyện ma quái liên quan đến chính cuộc đời mình. Chẳng mấy chốc một ngày nữa sẽ lại qua đi, và tôi thừa hiểu rằng ngay sau lúc mặt trời lặn, cái giống đang nằm trong chiếc hòm kia sẽ được đi lại tự do trong một cái lốt phù hợp nào đó để lẩn trốn mọi cuộc săn đuổi. Lo sợ trong lòng, tôi quay lại nhìn giáo sư, nhưng không hiểu ông đã biến đi đâu từ lúc nào, khiến tôi sợ hết vía. Lát sau mới thấy ông trở lại dưới chân tôi, tay rắc những mẩu bánh thánh thành một vòng tròn an toàn xung quanh mỏm đá, giống như vòng tròn đã bảo vệ chúng tôi đêm qua.

Xong việc, ông leo lên ng ồi gần tôi và bảo:

— Ít nhất thì ở đây bà cũng chẳng sợ gì lão.

Ông c ần lại ống nhòm nhìn v ề phía chân trời trước mặt:

— Xem kia, hồi h ả quá nh ỉ, chúng đang thúc ngựa chạy hết khả năng.

Ông lặng im một h ồi r ồi tiếp tục bằng một giọng tr ần ngâm:

— Chúng đang đua tốc độ với mặt trời... Có lẽ chúng ta đã đến quá muộn! Mong sao ý Chúa trở thành hiện thực?

Một trận cuồng phong nữa bất th ần ập đến xóa nhòa đi tất cả, nhưng sự việc này chỉ diễn ra trong một thời gian rất ngắn. Khi bầu trời êm dịu trở

lại, cặp ống nhòm trên tay giáo sư được chĩa xuống phía bình nguyên. Ông chột reo lên:

— Xem kìa! Nhìn dưới kia mà xem! Có hai kỵ sĩ đang từ phía nam tức tốc đuổi theo. Chắc chắn là Quincey và John rưỡi. Bà cần lấy ống nhòm mà xem, nhanh lên, nếu không trời lại nổi cuồng phong bây giờ.

Tôi cần ống nhòm. Quả thực, hai người đàn ông kia hẳn phải là bác sĩ Seward và anh chàng Quincey Morris. Tôi tin là như vậy, bởi không có ai trong hai người mang bóng dáng quen thuộc của Jonathan. Nhưng tôi cũng biết Jonathan không còn xa chúng tôi là mấy. Tôi nhận thấy cách điếm hai kỵ sĩ kia đang đi một chút về phía Bắc, có hai bóng người đàn ông khác cũng đang hối hả thúc ngựa phi nước đại. Tôi nhận ngay ra Jonathan và đương nhiên người còn lại là huân tước Godalming. Họ cũng đang bám đuổi theo chiếc xe và đoàn người hộ tống. Nghe tôi thuật lại, Van Helsing reo to “hoan hô” hân nhiên như một cậu bé học trò và sau khi chăm chú quan sát về phía trước cho đến khi bị một trận gió tuyết mới che khuất tầm mắt, ông cần khẩu Winchester sẵn sàng chiến đấu.

— Tất cả đang tiến về cùng một điếm. - Ông nói. - Sẽ đến lúc chúng ta bao vây bọn người Bohemia kia.

Tôi cũng quờ tìm khẩu súng, bởi trong lúc chúng tôi nói chuyện, tiếng hú của bầy sói đã gần hơn và rùng rợn hơn nhiều. Thêm một lần lặng gió nữa giúp chúng tôi nhìn rõ hơn. Trước mắt chúng tôi là một khung cảnh kỳ diệu và huyền bí, những bông tuyết nặng nề rơi rất gần chúng tôi trong khi ông mặt trời đang tỏa những tia sáng cuối ngày và lặn dần xuống những đỉnh núi xa xa. Cần ống nhòm lia qua lia lại về phía chân trời, tôi nhận ra đó đây là những nhóm hai, ba chấm đen, hoặc nhiều hơn, đang chuyển động trên thảm tuyết trắng: đó chính là đàn sói đói đang lao tới tranh giành những con mồi xa lạ.

Mỗi phút chờ đợi đối với chúng tôi chẳng khác nào một thế kỷ. Gió lạnh gần rít thổi thành những trận cuồng phong dữ dội, giạt dữ xua đuổi những bông tuyết bay ào ạt và chắt chứa thành những dải băng bán nguyệt

kế tiếp nhau. Thỉnh thoảng chúng tôi còn không nhận ra chính cánh tay đang duỗi thẳng của mình; nhưng mỗi khi trời tạnh gió, chúng tôi lại được dịp phóng tầm mắt ra thật xa. Từ rất lâu rồi chúng tôi đã có thói quen quan sát chú ý những thời khắc mặt trời mọc và lặn. Và lần này cũng vậy, mặt trời sẽ lặn mất hút sau rặng núi chỉ trong chốc lát nữa. Không có đồng hồ, chúng tôi chẳng dám tin mình đã đứng chờ ba nhóm người kia gần một tiếng rồi. Gió bắc vẫn thổi mỗi lúc một dữ dội và cấp tập hơn. Nhưng dường như sau những cơn lốc ngắn, tuyết lại thôi rơi và nếu có thì cũng bật ra rất xa chúng tôi. Bây giờ thì chúng tôi đã có thể nhận diện rất rõ từng thành viên của mỗi nhóm, những kẻ săn đuổi và bị săn đuổi.

Hình như đám người Bohemia không nhận ra có kẻ đang tức tốc bám đuổi theo mình, hoặc ít nhất là không hề quan tâm đến điều đó. Tuy nhiên, chúng vẫn hồi hải phi tới phía trước khi ánh mặt trời đang chìm dần xuống các ngọn núi. Trong lúc đoàn người tiến lại gần, tôi và giáo sư Van Helsing lui vào náu mình sau mỏm đá, vũ khí vẫn sẵn sàng trên tay. Rõ ràng ông không muốn để họ đi qua mặt. Có vẻ như không có tên nào nghi ngờ gì về sự có mặt của chúng tôi.

Chợt có giọng hai người cùng thét lên: “Đứng lại?” Tôi nhận ra tiếng của Jonathan, anh hét lạc cả giọng vì một cảm xúc khó tả. Giọng còn lại, cương quyết và bình tĩnh hơn, chính là của Quincey Morris. Mặc dù không hiểu hai người nói gì, đoàn người Bohemia vẫn không thể nhàn lãn cảm xúc hàm chứa trong giọng nói của họ, cho dù đó là một thứ ngôn ngữ xa lạ. Chúng lập tức ghì cương theo bản năng. Ngay lúc đó, huân tước Godalming và Jonathan phóng ngựa tới áp sát một bên, phía còn lại là bác sĩ Seward và Morris. Thủ lĩnh đám người Digan, một thanh niên đẹp lộng lẫy cưỡi một con ngựa thuộc dòng nhân mã, lờ mắt ra hiệu cho những người bạn tôi lùi lại và tức giận ra lệnh cho đám tùy tùng tiếp tục tiến bước. Chúng chùng cương, thúc ngựa chầm về phía trước. Bốn người đàn ông lập tức đặt tay vào cò súng - một hành động mà không ai có thể hiểu

khác ý định của họ - ra lệnh cho đám người Digan dừng lại. Cùng lúc đó, tôi và Van Helsing bước ra từ sau mỏm đá, tay lăm lăm vũ khí.

Thấy mình bị bao vây, toán người Digan lại ghì cương bắt ngựa dừng lại. Tay thủ lĩnh nói một câu gì đó tôi không hiểu, chỉ biết rằng đám người tùy tùng cùng lúc cầm lấy vũ khí, chỉ toàn là dao và súng lục, để chuẩn bị giao chiến. Có vẻ như kết cục sẽ chỉ diễn ra trong vòng vài phút.

Tay thủ lĩnh giật dây cương thúc ngựa tách ra khỏi nhóm và tiến lên đầu chỉ tay về phía mặt trời đang xuống rất gần các đỉnh núi và tòa lâu đài, rồi nói một câu gì đó. Đáp lại, từng người trong nhóm bốn đồng minh của chúng tôi lập tức nhảy xuống ngựa và lao về phía chiếc xe. Lẽ ra, nhìn thấy Jonathan lao vào vòng nguy hiểm, người tôi phải sợ run lên bần bật, nhưng cái gay cấn của một cuộc chiến đã làm cho tôi và các bạn tôi quên đi tất cả. Tôi không hề tỏ ra sợ hãi, mà chỉ có một mong muốn man dại, ấy là được chiến đấu. Trước hành động bất ngờ của chúng tôi, tay thủ lĩnh lại quát lên ra lệnh một lần nữa. Đám người Bohemia lập tức hòa nhau bao vây quanh chiếc xe thành một vòng tròn hỗn độn.

Trong cái cảnh lộn xộn đó, tôi thấy Jonathan một bên, Quincey Morris ở bên kia, cùng lao thực mạng mở một đường vào chiếc xe. Họ cần phải tiếp cận bằng được chiếc xe để kết thúc nhiệm vụ của mình trước khi mặt trời lặn. Dường như chẳng có gì có thể ngăn cản được hai người trong lúc này. Tiếng gươm đao khua chát chúa với những ánh chớp loang loáng, rồi tiếng tru hú man rợ của bầy sói đang đến gần dường như chẳng làm họ quan tâm. Sự dũng mãnh và quyết tâm không gì đảo ngược được của Jonathan rõ ràng đã làm nhụt chí những kẻ đang đứng chặn đầu anh, chúng bắt đầu giạt sang hai bên bỏ ngỏ một lối vào cho anh. Chỉ cần một tích tắc thôi cũng đủ để anh nhảy lên chiếc xe và quăng chiếc hòm đất xuống đất bằng tất cả sức mạnh và sự điên cuồng. Cùng lúc đó, Morris cũng dũng cảm mở lối đi cho mình. Trong hơi thở thốn thốc gián đoạn, tôi đưa mắt dõi theo Jonathan, nhưng tiếng hét tuyệt vọng của Morris đã làm tôi giật mình thảng thốt: những lưỡi dao sáng loáng của đám người Digan liên tục vung

lên như một màn lưới thép biết bay nhảy xung quanh anh và thanh đoản kiếm của anh. Lúc đầu tôi cứ nghĩ sẽ chẳng có vấn đề gì, nhưng khi anh lao về phía Jonathan - người vừa nhảy từ trên xe xuống - tôi mới chợt nhận ra bàn tay trái anh đang ôm chặt vào mạng sườn để vô ích che đi một dòng máu đang rỉ ra các kẽ ngón tay. Mặc dù vậy, với một sức mạnh của một kẻ đang rơi vào tuyệt vọng, anh vẫn quên mình lao vào dùng dao cạy một bên nắp hòm gỗ cùng lúc với Jonathan ở phía bên kia. Nỗ lực của hai người đàn ông đã buộc chiếc nắp hòm phải dần dần chịu nhượng bộ, những chiếc đinh bị nhổ bật kêu ken két và cuối cùng, chiếc nắp gỗ bị quãng mạnh xuống đất.

Nhìn những họng súng đang lăm lăm chĩa về phía mình, phó mặc tính mạng cho huân tước Godalming và bác sĩ Seward, đám người Bohemia đầu khựng cả lại, không tên nào dám động thủ chống cự. Mặt trời bắt đầu khuất núi nhường chỗ cho bóng tối bao trùm dần lên thế gian phủ đầy tuyết trắng. Tôi được tận mắt chứng kiến lão bá tước đang nằm dài trên lớp đất bẩn thỉu trong chiếc hòm gỗ định mệnh, dưới những hạt mùn gỗ bị tróc lở từ lúc chiếc hòm bị quãng từ trên xe xuống đất. Trông lão xanh nhợt như một tàu lá, đúng hơn là một xác người bằng sáp. Hai mắt lão mở trợn ngược hẳn rõ một sự thù hận đáng sợ.

Lúc tôi nhìn thấy lão cũng là lúc hai mắt lão ánh lên vẻ đắc thắng khi thoáng nhận ra ánh hoàng hôn muộn màng. Nhưng cũng chính khoảnh khắc đó, lưới dao của Jonathan đã kịp vung lên như một tia chớp loang loáng. Tôi thảng thốt kêu lên một tiếng khi nhận ra nhát dao ấy vừa chặt đứt cái cổ dài ngoẵng của lão. Cũng lúc ấy, mũi đoản kiếm của Quincey Morris cũng kịp đâm một nhát vào giữa tim lão già khốn kiếp.

Như một cảnh tượng kỳ diệu, vâng, ngay trước mắt chúng tôi, khi mọi người chỉ vừa kịp trút một tiếng thở phào, toàn thân lão bá tước bỗng biến thành những lớp bụi mờ và tiêu tán rất nhanh. Trong tôi bắt đầu trào dâng một niềm vui khôn tả vào cái khoảnh khắc kỳ diệu ấy, đúng hơn là một

cảm giác thanh bình, êm ái chưa từng có lan tỏa dần dần trên khắp gương mặt tôi.

Lúc này, lâu đài Dracula sừng sững đứng giữa một nền đỏ thẫm của chân trời hoàng hôn.

Được tận mắt chứng kiến chúng tôi là nguyên nhân dẫn đến một kết cục kỳ lạ của kẻ nằm trong hòm, đám người Bohemia lập tức giật cương thúc ngựa quay ngược trở lại, chẳng tên nào nói với tên nào nửa lời, cứ như thể cả cuộc đời của chúng chỉ phụ thuộc vào cái thầy ma đó vậy. Những tên không kịp nhảy ngựa vội vàng nhảy lên chiếc xe và gọi với theo những tên phi trước đừng bỏ rơi mình. Bầy sói cũng lặng lẽ rút lui theo con đường cũ, để lại chúng tôi một mình giữa một thế giới tĩnh mịch đến lạ thường.

Quincey Morris ngã khuỵu xuống, khuỵu tay chống đất, bàn tay vẫn ôm chặt vết thương còn rỉ máu. Tôi bàng hoàng chạy tới, bởi lúc này *Vòng tròn thiêng* đã không còn giữ được tôi nữa. Hai bác sĩ cũng vội vàng lao tới bên anh.

Jonathan quỳ xuống đỡ vội người bạn. Chàng trai quờ nắm lấy bàn tay tôi trong hơi thở yếu ớt. Nét mặt tôi hẳn phải lộ rõ sự lo âu tột độ vì tôi thấy anh mỉm cười và nói với mình:

— Tôi cảm thấy rất vinh hạnh vì đã làm được một điều gì đó. Ôi! Chúa ơi, - Anh thốt lên và chợt dựng người dậy chỉ vào tôi - cho dù tôi có phải chết cũng không có gì phải hối tiếc! Xem kìa, mọi người nhìn xem kìa?

Ánh hoàng hôn hắt những những sáng cuối cùng khiến gương mặt ánh lên như một chùm hào quang. Tất cả những người bạn của tôi cùng sụp xuống và thốt lên "Amen" khi nhìn theo ngón tay anh chỉ. Anh thề thốt:

— Chúa đã ban phước lành cho chúng ta: vậy là tất cả đã không vô ích! Mọi người cứ nhìn mà xem, đến những bông tuyết cũng chẳng thể tinh khiết hơn vầng trán của cô ấy. Vậy là lời nguyện đã được xóa bỏ rồi.

Anh ra đi trong niềm thương yêu và đau đớn mê mẩn của chúng tôi: trên môi anh, một chàng trai hào hoa, còn in mãi một nụ cười lặng lẽ.

PHẦN KẾT

Ghi chép của Jonathan Hacker

Vậy là đã bảy năm trôi qua kể từ ngày chúng tôi thoát khỏi những cơn ác mộng ấy. Chúng tôi là những người được hưởng hạnh phúc bằng cái giá của những đau đớn trong chính cuộc đời mình. Việc con trai chúng tôi được sinh ra đúng vào ngày giỗ của Quincey Morris càng mang lại niềm vui cho Mina và tôi.

Tôi biết, cô đã giữ trong lòng trọn một niềm tin thần kín mà một nét nào đó về người bạn anh hùng của đã được thổi vào đứa con của chúng tôi. Cậu bé được chúng tôi đặt cho những cái tên của tất cả các thành viên trong nhóm bạn mình, nhưng Quincey vẫn là cái tên được chúng tôi gọi nhiều nhất.

Mùa hè năm ngoái, trên đường trở lại thăm Transylvanie, chúng tôi đã trở lại vùng đất mang đầy những kỷ niệm khủng khiếp không thể nào phai trong ký ức mỗi người. Chúng tôi không thể tin những đi đâu mất thấy tai nghe một thời vẫn còn sống động đến thế, dù mọi dấu vết đều đã bị xóa sạch. Tất cả chỉ còn lại tòa lâu đài đứng uy nghi, trầm mặc, lẻ loi một mình trên một đỉnh đồi gió hú.

Chúng tôi nhắc lại chuyện xưa mà lòng không khỏi bồi ngùi xúc động, vì huân tước Godalming và bác sĩ Seward đều đã lấy vợ và có một cuộc sống thật hạnh phúc. Tôi mở lại sổ giấy tờ cất trong hòm sắt sau lần trở về đầu tiên, từ lâu lắm rồi. Có điều lạ là trong sổ toàn bộ giấy má làm nên hồ sơ câu chuyện này, sẽ rất khó nếu phải tìm ra một phần xác thực: tất cả chỉ còn những bản đánh máy, trừ những trang nhật ký cuối cùng của tôi, Mina, Seward và mấy dòng ghi chép của giáo sư Van Helsing. Nói vậy thôi, chứ làm sao chúng tôi có thể bắt người khác phải thừa nhận sổ tờ giấy này như một bằng chứng về một câu chuyện bi thương và huyền ảo bây giờ? Có

một lần Van Helsing ôm con trai chúng tôi vào lòng và nói mấy câu thật ngắn gọn:

— Bằng chứng? Chúng ta chẳng cần ai phải tin mình. Điều quan trọng là sẽ có ngày cậu nhóc này hiểu mẹ nó là một phụ nữ dũng cảm như thế nào. Bây giờ nó đã biết cô ấy là một người mẹ dịu hiền và giàu tình thương yêu. Rồi sau này nó cũng sẽ biết rằng đã có những người đàn ông thực sự thương yêu nó, và đã dám làm tất cả cho ngày chào đời của nó.

~oOo~

HẾT

• Chú thích •

[1] Dạ, thưa ngài

[2] Những đêm Walpurgis

[3] Để nhanh chóng đi đến cái chết.

[4] Một loại rượu trong vùng.